PGS.TS. LÊ VĂN YÊN

CÁC TỔNG BÍ THƯ THẾ HỆ TIỀN BỐI CỦA ĐẢNG TA (1930 - 1990)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

PGS.TS. LÊ VĂN YÊN

CÁC TỔNG BÍ THƯ THẾ HỆ TIỀN BỐI CỦA ĐẢNG TA (1930 - 1990)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

HỒ CHÍ MINH
Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta

LỜI NÓI ĐẦU

Các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh là các Tổng Bí thư thuộc lớp chiến sĩ cách mạng tiền bối của Đảng ta. Các đồng chí đều là những nhà lãnh đạo xuất sắc của cách mạng Việt Nam, đã có nhiều cống hiến to lớn đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xứng đáng là những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Cuộc đời và sự nghiệp của các đồng chí là những tấm gương sáng về đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, về ý chí kiên cường, dũng cảm, nêu cao khí phách của những người cộng sản kiên trung cho thế hệ những người Việt Nam hôm nay và mãi mãi về sau học tập và noi theo. Đánh giá cao những đóng góp của lớp các chiến sĩ cộng sản đầu tiên của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Các đồng chí ta như đồng chí Trần Phú, đồng chí Ngô Gia Tự, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Hoàng Văn Thụ, và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thảy, hy sinh cả tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay".

Sự nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, có vai trò đặc biệt quan trọng, là một trong những phương thức lãnh đạo cơ bản của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời cũng là một

phẩm chất quan trọng của người cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều chủ trương quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng, Ban Bí thư đã ban hành Quy định số 101-QĐ/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng Đảng và tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 55-QĐ/TW về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên. Ngày 25-10-2018, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Quy định số 08-QĐ/TW về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương ban hành một quy định, trong đó đề cập cụ thể trách nhiệm nêu gương của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng, cho thấy tính công khai, minh bạch, dân chủ trong Đảng ngày càng được phát huy.

Trong giai đoạn hiện nay, để quán triệt, triển khai và tiếp tục đẩy mạnh việc đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, chúng tôi biên soạn cuốn sách **Các Tổng Bí thư thế hệ tiền bối của Đảng ta (1930 - 1990)**. Biên soạn cuốn sách, chúng tôi căn cứ vào Quyết định đợt đầu tiên của Bộ Chính trị số 50-QĐ/TW ngày 04/9/2002 về *Chương trình viết tiểu sử và hồi ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta* gồm mười đồng chí, trong đó có bảy đồng chí Tổng Bí thư của Đảng là các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, ngoài ra còn có ba đồng chí là Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng và Phạm Hùng. Ở đây, chúng tôi tập trung nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp và tấm gương của bảy đồng chí Tổng Bí thư từ

năm 1930 đến năm 1990. Còn các Tổng Bí thư từ năm 1991 đến nay chúng tôi đang sưu tầm tài liệu để bổ sung cho lần xuất bản sau. Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã có sự kế thừa tham khảo các công trình viết về các đồng chí Tổng Bí thư của các tác giả khác.

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của các Tổng Bí thư rất phong phú và vẻ vang, chúng tôi không có tham vọng nêu toàn bộ sự nghiệp và những cống hiến to lớn của các đồng chí, mà chỉ trên cơ sở những tài liệu đã công bố cũng như các tài liệu khai thác, sưu tầm được, cố gắng tái hiện những nét chính trong cuộc đời, sự nghiệp cách mạng và những đóng góp chính của các đồng chí đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và cách mạng Việt Nam. Qua đó, giúp độc giả có cái nhìn toàn diện và khách quan về tấm gương sáng của các Tổng Bí thư - những chiến sĩ cộng sản kiên trung, trọn đời cống hiến, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho độc lập, tự do của Tổ quốc, cho hạnh phúc của nhân dân. Đồng thời, hy vọng cuốn sách góp phần vào công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và truyền thống đối với những người Việt Nam, nhất là đối với thế hệ trẻ hiện nay.

Tuy đã rất cố gắng, nhưng là cuốn sách xuất bản lần đầu nên khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 8 năm 2020

Tác giả

Đồng chí Trần Phú
Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng

TRẦN PHÚ - TỔNG BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vẻ vang của đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, đã góp phần rất quan trọng trong việc xây dựng nền tảng chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng ta. Đặc biệt, bản *Luận cương chính trị* do đồng chí soạn thảo và việc chỉ đạo xây dựng tổ chức Đảng và Mặt trận Dân tộc thống nhất, đã vạch ra đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn cho cách mạng Việt Nam ngay từ khi Đảng ta vừa mới ra đời. Lời căn dặn cuối cùng *Hãy giữ vững chí khí chiến đấu* của Tổng Bí thư Trần Phú trước lúc đi xa là lời nhắn nhủ, cổ vũ các thế hệ người Việt Nam chúng ta luôn đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết.

1. Chiến sĩ cộng sản kiên cường, một tấm gương bất diệt

Đồng chí Trần Phú sinh ngày 01-5-1904[1], tại thôn An Thổ, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, nguyên quán là xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, vùng đất địa linh nhân kiệt. Sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, khi đất nước còn chìm đắm trong vòng nô lệ. Mồ côi cả cha lẫn mẹ khi mới 5, 6 tuổi, lại chứng kiến ách áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, cảnh sống cơ cực của nhân dân ta, nên Trần Phú sớm có tinh thần tự lập, vượt khó để vươn lên trong học tập và đến với các tổ chức yêu nước, đến với cách mạng. Trong bản *Lý lịch tự thuật*, Trần Phú có viết: "Khi cha mẹ mất, gia đình có 6 anh em (4 trai, 2 gái)[2]. Khi đó không có tài sản gì, không có sự giúp đỡ nào của người khác. Các anh trai, chị gái tôi đi kiếm ăn, sinh sống ở mọi nơi. Vì còn nhỏ không có khả năng tự

---

[1] Theo bản *Lý lịch tự thuật* và *Bản khai của sinh viên Trường Đại học Phương Đông*, Trần Phú sinh năm 1903. Theo *Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Lễ truy điệu và di dời hài cốt của đồng chí Trần Phú* thì ghi ngày 01-5-1904. Chúng tôi lấy ngày sinh theo tư liệu này.

[2] Trần Phú còn có người anh trai và chị gái mất từ khi còn nhỏ.

kiếm sống, nên tôi và em trai tôi được chị gái là một nữ hộ sinh làm việc tại một bệnh viện ở Huế nuôi nấng. Mặc dù tiền lương của chị rất ít ỏi, thậm chí cùng cực, nhưng với sự hy sinh hết mình, chị đã lo lắng và chăm sóc, tạo điều kiện cho tôi được theo học tại trường tiểu học 4 năm"[(1)]. Trong bốn năm học đó, Trần Phú học ở Trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba (Huế). Năm 1918, Trần Phú học xong tiểu học vào học tiếp Trường Quốc học Huế.

Sớm ảnh hưởng từ truyền thống đấu tranh cách mạng của quê hương, đất nước, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, Trần Phú tích cực học tập và đã tham gia *Hội Tu tiến thanh niên* do Trần Mộng Bạch (tức Trần Đình Thanh) lập ra, để giúp đỡ bạn bè cùng chí hướng và nuôi dưỡng tinh thần yêu nước. Năm 1920, Trần Phú là lớp trưởng lớp Đệ nhị cùng các bạn trong lớp tham gia cuộc bãi khóa của Trường do hành động thô bạo của viên giáo sư người Pháp là Đuyboa, kết quả vị giáo sư này phải hứa trước học trò không có hành động thô bạo nữa. Năm 1922, sau khi đỗ đầu kỳ thi Thành chung Trường Quốc học Huế, Trần Phú về dạy học ở Trường Tiểu học Cao Xuân Dục, thành phố Vinh (Nghệ An). Là một thầy giáo mẫu mực, đồng chí đã mượn trường lớp và bài giảng để truyền bá tinh thần yêu nước, thương nòi cho học trò; đồng thời có điều kiện tiếp xúc với giai cấp cần lao nên hiểu rõ nỗi thống khổ của người dân mất nước, càng thôi thúc đồng chí tham gia các hoạt động cách mạng. Trên vùng quê Nghệ Tĩnh, đồng chí liên lạc với các chiến sĩ yêu nước và một số người cùng chí hướng như Trần Mộng Bạch, Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên, Ngô Đức Diễn, Tôn Quang Phiệt... thành lập *Hội Phục Việt*.

Tháng 9-1924, Quốc tế Cộng sản chấp nhận đề nghị của Nguyễn Ái Quốc và cử Người với tư cách là Ủy viên Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản với nhiệm vụ là chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và giúp đỡ phong trào cách mạng các nước Đông Nam Á. Ngày 11-11-

[(1)] Trần Phú: *Lý lịch tự thuật* ở Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô), Bản dịch tiếng Nga, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

1924, Nguyễn Ái Quốc với bí danh Lý Thụy tới Quảng Châu (Trung Quốc), tiến hành tổ chức, đào tạo cán bộ, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng. Trong thời gian ngắn, Người tiến hành tổ chức và thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Hoạt động và ảnh hưởng của Hội lan nhanh về nước. Khoảng tháng 9-1925, Trần Phú được Hội Phục Việt cử sang Lào vận động thành lập các chi nhánh của Hội tại mỏ Pác Hin Pun. Sau đó, đồng chí trở về nước tham gia các phong trào yêu nước như phong trào đấu tranh đòi thả tự do cho cụ Phan Bội Châu, phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh, đón nhận lý luận cách mạng qua sách báo tiến bộ và tài liệu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, của Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản được bí mật gửi về nước. Đó là những nhân tố giúp đồng chí Trần Phú sớm hình thành một nhân cách của một chiến sĩ cộng sản chân chính.

Tháng 6-1926, Trần Phú tham gia Hội nghị đặc biệt của Ban Chấp hành *Hội Hưng Nam* (tên mới của Hội Phục Việt). Hội nghị quyết định cử một đoàn đại biểu gồm Trần Phú, Tôn Quang Phiệt và Hoàng Văn Tùng sang Quảng Châu (Trung Quốc) bắt liên lạc với *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Hội cũng quyết định đổi tên *Hội Hưng Nam* thành *Việt Nam Cách mạng Đảng* (gọi tắt là *Tân Việt*). Tại Quảng Châu, Trần Phú được gặp và dự lớp huấn luyện thứ hai do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Lý Thụy) trực tiếp giảng và được Người đặt tên với bí danh Lý Quý. Trần Phú say mê học tập, nghiên cứu và tỏ rõ năng khiếu tư duy lý luận của mình, thấm thía lời dạy của V.I. Lênin qua sự truyền thụ của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc: "Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiền phong, đảng cách mệnh mới làm tròn trách nhiệm cách mệnh tiền phong"[(1)].

Qua lớp huấn luyện, những bài học lý luận và kinh nghiệm của các cuộc cách mạng nổi tiếng trên thế giới do Nguyễn Ái Quốc truyền đạt đã làm sáng tỏ nhận thức lý luận cách mạng đối với Trần Phú. Là học trò xuất sắc và tin cậy của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, kết thúc lớp huấn luyện, đồng chí được kết nạp vào *Hội Việt Nam*

[(1)] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.278.

Cách mạng Thanh niên, được chọn vào nhóm bí mật *Thanh niên Cộng sản Đoàn* và được Người lựa chọn cử đi đào tạo ở Trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva (Liên Xô). Ngày 12-2-1927, Trần Phú nhập Trường với bí danh là Likvây. Với tư chất thông minh, đã từng là thầy giáo, lại có tinh thần ham học, ham hiểu biết, nên sau khóa học Trần Phú tốt nghiệp vào loại xuất sắc, được đánh giá cao về khả năng học tập và tư duy lý luận. Trong thời gian học tập, đồng chí được giới thiệu vào Đảng Cộng sản Liên Xô và tham gia nhóm cộng sản Việt Nam học tại Trường Đại học Phương Đông. Chính những năm học tập, nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, tham gia hoạt động thực tiễn cách mạng, Trần Phú có bước trưởng thành vượt bậc, đủ sức gánh vác nhiệm vụ do Đảng phân công khi trở về nước.

Cuối tháng 10-1929, Trần Phú được cử về nước hoạt động và nhận được bản Chỉ thị công tác ở Đông Dương của Quốc tế Cộng sản. Đầu tháng 11-1929, đồng chí còn nhận được từ Quốc tế Cộng sản những chỉ dẫn chi tiết được soạn thảo dưới hình thức một cuốn sách 48 trang *Về những nhiệm vụ trước mắt của những người cộng sản Đông Dương* dùng cho những cán bộ Việt Nam về nước hoạt động. Từ Mátxcơva, Trần Phú qua Đức, Bỉ, tới Pháp, từ Pháp đi tàu biển về Sài Gòn. Ngày 08-02-1930, tàu cập bến Sài Gòn, tại đây mật thám Pháp tăng cường khám xét, bắt bớ, nên đồng chí phải đi Hồng Kông. Tại Hồng Kông, Trần Phú được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Sau khi báo cáo về kết quả học tập, công tác ở Liên Xô và những chỉ thị của Quốc tế Cộng sản trước khi về nước, Trần Phú được Người thông báo về kết quả Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và đã thông qua các văn kiện *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt* và cử Ban Chấp hành lâm thời. Đồng chí được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cử về nước hoạt động ở Bắc Kỳ, nơi Ban Chấp hành Trung ương lâm thời đóng.

Tháng 4-1930, Trần Phú về tới Hà Nội và đến tháng 7-1930 được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, được giao

trọng trách dự thảo *Luận cương chính trị* của Đảng. Để viết *Luận cương*, đồng chí dựa vào những nguyên lý phổ biến của lý luận Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc; nghiên cứu, tham khảo các văn kiện: *Đường kách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc, *Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản, Tuyên ngôn của Đông Dương Cộng sản Đảng, Thư của Quốc tế Cộng sản gửi những người cộng sản Đông Dương, Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, v.v.. Không chỉ có vậy, đồng chí còn đi khảo sát thực tế ở một số địa phương có phong trào đấu tranh sôi nổi như Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Hòn Gai, Hà Nội... Sau khi trao đổi với tập thể những cán bộ chủ chốt của Đảng, với tri thức lý luận và thực tiễn đã tích lũy được, đồng chí Trần Phú đã hoàn thành dự thảo *Luận cương chính trị* của Đảng và được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương, tháng 10-1930. Cũng tại Hội nghị này, đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng.

Bản *Luận cương chính trị* do đồng chí Trần Phú soạn gồm ba phần: Phần 1: Tình hình thế giới và cách mạng Đông Dương. Phần 2: Những đặc điểm về tình hình ở Đông Dương. Phần 3: Tính chất và nhiệm vụ cách mạng Đông Dương. Đây là văn kiện đặc biệt quan trọng của Đảng ta. Lần đầu tiên ở nước ta có một bản cương lĩnh chính trị trình bày mang tính lý luận về những vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và trong nước, đặc điểm và những mâu thuẫn kinh tế - xã hội ở Đông Dương, *Luận cương* xác định rõ *tính chất* cuộc cách mạng ở Đông Dương là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, do giai cấp công nhân lãnh đạo, rồi tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua thời kỳ phát triển tư bản chủ nghĩa. Phải nói rằng, trong hoàn cảnh nước ta lúc bấy giờ, luận điểm "bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa" là điểm mới và đóng góp lớn về mặt lý luận. Đây là luận điểm cách mạng và khoa học được trình bày sớm nhất trong các văn kiện của Đảng ta. Cách nêu

trong *Luận cương*: "Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng"[1] là phản ánh và thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cách mạng Việt Nam hơn chín thập kỷ qua tiếp tục bổ sung, phát triển và chứng minh tính đúng đắn của luận điểm này. Việc xác định đúng tính chất cách mạng ngay từ đầu có ý nghĩa rất quan trọng. Nó bảo đảm vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, cho phép giải quyết đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam đi đúng quỹ đạo của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Luận Cương chỉ rõ *nhiệm vụ cơ bản* của cách mạng Đông Dương là chống đế quốc, giành độc lập dân tộc và chống phong kiến, thực hiện người cày có ruộng, đồng thời còn phân tích rõ mối quan hệ khăng khít giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Đây là đặc điểm nổi bật, là vấn đề thuộc về chiến lược cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc mà các nhà yêu nước lớp trước không thấy hết và cũng không giải quyết được.

Về động lực chính của cách mạng. Từ sự phân tích cơ sở kinh tế, thái độ chính trị của các giai cấp ở Đông Dương, *Luận cương* chỉ rõ: "Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chánh, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được. Sự cốt yếu của tư sản dân quyền cách mạng là phải tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bổn và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập"[2]. Đối với tư sản bản xứ mang tính chất quốc gia cải lương, Đảng phải kiên quyết vạch trần tính chất nguy hiểm, lừa gạt và phá hoại phong trào cách mạng công nông của họ. Đối với các đảng

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr. 93.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập, Sđd,* t.2, tr. 94.

phái tiểu tư sản, Đảng có thể tạm thời hợp tác với điều kiện họ phải thật sự chống đế quốc.

Về phương pháp cách mạng. Trước hết, *Luận cương* khẳng định, phương pháp tiến hành cơ bản là dựa vào sức mạnh tổng hợp của quần chúng, nhưng con đường cơ bản giành thắng lợi của cách mạng là khởi nghĩa vũ trang, đồng thời đòi hỏi phải sáng tạo trong những điều kiện và tình hình cụ thể. *Luận cương* cũng phân tích rõ các yếu tố về thời cơ cách mạng. Chẳng hạn như lúc chưa có tình thế cách mạng phải đặt khẩu hiệu "phần ít" như tăng lương, giảm giờ làm, chống sưu thuế... "Đến lúc sức cách mạng lên rất mạnh, giai cấp thống trị đã rung động, các giai cấp đứng giữa đã muốn bỏ về phe cách mạng, quần chúng công nông thì sôi nổi cách mạng, quyết hy sanh phấn đấu, thì Đảng lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch nhân và giành lấy chính quyền cho công nông"(1). Đồng thời, "Đảng phải tổ chức và khuếch trương hết cả các cách tranh đấu của quần chúng như bãi công, bãi công vừa thị oai, bãi công vừa võ trang thị oai, tổng bãi công bạo động"(2), nhằm đánh đổ đế quốc, phong kiến, giành độc lập dân tộc và thực hiện người cày có ruộng. Phương pháp cách mạng nêu trong *Luận cương* thể hiện rõ ngay từ đầu Đảng ta đã thấm nhuần lý luận Mác - Lênin về khởi nghĩa giành chính quyền. Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành chính quyền trong cả nước diễn ra theo đúng quy luật đó.

Về vai trò lãnh đạo của Đảng, *Luận cương* khẳng định: "Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng và từng trải tranh đấu mà trưởng thành"(3). Đây là vấn đề cốt tử, quan trọng đầu tiên của cách mạng. Để giữ vững quyền lãnh đạo, *Luận cương* còn nêu rõ: Đảng phải đấu tranh chống chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa cơ hội. Muốn cách mạng thắng lợi, Đảng phải tổ chức ra các đoàn thể

(1),(2),(3). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.101-102,102,100.

cách mạng như Công hội, Nông hội, v.v.. Sự lãnh đạo của một đảng như vậy là nhân tố quyết định bảo đảm cho cách mạng thắng lợi.

Về mối quan hệ giữa cách mạng Đông Dương và cách mạng thế giới, *Luận cương* chủ trương, cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới, nên cần đoàn kết với tất cả các lực lượng cách mạng trên thế giới, ủng hộ các cuộc cách mạng đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. *Luận cương* chỉ rõ: "Trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, quần chúng cách mạng Đông Dương lại phải liên lạc với quần chúng cách mạng ở các thuộc địa và bán thuộc địa, nhứt là ở Tàu và Ấn Độ, v.v.. Trong công tác, Đảng phải liên lạc mật thiết với Đảng Cộng sản Pháp, Tàu và Ấn Độ"[(1)].

Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn lúc bấy giờ, trước hành động đàn áp tàn bạo của đế quốc Pháp, Tổng Bí thư Trần Phú cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương lâm thời soạn thảo được bản *Luận cương chính trị*, vạch rõ đường lối chiến lược cơ bản, đặt nền móng vững chắc, lâu dài cho đường lối cách mạng Việt Nam là một cống hiến to lớn về lý luận cách mạng. Đây là sản phẩm trí tuệ của tập thể, nhưng trước hết thuộc về đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những luận điểm đúng đắn trên đây, *Luận cương chính trị* cũng còn một số hạn chế như chưa đánh giá hết khả năng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản, chưa thấy hết khả năng phản đế của tư sản dân tộc. Nguyên nhân sâu xa là những biểu hiện "tả" khuynh trong đường lối của Quốc tế Cộng sản thời kỳ này chi phối. Cụ thể là Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản năm 1928, gây ra cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cho đến Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản năm 1935 mới nhận thức ra và mới có sự điều chỉnh. Cuộc đấu tranh đó phản ánh vào nội bộ Đảng ta, tạo ra một số điểm khác nhau giữa *Chính cương vắn tắt* và *Luận cương chính trị*, kéo dài cho đến khi Đảng ta có *Chiến sách mới* năm 1936.

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.103.

Như vậy, trên những đường hướng cơ bản, *Luận cương chính trị* do Tổng Bí thư Trần Phú khởi thảo cùng với *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo trở thành *Cương lĩnh đầu tiên* của Đảng. Chín thập kỷ qua cùng với *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*, *Luận cương chính trị* đã chỉ đạo cách mạng Việt Nam vượt qua những khó khăn, thử thách đi tới những thắng lợi vẻ vang. Đánh giá bản *Luận cương chính trị*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Trong bản Cương lĩnh cách mạng tư sản dân quyền năm 1930, Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ *chống đế quốc và chống phong kiến*, thực hiện dân tộc độc lập, người cày có ruộng. Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng ta đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường"[1]. Còn Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta khẳng định: "*Luận cương chính trị* là văn kiện quan trọng của Đảng, đã vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa và những luận điểm cơ bản trình bày trong *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng. Những văn kiện đó đã xác định rõ con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và phong kiến tay sai giành độc lập dân tộc, thực hiện người cày có ruộng và tiến lên xây dựng xã hội cộng sản"[2].

Đồng chí Trần Phú đang nhiệt tình, hăng say hoạt động cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc thì bị thực dân Pháp bắt ở Sài Gòn ngày 18-4-1931. Trong nhà tù đế quốc, đồng chí bị tra tấn và hành hạ dã man với đủ các ngón đòn mà bọn chúng thường sử dụng đối với các chiến sĩ cộng sản như: "điện nước", "điện khô",

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.407.

[2] *Điếu văn* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại Lễ truy điệu và di dời hài cốt đồng chí Trần Phú, Báo *Nhân Dân*, ngày 13-1-1999.

"quyền Anh", "máy bay", "tàu thủy", v.v.. Trước những đòn tra tấn cực kỳ độc ác, những thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc vô cùng xảo quyệt, đồng chí không hề khuất phục, không khai nửa lời, một lòng, một dạ bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng, giữ vững khí tiết của người cộng sản. Trong điều kiện hết sức hà khắc và tàn bạo của nhà tù đế quốc, đồng chí Trần Phú đã biến nhà tù thành trường học cách mạng, tổ chức những buổi huấn luyện chính trị cho anh em trong tù. Đồng chí đã cùng với các đồng chí khác tổ chức nhiều cuộc đấu tranh lên án, vạch mặt chế độ nhà tù dã man, vô nhân đạo, đồng thời động viên đồng chí, anh em luôn bình tĩnh, sáng suốt đối phó với mọi thủ đoạn của kẻ thù và tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc ta.

Nói về tấm gương sáng ngời về lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với cách mạng, về khí phách kiên cường, bất khuất trước kẻ thù của người chiến sĩ cộng sản Trần Phú, Tập san *Tuyên truyền* của Đảng năm 1950 có đoạn viết: "Anh Trần Phú, lãnh tụ Đảng Cộng sản Đông Dương, khi bị bắt, giặc rạch da, nhét bông tẩm dầu mà đốt. Tuy chúng thừa biết tên anh, nhưng tra tấn trăm lần, anh vẫn ngậm miệng, nửa lời không nói. Khi đưa anh ra tòa, thấy tên quan tòa hỏi mãi, anh chép miệng: Ông đã thiết tha muốn biết tên tôi quá như thế, thì đây: tên tôi là Trần Phú. Thế rồi im bặt. Tấm gương hy sinh của anh được đánh giá là cao cả như một vị Thánh"[(1)].

Sự đày đọa và tra tấn cực kỳ dã man của kẻ thù trong lao tù đã làm cho Tổng Bí thư Trần Phú kiệt sức và hy sinh vào ngày 6-9-1931 ở tuổi 27. Trước lúc trút hơi thở cuối cùng, đồng chí Trần Phú kịp gửi tới đồng chí, đồng bào lời nhắn nhủ bất hủ: *Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!* Tại Khám Lớn Sài Gòn, các anh em tù chính trị đều lặng lẽ mặc niệm đồng chí Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Khâm phục tấm lòng trung kiên, bất khuất, gương suốt đời vì giai cấp, vì dân tộc, các đồng chí trong chi bộ Nhà tù Khám Lớn đã sáng tác bài thơ vĩnh biệt đồng chí:

[(1)] Tập san *Tuyên truyền* của Đảng nhân kỷ niệm Đảng Cộng sản Đông Dương 20 tuổi (1930-1950).

"Trần Phú anh ơi đã thác rồi,
Thác mà như thế đẹp gương soi.
Bao phen sóng gió đâu sờn dạ,
Mấy trận đòn tra chẳng hở môi.
Giọt máu anh hùng dù tơi tả,
Trái tim vô sản vẫn không rơi.
Tuy anh đã thác gương còn sáng,
Thác được như anh sáng suốt đời"[(1)].

Đánh giá công lao của đồng chí Trần Phú, trong bài *Tưởng nhớ đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương*, đăng trên Tạp chí *Quốc tế Cộng sản* số 5-1932, trong đó có đoạn viết: "Sự nghiệp cách mạng của đồng chí, lòng trung thành và thái độ bất khuất của đồng chí trong nhà tù đế quốc sẽ mãi mãi là tấm gương cho những người cộng sản ở tất cả các nước và nhất là cho những người cộng sản Đông Dương noi theo". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá: "Đồng chí Trần Phú là một người con ưu tú của Đảng và nhân dân ta, đã oanh liệt hy sinh cho cách mạng"[(2)].

2. Xây dựng và củng cố tổ chức của Đảng

Ngay từ Hội nghị thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã phác thảo những nội dung rất cơ bản cho công tác xây dựng hệ thống tổ chức của Đảng. Tuy nhiên, do thời gian quá gấp rút và điều kiện chưa thuận lợi nên những quyết định của Hội nghị thành lập Đảng chưa triển khai thực hiện được bao nhiêu. Ở cả ba kỳ, các cơ quan xứ ủy, tỉnh ủy và các cấp ủy ở địa phương và ở cơ sở của Đảng chưa được kiện toàn. Tháng 7-1930, đồng chí Trịnh Đình Cửu, người đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương lâm thời rút khỏi Ban

(1) *Những người cộng sản trên quê hương Nghệ Tĩnh*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh xuất bản, 1978, tr.183.
(2) T.Lan: *Vừa đi đường, vừa kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr.56-57.

Chấp hành Trung ương vì lý do sức khỏe. Từ đó, phần lớn các công việc chuẩn bị nhân sự cho Ban Chấp hành Trung ương chính thức và soạn thảo các văn kiện trình Hội nghị lần thứ nhất vào tháng 10-1930 mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giao cho Ban Chấp hành Trung ương lâm thời diễn ra khẩn trương, đều do đồng chí Trần Phú đảm nhiệm. Từ tháng 3 đến tháng 7-1930, ba Ủy viên Trung ương bị địch bắt, nhiệm vụ tìm chọn đảng viên ưu tú bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời gồm bảy đồng chí và điều hành hoạt động của cơ quan này chủ yếu là thuộc trách nhiệm của đồng chí Trần Phú. Công tác chuẩn bị nhân sự và các văn kiện quan trọng hoàn tất chủ yếu trong mấy tháng giữa năm 1930, tạo điều kiện cho Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương (10-1930) thành công.

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương đã bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư của Đảng và thông qua *Luận cương chính trị* do đồng chí khởi thảo. *Luận cương* khẳng định: "Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường lối chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải đấu tranh mà trưởng thành"[(1)]. *Án Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất* chỉ ra nhiệm vụ cấp bách của Đảng là: "Phải tập trung sự tranh đấu chống khủng bố trắng, chống cách hợp lý hóa tư bổn, chống sưu, chống thuế và địa tô, chống chánh sách lừa dối "cải cách", "hội đồng hòa giải lao động - tư bổn", chủ nghĩa cải lương, đề huề, v.v., chống đế quốc chiến tranh, ủng hộ Liên bang Xô viết"[(2)]. Đồng thời, *Án Nghị quyết* còn chỉ rõ, hệ thống tổ chức phải theo Điều lệ mới của Đảng mà tổ chức ra các xứ ủy cho vững vàng để chỉ huy công việc trong một xứ; các cấp thành ủy, tỉnh ủy phải tổ chức các ban chuyên môn về các giới vận động; phái các đảng viên vào các sản nghiệp quan trọng mà tổ chức công nhân; phải nhân phong trào đấu tranh mà lập ra các chi bộ ở nông thôn; phải làm sinh hoạt chi bộ cho náo nhiệt; lấy việc hoạt động trong quần chúng làm việc chính; phải

[(1),(2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.100, 111-112.

huấn luyện chính trị phổ thông cho các đồng chí theo trình độ của họ và cương quyết bài trừ xu hướng sai lầm và những di tích biệt phái, v.v..

Những vấn đề cơ bản về công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng được phản ánh rõ trong *Điều lệ Đảng* do Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trần Phú thông qua. Điều lệ quy định rõ hệ thống tổ chức Đảng bao gồm: chi bộ, khu bộ, huyện bộ, hoặc tỉnh bộ, thành bộ, đặc biệt bộ, xứ bộ. Điều lệ xác định điều kiện và phương pháp kết nạp đảng viên: "Hễ ai thừa nhận Cương lĩnh và Điều lệ của Quốc tế Cộng sản và của Đảng và gia vào một chi bộ của Đảng mà làm việc và phục tùng hết thảy Án nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và của Đảng, và nộp đảng phí thì được vào Đảng. Khi đảng viên mới vào Đảng thì do chi bộ nhận và phải có thượng cấp kế đó chuẩn y cho"[(1)].

Điều lệ Đảng nêu, lấy nguyên tắc tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức của Đảng và quy định cụ thể cơ cấu, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp bộ đảng và mối quan hệ giữa các cấp bộ; đồng thời cũng nêu rõ về kỷ luật Đảng và sự lãnh đạo của Đảng đối với Công hội, Nông hội, Đoàn Thanh niên cộng sản và các đoàn thể khác. Điều lệ còn quy định rõ thời gian tổ chức hội nghị xứ bộ, Đại hội Đảng toàn quốc và việc tổ chức hội nghị hoặc đại hội bất thường, v.v.. Có thể nói, *Án Nghị quyết* và *Điều lệ Đảng* do Hội nghị lần thứ nhất thông qua đã cụ thể hóa những nội dung công tác cần thiết nhằm củng cố Đảng trong điều kiện Đảng vừa mới ra đời, phong trào cách mạng đang gặp nhiều khó khăn, thử thách trước sự khủng bố trắng của kẻ thù.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, tháng 10-1930, Tổng Bí thư Trần Phú và Ban Chấp hành Trung ương quyết định chuyển cơ quan Trung ương về Sài Gòn. Ban Thường vụ Trung ương đã ra *Thông cáo cho các Xứ ủy* mà công việc đầu tiên đề ra là: "Trung ương cùng với các lâm thời kỳ ủy cũ, tổ chức lại các xứ ủy. Hoàn cảnh

---

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.118.

bây giờ thì không thể thực hành được cách dân chủ tập trung cho hoàn toàn được, nhưng cũng phải theo một lối bầu cử, dù có hẹp cũng được, chớ không nên dùng cách chỉ định. Vậy nên mỗi tỉnh ủy, thành ủy phải cử một đại biểu tới khai hội nghị xứ mà cử ra xứ ủy mới (năm người), Trung ương và kỳ ủy cũ cử ra một số đồng chí để hội nghị lựa chọn và công cử"[(1)]. Điều này cho thấy Tổng Bí thư Trần Phú rất coi trọng nguyên tắc bầu cử trong Đảng.

Trước hành động khủng bố trắng dã man của đế quốc Pháp, dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trần Phú, cuối năm 1930 Trung ương đã ra *Thông báo về việc đối phó chính sách tàn sát quần chúng*, trong đó nêu rõ: "Nếu bây giờ phong trào đấu tranh giảm đi, nếu quần chúng tỏ ý non nớt, nếu các nơi khác không hưởng ứng, thì đế quốc sẽ thẳng tay trị. Cho nên việc khẩn cấp của Đảng bây giờ phải tổ chức ngay các cuộc tranh đấu khác để ngừng tay tàn ác của đế quốc"[(2)]. Ngày 03-01-1931, Thường vụ Trung ương và Tổng Bí thư Trần Phú tiếp tục ra *Thông cáo cho các xứ ủy* nhằm uốn nắn những nhận thức không đúng và hướng dẫn cách tổ chức lực lượng đấu tranh cho hợp với tình hình và cách đối phó với sự đàn áp của kẻ thù: "Chúng ta đã vào một thời buổi cách mạng vận động khác trước rồi, nghiêm trọng hơn trước rồi, tức là thời buổi làm việc trong một hoàn cảnh khủng bố càng ngày càng dữ dội, càng ngày càng khó khăn. Cho nên các đảng bộ phải chú ý đến một điều là chánh trong thời buổi bây giờ, không thể nào tránh khỏi thái độ do dự, hoảng hốt biểu lộ ra trong một vài phần đồng chí"[(3)]. Đồng thời kêu gọi: "Đảng viên phải hết sức làm việc, dầu không có kết quả tức khắc cũng không vội chán nản; *phải bền lòng, phải cương quyết mà tuyên truyền, cổ động, tổ chức và lãnh đạo tranh đấu*: vì khi nào cũng phải đinh ninh rằng cái khí giới độc nhất của mình là sự giác ngộ của quần chúng mà thôi. Phải thiệt tín nhiệm vào năng lực của Đảng và quần chúng thì công tác sẽ có kết quả tốt"[(4)].

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr 209.
[(2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.215.
[(3),(4)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.1, 6.

Theo tinh thần trên, ngay khi về đến Sài Gòn, Tổng Bí thư Trần Phú cùng Ban Thường vụ Trung ương tích cực triển khai công tác tại địa bàn Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh Nam Kỳ trên tất cả các mặt, trọng tâm là kiện toàn tổ chức các cấp bộ đảng. Khoảng đầu tháng 12-1930, theo đề nghị của đồng chí, Ban Thường vụ Trung ương đã triệu tập Hội nghị đại biểu Đảng bộ các tỉnh Nam Kỳ để bầu Xứ ủy mới, vì đồng chí Ngô Gia Tự - Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ đã bị địch bắt, các ủy viên khác đã thuyên chuyển công tác. Cuối tháng 01-1931, Tổng Bí thư Trần Phú và Thường vụ Trung ương dự Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ, kiểm tra và chỉ đạo hoạt động của Đảng bộ Nam Kỳ. Sau khi biết hoạt động của Đảng bộ Nam Kỳ không tiến triển, phong trào đấu tranh của quần chúng sa sút vì bị địch khủng bố ác liệt, Tổng Bí thư Trần Phú chỉ đạo Hội nghị quyết định đưa Xứ ủy vào kế hoạch hoạt động một cách nghiêm túc, chỉ dẫn nhiều nhiệm vụ cụ thể như: quan tâm cổ vũ, động viên xứ ủy viên tích cực công tác, tăng cường phát triển đảng viên mới, tổ chức thêm các chi bộ xí nghiệp, xây dựng Đoàn Thanh niên cộng sản, phát triển Công hội và Cứu tế đỏ, Nông hội, v.v..

Đối với Xứ ủy Bắc Kỳ, dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trần Phú, Ban Thường vụ Trung ương có thư gửi và chỉ thị rất cụ thể. Sau khi giải thích quyết định của Trung ương chuyển trụ sở từ Hải Phòng về Sài Gòn, Ban Thường vụ nhắc: "Nếu các anh muốn đưa Bắc Kỳ ra khỏi cuộc khủng hoảng hiện tại và đưa nó vào một thời kỳ hưng thịnh, các anh không nên làm việc gặp đâu hay đấy, mà phải nhằm vào những điểm yếu nhất, tức là trước hết phải tiến hành việc tổ chức lại nội bộ Đảng. Muốn vậy, các anh cần phải: Tổ chức một cách nghiêm chỉnh Xứ ủy. Trong trường hợp các anh không thể họp được hội nghị toàn thể của Xứ, thì các anh cần làm sao để Xứ ủy có thể được các tỉnh ủy và các thành ủy quan trọng nhất trong nước công nhận. Vậy các anh cần triệu tập các đại biểu của 3 hoặc 4 trung tâm như Hải Phòng, Nam Định, Phủ Lý, Hòn Gai... Việc tổ chức Xứ ủy là việc quan trọng hàng đầu cần thực hiện ngay"[(1)]. Tổng Bí thư Trần Phú còn yêu cầu các đảng bộ Bắc Kỳ cần

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.41-42.

in ngay các nghị quyết của Trung ương gửi cho các chi bộ để nghiên cứu và thực hiện; đồng thời phải chú ý củng cố các tổ chức quần chúng như Công hội, Nông hội, tổ chức đội tự vệ để bảo vệ quần chúng đấu tranh.

Đối với Xứ ủy Trung Kỳ, Tổng Bí thư Trần Phú dành sự quan tâm sâu sắc. Bởi những năm 1930-1931, cao trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Sự tan rã của chính quyền địch ở nhiều địa phương thuộc Nghệ An và Hà Tĩnh dẫn tới sự ra đời của các Xô viết. Phong trào thể hiện rõ vai trò tiền phong gương mẫu, năng lực lãnh đạo và tổ chức thực tiễn của đảng viên cộng sản. Hoảng sợ trước phong trào, thực dân Pháp khủng bố ác liệt, các đảng viên hoặc bị sát hại, hoặc bị tù đày, nhưng đều thể hiện tinh thần cách mạng, ý chí kiên cường, khí tiết người cộng sản. Ngay sau Hội nghị lần thứ nhất, Trung ương Đảng đã có nhiều thư, lời kêu gọi gửi cán bộ, đảng viên và quần chúng trong cả nước, các Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản có những biện pháp và hành động cụ thể để ủng hộ, bảo vệ Xô viết Nghệ Tĩnh và phong trào cách mạng ở Trung Kỳ. Đặc biệt là uốn nắn một sai lầm nghiêm trọng của Xứ ủy trong việc thanh trừ những đảng viên thuộc các thành phần trí, phú, địa, hào. Bản *Chỉ thị của Trung ương gửi Xứ ủy Trung Kỳ về vấn đề thanh Đảng Trung Kỳ* phản ánh quan điểm của Tổng Bí thư Trần Phú và Trung ương Đảng. Chỉ thị nghiêm khắc chỉ ra: "*Xứ ủy Trung Kỳ, nhất là đồng chí Bí thư, ra chỉ thị thanh Đảng viết rõ từng chữ: thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ*, như vậy thì gốc đâu mà đào, xem rễ đâu mà trốc, quả là một ý nghĩ mơ hồ, một chỉ thị võ đoán và là một lối hành động quàng xiên chí tướng. Vậy tiếp được chỉ thị này, Xứ ủy phải nghiêm mật khảo xét lại từng địa phương, từng bộ phận, từng cá nhân, người nào sai, bộ phận nào sai phải dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy ra tự chỉ trích bônsovích, nhận lỗi trước quần chúng, trước đảng viên thật dứt khoát rành mạch"[(1)]. Phương pháp tự phê bình và phê bình nghiêm túc để sửa chữa sai

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.157.

lầm, khuyết điểm mà bản Chỉ thị nêu ra phản ánh bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta ngay từ khi mới ra đời.

Chỉ sau Hội nghị lần thứ nhất bốn tháng, trong hoàn cảnh bị địch khủng bố dã man, Tổng Bí thư Trần Phú và Ban Chấp hành Trung ương kịp thời chuẩn bị các văn kiện cho Hội nghị Trung ương lần thứ hai vào tháng 3-1931. Trọng tâm của Hội nghị là công tác tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng. Nghị quyết Hội nghị đánh giá: "Đảng có thắng lợi khá, đã chỉ huy hết thảy sự tranh đấu của quần chúng, đã khuếch trương nền tảng tổ chức cách mạng ra và đã ảnh hưởng càng ngày càng rộng trong quần chúng công nông. Tuy nhiên những thắng lợi đó chưa được bao nhiêu là vì bị rất nhiều cản trở. Điều trở ngại rất lớn là nền tảng tư tưởng trong Đảng còn rất nhiều di tích tiểu tư sản, đầu cơ, biệt phái"[(1)].

Nghị quyết chỉ rõ hạn chế cơ bản đang tồn tại trong Đảng là chưa nhận thức rõ địa vị của giai cấp công nhân trong cách mạng và trách nhiệm của Đảng. Có nhiều đảng viên còn hiểu rằng, Đảng Cộng sản là đảng của quần chúng lao khổ mà không biết rằng Đảng Cộng sản là đảng của giai cấp công nhân, có sứ mệnh lãnh đạo cả dân tộc đi tới giải phóng. Không ít đảng bộ chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác vận động thanh niên, chưa thấy việc tổ chức ra Đoàn Thanh niên cộng sản "là vấn đề cần kíp mà Đảng phải giải quyết". Những sai lầm trong vận động quần chúng tổ chức tranh đấu chính là biểu hiện vừa hữu khuynh vừa "tả" khuynh, nếu không chấn chỉnh sẽ bị mất phương hướng trước những thủ đoạn khủng bố trắng, sự mua chuộc, lừa bịp của kẻ thù và trước những diễn biến phức tạp của tình hình.

Để khắc phục những biểu hiện yếu kém trên đây, dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trần Phú, Nghị quyết Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ cần kíp phải thực hiện. Trước hết, Nghị quyết khẳng định rõ lập trường cách mạng của Đảng: "Tuy Đảng chỉ huy cho nông dân, cho hết thảy quần chúng lao khổ làm cách mạng tư sản dân quyền nhưng Đảng vẫn là đảng của vô sản giai cấp, nghĩa là đứng

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.3, tr. 89-90.

về lợi ích cách mạng vô sản mà chỉ huy, lấy chính sách vô sản mà chỉ huy chứ không phải là vì Đảng đại biểu lợi ích cho tiểu tư sản quần chúng, đại biểu cho xu hướng tư hữu chế độ"[1]. Vì thế, tuy phải hết sức vận động nông dân, nhưng phải đặc biệt chú ý vận động công nhân, lấy đó làm cơ sở lãnh đạo phong trào cách mạng.

Về tổ chức của Đảng, Nghị quyết nhấn mạnh phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và kỷ luật của Đảng, chú trọng lãnh đạo xây dựng kiện toàn các xứ ủy và nhiệm vụ xây dựng chi bộ đảng. Về công tác lãnh đạo quần chúng, Nghị quyết chỉ ra: phải đẩy mạnh tuyên truyền vận động quần chúng; phải xác định rõ chỉ có đẩy mạnh đấu tranh mới chống được chính sách khủng bố của địch; khẩu hiệu đấu tranh cần nhằm vào các vấn đề sinh hoạt hằng ngày của công nông như chống sưu thuế, địa tô, chống bớt lương, tăng giờ làm, chống thất nghiệp, sinh hoạt đắt đỏ, chống khủng bố trắng, chống cưỡng bức đầu thú, chiêu an, cải lương, lừa bịp, chống chiến tranh đế quốc. Trong tổ chức đấu tranh, chú trọng tổ chức các đội tự vệ để bảo vệ quần chúng, đặc biệt chú trọng liên kết các cuộc đấu tranh để hạn chế sự khủng bố của kẻ thù.

Nhận rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của lý luận cách mạng đối với phong trào cách mạng, đồng chí Trần Phú đã sớm xúc tiến công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và công tác tuyên truyền của Đảng. Ngay từ cuối tháng 12-1930, tại số nhà 192, đường Mayer (nay là đường Võ Thị Sáu), Sài Gòn, Tổng Bí thư Trần Phú đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương để bàn việc xuất bản báo *Cờ vô sản*, báo *Cộng sản* và việc xuất bản báo chí của các xứ ủy. Hội nghị nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức lý luận, tinh thần giác ngộ cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng, ý nghĩa to lớn của việc vạch trần sự xuyên tạc của kẻ thù, trong đó báo chí của Đảng là một công cụ và vũ khí lợi hại. Xuất bản báo *Cờ vô sản* và báo *Cộng sản* nhằm đăng "những bài bàn luận, giải thích, các đồng chí các nơi cũng có thể

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.90.

bày tỏ ý kiến. Báo ấy sẽ là một lợi khí giúp cho các nơi thảo luận"[1]. Đồng thời với quyết định này, cơ quan ấn loát báo chí và tài liệu của Đảng được thành lập, có trụ sở ở đường Freres Louis (nay là đường Nguyễn Trãi), Sài Gòn. Một tháng sau, tháng 01-1931, báo *Cờ vô sản* phát hành số đầu tiên và ra hàng tháng, mỗi tháng 3.000 bản. Tháng 02-1931, tờ *Cộng sản* ra số đầu, ra không đều kỳ, mỗi số 2.000 bản. Đây là những tờ báo của Đảng lần đầu tiên được in và phát hành trong nước. Điều đó cho thấy đồng chí Trần Phú rất coi trọng công tác tư tưởng, lý luận, ý thức sâu sắc về vai trò của nó đối với công tác xây dựng Đảng.

Có thể nói, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Trần Phú đã có những đóng góp to lớn trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đồng chí đã tranh thủ mọi điều kiện để trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ, đảng viên, bảo đảm cho Đảng ta thật sự là đảng cách mạng chân chính, đồng thời khẳng định trên thực tế quyền và năng lực lãnh đạo của Đảng. Bên cạnh đó, đồng chí còn dành nhiều thời gian và công sức xây dựng và củng cố tổ chức, kiện toàn cơ quan lãnh đạo từ Trung ương đến các xứ ủy, tỉnh ủy, các đảng bộ và chi bộ đảng ở cơ sở, nhất là những nơi quan trọng bị địch khủng bố, đàn áp. Đồng chí còn thường xuyên chỉ thị cho các cấp ủy đảng phải xem xét tình hình thực tế của địa phương mà đề ra chủ trương, biện pháp phù hợp, kịp thời, uốn nắn những biểu hiện "tả" khuynh và hữu khuynh trong Đảng.

Qua thực tiễn lãnh đạo và tổ chức, hệ thống tổ chức của Đảng từ Ban Chấp hành Trung ương đến cấp xứ và phần lớn các tỉnh, thành cả nước đến cuối năm 1930 được thành lập. Theo số liệu thống kê bước đầu, ở Bắc Kỳ đã hình thành 17 tỉnh ủy, thành ủy và đặc khu ủy, Trung Kỳ có 9 tỉnh ủy và ở Nam Kỳ có 21 tỉnh ủy, thành ủy và liên tỉnh ủy. Tại nhiều vùng nông thôn, nhà máy, hầm mỏ, đồn điền đã có cơ sở đảng. "Số lượng đảng viên của Đảng tính từ Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng10-1930) là

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.211.

1.600; 5 tháng sau, khi diễn ra Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai, tháng 3-1931, số đảng viên tăng thêm 800, nâng tổng số đảng viên lên 2.400. Đảng cũng phát huy mạnh mẽ ảnh hưởng của mình trong sự phát triển của Công hội, Nông hội. Tính đến 01-5-1930 có tổng số 53.000 hội viên Nông hội, tháng 3-1931 lên đến 64.000 hội viên; tính đến tháng 4-1931, có khoảng 6.000 hội viên Công hội đỏ"[1]. Từ thực tiễn cao trào cách mạng 1930-1931, Quốc tế Cộng sản đánh giá cao hoạt động của Đảng ta, trong đó có phần đóng góp quan trọng của Tổng Bí thư Trần Phú. Ngày 11-4-1931, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản lần thứ 11 đã ra Quyết nghị công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là chi bộ độc lập thuộc Quốc tế Cộng sản.

Đánh giá cống hiến của đồng chí, trong bài *Tưởng nhớ đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương* đăng trang trọng trên Tạp chí *Quốc tế Cộng sản*, số 5-1932, có viết: "Trong rất nhiều bản nghị quyết án chính trị của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ nhất (tháng 10-1930) và Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ hai (tháng 3-1931), những nguyên tắc, những chiến lược và chiến thuật bônsovích được trình bày rất rõ ràng và đúng đắn; những bản nghị quyết ấy đều do chính tay đồng chí Trần Phú viết hoặc có sự cộng tác dưới sự hướng dẫn của đồng chí". Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá: "Là một người cộng sản rất thông minh, hăng hái và cần cù, đồng chí Trần Phú đã làm được nhiều việc quan trọng cho Đảng"[2].

3. Chỉ đạo xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất

Mặt trận Dân tộc thống nhất là hình thức tập hợp lực lượng đoàn kết toàn dân tộc chống kẻ thù xâm lược và xây dựng đất nước.

---

[1] *Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, một tấm gương bất diệt*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.169 và cuốn *Trần Phú - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.219.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.255.

Trong Mặt trận Dân tộc thống nhất bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, cá nhân liên hiệp với nhau trên cơ sở thực hiện mục tiêu chung và chương trình hành động đã đề ra. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, Đảng Cộng sản chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình nếu tập hợp, đoàn kết được các giai cấp, tầng lớp và các cá nhân có tinh thần yêu nước, nhiệt tình cách mạng trong Mặt trận Dân tộc thống nhất.

Chính vì thế, ngay từ Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, trong *Sách lược vắn tắt* của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã nêu những nguyên tắc về xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất với những nội dung rất cơ bản: "1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng. 2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trúc bọn địa chủ và phong kiến. 3. Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia. 4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ. 5. Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp, trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới"[(1)].

Rõ ràng, ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã chủ trương đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các tổ chức chính trị, kể cả các cá nhân yêu nước, tập hợp mọi lực lượng trong dân tộc và trên thế giới nhằm chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến, giành

[(1)] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.3.

độc lập dân tộc và thực hiện người cày có ruộng. Đây là cơ sở cho việc hình thành Mặt trận Dân tộc thống nhất ở Việt Nam. Những chủ trương trên cùng với các nghị quyết khác của Đảng đã dấy lên cao trào cách mạng sôi nổi, mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh trong những năm 1930-1931. Tuy nhiên, do thời gian quá ngắn và điều kiện chưa thuận lợi, nên những chủ trương, quyết định của Hội nghị thành lập Đảng chưa thực hiện được nhiều, trong đó có cả việc lập Mặt trận Dân tộc thống nhất. Tháng 11-1929, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông, nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Trần Phú rời Mátxcơva (Liên Xô) về nước hoạt động.

Sự nhạy bén về những quan điểm chính trị của đồng chí Trần Phú được thể hiện nổi bật từ khi về nước, được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và đặc biệt là được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930. Đồng chí thực hiện nhiệm vụ trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng ta được hơn sáu tháng thì bị địch bắt. Tuy trong thời gian ngắn ngủi ấy, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của đồng chí, nhiều vấn đề thuộc về chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam được cụ thể hóa sát hợp với tình hình trong những năm 1930-1931.

Cùng với việc chú trọng công tác xây dựng Đảng, Tổng Bí thư Trần Phú đặc biệt quan tâm tới vấn đề xây dựng *Hội Phản đế đồng minh*, một hình thức của Mặt trận Dân tộc thống nhất gồm các tổ chức cách mạng của quần chúng do Đảng lãnh đạo. Ngay từ Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương tháng 10-1930, Tổng Bí thư Trần Phú và các đại biểu tham dự Hội nghị đã xác định *vị trí, vai trò* của *Hội Phản đế đồng minh* trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, đã thống nhất nhận định: "Sau mấy cuộc kinh nghiệm đau đớn do sự cô độc mà ra, các dân tộc bị áp bức nay đã đoàn kết nhau thành một mặt trận và tổ chức ra một đoàn thể có tánh chất quốc tế tên là "Đại đồng minh phản đế quốc chủ nghĩa và

mưu dân tộc độc lập"[1]. Đồng thời chỉ rõ: "Sự bóc lột, đè nén của đế quốc Pháp càng ngày càng thêm nặng, bởi vậy cho nên quần chúng công nông, những người lao khổ và những phần tử tiểu tư sản đã nổi lên, càng ngày càng hăng hái kịch liệt chống lại với đế quốc chủ nghĩa Pháp (bãi công, biểu tình, bãi thị, bãi khóa, bạo động)... Những điều ấy tỏ ra rằng ở Đông Dương có nhiều lực lượng phản đế, mà hiện nay cần phải hiệp lại làm một phong trào cách mạng thống nhứt để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, mưu sự giải phóng cho xứ Đông Dương. Bởi vậy cho nên Đảng cần phải tổ chức ra ở Đông Dương một bộ phận của Đại đồng minh phản đế. Những điều kiện để tổ chức đã có đủ"[2].

Về tầm quan trọng của Hội Phản đế đồng minh, Tổng Bí thư Trần Phú và Hội nghị Trung ương khẳng định: "Việc tổ chức phản đế là một trách nhiệm cần kíp của Đảng, thế mà từ trước tới giờ, Đảng không có một cái kế hoạch cho xác đáng để tổ chức Hội ấy, chỉ tổ chức cá nhân mà thôi, không hề chú ý đến các đoàn thể cách mạng phản đế. Cách ấy rất sai lầm và rất nguy hiểm, vì đoàn thể phản đế như vậy là chật hẹp lắm và cũng chẳng khác gì một đảng chánh trị"[3].

Về phương thức tiến hành xây dựng Hội Phản đế đồng minh được Tổng Bí thư Trần Phú và Hội nghị Trung ương đề ra: "Cái quy tắc cốt yếu nhứt trong việc tổ chức Hội Phản đế là lấy các đoàn thể cách mạng phản đế mà tổ chức lại, chớ không phải tổ chức từng người một và phải làm cho Hội ấy có tánh chất quần chúng. Phải chiêu tập các hội công nông, học sanh, binh lính, thanh niên, phụ nữ và các đảng phái cách mạng khác (như Quốc dân Đảng, v.v.) lại mà tổ chức ra thành Hội Phản đế ở Đông Dương. Khi Hội Phản đế đã thành lập rồi thì có thể cho từng người vào, nhưng phải chú ý đừng để cho số người này thành một bộ phận trọng yếu trong Hội"[4].

Về tính chất của Hội Phản đế đồng minh, Tổng Bí thư Trần Phú và Hội nghị Trung ương cũng chỉ rõ: "Phải biết rằng: có quần chúng

---

[1],[2],[3],[4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.194,195,195,195.

công nông tức là những hạng bị áp bức nhứt trong phe bị áp bức tham gia vào ngày càng đông và vô sản giai cấp có cầm quyền chỉ đạo thì phản đế vận động mới có tánh chất triệt để cách mạng được. Vả lại có căn cứ vào việc vận động tranh đấu hằng ngày thì phản đế vận động mới có sức mạnh và mới mau phát triển. Bởi vậy cho nên phải làm cho Hội Phản đế hết sức tham gia vào các cuộc tranh đấu hằng ngày của công nông. Trong Hội Phản đế, Đảng phải tổ chức đảng đoàn cho vững"[(1)].

Về nhiệm vụ của Hội Phản đế đồng minh, Tổng Bí thư Trần Phú và Hội nghị Trung ương cũng chỉ rõ: Trong công tác hằng ngày, Hội Phản đế đồng minh ở Đông Dương phải chú ý sự hoạt động công khai trong quần chúng, về sự cổ động và tổ chức các cuộc đấu tranh: a) Chống khủng bố trắng; b) Chống đế quốc chiến tranh; c) Chống bọn đề huề với đế quốc chủ nghĩa; d) Chống hết mọi sự áp bức của đế quốc chủ nghĩa. Nhận thức rõ cách mạng ở Đông Dương gắn liền và là một bộ phận của cách mạng thế giới, Hội nghị còn nêu rõ tính chất và nhiệm vụ quốc tế của Hội Phản đế đồng minh: "Sự hành động phản đế ở Đông Dương phải có tánh chất quốc tế… Vậy Phản đế đồng minh ở Đông Dương cần phải có những cuộc vận động chống khủng bố trắng, chống đế quốc chiến tranh, binh vực Liên bang Xô viết là tổ quốc cách mạng của vô sản giai cấp và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới và binh vực phong trào cách mạng ở các thuộc địa và bán thuộc địa"[(2)].

Điều lệ Đồng minh phản đế ở Đông Dương nêu rõ mục đích, điều kiện vào Hội và cách tổ chức Hội. *Về mục đích*, Điều lệ ghi: Đồng minh Phản đế ở Đông Dương đoàn kết lực lượng cách mạng phản đế lại để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, mưu việc hoàn toàn độc lập cho xứ Đông Dương và bênh vực phong trào giải phóng ở các thuộc địa và bán thuộc địa. *Về điều kiện* vào Hội quy định: Đoàn thể nào có tính chất cách mạng phản đế, nếu thừa nhận mục đích và Điều lệ của Hội, tuân theo kế hoạch hành động của Hội thì được vào Hội.

[(1),(2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.196.

Những người không ở trong một đoàn thể nào cũng có thể vào Hội được. Điều kiện vào Hội cũng như điều kiện đối với các đoàn thể. *Về tổ chức* của Hội, Điều lệ xác định: "Đồng minh tổ chức theo lối địa phương. Những đoàn thể có chân trong một hội và trong một tỉnh, hoặc một xứ hợp lại thành làm phân hội tỉnh, hoặc phân hội xứ. Các phân hội xứ hợp lại thành Đồng minh Phản đế ở Đông Dương"[(1)]. Điều lệ còn quy định tài chính và kỷ luật của Hội. Về tài chính, do tiền quyên và tiền nguyệt phí do Ban Tổng Bí thư định. Về kỷ luật, thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, nếu làm trái với chương trình hành động của Hội sẽ bị phê bình, phê bình rồi mà không sửa chữa thì bị khai trừ khỏi Hội.

Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, ngày 18-11-1930, Ban Thường vụ Trung ương dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trần Phú đã ra *Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội Phản đế đồng minh*. Trong đó, Chỉ thị phê phán những quan điểm hẹp hòi trong công tác tổ chức các đoàn thể quần chúng, mà quan trọng hơn là thiếu những biện pháp mềm dẻo để thu hút rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp xã hội, kể cả trung, tiểu địa chủ, phú nông, quan lại nhỏ, trí thức, tư sản có tinh thần chống đế quốc vào Mặt trận đại đoàn kết dân tộc rộng rãi. Chỉ thị chỉ ra: "Đó chính là hiểu chậm chạp và chưa thật triệt để Luận cương cách mạng tư sản dân quyền. Hơn thế chúng ta cũng chưa đóng đúng vai trò lãnh đạo của đảng phái cách mạng quốc gia trong cuộc cách mạng chống đế quốc Pháp... Thường vụ Trung ương nhắc lại để các cấp đảng ủy và các đồng chí kinh nghiệm về sau này"[(2)].

Cùng với việc khẳng định vai trò nòng cốt của công nông là động lực chính của cách mạng, Chỉ thị nêu rõ: "Giai cấp vô sản lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương mà không tổ chức được toàn dân lại thành một lực lượng thật đông, thật kín thì cuộc cách mạng cũng khó thành công (rộng là toàn dân đứng

---

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.197.
[(2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.228.

trong một mặt trận chống đế quốc và tụi phong kiến làm tay sai phản động hèn hạ; kín là đặt để công nông trong bức thành dân tộc phản đế bao la). Từ trước các đồng chí chưa rõ vấn đề ấy, mà nay cũng vẫn mập mờ, nên dù tổ chức cách mạng vẫn đơn thuần công nông và là một *màu sắc* nhất định như: Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên đỏ, Sinh hội đỏ và Cứu tế đỏ; do đó thiếu mặt tổ chức thật quảng đại quần chúng, hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào lớp giữa cũng vậy, và cho tới cả những người địa chủ, có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp, mong muốn độc lập quốc gia, để đưa tất cả những tầng lớp và cá nhân đó vào trong hàng ngũ chống đế quốc Pháp, để cần kíp tổng động viên toàn dân nhất tề hành động mặt này hay mặt khác, mà chống khủng bố trắng và ủng hộ cách mạng công nông"[1].

Để *Hội Phản đế đồng minh* nhanh chóng hình thành, Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương khẳng định: "Tổ chức *Hội Phản đế đồng minh* là một công tác cần khẩn và hơi mới đối với chúng ta... Hơn nữa trong Chính cương, Sách lược đã đề ra phản đế và điền địa là song song, thì tổ chức Phản đế đồng minh là đúng và cần, nên nhắc lại để các cấp đảng ủy và các đồng chí nhận thức rõ ràng trên hai mặt lý thuyết và thực hành"[2]. Chỉ thị còn phân tích rõ: Hiện nay phong trào cách mạng đã lên cao, trong tầng lớp trên đã có sự phân hóa, các tầng lớp trí thức và một số sĩ phu, một số trung, tiểu địa chủ lại có xu hướng cách mạng rõ ràng. Qua khủng bố trắng dữ dội, họ vẫn cố gắng bám lấy cách mạng và âm thầm ủng hộ cách mạng, nhất là tiểu địa chủ và phú nông, trung nông hạng trên. Một số nhà nho cũng cảm tình với cách mạng. "Trong Nghệ Tĩnh thì địa chủ và phú nông cùng một số quan lại nhỏ, nói đúng sĩ phu nhỏ trong nông thôn đã phân hóa, và một số lớn đã nghiêng về cách mạng. Họ tỏ ra phục và trọng Đảng Cộng sản và phong trào công nông. Giai cấp tư sản nhỏ ở Nghệ Tĩnh như buôn bán làm ăn khá giả đều có ý thức xu hướng cách mạng"[3].

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr. 227-228.
[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.228.
[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.230.

Chỉ thị còn cụ thể hóa những quan điểm chỉ đạo trên bằng việc hướng dẫn cách tổ chức cho phù hợp với tình hình phong trào cách mạng và phong trào quần chúng của từng địa phương. Ở những địa phương có phong trào mạnh thì dùng lối tổ chức từ trên xuống. Tức là tỉnh đảng bộ lấy một đồng chí có thái độ chính trị đứng ra vận động một ban chấp hành của Phản đế hội từ năm đến bảy hoặc chín người, rồi cùng nhau thảo luận bản Điều lệ Hội Phản đế cho chu đáo, đặt kế hoạch tuyên truyền vận động các huyện, các xã, chỗ nào có điều kiện là thành lập, không nề xã trước huyện sau hay huyện trước, xã sau. Có thể tổ chức từ dưới lên theo kiểu bí mật và dựa vào danh từ biến tướng như phường, hội làm ăn, tương trợ, hiếu hỷ, để đặt nội quy biến tướng. Nghĩa là nơi nào có điều kiện thì tổ chức trước. Bản Chỉ thị còn xác định: "Quần chúng rất có lương tâm, rất thích cách mạng, rất ghét mật thám, tây, cẩm, v.v.. Tuy vậy, cần điều tra sự tốt xấu, thiện ác của người mới được. Cứ làm lần lần như vậy, có lực lượng khá mới tổ chức hội nghị đại biểu cao cấp"[(1)]. Với niềm tin vững chắc vào sự ra đời của Mặt trận Dân tộc thống nhất ở Việt Nam, bản Chỉ thị khẳng định: "Bản Chỉ thị này Thường vụ Trung ương đã khảo sát tình hình của các nơi gửi về và đã có những chỗ xuất phát để làm thí nghiệm rồi. Nên chỉ thị xuống để các cấp đảng bộ và các đồng chí nghiên cứu thi hành và báo cáo kịp thời về Trung ương. Thường vụ ủy tin chắc rằng: bản Chỉ thị này sẽ giúp các cấp ủy đảng và toàn thể các đồng chí chúng ta phát triển mạnh mẽ Hội Phản đế đồng minh và tin tưởng vào lực lượng quảng đại quần chúng"[(2)].

Chỉ hơn một tháng sau Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương (tháng 10-1930), bản *Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội Phản đế đồng minh* của Ban Thường vụ Trung ương (tháng 11-1930), đứng đầu là Tổng Bí thư Trần Phú đã khắc phục được một phần những thiếu sót và hạn chế trong nhận thức về lực lượng cách mạng trong *Luận cương chính trị* và *Án Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ*

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr. 232.
(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.2, tr. 232.

nhất (tháng 10-1930), đã bổ sung những nhận định và quan điểm mới về vấn đề sắp xếp lực lượng cách mạng, đồng thời đã quán triệt được và trở về tư tưởng đoàn kết toàn dân tộc trong *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắt tắt* (tháng 2-1930) mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nêu ra. Có thể nói, những quan điểm nêu trong trong *Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội Phản đế đồng minh* thể hiện tư duy chính trị sắc sảo và nhạy bén của Tổng Bí thư Trần Phú và có tác dụng rất quan trọng đối với việc xây dựng tổ chức Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi ở Việt Nam sau này.

Đánh giá cống hiến của Tổng Bí thư Trần Phú về xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất, trong bài *Tưởng nhớ đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương*, đăng trên Tạp chí *Quốc tế Cộng sản* số 5-1932, trong đó có viết: "Dưới sự lãnh đạo cương quyết của đồng chí Trần Phú, Đảng ta đã trở thành một đảng quần chúng thực sự và đã tiến hành những công việc lớn lao về tổ chức và lãnh đạo các tầng lớp quần chúng đông đảo trong cuộc đấu tranh cách mạng". Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang tiếp tục tiến hành công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, bài học vô cùng sâu sắc và quý giá về xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất cần được vận dụng và nêu cao trong sự nghiệp cách mạng của nước ta hiện nay.

Đồng chí Trần Phú là người con ưu tú của Đảng và của nhân dân ta đã hy sinh oanh liệt. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Tổng Bí thư Trần Phú đã để lại cho Đảng và nhân dân ta những di sản quý báu, những bài học có ý nghĩa sâu sắc đối với các thế hệ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ta hiện nay và mãi mãi sau này. Phẩm chất của người chiến sĩ cộng sản Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng là tấm gương bất diệt để những người cộng sản và toàn thể nhân dân Việt Nam học tập và noi theo. Trước những diễn biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình quốc tế hiện nay

có ảnh hưởng đến nước ta, nhất là từ khi chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào, các thế lực thù địch ra sức công kích chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng ta với nhiều thủ đoạn tinh vi và độc ác, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân phai nhạt lý tưởng, dao động, hoài nghi về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong bối cảnh đó, tấm gương của Tổng Bí thư Trần Phú có ý nghĩa thôi thúc, cổ vũ mọi người đoàn kết, kiên định lý tưởng, mục tiêu, con đường đã lựa chọn và phải trở thành khẩu hiệu hành động và công tác hằng ngày của cán bộ, đảng viên và mọi người Việt Nam chúng ta.

Tổng Bí thư Lê Hồng Phong

TỔNG BÍ THƯ LÊ HỒNG PHONG

Trong lịch sử cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc ta, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong thuộc lớp chiến sĩ cách mạng tiền bối, lớp đảng viên đầu tiên của Đảng ta, người cộng sản kiên cường, chiến sĩ trung kiên của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc đời, sự nghiệp cách mạng vẻ vang và oanh liệt, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nêu cao ý chí cách mạng, đạo đức trong sáng và khí phách hiên ngang trước quân thù của Tổng Bí thư Lê Hồng Phong đã, đang và mãi mãi là tấm gương ghi sâu trong tâm trí và cổ vũ các thế hệ người Việt Nam chúng ta.

1. Tham gia hoạt động cách mạng, trở thành chiến sĩ cộng sản kiên trung

Lê Hồng Phong tên khai sinh là Lê Huy Doãn, sinh năm 1902 ở làng Đông Thôn, tổng Thông Lãng, phủ Hưng Nguyên, nay là xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, trong một gia đình có truyền thống hiếu học, trên mảnh đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Thân phụ của Lê Hồng Phong là ông Lê Huy Quán, một người có học nhưng không may mắn trong đường khoa cử. Thân mẫu là bà Phạm Thị Thứ, thường gọi là Sáu, một phụ nữ hiền lành, trung hậu, đảm đang. Từ nhỏ, Lê Huy Doãn đã chứng kiến cuộc sống khổ cực, bất công của những người lao động bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột, đã hun đúc cho anh sớm có tinh thần yêu nước, thương dân và ý chí tiếp bước truyền thống của lớp cha anh tham gia vào sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc.

Thuở niên thiếu, Lê Huy Doãn học chữ Hán ở trường làng, sau chuyển sang học chữ quốc ngữ ở bậc sơ học. Vốn thông minh, chăm chỉ, Lê Huy Doãn đạt loại giỏi ở bậc sơ học. Sau khi học xong

Sơ học yếu lược, cha lại vừa qua đời, gia đình khó khăn, Lê Huy Doãn rời làng ra thành phố Vinh làm công cho hiệu buôn Thuận Ký của một Hoa kiều, ban ngày đi làm, buổi tối đến lớp học thêm tiếng Pháp. Vào năm 1923, Lê Huy Doãn kết bạn với Phạm Thành Khôi, người cùng huyện đang làm việc ở Nhà máy Diêm Bến Thuỷ và được Phạm Thành Khôi giúp chuyển sang học việc nghề thợ máy trong cùng Nhà máy Diêm. Tại đây, hai anh tuyên truyền, vận động công nhân đấu tranh chống chế độ hà khắc của giới chủ và đưa yêu sách đòi những quyền lợi tối thiểu cho đời sống của công nhân. Ngay sau đó, các anh bị đuổi việc.

Đầu những năm 20 của thế kỷ XX, tiếng vang từ những vụ ám sát cá nhân do tổ chức *Việt Nam Quang phục Hội* của Phan Bội Châu tiến hành yếu dần, nhưng tinh thần dũng cảm hy sinh của các liệt sĩ, tấm gương đấu tranh không mệt mỏi của cụ Phan và tôn chỉ của Quang phục Hội: *Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân chủ* vẫn có sức lôi cuốn thanh niên xuất dương tìm đường cứu nước. Ở Nghệ Tĩnh, ngay từ năm 1910 đã có mặt những người tin cẩn của cụ Phan Bội Châu. Đó là các ông Đặng Thúc Hứa, Hồ Vĩnh Long, Ngô Quảng và những chí sĩ tiêu biểu cho phong trào xuất dương cứu nước của xứ Nghệ. Tiếp đó, Lê Văn Phan đổi tên là Lê Hồng Sơn được lựa chọn đưa qua Thái Lan. Đầu năm 1920, Hồ Bá Cự đổi tên là Hồ Tùng Mậu và Ngô Chính Học bí mật đến Xiêm (Thái Lan). Kể từ năm 1920, Nghệ An, Hà Tĩnh có hơn 100 thanh niên bí mật xuất dương sang Trại Cày của cụ Đặng Thúc Hứa ở Thái Lan. Tinh thần ấy tiếp tục khích lệ nghĩa khí nhiều thanh niên trên con đường cứu nước.

Cuối năm 1923, ở Hưng Nguyên (Nghệ An), Lê Huy Doãn và Phạm Thành Khôi được biết có nhiều thanh niên Nghệ Tĩnh ra nước ngoài theo sự tuyển lựa của các sĩ phu yêu nước. Với mục đích sớm được tham gia hoạt động cách mạng, các anh bí mật gặp Vương Thúc Oánh, con rể cụ Phan Bội Châu, người được phái về nước tuyển chọn thanh niên xuất dương. Đầu năm 1924, Lê Huy Doãn lấy tên là Lê Hồng Phong, Phạm Thành Khôi lấy tên là Phạm

Hồng Thái cùng với Lê Như Vọng, Lưu Quốc Long, Trương Vân Lĩnh và một số thanh niên yêu nước quê Nghệ Tĩnh bí mật sang Trại Cày của cụ Đặng Thúc Hứa ở Phì Chịt (Đông Bắc Thái Lan) để chờ dịp đi Quảng Châu (Trung Quốc). Không lâu sau, các đồng chí được cụ Đặng Thúc Hứa đưa sang Quảng Châu. Quảng Châu lúc đó là trung tâm cách mạng ở phương Đông, cũng là nơi tập trung nhiều người Việt Nam yêu nước.

Tân Việt Thanh niên Đoàn còn gọi là *Tâm Tâm xã* là tổ chức được lập ra từ mùa Xuân năm 1923 trên đất Quảng Châu, sinh hoạt bí mật, chỉ kết nạp những chiến sĩ cách mạng cùng chung một bầu tâm huyết với Tổ quốc. Tuy cùng chung mục đích đánh Pháp, giành độc lập cho Tổ quốc như *Việt Nam Quang phục Hội*, nhưng *Tâm Tâm xã* hoạt động độc lập. Để liên lạc với trong nước, họ dựa vào uy tín của cụ Phan Bội Châu để đi gặp và vận động thanh niên và những người yêu nước. Về phương thức hoạt động, *Tâm Tâm xã* thoát ly với *Việt Nam Quang phục Hội.* Trụ sở đặt ở nhà Nguyễn Giảng Khanh, con nuôi cụ Nguyễn Thiện Thuật.

Khoảng tháng 4-1924, Lê Hồng Phong và Phạm Hồng Thái được Lê Hồng Sơn đón tiếp và giới thiệu về tôn chỉ, mục đích của *Tâm Tâm xã* là: "Liên hiệp những người có trí lực trong toàn dân Việt Nam, không phân biệt ranh giới, đảng phái, miễn là có quyết tâm hy sinh tất cả tư ý và quyền lợi cá nhân, đem hết sức mình tiến hành mọi việc để khôi phục quyền làm người của người Việt Nam"[(1)]. Sau đó, hai đồng chí được kết nạp vào *Tâm Tâm xã.* Được gia nhập tổ chức cách mạng ở Quảng Châu, được hội ngộ và cùng hoạt động với Lê Hồng Sơn, những chàng trai đồng hương cùng chí hướng làm cho tình bạn, tình đồng chí thêm gắn bó và sâu đậm hơn. Lê Hồng Phong nóng lòng được bước vào hoạt động thực tiễn và đã tích cực tham gia các hoạt động cách mạng. Ngày 19-6-1924, Lê Hồng Phong và Lê Hồng Sơn được tổ chức *Tâm Tâm xã* giao nhiệm vụ yểm trợ cho Phạm Hồng Thái rút lui sau khi thực hiện vụ ám sát tên toàn quyền Đông Dương là Méclanh khi y ghé lại Sa

[(1)] Trường Chinh: "Tâm Tâm xã là gì?", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 134, 1970.

Diện, Quảng Châu, nhưng việc không thành. Phạm Hồng Thái hy sinh oanh liệt, tiếng bom của Phạm Hồng Thái gây chấn động khắp cả nước ta thời bấy giờ.

Phạm Hồng Thái hy sinh, Lê Hồng Phong mất một đồng chí, một người bạn chí cốt, người đồng hương, đã đồng cam cộng khổ từ hồi còn ở trong nước. Lê Hồng Phong vô cùng thương nhớ bạn, càng quyết tâm dấn thân vào hoạt động cách mạng, thực hiện ước mơ đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Đối với Lê Hồng Phong, những hoạt động đầu tiên ấy thể hiện tinh thần yêu nước và lòng căm thù giặc của lớp thanh niên Việt Nam đương thời. Sự hy sinh anh dũng của Phạm Hồng Thái đặt ra cho *Tâm Tâm xã* nói riêng và những chiến sĩ cách mạng Việt Nam nói chung vấn đề là phải có một đường lối tổ chức, một phương pháp đấu tranh đúng đắn mới đưa được cách mạng Việt Nam đến thành công.

Sau sự kiện "tiếng bom của Phạm Hồng Thái", thực dân Pháp tăng cường các biện pháp an ninh trên toàn cõi Đông Dương và các khu tô giới Pháp ở Trung Quốc. Mật thám Pháp lùng sục khắp nơi, tìm dò tung tích những thanh niên Việt Nam thực hiện vụ mưu sát Méclanh. Chúng công khai bắt bớ những người nghi vấn, thậm chí bắt giam cả người thân của họ. Ở quê nhà, mật thám Pháp đã bắt Lê Văn Soạn là anh ruột của Lê Hồng Phong. Ở Quảng Châu, Lê Hồng Phong vừa lo cho số phận của anh trai, vừa phải tránh sự truy lùng gắt gao của mật thám Pháp. Qua đó có thể thấy, tổ chức *Tâm Tâm xã* đã bộc lộ sự thiếu hụt những yếu tố cần thiết của một tổ chức cách mạng như không có đường lối chiến lược, sách lược rõ ràng, thiếu một lý luận cách mạng tiên tiến dẫn đường.

Giữa lúc đó, Trường Quân sự Hoàng Phố của Chính phủ cách mạng Quảng Châu tổ chức chiêu sinh khóa thứ hai, thời gian khai giảng là ngày 14-8-1924. Trong quá trình thành lập và tồn tại, Trường Quân sự Hoàng Phố đã nhận được sự giúp đỡ rất lớn của Chính phủ Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ cơ sở vật chất, trang thiết bị, binh khí kỹ thuật đến tài liệu và chương trình huấn luyện đều do Chính phủ Liên Xô viện trợ. Chính phủ Liên

Xô còn cử những tướng lĩnh được tôi luyện qua chiến đấu chống nội phản và các nước đế quốc can thiệp vào nước Nga trong những năm 1918-1920 đến giảng dạy tại Trường. Được sự giúp đỡ của Phan Bội Châu và các đồng chí trong tổ chức *Việt Nam Quang phục Hội*, Lê Hồng Phong thi vào học ở Trường Quân sự Hoàng Phố, khóa học kéo dài 16 tháng. Quy định những học viên của Trường phải là đảng viên Quốc dân Đảng. Vì thế, Lê Hồng Phong và các học viên khác đã gia nhập Quốc dân Đảng để được tiếp tục học tập tại Trường.

Lúc này, Trung Quốc vẫn bị chia cắt do các thế lực quân phiệt cát cứ có sự hậu thuẫn của các nước đế quốc như Anh, Mỹ, Nhật. Tháng 5-1925, bọn quân phiệt ở Quảng Châu, Côn Minh, Quảng Tây cho quân tiến đánh nhằm lật đổ Chính phủ cách mạng Quảng Châu do Tôn Trung Sơn đứng đầu. Là học viên của Trường, Lê Hồng Phong "đã tham gia chiến đấu khoảng 5-6 tháng trong hàng ngũ quân đội Chính phủ cách mạng Quảng Châu chống thế lực quân phiệt"[(1)]. Ngoài ra, đồng chí còn tham gia nhiều cuộc mít tinh, tuần hành do Đảng Cộng sản Trung Quốc và cánh tả Quốc dân Đảng Trung Hoa tổ chức. Các cuộc mít tinh, tuần hành đã biểu thị khí thế cách mạng sục sôi của Chính phủ cách mạng Quảng Châu, đồng thời kêu gọi đoàn kết, góp phần làm thất bại âm mưu can thiệp, chống phá của thế lực quân phiệt và đế quốc.

Cuối năm 1924, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lấy bí danh là Lý Thụy từ Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc) với danh nghĩa là phiên dịch cho Đoàn Cố vấn Liên Xô do Bôrôđin đứng đầu. Nguyễn Ái Quốc quen biết nhiều đồng chí trong Đoàn Cố vấn và đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc - những giảng viên của Trường Quân sự Hoàng Phố. Thông qua đó, Người tiếp xúc với nhóm thanh niên yêu nước trong *Tâm tâm xã* và "thường xuyên liên hệ với các học viên Việt Nam ở Trường Quân sự Hoàng Phố và chỉ đạo việc giáo dục họ"[(2)]. Chính mối liên hệ này đã tạo cho Lê Hồng Phong và

[(1)] *Hồ sơ gia nhập Đảng Cộng sản toàn Nga (Bônsovích) của Lítvinốp*, năm 1930, Bản dịch từ tiếng Nga, lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

[(2)] Trêrêmacốp: *Ghi chép của một số cố vấn quân sự ở Trung Quốc*, Mát xcova, 1976, tr.123.

những thanh niên Việt Nam ở đây vừa học tập lý luận quân sự vừa tham dự các lớp huấn luyện chính trị và tham gia vào các tổ chức cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Đối với Lê Hồng Phong, những cuộc gặp gỡ, trao đổi với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã mang lại cho đồng chí niềm tin tưởng và quyết tâm lựa chọn theo con đường cách mạng của Người. Do đó, khi đang là học viên của Trường Quân sự Hoàng Phố, Lê Hồng Phong vẫn tự nguyện tham gia các tổ chức cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Cũng qua những cuộc gặp và trao đổi với Lê Hồng Phong, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cũng sớm thấy ở người thanh niên đồng hương này những phẩm chất của một chiến sĩ cách mạng ưu tú.

Tháng 02-1925 tại Quảng Châu, Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn (tên thật là Lê Văn Phan), Hồ Tùng Mậu (tên thật là Hồ Bá Cự), Lê Quảng Đạt và Lâm Đức Thụ được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc kết nạp vào nhóm *Việt Nam Thanh niên Cộng sản Đoàn* (gọi tắt là *Cộng sản Đoàn*). Đây là hạt nhân của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* sau đó. Tháng 6-1925, cũng tại Quảng Châu, dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* được thành lập, nhằm chuẩn bị nền tảng cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là tổ chức theo khuynh hướng cộng sản, *Tâm Tâm xã* trở thành Tổng bộ của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Nguyễn Ái Quốc mở các lớp huấn luyện chính trị, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng cách mạng của Người, rồi đưa về nước hoạt động, gây dựng phong trào. Lê Hồng Phong và một số thanh niên yêu nước được Nguyễn Ái Quốc lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo thành những cán bộ lãnh đạo lớp đầu tiên của cách mạng Việt Nam. Đồng chí còn được giao tham gia công tác đào tạo cán bộ của Hội. Vừa tham gia công tác của Hội, đồng chí còn gia nhập và tích cực tham gia hoạt động trong *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức* do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và trong tổ chức Cứu tế đỏ (MOPR). Đây là những năm tháng hoạt động có nhiều ý nghĩa trên con đường hình thành phẩm chất và bản lĩnh cách mạng của người chiến sĩ cộng sản Lê Hồng Phong. Những lý luận học được trong

các tổ chức cách mạng, lớp huấn luyện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức cùng với kết quả học tập ở Trường Quân sự Hoàng Phố là bước bứt phá chủ động và thành quả tổng hợp, mở cho Lê Hồng Phong hướng đi cơ bản trên con đường trau dồi lý luận cách mạng, đường lối và kỹ thuật quân sự trong những năm tiếp theo.

Cuối năm 1925, sau khi tốt nghiệp Trường Quân sự Hoàng Phố, Lê Hồng Phong quyết định thi vào Trường Không quân Quảng Châu của Chính phủ cách mạng Quảng Châu. Được sự quan tâm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, hơn nữa được trải luyện ở Trường Quân sự Hoàng Phố, Lê Hồng Phong nhanh chóng hòa nhập với môi trường mới và tiếp tục rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt. Do nỗ lực học tập, rèn luyện và những đóng góp tích cực đối với phong trào cách mạng Trung Quốc, ngày 10-02-1926, Lê Hồng Phong được kết nạp vào Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đây là sự ghi nhận xứng đáng của Đảng và nhân dân Trung Quốc đối với những nỗ lực không ngừng trong học tập và rèn luyện của Lê Hồng Phong, đồng thời cũng đánh dấu bước trưởng thành quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí.

Tháng 10-1926, sau 9 tháng học tập ở Trường Không quân với thành tích nổi bật và được sự quan tâm giới thiệu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Lê Hồng Phong được Chính phủ cách mạng Quảng Châu cử sang Liên Xô học Trường Lý luận quân sự không quân Xô viết ở Lêningrát (nay là Xanh Pêtécbua) với tên mới là Lítvinốp. Đây là bước chuyển cần thiết để Lê Hồng Phong tiếp xúc với lý luận cách mạng và lý thuyết quân sự tiên tiến, tạo tiền đề quan trọng để trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Đảng ta sau đó. Sau hơn một năm miệt mài học tập, tháng 12-1927, Lê Hồng Phong tốt nghiệp Trường Lý luận quân sự không quân và được xét chuyển vào học năm thứ hai Trường Đào tạo phi công quân sự số 2 ở thành phố Bôrítxgolépxcơ cũng ở Lêningrát. Trải qua 11 tháng hăng say luyện tập, tháng 11-1928, Lê Hồng Phong đã hoàn thành khóa học, trở thành phi công lái máy bay Abrô.

Do phong trào cách mạng Việt Nam lên cao, đòi hỏi đội ngũ cán bộ cách mạng cần được bổ sung cả về số lượng và chất lượng, nhất là những người được đào tạo cơ bản. Vì thế, tháng 12-1928, Lê Hồng Phong được chuyển đến học tại Trường Đại học Cộng sản của những người lao động phương Đông (KYTB), gọi tắt là Trường Đại học Phương Đông khóa ba năm (1928-1931) của Quốc tế Cộng sản tại Mátxcơva, khóa dành cho những cán bộ cộng sản cốt cán có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trở lên. Học ở đây, Lê Hồng Phong được trang bị những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, phương pháp tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng, nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, kinh tế chính trị, lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lý luận cơ bản về cách mạng giải phóng dân tộc… Thời gian này, ở Trường còn có một số sinh viên Việt Nam như: Trần Phú (Likvây), Hà Huy Tập (Xinhítrơkin), Nguyễn Thế Rục (Phônsơn), Bùi Lâm (Mincan), Ngô Đức Trì (Lêman), Bùi Công Trừng (Giáo), Nguyễn Văn Trân (Prigoócnưi), Trần Đình Long (Pépnherơ), tiếp đó có Nguyễn Khánh Toàn (Minin), Trần Ngọc Danh (Blôcốp), Trần Văn Giàu (Hồ Nam)…

Những sinh viên Việt Nam ở trường lập thành *Nhóm Đông Dương* với nhiều hoạt động, sinh hoạt, học tập, thảo luận, v.v.. Ví như, ngày 13-12-1929 *Nhóm Đông Dương* họp nghe báo cáo và thảo luận các vấn đề tình hình chính trị và kinh tế Đông Dương, phong trào giải phóng dân tộc, sự đàn áp của đế quốc, tình hình các đảng và một số việc nội bộ. Trong cuộc họp, Lê Hồng Phong được cử báo cáo về các vấn đề: phong trào giải phóng dân tộc, sự đàn áp của đế quốc và tình hình các đảng… Vai trò của Lê Hồng Phong trong nhóm là khá quan trọng, thường được cử là một trong những diễn thuyết viên, Ủy viên Ban biên tập báo tường và Ủy viên Ban Biên tập tài liệu dịch và là một trong những cán bộ tổ chức của nhóm tại trường. *Nhóm Đông Dương* còn dịch khá nhiều tài liệu sang tiếng Việt để phục vụ việc học tập và gửi về nước phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục. Lê Hồng Phong còn được mời tham gia một số

hoạt động của của Ban Phương Đông. Ví như, ngày 25-8-1930, đồng chí được mời tham dự cuộc họp của Ban Bí thư Phương Đông bàn nhiều nội dung quan trọng, trong đó có thảo luận về tình hình Đông Dương, Ai Cập và Trung Quốc[1], v.v.. Hoạt động tích cực của Lê Hồng Phong thể hiện phẩm chất, năng lực của một người cộng sản chân chính, được các đồng chí trong *Nhóm Đông Dươ*ng mến phục nhận xét: "Đồng chí Lítvinốp là một người cộng sản tích cực và có kỷ luật. Về thái độ chính trị, đồng chí luôn bảo vệ đường lối chung của Đảng"[2]. Do những thành tích nổi bật trong học tập và công tác, ngày 25-5-1929, Lê Hồng Phong được kết nạp vào Đảng Cộng sản Liên Xô và trở thành người lãnh đạo *Nhóm Đông Dương* và là đầu mối quan trọng giữa những người cộng sản Đông Dương với những sinh viên Trường Đại học Phương Đông.

Ở Việt Nam, từ tháng 6-1929 đến tháng 01-1930, ba tổ chức cộng sản là *Đông Dương Cộng sản Đảng*, *An Nam Cộng sản Đảng* và *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* ra đời. Yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam phải nhanh chóng thống nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất trong tình hình mới. Ngay từ cuối năm 1929, Lê Hồng Phong đã được giao nhiệm vụ quan trọng, trong *Báo cáo của Đảng Cộng sản An Nam* ghi rõ: "6) Đồng chí Phong (Lítvinốp) phải tổ chức các đồng chí cộng sản ở Nga (để chỉ những sinh viên đang học ở Liên Xô) để lập thành một chi bộ để đến năm 1930 các chi bộ có thể hợp nhất thành một Đảng Cộng sản chính thức thống nhất. 7) Đồng chí phải: a) Gửi đến đây những tài liệu tuyên truyền. b) Bắt liên lạc với Quốc tế III, Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Trung Quốc… và yêu cầu họ giới thiệu với chúng ta các đồng chí của họ"[3].

---

[1] Xem *Biên bản số 18 cuộc họp Ban Bí thư Phương Đông*, ngày 25-8-1930, Tài liệu tiếng Nga, lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

[2] *Kiến nghị của Nhóm Đông Dương*, ngày 24-11-1930, trong *Hồ sơ gia nhập Đảng Cộng sản toàn Nga (Bônsơvích) của Lítvinốp*, dịch từ tiếng Nga, lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.399.

Tại Trường Đại học Phương Đông, là cán bộ tổ chức của *Nhóm Đông Dương*, Lê Hồng Phong sớm nhận thấy và cần tranh thủ sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng Đông Dương và sự ra đời của một đảng cách mạng chân chính ở Việt Nam. Vì thế, đồng chí đã chủ động báo cáo với lãnh đạo Quốc tế Cộng sản về tình hình cách mạng Đông Dương và yêu cầu sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản để sớm thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất ở Việt Nam. Báo cáo của Lê Hồng Phong trên thực tế đã "góp thêm cơ sở để Quốc tế Cộng sản có thư kêu gọi những người cộng sản ở Việt Nam sớm hợp nhất thành Đảng Cộng sản duy nhất"[(1)]. Đây là bước khởi đầu quan trọng góp phần tạo nên bước ngoặt căn bản của cách mạng Việt Nam đầu những năm 30 của thế kỷ XX. Ngày 03-02-1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ba tổ chức cộng sản đã thống nhất, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thời gian này, Lê Hồng Phong nhận trọng trách liên lạc giữa Đảng ta với Quốc tế Cộng sản.

Trong năm 1931, tại Liên Xô, Lê Hồng Phong hoàn thành tác phẩm *Tình hình kinh tế và chính trị ở Đông Dương*. Tác phẩm là một công trình khoa học nghiên cứu và phân tích sâu sắc vị trí địa chính trị, địa kinh tế của Đông Dương; tình hình kinh tế; chính sách vơ vét và sự bóc lột tàn bạo của đế quốc Pháp; tình cảnh khốn cùng, cơ cực của nhân dân Đông Dương. Từ đó, tác phẩm chỉ ra con đường tất yếu dẫn đến sự bùng nổ các cuộc đấu tranh và phong trào cách mạng, nhất là cuộc đấu tranh do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Tác phẩm còn khẳng định, mặc dù bị khủng bố đẫm máu, nhưng phong trào cách mạng sẽ ngày càng lớn mạnh, quyết giành thắng lợi hoàn toàn dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Có thể nói, dưới sự dìu dắt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Lê Hồng Phong là chiến sĩ cách mạng được tích lũy tri thức lý luận và quân sự tương đối hoàn chỉnh nhất lúc bấy giờ và đồng chí đã vận dụng những kiến thức đó vào điều kiện Việt Nam sau khi về nước.

[(1)] Trần Văn Giàu: *Giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958, tr.447.

Sau cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh những năm 1930-1931, do sự khủng bố vô cùng dã man, tàn bạo của đế quốc Pháp, cách mạng Việt Nam gặp khó khăn, tổn thất nặng nề. Hầu hết các ủy viên trung ương, cán bộ xứ uỷ, tỉnh ủy đều bị địch bắt hoặc bị sát hại, hàng trăm cán bộ, hàng ngàn đảng viên bị quản thúc, bị tù đày. Các nhà tù Côn Đảo, Khám Lớn, Hỏa Lò, Buôn Ma Thuột, Lao Bảo, Sơn La… chật cứng các chiến sĩ cách mạng. Các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở hầu hết bị tan rã hoặc tê liệt. Các đồng chí cốt cán của Đảng từ Nguyễn Ái Quốc đến Trần Phú, Nguyễn Phong Sắc, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh,... bị bắt, bị truy nã hoặc bị kết án tử hình vắng mặt. Nhiệm vụ khôi phục Đảng, khôi phục phong trào cách mạng lúc này là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Nhiệm vụ trọng đại này được đặt lên vai người chiến sĩ cộng sản Lê Hồng Phong.

Trước tình hình trên, Quốc tế Cộng sản giao cho nhóm sinh viên Việt Nam ở Trường Đại học Phương Đông, trong đó có Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Trần Văn Giàu, Nguyễn Khánh Toàn..., khẩn trương dự thảo *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* (gọi tắt là *Chương trình hành động*)[1] dưới danh nghĩa Ban Chấp ủy lâm thời của Đảng ta để chỉ đạo kịp thời hoạt động của Đảng và phong trào cách mạng trong thời kỳ bị đế quốc Pháp khủng bố trắng. Với sự tham gia tích cực của các đồng chí nói trên và các đồng chí trong Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, bản *Chương trình hành động* đã được Quốc tế Cộng sản thông qua. Lê Hồng Phong là người trực tiếp truyền bá nội dung *Chương trình hành động* về nước.

Chương trình hành động phân tích kỹ tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở Đông Dương; chỉ rõ đường lối cách mạng được Đảng ta vạch ra từ năm 1930 là đúng đắn; những tổn thất, khó khăn mà Đảng gặp phải chỉ là tạm thời; đánh giá cao tinh thần cách mạng của quần chúng trong cao trào 1930-1931; nghiêm khắc chỉ ra những sai lầm trong Đảng và đề ra yêu cầu kiên quyết khắc phục để đưa phong

[1] GS. Trần Văn Giàu, người cùng trong *Nhóm Đông Dương* với Lê Hồng Phong học ở Trường Đại học Phương Đông khẳng định, Lê Hồng Phong tham gia từ đầu chí cuối bản *Chương trình hành động*.

trào cách mạng tiến lên. *Chương trình hành động* là văn kiện chính trị quan trọng, có tác dụng củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, góp phần khôi phục phong trào cách mạng trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, đưa cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới, trong đó có đóng góp quan trọng của Lê Hồng Phong.

Quốc tế Cộng sản rất quan tâm đến tình hình khó khăn của cách mạng Đông Dương và đặt nhiều hy vọng vào vai trò, năng lực của những thanh niên được đào tạo tại Trường Đại học Phương Đông. Trong đó, người được Quốc tế Cộng sản chọn giao nhiệm vụ về Đông Dương khôi phục phong trào cách mạng chính là Lê Hồng Phong - người đã học tập và rèn luyện, trưởng thành qua nhiều trường lớp cách mạng, vừa tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông giữa năm 1931. Cuối năm 1931, Lê Hồng Phong được cử về nước với cương vị là cán bộ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí được giao trọng trách chủ trì công việc khôi phục lại hệ thống tổ chức và xây dựng đường lối mới của Đảng, đưa phong trào cách mạng Đông Dương vượt qua giai đoạn hiểm nghèo. Đây là nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà Quốc tế Cộng sản giao cho Lê Hồng Phong, thành bại của nhiệm vụ này liên quan đến sự khôi phục phong trào cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Cuối năm 1931, cùng với những chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong với tấm hộ chiếu mang tên Vương Dật Dân từ Mátxcơva qua Pháp, Inđônêxia, Singapo rồi đến Trung Quốc để cùng các đồng chí Việt Nam được đào tạo từ cái nôi Quốc tế Cộng sản như Trần Văn Giàu (Hồ Nam), Hà Huy Tập (Xinhítrơkin), Dương Bạch Mai (Bourốp)... tái lập tổ chức, xây dựng cơ sở và đường lối mới của Đảng. Một trong những tài liệu quan trọng mà đồng chí dựa vào là *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* được Quốc tế Cộng sản thông qua. Trong *Thư gửi Lê Hồng Phong* của Valêxiêva - Trưởng phòng Đông Dương của Quốc tế Cộng sản, ngày 07-02-1932 đã chỉ rõ vai trò cá nhân của Lê Hồng Phong đối

với phong trào cách mạng Đông Dương: "Đồng chí là người chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác của các đồng chí (tức Đảng Cộng sản Đông Dương). Đồng chí phải về nước sau khi đã tổ chức xong các chuyến về nước của các đồng chí còn lại...; đồng chí quyết định ai về thành phố nào, ở đâu và trực tiếp chỉ đạo công tác. Nếu một ai đó tìm thấy cơ sở của tổ chức đảng thì họ phải thông báo với đồng chí và chỉ sau khi đồng chí đã kiểm tra mới có thể bắt liên lạc. Bản thân đồng chí phải ở chỗ an toàn nhất tránh mọi sự theo dõi của cảnh sát... Hãy nhớ rằng chúng tôi đặt nhiều hy vọng vào các đồng chí và sẵn sàng ủng hộ các đồng chí mọi điều có thể được"[(1)]. Đó là sự khẳng định, là niềm tin của Quốc tế Cộng sản đối với Lê Hồng Phong về khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng, khôi phục Đảng Cộng sản Đông Dương trong thời điểm khó khăn của cách mạng Việt Nam, một thời kỳ hoạt động cách mạng đầy khó khăn, nhưng hết sức vinh quang của người cộng sản Lê Hồng Phong.

Đầu năm 1932, Lê Hồng Phong chắp nối liên lạc được với các đồng chí trung kiên của Đảng đang hoạt động ở Nam Ninh (Trung Quốc), và từ nhóm này đồng chí bắt liên lạc với chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương hoạt động ở biên giới Việt - Trung do Hoàng Đình Giong làm Bí thư. Đồng thời, tranh thủ tổ chức huấn luyện cho một số thanh niên, công nhân, học sinh đang làm việc và học tập ở Trường Quân sự Nam Ninh. Từ Nam Ninh, Lê Hồng Phong về qua Cao Bằng nắm tình hình và bắt liên lạc với cơ sở cách mạng trong nước, đồng thời còn gửi thư liên hệ với cơ sở cách mạng ở Xiêm (Thái Lan) và triệu tập một số đồng chí ở Long Châu đến Nam Ninh (Trung Quốc) họp bàn về tình hình cách mạng trong nước.

Trong năm 1932, Lê Hồng Phong còn viết bài *Tình hình và nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Đông Dương*, trong đó phân tích tình cảnh cơ cực của nhân dân Đông Dương dưới ách áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến và tư bản, chỉ ra vai trò và nhiệm vụ quan trọng của Đảng là đưa quần chúng thoát khỏi tình trạng này. Bài

---

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.247-248.

viết khẳng định: "Cái nhiệm vụ lịch sử này thành tựu được chỉ nhờ có một điều kiện là tất cả các giai cấp bị bóc lột ở Đông Dương phải đi dưới bóng cờ mácxít - lêninnít, dưới cờ Đảng Cộng sản Đông Dương, dưới quyền lãnh đạo của vô sản"(1). Đồng thời, còn nêu rõ: "Cái nhiệm vụ cần nhất ấy của Đảng Cộng sản là lúc nào cũng đứng đầu quần chúng vận động, phải biết học hỏi và phân tích mỗi thời kỳ tranh đấu phát triển bênh vực hết sức quyền lợi của giai cấp thợ thuyền và dân cày bởi những sự kêu nài từng phần và căn bản, ra những khẩu hiệu đúng và hiện thực, hợp với ý muốn của quần chúng"(2). Bài viết còn chỉ rõ, Đảng phải tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong quần chúng những nội dung cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền do Đảng lãnh đạo; xác định những yêu cầu, nguyện vọng của nông dân và binh lính, hai lực lượng mà giai cấp công nhân cần liên minh…

Khoảng từ tháng 10-1932 đến tháng 3-1933, Lê Hồng Phong mở lớp bồi dưỡng cho hơn 20 người từ trong nước sang, cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về tình hình thế giới, tình hình Đông Dương, đường lối chung của Đảng, nguyên tắc tổ chức Đảng, cách thức tiến hành công tác vận động, tổ chức quần chúng. Trong đó, có một số đồng chí sau này trở thành những người lãnh đạo nòng cốt của Xứ ủy Bắc Kỳ như Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Thụ, Lương Văn Chi, v.v.. Trong thời gian này, Lê Hồng Phong cũng đã dịch một số sách về cách mạng Trung Quốc, Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và cử người về xây dựng, phát triển cơ sở đảng ở Lạng Sơn, Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai...

Giữa năm 1933, Lê Hồng Phong nhận được chỉ thị của Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản về việc thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương và nhận được tin Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Dựt đã được Quốc tế Cộng sản cử về nước, hiện đã tới Quảng Châu, đồng chí lập tức đến Quảng Châu để tìm gặp và họp bàn. Tại cuộc họp, Lê Hồng Phong thông báo về tình hình

(1),(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.4, tr. 316,318.

Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Lào và Xiêm (Thái Lan). Các đồng chí đã quyết định một số việc quan trọng như: thực hiện Nghị quyết của Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản về thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương trong thời gian sớm nhất, dự kiến triệu tập Hội nghị Đảng vào tháng 3-1934. Cũng trong thời gian này, Lê Hồng Phong viết tập bút ký *Nhận xét của Hải An* (bút danh của Lê Hồng Phong), trong đó, nhận xét và chỉ ra những sai sót trong cách thể hiện nội dung của một số đồng chí trong các bài viết đăng trên báo *Cờ đỏ*, Tạp chí *Người Cộng sản* số 1, 3 và 4, v.v. để rút kinh nghiệm.

Có thể nói, một trong những đóng góp quan trọng trong thời kỳ đầu hoạt động ở Trung Quốc của Lê Hồng Phong là sớm đánh giá đúng thực tế tình hình tổ chức đảng ở trong nước. Điều này thể hiện trong các báo cáo của Lê Hồng Phong gửi Quốc tế Cộng sản. Từ những đánh giá đúng đắn, sát hợp tình hình, đồng chí đã có những quyết định đúng đắn về cơ cấu, tổ chức, bộ máy và đường lối chiến lược của Đảng. Đã xa đất nước gần 10 năm, phải có cách nhìn rất sâu sắc, biện chứng mới không bị ảnh hưởng bởi những quan điểm đánh giá phiến diện liên quan đến cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng như vấn đề: Có hay không Ban Chấp ủy Trung ương lâm thời trong nước từ tháng 4-1931? Có hay không Ban Chấp ủy Trung ương lâm thời được thành lập ở Xiêm vào tháng 2-1932? v.v.. Từ sau khi Tổng Bí thư Trần Phú bị bắt (tháng 4-1931) cho đến trước Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương (1935), Đảng ta khuyết Tổng Bí thư, từ tổ chức cơ sở đảng, các xứ ủy đến Ban lãnh đạo Trung ương đều bị địch khủng bố ác liệt. Trên thực tế, Ban Chấp hành Trung ương của Đảng không còn tồn tại về mặt tổ chức. Điều này được thể hiện trong Báo cáo của Ban Chỉ huy ở ngoài gửi Quốc tế Cộng sản trước Đại hội Đảng: "Hiện thời không có Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chỉ huy ở ngoài của chúng tôi thực hiện chức năng của Ban Trung ương và lãnh đạo toàn Đảng"[(1)].

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.364.

Hơn lúc nào hết, với vai trò người chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác của Đảng Cộng sản Đông Dương, Lê Hồng Phong sớm có cách tiếp cận khoa học để nắm bắt tình hình cách mạng Đông Dương. Cùng với sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản về việc thành lập cơ quan đại diện của những người cộng sản Đông Dương, cộng với sự nỗ lực của đồng chí, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng đã được thành lập vào tháng 3-1934, đã khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo tối cao của Ban Chỉ huy ở ngoài đối với các tổ chức của Đảng, đồng thời cũng ghi nhận vai trò chỉ đạo cao nhất của Lê Hồng Phong đối với vấn đề về đường lối, tổ chức của Đảng. Đóng góp to lớn của Lê Hồng Phong trong giai đoạn này là sớm nhìn ra yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta, từ đó đề ra các biện pháp khôi phục tổ chức Đảng và kết hợp với việc chuẩn bị đường lối tổ chức cho Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây là cống hiến xuất sắc của đồng chí Lê Hồng Phong đối với Đảng ta và cách mạng Việt Nam.

2. Trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng và Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản

Tháng 3-1934, Lê Hồng Phong đến Ma Cao (Trung Quốc) cùng Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Dựt thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong là Thư ký (được coi là Tổng Bí thư). Trong Báo cáo của Lê Hồng Phong (Hải An) gửi Quốc tế Cộng sản, ngày 15-01-1935 ghi rõ: "Ban Chỉ huy ở ngoài của chúng tôi đã được thành lập chỉ trong tháng 3-1934, gồm ba người: Lítvinốp (Lê Hồng Phong) là Thư ký, Xinhítrokin (Hà Huy Tập) - Tuyên truyền cổ động (Tổng biên tập Tạp chí *Bônsovích*), Svan (Nguyễn Văn Dựt) - Thanh tra"[1]. Ban Chỉ huy ở ngoài có nhiệm vụ liên hệ với những cơ sở đảng ở trong nước, đưa đảng viên hoạt động ở nước ngoài về tiếp tục củng cố tổ chức đảng, bồi dưỡng đào tạo cán bộ mới, thay thế những cán bộ bị địch bắt và giết hại, khôi phục và phát triển phong trào cách mạng. Đồng thời, chuẩn bị triệu tập Hội nghị Đảng ở Ma Cao vào tháng 6-1934 và tích cực

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.402.

chuẩn bị Đại hội Đảng lần thứ I vào đầu năm 1935. Trên thực tế, Ban Chỉ huy ở ngoài có chức năng như một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng, đã thực sự điều hành công việc khôi phục các tổ chức đảng, hoạch định và truyền đạt chủ trương, đường lối của Đảng trên phạm vi cả nước. Dưới sự chỉ đạo của Lê Hồng Phong, Ban Chỉ huy ở ngoài cho xuất bản Tạp chí *Bônsơvích* do Hà Huy Tập làm Tổng biên tập để tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, nhằm thống nhất tư tưởng và hành động trong Đảng và trong phong trào cách mạng Đông Dương.

Tháng 6-1934, Lê Hồng Phong triệu tập và chủ trì Hội nghị các đại biểu tổ chức đảng trong nước và Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Hội nghị quyết định một số nội dung quan trọng: thông qua Nghị quyết về việc thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng; thành lập xong các xứ ủy để cử đại biểu đi dự Đại hội lần thứ I của Đảng dự kiến vào đầu năm 1935; thành lập một cơ quan liên lạc giữa Đảng Cộng sản Đông Dương và Đảng Cộng sản Xiêm (Thái Lan); thảo thư gửi đến các Đảng Cộng sản Trung Quốc, Pháp và Xiêm, v.v.. Ngay sau Hội nghị, Ban Chỉ huy ở ngoài đã cử Nguyễn Văn Dựt về Nam Kỳ với tư cách là thanh tra và đại diện Ban Chỉ huy ở ngoài để tổ chức Xứ ủy Nam Kỳ. Sau hai tháng, "ở Nam Kỳ đã thành lập Ban Chấp ủy Trung ương lâm thời, số đảng viên ở Nam Kỳ và Cao Miên có gần 100 người và Xứ ủy sẽ cử ba đại biểu đi dự Đại hội Đảng"[(1)]. Công việc thành lập Xứ ủy Bắc Kỳ cũng được tiến hành khẩn trương, các cơ sở đảng trong nước bắt đầu hoạt động trở lại.

Được sự lãnh đạo của Ban Chỉ huy ở ngoài, trong thời gian ngắn các tổ chức đảng ở trong nước, đặc biệt là các xứ ủy đã dần dần được lập lại, và chính Lê Hồng Phong là người chủ trì công việc của Đảng trong những năm đầy khó khăn, thử thách của cách mạng nước ta. Công lao to lớn của Lê Hồng Phong là đã cùng với Trung ương tiến hành một loạt công tác tỉ mỉ, kiên trì, sáng tạo để khôi phục tổ chức đảng, đưa cách mạng Việt Nam sang giai đoạn phục hồi, phát triển mới. Điều này khẳng định dấu ấn sâu sắc của

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5, tr 402.

người lãnh đạo cao nhất của Đảng là Lê Hồng Phong trong những năm tháng khó khăn của phong trào cách mạng nước ta.

Công việc đang được khẩn trương chuẩn bị thì tháng 9-1934, Lê Hồng Phong được Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng cử đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva (Liên Xô). Đoàn gồm ba đồng chí: Lê Hồng Phong là Trưởng đoàn, hai đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và Hoàng Văn Nọn là thành viên. Từ Thượng Hải, Đoàn xuống tàu biển đi Vlađivôxtốc, rồi đi tàu hỏa xuyên Xibêri đến Mátxcơva. Ngày 08-12-1934, Lê Hồng Phong cùng Đoàn được đón về ở tại Ký túc xá Trường Đại học Phương Đông. Ngày 10-12, Đoàn được đón lãnh tụ Nguyễn Ái quốc đến thăm. Trong thời gian chờ dự Đại hội, Lê Hồng Phong viết báo cáo *Về công tác trong ba năm qua và tình hình Đảng Cộng sản Đông Dương* gửi Quốc tế Cộng sản. Báo cáo nêu khá rõ hoạt động của đồng chí từ khi Quốc tế Cộng sản cử về nước cuối năm 1931 đến Hội nghị đại biểu các tổ chức đảng trong nước giữa năm 1934; nêu tình hình Đảng Cộng sản Đông Dương trong thời gian này, đặc biệt là việc thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng, số lượng đảng viên và sự phân bố ở 5 xứ Đông Dương gồm Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Lào và Miên (Campuchia).

Tham gia Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong lấy tên là Hải An. Đại hội họp từ ngày 25-7 đến ngày 21-8-1935, có sự tham dự của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Lê Hồng Phong được bầu vào Đoàn Chủ tịch Đại hội. Buổi chiều ngày 29-7-1935, tại phiên họp thứ 9 của Đại hội, đồng chí Lê Hồng Phong trình bày bản tham luận quan trọng về *Phong trào cách mạng Đông Dương.* Bản tham luận nêu khái quát lịch sử phát triển của phong trào cách mạng Đông Dương từ năm 1930 đến năm 1935, trong đó phân tích sâu sắc chính sách cai trị tàn bạo của đế quốc Pháp, nêu bật những ưu điểm, nghiêm túc chỉ ra khuyết điểm, rút ra những kinh nghiệm căn bản trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng của Đảng, đặc biệt là qua ba thời kỳ: cao trào 1930-1931, thời kỳ bị khủng bố ác liệt và thời kỳ khôi phục tổ chức Đảng, phát triển phong trào cách mạng. Về vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí nêu

rõ: "Ngày nay, ở Đông Dương, chúng tôi đã có một đảng chưa thật mạnh mẽ về số lượng, nhưng là một đảng bất chấp mọi sự khủng bố tàn bạo của đế quốc Pháp, kiên quyết chiến đấu để thực hiện Cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản, thực hiện cách mạng ruộng đất và chống đế quốc, chiến đấu để giành giải phóng hoàn toàn và độc lập cho xứ Đông Dương"(1).

Điểm đáng lưu ý trong tham luận của Tổng Bí thư Lê Hồng Phong là không chỉ làm rõ thêm tư tưởng của G. Đimitơrốp - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản về thành lập Mặt trận thống nhất trên phạm vi quốc gia và quốc tế, mà còn chỉ ra khả năng phát triển của cách mạng Đông Dương. Đồng chí nêu: "Hiện nay chúng tôi có nhiều khả năng rộng lớn hơn để thực hiện Mặt trận Nhân dân phản đế, mặt trận thống nhất của tất cả các dân tộc Đông Dương chống kẻ thù chung là đế quốc Pháp"(2). Kết thúc bản tham luận, với niềm tin mãnh liệt, đồng chí khẳng định: "Tình hình hiện nay ở Đông Dương mở ra nhiều khả năng rộng lớn cho việc phát triển cuộc đấu tranh cách mạng và phát triển Đảng của chúng tôi. Đối với chúng tôi, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII là một trường học lớn, giúp chúng tôi tiếp thu kinh nghiệm quý báu của 65 phân bộ quốc tế và trước hết của phân bộ lãnh đạo Quốc tế Cộng sản là Đảng Cộng sản Liên Xô"(3).

Ngày 20-8-1935, tại phiên họp thứ 43, đồng chí Lê Hồng Phong được Đại hội bầu là Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Chính những hoạt động không biết mệt mỏi của đồng chí trên cương vị người đứng đầu Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng và bản tham luận nổi tiếng tại Đại hội mà phong trào cộng sản quốc tế hiểu rõ hơn về cách mạng Đông Dương và về Đảng ta. Những hoạt động của Lê Hồng Phong, Trưởng đoàn đại biểu của Đảng ta không chỉ hoàn thành trọng trách bản báo cáo của mình, mà còn thảo luận, góp ý cho các báo cáo tham luận của các đại biểu các đảng tại Đại

(1),(2),(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.316,324,327.

hội và còn tiếp xúc với nhiều tổ chức quốc tế. Đặc biệt, những buổi gặp gỡ, trao đổi và góp ý của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Mátxcơva đối với Lê Hồng Phong đã góp phần quan trọng trong việc xác định chương trình hoạt động trong tương lai, giúp Lê Hồng Phong trong việc vạch ra đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng phù hợp với tình hình mới, với điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam sau khi về nước.

Trong khi Tổng Bí thư Lê Hồng Phong chờ tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, theo kế hoạch đã định, tháng 3-1935, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng, họp tại Ma Cao dưới sự chủ trì của Hà Huy Tập. Đại hội đã thông qua Nghị quyết chính trị về tình hình quốc tế, trong nước và đề ra những nhiệm vụ trước mắt là củng cố, phát triển Đảng, mở rộng và tập hợp rộng rãi quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống đế quốc… Đại hội còn thảo luận và ra Nghị quyết về công tác vận động các đoàn thể, tổ chức quần chúng, Điều lệ Đảng và điều lệ các đoàn thể quần chúng; thông qua thư gửi Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản Pháp, Liên Xô, Ấn Độ, Xiêm. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 Ủy viên (9 Ủy viên chính thức, 4 Ủy viên dự khuyết). Đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. "Đồng chí Lin (Nguyễn Ái Quốc) được Ban Chỉ huy ở ngoài và Ban Trung ương của Đảng chỉ định là đại diện của Đảng ở Quốc tế Cộng sản. Đại hội đã chuẩn y việc chỉ định các đồng chí Lítvinốp (Lê Hồng Phong), Bà Vai (Nguyễn Thị Minh Khai) và Cao Bằng (Hoàng Văn Nọn) là đại biểu của Đảng đi dự Đại hội Quốc tế Cộng sản"[(1)].

Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương là sự kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn của cách mạng Việt Nam. Thành công của Đại hội đánh dấu sự phục hồi của Đảng, ghi nhận sự đóng góp to lớn của Ban Chỉ huy ở ngoài, trong đó có công lao của người đứng đầu là Lê Hồng Phong. Mặc dù Lê Hồng Phong không trực tiếp dự Đại hội lần thứ I của Đảng, nhưng vai trò và tư tưởng chỉ đạo của

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.302.

đồng chí đã được thể hiện trong tiến trình và kết quả của Đại hội. Bởi vì, lúc đầu Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản dự định họp vào cuối năm 1934. Khi ấy, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng dưới sự lãnh đạo của Lê Hồng Phong đã chuẩn bị khá cụ thể chương trình nghị sự, kể cả nội dung và thời gian Đại hội được dự kiến vào tháng 3-1935. Nhưng thời gian khai mạc Đại hội VII Quốc tế Cộng sản được lùi lại đến tháng 7-1935, nên Đoàn đại biểu Đảng ta do Lê Hồng Phong dẫn đầu phải ở lại Mátxcơva chờ Đại hội VII Quốc tế Cộng sản khai mạc. Việc Đại hội lần thứ I của Đảng bầu vắng mặt đồng chí Lê Hồng Phong vào cương vị Tổng Bí thư, một lần nữa khẳng định công lao và uy tín của đồng chí trong việc khôi phục cơ quan lãnh đạo của Đảng và phong trào cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đóng góp to lớn trong việc chuẩn bị cho thành công của Đại hội lần thứ I của Đảng.

Sau khi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong vừa đảm nhận những nhiệm vụ do Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản phân công, vừa chuẩn bị trở về nước để truyền đạt và cụ thể hóa Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản ở Đông Dương. Giữa năm 1936, đồng chí Lê Hồng Phong rời Liên Xô đến Thượng Hải (Trung Quốc). Tháng 7-1936, đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương tại Thượng Hải. Hội nghị bổ sung những thiếu sót của Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng, chỉ đạo chuyển hướng tổ chức, điều chỉnh chiến lược và sách lược theo tinh thần Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản. Hội nghị nhận định: Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này không phải là bọn thực dân Pháp nói chung, mà là bọn phản động thuộc địa Pháp và bè lũ tay sai của bọn phản động ở chính quốc, cũng không phải là giai cấp tư sản và địa chủ nói chung, mà là một bộ phận tư sản mại bản, đại địa chủ tay sai đắc lực của bọn phản động thuộc địa. Vì thế: "*Chiến sách mới của Đảng là nhận rõ ai là kẻ địch nhân nguy hiểm nhất trong lúc hiện thời nhất định sẽ tập trung ngọn lửa vào đó mà đánh*"[(1)]. Từ nhận định trên, Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt là chống phát

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.141.

xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, cơm áo và hòa bình.

Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương rộng rãi, bao gồm các giai cấp, đảng phái, dân tộc, các đoàn thể chính trị, xã hội, tôn giáo với các hình thức đấu tranh từ bí mật, bán công khai đến công khai, chĩa mũi nhọn chủ yếu, trước mắt vào bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai. Hội nghị nhận định: "Đảng cho rằng theo trình độ tranh đấu đặc biệt của quần chúng trong lúc hiện thời, theo chung quanh những điều yêu cầu ấy có thể hiệu triệu được toàn dân không kỳ giai cấp nào, đảng phái nào ra cùng nhau tranh đấu chống chế độ thuộc địa phản động. Sự thực đã chứng minh rằng: nhất định sẽ thực hiện được Mặt trận Nhân dân là cái khí cụ của các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương chống sự tiến công của đế quốc"[(1)]. Hội nghị cho rằng: "Hoàn cảnh mới, nhiệm vụ mới bắt buộc Đảng ta phải có con đường chánh trị mới, con đường chánh trị mới lại bắt buộc phải có một đường tổ chức mới"[(2)]. Có thể nói, *Chiến sách mới* của Đảng đã khắc phục được những sai lầm "tả" khuynh trong cao trào cách mạng 1930-1931.

Hội nghị còn thực hiện lời căn dặn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với Lê Hồng Phong trước khi đồng chí rời Mátxcơva về nước: "Trung ương Đảng phải chuyển về trong nước để trực tiếp lãnh đạo phong trào; không được thỏa hiệp với bọn tờrốtkít; lập Mặt trận Dân tộc dân chủ rộng rãi chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc"[(3)]. Vì thế, Hội nghị đã quyết định chuyển trụ sở Ban Chấp hành Trung ương về Sài Gòn. Xuất phát từ tình hình cụ thể, Hội nghị đã cử đồng chí Hà Huy Tập - Thư ký của Ban về nước để tổ chức Ban Trung ương và để khôi phục các liên lạc với các tổ chức của Đảng, còn Lê Hồng Phong, Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ở lại Thượng Hải để duy trì liên hệ với Quốc tế Cộng sản.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr. 144.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr. 222.

(3) *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.2, tr.64.

Hội nghị Thượng Hải tháng 7-1936 dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Lê Hồng Phong có ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, đánh dấu mốc bước qua thời kỳ khôi phục phong trào, mở đầu thời kỳ cao trào đấu tranh dân chủ. Nó chứng tỏ sự trưởng thành của Đảng ta trong việc vận dụng lý luận Mác - Lênin và Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản vào hoàn cảnh cụ thể ở Đông Dương. Hội nghị thành công với những nhận định, chủ trương đúng đắn về sách lược đấu tranh trong tình hình mới, về chuyển Trung ương Đảng về trong nước, về nhận thức giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, khắc phục sai lầm "tả" khuynh và dần trở lại với những tư tưởng, quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về cách mạng Việt Nam, trong đó có vai trò và đóng góp quan trọng của Tổng Bí thư Lê Hồng Phong.

Được Nghị quyết của Hội nghị soi sáng, lại được Mặt trận Nhân dân Pháp khích lệ, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ ở nước ta bùng lên mạnh mẽ. Mở đầu là phong trào Đông Dương Đại hội; các ủy ban hành động được thành lập ở khắp nơi trong toàn quốc; các cuộc bãi công, biểu tình đòi dân sinh, dân chủ, thả tù chính trị diễn ra sôi nổi; báo chí của Đảng dưới nhiều hình thức cũng được phát hành rộng rãi. Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng buộc chính quyền thực dân phải ban bố một số quyền tự do, dân chủ và phải thả hơn một ngàn tù chính trị. Các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng và nhiều đồng chí lãnh đạo khác của Đảng đã thoát khỏi nhà tù đế quốc là kết quả đấu tranh thắng lợi trong thời kỳ này. Tháng 3-1937, cuốn sách *Sách lược mới và tổ chức quần chúng* của đồng chí Lê Hồng Phong, Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, phụ trách Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng do Tạp chí *Bônsơvích* xuất bản gửi về nước làm tài liệu huấn luyện cho cán bộ, đảng viên trước tình hình mới, trong đó có nội dung phê phán chủ nghĩa biệt phái trong vấn đề tổ chức quần chúng.

Cuối năm 1937, đồng chí Lê Hồng Phong về nước hoạt động bí mật tại Sài Gòn, trực tiếp cùng Trung ương Đảng tích cực chỉ đạo phong trào cách mạng trong tình hình mới. Tháng 3-1938, đồng chí tham dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp tại Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định) cùng các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Chí Diểu, Nguyễn Thị Minh Khai và một số đồng chí trong Xứ ủy Nam Kỳ… Hội nghị phân tích tình hình Đông Dương, nhất là việc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ; thái độ các đảng phái, trong đó nhấn mạnh sự lộ mặt phản cách mạng của bọn tờrốtkít, phải đấu tranh không khoan nhượng đối với bọn chúng. Hội nghị đề ra những chủ trương cụ thể về phong trào vận động quần chúng, về công tác nội bộ Đảng, v.v.. Căn cứ vào sự phát triển của phong trào cách mạng, Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương* và coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại. Hội nghị đã cử ra Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 11 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư, đồng chí Lê Hồng Phong được bầu lại vào Ban Thường vụ và Ban Bí thư Trung ương Đảng. Hội nghị Trung ương tháng 3-1938 đã hoàn chỉnh chủ trương, sách lược mới của Đảng trong những năm 1936-1939. Chủ trương lập Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương là chủ trương đúng đắn, thu hút được mọi lực lượng tham gia, vì vậy phong trào đấu tranh của quần chúng tiếp tục phát triển lên một bước mới, trong đó có vai trò quan trọng của đồng chí Lê Hồng Phong.

Khi đồng chí Lê Hồng Phong về Sài Gòn cũng là lúc thất bại của nhóm ứng cử viên Mặt trận Dân chủ trong cuộc tuyển cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ. Về vấn đề này, đồng chí Lê Hồng Phong cho rằng, cần phải rút ra bài học có tính nguyên tắc cho chỉ đạo, hoạt động của Đảng, đồng thời phải đấu tranh không khoan nhượng chống bọn tờrốtkít. Quán triệt quan điểm của V.I. Lênin: "Thái độ của một chính đảng trước những sai lầm của mình là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất và chắc chắn nhất để xem xét đảng ấy có nghiêm túc không và có *thực sự* làm tròn nghĩa vụ của mình đối với *giai cấp* mình và đối với *quần chúng* lao động

không. Công khai thừa nhận sai lầm, tìm ra nguyên nhân sai lầm, phân tích hoàn cảnh đã đẻ ra sai lầm, nghiên cứu cẩn thận những biện pháp để sửa chữa sai lầm ấy - đó là dấu hiệu chứng tỏ một đảng nghiêm túc, đó là đảng làm tròn những nghĩa vụ của mình"[1]. Nguyên tắc này được Lê Hồng Phong thực hiện nghiêm túc. Với bút danh T.B., đồng chí viết một loạt bài đăng trên báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận của Đảng như: *Bài học trong kỳ tuyển cử Hội đồng quản hạt* (số 67, ngày 23-5-1939); *Thảo luận với anh Nguyễn Văn Tạo về bài Đảng Lập hiến có bị quần chúng đánh đổ không?* (số 68, ngày 31-5-1939); *Có phải chủ trương đánh đổ Đảng Lập hiến mà bọn tờrôtkít thắng thăm không?* (số 69, ngày 07-6-1939); *Trả lời cho anh Nguyễn Văn Tây ở Đông Phương Tạp chí và bàn trở lại vấn đề Đảng Lập hiến* (số 71, ngày 28-6-1939), v.v..

Nội dung chủ yếu các bài viết của đồng chí Lê Hồng Phong là trao đổi, tranh luận để đi đến thống nhất quan điểm về vấn đề đấu tranh nghị trường, vấn đề phòng thủ Đông Dương trước nguy cơ của cuộc chiến tranh phát xít, chỉ rõ nguyên nhân thất bại của nhóm ứng cử viên Mặt trận Dân chủ, thắng lợi của bọn tờrốtkít trong kỳ tuyển cử Hội đồng quản hạt Nam Kỳ. Các bài báo đều chỉ rõ, mục tiêu của những người cộng sản khi tham gia tranh cử là nhằm đấu tranh bênh vực những lợi ích hằng ngày của quần chúng nhân dân, dù thắng lợi hay thất bại thì những người cộng sản cần nghiên cứu kỹ nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm, không vì thắng lợi mà chủ quan, không vì thất bại mà bi quan, chán nản. Trong *Bài học trong kỳ tuyển cử Hội đồng quản hạt*, đăng trên báo *Dân chúng*, số 67, ngày 23-5-1939, đồng chí Lê Hồng Phong rút ra kết luận: "Kinh nghiệm cho ta hay rằng, ý chí không thống nhất, hành động không nhất trí, không kỷ luật thì vô luận cuộc tranh đấu nào cũng thất bại"[2]. Cùng với tác phẩm *Tự chỉ trích* của đồng chí Nguyễn Văn Cừ, những bài báo của đồng chí Lê Hồng Phong đã góp phần tích cực trong việc củng cố niềm tin về vai trò của những người cộng

[1] V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1976 , t.41, tr.51.
[2] Báo *Dân chúng*, số 67, ngày 23-5-1939.

sản Việt Nam trong trận chiến với quân thù, trong việc đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít theo đường lối của Quốc tế Cộng sản đề ra tại Đại hội lần thứ VII (1935) và nguy cơ của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng trở thành hiện thực trên khắp thế giới. Trước tình hình chung trên thế giới và tình hình riêng ở Đông Dương, Hội nghị Trung ương Đảng tháng 3-1938 thông qua Nghị quyết *Về phòng thủ Đông Dương và vận động binh lính*. Sau một năm thực hiện Nghị quyết trên, chung quanh vấn đề về phòng thủ Đông Dương, về kẻ thù, về các tổ chức chính trị - xã hội, trong các tầng lớp nhân dân và cả trong nội bộ Đảng nảy sinh những nhận thức, thái độ không đúng nên cần phải chỉ rõ, phê phán, đấu tranh. Với tầm nhìn chiến lược, khoảng giữa năm 1939, với bút danh *Trí Bình*, đồng chí Lê Hồng Phong hoàn thành tác phẩm *Vấn đề phòng thủ Đông Dương*[(1)], xuất bản ngày 28-8-1939. Sự ra đời của tác phẩm đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam lúc đó. *Lời tựa* của tác phẩm, viết đại ý: Vấn đề phòng thủ này được hết thảy nhân dân các nước đều bàn tới. Mỗi người đều cần phải định rõ thái độ của mình đối với vấn đề phòng thủ, nếu không thì đưa thân làm mồi cho súng đạn, đổ của ra ủng hộ tài sản cho đế quốc; vô tình giúp cho phát xít xâm lược thắng trận. Trong tác phẩm, đồng chí đặt cuộc vận động phòng thủ trong toàn bộ cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ và bảo vệ hòa bình, đồng thời phân tích rõ chủ trương đúng đắn của Đảng ta về vấn đề phòng thủ Đông Dương. Mục đích của tác phẩm nhằm nâng cao nhận thức cho đúng, để "có một thái độ rõ rệt đối với vấn đề phòng thủ Đông Dương, và nói chung là để đối phó với các cuộc chiến tranh sắp tới trong phạm vi thế giới"[(2)]. Trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít gây chiến tranh, tác phẩm khẳng định rõ, những người cộng sản chủ trương: luôn chống chính sách áp bức dân tộc, khủng bố cá nhân, chống tăng thuế vào dân nghèo,

---

(1) Chính quyền thuộc địa có lệnh tịch thu nên tác phẩm này hiện chỉ còn lưu ở Thư viện quốc gia Pháp.

(2) *Lê Hồng Phong - Người cộng sản kiên cường (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.249.

chống áp bức và bóc lột lao động, chống chính phủ là kẻ thay mặt cho giai cấp bóc lột; tán thành phòng thủ, chống phát xít xâm lược, chống tư bản tài chính phản động ở trong, không phải là phò tá đế quốc như bọn tờrốtkít vu cáo; phản đối hết thảy chiến tranh, chống hết thảy phòng thủ là giúp cho phát xít...

Tác phẩm khẳng định, chỉ có thực hiện Mặt trận Dân chủ rộng rãi, mạnh mẽ, kiên quyết chống chế độ phản động thuộc địa mới có thể đòi được các quyền cần thiết, khiến cho cuộc phòng thủ có hiệu quả, đồng thời vạch trần luận điệu phản động, lừa bịp của bọn tờrốtkít về vấn đề phòng thủ Đông Dương: "Không thể chống hết thảy mọi cuộc chiến tranh như bọn tờrốtkít, mà chỉ chống chiến tranh phản động và xâm lược, ủng hộ chiến tranh giải phóng, tiến bộ"[(1)]. Đồng chí Lê Hồng Phong kết luận: "Chủ trương phòng thủ Đông Dương, biện pháp tiến hành phòng thủ theo quan điểm của Đảng Cộng sản Đông Dương là vận dụng, phát triển sáng tạo bản chất khoa học, cách mạng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Đông Dương lúc này. Nó chống lại lý luận phản động của bọn tờrốtkít, tay sai cho phát xít"[(2)]. Có thể nói, sau một năm thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng *Về phòng thủ Đông Dương và vận động binh lính*, với tầm cao trí tuệ, đồng chí Lê Hồng Phong đã tổng kết tình hình, đi sâu vào chủ đề phòng thủ, đặt cuộc vận động phòng thủ trong toàn bộ cuộc đấu tranh đòi tự do, dân chủ, hòa bình, cải thiện đời sống nhân dân, chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chống chiến tranh, phê phán, uốn nắn những xu hướng "tả", hữu khuynh, vạch rõ bản chất phản động của những phần tử chống phòng thủ Đông Dương, chống Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

3. Tấm gương người cộng sản kiên trung

Lê Hồng Phong thuộc lớp chiến sĩ cộng sản tiền bối thời dựng Đảng, là đảng viên của ba Đảng Cộng sản: Việt Nam, Trung Quốc

---

[(1),(2)] *Lê Hồng Phong - Người cộng sản kiên cường (Hồi ký)*, Sđd, tr. 251, 259.

và Liên Xô, là Tổng Bí thư thứ hai của Đảng ta và là Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Tên tuổi và sự nghiệp cách mạng của Tổng Bí thư Lê Hồng Phong gắn liền với một giai đoạn đầy khó khăn, thử thách của lịch sử Đảng ta và lịch sử dân tộc trong những năm 20 đến đầu những năm 40 của thế kỷ XX. Đồng chí sớm tham gia hoạt động cách mạng, được học tập, đào tạo, rèn luyện trong nhiều trường lớp lý luận và quân sự của cách mạng Trung Quốc, Liên Xô, của Quốc tế Cộng sản. Đặc biệt từ giữa những năm 20, đồng chí Lê Hồng Phong được học tập và tham gia lớp huấn luyện chính trị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, được Người dìu dắt và giao thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng của cách mạng. Đó là những nhân tố quan trọng góp phần hình thành phẩm chất đạo đức và bản lĩnh cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên trung.

Do nỗ lực không ngừng trong học tập, rèn luyện và công tác, Lê Hồng Phong được Quốc tế Cộng sản và Đảng ta tin tưởng giao cho nhiệm vụ chủ trì việc khôi phục hệ thống tổ chức và xây dựng đường lối chính trị của Đảng trong nửa đầu những năm 30 của thế kỷ XX. Đây là thời kỳ rất khó khăn của cách mạng Đông Dương, khi Ban Chấp hành Trung ương, các xứ ủy và hầu hết các cơ sở của Đảng bị địch đánh phá, tan vỡ. Cùng với sự phấn đấu, hy sinh của những người cộng sản Đông Dương, sự giúp đỡ nhiều mặt của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong đã có đóng góp xuất sắc trong việc tái lập thành công cơ quan lãnh đạo của Đảng trong điều kiện kẻ thù khủng bố ác liệt. Đồng chí đã chủ trì xây dựng và đứng đầu Ban Chỉ huy ở ngoài, lãnh đạo Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, cùng Đảng ta hoạch định đường lối và chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương. Nhờ đó, lịch sử Đảng và cách mạng Việt Nam đã vượt qua thời kỳ thoái trào, bước vào một cao trào cách mạng dân tộc, dân chủ trong những năm 1936-1939, tạo tiền đề quan trọng cho thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng những năm 1934-1936 và Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản từ năm 1935, Lê Hồng

Phong đã có nhiều cống hiến lớn lao đối với cuộc đấu tranh để thống nhất các quan điểm trong Đảng, xây dựng đường lối chiến lược, sách lược cách mạng phù hợp với tình hình quốc tế và trong nước trên cơ sở vận dụng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản; đã tập hợp được rộng rãi lực lượng quần chúng trong cuộc đấu tranh chống nguy cơ phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi tự do, cơm áo và hòa bình, qua đó giáo dục, rèn luyện và nâng cao trình độ giác ngộ chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Giữa lúc đồng chí Lê Hồng Phong đang hăng say hoạt động cho sự nghiệp cách mạng của Đảng thì ngày 22-6-1939 đồng chí bị mật thám Pháp bắt tại Sài Gòn. Bọn chúng dùng đủ mọi thủ đoạn dụ dỗ cũng như những cực hình tra tấn dã man nhằm khai thác bí mật của Đảng, của cách mạng nhưng không tìm được chứng cứ kết tội. Ngày 30-6-1939, Tòa Tiểu hình Sài Gòn xử đồng chí 6 tháng tù giam và 3 năm quản thúc ở quê nhà (Hưng Nguyên, Nghệ An) với lý do dùng thẻ căn cước mang tên người khác và không nơi cư trú.

Hết hạn tù, Lê Hồng Phong được trả lại tự do, nhưng kẻ thù biết rõ vai trò của đồng chí đối với phong trào cách mạng Đông Dương, Thống đốc Nam Kỳ đã ra nghị định trục xuất đồng chí khỏi Nam Kỳ. Tiếp đó ngày 14-11-1939, Toàn quyền Đông Dương ra quyết định lệnh cho Phủ Toàn quyền, Thống đốc Nam Kỳ, Chánh Thanh tra mật thám Đông Dương không cho Lê Hồng Phong cư trú tại Nam Kỳ, cả trên lãnh thổ Cao Miên (Campuchia) và nhiều địa phương ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Cảnh sát Pháp dẫn độ Lê Hồng Phong từ Sài Gòn về quản thúc tại làng Đông Thôn, tổng Thông Lãng, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Trong điều kiện bị quản thúc ngặt nghèo, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong vẫn tiếp tục viết báo đăng trên Báo *Dân chúng* làm sáng tỏ những quan điểm của Đảng trong tình hình mới, nhằm tập hợp rộng rãi lực lượng đấu tranh đòi tự do, dân chủ.

Năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, lo sợ trước phong trào cách mạng dâng cao, dù chưa hết thời gian quản thúc,

ngày 26-01-1940, đế quốc Pháp bắt Lê Hồng Phong lần thứ hai tại quê nhà (Hưng Nguyên, Nghệ An) buộc vào tội "hoạt động lật đổ" rồi dẫn độ về giam ở Khám Lớn, Sài Gòn. Trước những đòn tra tấn cực kỳ dã man của kẻ thù, đồng chí nêu cao khí tiết của người cộng sản, không khai báo một lời. Ngày 22-10-1940, Tòa Thượng thẩm Sài Gòn kết án Lê Hồng Phong 5 năm tù, mất quyền công dân và chính trị, 10 năm cấm cư trú vì có "hoạt động lật đổ". Biết Lê Hồng Phong là người lãnh đạo quan trọng của Đảng ta, chúng tìm mọi cách để hãm hại. Nguyễn Thị Minh Khai khi học xong ở Trường Đại học Phương Đông đã về Nam Kỳ hoạt động từ những năm trước và tham gia Xứ ủy Nam Kỳ. Tuy cùng hoạt động ở Sài Gòn, nhưng hai vợ chồng coi trọng việc giữ bí mật, nên rất ít gặp nhau. Khi Nguyễn Thị Minh Khai bị bắt, bọn chúng dùng thủ đoạn dẫn Lê Hồng Phong đến cho hai người gặp nhau để kiếm cớ buộc tội Lê Hồng Phong dính líu vào cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Biết rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, hai vợ chồng cố nén tình cảm riêng, kiên quyết không chịu nhận nhau.

Cuối năm 1940, Tòa án Sài Gòn xử Lê Hồng Phong 5 năm tù giam và đày ra địa ngục trần gian Côn Đảo. Không thể giết bằng án tử hình, thực dân Pháp dùng chế độ lao tù cực kỳ tàn bạo để hành hạ đồng chí đến kiệt sức. Đồng chí Ngô Đăng Đức, người bạn tù với Lê Hồng Phong ở Nhà tù Côn Đảo kể lại một chi tiết: "Sau một ngày khổ sai mệt nhọc, dưới những trận mưa roi tàn ác, mặt đồng chí Lê Hồng Phong hằn lên những vết roi ngang dọc, chỗ tím bầm, chỗ sưng húp lên, có chỗ còn loét ra, ri rỉ máu… Chúng xông đến trước mặt đồng chí Lê Hồng Phong thẳng tay giáng xuống từng loạt roi tới tấp. Máu trên đầu, trên mặt đồng chí phun ra, chảy cả vào bát cơm…, đồng chí Lê Hồng Phong vẫn thản nhiên cầm bát cơm đẫm máu, ăn một cách ung dung. Trước thái độ vô cùng bình tĩnh ấy, bọn giặc hoảng sợ chùn tay… Một lát sau, tên cầm đầu bọn cai ngục rón rén đến trước mặt đồng chí Lê Hồng Phong, hất màm hỏi: Ê! Tại sao tao đánh mày như thế mà mày vẫn thản nhiên ngồi ăn, mày không đau à? Đồng chí Lê Hồng Phong đặt bát cơm xuống,

rồi ngửng phắt đầu lên, quắc mắt nhìn thẳng vào mặt nó và dằn từng tiếng đáp: Chúng mày nói, ngày nào chúng mày không đánh được chúng tao chảy máu thì chúng mày cảm thấy ăn không ngon. Vậy chúng tao cũng cần phải ăn để có máu đối phó với chúng mày. Đấy! Tất cả lý do. Rất giản dị! Chúng mày cứ tiếp tục đi! Nói xong, đồng chí lại thản nhiên cầm lấy bát cơm chan máu ăn như chẳng có việc gì ghê gớm xảy ra. Gươm đao của kẻ thù có thể chặt đứt thép gang, nhưng nó sẽ oằn đi khi chặt phải dũng khí của người chiến sĩ cộng sản!"[1]. Là chiến sĩ cách mạng, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong rất quan tâm đến gia đình, quê hương. Ngày 05-8-1942, từ bưu điện Nhà tù Côn Đảo, đồng chí gửi bức điện cho anh trai ruột là Lê Văn Soạn (tức Hương Chắt) ở quê với tấm lòng thương yêu gia đình da diết: "Xin anh em bà con miễn trách, đã hơn năm nay tôi không viết thư, chắc rằng anh chị Hương và ông bà, con cháu đều mạnh. Con cháu lớn rồi nên gả nó đi cho có đôi"[2]. Do kẻ thù hành hạ quá tàn bạo, trưa ngày 06-9-1942, trước khi trút hơi thở cuối cùng, đồng chí nhắn lại: "*Xin chào tất cả các đồng chí. Nhờ các đồng chí nói với Đảng rằng, tới giờ phút cuối cùng, Lê Hồng Phong vẫn tin tưởng vào thắng lợi vẻ vang của cách mạng*".

Là một nhà cách mạng chuyên nghiệp, là người đứng đầu Đảng Cộng sản Đông Dương sau khi Tổng Bí thư Trần Phú hy sinh, đồng chí Lê Hồng Phong không chỉ là nhà hoạt động thực tiễn mà còn là một nhà tư tưởng, lý luận xuất sắc của Đảng. Đồng chí có nhiều tác phẩm và bài viết sắc sảo, điển hình như: *Tình hình kinh tế và chính trị Đông Dương; Tình hình và nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Đông Dương; Nhận xét của Hải An; Về công tác ba năm qua và tình hình Đảng Cộng sản Đông Dương; Vai trò của giai cấp vô sản trong cách mạng Đông Dương; Về phòng thủ Đông Dương và vận động binh lính*; *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, v.v..

Không chỉ có vậy, tại Nhà tù Côn Đảo, trong vòng kìm kẹp của kẻ thù, Tổng Bí thư Lê Hồng Phong đã sáng tác bài *Phú Nghệ An*

[1] *Lê Hồng Phong - Người cộng sản kiên cường (Hồi ký)*, Sđd, tr.161-162.
[2] *Lê Hồng Phong - Người cộng sản kiên cường, (Hồi ký)*, Sđd, tr.806.

đỏ bằng chữ Hán, nhằm ôn lại bài học đấu tranh, khơi dậy tinh thần lạc quan cách mạng cho các chiến sĩ đang chung cảnh tù đày để giữ vững ý chí chiến đấu. Bài phú đề cập đến miền đất Hồng Lam, địa linh nhân kiệt, với thiên nhiên hùng vĩ, lịch sử đấu tranh oai hùng; ôn lại chặng đường cách mạng của nhân dân Nghệ Tĩnh, đặc biệt là những trang sử hào hùng, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh; đồng thời cổ động, khích lệ ý chí quyết tâm vượt lên mọi khó khăn, sự đàn áp của kẻ thù, phấn đấu vì một non sông tươi đẹp. Bài phú kết thúc bằng bốn câu:

"Để phấn đấu cho một giang sơn mỹ lệ,

Cả Đông Dương phải nhất trí hiệp đồng,

Đại liên minh toàn quốc công nông,

Mới chấn chỉnh thắng cảnh Lam Hồng muôn thuở"[(1)].

Tổng Bí thư Lê Hồng Phong còn là một chiến sĩ quốc tế chân chính, tiêu biểu cho sự đoàn kết quốc tế giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Sự có mặt và những đóng góp của đồng chí trong hàng ngũ Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong cuộc chiến tranh Bắc phạt ở Trung Quốc, trong Đảng Cộng sản Liên Xô, trong lực lượng Hồng quân Xô viết, trong Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản và nhiều bài viết, thư trao đổi với Quốc tế Cộng sản đã nói lên điều đó. Tổng Bí thư Lê Hồng Phong làm được nhiều việc cho Đảng, cho dân tộc, một phần quan trọng là sự nỗ lực, cố gắng của bản thân, một phần là được sự đào tạo, giáo dục, rèn luyện của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Ngay từ lúc tìm đường cách mạng, Lê Hồng Phong đã được gặp và được dự lớp huấn luyện chính trị đầu tiên do Người tổ chức, trở thành thành viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, được Người giới thiệu đào tạo tại các trường của Trung Quốc và Liên Xô. Sau này cùng công tác ở Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong lại được gần gũi và trực tiếp nhận được sự chỉ đạo của Người. Điều đó cắt nghĩa, quan điểm, chủ trương của Lê Hồng Phong và Nguyễn Ái Quốc thống nhất trên những vấn đề lớn

[(1)] Bản dịch của Thạch Can, Tạp chí *Nghiên cứu Hán Nôm*, số 1-1985.

thuộc chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, xứng đáng là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Lê Hồng Phong đã hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và cách mạng Việt Nam. Đồng chí là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, suốt đời hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, son sắt thuỷ chung với đồng chí, bạn bè, luôn lạc quan tin tưởng vào thắng lợi vẻ vang của cách mạng, là tấm gương sáng cho thế hệ những người Việt Nam noi theo. Đánh giá công lao của Lê Hồng Phong và các chiến sĩ cách mạng thời dựng Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Các đồng chí ta như đồng chí Trần Phú, đồng chí Ngô Gia Tự, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Hoàng Văn Thụ và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thảy, hy sinh cả tính mệnh của mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay"[(1)].

[(1)] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.25.

Tổng Bí thư Hà Huy Tập

TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP

Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ của nhân dân ta, biết bao người con ưu tú của dân tộc đã hiến dâng cả cuộc đời vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, một trong những người con ưu tú ấy là Hà Huy Tập. Đồng chí thuộc lớp chiến sĩ cách mạng tiền bối, có những cống hiến lớn lao cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc ta, là chiến sĩ cộng sản kiên cường, người lãnh đạo tài ba, nhà lý luận sắc sảo của Đảng. Trên cương vị nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng trong thời kỳ đầy thử thách, Hà Huy Tập đã góp phần quan trọng trong việc khôi phục tổ chức đảng và phong trào cách mạng (1932-1935), tổ chức lãnh đạo cao trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ (1936-1939). Cuộc đời và sự nghiệp của Tổng Bí thư Hà Huy Tập là một tấm gương hết lòng vì nước, vì dân cho thế hệ những người Việt Nam noi theo.

1. Lý tưởng vì dân, vì nước, trở thành chiến sĩ cộng sản

Đồng chí Hà Huy Tập sinh ngày 24-4-1906, tại làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Thân phụ của đồng chí là ông Hà Huy Tương, đỗ Cống sinh, nhưng không ra làm quan. Ngậm ngùi trước cảnh mất nước và cuộc sống cơ cực của người dân quê hương, ông ở nhà dạy học và bốc thuốc cứu người. Thân mẫu của đồng chí là bà Nguyễn Thị Lộc, một phụ nữ cần cù, chất phác, đôn hậu, cả cuộc đời chăm lo cho chồng con, gắn bó với quê hương, sống hòa thuận với bà con xóm giềng. Gia đình đồng chí Hà Huy Tập có bốn anh chị em, hai trai, hai gái, đồng chí là con thứ ba trong gia đình. Ngay từ thời niên thiếu, Hà Huy Tập đã tích cực học tập, nuôi dưỡng tinh thần yêu nước. Từ lúc 6 tuổi đến 8 tuổi, Hà Huy Tập được cha kèm cặp chữ Hán tại nhà. Từ năm lên 9 tuổi, Hà Huy Tập theo học tại trường tiểu học ở tổng Thổ Ngọa.

Năm 1916, ông Hà Huy Tương qua đời, gia đình lâm vào cảnh khó khăn, túng thiếu, nhưng không vì thế mà Hà Huy Tập xao nhãng việc học tập. Vì nhà nghèo nên không thể ra tỉnh lỵ để học tiếp, nhưng may thay có một gia đình có thiện cảm đến xin gia đình cho Hà Huy Tập ra tỉnh lỵ để kèm cặp cho con họ học. Bà mẹ Hà Huy Tập đồng ý và vô cùng vui mừng vì con mình được đi học tiếp.

Tháng 9-1917, Hà Huy Tập vừa kèm cặp cho con gia chủ, vừa học ở Trường kiêm bị Pháp - Việt ở tỉnh lỵ Hà Tĩnh. Những năm học ở trường kiêm bị, Hà Huy Tập học giỏi, năm nào cũng đứng đầu lớp, được thầy giáo và bạn bè khâm phục, quý mến. Năm 1919, Hà Huy Tập đỗ thủ khoa Trường Kiêm bị Pháp - Việt Hà Tĩnh, được đặc cách vào học thẳng Trường Quốc học Huế. Tại Huế, cảm mến thân phận học trò nghèo lại có chí, giáo sư Việt văn và Hán văn của trường là ông Võ Liêm Sơn hết lòng thương yêu và tận tình dạy bảo, không chỉ giúp đỡ về vật chất, mà còn chăm lo dạy dỗ về nhân cách, lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Trong bốn năm học ở Trường Quốc học Huế, Hà Huy Tập được nhận học bổng toàn phần, là học sinh giỏi, có chí khí vươn lên, sớm thể hiện tư chất thông minh, khí tiết cương trực, thẳng thắn và bản lĩnh vững vàng của một thanh niên yêu nước. Bản tính đó cùng với truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng của quê hương, đất nước đã tác động sâu sắc đến nhận thức, tư tưởng của Hà Huy Tập, đồng thời là những nhân tố hun đúc nên ngọn lửa nhiệt tình cách mạng, sớm đưa đồng chí tham gia hoạt động cách mạng, đấu tranh chống lại mọi áp bức, bất công.

Năm 1923, Hà Huy Tập tốt nghiệp với tấm bằng Thành Chung hạng ưu. Vì hoàn cảnh nhà nghèo không thể tiếp tục học lên bậc cao hơn, Hà Huy Tập đến dạy học ở Trường Tiểu học Nha Trang (Khánh Hòa). Trên bục giảng, ngoài việc truyền thụ kiến thức văn hóa, Hà Huy Tập còn truyền bá tinh thần yêu nước, thương dân, căm thù bọn vua quan phong kiến, thực dân cho học sinh, những bài giảng của thầy Tập đã khắc sâu vào tâm trí học trò. Trong *Tiểu sử tự thuật*, Hà Huy Tập viết: "Vào năm 1923, dĩ nhiên tôi vẫn chưa có tư tưởng cộng sản, nhưng rõ ràng là đã có tư tưởng chống bọn

bảo hoàng và bọn thực dân, bởi tôi cảm thấy căm thù sự chuyên chế, bóc lột của chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến. Tôi tuyên truyền tư tưởng chống chế độ chuyên chế và chống Pháp trong đám học sinh và những người tôi quen biết"[(1)1]. Cũng tại Nha Trang, Hà Huy Tập tham gia những hoạt động yêu nước. Vừa dạy học, đồng chí còn tham gia vào Ban chủ nhiệm thư viện thị trấn Nha Trang (Khánh Hòa); đồng thời rất tích cực đến thư viện đọc sách, báo tiến bộ, nhằm nâng cao kiến thức và tư tưởng cách mạng.

Tháng 5-1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lập ra *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*. Trong quá trình hoạt động, Hội rất chú ý rèn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng và tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước thông qua sách báo tiến bộ. Ở trong nước, tháng 7-1925, một số chính trị phạm như Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân và một số trí thức yêu nước như Trần Đình Thanh, Ngô Đức Diễn, Tôn Quang Phiệt... lập ra *Hội Phục Việt*, một tổ chức bí mật của những người yêu nước được thành lập ở Vinh, với mục đích là đoàn kết những người yêu nước, tiến bộ làm cách mạng để đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Thông qua Ngô Đức Diễn, Hà Huy Tập tiếp xúc với Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân, những người sáng lập *Hội Phục Việt*. Qua những lần gặp gỡ, trao đổi, Hà Huy Tập nhận thấy đây là tổ chức yêu nước, cách mạng, thông qua đó có thể tập hợp, tuyên truyền giác ngộ cách mạng trong thanh niên, học sinh, công nhân. Chính vì vậy, cuối năm 1925, Hà Huy Tập gia nhập *Hội Phục Việt* và trở thành một trong những thành viên của tổ chức này.

Cũng vào năm 1925, Hà Huy Tập tích cực tìm đọc những sách, báo về chủ nghĩa cộng sản từ nước ngoài gửi về nước như *Le Paria, L'Humanite', Việt Nam hồn*... Thông qua những sách báo đó, Hà Huy Tập hiểu được động lực chính của cách mạng, hiểu được xu hướng cộng sản và hiểu được vai trò của giai cấp công nhân trong cách mạng. Từ đó, càng thôi thúc đồng chí tích cực tham gia vào những hoạt động cách mạng. Trong *Tiểu sử tự thuật*, Hà Huy

---

(1) *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.14.

Tập cho biết: "Cuộc đời cách mạng của tôi chỉ bắt đầu từ năm 1925. Năm đó, tôi được tiếp xúc với các cựu chính trị phạm. Nhưng tôi nhanh chóng nhận thấy rằng những chương trình của họ không đúng đắn và hành động của họ không hiệu quả. Cũng năm đó, tôi được đọc những sách báo cộng sản từ bên Pháp gửi về nước. Thế là một định hướng mới đã bắt đầu trong đời tôi, đó là hướng theo chủ nghĩa cộng sản. Tôi cũng đã hiểu được đâu là những lực lượng chính thúc đẩy cách mạng. Bắt đầu từ đó, tôi đã nhìn thấy sáng tỏ vai trò cách mạng của giai cấp vô sản và chính vì lẽ đó mà tôi lao vào hoạt động chính trị. Tháng 3-1926, tôi đã lập ra ba lớp học buổi tối cho công nhân ở Nha Trang. Các lớp học này đông tới hơn 150 người. Mục đích bề ngoài của tôi là xóa mù chữ, nhưng mục đích thật là tập hợp công nhân để dễ dàng bí mật tuyên truyền cách mạng. Những chi phí về ánh sáng, sách vở... được phát không cho học viên đều do những người đứng ra tổ chức lớp học lo liệu (nghĩa là do mấy người bạn và tôi)"[1].

Ở Nha Trang, Hà Huy Tập tích cực tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng. Vào giữa năm 1925, thực dân Pháp bắt cụ Phan Bội Châu - một nhà yêu nước lão thành đang hoạt động ở Trung Quốc đưa về Hà Nội xử án. Được tin này, cả nước dấy lên phong trào đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu. Học sinh hai trường tiểu học Nha Trang và Ninh Hòa dưới sự hướng dẫn của các thầy giáo Hà Huy Tập và Ngô Đức Diễn, hàng trăm học sinh đã ký tên vào bản kiến nghị đòi chính quyền thực dân Pháp thả cụ Phan Bội Châu. Tháng 3-1926, cụ Phan Chu Trinh - một chí sĩ yêu nước qua đời, khắp cả nước tổ chức lễ tang, truy điệu. Tại Trường tiểu học Nha Trang, bất chấp sự đe dọa của cảnh sát, Hà Huy Tập đã đứng ra diễn thuyết ca ngợi tinh thần yêu nước của cụ Phan Chu Trinh và kêu gọi đồng bào đoàn kết đấu tranh. Nhờ những hoạt động tích cực của Hà Huy Tập và Ngô Đức Diễn, cơ sở của Hội Phục Việt được xây dựng ở Nha Trang và huyện Tân Định (nay là Ninh Hòa).

---

[1] *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Sđd, 2006, tr.14-15.

Những hoạt động yêu nước trên của Hà Huy Tập sớm bị chính quyền thực dân phát hiện, bị viên Công sứ Nha Trang kết tội là "có hoạt động chống đối chính quyền bảo hộ" và trở thành đối tượng bị chúng theo dõi. Không ngăn cản được những hoạt động yêu nước của Hà Huy Tập, giữa năm 1926, Công sứ Nha Trang ra lệnh trục xuất đồng chí khỏi Nha Trang. Không thể hoạt động ở Nha Trang, tháng 8-1926, Hà Huy Tập chuyển về thành phố Vinh (Nghệ An) dạy học ở Trường Tiểu học Cao Xuân Dục, tiếp tục tham gia hoạt động trong tổ chức Hội Phục Việt. Hồ sơ của Sở Mật thám Trung Kỳ, ngày 17-12-1926 ghi sự kiện này như sau: "Trợ giáo Hà Huy Tập ngày càng làm cho người ta chú ý vì lòng hăng hái tuyên truyền chống Pháp... Người ta đã bổ nhiệm anh ta ở Khánh Hòa, nhưng do một sự trùng hợp tai hại, người ta đã chuyển cách đây không lâu Hà Huy Tập về Vinh. Vậy tôi khẩn thiết xin các ông xếp Hà Huy Tập vào phong trào giáo dục học đầu tiên sẽ xảy ra và chuyển anh ta đi càng xa càng tốt"[(1)].

Việc đuổi "nhầm địa chỉ" trở thành điều may mắn đối với Hà Huy Tập. Ở Vinh, đồng chí được gặp và cùng hoạt động với các bạn bè, đồng chí trong Hội Phục Việt như: Nguyễn Đình Kiên, Trần Mộng Bạch, Trần Phú, Lê Viết Thuật, Nguyễn Thị Minh Khai, v.v.. Được Hội Phục Việt giao nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục cho học sinh các trường tiểu học và công nhân ở Vinh - Bến Thủy, Hà Huy Tập đã cùng với Trần Văn Tăng lập ra tổ chức *Thanh niên học sinh cách mạng* trong các trường tiểu học ở Vinh. Trong hồi ký của mình, đồng chí Võ Mai kể lại: "Các anh Hà Huy Tập, Trần Phú, Trần Văn Tăng lợi dụng phong trào truyền bá quốc ngữ đứng ra tổ chức những lớp học quốc ngữ để truyền bá tư tưởng yêu nước vào quần chúng công nhân, nông dân và tiểu tư sản. Phong trào đọc sách báo do Hội Phục Việt chủ trương ngày càng lan rộng tập hợp được khá đông đảo những người có tư tưởng yêu nước, tiến bộ trong quần chúng, nhất là trong tầng lớp thanh niên trí thức, học sinh, tiểu tư sản"[(2)].

[(1)] *Hồ sơ mật*, số 193 của Công sứ Vinh do L. Marty gửi Khâm sứ Trung Kỳ.

[(2)] Theo *Đường kách mệnh (hồi ký)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Chi hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1970, tr.135.

Ngoài việc tuyên truyền giáo dục, tổ chức các lớp học văn hóa cho học sinh, công nhân, Hà Huy Tập và Trần Văn Tăng còn mở những lớp huấn luyện chính trị sơ đẳng cho công nhân và đã tổ chức được một chi bộ trong những người công nhân ở Vinh. Theo Nguyễn Lợi kể lại: "Năm 1927, tôi được vào tổ chức *Tân Việt* (tên gọi tắt của *Việt Nam Cách mạng Đảng*), đầu tiên trong đó có anh Lê Viết Thuật, Đinh Văn Lợi, Nguyễn Duy Bẩy... Sau đó chi bộ được tổ chức ở thành Vinh có chị Nguyễn Thị Minh Khai và các anh Trần Hậu Tùng, Đào Xuân Mai và tôi... do anh Hà Huy Tập phụ trách"(1). Truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng của quê hương và gia đình đã hun đúc nên ngọn lửa nhiệt tình cách mạng cháy bỏng, đã tác động sâu sắc đến nhận thức, tư tưởng của Hà Huy Tập. Có thể nói, Hà Huy Tập sớm có chí vươn lên thể hiện tư chất thông minh và bản lĩnh vững vàng của một thanh niên yêu nước.

Cùng với việc tổ chức các lớp học, Hà Huy Tập và các đồng chí trong Hội Phục Việt tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết công khai, thu hút quần chúng và công nhân các nhà máy, xí nghiệp vào các phong trào đấu tranh sôi nổi. Tháng 3-1927, *Việt Nam Cách mạng Đảng* (tên mới đổi của *Hội Phục Việt*) cùng với *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tổ chức cuộc mít tinh tại chùa Diệc ở Vinh, nhân ngày giỗ đầu nhà yêu nước Phan Chu Trinh, thu hút hàng ngàn quần chúng công nông và viên chức quanh vùng tham gia, mà Hà Huy Tập là một trong những người lãnh đạo và diễn thuyết tại cuộc mít tinh. Hoảng sợ trước ảnh hưởng của phong trào, chính quyền thực dân quyết định chuyển Hà Huy Tập đến dạy học ở một trường miền núi ở Kẻ Bọn, thuộc huyện Quỳ Châu, sát biên giới Việt - Lào, cách Vinh 200 km. Hà Huy Tập đã chống lại quyết định đó nên bị sa thải. Được tin đó, "học sinh thành phố Vinh đồng lòng tổng bãi khóa hơn hai tuần lễ, công nhân các nhà máy ở Vinh - Bến Thủy cũng tham gia biểu tình trước cổng Trường Cao Xuân Dục để biểu thị sự phản đối. Một vài nhóm hưng phấn quá mức còn kéo đến nhà viên hiệu trưởng, đánh ông ta; một số khác kéo đến đập phá

(1) *Tọa đàm về lịch sử các tổ chức tiền thân của Đảng*, Bản đánh máy lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, tr.51.

nhà ở của một nhân viên mật thám. Dù sao đó cũng chỉ là phong trào tự phát"[1]. Sau khi bị sa thải, Hà Huy Tập hoạt động bí mật ở Vinh một thời gian nhưng trong hoàn cảnh bị bọn mật thám theo dõi gắt gao.

Cuối tháng 3-1927, lãnh đạo *Việt Nam Cách mạng Đảng* quyết định cử Hà Huy Tập vào Sài Gòn - Gia Định nhằm xây dựng và phát triển tổ chức. Tại Sài Gòn, đồng chí xin vào dạy ở Trường Tiểu học tư thục *An Nam học đường* ở Gia Định để vừa kiếm sống vừa che mắt địch để hoạt động. Ở Sài Gòn - Gia Định, cuối năm 1927, Hà Huy Tập cùng với Nguyễn Đình Kiên, Đào Xuân Mai, Trần Ngọc Danh, Trần Phạm Hổ, Nguyễn Khoa Hiền lập ra Kỳ bộ *Việt Nam Cách mạng Đảng* ở Nam Kỳ do Nguyễn Đình Kiên làm Bí thư, Đào Xuân Mai là Phó Bí thư, Hà Huy Tập làm Thư ký. Kỳ bộ đã kết nạp được nhiều người vào tổ chức, trong đó có nhiều trí thức yêu nước như: Hải Thanh, Hải Triều, Trần Hữu Chương, Trần Hữu Duyệt, Nguyễn Duy Trinh, v.v., đồng thời còn phát triển tổ chức đến các địa phương khác ở Tân An, Mỹ Tho, Biên Hòa, Phan Rang, Nha Trang...

Tháng 6-1928, Hà Huy Tập bị hiệu trưởng Trường *An Nam học đường* thải hồi vì đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình của học sinh chống chế độ hà khắc. Sau khi bị sa thải, Hà Huy Tập làm nhân viên cho một hiệu buôn, nhưng chỉ được hai tháng đồng chí đã nhanh chóng rời hiệu buôn đến làm công cho một đồn điền trồng mía ở Phú Mỹ (Bà Rịa). Trong *Tiểu sử tự thuật*, Hà Huy Tập viết: "Trong những ngày ở Sài Gòn, tôi là bí thư của tổ chức đảng trong vùng. Vùng này thực tế chỉ gồm vài chi bộ nhỏ và vài chục đảng viên. Vì còn thiếu kinh nghiệm trên con đường cách mạng, tôi chưa biết làm thế nào để đạt kết quả tốt hơn, nhưng tôi cũng kết nạp thêm được nhiều đảng viên mới, đã tổ chức được nhiều lớp học chính trị do tôi huấn luyện, đã dịch một số sách mácxít, tổ chức nhiều cuộc đình công trong các đồn điền và các sở hỏa xa"[2].

---

[1],[2] *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Sđd, tr.16,17.

Cuối năm 1927, đầu năm 1928 là thời gian hai tổ chức Việt Nam cách mạng Đảng và Hội Thanh niên ở trong nước bàn kế hoạch hợp nhất. Tháng 01-1928, Việt Nam cách mạng Đảng họp Hội nghị toàn quốc tại Đức Thọ (Hà Tĩnh). Đại biểu Kỳ bộ Nam Kỳ có Nguyễn Đình Kiên (Bí thư), Hà Huy Tập (Thư ký) tham dự. Hội nghị tán thành hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và cử Nguyễn Sĩ Sách đi Hồng Kông (Trung Quốc) để bàn việc hợp nhất. Cuối tháng 3-1928, Nguyễn Sĩ Sách trở về với bức thư đề ngày 18-3-1928 của Tổng bộ Thanh niên. Bức thư viết: "Đối với việc hợp nhất hai hội chúng ta, các đồng chí đã đưa người sang bàn bạc và chúng tôi đã cử người về hoặc chỉ thị cho Tổng hội trong nước để lo việc ấy nhưng chưa làm được. Ngày nay, không nên để tình trạng phân biệt, chúng tôi đề nghị các đồng chí đem toàn bộ Hội của các đồng chí sáp nhập vào Hội của chúng tôi hiện có ở khắp mọi nơi trong ba kỳ. Làm được như thế là chúng ta hợp nhất"[(1)]. Về biện pháp hợp nhất, Tổng bộ Thanh niên yêu cầu giải tán Việt Nam cách mạng Đảng, rồi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tiến hành kết nạp từng người một. Chủ trương này gây phản ứng trong Việt Nam cách mạng Đảng, nên việc hợp nhất không thành.

Ngày 16-01-1928, Hà Huy Tập kết hôn với Nguyễn Thị Giáo[(2)], là con ông Nguyễn Văn Quý, người Thừa Thiên ra làm việc ở Hà Tĩnh. Nguyễn Thị Giáo là học sinh Trường Đồng Khánh (Huế), giác ngộ cách mạng, tham gia phong trào học sinh để tang cụ Phan Chu Trinh ở Huế. Sau khi tốt nghiệp, Nguyễn Thị Giáo sống với gia đình ở Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, Hà Huy Tập ở Hà Tĩnh một thời gian, rồi trở lại Sài Gòn - Gia Định tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng.

Tháng 6-1928, Việt Nam Cách mạng Đảng triệu tập cuộc họp ở Nam Đàn (Nghệ An) bàn việc hợp nhất. Bên Thanh niên vẫn duy trì

---

(1) *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977, tr.88-89.

(2) Theo bản gốc *Giấy đăng ký kết hôn* do Hà Thị Thúy Hằng, con gái đồng chí Hà Huy Tập cung cấp.

ý kiến đồng ý hợp nhất, nhưng phải giải tán Việt Nam Cách mạng Đảng, rồi kết nạp từng người một vào Thanh niên. Bên Việt Nam Cách mạng Đảng phản đối nên việc hợp nhất vẫn không thành. Trước tình hình đó, tháng 7-1928, Việt Nam Cách mạng Đảng tiến hành Đại hội ở Huế, thông qua tôn chỉ, mục đích của Hội và đổi tên là *Tân Việt Cách mạng Đảng* (gọi tắt là *Đảng Tân Việt*) do Đào Duy Anh làm Bí thư. Năm 1928, Kỳ bộ Tân Việt Nam Kỳ được củng cố và hoạt động có hiệu quả hơn. Kỳ bộ đã phân công nhiệm vụ cụ thể như Nguyễn Đình Kiên phụ trách chính kiêm đối ngoại; Đào Xuân Mai phụ trách tổ chức và huấn luyện; Hà Huy Tập, Trần Phạm Hổ, Trần Ngọc Danh phụ trách trí thức và học sinh; Lê Trọng Mẫn phụ trách công nhân; Vũ Oanh phụ trách báo chí (báo *Đuốc Nhà Nam*). Kỳ bộ cũng đã tổ chức những lớp bồi dưỡng cho những đảng viên dự bị, thời gian mỗi lớp khoảng 2-3 tháng, số lượng từ 10 đến 12 người. Tham dự lớp đầu tiên có Nguyễn Trấn, Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Khoa Bội Lan, Trường Sinh, Lê Văn Dung..., giảng viên là Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Trần Phạm Hổ, Nguyễn Khoa Hiền[1].

Cuối tháng 12-1928, nhân vụ án "Thanh niên" ở đường Bácbiê (nay là phố Thạch Thị Thanh), Sài Gòn - Trụ sở của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Kỳ bộ Nam Kỳ của Tân Việt cũng bị khủng bố. Tổng bộ Tân Việt đồng ý để một số đồng chí tạm lánh ra nước ngoài. Hà Huy Tập cùng các đồng chí như Trần Ngọc Danh, Trần Phạm Hổ, Nguyễn Khoa Hiền và hai đồng chí được Tổng bộ Tân Việt cử sang Quảng Châu bàn việc hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là Phan Đăng Lưu và Lê Liên Vũ kịp rời Sài Gòn đi Quảng Châu (Trung Quốc). Tình hình Quảng Châu từ năm 1927 sau vụ phản biến phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch rất căng thẳng, các đảng viên cộng sản Trung Quốc và những người nước ngoài tình nghi là cộng sản bị truy lùng ráo riết và khủng bố dã

[1] Theo *Hồi ký* của Đào Xuân Mai và Trần Hữu Chương, Bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

man. Nhiều cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bị bắt và phải tránh sự lùng sục của chúng. Khi đoàn của Hà Huy Tập đến Quảng Châu, Phan Đăng Lưu và Lê Liên Vũ có nhiệm vụ bắt liên lạc với Tổng bộ Thanh niên, nhưng đã không liên lạc được, nên đầu tháng 5-1929 hai người phải trở về nước.

Từ Quảng Châu, Hà Huy Tập đi Nam Kinh rồi đến Thượng Hải, bắt liên lạc được với một số nhà cách mạng Việt Nam ở nước ngoài, được gặp các đồng chí và những người yêu nước đang hoạt động bí mật ở đây. Được Lê Hồng Sơn trực tiếp giúp đỡ, Hà Huy Tập sớm thấy vấn đề hợp nhất giữa hai tổ chức cách mạng mà Đại hội toàn quốc lần thứ I của Tân Việt giao phó cho mình đã trở thành lỗi thời và đồng chí quyết định ở lại hoạt động. Sự lựa chọn này của Hà Huy Tập là bước ngoặt có tính chất quyết định trong cuộc đời hoạt động đầy sôi nổi, nhiệt huyết yêu nước và là cái mốc mở đầu bước đường chính thức trở thành nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Từ đây, Hà Huy Tập gắn liền toàn bộ cuộc đời với sự nghiệp cách mạng của dân tộc và của Đảng. Với ý nghĩa đó, Hà Huy Tập trở thành một trong những đồng chí thuộc lớp chiến sĩ tiên phong trong thời kỳ đấu tranh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong những ngày tháng ở lại Quảng Châu, Nam Ninh, Thượng Hải (Trung Quốc), được sống chung với các đồng chí trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hà Huy Tập nhận thức thêm được nhiều điều mới mẻ và xu hướng phát triển tất yếu của tổ chức mình mới tham gia sẽ trở thành Đảng Cộng sản. Nhưng điều quan trọng hơn, vốn là người năng động, thẳng thắn, cương trực, có quá trình hoạt động thực tiễn và đã qua thử thách trong phong trào đấu tranh cách mạng, các đồng chí trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên gợi ý cho Hà Huy Tập nên sang Liên Xô học để sau này trở về giúp Tổ quốc, giúp đồng bào. Tháng 4-1929, thông qua Tổng lãnh sự Liên Xô ở Trung Quốc, Hà Huy Tập được

giới thiệu sang Liên Xô học tập. Công văn của Ban Bí thư Phương Đông ghi rõ: "Xin gửi đến các đồng chí tiếp nhận làm sinh viên thuộc nhóm đặc biệt những công nhân Đông Dương sau đây: đồng chí Blôcốp và Xinhítrơkin"[1]. Đầu tháng 5-1929, Quốc tế Cộng sản đồng ý tiếp nhận, cấp hộ chiếu và tiền cho Hà Huy Tập vào học Trường Đại học Phương Đông.

Tháng 6-1929, từ Thượng Hải, Hà Huy Tập lên chiếc tàu biển của Liên Xô đến thành phố Vlađivôxtốc, rồi đi xe lửa xuyên Xibêri và đến ngày 19-7-1929 có mặt ở Mátxcơva. Ngày 24-7-1929, Hà Huy Tập nhập Trường Đại học Phương Đông khóa dài hạn, niên khóa 1929-1932 với tấm thẻ số 4716 và với tên Nga là Xơnhítrơkin khi tròn 23 tuổi. Cùng vào học với Hà Huy Tập có Trần Ngọc Danh với tên Nga là Blôcốp, số thẻ 4717. Trước Hà Huy Tập, đã có nhiều người Việt Nam sang học tại Trường Đại học Phương Đông. Khi đồng chí nhập trường, thì những sinh viên này đã học xong và lần lượt về nước hoạt động. Tại Trường Đại học Phương Đông, Hà Huy Tập được học ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Nga, nghiên cứu một cách có hệ thống lý luận Mác - Lênin, lịch sử cách mạng Nga, lịch sử phong trào cách mạng phương Đông, lịch sử phong trào Công đoàn, lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, lịch sử Quốc tế Cộng sản, các môn học chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, chủ nghĩa xã hội khoa học, kinh tế chính trị học và xã hội học Xô viết, v.v.. Riêng môn chủ nghĩa Lênin phải học ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận mácxít; mối liên hệ giữa chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin; lý luận về cách mạng vô sản, về chuyên chính vô sản; chiến lược và sách lược cách mạng; vấn đề dân tộc và thuộc địa… "Học lý luận gắn liền với tham quan thực tế công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; liên hệ với thực tiễn nóng bỏng của cuộc đấu tranh chống đế quốc, thực dân ở Đông Dương và các nước thuộc địa; chiến tranh và cách mạng"[2].

---

[1] Đức Vượng: *Đồng chí Hà Huy Tập - Tổng Bí thư của Đảng (1936-1938)*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh xuất bản, 2000, tr.29.

[2] A.A. Xôcôlốp: *Quốc tế Cộng sản và Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,1998, tr.79.

2. Khôi phục các tổ chức của Đảng, nhà lý luận sắc sảo

Trong thời gian học ở Trường Đại học Phương Đông, Hà Huy Tập chú trọng nghiên cứu lý luận cách mạng, tìm hiểu tình hình thế giới, tình hình Đông Dương và nắm vững các hoạt động của các tổ chức cộng sản ở trong nước thông qua con đường của Quốc tế Cộng sản. Đồng chí đã viết một số bài đăng trên Tạp chí *Bônsơvích* - cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Pháp và biên soạn một số tài liệu gửi Quốc tế Cộng sản dưới bút danh Hồng Thế Công. Đồng chí còn cùng với Bùi Công Trừng và nhóm sinh viên Việt Nam được phân công viết dự thảo văn kiện của Quốc tế Cộng sản gửi cho các nhóm cộng sản ở Đông Dương về sự cần thiết phải thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất ở Đông Dương. Trên cơ sở đó, tháng 11-1929, Quốc tế Cộng sản chính thức gửi đến Đảng ta văn kiện *Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương*. Sau khi vào Trường học một thời gian, với khả năng học tập và công tác, ngày 25-4-1931, Hà Huy Tập được kết nạp vào Đảng Cộng sản Liên Xô.

Được tin đồng chí Trần Phú, Tổng Bí thư của Đảng hy sinh (ngày 06-9-1931), Hà Huy Tập viết bài *Tưởng nhớ đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương* (cuối bài đề Sài Gòn, ngày 26-02-1932). Sau khi khái quát quá trình hoạt động cách mạng, những công lao và đóng góp của đồng chí Trần Phú đối với cách mạng Đông Dương, Hà Huy Tập khẳng định: "Đồng chí Trần Phú - Tổng Bí thư của Đảng ta đã mất, nhưng tên tuổi của đồng chí sống mãi không những trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đông Dương mà còn sống mãi trong lòng nhân dân lao động Đông Dương trong thời đại hiện nay và sau này. Sự nghiệp cách mạng, tinh thần hy sinh và đạo đức cách mạng tuyệt vời của đồng chí Trần Phú ở trong nhà tù đế quốc phải được coi là tấm gương sáng chói cho những người cộng sản ở tất cả các nước nói chung và cho những người cộng sản ở Đông Dương nói riêng"[(1)].

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập, phong trào đấu tranh của nhân dân ta phát triển mạnh

[(1),(2)] *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Sđd, tr.77.

mẽ, rộng khắp cả nước, đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Hoảng sợ trước phong trào, đế quốc Pháp tiến hành đàn áp đẫm máu, nhiều chiến sĩ cộng sản bị bắt bớ, tù đày, tra tấn dã man và hy sinh anh dũng, các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở đều bị phá vỡ. Trước tình hình đó, đầu năm 1932 Quốc tế Cộng sản giao cho nhóm sinh viên Việt Nam ở Trường Đại học Phương Đông, trong đó có Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Trần Văn Giàu, Nguyễn Khánh Toàn,... dự thảo *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương* (gọi tắt là *Chương trình hành động*) dưới danh nghĩa Ban Chấp ủy lâm thời của Đảng để chỉ đạo phong trào cách mạng Đông Dương trong thời kỳ địch khủng bố trắng. Hà Huy Tập cùng các đồng chí của mình khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ trước khi đồng chí Lê Hồng Phong được cử về nước để lãnh đạo việc khôi phục, phát triển tổ chức đảng và phong trào cách mạng. *Chương trình hành động* của Đảng có tác dụng củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhanh chóng khôi phục phong trào cách mạng, là ngọn đèn pha soi sáng con đường cách mạng Đông Dương bước vào giai đoạn mới.

Với trí tuệ và tư duy nhạy bén, Hà Huy Tập sớm trở thành nhà lý luận sắc sảo của Đảng. Qua những bài viết đăng trên các báo, tạp chí, cơ quan ngôn luận đương thời, nhằm tổng kết những vấn đề mang tính lý luận, rút ra những bài học kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, đồng thời phê phán những khuynh hướng tư tưởng phi mácxít trong Đảng và trong phong trào cách mạng Đông Dương, nhằm đoàn kết, tập hợp lực lượng xung quanh Đảng bước vào trận chiến đấu mới. Hà Huy Tập đã thể hiện là cây bút sắc bén, một nhà lý luận có kinh nghiệm. Điển hình là tác phẩm: *Lịch sử Tân Việt Cách mệnh Đảng* (tháng 10-1929). Nội dung trình bày sự ra đời, tổ chức và hoạt động của Đảng Tân Việt, mà tiền thân là Hội Phục Việt; những cố gắng của Ban lãnh đạo Tân Việt trong bốn lần hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không thành. Theo Hà Huy Tập, nguyên nhân không phải ở cương lĩnh chính trị mà là ở vấn đề tổ chức. Đồng thời cũng chỉ ra một số sai lầm và hạn chế của Đảng Tân Việt trong đường lối cũng như trong tổ chức thực hiện.

Nhân kỷ niệm hai năm thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương với bút danh Hồng Thế Công, Hà Huy tập viết bài *Hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương* (tháng 11-1931), đăng trên Tạp chí *Bônsovích,* nhằm tổng kết hoạt động của Đảng trong hai năm đã qua. Trong bài viết, đồng chí khẳng định: "Hoạt động cách mạng của Đảng không chỉ giới hạn trong việc mở rộng và tổ chức các tổ chức cách mạng. Ở mọi nơi và mọi lúc, Đảng đã tỏ rõ với quần chúng rằng, mình là người lãnh đạo thực sự, người chỉ huy thực sự, người duy nhất bảo vệ kiên quyết, hết lòng và thường xuyên của tất cả những người bị bóc lột ở Đông Dương"(1). Bằng việc đưa ra những dẫn chứng cụ thể, đồng chí khẳng định những kết quả đã đạt được trong lãnh đạo của Đảng, đồng thời cũng chỉ ra những khó khăn đang đặt ra cho Đảng, đó là cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, khuynh hướng manh động, khủng bố cá nhân, biệt phái, v.v.. Đồng chí kết luận: "Mặc dù còn trẻ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tỏ rõ một sự vững vàng về hệ tư tưởng vô sản, một tính chiến đấu mẫu mực, một nghị lực hành động, một chủ nghĩa anh hùng đáng khen giữa những cuộc đàn áp đẫm máu của đế quốc Pháp… Chúng tôi hy vọng rằng, Đảng sẽ nhanh chóng đứng lên trở lại, sau những đòn khủng bố ác liệt mà đế quốc Pháp đã giáng xuống các đảng viên của Đảng, rằng Đảng sẽ củng cố tốt các tổ chức của mình và tiếp tục theo truyền thống chiến đấu của mình, lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng trên mọi mặt trận để đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến, bọn địa chủ, và để lập nên ở Đông Dương nền chuyên chính của giai cấp vô sản và của dân cày, dưới hình thức Xô viết"(2).

Sau khi Tạp chí *Bônsovích* số 6 của Đảng Cộng sản Pháp công bố *Bức thư từ Đông Dương*, trong đó thể hiện những quan điểm sai lầm về lịch sử và cuộc đấu tranh của Đảng Cộng sản Đông Dương, Hà Huy Tập đã viết thư *Gửi Ban Biên tập Tạp chí Bônsovích* (tháng 02-1932) dưới hình thức bút chiến để cải chính những quan điểm không đúng nói trên. Đồng chí bác bỏ quan điểm cho rằng, Đảng Cộng sản Đông Dương "ra đời từ những phần tử tiên tiến của Đảng quốc gia An Nam"; bác bỏ luận điệu về cái gọi là "sự chậm trễ

(1),(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.415, 426.

của phong trào công nhân so với phong trào nông dân"; phê phán cách nhìn bi quan về giai đoạn thoái trào hiện tại. Nhận định về cách mạng Đông Dương, cuối thư đồng chí thể hiện rõ tinh thần lạc quan: "Nhiệm vụ của chúng tôi nặng nề và khó khăn, nhưng chúng tôi sẽ biết cách vượt qua tất cả những trở ngại và những khó khăn sẽ xuất hiện trước mắt chúng tôi. Chúng tôi sẽ luôn tiến bước với niềm phấn khởi và nghị lực nhiều hơn nữa. Thắng lợi của cách mạng Đông Dương sẽ ở trong tay chúng tôi: chúng tôi chỉ việc tiến tới đó bằng tranh đấu"[(1)].

Năm 1932, ở trong nước diễn ra cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cải lương quốc gia. Nhóm học sinh Đông Dương ở Trường Đại học Phương Đông tổ chức nhiều buổi thảo luận, phê phán tính không nhất quán, do dự của các đảng cách mạng quốc gia tiểu tư sản. Hà Huy Tập đã viết bài *Đảng Cộng sản Đông Dương đứng trước chủ nghĩa cải lương quốc gia* (cuối bài đề Sài Gòn, đầu năm 1932). Sau khi phân tích làm rõ thực chất chủ nghĩa cải lương quốc gia và để khắc phục những lệch lạc trong nhận thức lý luận và chỉ đạo thực tiễn, đồng chí xác định: "Muốn vậy, và để sử dụng tốt các lực lượng phản đế của những người cách mạng quốc gia, để tranh thủ quần chúng lao động tiểu tư sản về phía chúng ta, chúng ta phải thực hiện sách lược mặt trận thống nhất; chúng ta phải lôi kéo trào lưu cách mạng quốc gia vào mặt trận tranh đấu phản đế, dưới bá quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương"[(2)]. Cuối bài, đồng chí nhấn mạnh: "Đảng Cộng sản Đông Dương muốn làm tròn nhiệm vụ của mình trong cách mạng thì phải phát triển phong trào quần chúng và lãnh đạo quần chúng, để có thể trong ngọn lửa của cuộc tranh đấu, xây dựng, củng cố Đảng, đội quân chính trị của quần chúng, vũ khí quyết định thắng lợi của cách mạng Đông Dương"[(3)].

Nhằm giúp những người cộng sản Đông Dương hiểu rõ thực chất những cải cách đế quốc chủ nghĩa, với bút danh Hồng Thế Công, Hà Huy Tập viết tiếp bài *Những cải cách đế quốc chủ nghĩa*

[(1),(2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.275, 240.

[(3)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.240-241.

(tháng 3-1932). Trong đó, đồng chí dẫn chứng và phân tích sâu sắc về cái gọi là "cải cách" của Pátxkiê, Râynô và Marinétti là lừa bịp quần chúng công nhân và nông dân, tách họ khỏi cuộc đấu tranh cách mạng để thực hiện mục đích đen tối là làm tê liệt sự phản kháng, tiêu diệt tận gốc sức mạnh của phong trào cách mạng, mưu sát Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí cho rằng, bất chấp những thủ đoạn của chúng, nếu "Đảng biết động viên quần chúng, nếu áp dụng đường lối đúng đắn của Quốc tế Cộng sản, thì Đảng sẽ thắng cuộc, các điều kiện khách quan là thuận lợi đối với chúng ta hơn bao giờ hết"[(1)]. Ngoài ra, trong năm 1932, Hà Huy Tập còn viết các tác phẩm như: *Tư liệu bổ sung về nguồn gốc các tổ chức cộng sản ở Đông Dương* và *Cuộc cách mạng ở Đông Dương*... Có thể nói, toàn bộ những vấn đề tư tưởng và tổ chức nảy sinh trong thời kỳ Đảng ta mới ra đời và trước sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù được Hà Huy Tập khắc họa khá đậm nét, trong đó nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Sau cao trào cách mạng 1930-1931, đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh, hầu hết các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương của Đảng bị địch bắt, tù đày hoặc bị giết hại trong thời kỳ khủng bố trắng của đế quốc Pháp, Quốc tế Cộng sản tạo mọi điều kiện giúp Đảng ta, đã quyết định đưa phần lớn học viên Việt Nam đang học tập ở Liên Xô về nước nhằm gây dựng lại tổ chức và khôi phục phong trào. Sau ba năm học ở Trường Đại học Phương Đông (7-1929 - 4-1932), Hà Huy Tập tốt nghiệp vào loại khá, được Quốc tế Cộng sản quyết định cử về nước nhằm tăng cường cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Đảng ta. Ngày 30-4-1932, từ Mátxcơva, Hà Huy Tập đi Pari, nhưng tới Pari thì bị nhà chức trách nơi đây trục xuất khỏi nước Pháp. Cuối tháng 6-1932, đồng chí rời Pháp sang Bỉ rồi trở lại Liên Xô. Trong khi chờ đợi tìm đường về nước, Hà Huy Tập nghiên cứu, sưu tầm tài liệu ở các trung tâm lưu trữ, các sách báo, tạp chí đã xuất bản nhằm tổng kết hoạt động thực tiễn của Đảng ta sau ba năm ra đời, làm rõ những đặc điểm của phong trào cách mạng

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.4, tr. 287.

Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng, rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm đưa phong trào cách mạng tiến lên. Tháng 3-1933, nhân kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập Đảng, Hà Huy tập viết một loạt bài: *Kỷ niệm ba năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương thống nhất* (tháng 01-1933); *Thư ngỏ gửi ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, đại diện của chủ nghĩa đế quốc Pháp* (tháng 3-1933); cùng với Trần Văn Giàu dịch tác phẩm *Bệnh ấu trĩ của chủ nghĩa cộng sản* từ bản tiếng Pháp sang tiếng Việt, v.v..

Cũng để thiết thực kỷ niệm ba năm ngày thành lập Đảng, với bút danh Hồng Thế Công, Hà Huy Tập viết tác phẩm *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương* (tháng 3-1933) bằng tiếng Pháp. Trong lời *Cùng bạn đọc*, Hà Huy Tập viết rõ: "Cuốn sách này được viết ra một cách vội vàng và trong những điều kiện khó khăn, nên chỉ là phác thảo đầu tiên, một loại thử bàn về lịch sử Đảng Cộng sản Đông Dương. Nó có thể có nhiều sai lầm bởi vì khi viết, chúng tôi không có tư liệu đầy đủ, chính xác, vả lại trong khi tiến hành, chúng tôi lại thiếu cả chỉ đạo. Tuy vậy, hy vọng nó vẫn có thể phục vụ cho các đảng viên trẻ và công nhân cách mạng để họ có thể hiểu Đảng chúng ta, tránh những sai lầm và rút ra những kinh nghiệm bổ ích trong ba năm đấu tranh anh hùng của quần chúng lao động Đông Dương và người lãnh đạo họ, Đảng Cộng sản Đông Dương"[(1)]. Tác phẩm gồm 10 chương, được chia thành ba phần. *Phần mở đầu* có hai chương viết về lịch sử hình thành và quá trình hoạt động của các tổ chức tiền thân của Đảng như Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cách mạng Đảng. *Phần thứ hai* có hai chương viết về lịch sử hình thành và quá trình hoạt động của Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Tân Việt Cộng sản Liên đoàn. *Phần thứ ba* có sáu chương viết về Hội nghị hợp nhất; về phong trào cách mạng trước tháng 9-1930; về thời kỳ Xô viết, tiến tới bônsơvích hóa Đảng; về tình hình Đảng sau khi các Xô viết ở Bắc Trung Kỳ tan rã và giai đoạn hiện tại. Nội dung của tác phẩm làm rõ vai trò tiên phong của Đảng Cộng sản Đông Dương, đặc biệt là phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh; nguyên nhân và ý nghĩa thắng lợi của các cuộc đấu

[(1)] *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Sđd, tr.179.

tranh; vai trò, trách nhiệm to lớn của Đảng; khái quát thực trạng phong trào đấu tranh của công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng. Kết luận tác phẩm, Hà Huy Tập viết: "Mặc dù còn trẻ và thiếu kinh nghiệm, Đảng Cộng sản Đông Dương chúng ta đã viết nên những trang sử mới rất vẻ vang trong phong trào cách mạng của xứ sở. Từ chỗ đầu tiên chỉ là những nhóm nhỏ, lẻ tẻ, ngày nay Đảng ta đã trở thành một đảng quần chúng, ảnh hưởng lan rộng và ăn sâu trong các tầng lớp quần chúng bị bóc lột đông đảo. Đối với họ, lá cờ đỏ của chúng ta là tượng trưng sinh động nhất, cụ thể nhất cho cuộc đấu tranh quyết định nhằm giải phóng họ khỏi ách phong kiến và đế quốc"[(1)].

Hoàn thành tác phẩm trên, Hà Huy Tập đã khảo cứu một cách công phu phong trào cách mạng Đông Dương. Tuy "còn nhiều thiếu sót" như tác giả thừa nhận, nhưng trong tác phẩm, đồng chí đã đánh giá cao việc hợp nhất các tổ chức cộng sản ở nước ta thành một đảng duy nhất để lãnh đạo cách mạng Việt Nam; đồng thời đánh giá cao vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng: "Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người có sáng kiến đề ra và lãnh đạo công cuộc thống nhất... Công lao to lớn của đồng chí là đã tập hợp được các lực lượng cộng sản phân tán thành một khối, nhờ đó mà đã đưa lại cho những người lao động Đông Dương một đội tiền phong chiến đấu và kiên quyết cách mạng"[(2)]. Tuy ở xa Tổ quốc, nhưng với năng lực và hiểu biết toàn diện, với tư duy chính trị khoa học và phương pháp lịch sử, Hà Huy Tập đã dành tâm sức khai thác nhiều tài liệu, tổng kết khá sâu sắc lịch sử Đảng ta trong những năm đầu tiên Đảng lãnh đạo cách mạng. Với ý nghĩa đó, Hà Huy Tập xứng đáng là người đầu tiên nghiên cứu và viết về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hà Huy Tập không có may mắn được gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, vì cuối năm 1928 khi đồng chí đến Quảng Châu (Trung Quốc), được giới thiệu đi học ở Trường Đại học Phương Đông và

[(1),(2)] *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Sđd, tr. 475, 262-263.

khi đến Liên Xô thì Nguyễn Ái Quốc đã rời Liên Xô về phương Đông và lúc này Người đang hoạt động ở Xiêm (Thái Lan), xúc tiến việc chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hà Huy Tập chưa một lần được gặp Nguyễn Ái Quốc mà chỉ biết Người thông qua những tác phẩm của Người. Có thể nói, đây là thiệt thòi lớn đối với Hà Huy Tập trong bước đường hoạt động cách mạng. Mặt khác, Quốc tế Cộng sản thời kỳ này rơi vào "tả" khuynh, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp, điều đó được phản ánh vào nội bộ Đảng ta.

Tháng 4-1933, Quốc tế Cộng sản tiếp tục cử Hà Huy Tập về nước nhằm tăng cường lực lượng cán bộ lãnh đạo cho cách mạng Đông Dương. Cùng về chuyến này có đồng chí Nguyễn Văn Dựt, theo đường Mátxcơva - Vlađivôxtốc - Hồng Kông - Quảng Châu. Sau khi liên lạc được với Lê Hồng Phong, ngày 01-8-1933, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Dựt họp bàn những vấn đề quan trọng, cấp bách của cách mạng Đông Dương và chuẩn bị cho hội nghị của Đảng. Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 3-1934, ba đồng chí đều có mặt tại Ma Cao (Trung Quốc). Được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng được thành lập: Lê Hồng Phong là Thư ký, Hà Huy Tập phụ trách tuyên huấn, kiêm Tổng Biên tập Tạp chí *Bônsơvích*, Nguyễn Văn Dựt phụ trách kiểm tra. Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng có nhiệm vụ liên hệ với những cơ sở và tổ chức đảng ở trong nước, đưa đảng viên ở nước ngoài về nước hoạt động, phối hợp với đảng viên trong nước củng cố tổ chức của Đảng, khôi phục và phát triển phong trào, bổ sung thay thế những cán bộ bị địch giết hại hoặc tù đày, chuẩn bị văn kiện và tổ chức Đại hội lần thứ I của Đảng sắp tới.

Ban Chỉ huy ở ngoài cho ra Tạp chí *Bônsơvích* - cơ quan ngôn luận của Đảng do Hà Huy Tập phụ trách, có nhiệm vụ truyền truyền và hướng dẫn các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Nội dung Tạp chí phong phú, bảo đảm việc truyền bá chủ trương, đường lối của Đảng, thống nhất nhận

định, tư tưởng trong Đảng ở thời kỳ khó khăn của cách mạng nước ta. Phần lớn những bài xã luận, bình luận lý luận chính trị trong nước và quốc tế đăng trên Tạp chí đều do Hà Huy Tập viết với bút danh Hồng Thế Công. Như vậy, đến cuối năm 1934, công tác lập lại cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đã đạt được những kết quả căn bản. Trên thực tế, Ban Chỉ huy ở ngoài đã làm chức năng của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng, đã thực hiện sự chỉ đạo thông suốt tới các xứ ủy và cơ sở đảng. Công tác chuẩn bị Đại hội lần thứ I của Đảng càng được tiến hành khẩn trương hơn.

Những kết quả của việc khôi phục phong trào cách mạng, lập lại các cơ quan lãnh đạo của Đảng trong những năm 1932-1935 đã thể hiện rõ tài năng, trí tuệ và nghị lực của những cán bộ ưu tú của Đảng như các đồng chí Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Dựt, v.v.. Trong lúc kẻ thù dùng đủ mọi thủ đoạn khủng bố hòng tiêu diệt Đảng và phong trào cách mạng Đông Dương, nhưng các đồng chí đảng viên cộng sản vẫn kiên trì phấn đấu, giữ vững tinh thần để nhen nhóm lại ngọn lửa cách mạng. Thời gian không dài, nhưng các đồng chí đã vượt qua mọi gian khổ, hy sinh và đã giải quyết được một khối lượng công việc to lớn, hoàn thành được trách nhiệm mà cách mạng Đông Dương đặt ra và ủy thác.

Để tiến tới Đại hội lần thứ I của Đảng, việc cần thiết là phải có một hội nghị đại biểu trong nước và nước ngoài để thống nhất nhận định tình hình và đề ra chủ trương mới. Hà Huy Tập cùng Lê Hồng Phong đã chuẩn bị kỹ các văn kiện để báo cáo trước hội nghị. Từ ngày 16 đến ngày 21-6-1934, tại Ma Cao (Trung Quốc), Hội nghị Ban Chỉ huy ở ngoài và đại diện các tổ chức đảng ở trong nước được tiến hành. Tham dự Hội nghị có Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Dựt, hai đại biểu từ trong nước sang là Nguyễn Văn Tham, Trần Văn Chấn và một số đồng chí đang hoạt động tại miền Nam Trung Quốc. Hội nghị nêu nhận định tình hình Đông Dương và quốc tế, kiểm điểm việc thực hiện *Chương trình hành động* của Đảng trên các mặt công tác tư tưởng, tổ chức và công tác vận động quần chúng. Hội nghị quyết định nhiều vấn đề quan trọng

nhằm phục hồi các hoạt động của Đảng từ trung ương đến cơ sở. Cụ thể là: thi hành các nghị quyết của Hội nghị; tiến hành thành lập các xứ ủy ở Trung Kỳ và Lào; tổ chức lại Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ và lập lại cơ quan lãnh đạo các tỉnh bộ Hà Nội, Hải Phòng và Hòn Gai; gửi thư cho các Đảng Cộng sản Trung Quốc, Pháp, Thái Lan; chuẩn bị tổ chức Đại hội lần thứ I của Đảng, v.v.. Các văn kiện do Hà Huy Tập và Lê Hồng Phong dự thảo được Hội nghị nhất trí thông qua. Nghị quyết Hội nghị và *Chương trình hành động* của Đảng được dùng làm tài liệu thảo luận trong các chi bộ tại Đại hội Đảng sắp tới.

Tháng 9-1934, Ban Chỉ huy ở ngoài cử Lê Hồng Phong làm trưởng đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva (Liên Xô), Hà Huy Tập đảm nhiệm trọng trách của Lê Hồng Phong. Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng sắp tới, Hà Huy Tập phải chuẩn bị các văn kiện trình Đại hội, chuẩn bị địa điểm họp, v.v.. Ngày 20-12-1934, Hà Huy Tập viết *Báo cáo của Ban Chỉ huy ở ngoài* gửi Quốc tế Cộng sản, trong đó khái quát hoạt động của Đảng ta, của sinh viên đã học ở Trường Đại học Phương Đông về nước hoạt động và vai trò của họ trong phong trào hiện tại; một số biện pháp mà Ban Chỉ huy ở ngoài đã tiến hành để có thể tổ chức Đại hội Đảng vào đầu tháng 3-1935; dự kiến những tài liệu sẽ trình bày và thảo luận tại Đại hội; kiến nghị Quốc tế Cộng sản sớm có chỉ thị cụ thể để chỉ đạo về nhân sự, nhất là Ban Thường vụ và Tổng Thư ký. Trong báo cáo, Hà Huy Tập đề nghị cho biết: "Dự kiến của các đồng chí về Tổng Thư ký và Ban Thường vụ. Hãy gửi sớm cho chúng tôi các chương trình của Đảng, của Thanh niên cộng sản và của các công hội. Hãy gửi nhanh cho chúng tôi *tất cả* các học viên đã kết thúc việc học tập của họ; chúng tôi cần khẩn cấp những cán bộ lãnh đạo cho Bắc Kỳ, Ai Lao và Trung Kỳ. Đảng Xiêm tha thiết đòi hỏi gửi cho họ một nhà lãnh đạo tốt người Đông Dương. Dự kiến của các đồng chí về vấn đề đó"[(1)], v.v.. Đáp lại đề nghị trên, Quốc tế Cộng sản cử nhiều học viên học tập ở Liên Xô về nước nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ cho Đảng ta. Riêng về Hà Huy Tập, trong

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.195.

thư *Gửi cho những đồng chí Đông Dương*, ngày 17-3-1935, Quốc tế Cộng sản khẳng định: "Chúng tôi ủng hộ việc đề cử Lítvinốp (Hải An) giữ chức Tổng Thư ký Ban Trung ương Chấp ủy. Xinhítrơkin (Hà Huy Tập) phải ở lại làm Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài. Đồng chí Lítvinốp chỉ về nước sau Đại hội (Đại hội VII Quốc tế Cộng sản), cho nên hãy chọn người dự bị cho đồng chí ấy"[(1)].

Để khẳng định rõ vị trí của Hà Huy Tập, trong *Thư gửi Lê Hồng Phong*, ngày 10-02-1932 có ký tên Miphơ và Vaxiliêva, đều là cán bộ Phòng Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, có ghi: "Chúng tôi yêu cầu đồng chí suy nghĩ về vấn đề này và giải quyết. Nếu đồng chí thấy đây là điều có ích, thì chúng tôi có thể phái đến để tăng cường thêm đồng chí Xinhítrơkin người Đông Dương mà đồng chí biết rất rõ. Đồng chí này rất chắc chắn trong đường lối, về phương diện chính trị, đồng chí ấy đã được huấn luyện tốt về lý thuyết và có kinh nghiệm công tác quần chúng. Do đó đồng chí ấy có thể đem lại cho đồng chí một sự trợ giúp lớn không chỉ đối với công tác Đông Dương, mà cả đối với công tác chung đào tạo cán bộ, giám đốc các trường Đảng, viết bài cho báo chí"[(2)]. Ngày 19-3-1932, Quốc tế Cộng sản lại gửi thư cho Lê Hồng Phong, một lần nữa khẳng định lại những phẩm chất của Hà Huy Tập là "một đồng chí trung thành, vững vàng về tính đảng và tích cực phi thường. Trong tình hình mà các đồng chí có ở các nhóm những đồng chí Đông Dương, một đồng chí như vậy sẽ rất có lợi cho các đồng chí. Ngoài ra, các đồng chí có thể sử dụng đồng chí ấy để tiến hành công tác giáo dục và báo chí của các đồng chí"[(3)]. Rõ ràng, Quốc tế Cộng sản đánh giá cao năng lực và uy tín của Hà Huy Tập, nhất là trong lúc Đảng ta đang gặp khó khăn, cần phải có những người lãnh đạo tài năng và bản lĩnh. Trên thực tế, khi Lê Hồng Phong đi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản thì Hà Huy Tập đã đảm trách vị trí người lãnh đạo cao nhất của Đảng ta lúc đó.

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5. tr.414

[(2),(3)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t,4, tr.249, 276.

Trong thời gian này, ngoài việc chuẩn bị nhân sự, Hà Huy Tập phải hoàn thành các dự thảo văn kiện như: Báo cáo chính trị, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, Cứu tế đỏ, Điều lệ Đảng, điều lệ các tổ chức quần chúng, thư gửi Quốc tế Cộng sản và các đảng anh em, v.v.. Để thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, một nhiệm vụ rất quan trọng là phải phổ biến rộng rãi tới đảng viên bản *Chương trình hành động* của Đảng đã được Quốc tế Cộng sản thông qua. Vì vậy, Hà Huy Tập phải tranh thủ thời gian viết bài *Trước lúc Đại hội Đảng phải nghiên cứu bản Chương trình hành động của Đảng một cách thế nào?* đăng trên Tạp chí *Bônsovích*, số 10, tháng 02-1935, trong đó chỉ rõ một tồn tại là: "Hội nghị của Ban Chỉ huy ở ngoài cùng với các đại biểu của các đảng bộ trong xứ (tháng 6-1934) quyết định lấy Nghị quyết của Hội nghị ấy và bản Chương trình hành động mà làm tài liệu căn bổn để thảo luận trong các chi bộ, đặng dự bị đệ nhất thứ toàn quốc đại biểu Đại hội của Đảng. Dự bị Đảng đại biểu Đại hội kinh qua trong một thời kỳ năm, sáu tháng, nhưng đến nay bản Chương trình hành động vẫn chưa thảo luận khắp các đảng bộ. Ở Nam Kỳ, Cao Miên và phía nam Trung Kỳ đã tiếp được bản Chương trình hành động ấy, *mà các địa phương đảng bộ ấy hoàn toàn miệt thị* sự quan trọng của bản Chương trình hành động ấy, nên chưa đem ra chính thức thảo luận trong các chi bộ; còn ở Bắc Kỳ, Ai Lao và miền Bắc Trung Kỳ thì Đảng chỉ mới bắt đầu nhận được bản Chương trình hành động ấy. Việc này thật là một khuyết điểm rất lớn, ngăn trở công việc dự bị Đảng Đại hội mau phát triển"[(1)].

Nói về tầm quan trọng của bản *Chương trình hành động*, bài viết khẳng định: "Bản Chương trình ấy là kim chỉ nam cho tất thảy các đảng bộ về đường lý thuyết, tổ chức và thực hành. Tình hình thế giới, tình hình xứ Đông Dương và những ưu điểm, khuyết điểm của Đảng đều giải thích một cách rõ rệt. Những vấn đề rất quan trọng của cuộc cách mạng tư sản dân quyền như: tánh chất, nhiệm vụ, động lực cách mạng, vai trò chỉ đạo của vô sản giai cấp đối với

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.406-407.

các giai cấp khác, v.v., đều đã do bản Chương trình hành động giải quyết một cách rất rõ rệt, khiến cho sách lược của toàn Đảng đối với các vấn đề ấy đều được thống nhất"[1]. Vì thế, trong bài viết, Hà Huy Tập yêu cầu: "a) Đem ra thảo luận rất kỹ càng trong các đảng bộ và trong các đoàn thể quần chúng. Mỗi đồng chí cần phải phát biểu ý kiến và đề nghị; b) Mỗi đảng bộ cần cử ra từng đội tuyên truyền đi học và giảng bản Chương trình hành động cho quần chúng...; d) Báo chương của các đảng bộ phải lần lượt giải thích các vấn đề chính trị và các khẩu hiệu trong bản Chương trình hành động; đ) Cần tranh đấu chống hết các xu hướng miệt thị hay cải biến Chương trình hành động (như Nam Kỳ)"[2]. Bài viết của Hà Huy Tập đã giúp cho đội ngũ đảng viên hiểu biết thêm những nét cơ bản về đường lối của Đảng lúc đó, góp phần củng cố và xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức tiến tới Đại hội lần thứ I của Đảng.

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng được tiến hành tại Ma Cao dưới sự chủ trì của Hà Huy Tập. Dự Đại hội có 13 đại biểu. "Tại Đại hội có mặt: 2 đại biểu của Ban Chỉ huy ở ngoài, 3 đến từ Cao Miên, Nam Kỳ và Nam Trung Kỳ, 1 của Lào, 2 của Bắc Trung Kỳ, 2 của Bắc Kỳ (cuối Đại hội mới tới), 3 đến từ Xiêm (1 Xiêm, 1 Tàu, 1 Việt Nam)"[3], thay mặt cho 553 đảng viên của Đảng[4]. Ban Chỉ huy ở ngoài có Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên. Đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản từ cuối năm 1934, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang công tác ở Quốc tế Cộng sản, nên không tham dự Đại hội.

Tại Đại hội, Hà Huy Tập trình bày *Báo cáo chính trị*, trong đó đề cập đến tình hình quốc tế, tình hình Đông Dương; chính sách và mưu mô mới của đế quốc Pháp và của bọn thống trị ở bản xứ; cao trào cách mạng mới; tình hình và nhiệm vụ trước mắt của Đảng và

---

[1],[2],[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5, tr. 405, 409-410, 192.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.195.

của các tổ chức quần chúng, v.v.. Sau hơn bốn ngày làm việc khẩn trương, Đại hội đã thông qua gần 30 văn kiện quan trọng do Hà Huy Tập và một số đồng chí dự thảo, gồm các nghị quyết như: Báo cáo chính trị; về công tác vận động công nhân, nông dân, thanh niên, binh lính, phụ nữ, công tác trong các dân tộc thiểu số, công tác liên minh phản đế; về đội tự vệ, cứu tế đỏ; về Điều lệ Đảng và điều lệ các tổ chức quần chúng; thư gửi Quốc tế Cộng sản và các đảng bạn; Tuyên ngôn của Đại hội gửi những người lao động trong nước, v.v.. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 13 Ủy viên, Ban Thường vụ gồm 5 Ủy viên do Lê Hồng Phong làm Tổng Thư ký (Tổng Bí thư), Hà Huy Tập làm Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài. Hà Huy Tập là người chủ trì Đại hội, nhưng là Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng nên phải đảm trách chức vụ cao nhất của Đảng khi Lê Hồng Phong chưa về nước.

Trong hoàn cảnh Đảng vừa khôi phục tổ chức, phong trào cách mạng đang từng bước phục hồi, Ban Chỉ huy ở ngoài dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hà Huy Tập đã tổ chức thành công Đại hội lần thứ I của Đảng, bầu được một Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn. Thành công của Đại hội đánh dấu Đảng ta đã được khôi phục về tổ chức, các cơ quan lãnh đạo từ trung ương đến cơ sở được lập lại, Đảng vẫn giữ vững và giương cao ngọn cờ lãnh đạo trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Thành công của Đại hội gắn liền với những cố gắng phi thường, tài năng của đồng chí Hà Huy Tập và nhiều chiến sĩ cộng sản trung kiên khác.

Tuy nhiên, Đại hội lần thứ I của Đảng tiến hành khi Đảng vừa phục hồi và diễn ra trước Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, vì vậy một số hạn chế trong quan điểm, đường lối của Đại hội là khó tránh khỏi. Cụ thể là: Đại hội chưa nhận thức đúng và phân tích khoa học về nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới mới đang đến gần đe dọa loài người, vì thế nên chưa đề cập đến sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, chĩa mũi nhọn đấu tranh vào chủ nghĩa phát xít, chống bọn phản động thuộc

địa, đòi tự do, cơm áo và hòa bình. Mặt khác, do ảnh hưởng quan điểm "tả" khuynh của Đại hội lần thứ VI Quốc tế Cộng sản (1928), nên Đại hội lần thứ I của Đảng vẫn tiếp tục phê phán những quan điểm đúng đắn, sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Hội nghị thành lập Đảng. Đây là những hạn chế có tính lịch sử khách quan trên bước đường trưởng thành. Nhận định về hạn chế này, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ: "Năm 1935, Đảng họp *Đại hội lần thứ I ở Ma Cao. Đại hội đã nhận định tình hình trong nước và tình hình thế giới, kiểm thảo lại công tác đã qua và ấn định chương trình cho công tác sắp tới.* Nhưng chính sách Đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ như định chia ruộng đất cho công nhân nông nghiệp, chưa nhận rõ nhiệm vụ chống phát xít và nguy cơ chiến tranh phát xít, v.v.."[(1)].

3. Trên cương vị Tổng Bí thư, tấm gương người cộng sản kiên cường

Ngay sau Đại hội lần thứ I, Hà Huy Tập cùng Ban Chấp hành Trung ương bắt tay vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội. Với bút danh Sin, Hà Huy Tập viết *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* thông báo về kết quả Đại hội. Báo cáo nêu lên những khó khăn mà Đại hội gặp phải; về thành phần của các Ủy viên Trung ương được bầu; kết cấu xã hội của Đảng; công tác tư tưởng và lý luận của Đảng; phong trào đấu tranh của nhân dân, v.v.; kiến nghị với Quốc tế Cộng sản cho thành lập ở Nam Thái Bình Dương một phân bộ của Ban Phương Đông làm nhiệm vụ thực thi đường lối của Quốc tế Cộng sản. Đồng thời, thông báo việc đồng chí Nguyễn Ái Quốc được Ban Chấp hành Trung ương khóa I cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản.

Cũng từ sau Đại hội lần thứ I của Đảng, hệ thống tổ chức của Đảng được củng cố. Đánh hơi thấy sự chuyển biến này, thực dân Pháp ra sức đánh phá một cách tàn bạo vào Đảng ta. Gần hai phần ba số Ủy viên Trung ương được bầu tại Đại hội lần thứ I và nhiều

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.20-21.

cán bộ khác đã bị địch bắt, tra tấn, tù đày hoặc giết hại, các tổ chức đảng ở các địa phương bị đánh phá ác liệt, một số đầu mối liên lạc của Đảng cũng bị triệt phá. Vì thế, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng phải kiêm nhiệm chức năng của Ban Chấp hành Trung ương. Hà Huy Tập đã làm hết sức mình để tái lập Ban Chấp hành Trung ương và các tổ chức đảng vừa bị triệt phá. Cũng chính vào lúc khó khăn đó, đầu năm 1936, sau khi dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong từ Liên Xô trở lại Ma Cao (Trung Quốc) bắt liên lạc với Hà Huy Tập, các đồng chí chuẩn bị mọi vấn đề, quyết định triệu tập gấp Hội nghị Trung ương.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 26-7-1936, tại Thượng Hải (Trung Quốc), Hội nghị Trung ương được tổ chức do Tổng Bí thư Lê Hồng Phong và Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài Hà Huy Tập chủ trì. Hội nghị xác định những quan điểm cơ bản về chỉ đạo chiến lược và sách lược mới trong thời kỳ vận động dân chủ và thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản. Hội nghị nhận định nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến mà Đảng ta đề ra từ khi thành lập đến nay vẫn không thay đổi. Song, mục tiêu trực tiếp, trước mắt của cách mạng Đông Dương lúc này chưa phải là đánh đổ chính quyền thực dân và làm cách mạng ruộng đất như Đại hội lần thứ I đề ra, mà là đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, tay sai của chủ nghĩa phát xít, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

Những vấn đề cơ bản của Hội nghị do Hà Huy Tập và Lê Hồng Phong chủ trì được thể hiện ở văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* (tháng10-1936), trong đó xác định rõ, phải phân biệt chiến lược và sách lược cách mạng, nhiệm vụ lập Mặt trận Nhân dân phản đế rộng rãi, giải quyết mối quan hệ giữa phản đế và điền địa... Văn kiện chỉ rõ: "*Chiến sách của Đảng là nhận rõ ai là kẻ địch nhân nguy hiểm nhất trong lúc hiện thời nhất định sẽ tập trung ngọn lửa vào đó mà đánh*"[(1)], nên Đảng nhắc lại cho các đảng viên biết rằng, một dân tộc bị áp bức như xứ Đông Dương vấn đề dân tộc giải phóng là một

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.141.

nhiệm vụ quan trọng của người cộng sản, Đảng phải liên hệ mật thiết với các đảng quốc gia hơn nữa. Về Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương, văn kiện chỉ rõ: "Nhiệm vụ lập Mặt trận Nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương, *để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ*"[(1)]. Về quan hệ giữa nhiệm vụ phản đế và điền địa, văn kiện nêu: Việc tranh đấu chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề giải quyết điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể đánh đổ đế quốc rồi giải quyết vấn đề điền địa, nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phản đế liên tiếp giải quyết vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động, nghĩa là cuộc phản đế phát triển tới trình độ võ trang tranh đấu kịch liệt, đồng thời vì muốn tăng thêm lực lượng tranh đấu chống đế quốc cần phải phát triển cuộc cách mạng điền địa.

Hội nghị quyết định, bên cạnh việc củng cố tổ chức không hợp pháp, cần sử dụng các hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp. Chỉ có đấu tranh có tổ chức mới đạt được kết quả và trong đấu tranh quần chúng sẽ hiểu được sự cần thiết phải tăng cường tổ chức. Cần tăng cường thống nhất phong trào công nhân, nông dân; tổ chức ra các hội như Hội Nông dân, Công hội đỏ, Hội Phản đế, v.v.. Hội nghị đã thông qua Nghị quyết bổ khuyết cho Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng, kịp thời chuyển hướng về tổ chức và sách lược, mở ra cho cách mạng Đông Dương thời kỳ phát triển mới.

Những luận điểm trên được đề ra rõ ràng, chính xác tại Hội nghị tháng 7-1936. Đây là một cống hiến lý luận quan trọng của Đảng trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, trong đó có sự đóng góp của Hà Huy Tập. Đồng chí Trường Chinh đánh giá: "Tổng kết kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam, ta thấy nổi bật lên một đặc điểm như sau: trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của ta, hai nhiệm vụ phản đế

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.144.

và phản phong kiến khăng khít với nhau, không thể tách rời nhau, nhưng cũng không thể tiến hành song song nhất loạt ngang nhau; khăng khít với nhau là vấn đề chiến lược, không tiến hành song song nhất loạt ngang nhau là vấn đề sách lược"[1].

Cũng tại Hội nghị này đã quyết định một số vấn đề quan trọng về nhân sự và tổ chức. Hội nghị quyết định chuyển trụ sở Ban Chấp hành Trung ương về Sài Gòn và phân công trách nhiệm rõ ràng. Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* của Đảng ta đề ngày 10-9-1937 có ghi: "Ngày 26-7-1936, ba đồng chí của Ban Chỉ huy ở ngoài đã họp và đã thảo các chỉ thị gửi các tổ chức của Đảng; sau đó, các đồng chí ấy đã cử đồng chí Xinhítrơkin - Thư ký của Ban - về nước để tổ chức Ban Trung ương và để khôi phục các liên lạc với các tổ chức của Đảng"[2]. "Ban Trung ương đã chỉ định đồng chí Lítvinốp (Lê Hồng Phong) làm cán bộ dự trữ ở lại nước ngoài, để sau này trở về nước tổ chức lại các tổ chức của Đảng trong trường hợp các đồng chí có trách nhiệm ở trong nước bị bắt; đồng thời để giữ mối liên hệ với Quốc tế Cộng sản. *Ban Thường vụ* gồm có năm ủy viên, trong đó Tổng Thư ký của Đảng là Xinhítrơkin (đồng chí này làm chức vụ này từ hơn một năm nay)"[3]. Đến thời điểm này, Hà Huy Tập được coi là Tổng Bí thư của Đảng, là Tổng Bí thư thứ ba của Đảng ta khi mới 30 tuổi, sau Trần Phú và Lê Hồng Phong.

Có thể nói, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 7-1936 có ý nghĩa đặc biệt, đã kịp thời chuyển hướng chiến lược, thay đổi sách lược và phương pháp cách mạng của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Thành công đó gắn liền với tài năng, trí tuệ và đóng góp quan trọng của Hà Huy Tập và Lê Hồng Phong. Là một cán bộ được Quốc tế Cộng sản cử về nước để khôi phục phong trào cách mạng, lập lại cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, Hà Huy Tập đã phối hợp và cộng tác với các đồng chí Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Dựt cùng một số đồng chí đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc và trong nước cử sang đã đạt

---

[1] Xem Tạp chí *Học tập*, số 1-1960.

[2], [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.299-300, 302.

được những kết quả rất quan trọng. Thành công của việc thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài (tháng 3-1934), đặc biệt là Đại hội lần thứ I của Đảng (tháng 3-1935) cùng với các nghị quyết được thông qua đã khẳng định tài năng, trí tuệ và nghị lực của Hà Huy Tập.

Thực hiện quyết định của Ban Chỉ huy ở ngoài, đầu tháng 8-1936, Hà Huy Tập về tới Sài Gòn chọn địa điểm thôn Vườn Trầu, Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định) đặt cơ quan Trung ương của Đảng để trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước. Ngay khi trở lại Sài Gòn, Hà Huy Tập đã chứng kiến phong trào đấu tranh cách mạng sôi nổi của quần chúng trong phong trào Đông Dương Đại hội. Là người nhạy bén với các sự kiện chính trị và sớm thấy triển vọng của phong trào, ngày 13-8-1936, Hà Huy Tập thông qua các đảng viên cộng sản và những người có cảm tình với cách mạng đòi có đại biểu công nông và cộng sản được tham gia Ủy ban lâm thời Đông Dương Đại hội. Cuối tháng 8-1936, với danh nghĩa Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hà Huy Tập công bố *Thư ngỏ* gửi Việt Nam Quốc dân Đảng, các đảng cách mạng, Đảng Lập hiến, các nhóm cải lương dân chủ, các hội ái hữu, các tổ chức công nông binh, phụ nữ, sinh viên, người buôn bán, các báo chí, các tổ chức quần chúng và toàn thể nhân dân Đông Dương. Bức thư nêu tình hình Đông Dương và yêu cầu khách quan là phải đề ra được sách lược chính trị, phương pháp tiến hành và nhiệm vụ của Đảng trong tình hình mới. Đồng thời, tỏ thái độ của Đảng "nhiệt liệt chờ đón, tán thành và ủng hộ" và chỉ đạo cuộc vận động Đông Dương Đại hội.

Cùng với việc chỉ đạo phong trào Đông Dương Đại hội, đồng chí Hà Huy Tập khẩn trương tìm mọi biện pháp để tái lập Ban Chấp hành Trung ương, nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo phong trào đấu tranh đang sôi động trong cả nước. Ngày 12-10-1936, tại Hóc Môn (Gia Định), Hà Huy Tập triệu tập Hội nghị cán bộ để tổ chức Ban Chấp hành Trung ương, do Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư. Như vậy, "Ban Trung ương đã được tổ chức tại Nam Kỳ. Hôm sau, Ban Trung ương cử các đồng chí đi Trung Kỳ, Bắc Kỳ và Cao Miên để

tìm cách khôi phục các mối liên lạc"[1]. Đến tháng 3-1937, việc thống nhất các tổ chức đảng ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ được thực hiện. Tuy nhiên, ở nhiều tỉnh, cấp bộ đảng chưa được tổ chức lại.

Tiếp đó, trong hai ngày 13 và 14-3-1937, cũng tại Hóc Môn (Gia Định), Tổng Bí thư Hà Huy Tập triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng để thống nhất tổ chức đảng ở Trung Kỳ; xác định những chủ trương mới, phát huy những thành quả, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, tìm biện pháp khắc phục, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển. Hội nghị chủ trương phải lợi dụng hoàn cảnh công khai và bán công khai mà tổ chức quần chúng, không câu nệ về tên gọi, miễn là bênh vực quyền lợi cho các tầng lớp dân chúng; đồng thời quyết định tùy theo điều kiện từng nơi có thể lập Mặt trận để đoàn kết và thống nhất hành động. Tiếp đó, trong ba ngày 24, 25, 26-8-1937, tại Hóc Môn (Gia Định), Tổng Bí thư Hà Huy Tập chủ trì cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương gồm 5 đồng chí: Hà Huy Tập, Nguyễn Chí Diểu, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Cừ và một trong những người lãnh đạo nhóm Hương Giang (Huế) thảo luận sơ bộ công việc chuẩn bị, phân công dự thảo những văn kiện trình Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương sắp tới.

Sau Hội nghị Trung ương tháng 3-1937, phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình trong cả nước phát triển mạnh và có tổ chức. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều khuyết điểm cần phải đề ra biện pháp uốn nắn. Trước tình hình đó, ngày 1-9-1937, tại Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định), Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị bàn về chương trình nghị sự Hội nghị toàn thể. Ngày 2-9-1937, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương khai mạc dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Hà Huy Tập. Hội nghị đã nghe bốn bản báo cáo của các Ủy viên Trung ương và báo cáo của Tổng Bí thư Hà Huy Tập về tình hình hoạt động của Đảng từ tháng 8-1936 đến tháng 8-1937. Nói về thành tích và thiếu sót của Đảng, Tổng Bí thư Hà Huy Tập khẳng định: "Trong khoảng một năm vừa qua, Đảng ta đã làm được những công tác có thành tích rất lớn. Những kết quả

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.300.

ấy chứng minh rằng các đảng bộ giàu hy sinh phấn đấu, óc sáng kiến, hoạt động và được quảng đại quần chúng ủng hộ"[1]; đồng thời chỉ ra rằng: "Đảng có cái sai lầm rất lớn là thỏa hiệp nhượng bộ cho chủ nghĩa biệt phái; thừa nhận về nguyên tắc tổ chức quần chúng có thể dùng lối bí mật trong những hoàn cảnh đặc biệt. Vì cái xu hướng biệt phái cô độc ấy nên các tổ chức quần chúng đáng lẽ có thể phát triển được nhiều lắm, mà trái lại ở nhiều nơi không phát triển được"[2].

Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 11 thành viên và cử ra Ban Thường vụ Trung ương gồm 5 ủy viên: Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong (ở ngoài nước), Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Chí Diểu và Võ Văn Tần, Tổng Bí thư là Hà Huy Tập. Hội nghị Trung ương lần này đánh dấu bước tiến lớn của Đảng ta. Trong một năm, từ chỗ không còn Ban Chấp hành Trung ương, đến nay đã có Ban Chấp hành và Ban Thường vụ. Sau Hội nghị, đồng chí Hà Huy Tập cùng Ban Chấp hành Trung ương đẩy mạnh tăng cường công tác tổ chức đảng trên tất cả các mặt hoạt động như: phát triển đảng viên về số lượng và chất lượng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trên cơ sở đoàn kết nội bộ, chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đồng thời quan tâm đến công tác xây dựng các tổ chức quần chúng, nên phong trào cách mạng trong cả nước có bước phát triển mới.

Vốn là người say mê nghiên cứu lý luận, từng là Tổng biên tập Tạp chí *Bônsơvích*, Hà Huy Tập nhanh chóng trở thành nhà lý luận xuất sắc của Đảng. Qua những bài viết đăng trên các báo, tạp chí, Hà Huy Tập thể hiện rõ là cây bút sắc sảo, một nhà lý luận có kinh nghiệm. Thấu hiểu vai trò của báo chí cách mạng trong công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, ngay từ khi về Sài Gòn, đồng chí đã tập trung mọi nỗ lực chỉ đạo mở rộng các hoạt động tuyên truyền cổ động thông qua báo chí công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp để đưa chủ trương, đường lối của Đảng tới đảng viên và quần chúng. Trong điều kiện Đảng

[1],[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.269, 271.

ta còn phải hoạt động trong sự kiểm soát của chính quyền thực dân, Tổng Bí thư Hà Huy Tập đã cho ra đời tờ báo bằng tiếng Pháp *L'Avant-garde* (Tiền Phong) và là Tổng Biên tập, với danh nghĩa là *Cơ quan của lao động và nhân dân Đông Dương*, mà thực chất là cơ quan ngôn luận của Đảng ta. Báo chính thức ra số 1, ngày 29-5-1937 tại Sài Gòn. Là cơ quan ngôn luận đầu tiên của Trung ương Đảng ra hoạt động công khai, tờ báo có nội dung rất phong phú, phản ánh khá toàn diện những vấn đề nóng bỏng của phong trào cách mạng Đông Dương. Đặc biệt, tờ báo rất quan tâm tuyên truyền đường lối của Đảng và đấu tranh chống bọn tờrốtkít. Ngay số đầu tiên, Hà Huy Tập viết hai bài. Bài *Quan điểm chính trị của chúng tôi*, nói về mục tiêu chiến lược của cách mạng không thay đổi, nhưng sách lược cách mạng thay đổi do tình hình mới xuất hiện. Chính sách của Đảng là tập hợp tất cả các lực lượng tiến bộ cùng đấu tranh cho tự do, cơm áo và hòa bình trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh đế quốc đang đến gần. Bài *Chúng ta hãy nói lên sự thật*, phê phán Tạ Thu Thâu viết bài chống Mặt trận Nhân dân trên tờ *La Lutte*, bảo vệ lập trường của tờ *L'Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp.

Trong thời gian này, Tổng Bí thư Hà Huy Tập viết nhiều bài như: *Thư ngỏ gửi nhóm La Lutte* bằng tiếng Pháp (ngày 31-12-1936), *Ủng hộ hay phản đối Mặt trận Nhân dân* (ngày 13-5-1937), đều đăng trên báo *La Lutte* và bài *Sự thật về việc chia rẽ trong nội bộ "nhóm La Lutte"*, đăng trên báo *En Avant* (ngày 3-9-1937). Trong năm 1937, với bút danh Thanh Hương, Hà Huy Tập công bố hai tác phẩm: *Tờrốtxky và phản cách mạng* và *Vì sao phải ủng hộ Mặt trận Bình dân Pháp*. Tất cả đều tập trung phê phán quan điểm phản động của bọn tờrốtkít, kêu gọi tiếp tục đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, bảo vệ quan điểm của Đảng, bảo vệ Liên Xô và Mặt trận Nhân dân Pháp, thực hiện Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Ngày 28-8-1937, sau khi báo *L'Avant-garde* bị đình bản, Đảng ta thuê tờ báo *Kịch Bóng* của tư nhân làm cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Hà Huy Tập chỉ đạo về nội dung.

Ngày 24-9-1937, báo *Le Peuple* (Nhân Dân) - cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng ta ra số đầu tiên do Hà Huy Tập làm Tổng biên tập. Sự ra đời của báo *L´Avant-garde* và *Le Peuple* bằng tiếng Pháp là một cố gắng lớn của Đảng ta, trong đó có đóng góp to lớn của Tổng Bí thư Hà Huy Tập. Những tờ báo đó cùng với những bài viết của Hà Huy Tập thời kỳ này đã góp phần đẩy mạnh mọi hoạt động tuyên truyền của Đảng và là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự ra đời một số tờ báo bằng tiếng Việt và tiếng Pháp sau đó. Đó là kết quả rất đáng tự hào về sự lãnh đạo trực tiếp của Trung uơng Đảng, trong đó có phần đóng góp của Hà Huy Tập.

Nhằm tổng kết những hoạt động lãnh đạo của Đảng và triển khai thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, ngày 29 và 30-3-1938, tại làng Tân Thới Nhất, Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định), Hà Huy Tập chủ trì Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương. Dự Hội nghị gồm có: Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Chí Diểu, Hoàng Quốc Việt, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Duẩn... Hội nghị đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư. Thường vụ Trung ương gồm ba đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong. Hội Nghị xem xét và thảo luận nhiều vấn đề quan trọng như: âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp ở Đông Dương; thái độ của các đảng phái; chủ trương của Đảng về lập Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương. Nghị quyết Hội nghị ghi rõ: "b) Xét rằng ở Trung Kỳ cơ sở của Đảng đã mở rộng và có liên lạc với nhau. Trung ương cương quyết tổ chức lại lại Xứ ủy Trung Kỳ và giao lại cho Xứ ủy này trực tiếp chỉ đạo ba tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh lúc trước vì hoàn cảnh đặc biệt mà tạm thời gia nhập với Xứ bộ Bắc Kỳ. c) Trung ương hội nghị giao cho Xứ ủy Trung Kỳ tìm mối liên lạc với Ai Lao, giao cho Nam Kỳ khôi phục hệ thống ở Cao Miên lại. d) Trung ương hội nghị đặc biệt bắt buộc Xứ ủy Bắc Kỳ định kế hoạch gây cơ sở ở vùng mỏ, nhắc lại cho Xứ ủy ở Nam Kỳ phải củng cố và gây thêm cơ sở ở các đồn điền, bắt buộc Xứ ủy Trung Kỳ phải khôi phục lại cơ sở ở Trường Thi, Tourcham, v.v.. Các đảng bộ tương

đương phải tìm cách tổ chức chi bộ trong các đường xe lửa, xe điện, xe hơi, tàu thủy"[1]. Hội nghị còn nêu rõ đẩy mạnh công tác lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống bọn tờrốtxkít; xuất bản báo *Dân chúng* là cơ quan Trung ương với danh nghĩa *Cơ quan của lao động và dân chúng Đông Dương*.

Đồng chí Hà Huy Tập đang say sưa, nhiệt tình hoạt động cho Đảng thì trong một lần đi thị sát cuộc đấu tranh của nhân dân do Đảng tổ chức, nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 01-5-1938 được tổ chức tại Sài Gòn thì bị bọn mật thám Pháp bắt. Ngày 24-5-1938, Tòa Tiểu hình Sài Gòn buộc tội đồng chí là dùng căn cước giả, kết án 2 tháng tù giam và 5 năm quản thúc, cấm lưu trú ở Nam Kỳ và những vùng phù cận. Đồng chí kháng án. Ngày 26-7-1938, Tòa Thượng thẩm Sài Gòn xử Hà Huy Tập nâng lên thành 6 tháng tù và 5 năm quản thúc, cộng với án trước là 8 tháng tù và 5 năm quản thúc. Cuối tháng 3-1939, Hà Huy Tập được thả khỏi Khám Lớn Sài Gòn, nhưng bị đưa về nguyên quán quản thúc. Theo lệnh của Sở Mật thám Vinh và Hà Tĩnh, Tri huyện Cẩm Xuyên bố trí tay sai ngày đêm giám sát đồng chí hết sức nghiêm ngặt. Hàng tháng, Hà Huy Tập phải tới dinh Tuần phủ Hà Tĩnh để trình diện.

Khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, thực dân Pháp lo sợ trước phong trào cách mạng Đông Dương, chúng tăng cường đàn áp, bắt bớ, nên nhiều cán bộ cốt yếu của Đảng bị địch bắt. Lê Hồng Phong bị bắt ngày 22-6-1939, Nguyễn Văn Cừ bị bắt ngày 17-01-1940, Võ Văn Tần, Ủy viên Thường vụ Trung ương bị bắt ngày 21-4-1940, Nguyễn Thị Minh Khai, Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ bị bắt ngày 30-7-1940, v.v.. Ngày 30-3-1940, chính quyền thực dân Pháp ký lệnh bắt giữ và áp giải Hà Huy Tập từ Hà Tĩnh đưa vào giam tại Khám Lớn Sài Gòn. Ngày 17-8-1940, Tòa Tiểu hình Sài Gòn xử 17 chiến sĩ cách mạng, trong đó có Hà Huy Tập về tội "hoạt động lật đổ". Ngày 03-9-1940, Tòa Tiểu hình Sài Gòn mở lại, kết án Hà Huy Tập 5 năm tù và 10 năm quản thúc. Ngày 22-10-1940, Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn xử Hà Huy Tập 5 năm tù, tước bỏ quyền công dân

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.358-359.

và chính trị, cấm lưu trú 10 năm ở những vùng có "âm mưu chống đối". Mặc dù bị dày đọa trong ngục tù đế quốc, trước những đòn tra tấn dã man cùng những thủ đoạn dụ dỗ xảo quyệt, Hà Huy Tập không hề khuất phục, một lòng một dạ bảo vệ Đảng, giữ vững khí tiết của người cộng sản, giữ vững niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Ngày 25-3-1941, Tòa án binh Sài Gòn tiếp tục xét xử Hà Huy Tập và một số cán bộ lãnh đạo của Đảng. Mặc dù không dính líu gì đến cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 10-1940, song kẻ thù vẫn buộc Hà Huy Tập "chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ" và tuyên án tử hình. Trước lúc đi xa, Hà Huy Tập có gửi thư về gia đình đề ngày 2-5-1941, trong đó có viết: "Nếu tôi phải chết, thì ở nhà không nên thờ cúng, điếu phúng, không cần tìm người lập tự. Gia đình và bạn hữu chớ xem tôi như là người đã chết mà buồn, trái lại nên xem tôi như người còn sống, nhưng đi vắng vô hạn mà thôi"[(1)]. Ngày 28-8-1941, tại trường bắn Ngã tư Giếng Nước, Hóc Môn (Gia Định), Hà Huy Tập bị thực dân Pháp xử bắn cùng với các đồng chí Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến...

Cuộc đời hoạt động cách mạng của Tổng Bí thư Hà Huy Tập đã để lại cho Đảng và nhân dân ta bài học có ý nghĩa sâu sắc. Phẩm chất sáng ngời của Tổng Bí thư Hà Huy Tập là tấm gương bất diệt để những người cộng sản Việt Nam noi theo. Lời căn dặn cuối cùng *Hãy xem tôi như người còn sống* của đồng chí là lời nhắn nhủ, động viên, cổ vũ những người cộng sản Việt Nam luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết.

[(1)] Tài liệu lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ

TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN CỪ

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ thuộc thế hệ những chiến sĩ cộng sản đầu tiên của Đảng ta, một người cộng sản mẫu mực, nhà chính trị có bản lĩnh, luôn kết hợp nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn, một tấm gương sáng về tinh thần tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, là nhà lãnh đạo xuất sắc, nhà lý luận mácxít sáng tạo của Đảng và cách mạng Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí là Tổng Bí thư trẻ nhất của Đảng, trưởng thành từ thực tiễn phong trào cách mạng trong nước. Đồng chí đã để lại cho thế hệ những người Việt Nam một sự nghiệp cách mạng sáng chói của một Tổng Bí thư chí lớn, tài cao, tận trung với nước, tận hiếu với dân.

1. Theo "Đường cách mệnh", trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp

Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 9-7-1912 tại làng Phù Khê, tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn, nay là thôn Phù Khê, xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh trong một gia đình nhà Nho nghèo yêu nước và là hậu duệ đời thứ 17 thuộc dòng họ của danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Thân phụ của đồng chí là ông Nguyễn Trọng Mạo, tức Nguyễn Ngọc Quán[1]. Ông đỗ Khóa sinh, làm nghề dạy học ở quê nên thường gọi là ông Đồ Quán. Thân mẫu của đồng chí là bà Nguyễn Thị Khuyến, ở thôn Cẩm Giang, xã Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cách Phù Khê ba cây số. Ông bà sinh được bốn người con, người con gái đầu là Nguyễn Thị Tưởng, Nguyễn Văn Cừ là con thứ hai, Nguyễn Văn Kha là con thứ ba, người con út là Nguyễn Văn Lê mất từ lúc còn nhỏ.

---

[1] Theo *Gia phả họ Nguyễn Phù Khê*, tr.33.

Lúc lên 6 tuổi, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, Nguyễn Văn Cừ được bố mẹ đưa sang nhà ông ngoại nhờ chăm sóc, nuôi dậy. Ông ngoại của Nguyễn Văn Cừ là cụ Nguyễn Thực, đỗ Tú tài năm 1891, nên thường gọi là cụ Tú Ba, cụ từ chối con đường quan trường, ở quê mở trường dạy học. Nguyễn Văn Cừ được ông ngoại dạy chữ Hán và tiếp thu bài học rất nhanh, nên được ông ngoại thương yêu và quý mến. Những năm tháng ở bên ông ngoại cũng chính là thời gian Nguyễn Văn Cừ được giáo dục, dạy dỗ, khơi dậy nhiều về truyền thống quê hương và niềm tự hào dân tộc. Bao nhiêu kỷ niệm với những câu chuyện được nghe ông ngoại kể khắc sâu vào tâm trí tuổi thơ của Nguyễn Văn Cừ.

Kế thừa truyền thống yêu nước, hiếu học của dòng họ, lớn lên trên mảnh đất địa linh nhân kiệt của xứ Kinh Bắc, ngay từ thuở nhỏ, Nguyễn Văn Cừ đã thể hiện tư chất thông minh, ham học hỏi, có chí tiến thủ. Năm 1922, Nguyễn Văn Cừ được cụ Tú Ba cho học chữ quốc ngữ ở trường phủ Từ Sơn. Đây là quyết định thức thời, mở đường cho Nguyễn Văn Cừ sớm có điều kiện tiếp cận với những khuynh hướng tư tưởng mới. Năm học nào Nguyễn Văn Cừ cũng giành được điểm cao trong học tập, được bạn bè cùng học yêu quý và mến phục. Nhớ lại những ngày học cùng nhau dưới mái trường đó, trong hồi ký của mình, Nguyễn Văn Minh đã viết: "Đồng chí Cừ học tập vào loại giỏi. Tháng nào nhà trường cũng xếp hạng học sinh, đồng chí Cừ đều được xếp loại ưu. Đồng chí không học theo lối học gạo mà học khá thông minh. Đối với anh em bạn bè không nghịch ngợm, đánh nhau và cũng không tham gia vào những bọn này bọn kia để chửi bới, chế giễu nhau. Tính tình thì cương trực, trầm mặc, ít nói. Ngay từ lúc này, đồng chí đã có lối suy nghĩ kín đáo, chín chắn. Đối với thầy giáo, không xấc láo nhưng cũng không sợ hãi, không xu nịnh"[(1)].

Mùa hè năm 1925, Nguyễn Văn Cừ thi đỗ Sơ đẳng tiểu học và học tiếp tại Trường Kiêm bị Pháp - Việt tỉnh Bắc Ninh. Tháng 5-1926,

[(1)] *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.303.

thi đỗ với tấm bằng Tiểu học hạng ưu. Tháng 9-1927, Nguyễn Văn Cừ vượt qua kỳ thi tuyển với kết quả xuất sắc, được nhận vào học ở Trường Bảo hộ (còn được gọi là Trường Bưởi, Hà Nội) là trường trung học lớn nhất miền Bắc lúc bấy giờ với suất học bổng toàn phần và được ở tại ký túc xá trong trường. Phần lớn học sinh của trường là con em những gia đình giàu có hoặc có thế lực. Là học sinh nghèo, nhưng không tự ti, mặc cảm với những thiếu thốn về vật chất, Nguyễn Văn Cừ đã vượt lên tất cả, miệt mài học tập, thể hiện tư chất thông minh, kiên trì nên kỳ thi nào cũng đạt kết quả xuất sắc, vì thế bạn bè cùng lớp tuy là con nhà giàu cũng không dám khinh miệt, mà còn mến phục.

Học ở Trường Bưởi, Nguyễn Văn Cừ cùng với Lê Văn Lương, Phạm Văn Hảo... thường tiếp xúc với nhiều bạn học ở các lớp trên, được họ kể cho nghe về các phong trào yêu nước diễn ra ở Hà Nội trong những năm trước, lôi cuốn đông đảo học sinh của trường tham gia như bãi khóa phản đối thực dân Pháp bắt cụ Phan Bội Châu, đòi làm lễ truy điệu và để tang cụ Phan Chu Trinh, tưởng niệm cụ Lương Văn Can, v.v., nên viên Hiệu trưởng nhà trường người Pháp đã đuổi học không ít học sinh, trong đó có các đồng chí Ngô Gia Tự, Trịnh Đình Cửu là hai học sinh giỏi của lớp Đệ tứ. Nguyễn Văn Cừ rất cảm phục và tự nguyện tham gia các phong trào yêu nước trong những năm tháng học tập dưới mái trường này. Vào những năm này, phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam phát triển mạnh. Nhiều thanh niên yêu nước sau khi dự lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức, trở về nước hoạt động tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng cách mạng của Người, thành lập các cơ sở của Hội ở nhiều địa phương, trong đó Trường Bưởi là một cơ sở bí mật.

Tại trường, Nguyễn Văn Cừ được tiếp cận những sách báo tiến bộ, có điều kiện tiếp xúc với những tài liệu quan trọng như *Đường cách mệnh, Bản án chế độ thực dân Pháp,* báo *Thanh niên*, v.v. của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và nhiều sách báo bí mật. Với sự nỗ

lực của bản thân, đồng chí đã trưởng thành trong việc tiếp thu kiến thức văn hóa và tinh thần yêu nước và cách mạng. Ngay từ khi mới vào học, Nguyễn Văn Cừ đã được Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân công đồng chí Nguyễn Văn Quyên giúp đỡ, tuyên truyền giác ngộ tinh thần cách mạng. Qua một thời gian thử thách, đầu năm 1928, Nguyễn Văn Cừ được chi bộ kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Vốn là người thẳng thắn, cương trực, có tinh thần tự tôn dân tộc, Nguyễn Văn Cừ không chịu nổi thái độ khinh rẻ, miệt thị của một số giáo viên người Pháp đối với học sinh người Việt, cũng như một số thầy giáo người Việt thường tỏ ra xun xoe, nịnh bợ bọn chủ Pháp. Chính vì vậy, đồng chí đã cùng một số bạn bè làm bài thơ đả kích những kẻ vô sỉ đó, cứ mỗi câu thơ nêu tên một kẻ nịnh Tây. Bài thơ được phổ biến rộng rãi làm bọn mật thám rất tức tối truy tìm tác giả. Không muốn để bạn bè liên lụy, Nguyễn Văn Cừ đứng ra nhận là tác giả bài thơ. Sở Mật thám Hà Nội đã thẩm vấn gần một tuần liền, nhưng không có kết quả, chúng phải trả tự do cho đồng chí.

Tuy vậy, đến cuối tháng 5-1928, viên Hiệu trưởng ra quyết định đuổi học đối với Nguyễn Văn Cừ. Không ân hận về những việc làm đúng đắn của mình, đồng chí quyết định về làng Hà Lỗ thuộc phủ Từ Sơn (Bắc Ninh) dạy học. Với lòng yêu trẻ, đồng chí được học trò kính trọng và tin yêu. Tại đây, đồng chí Ngô Gia Tự đã thành lập chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và cũng chính nơi đây, Nguyễn Văn Cừ đã bắt liên lạc được với Ngô Gia Tự, một chiến sĩ cộng sản mà anh rất mực kính trọng. Ngô Gia Tự trực tiếp giảng giải, hướng dẫn cho Nguyễn Văn Cừ nghiên cứu nhiều tác phẩm quan trọng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giúp đồng chí hiểu sâu hơn những luận điểm cách mạng. Tháng 8-1928, bất thình lình Mật thám tỉnh Bắc Ninh bắt Nguyễn Văn Cừ giải về Sở Mật thám Hà Nội với tội danh "hoạt động chính trị". Trong 12 ngày bị giam giữ, liên tục bị thẩm vấn, vừa dỗ dành, vừa cưỡng bức và tra tấn, nhưng đồng chí không khai nửa lời, không nhận bất cứ điều gì trước các câu hỏi của chúng. Cuối cùng, không có chứng cớ gì khép

tội, một lần nữa chúng phải trả lại tự do và buộc đồng chí phải trở về nguyên quán.

Cuối tháng 9-1928, Nguyễn Văn Cừ được đồng chí Ngô Gia Tự - Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Bắc Ninh giới thiệu với đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Hải Phòng móc nối liên lạc đưa ra hoạt động ở vùng mỏ than Đông Bắc (Quảng Ninh) - nơi mà Kỳ bộ Bắc Kỳ coi là "điểm trắng" vì chưa thành lập được tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nguyễn Văn Cừ đã tham gia phong trào "vô sản hóa" ở vùng mỏ than Đông Bắc, hòa mình vào quần chúng, thâm nhập thực tiễn, xây dựng tổ chức Hội và giác ngộ công nhân. Đây là bước ngoặt quyết định của Nguyễn Văn Cừ trên con đường trưởng thành trong hoạt động yêu nước, trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp.

Cuối năm 1928, Nguyễn Văn Cừ với bí danh Phùng đến hoạt động tại mỏ than Vàng Danh. Đồng chí cho rằng, muốn tuyên truyền giác ngộ công nhân và quần chúng phải sâu sát phong trào, phải hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của họ, từ đó vận động, tổ chức họ tham gia các phong trào cách mạng mới có kết quả. Với phẩm chất kiên trì, không quản khó khăn, nguy hiểm, đồng chí hòa mình vào cuộc sống lao động, cùng sống và làm việc với anh chị em công nhân, luôn bám sát, gắn bó và cùng sinh hoạt với họ. Sau một thời gian tuyên truyền, vận động, Nguyễn Văn Cừ đã tổ chức và thành lập chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên mỏ Vàng Danh và vận động quần chúng tích cực tham gia tổ chức Công hội mỏ. Lúc này, phong trào cách mạng cả nước lên cao đòi hỏi có sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản. Ngày 17-6-1929, tại số nhà 312, phố Khâm Thiên (Hà Nội), Hội nghị thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng* được tổ chức, quyết định tuyển lựa những người tiên tiến nhất của Hội Thanh niên để kết nạp vào Đảng. Nguyễn Văn Cừ, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt (tên thật là Hạ Bá Cang)... được công nhận là những đảng viên đầu tiên của Đông Dương Cộng sản Đảng, năm đó đồng chí mới 17 tuổi.

Trong thời gian này, Nguyễn Văn Cừ vẫn hoạt động ở mỏ Vàng Danh. Do làm việc và sinh hoạt trong những điều kiện khắc nghiệt và khó khăn thiếu thốn, nên mắc bệnh sốt rét kinh niên. Khoảng tháng 9-1929, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh trực tiếp điều động Nguyễn Văn Cừ về Hải Phòng để vừa chữa bệnh vừa phụ trách xây dựng một trạm liên lạc của Trung ương Đông Dương Cộng sản Đảng với nước ngoài bằng đường biển. Giúp việc cho đồng chí còn có Trần Bảo được điều động từ Hà Nội xuống. Ngoài việc nhận tài liệu từ các thủy thủ mỗi khi tàu cập cảng Hải Phòng, trạm liên lạc do Nguyễn Văn Cừ phụ trách còn có nhiệm vụ tổ chức đường dây vận chuyển tài liệu của Đảng từ Hải Phòng đi Hà Nội và các nơi. Công việc vô cùng nguy hiểm vì bọn mật thám thường xuyên rình rập. Bằng kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, Nguyễn Văn Cừ thường chỉ dẫn cho Trần Bảo cách hoạt động. Nói về hoạt động này, đồng chí Trần Bảo kể lại: "Một hôm, anh Cừ chỉ cho tôi nhận biết một tay cờ bạc bịp. Hắn mặc áo the, quần chùng, đi giữa đám người nhộn nhịp, mặt anh ta phờ phạc, dáng đi thất thểu... Gặp một anh đầu tóc bù xù, mắt lấc láo hay nhìn trộm, mặc áo tây rách và bẩn cố đi len lỏi, đó chính là tay lưu manh chính cống... Mật thám thì càng dễ nhận. Mai kia thế nào không biết, chứ bây giờ thấy anh nào mặt non choẹt, mặc áo the thâm, đội nón dứa, dắt cái xe đạp đi lảng vảng trên đường không ra rong chơi cũng không ra đi làm, đấy là mật thám. Thỉnh thoảng cũng nên đi qua cổng Sở Mật thám để nhận mặt chúng nó"[(1)].

Chỉ sau một thời gian ngắn, việc tổ chức trạm liên lạc đã đi vào nền nếp và bệnh tình cũng đã đỡ, Nguyễn Văn Cừ được Nguyễn Đức Cảnh - Ủy viên Trung ương lâm thời của Đảng điều về làm cán bộ đảng chuyên trách, phụ trách công tác kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng ở khu mỏ. Nguyễn Văn Cừ thường xuyên đi lại chắp nối liên lạc giữa Hải Phòng với vùng mỏ Đông Bắc. Nhờ sự kiểm tra, chỉ đạo kịp thời của đồng chí, phong trào công nhân mỏ ngày càng lớn mạnh. Đến cuối năm 1929, toàn vùng mỏ Đông Bắc đã có

[(1)] Trần Bảo: *Hạt máu (Hồi ký),* Nxb. Lao động, Hà Nội, 1973, tr.112-116.

bốn chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được chuyển đổi về mặt tổ chức thành chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng.

Cuối tháng 10-1929, Nguyễn Văn Cừ lại được cử về phụ trách tổ chức đảng ở Mỏ than Mạo Khê, nơi có truyền thống đấu tranh và đã có cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhưng hiện đang gặp khó khăn do bị địch đàn áp tàn bạo. Lại một lần nữa, đồng chí hòa vào cuộc sống lao động cùng anh em thợ thuyền nơi đây. Ở mỏ Mạo Khê, đồng chí Nguyễn Văn Cừ lấy bí danh là Phùng Ngọc Tường để hoạt động. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí, phong trào đấu tranh cách mạng ở Mạo Khê từng bước được củng cố và phát triển vững chắc. Đầu năm 1930, đồng chí và toàn thể công nhân nơi đây nhận được tin vui Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Hưởng ứng lời kêu gọi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhân sự kiện thành lập Đảng, được sự chỉ đạo của trung ương, cuối tháng 02-1930, Nguyễn Văn Cừ cùng một số cán bộ cốt cán ở Mạo Khê tổ chức thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam mỏ Mạo Khê. Tham gia Hội nghị có Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Văn Cừ, Đặng Châu Tuệ, Vũ Thị Mai, Nguyễn Huy Sán, Bùi Văn Mạo, Bùi Đức Giao. Về sự kiện này, Vũ Thị Mai kể lại: "Tôi còn nhớ một câu dặn dò của anh Phùng (bí danh của Nguyễn Văn Cừ) và anh Trọng (bí danh của Nguyễn Đức Cảnh): "Luôn luôn nâng cao tinh thần chiến đấu và phẩm chất cao cả của người đảng viên cộng sản. Trong đời tôi, đây là những giờ phút vinh quang nhất, tôi tự thấy trách nhiệm hơn nữa trong việc đóng góp sức lực của mình vào sự nghiệp cách mạng"[(1)].

Sau khi thành lập chi bộ Đảng ở Mạo Khê, Nguyễn Văn Cừ được tổ chức phân công nhiệm vụ mới. Với vai trò là phái viên của Trung ương lâm thời của Đảng tại vùng mỏ, đồng chí đến hoạt động ở nhiều nơi, hầu như các mỏ than vùng Đông Bắc chỗ nào cũng có dấu chân của đồng chí. Với sự hoạt động năng động, có hiệu quả của đồng chí, các chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông, Uông Bí, Vàng Danh lần lượt ra đời. Dưới

[(1)] *Đi vô sản hóa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1972, tr.54.

sự lãnh đạo của các chi bộ, phong trào đấu tranh của công nhân mỏ bước vào thời kỳ sôi động, rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, hòa nhịp với phong trào đấu tranh cách mạng của cả nước.

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động công nhân vùng mỏ, Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tờ báo *Than* - cơ quan tuyên truyền của tổ chức đảng vùng mỏ. Tờ báo do chính đồng chí trực tiếp chỉ đạo và là cây bút chủ yếu. Tuy bận nhiều công việc, đồng chí vẫn dành thời gian về Mạo Khê giúp công tác đảng ở đây và duyệt bài cho tờ báo. Các bài báo vạch trần thủ đoạn đàn áp, bóc lột của chủ mỏ, nêu nỗi khổ cực của công nhân, kêu gọi mọi người đoàn kết đấu tranh. Báo *Than* được công nhân chuyền tay nhau đọc, có tác dụng lớn trong việc tuyên truyền, giáo dục và tập hợp quần chúng. Với sự hoạt động năng động đầy nhiệt huyết của Nguyễn Văn Cừ, từ tháng 2 đến tháng 4-1930, các chi bộ Đảng Cộng sản ở các mỏ than Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông, Uông Bí, Vàng Danh lần lượt ra đời. Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, phong trào đấu tranh của công nhân vùng mỏ Đông Bắc bước vào thời kỳ sôi nổi với nhiều hình thức phong phú.

Để thực hiện sự thống nhất chỉ đạo, sau Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930, Xứ ủy Bắc Kỳ quyết định thành lập Đặc khu ủy mỏ Đông Bắc. Nguyễn Văn Cừ được cử làm đại diện của Xứ ủy tại Đặc khu. Trên cương vị mới, đồng chí trực tiếp truyền đạt các chỉ thị của Xứ ủy và giúp đỡ Đặc khu ủy chỉ đạo phong trào, nên phong trào ở đây phát triển mạnh. Điển hình là các cuộc đấu tranh đoàn kết ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh, kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, cắm cờ búa liềm vào ngày 1-5 trên núi Bài Thơ (Hòn Gai), rải truyền đơn trên đường phố Cẩm Phả, căng biểu ngữ, dán áp phích khắp nơi, biểu tình đòi chủ mỏ phải trả lương đúng thời hạn, v.v.. diễn ra sôi động.

Ngày 15-2-1931, trên đường đi công tác từ Cẩm Phả về Hòn Gai, Nguyễn Văn Cừ bị mật thám Pháp bắt đưa về Sở Mật thám Hòn Gai. Bọn chúng đã dùng đủ mọi thủ đoạn, từ dụ dỗ đến cực hình tra tấn dã man, nhưng không khuất phục được đồng chí. Phạm

Văn Hảo, người cùng hoạt động với Nguyễn Văn Cừ kể lại: "Hồi hoạt động ở khu mỏ, đồng chí Phùng bị mật thám theo dõi và bắt giam. Chúng tra tấn hết sức dã man, chúng dùng một cái trống lớn, bỏ mặt trống đi, đóng đinh xung quanh miệng tang trống, bắt anh Phùng ngồi, rồi úp tang trống lên. Đang làm cho trống quay tít thì một chiếc đinh móc vào bên mắt trái, máu tóe ra, anh ngất đi... Mắt trái anh bị đau lâu mới khỏi và khi khỏi thì bé hẳn đi, từ đó anh bị một mắt to, một mắt nhỏ. Anh lại có tên mới nữa là Phùng Lé"[(1)].

Sau đó, chúng đưa Nguyễn Văn Cừ về Nhà lao Hải Phòng, rồi giải về giam ở Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Tại hai nhà tù này, đồng chí phải đương đầu với những thủ đoạn hiểm độc, những trận tra tấn dã man hơn, nhưng kẻ thù vẫn không khai thác được gì. Trong Nhà tù Hỏa Lò, đồng chí gặp các đồng chí Đặng Xuân Khu, Bùi Xuân Mẫn và các đồng chí cùng hoạt động ở vùng mỏ như Vũ Văn Hiếu, Đặng Châu Tuệ... Các bạn tù ở Nhà tù Hỏa Lò rất khâm phục Nguyễn Văn Cừ, bởi trong điều kiện nhà tù khắc nghiệt, ăn uống kham khổ lại bị bọn cai tù đánh đập thường xuyên, đồng chí vẫn chịu khó học tập, nghiền ngẫm, thậm chí còn thuộc lòng bản *Luận cương chính trị* của Đảng do Tổng Bí thư Trần Phú khởi thảo. Không chỉ có vậy, trong tù đồng chí còn thường xuyên gần gũi, động viên mọi người đoàn kết, giữ vững chí khí đấu tranh.

Ngày 13-5-1931, Nguyễn Văn Cừ bị thực dân Pháp đưa ra xét xử tại Hội đồng đề hình Hà Nội. Cùng bị xét xử với đồng chí còn có hơn 80 người khác. Trước tòa, đồng chí dõng dạc bác bỏ những lời buộc tội của tên Biện lý Morô. Khi Chánh án Tarô hỏi: Anh làm nghề gì? Đồng chí thản nhiên trả lời: Tôi làm nghề cách mệnh!... Rồi anh nói tiếp: "Có phải tòa khép tôi vào tội có chân trong Đảng Cộng sản và âm mưu làm rối trị an chăng? Vì đâu mà tôi phải làm cách mệnh? Vì rằng bọn đế quốc quá áp bức quần chúng, tìm hết cách mà bóc lột, nào sưu thuế, nào quốc trái… Còn bảo là rối cuộc trị an thì cuộc trị an ấy là do tư bản đặt ra để bảo vệ họ, chúng tôi là vô

[(1)] Phạm Văn Hảo: *Nguyễn Văn Cừ đã sống như thế đấy*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.33.

sản giai cấp thì phải phá cuộc trị an ấy. Trước lý lẽ sắc bén của đồng chí, tên Chánh án lúng túng, nói: Khá khen cho anh có tài ăn nói"[1]. Ngày 16-5-1931, phiên xử cuối cùng, mặc dù không tìm ra chứng cứ để buộc tội, nhưng tòa án thực dân kết án Nguyễn Văn Cừ "phát lưu chung thân" và đày ra Côn Đảo. Đáp lại kết án của tòa, Nguyễn Văn Cừ cùng những người bị xử án hô vang khẩu hiệu: *Đả đảo đế quốc Pháp! Đả đảo Hội đồng đề hình*!. Trong những ngày chờ đi Côn Đảo, đồng chí vẫn tranh thủ học tập, cùng với đồng chí Hoàng Quốc Việt bí mật in "báo liếp" và tài liệu để phân phát trong nhà tù.

Tối ngày 13-7-1931, Nguyễn Văn Cừ và đoàn tù cập bến Côn Đảo, nơi "địa ngục trần gian". Đồng chí bị giam cấm cố ở Banh 2 cùng với các đồng chí Bùi Công Trừng, Bùi Lâm, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Lê Thanh Nghị, Hoàng Quốc Việt, Đặng Châu Tuệ, Hà Huy Giáp, Lương Khánh Thiện, Nguyễn Văn Linh... và khá đông những người tù Việt Nam Quốc dân Đảng. Bị cấm cố trong khám hết ngày này qua ngày khác, bị thiếu ánh sáng, thiếu dưỡng khí, chen chúc trên những sàn xi măng lạnh giá về mùa đông, nhớp nhúa mồ hôi, nóng nực về mùa hè, cộng thêm chế độ ăn uống tồi tệ, chỉ có cơm gạo mục và cá khô mục, lại thêm với những trận đòn đẫm máu khiến nhiều người tù kiệt sức, nhiều người bị kiết lỵ nặng mà chết. "Năm 1931, Banh 2 có 300 tù chính trị đã có 30 người chết vì bệnh tật. Năm 1932, toàn đảo có 2.276 tù nhân thì có 103 người chết"[2].

Nguyễn Văn Cừ cùng các đồng chí trong Ban Đại diện vận động anh em đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc. Nhiều lần bị đánh đập với đủ các ngón đòn tra tấn cực kỳ dã man, nhưng đồng chí tỏ rõ bản lĩnh một người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi, kiên trung, bất khuất, hết lòng thương yêu đồng chí, luôn tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Để thống nhất hành động đấu tranh, tại Banh 2 các đồng chí đã bí mật thành lập chi bộ Đảng gồm Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Lương Khánh Thiện, sau

[1] *Xem* Báo *Đông Pháp*, số 1385, ngày 17-5-1931.

[2] Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Vũng Tàu - Côn Đảo: *Nhà tù Côn Đảo 1862-1945*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.97.

bổ sung Lê Duẩn, Hà Huy Giáp trong Ban Chi ủy. Tiếp đó, lập ra Ban lãnh đạo điều hành trong Banh, cắt cử các tổ học văn hóa, tổ học lý luận, tổ văn nghệ, v.v..

Là người hoạt động thực tiễn, thực hiện khẩu hiệu: "Biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng", Nguyễn Văn Cừ tích cực nghiên cứu lý luận. Với đức tính siêng năng, chịu khó học hỏi, chỉ sau một thời gian, đồng chí đã nắm vững vốn kiến thức lý luận, kết hợp với vốn kiến thức thực tiễn, nhiều môn đồng chí còn đứng ra làm giảng viên truyền đạt cho anh em trong tù. Về phong trào học tập trong tù, đồng chí Đặng Châu Tuệ - người được Nguyễn Văn Cừ kết nạp vào Đảng trước đây lại là bạn tù ở Côn Đảo, kể lại: "Những đồng chí học giỏi là Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Bình Lém, Đen. Qua thảo luận thấy các đồng chí đó trội hẳn lên về nhận thức lý luận, thì tự nhiên tôi cảm thấy các đồng chí đó cũng là thầy dạy mình. Đồng chí Cừ giỏi thứ nhất, đồng chí Lê Duẩn giỏi thứ hai, đồng chí Cúc (Mười Cúc) cũng giỏi"[(1)]. Đồng chí Hoàng Quốc Việt đã tham gia lớp học đó, kể lại: "Từ năm 1934, trừ anh nào ốm quá thì thôi, còn ai cũng tham gia học hết. Anh Nguyễn Văn Cừ, anh Lê Duẩn, anh Bùi Công Trừng giúp anh em học tập lý luận. Anh Đồng, anh Hà Huy Giáp, anh Nguyễn Kim Cương dạy anh em văn hóa. Ngoài đảo, các thứ sách kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng tôi có đủ hết, có các đồng chí Pháp làm việc trên các con tàu hay qua lại Côn Đảo gửi cho. Chúng tôi có cả một thư viện bí mật"[(2)].

Nguyễn Văn Cừ và Ban lãnh đạo Banh 2 còn tổ chức nhiều hoạt động trong tù như sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, viết báo. Chi bộ đảng Banh 2 cho ra tờ báo viết tay *Ý kiến chung*, trở thành tiếng nói chung của toàn thể tù cộng sản ở Côn Đảo, với các cây bút giỏi thường xuyên như Lê Duẩn, Bùi Công Trừng... Nguyễn Văn Cừ là cây bút với những bài viết nêu những vấn đề thiết thực để thảo luận, hướng dẫn, phổ biến những kinh nghiệm và phân tích những bài học cụ thể về mục đích, phương pháp, khẩu hiệu đấu tranh,

[(1)] *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.278-279.

[(2)] *Nhân dân ta rất anh hùng (Hồi ký cách mạng)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960, tr.167.

nguyên nhân thắng lợi và thất bại. Ngoài ra, đồng chí còn chủ trì Tập san *Người tù đỏ* ở Banh 1, do đồng chí Hà Huy Giáp làm biên tập. Tập san có khuôn khổ 9x13cm ra hằng tuần. Cùng với tờ *Ý kiến chung*, Tập san *Người tù đỏ* nhằm giáo dục lý luận Mác - Lênin dưới hình thức hỏi và đáp, thông báo tin tức, phát động đấu tranh, được nhiều người ưa thích, chuyền tay nhau bí mật đọc trong nhà tù.

Những năm tháng trong nhà tù đế quốc là giai đoạn đặc biệt quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Văn Cừ. Đồng chí có điều kiện nghiền ngẫm, soi xét kinh nghiệm hoạt động thực tiễn để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, gắn lý luận với thực tiễn và lấy thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận. Đây là giai đoạn chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho giai đoạn kế tiếp của đồng chí trên cương vị lãnh tụ của Đảng khi tuổi còn rất trẻ. Chính kẻ thù tuy xấc xược, tàn bạo, nhưng cũng phải thừa nhận: "Tên phiến loạn này có học vấn và trình độ Pháp văn khá là do y được học ở Trường Bảo hộ cho đến năm 17 tuổi và khi ở tù trong trại giam tù chính trị, y đã có điều kiện thuận lợi để tiếp tục học tập, mở mang kiến thức dưới sự chỉ dẫn của những bọn tù có nhiều kinh nghiệm hơn"[(1)].

Trải qua gần sáu năm ở Nhà tù Côn Đảo, mặc dù bị kẻ thù đày ải, dùng đủ mọi cực hình tra tấn dã man, nhưng Nguyễn Văn Cừ vẫn tranh thủ thời gian học tập để rèn luyện và nâng cao trình độ. Sự thông minh và tinh thần say mê học tập đã tôi luyện, giúp đồng chí trưởng thành nhanh chóng. Nguyễn Văn Cừ trở thành tấm gương mẫu mực về ý chí chiến đấu và khí tiết người cộng sản, về tấm lòng kiên trung với Đảng, với dân tộc, đặc biệt là tinh thần tự học, tự rèn luyện. Vì thế, khi ra tù, đồng chí trở thành một trong những cán bộ lãnh đạo tài ba, xuất sắc của Đảng.

2. Trưởng thành trong bão táp cách mạng

Năm 1936, do kết quả của phong trào đấu tranh của nhân dân ta, với thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp trong cuộc tổng tuyển

[(1)] *Báo cáo của Sở cảnh sát Nam Kỳ*, tháng 9-1938, dịch từ tiếng Pháp, phông lưu trữ Bộ Nội vụ.

cử lập chính phủ mới và do ảnh hưởng trực tiếp cuộc đấu tranh của hơn một nghìn tù nhân ở Côn Đảo ngày 27-5-1936, đã buộc chính quyền thực dân Pháp phải ân xá tù chính trị phạm ở Đông Dương, trong số đó có Nguyễn Văn Cừ. Nhưng phải đến tháng 11-1936, đồng chí mới được trả lại tự do với điều kiện chịu sự quản thúc của chính quyền thực dân tại nơi cư trú. Khi về quê hương, đồng chí mới biết gia đình tan tác mỗi người một ngả. Cha lâm bệnh nặng nên đã qua đời, chị gái lấy chồng ở nơi xa, em trai tha hương để kiếm sống hàng ngày, duy chỉ còn bà mẹ già yếu ở nhà, phải sống nhờ bà con, họ hàng. Thương mẹ già phải chịu nhiều cơ cực, nhưng vì nghĩa lớn đối với Đảng và dân tộc, Nguyễn Văn Cừ xin phép mẹ lên đường, tiếp tục chiến đấu với quân thù.

Tháng 12-1936, Nguyễn Văn Cừ bí mật ra Hà Nội liên lạc, chắp nối được với với nhiều đồng chí tù chính trị cộng sản được trả lại tự do như Lương Khánh Thiện, Tô Hiệu, Hoàng Quốc Việt, Đặng Xuân Khu, Khuất Duy Tiến và nhiều đồng chí khác. Hà Nội lúc đó có hơn hai trăm đồng chí vừa ra khỏi nhà tù đế quốc tập trung ở đây. Một trong những nhiệm vụ cấp thiết mà Nguyễn Văn Cừ và các đồng chí cùng hoạt động là khôi phục lại các cơ sở đảng, xây dựng và phát triển Đảng, nuôi dưỡng và phát triển phong trào cách mạng ở Hà Nội tiến lên một bước mới sau những năm 1931-1934 bị khủng bố trắng và tổn thất nặng nề. Ở Hà Nội, Nguyễn Văn Cừ vẫn phải hoạt động trong điều kiện bí mật. Để tránh bị địch theo dõi, đồng chí được bố trí ở một cơ sở bí mật là Hiệu giặt là Ánh sáng ngoài bãi Phúc Xá, bên bờ sông Hồng. Sau đó, đồng chí đóng vai làm công cùng với vợ chồng đồng chí Lương Khánh Thiện cho Hiệu giặt là Mai Hải ở phố Hàng Giấy để tiện cho việc liên hệ với các tổ chức cơ sở của Đảng.

Cuối năm 1936, Nguyễn Văn Cừ gặp lại Nguyễn Văn Minh - bạn học thời niên thiếu, đã tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông, được Ban Chỉ huy ở ngoài cử về nước hoạt động và Hoàng Văn Nọn mới dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản về nước, cùng với các đồng chí Tô Hiệu, Tô Quang Đẩu, Trần Huy Liệu,

Đặng Xuân Khu, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Văn Trân và một số đồng chí khác bàn việc khôi phục và phát triển cơ sở đảng ở Hà Nội và các vùng phù cận. Tại một địa điểm gần sân bay Gia Lâm, các đồng chí họp quyết định thành lập *Ủy ban sáng kiến* với nhiệm vụ là chỉ đạo khôi phục phong trào cách mạng, củng cố tổ chức đảng ở Bắc Kỳ, bắt mối liên lạc với các đồng chí ở Trung Kỳ mới ở tù ra tiếp tục hoạt động. Trong hồi ký của mình, Nguyễn Văn Minh kể: "Anh Cừ, tôi và Trần Quý Kiên tổ chức một cuộc họp đầu tiên ở một thửa ruộng gần sân bay Gia Lâm vào mùa mát năm 1936 hay 1937. Mục đích cuộc họp là trao đổi với nhau về việc đi củng cố cơ sở đảng, cơ sở cách mạng. Muốn thế cần phải có hình thức tổ chức gì? Chúng tôi nhất trí với nhau lập ra một ủy ban gọi là *Ủy ban sáng kiến*, cũng gồm ba chúng tôi. Nhiệm vụ của Ủy ban này là khôi phục cơ sở cách mạng, củng cố tổ chức đảng ở miền Bắc và bắt mối liên hệ với các đồng chí quen biết cũ mà đã ở các nhà tù về"[(1)].

Cuối tháng 01-1937, Nguyễn Văn Cừ dự họp Ủy ban sáng kiến tổ chức tại nhà đồng chí Động, phố Hàng Đường (Hà Nội). Ủy ban phân công Nguyễn Văn Cừ hoạt động ở bộ phận bí mật cùng với Nguyễn Văn Minh, Trần Quý Kiên phụ trách công tác móc nối liên lạc với các đồng chí ở Trung Kỳ, đồng thời trực tiếp tham gia khôi phục và phát triển các cơ sở đảng ở khu vực Hà Nội và các vùng phụ cận. Đồng chí Tô Hiệu được phân công về công tác ở Hải Phòng, Quảng Ninh. Đồng chí Hoàng Văn Thụ được phân công về các tỉnh vùng núi phía Bắc. Đến đầu năm 1937, Hà Nội có khoảng 20 chi bộ được tổ chức theo giới. Đây là điều kiện và đòi hỏi cấp thiết để khôi phục Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ nhằm thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng.

Tháng 3-1937, Nguyễn Văn Cừ tham gia Hội nghị thành lập Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ. Dự Hội nghị có các đồng chí Hoàng Văn Nọn, Nguyễn Văn Minh, Đặng Xuân Khu, Lương Khánh Thiện, Tô Hiệu, Hoàng Quốc Việt, Đinh Xuân Nhạ, Trần Quý Kiên, Trần

---

[(1)] *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Sđd, tr.305.

Cung... Hội nghị cử đồng chí Lương Khánh Thiện làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ, kiêm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ được cử vào Ban Thường vụ, được phân công làm đại diện của Xứ ủy bên cạnh Trung ương Đảng. Hội nghị cử Nguyễn Văn Cừ và Hoàng Quốc Việt đại diện Xứ ủy đi dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương sẽ tổ chức vào tháng 8-1937 ở Sài Gòn - Gia Định.

Từ ngày 25-8 đến ngày 04-9-1937, tại Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định), Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Hà Huy Tập. Tham dự Hội nghị có Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai… Nội dung chủ yếu của Hội nghị là kiểm điểm tình hình, rút kinh nghiệm về cuộc vận động dân chủ và đưa ra đường lối hoạt động của Đảng trong tình hình mới. Tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Chí Diểu báo cáo về tình hình thế giới và trong nước; đồng chí Hà Huy Tập báo cáo về những công tác đã thực hiện của Đảng trong một năm qua; đồng chí Lê Hồng Phong báo cáo về những sai lầm và khuyết điểm của Đảng; đồng chí Nguyễn Văn Cừ báo cáo về công tác hoạt động quần chúng của Đảng. Trong báo cáo, đồng chí thẳng thắn phê phán những khuyết điểm, sai lầm về nguyên tắc tổ chức quần chúng, đó là những biểu hiện của bệnh biệt phái, cô độc, chưa có cơ sở mạnh trong các xí nghiệp công nghiệp, ít chú ý vận động binh lính và không chịu đưa cán bộ đảng vào hoạt động trong các tổ chức cải lương, v.v.. Đồng chí chỉ rõ, các đảng bộ cơ sở phải hết sức coi trọng phát huy sáng kiến trong vận động quần chúng và phải linh hoạt: "Hình thức này không được, ta xoay hình thức khác, tổ chức ái hữu, tương tế không được, ta xoay ra các hội chơi họ; chơi họ không được, xoay qua đám ma; đám ma không được, xoay hội lợp nhà, hàng phe, hàng giáp, v.v.."[(1)]. Vì thế, Nghị quyết Hội nghị quyết định: "Đảng phải dùng cách chỉ đạo các hội quần chúng về mặt chính trị một cách xác đáng và lanh lẹ, tuy nhiên phải tránh sự bao biện, tránh sự làm mất tư cách độc lập của các tổ chức quần chúng về mặt tổ chức. Toàn bộ hoạt động của tất cả các

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.276.

đoàn thể phải thực hiện *nhiệm vụ căn bản của Đảng là tổ chức Mặt trận Nhân dân thống nhất Đông Dương*"[1]. Hội nghị đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Nguyễn Chí Diểu vào Ban Chấp hành Trung ương và phân công Nguyễn Văn Cừ trở ra Bắc chỉ đạo phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Kỳ.

Thực hiện sự phân công trên, ngay trong tháng 9-1937, Nguyễn Văn Cừ trở ra Bắc triệu tập Hội nghị thành lập Liên Xứ ủy Bắc - Trung Kỳ tại phố Hàng Bột (Hà Nội). Tham dự có các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tô Hiệu, Đặng Xuân Khu, Hoàng Văn Nọn, Nguyễn Văn Minh, Hoàng Quốc Việt, Tô Quang Đẩu, Trần Bảo, Nguyễn Công Hòa và một số đại biểu của các tỉnh miền Trung. Hội nghị đề ra nhiệm vụ khôi phục và phát triển tổ chức đảng các cấp, đưa ra các biện pháp đẩy mạnh các hình thức đấu tranh công khai và bán công khai cho phù hợp với tình hình. Hội nghị tuyên bố thành lập Liên Xứ ủy Bắc - Trung Kỳ, bầu đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư, Nguyễn Văn Cừ được bầu vào Ban Thường vụ. Liên Xứ ủy Bắc - Trung Kỳ tồn tại không lâu thì lại tách ra thành Xứ ủy Bắc Kỳ và Xứ ủy Trung Kỳ. Dù trong thời gian ngắn, nhưng Liên Xứ ủy đã kịp xây dựng, củng cố kiện toàn tổ chức, lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ. Đây là bước quá độ cần thiết trong thời kỳ khôi phục và xây dựng lại phong trào. Kết quả này gắn liền với vai trò và sự chỉ đạo sát sao của đồng chí Nguyễn Văn Cừ.

Cùng với việc xây dựng, phục hồi các tổ chức đảng và phong trào quần chúng, Nguyễn Văn Cừ rất quan tâm đến việc sử dụng báo chí công khai làm vũ khí tuyên truyền, cổ động và tổ chức phong trào cách mạng. Lợi dụng việc cho phép xuất bản các báo bằng tiếng Pháp, tháng 9-1936, một số đảng viên cộng sản phối hợp với những trí thức của Trường tư thục Thăng Long cho ra báo *Le Travail* (Lao động). Đây là tờ báo đầu tiên bằng tiếng Pháp của Đảng ra đời ở miền Bắc. Ban Biên tập có các đồng chí Nguyễn Thế Rục, Nguyễn Văn Tiến, Trịnh Văn Phúc, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Trần Đình Long, Trần Huy Liệu... Để mở rộng ảnh hưởng

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.288-289.

của báo *Le Travail*, Nguyễn Văn Cừ đề nghị mời các chiến sĩ cộng sản mới ra tù làm cộng tác viên chính như Khuất Duy Tiến, Đặng Xuân Khu, Hoàng Quốc Việt, Đặng Châu Tuệ, Tống Phúc Chiểu, v.v. làm cho báo ngày càng có đường lối chính trị rõ rệt. Tờ báo không chỉ mở rộng đối tượng phục vụ, mà còn là diễn đàn của quần chúng, tố cáo sự áp bức của chính quyền thực dân. Đánh giá vai trò của tờ báo, Trần Huy Liệu, người trực tiếp tham gia tờ báo, khẳng định: "Tờ *Le Travail* mới ra đời, gặp vào lúc phong trào vừa nhóm dậy, đã có ngay một ảnh hưởng lớn, nhất là đối với trí thức. Mỗi số báo vừa ra khỏi nhà in, các thanh niên sinh viên ôm từng chồng báo đi bán, bọn mật thám theo bở hơi tai cũng không nắm được hết số người mua và đọc báo"[(1)].

Đầu năm 1937, tại Hà Nội, Nguyễn Văn Cừ và những người cộng sản trong nhóm *Le Travail* tổ chức đón tiếp đại diện Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp là G. Gôđa. Trụ sở báo *Le Travail* trở thành trung tâm đón tiếp các tầng lớp nhân dân đến đưa nguyện vọng trực tiếp cho G. Gôđa, có hàng nghìn người đến tham dự. Thực chất đây là hình thức biểu tình, biểu dương lực lượng của quần chúng, trở thành một trong những cuộc đấu tranh đầu tiên, mở đầu cao trào đòi tự do, dân chủ trong cả nước trong những năm 1936-1939. Hồi ký của Trần Huy Liệu ghi lại sự kiện này như sau: "Chúng tôi đòi ông G. Gôđa phải tiếp xúc với nhân dân, chớ không qua các nhà cầm quyền ở đây. Do sức đấu tranh của nhân dân, điều yêu sách này đã thành công. Những ngày G. Gôđa tiếp đại biểu các đoàn thể, chúng tôi phải làm các việc sắp đặt trật tự, ghi chép chữ nghĩa đến tướt người"[(2)]. Được tin Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử Brêviê sang làm Toàn quyền Đông Dương, ngày 06-02-1937, khi y đến Hà Nội, bất chấp sự cản trở của chính quyền thuộc địa, hàng vạn quần chúng mà hạt nhân lãnh đạo là Xứ ủy Bắc Kỳ đã "đón" Brêviê bằng một cuộc biểu tình, giương cao các khẩu hiệu: *Ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp; Tự do ngôn luận,*

[(1),(2)] *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr.67,74.

tự do nghiệp đoàn; Đặc xá chính trị phạm, Bãi bỏ thuế thân, v.v. và cử đại biểu đến tố cáo chế độ tàn ác của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Đi đầu trong các cuộc đấu tranh, báo *Le Travail* đã lôi cuốn các tờ báo khác ra đời như *Tân xã hội, Nhành lúa, Tiếng trẻ, Tin tức*. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Đặng Xuân Khu, Lương Khánh Thiện, tờ báo *Bạn dân* của Đoàn Thanh niên Dân chủ cũng ra đời, nhanh chóng chiếm được tình cảm của đông đảo bạn đọc trẻ trong cả nước, trở thành người tuyên truyền, giáo dục tích cực trong tầng lớp thanh niên. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ thường xuyên nhắc nhở những người phụ trách các báo phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, phải bám sát chủ trương của Đảng để hướng phong trào đi đúng quỹ đạo. Nội dung chủ yếu mà đồng chí chỉ đạo các báo là đấu tranh chống bọn phản động ở thuộc địa, chống bọn tờrốtkít, kêu gọi và thúc đẩy quần chúng đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh phát xít...

Khi tờ *Le Travail* bị đóng cửa (16-4-1937) do không có tiền theo kiện, lập tức Đảng ta cho ra đời tờ *Rassemblment* (Tập hợp), rồi *En Avant* (Tiến lên) và một loạt tờ báo tiếng Việt cũng ra đời như *Thời thế, Hà thành thời báo*... Không những thế, ngay khi Hội báo giới Trung Kỳ được thành lập ngày 12-4-1937, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã kịp thời chỉ đạo thành lập Hội báo giới Bắc Kỳ vào ngày 24-4-1937, nhằm xúc tiến thêm một bước chuẩn bị cho sự ra đời của Hội báo giới cả nước. Chính vì vậy, báo chí cách mạng thời kỳ này là công cụ thực sự góp phần vào công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, kịp thời cổ vũ phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân và đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng. Kết quả này có phần đóng góp quan trọng của đồng chí Nguyễn Văn Cừ.

Song song với các hoạt động xây dựng, phục hồi các tổ chức đảng và sử dụng báo chí làm vũ khí tuyên truyền, cổ động và tổ chức phong trào cách mạng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ rất quan tâm đến phong trào công nhân. Đồng chí đã chỉ đạo Xứ ủy Bắc Kỳ đẩy

mạnh công tác vận động công nhân trong các xí nghiệp, nhà máy, hầm mỏ, thành lập các hội ái hữu, tương tế và các hội dưới nhiều tên gọi khác nhau, nhằm tập hợp quần chúng đấu tranh theo mục tiêu của Đảng. Tại Hà Nội, đồng chí đã mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ công vận và là người trực tiếp giảng bài. Địa điểm mở các lớp huấn luyện thường là trong khu cư trú của công nhân tại bãi Phúc Xá (Hà Nội). Kết quả của công tác công vận là phong trào công nhân Hà Nội trong những năm này phát triển nhanh, kết nạp được nhiều công nhân ưu tú vào Đảng, dẫn đến sự ra đời của các chi bộ cộng sản trong các xí nghiệp, nhà máy. Thời gian này, ở Hà Nội đã có 26 tổ chức ái hữu thuộc các ngành nghề khác nhau. Nhiều cuộc đấu tranh có tổ chức và quy mô diễn ra, điển hình như: ngày 11-5-1937 đoàn đại biểu công nhân Hà Nội gặp Thanh tra Lao động thành phố đòi lập nghiệp đoàn; ngày 12-10-1938, công nhân thợ xẻ đình công đòi tăng lương; ngày 14-5-1938, công nhân xe lửa Gia Lâm đình công đòi giảm giờ làm, tăng lương 25%, v.v..

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ còn rất quan tâm đến phong trào nông dân, phụ nữ, thanh niên. Đồng chí thường xuyên qua lại các địa bàn phụ cận của Hà Nội như Từ Liêm, La Cả, Đại Mỗ, Hà Đông... gây dựng cơ sở và thành lập được một số chi bộ đảng. Đồng thời, đồng chí chỉ đạo tổ chức ra rất nhiều hình thức hoạt động để lôi cuốn đông đảo nông dân tham gia như các hội: cấy, cày, hiếu, hỷ, văn nghệ, đọc sách, thể thao, v.v.. Mặc dù rất bận, đồng chí Nguyễn Văn Cừ vẫn dành thời gian và tâm huyết để chỉ đạo hoạt động của phụ nữ, thanh niên tham gia các tổ chức do Đảng lãnh đạo. Đồng chí đã đến họp với phụ nữ tiểu thương chợ Đồng Xuân và các nhóm thanh niên ở các trường công và tư trên địa bàn Hà Nội.

Trong thời gian này, Nguyễn Văn Cừ cùng với đồng chí Đào Duy Kỳ chỉ đạo việc thành lập Đoàn Thanh niên Dân chủ Đông Dương, nhằm thu hút thanh niên và các đoàn thể, tuyên truyền, giáo dục thanh niên tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng. Đồng chí còn chủ trương lấy tổ chức Đoàn Thanh niên làm nòng cốt cho các hoạt động cách mạng của tuổi trẻ trong các trường học như:

Nhóm nghiên cứu sách báo công khai, thành lập các hội ái hữu học sinh Trường Thăng Long, v.v.. Nguyễn Văn Cừ đến với các tầng lớp quần chúng bằng cả tấm lòng chân thật, khiêm tốn, giản dị, hòa mình vào cuộc sống của họ, nên được quần chúng tin yêu, quý mến và che chở cho đồng chí khi gặp gian nguy.

Tháng 3-1938, Nguyễn Văn Cừ bí mật rời Hà Nội đi Sài Gòn dự Hội nghị Trung ương Đảng. Từ kinh nghiệm hoạt động ở vùng mỏ Đông Bắc, trên đường qua Huế, Nguyễn Văn Cừ có gặp đồng chí Lê Duẩn để bàn một số vấn đề quan trọng, trong đó có việc phải xây dựng được đường dây liên lạc thông từ Hà Nội đến Sài Gòn, nên phải bố trí cán bộ, đảng viên trung kiên. Về vấn đề này được đồng chí Lê Duẩn và Xứ ủy Trung Kỳ quan tâm, nên sau đó đã gây dựng sơ sở trong những người công nhân đường sắt, trong đó nhiều công nhân trẻ thuộc tổ chức Đoàn Thanh niên Dân chủ, có thể bảo đảm cho các đồng chí Trung ương vào Nam ra Bắc an toàn.

Từ ngày 29-3 đến ngày 30-3-1938, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp tại làng Tân Thới Nhất, gần Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định). Tham dự Hội nghị có các đồng chí Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Chí Diểu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Duẩn và một số đồng chí khác. Hội nghị bàn những vấn đề rất quan trọng của cách mạng Việt Nam. Sau khi nhận định một số thay đổi trong chính sách cai trị của chính quyền thực dân, Hội nghị phân tích kỹ thái độ chính trị của các đảng phái ở Việt Nam, đánh giá phong trào quần chúng và kiểm điểm công tác vận động quần chúng của Đảng. Hội nghị cũng nghiêm khắc chỉ ra những khuyết điểm trong công tác chỉ đạo như: hình thức còn rườm rà, phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển không đều, chưa chú trọng đến phong trào công nhân ở những trung tâm lớn, v.v..

Theo đề nghị của đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương, vì: "Hội nghị xét rằng vấn đề lập Mặt trận Dân chủ thống nhất là một nhiệm vụ trọng tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại, tranh đấu gần hai

năm nay tuy chưa thực hiện được hẳn hoi, nhưng trong các lớp dân chúng, các đảng phái, đã có ít nhiều xu hướng liên hiệp hành động và những mầm mống để thực hiện Mặt trận thống nhất. Vậy cần đưa hết toàn lực của Đảng, dùng hết phương pháp để lan rộng các xu hướng, phát triển các mầm mống ấy thành một lực lượng hành động mạnh mẽ"[1], nhằm vừa củng cố đoàn kết công nông vừa thực hiện việc thu hút, tập hợp các tầng lớp xã hội theo các xu hướng cải cách dân chủ vào phong trào đấu tranh chung.

Về công tác củng cố tổ chức đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ cùng Hội nghị chủ trương chỉ đạo các xứ ủy, tỉnh ủy tiến hành củng cố các tổ chức cơ sở đảng hiện có, chú trọng công tác trong các thành phố, khu công nghiệp để xây dựng và phát triển các tổ chức của Đảng. Hội nghị cũng đã kiểm điểm hoạt động của các xứ ủy trong việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần trước, đồng thời quyết định đẩy mạnh đấu tranh cho Đảng được công khai. Hội nghị nêu rõ: "Việc Đảng Cộng sản công khai tồn tại hay không là do nơi sự tranh đấu đòi các quyền tự do, dân chủ, đòi thừa nhận tự do lập chính đảng được thành công hay không"[2].

Về phương thức hoạt động, đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Hội nghị xác định, kết hợp bí mật với công khai là làm cho công tác của Đảng được thống nhất và phát triển, công khai hay bí mật phải phục tùng cơ quan chỉ huy của Đảng. Bộ phận hoạt động công khai không phải là cơ quan ngang hàng với Trung ương hay các cấp bộ tương đương. Hội nghị còn chỉ rõ, những đảng bộ bí mật không chỉ đạo nổi công tác công khai thì các đồng chí bí mật và công khai phải bàn bạc với nhau để tiến hành công việc, đồng thời còn lưu ý: "Các đồng chí phụ trách bí mật không nên trực tiếp tới các cơ quan công khai mà chỉ nên gián tiếp với một vài đồng chí hết sức chắc chắn trong chi bộ công khai thôi, có như vậy mới tránh sự đổ bể bất ngờ"[3].

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.349-350.
[2],[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.363,359-360.

Tại Hội nghị lần này, đồng chí Nguyễn Văn Cừ và Hội nghị Trung ương một lần nữa khẳng định, phải triệt để chống bọn tờrốtkít, phải quán triệt cho cán bộ, đảng viên đi sâu vào quần chúng vạch mặt bọn chúng bằng lý lẽ và bằng chứng xác thực. Điều này rất trùng hợp với chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền đạt về nước vào thời gian này, rằng: "Đối với bọn tờrốtkít, không thể có thỏa hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về mặt chính trị"[(1)]. Nhận định về nguy cơ của chiến tranh thế giới sắp nổ ra, cùng với việc ra Nghị quyết về lập Mặt trận Dân chủ thống nhất và củng cố tổ chức đảng, Hội nghị Trung ương lần này còn ra Nghị quyết về *Phòng thủ Đông Dương và vận động binh lính.*

Hội nghị họp đến ngày 30-3-1938, đã bầu Ban Chấp hành Trung ương "gồm 11 người, trong đó chín người có mặt trong xứ; anh Lin (Nguyễn Ái Quốc) và anh Kan (Phùng Chí Kiên) là ở ngoại quốc. Ban Trung ương có một Ban Thường vụ năm người, mà người Tổng Thư ký mới là một cựu chính trị phạm được ân xá, từ xưa tới nay chưa hề xuất dương"[(2)]. Ban Thường vụ Trung ương gồm năm người là: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Võ Văn Tần, Nguyễn Chí Diểu. Tổng Bí thư mới của Đảng được bầu "là một cựu chính trị phạm được ân xá, từ xưa tới nay chưa hề xuất dương" chính là đồng chí Nguyễn Văn Cừ. Như vậy, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trải qua chưa đầy chục năm trong hoàn cảnh nhiều khó khăn, thử thách, đã có bốn đồng chí được bầu giữ chức Tổng Bí thư của Đảng, đều thuộc thế hệ đảng viên lớp đầu tiên của Đảng, có nhiệt tình yêu nước, tinh thần hy sinh cho Đảng, cho cách mạng và tuổi đời còn rất trẻ. Điểm khác nhau là ở chỗ, ba Tổng Bí thư tiền nhiệm đều được đào tạo chính quy tại Trường Đai học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản ở Liên Xô, còn đồng chí Nguyễn Văn Cừ là người duy nhất được tôi luyện và trưởng thành từ thực tế phong trào cách mạng trong nước.

[(1)] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.167.

[(2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.370.

Là người có năng lực tư duy lý luận, tuy chưa qua một lớp lý luận chính quy nào, chỉ được học trong tù và học từ thực tiễn hoạt động cách mạng, nhưng Nguyễn Văn Cừ nắm vững lý luận Mác - Lênin và quan trọng hơn là biết vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của Việt Nam, chính điều đó có sức thuyết phục không chỉ với quần chúng công nông mà cả đối với các đồng chí vốn xuất thân từ trí thức có vị trí cao trong Đảng. Đồng chí Lê Duẩn lúc đó là Ủy viên Trung ương tham dự Hội nghị, sau này có nói: "Về tuổi đời anh Cừ tuy kém chúng tôi và các anh Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập từ 5 đến 10 tuổi, nhưng anh là một trí tuệ lỗi lạc của Đảng, rất sắc sảo và nhạy bén về chính trị, lại có khả năng đoàn kết, thuyết phục anh em. Anh là một người cộng sản có phẩm chất đạo đức trong sáng, được mọi người kính phục"[(1)].

3. Trên cương vị Tổng Bí thư, tấm gương người cộng sản mẫu mực

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ trở thành Tổng Bí thư của Đảng ta được đào tạo, rèn luyện và trưởng thành từ thực tiễn phong trào cách mạng ở trong nước và là một trong những Tổng Bí thư trẻ nhất của Đảng ta. Với việc bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng đã khẳng định năng lực lãnh đạo, uy tín và tài năng của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi đối với phong trào cách mạng Đông Dương. Trên cương vị Tổng Bí thư, đồng chí thể hiện tư chất của một lãnh tụ tài năng, sáng tạo. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí, Đảng ta đã kịp thời đề ra những chủ trương, đường lối đúng đắn, phát động cao trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sục sôi trong cả nước, tạo ra cục diện phát triển mới của cách mạng Việt Nam.

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ đảm nhận trọng trách Tổng Bí thư của Đảng khi tình hình quốc tế và trong nước có nhiều biến động. Tại nước Pháp, từ tháng 7-1937 đến tháng 4-1938, Chính phủ Pháp trải qua bốn lần thay đổi chính phủ, mà xu hướng thiên hữu ngày

---

[(1)] *Nguyễn Văn Cừ - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.125.

càng chiếm ưu thế. Tháng 4-1938, Chính phủ do Đalađiê lên cầm quyền ở Pháp, theo thỏa ước Muyních, Anh và Pháp dâng vùng Xudét của Tiệp Khắc cho phát xít Đức, nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới đến gần. Ở trong nước, bọn phản động Pháp ở thuộc địa tăng cường đàn áp phong trào yêu nước, thực hiện chính sách nhân nhượng với phát xít Nhật, bắt bớ, giam cầm những chiến sĩ cách mạng, còn các phần tử tờrốtkít ra sức công kích chủ trương, đường lối Mặt trận Dân chủ thống nhất của Đảng ta. Những thử thách mà thực tiễn đang đặt ra đối với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là vô cùng khó khăn.

Sau Hội nghị Trung ương tháng 3-1938, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ dự định ở lại hoạt động ở miền Nam, vì cơ quan Trung ương lúc đó đóng ở Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định). Nhưng trước sự lùng sục gắt gao của mật thám Pháp, đồng chí quyết định trở ra Bắc. Tháng 4-1938, có mặt tại Hà Nội, Nguyễn Văn Cừ có buổi làm việc ngay với Xứ ủy Bắc Kỳ tại trụ sở báo *Tin tức* (nay là phố Phùng Hưng, Hà Nội). Trao đổi với các đồng chí Đặng Xuân Khu, Trần Huy Liệu, Trần Đình Long, Khuất Duy Tiến, Đào Duy Kỳ..., Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trương lập *Nhóm Tin tức*, làm nòng cốt tập hợp một số tờ báo tiến bộ khác truyên truyền cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Theo sự chỉ đạo của đồng chí, *Nhóm Tin tức* đã liên minh với chi nhánh Đảng Xã hội, gồm cả người Pháp và người Việt, với *Nhóm Ngày nay* gồm những trí thức tư sản, tiểu tư sản, các đại diện giới tiểu thương, tiểu chủ, Đoàn Thanh niên Dân chủ, Hội Phụ nữ Dân chủ..., xúc tiến thành lập Mặt trận Dân chủ ở Bắc Kỳ. Chính từ kinh nghiệm hoạt động của *Nhóm Tin tức* ở Hà Nội, tháng 8-1938, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo thành lập *Nhóm Dân chúng*, ra báo *Dân chúng* ở Sài Gòn.

Cùng với chủ trương tranh thủ mọi khả năng để mở rộng phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cùng Xứ ủy Bắc Kỳ quyết định cử người của Đảng tham gia ứng cử vào các viện dân biểu và hội đồng quản hạt thành phố,

nhằm lợi dụng các diễn đàn này để tố cáo chính sách phản động của chính quyền thuộc địa, tuyên truyền lôi kéo các phần tử tiến bộ thuộc các tầng lớp trong xã hội tham gia Mặt trận Dân chủ, đồng thời chỉ đạo Xứ ủy và Thành ủy Hà Nội tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5. Tại khu vực Nhà Đấu Xảo (nay là khu Cung Văn hóa hữu nghị và Quảng trường 1-5, Hà Nội), dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Xứ ủy Bắc Kỳ và Thành ủy Hà Nội đã huy động hơn 2,5 vạn quần chúng tham gia cuộc mít tinh khổng lồ này, mấy chục lá cờ đỏ lớn có thêu tên các đoàn thể tham gia được giương cao. Lên diễn đàn cuộc mít tinh là đại diện các tổ chức, đoàn thể quần chúng, đều công khai vạch mặt trước hàng vạn quần chúng về chính sách bóp nghẹt tự do, dân chủ, bóc lột tàn nhẫn của chính quyền phản động thuộc địa, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân.

Đồng chí Trần Huy Liệu, một trong những người tham gia tổ chức cuộc mít tinh này cho biết: "Ngày 1-5, các đoàn thể quần chúng trước khi đến trường Đấu Xảo làm mít tinh đều tụ tập ở Hội quán ái hữu của mỗi ngành hay ở một địa điểm nhất định. Từng đoàn người qua các đường phố, ai cấm được họ hô những khẩu hiệu vang lừng. Bà con trong phố nhiều người cũng hô theo. Thế là, các phố đều nổi dậy những cuộc biểu tình kéo đi như nước lũ về trường Đấu Xảo, Hà Nội. Trong các đoàn thể nhân dân, còn có cả đoàn người thất nghiệp. Nhân dân ngoại ô thành phố Hà Nội cũng tiến vào như thác chảy. Khi đó cũng như lúc làm mít tinh, các đoàn thể đều có trật tự nghiêm chỉnh, bọn mật thám và cảnh sát không còn vin vào cớ gì để can thiệp"[(1)]. Cuộc mít tinh công khai kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1938 là đỉnh cao của phong trào cách mạng thời kỳ Mặt trận Dân chủ ở Hà Nội và cả nước. Thành công này có đóng góp to lớn của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, của các đồng chí Xứ ủy Bắc Kỳ và Thành ủy Hà Nội. Đánh giá sự kiện này, trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, tháng 9-1939, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Năm 1938, lần đầu tiên Hà Nội được tổ chức

[(1)] *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Sđd, tr.207.

ngày 1-5 hợp pháp. Ngày đó thật là lớn và đối với Đông Dương, có thể nói là vĩ đại"[1].

Phát huy thành công của cuộc mít tinh ngày 1-5-1938, trong lúc đội ngũ thanh niên đang có khí thế cách mạng, kẻ thù chưa lộ mặt khủng bố gắt gao, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chỉ đạo cho đồng chí Đào Duy Kỳ - Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, phụ trách công tác thanh niên, khẩn trương triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đoàn Thanh niên. Ngày 5-5-1938, tại Hà Nội, Hội nghị toàn quốc Đoàn Thanh niên Dân chủ khai mạc. Tham dự Hội nghị có hơn 200 đại biểu thanh niên thành phố Hà Nội và các tỉnh. Hội nghị thảo luận sôi nổi vấn đề thanh niên tham gia các phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, tự do, cơm áo và hòa bình, chống chiến tranh phát xít. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Dân chủ do đồng chí Đào Duy Kỳ làm Bí thư. Tham gia chỉ đạo Hội nghị, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ có bài phát biểu, trong đó khẳng định vai trò của thanh niên là cực kỳ quan trọng trong cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ; đồng thời chỉ rõ, Đoàn Thanh niên Dân chủ phải thực hiện việc thống nhất tổ chức trong toàn quốc, động viên thanh niên tham gia các hoạt động cách mạng. Đồng chí đồng ý với chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Dân chủ xuất bản báo *Thế giới* tại Hà Nội, báo *Mới* tại Sài Gòn.

Lợi dụng quy định của luật tự do báo chí, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã chỉ đạo các đồng chí lãnh đạo của Đảng đang hoạt động ở Nam Kỳ xuất bản báo *Dân chúng*, lấy tờ báo làm cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng. Ngày 22-7-1938, báo *Dân chúng* ra số đầu tiên. Từ chỗ không hợp pháp, báo *Dân chúng* trở thành báo hợp pháp xuất bản bằng tiếng Việt. Từ đó đã khuyến khích một số tờ báo khác ra đời và xuất bản ở Sài Gòn và Nam Kỳ. Nói về báo *Dân chúng* chính thức ra công khai, dưới bút danh *Dân chúng*, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ viết: "Sự thành công của tờ *Dân chúng* ấy chính là sự thắng lợi của tất cả anh em đồng bào, vẻ vang cho làng báo

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.178.

quốc văn... Giành lại quyền tự do xuất bản! Đó là một bước đầu mà thôi. *Dân chúng* còn có những trách nhiệm lớn lao nặng nề này: chủ trương ngôn luận đúng đắn, không "tả" mà cũng không "hữu", không bợ đỡ, rụt rè; dùng lý luận hợp thời và tiến bộ giúp độc giả tìm chân lý và vũ khí tranh đấu sắc bén; chọn tin tức đích xác và cần thiết cống hiến cho độc giả, giúp đồng bào hiểu rõ thời thế; kịch liệt tranh đấu chống chủ nghĩa phát xít và các lý luận phản bội, hành động khiêu khích của bọn tờrốtkít và các màu lý luận phản động khác"[(1)].

Trong quá trình hoạt động cách mạng và trên cương vị Tổng Bí thư, Nguyễn Văn Cừ có nhiều tác phẩm và bài viết mang tính sáng tạo về mặt lý luận và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Những năm 1938-1939, đồng chí viết nhiều bài đăng trên báo *Dân chúng*. Nội dung các bài viết trong thời kỳ này đề cập nhiều vấn đề quan trọng về đường lối, chủ trương của Đảng chỉ đạo quần chúng đấu tranh trong cao trào cách mạng 1938-1939; là những sáng tạo về lý luận, phương pháp vận động quần chúng, về xây dựng Mặt trận Dân chủ thống nhất, về phân tích và nhận định thời cơ cách mạng, về chuyển hướng chiến lược cách mạng, về xây dựng lực lượng cách mạng trong thời kỳ vận động giải phóng dân tộc, về thành lập Mặt trận chống chủ nghĩa phát xít, v.v..

Với các bút danh *D.C., Trí Thành, T., T.H.*, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết nhiều bài cho báo *Dân chúng* và một số báo xuất bản công khai khác. Trong hơn 80 số báo *Dân chúng*, đồng chí đã viết nhiều bài, tập trung vào những chủ đề lớn như vấn đề đấu tranh nghị trường trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Điển hình là các bài: *Nhân dân xứ này đối với Hội đồng quản hạt* (số 17, ngày 17-9-1938); *Những thái độ sai lầm của mấy ông đại biểu Bắc Kỳ* (số 22, ngày 05-10-1938); *Mặt trận Dân chủ với Mặt trận công nông trong vụ tuyển cử Hội đồng quản hạt* (số 53, ngày 07-3-1939), v.v.. Trước việc thất bại trong cuộc tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, trong Đảng xảy ra

[(1)] Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: *Báo Dân chúng 1938-1939*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000, t.1, tr.13.

tranh luận khá căng thẳng. Ngay từ ngày 14-5-1938, trên cương vị Tổng Bí thư, Nguyễn Văn Cừ viết *Bức thư trả lời cho các đồng chí thảo luận nguyên nhân thua thăm trong kỳ tuyển cử và chính sách của Đảng trong tình hình mới*. Bức thư đề cập đến những bài học kinh nghiệm thất bại trong cuộc tranh cử; những thủ đoạn của bọn tờrốtkít; thái độ của Đảng đối với bọn tờrốtkít và bọn Lập hiến; phân tích tình hình, nhiệm vụ của Đảng; vấn đề phòng thủ Đông Dương. Đồng chí còn tổ chức họp Trung ương và ra *Thông cáo* tới các cấp bộ Đảng để thống nhất tư tưởng, hành động.

Đối với Đảng bộ Nam Kỳ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ có thư riêng, phê bình tình hình chia rẽ trong nội bộ và chỉ thị phải tập trung sức củng cố nội bộ cho đoàn kết, phải ủng hộ Mặt trận Dân chủ, phải kiên quyết đấu tranh chống bọn tờrốtkít. Bức thư nêu rõ: "Ta phải chuyển bại thành thắng, một mặt trong nội bộ thì phải phê bình nghiêm khắc những xu hướng hữu khuynh thỏa hiệp với tờrốtkít: Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, để cho các tầng lớp nhân dân, nhất là quần chúng lao động không bị chúng lừa bịp và lôi kéo"[(1)].

Không chỉ quan tâm đến và viết bài cho các tờ báo của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ còn dành thời gian nắm bắt thái độ chính trị của các đảng phái thông qua các báo và tạp chí đương thời. Chính vì vậy, khi có những bài báo thể hiện nhận thức lệch lạc, quan điểm sai lầm, đồng chí đã kịp thời viết một số bài trao đổi trên báo *Dân chúng* của Đảng. Sau khi đọc bài trên báo *Tân tiến* của tác giả Hải Phong, nhận thấy sai lầm của tác giả, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết bài *Phê bình bài trả lời cho Nhật báo của ông Hải Phong* (số 10, ngày 24-8-1938). Cũng như vậy, Nguyễn Văn Sâm có bài đăng trên báo *Tự do* do ông làm Chủ bút thể hiện sai lầm về nhận thức và quan điểm chính trị, đồng chí viết bài phê bình với tiêu đề *Cùng ông Nguyễn Văn Sâm - Chủ nhiệm báo Tự do* (số 23, ngày 08-10-1938).

---

(1) Đào Duy Kỳ: *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Hồi ký)*, Tài liệu đánh máy, lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ còn viết nhiều bài phân tích tình hình chính trị thế giới có liên quan đến cách mạng Đông Dương, đăng trên báo *Dân chúng* như: *Đại hội của Quốc tế hòa bình chống chiến tranh xâm lược* (số 12, ngày 31-8-1938); *Sự tấn công của Nhật ở Hoa Nam và tình hình Viễn Đông* (số 26, ngày 19-10-1938); *Mười một năm Quảng Châu công xã* (số 36, ngày 10-12-1938); *Tôn giáo với xã hội loài người* (số xuân, 1939); *Chung quanh vấn đề Nhật chiếm Hoa Nam* (số 50, ngày 28-02-1938 và số 51, ngày 03-3-1939), v.v.. Với bút danh *Trí Thành*, Nguyễn Văn Cừ còn viết một số tác phẩm, như *Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương*, được *Tập sách Dân chúng* xuất bản cuối năm 1938. Đây là tác phẩm phân tích khá sâu sắc một số vấn đề về chỉ đạo cuộc vận động đòi quyền dân sinh, dân chủ của Đảng ta. Kết luận tập sách, đồng chí viết: "Xét qua lịch sử thì nhân dân các xứ dân chủ đã trải qua những cuộc cách mạng hoặc những cuộc tranh đấu kịch liệt mới đòi được các quyền tự do dân chủ ấy. Vậy nhân dân Đông Dương muốn hưởng các quyền tự do ấy, lẽ tất nhiên là *phải trải qua tranh đấu*"[(1)].

Trong thời gian ngắn từ tháng 4 đến tháng 7-1939, trên cương vị Tổng Bí thư với bút danh *Trí Cường*, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ hoàn thành tác phẩm *Tự chỉ trích* nổi tiếng. Thông qua tác phẩm, trước hết đồng chí chỉ đạo triển khai cuộc đấu tranh trên cả nước lột mặt lạ bọn tờrốtkít giả danh cách mạng, tiến hành tự phê bình và phê bình, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, nghiêm khắc lên án, chỉ trích những khuynh hướng cô độc, hẹp hòi và khuynh hướng hữu khuynh thỏa hiệp với bọn tờrốtkít, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Trước tình hình mất đoàn kết, vi phạm nguyên tắc của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ xác định: Việc thất cử trong kỳ tuyển cử là một bài học lớn. Tuy nhiên, nguyên tắc tổ chức của Đảng không cho phép tranh luận, phô bày công khai các vấn đề nội bộ. Đó là thể hiện xu hướng "tả" khuynh, của bệnh tự ái cá nhân và vi phạm nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng. Đồng chí nêu, mục đích của *Tự chỉ trích* để tìm ra những nguyên nhân

[(1)] *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Sđd, tr.669.

của thất bại và nghiên cứu phương pháp sửa chữa lỗi và tiến thủ, không bi quan, hoảng hốt, mà cũng không tự mãn, ngược lại phải tự chỉ trích nghiêm túc để rút ra những bài học cần thiết. Theo đồng chí, nguyên tắc của tự chỉ trích: "Bao giờ sự chỉ trích cũng là tự chỉ trích bônsovích, nghĩa là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện, để làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Đảng, để cho Đảng được càng thống nhất và củng cố, để đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng thắng lợi; chớ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng - dù cho đúng - đối chọi với Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mầm hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mầm bè phái chia rẽ trong hàng ngũ Đảng"[(1)]. Đồng chí cho rằng, trong việc phê bình, chỉ trích, nếu người đảng viên biết đặt lợi ích, danh dự của Đảng, của cách mạng lên trên hết thì sẽ được hoan nghênh: "Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những lỗi lầm của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng, mà làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ"[(2)].

Thấm nhuần tinh thần bônsovích trong việc tự phê bình và phê bình, với ngòi bút sắc sảo, chặt chẽ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã phân tích khách quan và toàn diện nguyên nhân thất bại trong cuộc tranh cử Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, một phần là do chính sách hà khắc của chính quyền thực dân, một phần do phong trào quần chúng chưa đủ mạnh để giành thắng lợi, một phần là do thái độ lừng chừng, do dự của không ít cử tri, phần khác là do khuyết, nhược điểm của các lực lượng cách mạng và dân chủ.

Một nội dung khác rất quan trọng trong tác phẩm *Tự chỉ trích* của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là phê phán những nhận thức và quan điểm lệch lạc của một số đồng chí về chính sách Mặt trận của Đảng và phân tích sâu sắc đường lối đúng đắn và những kinh nghiệm phong phú của Đảng trên lĩnh vực này. Đồng chí cho rằng, chủ trương "không đánh đổ một giai cấp nào, một đảng phái nào

[(1),(2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.623-624, 624.

của người bản xứ" là sai lầm và đây chỉ là "ý kiến riêng của cá nhân"; đồng thời, chỉ rõ: "Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương lúc này là: *Liên hiệp hết các lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ tiến bộ, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc vào Mặt trận Dân chủ thống nhất, để chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hòa bình*"(1). Điều đó có nghĩa là Đảng liên hiệp có nguyên tắc với các đảng phái cách mạng, đảng phái cải lương tán thành cải cách dân chủ, chứ không thể liên hiệp với các đảng phái phản động, làm tay sai cho đế quốc, phát xít.

Trong tác phẩm, với các tiêu đề: "Các đảng phái phản động người bản xứ làm tay sai cho phát xít và đế quốc"; "Mặt trận thống nhất ở bên trên và Mặt trận thống nhất ở bên dưới"; "Trong một giai cấp có thể có nhiều đảng"; "Người cộng sản là chiến sĩ thực tế, nhưng không phải bọn chính trị cận thị"; "Căn cứ vào hành động để xét đoán người cách mệnh"; "Không đánh đổ giai cấp trong giai đoạn Mặt trận Dân chủ", v.v., Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ phân tích sâu sắc chủ trương lập Mặt trận của Đảng là vừa liên minh bên trên, vừa liên minh bên dưới, cô lập bọn phản động, tranh thủ những người tiến bộ và lừng chừng, tranh thủ quần chúng trong các đảng phái cải lương, phản động. Trong chính sách liên minh của Đảng, đồng chí cho rằng, yếu tố quan trọng nhất quyết định thắng lợi của Mặt trận Dân chủ là Đảng phải tập hợp và đoàn kết được đông đảo quần chúng, có các tổ chức rộng rãi để lãnh đạo họ đấu tranh. Đồng chí còn nêu sách lược của những người cộng sản lúc này là phân biệt kẻ thù "nguy hiểm nhiều với nguy hiểm ít là cốt lợi dụng với mâu thuẫn trong dinh lũy quân thù, tập trung hết mũi nhọn chống kẻ nguy hiểm hơn hết để dự bị lực lượng cho cách mệnh"(2). Đồng thời còn nhấn mạnh nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Mặt trận Dân chủ là cần đấu tranh tẩy trừ những xu hướng "tả" khuynh lẫn hữu khuynh trong hàng ngũ, rằng: "Người cộng sản có bổn phận nói sự thật với quần chúng, dẫn đường cho quần chúng, chớ không phải theo đuôi họ hay phỉnh họ"(3).

---

(1),(2),(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.629,643,644.

Đối với vấn đề chống bọn tờrốtkít, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ thẳng thắn chỉ ra rằng, những người cộng sản đã thất cử vì một nguyên nhân rất quan trọng, đó chính là sự khinh thường nạn tờrốtkít, sự khinh thường này đã thành một cái bệnh ăn sâu trong đầu óc nhiều đồng chí ta. Đồng chí vạch rõ, mục đích của bọn tờrốtkít là chia rẽ, phá hoại Mặt trận Dân chủ và phong trào quần chúng bằng các câu "cách mệnh cực tả". Vì vậy, cần phải thâm nhập vào các tầng lớp dân chúng chú ý từng lời nói, từng hành động của bọn tờrốtkít để vạch ra những mưu mô khiêu khích của chúng ra, đặc biệt chú ý giao thiệp với anh em trí thức và thợ thuyền để họ tránh theo chúng. Đồng chí nhắc nhở những người cộng sản, phải có đủ can đảm, "không phải vì thất bại sơ sơ mà đâm hoảng hốt bi quan", mà "phải có can đảm mở to mắt nhìn sự thật", phải dùng mọi biện pháp lột mặt nạ phản dân hại nước của bọn tờrốtkít, không có một thỏa hiệp nào, một nhân nhượng nào. Kết luận tác phẩm, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ kêu gọi: "Chúng ta phải chiến thắng những xu hướng sai lầm trong hàng ngũ... Cho được bảo đảm sự thực hiện Mặt trận Dân chủ thống nhất, chúng ta cần tranh đấu tẩy trừ những xu hướng "tả" khuynh lẫn xu hướng hữu khuynh trong hàng ngũ. Thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động! Củng cố hàng ngũ để chóng thực hiện sự thống nhất các lớp nhân dân!"[(1)].

Với những nội dung trên, *Tự chỉ trích* thực sự là một tác phẩm lý luận xuất sắc của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Tác phẩm đã nêu tấm gương sáng về tính chiến đấu, về việc thực hiện nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng, góp phần kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong phong trào cách mạng và dân chủ, tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng. Tác phẩm là văn kiện tổng kết những kinh nghiệm phong phú thực hiện chủ trương về Mặt trận của Đảng. Tác phẩm *Tự chỉ trích* cùng với những cống hiến lý luận khác của Nguyễn Văn Cừ phản ánh một trí tuệ lỗi lạc, thể hiện sự vững vàng, kiên định lập trường, quan điểm và những nguyên tắc cơ bản, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác -

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.645.

Lênin kết hợp với năng lực tư duy, vận dụng và nắm bắt chính xác thực tế trong việc đề xuất chủ trương, chính sách. Ở đây, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã để lại cho chúng ta một mẫu mực về kết hợp giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động công tác.

Đánh giá về ý nghĩa của tác phẩm, Giáo sư Trần Văn Giàu, người chiến sĩ cộng sản hoạt động cùng thời với Nguyễn Văn Cừ cho rằng: "Đi vào tác phẩm *Tự chỉ trích* của Nguyễn Văn Cừ tôi rất thán phục bởi vì suốt thời gian từ năm 1930 đến Cách mạng Tháng Tám 1945 chưa có cuốn sách nào nói về phê bình và tự phê bình như cuốn *Tự chỉ trích.* Nếu tôi không lầm thì từ đó cho đến nay cũng chưa có cuốn sách nào gọi là *Tự chỉ trích* trong sinh hoạt lý luận của Đảng ta. Có thể nói rằng, về một phương diện nào đó *Tự chỉ trích* của Nguyễn Văn Cừ là tác phẩm duy nhất về phê bình, tự phê bình trong sinh hoạt của Đảng Cộng sản Đông Dương và cả Đảng Cộng sản Việt Nam lúc bấy giờ. Qua đó cũng chứng tỏ rằng anh Cừ là nhà lý luận số 1 về Mặt trận Dân tộc, Mặt trận Dân chủ của đất nước chúng ta"[(1)].

Ngày 1-9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ ở châu Âu, ba tuần sau, ngày 26-9-1939, Tổng thống Pháp ra Sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản, bắt bớ những người cộng sản Pháp. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định cấm các hoạt động tuyên truyền cộng sản trên toàn cõi Đông Dương. Không khí khủng bố bao trùm khắp nơi, các tổ chức quần chúng có liên hệ với Đảng bị giải tán, báo chí công khai của Đảng bị đóng cửa, nhiều người làm báo bị bắt, những thành quả của thời kỳ vận động dân chủ đứng trước nguy cơ bị thủ tiêu. Với tầm nhìn sáng suốt, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ sớm chỉ đạo đặt vấn đề chuyển hướng chiến lược sang một thời kỳ mới. Tháng 9-1939, đồng chí trực tiếp triệu tập và chủ trì Hội nghị Xứ ủy Bắc Kỳ mở rộng, phổ biến tình hình và quyết định rút ngay một số cán bộ công khai vào hoạt động bí mật, phân công một số cán bộ Xứ ủy và Thành ủy Hà Nội đi xây dựng căn cứ bí mật của Đảng. Nhờ sự nhạy bén đó, khi Toàn quyền

---

[(1)] *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Sđd, tr.273.

Đông Dương ra lệnh đàn áp, khủng bố các hoạt động cách mạng thì các tổ chức đảng đã rút vào hoạt động bí mật, tránh được những tổn thất do kẻ thù gây ra.

Cuối năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bí mật trở lại Sài Gòn, gặp lại các đồng chí Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu, các đồng chí trong Xứ ủy Nam Kỳ và Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn bàn kế hoạch, nội dung và một số công tác chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương. Từ ngày 6 đến ngày 8-11-1939, tại Tân Thới Nhất, Hóc Môn (Gia Định), Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương được tiến hành dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Tài liệu *Chính sách mới* do đồng chí soạn thảo là văn kiện chính thức thảo luận của Hội nghị. Hội nghị phân tích tình hình thế giới và tính chất cuộc chiến tranh thế giới trong giai đoạn đầu là chiến tranh đế quốc; dự báo khả năng Đức sẽ tiến công Liên Xô, lúc đó chiến tranh sẽ thay đổi tính chất. Hội nghị cũng nhận định tình hình Đông Dương, chính sách cai trị ngày càng phản động của đế quốc Pháp, thái độ của các tầng lớp trong xã hội Đông Dương. Trên cơ sở phân tích tình hình và dự báo chính xác triển vọng của cách mạng, Hội nghị quyết định chuyển toàn bộ hoạt động của Đảng từ công khai sang hoạt động bí mật, chuyển khẩu hiệu đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chế độ thực dân, giành độc lập dân tộc cho các dân tộc ở Đông Dương. Nghị quyết Hội nghị ghi rõ: "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng dân tộc"[(1)].

Về đối tượng đấu tranh và lực lượng cách mạng, Hội nghị khẳng định: Tập trung mũi nhọn đấu tranh vào thực dân Pháp và phong kiến tay sai, chuẩn bị những điều kiện cần thiết tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị chỉ rõ: "Hiện nay tình hình có đổi mới. Đế quốc chiến tranh, khủng hoảng cùng với ách thống trị phát xít thuộc địa đã đưa vấn đề dân tộc thành một vấn đề khẩn cấp rất quan trọng. Đám đông trung tiểu địa chủ và tư sản bổn xứ

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.536.

cũng căm tức đế quốc. Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết"[1]. Hội nghị quyết định thành lập *Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương* thay cho *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*. Đồng thời xác định: "Lực lượng chính của cách mệnh là công nông, dựa vào các tầng lớp trung sản thành thị, thôn quê và đồng minh trong chốc lát hoặc trung lập giai cấp tư sản bổn xứ, trung tiểu địa chủ. Mặt trận ấy phải dưới quyền chỉ huy của vô sản giai cấp... Công nông phải đưa cao cây cờ dân tộc lên, vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bổn xứ, trung tiểu địa chủ còn có căm tức đế quốc"[2].

Một vấn đề cực kỳ quan trọng được Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đề cập đến và được Hội nghị nhất trí thông qua là vấn đề khởi nghĩa vũ trang. Hội nghị nhận định: Cuộc chiến tranh thế giới đưa lại cho dân chúng những sự bóc lột dã man, những chính sách tàn bạo, một phong trào to rộng, mạnh mẽ của dân chúng sẽ nổ ra và bắt đầu nổ ra rồi. Đứng trước tình thế ấy, Đảng phải cương quyết lãnh đạo phong trào tranh đấu, phải khuếch trương phong trào thật mạnh mẽ và to rộng hơn. Nghị quyết Hội nghị khẳng định: "Phải biết xoay tất cả phong trào đấu tranh lẻ tẻ vào cuộc tranh đấu chung, phản đối đế quốc chiến tranh, chống đế quốc Pháp và bè lũ, dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc"[3].

Về công tác xây dựng Đảng, dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Hội nghị chỉ ra là phải thống nhất ý chí và hành động; phải mật thiết liên lạc với quần chúng; phải vũ trang lý luận cách mạng; phải biết lựa chọn cán bộ mới; phải lập tức khôi phục hệ thống liên lạc Trung - Nam - Bắc, từ chi bộ đến Trung ương; phải khuếch trương và củng cố cơ sở đảng ở các thành thị, các trung tâm kỹ nghệ, hầm mỏ, đồn điền; phải gây dựng cơ sở ở Miên, Lào

---

[1], [2], [3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.538-539, 539-540, 552.

và vùng các dân tộc thiểu số; phải kiểm soát việc thi hành nghị quyết của Đảng, v.v.. Nghị quyết Hội nghị nhấn mạnh: "Trong thời giờ nghiêm trọng này, trong lúc phong trào cách mạng đang phát triển hết sức to rộng và sắp bước vào thời kỳ quyết liệt thì Đảng ta nhất định phải thống nhất ý chí lại thành một ý chí duy nhất, một mà thôi"[(1)].

Những đóng góp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ được thể hiện qua các Hội nghị Trung ương (3-1938) và Hội nghị Trung ương (11-1939) đã tạo nên bước chuyển biến mang tính bước ngoặt của cách mạng Việt Nam trong những năm cuối thập kỷ 30 đầu thập kỷ 40 của thế kỷ XX. Có thể khẳng định rằng, trong thời kỳ này, Đảng ta, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã nhận thức và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trong cách mạng dân tộc dân chủ, thể hiện tư duy lý luận nhạy bén và sáng tạo. Các quyết định của các Hội nghị trên về những vấn đề quan trọng nhất như chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng v.v. đã trở lại đúng với những quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc với các văn kiện được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (02-1930). Đó là cơ sở, tiền đề lý luận và thực tiễn để Đảng ta dưới sự chỉ đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc xây dựng Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám, tháng 5-1941, đưa đến thành công của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.

Từ sau ngày 28-9-1939, khi viên Toàn quyền Đông Dương là Catơru ký Nghị định thực hiện Sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản theo lệnh của Tổng thống Pháp, chính quyền thực dân ở Đông Dương tăng cường đánh phá các tổ chức cách mạng, ráo riết truy lùng, bắt bớ các chiến sĩ cộng sản. Hoảng sợ trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng nước ta và uy tín, tài năng của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, chính quyền thuộc địa ráo riết truy lùng, bắt bớ các chiến sĩ cộng sản. Kẻ thù đồng loạt tiến hành đối chiếu danh sách tù chính trị được ân xá trong những năm 1936-1937, tiến hành lùng sục khắp thành thị, thôn quê. "Chỉ tính trong tháng 9-1939 chính quyền thực

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.556.

dân Pháp đã bắt trên 2.000 cán bộ, đảng viên trên phạm vi cả nước, riêng Nam Kỳ là 800 người"[1].

Bọn mật thám, chỉ điểm của Pháp theo dõi, rình rập quyết bắt cho được người chỉ huy cao nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương. Rạng sáng ngày 17-01-1940, cơ quan mật vụ Sài Gòn huy động một lực lượng lớn cảnh sát, mật thám đến bao vây ngôi nhà 312, đường Nguyễn Tấn Nghiệm (Sài Gòn), Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và một số cán bộ cao cấp của Đảng như Lê Duẩn, Vũ Đình Hiếu... bị địch bắt đưa về bót Catina (nay là đường Đồng Khởi). Kẻ thù dùng mọi cách tra tấn, dụ dỗ hòng khai thác những bí mật của Đảng, nhưng tất cả những thủ đoạn bỉ ổi, dã man và hèn hạ của kẻ thù đều thất bại trước ý chí đanh thép của người cộng sản kiên cường Nguyễn Văn Cừ. Sau đó, chúng đưa đồng chí về giam tại Khám Lớn - Sài Gòn. Trong Khám Lớn, đồng chí vẫn tranh thủ thời gian nghiên cứu, học tập, giảng giải, phổ biến Nghị quyết Trung ương (11-1939) cho nhiều cán bộ, đảng viên trong tù.

Từ ngày 27-8-1940 đến ngày 03-9-1940, Tòa Tiểu hình Sài Gòn đã mở phiên xét xử và kết án 17 chiến sĩ cách mạng về tội danh "có âm mưu lật đổ", trong đó, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập... đều bị kết án 5 năm tù giam, 10 năm quản thúc. Tiếp đó, Tòa án binh Sài Gòn lại đưa ra xét xử kết án Nguyễn Văn Cừ 5 năm tù, 20 năm biệt xứ và cấm cố các quyền dân sự, chính trị. Tiếp đến, Tòa Thượng thẩm Sài Gòn lại đưa ra xét xử khép án 5 năm tù, 10 năm biệt xứ và mất quyền dân sự, chính trị. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Tòa án binh Sài Gòn lại đưa đồng chí ra xét xử. Chúng quy cho "là người khởi thảo Nghị quyết thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế, người chủ trương bạo động đe dọa quyền lợi của mẫu quốc ở Đông Dương và là người chịu trách nhiệm tinh thần của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ" và kết án tử hình. Sáng sớm ngày 26-8-1941[2], kẻ thù đưa các đồng chí Nguyễn

[1] Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ: *Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ*, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.29.

[2] Về ngày các đồng chí nêu trên bị xử bắn, có tài liệu ghi là ngày 28-8-1941.

Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Văn Tây, Nguyễn Văn Huân đi xử bắn tại trường bắn Ngã ba Giồng, thuộc xã Tân Thới Thuận, huyện Hóc Môn (Gia Định). Trước đông đảo đồng chí, đồng bào, khi bị bịt mắt trói vào cột, các đồng chí đã hô vang "những khẩu hiệu cộng sản" cho đến khi súng nổ, các đồng chí gục xuống mới thôi.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ là chiến sĩ cộng sản kiên trung, một lãnh tụ tài năng của Đảng đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Hai tháng trước khi bị địch bắt vào mùa xuân năm 1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết những lời hiệu triệu gây xúc động và làm phấn chấn lòng người, để kết thúc văn bản Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11-1939: "Mặc dầu những trận sấm sét khủng bố của quân thù, mặc dù những cơn phong ba bão táp dữ dội, con tàu cộng sản vẫn vững vàng lướt sóng ngoài khơi nhờ ngọn đèn "pha" của chủ nghĩa xã hội khoa học... rọi đường và nhờ đã rèn luyện trong trường cách mệnh, được những gân cốt sắt đá, có một ý chí quả quyết không hề lay chuyển được, con tàu của chúng ta sẽ vượt qua muôn nghìn trùng sóng bạc, chiến thắng tất cả một cách oanh liệt mà vào bến. Tương lai sẽ về chúng ta! Thắng lợi sẽ về tay chúng ta!"[(1)]. Đây được coi là Di chúc thiêng liêng của đồng chí gửi lại cho đời sau.

Đánh giá công lao của các chiến sĩ cách mạng tiền bối của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Các đồng chí ta như đồng chí Trần Phú, đồng chí Ngô Gia Tự, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Hoàng Văn Thụ và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc... Tất cả chúng ta phải noi theo các gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy, mới xứng đáng là người cách mạng"[(2)].

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6,566-567.
[(2)] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.25.

Tổng Bí thư Trường Chinh

TỔNG BÍ THƯ TRƯỜNG CHINH

Đồng chí Trường Chinh làm Quyền Tổng Bí thư năm 1940, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương những năm 1941-1951, Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam những năm 1951-1957, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986. Đồng chí là chiến sĩ cộng sản kiên cường, là nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và cách mạng Việt Nam, người cộng sự đắc lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng lâu dài, đồng chí đã trải qua hầu hết các lĩnh vực công tác Đảng, Nhà nước, Quốc hội và ở các cương vị lãnh đạo khác. Dù trong bất cứ vị trí công tác nào, đồng chí Trường Chinh đều tỏ rõ là một nhà lãnh đạo có uy tín, một nhân cách lớn, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng, suốt đời trung thành, phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc Việt Nam.

1. Trở thành người cộng sản, trưởng thành trong đấu tranh cách mạng

Đồng chí Trường Chinh tên thật là Đặng Xuân Khu, sinh ngày 09-02-1907, tại làng Hành Thiện, tổng Hành Thiện, phủ Xuân Trường, nay là xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Sinh trưởng ở một vùng quê có truyền thống học hành, khoa bảng và trong một gia đình có truyền thống yêu nước. Thân phụ của đồng chí là ông Đặng Xuân Viện, một người đã tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, tuy không bị tù đày nhưng bị thực dân Pháp ghi vào sổ đen, theo dõi suốt đời. Ông là một cây bút xuất sắc trong nhóm *Nam Việt đồng thiên Hội*, có nhiều tác phẩm về lịch sử nước nhà, điển hình là bộ *Minh đô sử* gồm 100 quyển. Thân mẫu của đồng chí là bà Nguyễn Thị Từ, một người phụ nữ thủy chung, mẫu mực, hết lòng chăm sóc chồng con. Truyền thống vẻ vang của quê hương, gia đình là hành trang quý giá để Đặng Xuân Khu vững bước dấn thân vào con đường cách mạng.

Thuở nhỏ, Đặng Xuân Khu được cha dạy chữ Hán tại nhà và học Tiểu học tại Trường phủ Xuân Trường. Năm 1923, đồng chí được cha đưa lên học tại Trường Thành Chung ở thành phố Nam Định. Tại trường này, đồng chí có thêm lớp bạn mới như Đặng Châu Tuệ, Nguyễn Văn Hoan, Phạm Năng Độ, Nguyễn Khắc Lượng, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Văn Năng..., đều là những người học giỏi và có tinh thần yêu nước và cách mạng. Trong những năm này, ở các trường, học sinh bí mật chuyền tay nhau đọc những sách báo yêu nước, tiến bộ như báo *Le Paria* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, sách *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc, *Tiếng cuốc kêu* của Việt Quyên, báo *Thần Chung, L'An Nam, Việt Nam hồn...* đã ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức, tư tưởng nhiều người, nhất là lớp thanh niên yêu nước như Đặng Xuân Khu.

Vào thời gian này, đất nước đang chuyển mình với những cuộc đấu tranh của phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Tại thành phố Nam Định, Đặng Xuân Khu được chứng kiến các phong trào đấu tranh của công nhân, điển hình là cuộc đấu tranh ngày 30-4-1925 của 2.500 công nhân Nhà máy Sợi đòi tăng lương, chống đuổi thợ, gây tiếng vang lớn. Phong trào không chỉ dừng lại trong công nhân mà lan nhanh ra các tầng lớp khác khiến giới chủ hết sức lo ngại. Năm 1925, thực dân Pháp bắt nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu ở Trung Quốc giải về nước xét xử. Được tin này, Đặng Xuân Khu cùng các bạn thân lấy chữ ký, làm đơn phản đối gửi Toàn quyền Varen, đồng thời còn in truyền đơn đòi trả tự do cho nhà yêu nước Phan Bội Châu. Việc làm có ý nghĩa đó đã thúc đẩy phong trào phản đối chính quyền thực dân. Đây là hoạt động yêu nước đầu tiên của Đặng Xuân Khu.

Năm 1926, sau 10 năm bị lưu đày, thực dân Pháp đưa cụ Phan Chu Trinh về Sài Gòn và cụ qua đời tại đây, đồng bào cả nước tổ chức truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Với lòng kính phục và tiếc thương vô hạn, Đặng Xuân Khu cùng với một số học sinh Trường Thành Chung như Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Khắc Lượng, Đặng Châu Tuệ, Nguyễn Danh Đới, Nguyễn Văn Hoan... vận động thanh

niên, học sinh bãi khóa, đòi được tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh. Đặng Xuân Khu, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Khắc Lượng trở thành ban lãnh đạo phong trào. Ngoài việc vận động học sinh Trường Thành Chung, các anh không chỉ in truyền đơn rải trong thành phố vận động nhân dân hưởng ứng, mà còn cử người đi vận động học sinh các trường khác như Trường Cửa Bắc (Trường Tiểu học Juyles Ferry). Trong hồi ký của mình, Đặng Châu Tuệ có viết: "Vào một buổi chiều tháng 4-1926, hai học sinh lớn của Trường Thành Chung có nước da trắng trẻo (sau này hỏi ra mới biết là anh Cảnh và anh Khu) đến Trường Cửa Bắc, vào các lớp cổ động học sinh trường này. Khi đến lớp chúng tôi, hai anh xin phép được nói chuyện. Một anh nói: Cụ Phan Chu Trinh tức cụ Phan Tây Hồ là một chí sĩ yêu nước. Cụ mới mất, cả nước để tang. Vậy các em cùng các bạn lớp khác đi tham dự cho đông"[(1)].

Cuộc bãi khóa nổ ra ở Trường Thành Chung, rồi lan sang các Trường Cửa Bắc, Trường Tú sĩ, Trường Ngoài, Trường Con gái (trường dành cho nữ sinh). Các trường đều đóng cửa, học sinh đổ ra đường, hô hào nhân dân tham gia lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh, làm cho thành phố hết sức sôi động. Lễ truy điệu cụ Phan được tổ chức rất trang trọng tại Nghĩa trang Bắc Tế, thu hút hàng ngàn lượt người ở các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình tham gia. Học sinh Trường Bưởi (Hà Nội) có mối liên hệ chặt chẽ với nhóm của Đặng Xuân Khu ở Trường Thành Chung (Nam Định), từ đó các đồng chí bàn bạc, khích lệ học sinh Trường Bưởi tổ chức bãi khóa và làm lễ truy điệu cụ Phan. Thấy rõ nguy cơ của làn sóng đấu tranh cách mạng đang trỗi dậy, thực dân Pháp ráo riết điều tra, truy lùng những học sinh cầm đầu phong trào bãi khóa. Chúng quyết định đuổi nhiều học sinh, riêng Trường Thành Chung, chúng đuổi học vĩnh viễn 54 học sinh, đuổi học có thời hạn 63 học sinh. Đặng Xuân Khu, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Khắc Lượng cùng nhiều anh em khác trong ban lãnh đạo bãi khóa đều bị đuổi học vĩnh viễn. Có thể nói, thời gian học tập và hoạt động ở Nam Định tuy không

[(1)] Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, Tài liệu viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

dài, nhưng đó là những tháng ngày bước vào hoạt động yêu nước sôi nổi của Đặng Xuân Khu.

Sau khi bị đuổi học, Đặng Xuân Khu vẫn ở lại Nam Định hoạt động trong phong trào thanh niên, học sinh, được Nguyễn Văn Hoan, một thành viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Định tuyên truyền, giác ngộ cách mạng. Nguyễn Văn Hoan thường dẫn đồng chí về ngôi nhà riêng đưa cho đọc các tài liệu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và những tài liệu do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc biên soạn. Năm 1927, đồng chí được Nguyễn Văn Hoan giới thiệu và được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sự kiện quan trọng này đánh dấu bước trưởng thành của người thanh niên yêu nước Đặng Xuân Khu trên con đường cách mạng.

Hoạt động ở Nam Định một thời gian, được tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên giới thiệu cho một số cơ sở liên lạc ở Hà Nội, Đặng Xuân Khu quyết định lên Hà Nội học tiếp và tiếp tục hoạt động cách mạng. Mùa thu 1927, đồng chí lên Hà Nội tự học để hoàn thành chương trình Thành Chung, thi lấy bằng Diplome, sau đó thi đỗ vào Trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương. Hầu hết sinh viên học ở đây đều là những thanh niên yêu nước, đồng chí nhanh chóng bắt liên lạc với cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tích cực tham gia các hoạt động của Hội. Những năm tháng là sinh viên, lại thông thạo Pháp ngữ, Đặng Xuân Khu có điều kiện đọc nhiều các sách báo tiến bộ, trong đó có các tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin được dịch và được bí mật gửi về nước truyền đọc.

Năm 1928, kỳ nghỉ hè năm học thứ nhất, Đặng Xuân Khu về quê chứng kiến cảnh làng xóm xơ xác, nỗi thống khổ của những người dân quê không ruộng đất phải tha hương đi làm ở các đồn điền cao su ở Nam Kỳ, hoặc đi phu sang Tân thế giới, đồng chí suy nghĩ rất nhiều, tìm cách giúp họ đấu tranh với địa chủ đòi bỏ tô phụ, giảm tô chính. Đặng Xuân Khu quyết định cho ra tờ báo *Dân cày* và viết nội dung hầu hết các bài. Đặng Xuân Thiều chữ

đẹp được phân công chép bài, Đặng Xuân Quyền phụ trách việc in thạch. "Tờ báo được phát hành ngay trong làng và các vùng lân cận, đã có ảnh hưởng tích cực đối với nhân dân trong vùng, thu hút một số thanh niên tham gia phát hành báo"[1]. Báo ra được bốn số thì hết thời gian nghỉ hè, đồng chí phải trở lại Hà Nội học tập và tham gia hoạt động cách mạng.

Vào thời gian này, phong trào cách mạng trong cả nước dâng cao đòi hỏi có sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản. Ngày 16-6-1929, tại số nhà 312, phố Khâm Thiên, Hà Nội, các đại biểu tiên tiến trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kỳ họp Hội nghị thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, ra *Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ*. Hội nghị bầu Ban Trung ương lâm thời. Cùng với Nguyễn Văn Cừ, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt và nhiều đồng chí khác, Đặng Xuân Khu trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của Đông Dương Cộng sản Đảng. Ngay khi ra đời, Ban Tuyên truyền do đồng chí Trịnh Đình Cửu - Ủy viên Trung ương lâm thời phụ trách, ra báo *Búa liềm* - cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản Đảng, Đặng Xuân Khu được phân công làm công tác biên tập. Tháng 9-1929, Tổng hội sinh viên được tổ chức, ra báo *Người sinh viên*, Đặng Xuân Khu được cử làm chủ bút. Cuối năm 1929, đồng chí quyết định bỏ học để tham gia hoạt động cách mạng. Từ đây, Đặng Xuân Khu bước vào sự nghiệp của một nhà cách mạng chuyên nghiệp.

Trước sự phát triển của các tổ chức cộng sản và phong trào cách mạng trong nước, tháng 02-1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm (Thái Lan) đến Quảng Châu (Trung Quốc) triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đặng Xuân Khu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặc dù mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo các tầng lớp nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh mạnh mẽ mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Hoảng sợ trước cao trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, đế quốc Pháp mở chiến dịch khủng bố trắng cực kỳ

[1] *Trường Chinh - Người con của quê hương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.40-41.

tàn bạo. Hàng vạn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ cách mang bị bắt, bị giết hại, nhà tù chật ních các các chiến sĩ cách mạng và những người yêu nước.

Ngày 14-11-1930, Đặng Xuân Khu bị mật thám bắt đưa về giam ở Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Trong nhà tù, đồng chí vừa làm báo, vừa học thêm lý luận và tích cực tham gia sinh hoạt chi bộ nhà tù. Sau gần một năm tra khảo không có chứng cứ, ngày 28-9-1931, tòa án thực dân mở phiên xử Đặng Xuân Khu và 40 chiến sĩ cách mạng khác. Chúng kết án đồng chí 12 năm tù cấm cố và khép vào tội "làm truyền đơn cổ động phong trào cách mạng và vận động binh lính Pháp, làm và phổ biến sách cấm". Chúng hết giam đồng chí ở Nhà tù Hỏa Lò lại đày lên Nhà tù Sơn La, rồi lại đưa về Nhà tù Hỏa Lò. Trong lao tù, cùng với các đảng viên cộng sản, đồng chí tiếp tục đấu tranh chống lại chế độ nhà tù hà khắc, phê phán các quan điểm lệch lạc của các tù nhân Quốc dân Đảng, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, đồng thời tổ chức học tập nhằm nâng cao trình độ nhận thức lý luận chính trị cho anh em.

Qua bốn năm chống địch khủng bố trắng (1931-1935), nhiều cơ sở đảng dần được khôi phục, ảnh hưởng của Đảng được mở rộng, phong trào đấu tranh của công, nông nổ ra ở nhiều địa phương. Lo sợ trước tình hình trên, thực dân Pháp lại chuyển một số tù chính trị ở Nhà tù Hỏa Lò mà chúng xếp vào "loại nguy hiểm" ra Côn Đảo, còn những người tù khác chúng đày đi Nhà tù Sơn La. Tháng 5-1935, Đặng Xuân Khu cùng 50 tù cộng sản bị đày lên Nhà tù Sơn La. Đây là lần thứ hai, đồng chí bị đày lên Nhà tù này. Tại đây, đồng chí đã hoàn thành tác phẩm *Chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa cải lương,* làm tài liệu huấn luyện chính trị, trang bị cho anh em trong tù nhận thức mới về kẻ thù và thời cuộc.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản tháng 7-1935 và trước thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp trong tổng tuyển cử và thành lập Chính phủ phái tả, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, hòa bình và đòi thả tù chính trị phát triển mạnh. Tháng 9-1936, tù chính trị ở Côn Đảo

nổi dậy đấu tranh, nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương buộc phải thả một số tù chính trị ở các nhà tù. Ngày 29-9-1936, Đặng Xuân Khu và nhiều tù chính trị được trả tự do. Về đến Hà Nội, đồng chí bắt liên lạc với tổ chức của Đảng và được phân công tham gia Ban biên tập báo *Le Travail* (Lao động) và viết nhiều bài phê phán quan điểm sai trái của bọn tờrốtkít, bảo vệ đường lối của Đảng. Trước ảnh hưởng của tờ báo, chính quyền thực dân ra lệnh đóng cửa vào ngày 16-4-1937 sau 7 tháng hoạt động. Ngay sau đó, Đặng Xuân Khu cùng các biên tập viên chuyển sang làm báo *Rassemblement* (Tập hợp) và tờ *En Avant* (Tiến lên). Là tiếng nói của Đảng, đại diện cho quyền lợi của nhân dân lao động, lên án, tố cáo sự bóc lột tàn bạo, xấu xa của chính quyền thực dân và tay sai, nên hai tờ báo này chỉ hoạt động một thời gian ngắn cũng bị chính quyền thực dân đóng cửa.

Sau khi được bổ sung nhiều cán bộ có kinh nghiệm ở tù ra, các đồng chí ở Bắc Kỳ lập ra *Ủy ban sáng kiến* (tên của Ban vận động thành lập Xứ ủy Bắc Kỳ). Ủy ban phân công đồng chí Nguyễn Văn Cừ hoạt động ở bộ phận bí mật và cùng với đồng chí Nguyễn Văn Minh, Trần Quý Kiên phụ trách công tác chắp nối liên lạc với Trung Kỳ, phát triển cơ sở đảng ở Hà Nội và vùng phù cận. Đồng chí Tô Hiệu được phân về công tác ở Hải Phòng, Quảng Ninh, đồng chí Hoàng Văn Thụ về hoạt động ở vùng dân tộc phía Bắc, đồng chí Đặng Xuân Khu phụ trách cơ quan tuyên truyền của Đảng. Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban sáng kiến, các tổ chức đảng dần được lập lại, công tác phát triển đảng được đẩy mạnh, ảnh hưởng của Đảng ngày càng lan rộng.

Tháng 3-1937, Hội nghị thành lập Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ được tiến hành. Tham gia Hội nghị có các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Nọn, Nguyễn Văn Minh, Lương Khánh Thiện, Tô Hiệu, Hoàng Quốc Việt, Đặng Xuân Khu, Đinh Xuân Nhạ, Trần Quý Kiên, Trần Cung... Hội nghị cử đồng chí Lương Khánh Thiện làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ, kiêm Bí thư Thành ủy Hà Nội. Đồng chí Nguyễn Văn Cừ được bầu vào Ban lãnh đạo của Xứ ủy

và được phân công làm đại diện của Xứ ủy bên cạnh Trung ương Đảng. Đồng chí Đặng Xuân Khu được cử làm Xứ ủy viên, phụ trách hoạt động tuyên truyền, đặc biệt là chỉ đạo mặt trận văn hóa, báo chí và làm một số công tác bí mật của Xứ ủy. Đánh giá về vai trò tích cực của các đồng chí mới ở tù ra trong việc khôi phục tổ chức Đảng, trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* của Đảng ta ghi rõ: "Việc thống nhất các tổ chức đảng (ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) được chính thức thực hiện tại Hội nghị cán bộ họp ngày 13 và 14 tháng 3-1937... Việc tổ chức lại các tổ chức của Đảng có thể tiến hành khá nhanh, đó là nhờ hoạt động của các cựu tù chính trị được ân xá sau thắng lợi của Mặt trận Nhân dân ở Pháp"[(1)], trong đó có đóng góp của đồng chí Đặng Xuân Khu.

Tháng 3-1938, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương xác định nhiệm vụ trung tâm là thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương, đề ra chủ trương cụ thể về vận động các tổ chức quần chúng và bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư thay đồng chí Hà Huy Tập. Sau Hội nghị, đồng chí Đặng Xuân Khu vẫn được Trung ương phân công chỉ đạo hoạt động báo chí công khai của Đảng ở Bắc Kỳ. Đồng chí thường làm việc với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ về công tác tuyên truyền, công tác xuất bản báo chí công khai của Đảng, nhất là tờ *Tin tức, Đời nay* lần lượt được xuất bản ở Hà Nội bằng tiếng Việt và đồng chí là người viết nhiều bài cho hai tờ báo này. Không chỉ có vậy, đồng chí còn trực tiếp chỉ đạo biên tập và duyệt nội dung *Tập sách dân chúng* gồm những cuốn sách quan trọng và có giá trị của Đảng, mà còn đăng tải các bài về văn học, phóng sự, dịch thuật đem lại những nét mới cho báo chí nước ta trong thời kỳ này. Đồng chí đã cùng với Xứ ủy lãnh đạo các phong trào của Mặt trận Dân chủ, từ phong trào Đông Dương Đại hội, cuộc biểu tình đón G. Gôđa, cuộc biểu tình ngày 01-5-1938, cuộc Đại hội báo giới Bắc Kỳ cho đến các cuộc đấu tranh của thanh niên, công nhân, nông dân...

Trong thời kỳ này, đồng chí Đặng Xuân Khu còn đảm trách chỉ đạo chính trị cho một số tờ báo khác của Đảng như *Nottre Voix*

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.300.

(Tiếng nói của chúng ta) xuất bản bằng tiếng Pháp, *Ngày mới* và *Người mới* xuất bản bằng tiếng Việt. Tờ *Nottre Voix* đăng tải và phát hành nhiều bài có nội dung tỏ rõ khuynh hướng cộng sản, phổ biến rộng rãi quan điểm, chủ trương của Đảng và phát hành cả ra nước ngoài. Lúc này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đang công tác ở nước ngoài thường xuyên nhận được các báo này. Với bút danh P.C. Lin, Người viết nhiều bài mang tính truyền đạt gửi về nước được Đặng Xuân Khu và Võ Nguyên Giáp nhận đăng trên các báo, giúp cho Đảng ta nắm được những điểm chính Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, kinh nghiệm kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, đặc biệt là những chỉ dẫn của Người về chống chủ nghĩa biệt phái, mở rộng Mặt trận Dân chủ chống phát xít, không có nhượng bộ nào với bọn tờrốtkít và phải kiểm soát chặt chẽ báo chí của Đảng, v.v.. Trong bản *Những chỉ thị mà tôi nhớ và truyền đạt*, Người chỉ rõ: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo... Ban Chấp hành Trung ương phải kiểm soát các báo chí của Đảng để tránh những khuyết điểm về kỹ thuật và chính trị"[(1)].

Cũng trong thời kỳ này, Đặng Xuân Khu cùng với Võ Nguyên Giáp với bút danh Qua Ninh và Vân Đình viết cuốn sách *Vấn đề dân cày*. Tác phẩm góp phần thức tỉnh nông dân tham gia cao trào đấu tranh cho dân chủ, cơm áo, hòa bình, xây dựng lòng tin của họ vào những người cộng sản. Ảnh hưởng cuốn sách rất sâu rộng, chính quyền thực dân lo ngại, nên ra lệnh tịch thu và cấm lưu hành. Ngoài ra, theo chủ trương của Xứ ủy Bắc Kỳ mà Đặng Xuân Khu là người khởi xướng, chỉ đạo trực tiếp, *Hội Truyền bá quốc ngữ* ra đời và hoạt động lâu dài từ năm 1938, một sự kiện nổi bật trên lĩnh vực văn hóa nước ta dưới ách thống trị của thực dân Pháp.

[(1)] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.168.

Ngày 01-9-1939, phát xít Đức đánh chiếm Ba Lan, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở Đông Dương, chính quyền thực dân điên cuồng tiến công vào Đảng ta. Trước tình hình trên, ngày 29-9-1939, Đảng ta kịp thời ra *Thông cáo cho các đồng chí các cấp bộ*, nêu phương hướng và biện pháp trước mắt nhằm chuyển hướng hoạt động của Đảng cho phù hợp với tình hình mới. Tháng 11-1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp tại Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định) dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Hội nghị chỉ rõ, Đảng phải chuyển từ lãnh đạo đấu tranh cho dân sinh, dân chủ sang lãnh đạo trực tiếp đánh đổ đế quốc và tay sai, từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, tổ chức các đoàn thể bí mật.

Thực hiện chủ trương trên của Đảng, Đặng Xuân Khu chỉ thị cho bộ phận công khai chuyển vào hoạt động bí mật, phân tán lực lượng, tài liệu, một bộ phận cán bộ bị lộ chuyển về cơ sở nông thôn, nên tránh được những cuộc khủng bố lớn của kẻ thù. Thời gian này, đồng chí hoạt động chủ yếu ở vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên, Đông Anh, vừa chỉ đạo xây dựng các cơ sở của An toàn khu (ATK) vừa ổn định tổ chức và cơ sở các cơ quan tuyên truyền của Đảng. Đồng chí cho tiếp tục xuất bản báo *Giải phóng*, cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Bắc Kỳ, trực tiếp làm chủ bút của báo. Có thể nói, thời kỳ Đảng lãnh đạo cuộc vận động dân chủ, Đặng Xuân Khu nổi lên như một trong những người lãnh đạo tài năng, nhất là lĩnh vực báo chí cách mạng công khai, một cây bút chính luận sắc sảo, đầy tính chiến đấu, góp phần vào việc nâng cao ý thức dân tộc, ý thức giai cấp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng cho phong trào cách mạng tiến lên cao trào giải phóng dân tộc.

2. Trên cương vị Tổng Bí thư, nhà lãnh đạo kiệt xuất

Vào đầu năm 1940, một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt như Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Lê Duẩn... và hầu hết các Ủy viên Trung ương đều bị địch bắt. Trước tình hình đó, một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời được thành

lập. Các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Đặng Xuân Khu, Hoàng Quốc Việt được cử vào Ban Thường vụ Trung ương. Đồng chí Đặng Xuân Khu được cử làm Quyền Tổng Bí thư thay Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã bị địch bắt. Từ ngày 6 đến ngày 9-11-1940, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương họp ở làng Đình Bảng, Từ Sơn (Bắc Ninh) dưới sự chủ trì của Quyền Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu, dự họp có các đồng chí Đặng Xuân Khu, Phan Đăng Lưu, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh... Hội nghị phân tích kỹ tình hình trong nước và quốc tế và đưa nhận định: "Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để giành lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lĩnh đạo các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập"[(1)].

Được tin lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã về gần biên giới Việt - Trung, Quyền Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu cử đồng chí Hoàng Văn Thụ qua biên giới tìm gặp để báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo. Tháng 01-1941, tại cuộc gặp mặt ở Tĩnh Tây, Quảng Tây (Trung Quốc), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chỉ thị cho Trung ương Đảng chuẩn bị nội dung Hội nghị Trung ương lần thứ tám. Thực hiện chỉ thị của Người, sau một thời gian chuẩn bị, Quyền Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu cùng các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ... lên đường đi dự Hội nghị Trung ương lần thứ tám. Từ ngày 10 đến 19-5-1941, tại một lán nhỏ bên suối Khuổi Nậm, Pác Bó (Cao Bằng), Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã họp dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Dự Hội nghị có các đồng chí Đặng Xuân Khu, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, đại biểu Xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ và một số đại biểu hoạt động ở nước ngoài. Hội nghị đã ra Nghị quyết lịch sử, đánh dấu sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của cách mạng Việt Nam, đặt nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc lên trên hết, tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất. Hội nghị đề ra chủ trương thành lập *Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh* (gọi tắt là Việt Minh), tiến hành xây dựng căn cứ địa, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang từng phần, tiến lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.58.

Hội nghị bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới, bầu Đặng Xuân Khu làm Tổng Bí thư kiêm Trưởng ban Tuyên huấn, kiêm chủ bút báo *Cờ giải phóng* và Tạp chí *Cộng sản*, Trưởng ban Công vận Trung ương; bầu Ban Thường vụ Trung ương gồm ba đồng chí: Đặng Xuân Khu, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt. Đồng chí Đặng Xuân Khu kể lại việc bầu cơ quan lãnh đạo ở Hội nghị như sau: "Khi bàn về công tác tổ chức, chúng tôi đề nghị Bác đảm nhận trực tiếp chức vụ Tổng Bí thư của Đảng. Bác trả lời đại ý: Tôi đang làm nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao cho. Quốc tế Cộng sản có thể điều động tôi đi làm những nhiệm vụ ở nơi khác, do đó tôi không thể làm nhiệm vụ Tổng Bí thư của Đảng ta được. Theo giới thiệu của Bác, Hội nghị bầu tôi làm Tổng Bí thư"[(1)]. Ngoài những nội dung đã nêu, Hội nghị còn ra văn kiện riêng về *Vấn đề Đảng*, thông qua *Điều lệ tóm tắt của Đảng*, xây dựng *Chương trình Việt Minh*, *Điều lệ Việt Nam Nông dân cứu quốc Hội, Điều lệ của Việt Nam tiểu tổ du kích cứu quốc*. Hội nghị Trung ương lần thứ tám tháng 5-1941 có tầm quan trọng như một Đại hội Đảng. Nghị quyết đúng đắn của Hội nghị là kết quả trí tuệ của Ban Chấp hành Trung ương, trong đó có sự đóng góp to lớn của Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu, biểu lộ những phẩm chất của một nhà chiến lược, nhà lãnh đạo tài năng.

Ngày 08-12-1941, quân Nhật tiến công Chân Trâu Cảng, đổ bộ vào Malaysia, tuyên chiến với Anh, Mỹ, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Trước tình hình đó, ngày 21-12-1941, Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu triệu tập cuộc họp Ban Thường vụ Trung ương, ra Thông cáo *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng* gửi các cấp bộ đảng để quán triệt và thực hiện. Từ tháng 11-1942, Hồng quân Liên Xô phản công trên khắp các mặt trận, quân Đức đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Trước sự biến chuyển nhanh chóng của thời cuộc, từ ngày 25 đến 28-02-1943, Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương, họp ở Đông Anh (Phúc Yên) bàn việc *mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất và xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang*. Nghị quyết

---

[(1)] *Hồi tưởng của đồng chí Trường Chinh*, Bản đánh máy lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

Hội nghị nêu rõ: "Lúc này, nhiệm vụ dân tộc giải phóng cần kíp và quan trọng hơn nên Đảng phải thống nhất mọi lực lượng cách mạng đặng mau hoàn thành nhiệm vụ ấy trước. Muốn thế phải vận động đưa hết các tầng lớp nhân dân cả địa chủ, tư sản bản xứ vào mặt trận cách mạng. Do đó khẩu hiệu thổ địa cách mạng không thể đề ra lúc này"[(1)].

Sau Hội nghị trên, cũng tại Võng La, Ban Thường vụ Trung ương họp một cuộc họp nữa thông qua *Đề cương văn hóa Việt Nam* do Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu trực tiếp soạn thảo. *Đề cương* đề ra ba nguyên tắc cho nền văn hóa mới: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa và đề ra những nhiệm vụ cần kíp cho những nhà văn hóa mácxít Việt Nam. *Đề cương* trở thành bản tuyên ngôn của Đảng về văn hóa. Đây là lần đầu tiên Đảng ta có chủ trương đúng đắn về văn hóa, văn nghệ, mà ảnh hưởng trực tiếp không chỉ là *Hội Văn hóa cứu quốc* ra đời, một thành viên của Mặt trận Việt Minh, mà còn soi sáng mãi đến sau này. Năm 1943, Tổng Bí thư Đặng Xuân Khu bị tòa án binh của thực dân Pháp ở Hà Nội kết án tử hình vắng mặt.

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc chuẩn bị khởi nghĩa, lấy danh Nghĩa Tổng bộ Việt Minh, tháng 5-1944, Tổng Bí thư Trường Chinh ra *Chỉ thị về sửa soạn khởi nghĩa.* Để đưa Chỉ thị quan trọng này vào quần chúng, từ mùa Thu năm 1944 với bút danh T.Tr và Tân Trào, đồng chí viết nhiều bài đăng trên báo *Cờ giải phóng* để định hướng và chỉ đạo phong trào. Điển hình là các bài: *Hãy nắm lấy khâu chính* và *Hãy tiến gấp* (28-7-1944); Lời kêu gọi *Sắm sửa võ khí! Đuổi thù chung* (10-8-1944); *Bồi bổ điều kiện vật chất cho cuộc khởi nghĩa* và bài *Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mủ* (28-9-1944); *Sửa soạn khởi nghĩa việc võ trang các đội tự vệ phải thực hành cho sát* và bài *Chống khủng bố* (10-11-1944), v.v.. Tiếp đó, ngày 28-01-1945, Tổng Bí thư lấy bút danh là Trường Chinh[(2)] còn viết bài *Chúng ta học được những gì trong cuộc đấu tranh võ trang ở Thái Nguyên*, v.v..

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.314-315.

(2) Từ đây chúng tôi gọi là Trường Chinh thay cho Đặng Xuân Khu.

Đêm 09-3-1945, quân Nhật nổ súng đánh Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Giữa lúc rền vang tiếng súng, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập gấp Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng ở làng Đình Bảng, Từ Sơn (Bắc Ninh). Tham dự Hội nghị có các đồng chí Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Văn Trân... Nội dung Hội nghị quan trọng này được thể hiện đầy đủ trong bản Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* do đồng chí khởi thảo, trong đó xác định: "Sau cuộc đảo chính này, đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương"[(1)], đề ra khẩu hiệu đấu tranh: *Đánh đuổi phát xít Nhật!* và phát động cao trào *kháng Nhật, cứu nước*. Có thể nói, bản Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* cùng với sự chỉ đạo sáng suốt, nhạy bén của Tổng Bí thư Trường Chinh là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng trong cao trào kháng Nhật, cứu nước.

Để chuẩn bị chu đáo cho khởi nghĩa vũ trang, từ ngày 15 đến ngày 20-4-1945, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập và chủ trì Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hòa (Bắc Giang). Hội nghị chỉ rõ: "Tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật, để chuẩn bị cuộc Tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ"[(2)]. Hội nghị còn quyết định nhiều vấn đề như thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng, vấn đề mặt trận, ruộng đất, cán bộ, v.v.. Hội nghị đánh dấu bước phát triển mới tư tưởng quân sự của Đảng về khởi nghĩa vũ trang.

Cuối tháng 4-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh sau chuyến đi Trung Quốc nhằm tranh thủ lực lượng Đồng minh cho cách mạng Việt Nam trở về nước. Tháng 5-1945, Người từ Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang) để lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Sau khi nghe báo cáo tình hình và tán thành chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương, Người chỉ thị thành lập *Khu giải phóng Việt*

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.366.
[(2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.391.

Bắc, thi hành *Mười chính sách của Việt Minh*. Để động viên cho công cuộc kháng Nhật, Tổng Bí thư Trường Chinh viết một loạt bài đăng trên báo *Cờ giải phóng*. Điển hình là các bài: *Cuộc kháng chiến anh dũng của chúng ta; Mười chính sách lớn trong Khu giải phóng; Hãy kíp đi vào đường lối*, v.v..

Ngày 09-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật, chỉ trong vòng một tuần đã tiêu diệt đạo quân Quan Đông tinh nhuệ của Nhật ở Mãn Châu (Trung Quốc), quân Nhật ở Đông Dương hoảng loạn. Tình thế cách mạng trực tiếp đã chín muồi. Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Trường Chinh và Ban Thường vụ Trung ương triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến 15-8-1945, tại Tân Trào (Tuyên Quang). Lãnh tụ Hồ Chí Minh bị ốm nên không đến dự đầy đủ các phiên họp, nhưng vẫn chỉ đạo Hội nghị. Dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh, Hội nghị quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước. Trong khi Hội nghị đang họp, được tin Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập *Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc* do Tổng Bí thư Trường Chinh phụ trách. Cùng với *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa* của lãnh tụ Hồ Chí Minh, dưới sự chỉ đạo của Tổng Bí thư Trường Chinh, Đảng Cộng sản Đông Dương ra *Lời hiệu triệu* kêu gọi: "Các đồng chí phải sáng suốt trong việc lãnh đạo và cương quyết hy sinh trong cuộc chiến đấu để giành quyền độc lập cho Tổ quốc, để xứng đáng là một đội quân tiền phong của dân tộc. Giờ khởi nghĩa đã đến, ngày vinh quang của Tổ quốc đã bùng nổ. Quyết chiến, quyết chiến, quyết chiến! Thắng lợi nhất định về ta"[(1)].

Thực hiện Lời hiệu triệu, dưới ngọn cờ của Đảng và Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta từ Bắc chí Nam, triệu người như một nhất tề vùng dậy tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa, làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, giành chính quyền nhanh gọn trong cả nước. Trên cương vị Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng chí Trường Chinh cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.416.

Chấp hành Trung ương Đảng, đã hoàn thành chặng đường đầu tiên của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Có thể nói, vào thời gian này, vì nhiệm vụ quốc tế, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc hai lần vắng mặt ở trong nước (từ tháng 8-1942 đến tháng 10-1944 và từ tháng 2 đến tháng 5-1945), toàn bộ công việc chỉ đạo chuẩn bị khởi nghĩa đều do Tổng Bí thư Trường Chinh đảm nhiệm. Điều đó khẳng định tài năng, trí tuệ của Tổng Bí thư Trường Chinh.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời chưa được bao lâu, thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta. Trong 16 tháng kể từ tháng 9-1945 đến ngày toàn quốc kháng chiến tháng 12-1946, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bằng trí tuệ và nhãn quan chính trị sáng suốt, tầm nhìn chiến lược, Tổng Bí thư Trường Chinh đã góp phần quan trọng cùng với Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra nhiều chủ trương, quyết sách, lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua tình thế hiểm nghèo "ngàn cân treo sợi tóc", xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ trong những năm 1945-1946. Đọc lại toàn bộ những văn kiện do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo thời kỳ này thấy rõ sự đóng góp to lớn của đồng chí vào những chủ trương và biện pháp chiến lược và sách lược khôn khéo của một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng ta.

Trước dã tâm cướp nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, ngày 18 và 19-12-1946, tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội nghị thông qua Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo. Đây là văn kiện quan trọng của Đảng ta, đặt cơ sở cho việc tiếp tục hoàn thiện đường lối kháng chiến chống Pháp. Từ đầu năm 1947, Tổng Bí thư Trường Chinh đã viết một loạt bài dưới tiêu đề *Kháng chiến nhất định thắng lợi* đăng trên báo *Sự thật* từ ngày 04-3 đến ngày 01-8-1947, được Nhà xuất bản Sự thật tập hợp in thành sách. Tác phẩm phát triển có hệ thống lý luận chiến lược về cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, về ba giai đoạn của cuộc kháng chiến trường kỳ, dựa vào sức mình là chính và một số vấn đề về chiến thuật chiến tranh chống thực dân

Pháp xâm lược. Tác phẩm xác định tính chất "cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh tự vệ của dân tộc, là chiến tranh hợp chính nghĩa, chiến tranh tiến bộ"[(1)]. Mục đích của cuộc kháng chiến là giành độc lập dân tộc và thống nhất, "có tính chất dân tộc độc lập và dân chủ tự do"[(2)]. Cùng với *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Chỉ thị Toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng Bí thư Trường Chinh góp phần làm phong phú kho tàng lý luận về chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Để quán triệt chủ trương kháng chiến đến toàn Đảng, cũng trong năm 1947, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập mấy hội nghị: Hội nghị cán bộ Trung ương họp từ ngày 3 đến ngày 06-4-1947; Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng họp từ ngày 16 đến ngày 17-6-1947. Ngày 04-8-1947, đồng chí ký Nghị quyết về thống nhất các Ủy ban kháng chiến và hành chính từ xã đến tỉnh. Ngày 01-9-1947, Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị về việc lập Ban Tổ chức khu và tỉnh, v.v..

Thu đông năm 1947, sau khi có quân tiếp viện, quân Pháp mở cuộc đại tấn công lên Việt Bắc hòng tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta. Dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh, ngày 15-10-1947 Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp*, trong đó nhấn mạnh: "Cuộc tấn công lần này của địch, tỏ ra chúng mạo hiểm và khinh thường lực lượng ta. Chúng ta phải *trấn tĩnh* đối phó, và phải giữ gìn chủ lực, nhưng đồng thời cũng phải nhè những chỗ yếu của địch mà đánh những trận vang dội, *những trận tiêu diệt* để nâng cao tinh thần bộ đội và củng cố lòng tin tưởng của nhân dân ở tiền đồ kháng chiến"[(3)]. Thực hiện Chỉ thị trên, quân và dân ta đã làm thất bại cuộc tấn công của giặc Pháp, Việt Bắc trở thành mồ chôn giặc Pháp. Thắng lợi đó không chỉ tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch mà còn đập tan chiến lược "đánh

[(1),(2)] Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1972, t.2, tr.28,30.

[(3)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.326.

nhanh thắng nhanh" của địch, đánh dấu bước trưởng thành của quân đội về mọi mặt, tạo đà cho quân, dân ta chuyển cuộc kháng chiến chống Pháp sang giai đoạn mới.

So sánh lực lượng sau chiến thắng Việt Bắc, ta và địch ở thế giằng co trên chiến trường, trước tình hình đó, Tổng Bí thư Trường Chinh chỉ đạo mấy hội nghị quan trọng: Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng (tháng 01-1948), Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ tư (tháng 5-1948), Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ năm (8-1948), Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ sáu (tháng 01-1949). Các hội nghị này đều nhằm xây dựng và phát triển lực lượng của ta về quân sự, chính trị, kinh tế và văn hóa, đặc biệt là đẩy mạnh hoạt động quân sự để tiêu diệt địch nhiều hơn nữa, tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến bước sang giai đoạn mới. Trong tháng 7-1948, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ hai, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*, trong đó xác định rõ đường lối, nhiệm vụ và phương châm công tác văn hóa, nêu lên những luận điểm về nền văn hóa kháng chiến và kiến quốc. Hội nghị còn quyết định thành lập Hội Văn hóa Việt Nam, sự ra đời của Hội là dấu mốc quan trọng trong lịch sử văn hóa nước nhà.

Để tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đường lối kháng chiến trong điều kiện cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn tổng phản công, Hội nghị toàn quốc của Đảng được triệu tập, họp từ ngày 21-01 đến ngày 03-02-1950. Tại Hội nghị, sau khi trình bày báo cáo *Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công*, Tổng Bí thư Trường Chinh đã giải đáp rõ những vấn đề lớn mà Đảng đã đặt ra như: cách chuẩn bị, thời điểm và phương thức tiến hành tổng phản công, v.v..

Từ ngày 11 đến ngày 19-02-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II chính thức của Đảng diễn ra tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa (Tuyên Quang). Tại Đại hội, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày *Báo cáo hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội* (còn gọi là *Luận cương cách mạng Việt Nam*). Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của hơn 20

năm lãnh đạo cách mạng nước ta, *Luận cương cách mạng Việt Nam* làm rõ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cùng với *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, *Luận cương cách mạng Việt Nam* của Tổng Bí thư Trường Chinh được đúc kết trong *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 Ủy viên chính thức và 10 Ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương bầu ra Bộ Chính trị gồm 7 Ủy viên là: Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh và 1 Ủy viên dự khuyết là Lê Văn Lương. Ban Chấp hành Trung ương còn cử ra Ban Bí thư Trung ương. Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư. Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương được bầu trong một đại hội có đầy đủ đại biểu toàn quốc. Trong quá trình chấp hành Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, Tổng Bí thư Trường Chinh cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục giải quyết nhiều vấn đề do thực tiễn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đặt ra, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Cùng với việc củng cố sức mạnh của Đảng, vấn đề tăng cường khối đoàn kết dân tộc được Tổng Bí thư Trường Chinh rất quan tâm. Theo chủ trương của Đảng, từ ngày 3 đến 7-3-1951, Đại hội thống nhất Việt Minh và Hội Liên Việt thành *Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam*, gọi tắt là *Mặt trận Liên Việt*. Mặt trận bao gồm các đoàn thể, tôn giáo, đảng phái, cá nhân yêu nước, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát biểu tại Đại hội, Tổng Bí thư Trường Chinh nhấn mạnh: Chính sách của Mặt trận dựa trên nguyên tắc: đoàn kết thành thật, nhân nhượng lẫn nhau, hợp tác lâu dài, giúp nhau cùng tiến bộ. Tư tưởng chỉ đạo trên của Tổng Bí thư là cơ sở quan trọng cho khối đại đoàn kết toàn dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Để hoàn chỉnh và cụ thể hóa đường lối kháng chiến, kiến quốc, dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh, tháng

3-1951, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương họp phân tích tình hình, quyết định những vấn đề quân sự, kinh tế, tài chính, về bộ máy và lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Kiểm tra, Trung ương Cục miền Nam, các cơ quan giúp việc của Trung ương. Tiếp đó, từ ngày 27 đến 05-10-1951, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương họp và ra Nghị quyết *Về tình hình và nhiệm vụ chung* và Nghị quyết *Về nhiệm vụ quân sự trước mắt.* Từ ngày 22 đến 28-4-1952, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương họp nhằm đẩy mạnh chuẩn bị tổng phản công. Có thể nói, thực hiện các nghị quyết trên của Trung ương, sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, nền kinh tế phục vụ kháng chiến và vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố và tăng cường, bảo đảm các yêu cầu của cuộc kháng chiến để chuyển mạnh sang tổng phản công.

Sau chiến thắng ở Biên giới (tháng 10-1950), ở Hòa Bình (tháng 02-1952) và ở Tây Bắc (mùa Thu 1952), bước vào năm 1953, so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho ta, ta từ phản công cục bộ tiến lên phản công lớn. Trước tình hình đó, từ ngày 25 đến 30-01-1953, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập. Theo đề nghị của Tổng Bí thư Trường Chinh, Hội nghị tập trung thảo luận công tác phát động quần chúng thực hiện giảm tô trong năm 1953, thảo luận góp ý cho *Dự thảo Cương lĩnh cải cách ruộng đất.* Tiếp đó, từ ngày 25-02 đến 01-3-1953, Ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Liên Việt toàn quốc họp Hội nghị liên tịch, thảo luận báo cáo *Phóng tay phát động thực hiện chính sách ruộng đất* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày và nhất trí thông qua Nghị quyết về cải cách ruộng đất.

Trên mặt trận quân sự, cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 của quân và dân ta đã làm đảo lộn kế hoạch chiến tranh của Pháp - Mỹ, làm xoay chuyển cục diện chiến trường có lợi cho ta. Tháng 11-1953, H. Nava cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, xây dựng thành tập đoàn cứ điểm mạnh. Sau khi phân tích kỹ tình hình ta và địch, ngày 06-12-1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ với khẩu hiệu *Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để*

chiến thắng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được cử làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Ngày 22-2-1954, Tổng Bí thư Trường Chinh thay mặt Bộ Chính trị ra Chỉ thị *Ra sức phá tan mưu mô đẩy mạnh chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp - Mỹ*. Ngày 19-4-1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết *Về tiếp tục thấu triệt phương châm đánh chắc, tiến chắc, đề cao quyết tâm, tích cực giành toàn thắng cho chiến dịch Điện Biên Phủ*. Nghị quyết nhấn mạnh: "Toàn dân, toàn Đảng và Chính phủ nhất định đem toàn lực chi viện Chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch này"[(1)]. Trong 55 ngày đêm chiến đấu anh dũng và quả cảm, quân và dân ta đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, buộc Chính phủ Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương.

Sau chiến thắng ở Điện Biên Phủ, theo Hiệp định Giơnevơ tháng 7-1954, đất nước ta bị tạm chia làm hai miền. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào xây dựng xã hội mới. Ở miền Nam, Mỹ dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân mới. Trước tình hình mới, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương mở rộng họp ở Việt Bắc từ ngày 15 đến 17-7-1954. Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo về *Tình hình mới và nhiệm vụ mới*, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày báo cáo *Để hoàn thành nhiệm vụ mới và đẩy mạnh công tác trước mắt*. Hội nghị xem xét, đánh giá tình hình vạch ra phương châm, chính sách và sách lược đấu tranh cho phù hợp với đặc điểm mới của cách mạng nước ta, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ cải cách ruộng đất và công tác miền Nam. Từ ngày 3 đến 12-3-1955, Tổng Bí thư Trường Chinh tiếp tục chỉ đạo Hội nghị lần thứ bẩy Ban Chấp hành Trung ương để cụ thể hóa hơn nữa nhiệm vụ cách mạng của mỗi miền. Tiếp đó, đồng chí chỉ đạo Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương họp từ ngày 13 đến ngày 20-8-1955 để thông qua bản dự thảo *Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc thống nhất* (Mặt trận Tổ quốc) nhằm cụ thể hóa hơn nữa nhiệm vụ cách mạng nước ta. Thực hiện các nghị quyết trên, đồng

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.88.

chí đã ký các chỉ thị để thực hiện chủ trương của Đảng. Những nhiệm vụ mới mà Đảng ta và Tổng Bí thư Trường Chinh chỉ ra đáp ứng kịp thời yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Sau đợt 5 cải cách ruộng đất đã kết thúc ở vùng đồng bằng, trung du và 280 xã miền núi. Cải cách ruộng đất đã xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến, đem lại ruộng đất cho giai cấp nông dân, thực hiện được khẩu hiệu "người cày có ruộng" và quyền dân chủ của nông dân nước ta. Tháng 4-1956, Trung ương Đảng phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất. Ngày 01-7-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh có *Thư gửi Hội nghị cải cách ruộng đất đợt 5*, đánh giá đợt cải cách này "đã thu được *thắng lợi căn bản to lớn*, nhưng phạm *sai lầm cũng không ít*"[(1)]. Ngày 12-7-1956, Hội nghị Ban Bí thư giao nhiệm vụ cho đồng chí Trường Chinh làm kế hoạch chuẩn bị Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương, trong đó có có việc thảo luận về những thắng lợi và sai lầm của cải cách ruộng đất và báo cáo về *Đường lối chung và đấu tranh thống nhất*. Từ ngày 25-8 đến ngày 05-10-1956, Hội Nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương đã họp. Ngày 26-8-1956, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày Đề cương của Bộ Chính trị về *Tình hình thế giới và trong nước, kiểm thảo sự lãnh đạo của Trung ương, nhiệm vụ và công tác trước mắt*. Đề cương có phần kiểm điểm về cải cách ruộng đất, trong đó chỉ ra những thành tích, sai lầm và nguyên nhân.

Ngày 08-9-1956, đồng chí Trường Chinh phát biểu về những sai lầm của Đảng tổ Ủy ban cải cách ruộng đất, nguyên nhân sai lầm, hậu quả và bài học kinh nghiệm và tự kiểm điểm trong việc lãnh đạo cải cách ruộng đất. Với trách nhiệm là Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị được phân công cùng Đảng tổ Ủy ban cải cách ruộng đất chỉ đạo cải cách ruộng đất, trước sai lầm trong lãnh đạo, đồng chí tự phê bình nghiêm khắc trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trước Ban Chấp hành Trung ương và xin từ chức Tổng Bí thư[(2)]. Hội

---

[(1)] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.356.

[(2)] Xem *Biên bản Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương*, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

nghị đã thông qua nghị quyết tự phê bình của Trung ương, đồng ý để đồng chí Trường Chinh thôi giữ chức Tổng Bí thư, đồng chí vẫn là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng. Hội nghị thông qua *Kế hoạch sửa sai* và giao cho đồng chí Trường Chinh chỉ đạo.

Với tinh thần tự phê bình và trách nhiệm cao, đồng chí Trường Chinh cùng với các cơ quan Trung ương và địa phương tiến hành sửa sai, sớm đưa tình hình xã hội trở lại ổn định. Các cơ sở đảng ở nông thôn đã được củng cố và tăng cường, những đảng viên bị xử trí sai đã được khôi phục đảng tịch, những cán bộ bị xử trí sai đã được khôi phục chức vụ cũ, các tổ chức chính quyền và quần chúng ở xã cũng được củng cố và kiện toàn thêm. Những đánh giá và những bài học rút ra từ thực tiễn cải cách ruộng đất và sửa sai nói lên bản lĩnh cách mạng, thái độ và trách nhiệm cao của đồng chí Trường Chinh. Đến cuối năm 1957, nhiệm vụ khôi phục kinh tế căn bản hoàn thành. Để thống nhất tư tưởng và đoàn kết trong toàn Đảng, toàn dân, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương họp từ ngày 19 đến ngày 21-12-1957. Tại Hội nghị, đồng chí Trường Chinh trình bày báo cáo *Thống nhất tư tưởng, đoàn kết toàn Đảng, đẩy mạnh hoàn thành nhiệm vụ trước mắt*, trong đó khẳng định: "Nhiệm vụ quan trọng của Đảng ta hiện nay là *phải thực hiện sự thống nhất tư tưởng, đoàn kết toàn Đảng*, làm cho Đảng ta, muôn người như một, thống nhất hành động, chấp hành những nhiệm vụ công tác trước mắt và phát huy cao độ tác dụng lãnh đạo cách mạng của Đảng trong giai đoạn mới"[(1)].

Giữa tháng 11-1958, tại Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương mở rộng, đồng chí Trường Chinh phát biểu ý kiến về nhận định tình hình, nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch ba năm 1958-1960, chỉ rõ những chuyển biến, các mâu thuẫn cơ bản và phác thảo đường lối chung cho cách mạng cả nước. Tại kỳ họp thứ chín Quốc hội khóa I, tháng 12-1958, đã phê chuẩn đề nghị của của Hội đồng Chính phủ bổ nhiệm một số nhân sự của Chính

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.18, tr.799

phủ. Đồng chí Trường Chinh được bổ nhiệm làm Phó Thủ tướng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước. Cuối tháng 12-1959, bản *Dự thảo Hiến pháp* sửa đổi trải qua 27 cuộc họp trao đổi, tu chỉnh của Ủy ban dự thảo Hiến pháp, sau bốn tháng lấy ý kiến nhân dân đã được Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 11 nhất trí thông qua. *Hiến pháp năm 1959* thể hiện sinh động và tập trung ý chí, nguyện vọng của nhân dân cả nước, định hướng cho miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, cổ vũ và động viên mạnh mẽ đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Việc xây dựng Dự thảo và thông qua bản Hiến pháp mới có vai trò và đóng góp quan trọng của đồng chí Trường Chinh. Cùng với quá trình xây dựng, sửa đổi Hiến pháp, đồng chí còn cho nhiều ý kiến vào việc xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 bàn về *Đề cương cách mạng miền Nam.* Đợt 1 họp từ ngày 12 đến 22-1-1959, đồng chí Trường Chinh phát biểu và phân tích rõ hai khả năng thực hiện thống nhất đất nước là khả năng võ trang và khả năng hòa bình. Về khả năng võ trang, đồng chí nêu hai trường hợp: *Một là,* nhân dân miền Nam võ trang đánh Mỹ - Diệm, đưa một chính quyền nhân dân lên, thực hiện thống nhất với miền Bắc. *Hai là,* Mỹ - Diệm khởi hấn, Bắc tiến, quân và dân miền Bắc đánh lại, Nam tiến, trong khi đó, nhân dân miền Nam khởi nghĩa vũ trang hưởng ứng, cùng quân đội miền Bắc tiêu diệt địch, thực hiện thống nhất nước nhà. Từ ngày 10 đến 15-7-1959, đồng chí Trường Chinh dự đợt 2 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15. Đồng chí phát biểu nhiều ý kiến quan trọng giúp Trung ương hoàn chỉnh và ra Nghị quyết về *Đề cương cách mạng miền Nam*. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 thể hiện sự độc lập, tự chủ, linh hoạt và sáng tạo của Đảng ta trong hoạch định đường lối và lãnh đạo cách mạng miền Nam. Có thể nói, trên cương vị Tổng Bí thư từ tháng 5-1941 đến tháng 10-1956 và sau đó là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Trường Chinh tiếp tục có những

đóng góp to lớn vào việc xây dựng đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.

Nhằm đáp ứng đòi hỏi của cách mạng nước ta trong tình hình mới, từ ngày 5 đến 10-9-1960, Đảng ta đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tại Thủ đô Hà Nội. Tại Đại hội, đồng chí Trường Chinh trình bày bản báo cáo quan trọng về *Công tác tư tưởng của Đảng*, trong đó khẳng định, cùng với cuộc cách mạng về kinh tế, cần phải đẩy mạnh cách mạng về tư tưởng, văn hóa và khoa học, kỹ thuật, làm cho hệ tư tưởng Mác - Lênin trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, trên cơ sở đó xây dựng nền đạo đức mới. Tại Đại hội, đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và là Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách công tác Quốc hội và công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Để cụ thể hóa đường lối kinh tế của Đại hội III, đồng chí Trường Chinh cùng Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương bàn tại nhiều hội nghị chuyên đề: *Về phát triển nông nghiệp* (tháng 7-1962); *Về kế hoạch nhà nước* (tháng 4-1963); *Về lưu thông, phân phối và giá cả* (tháng 12-1964), v.v..

Ngày 24-01-1962, Bộ Chính trị ra Nghị quyết thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, đồng chí Trường Chinh được cử làm Trưởng ban. Với trách nhiệm cao, đồng chí đã đặt nền móng vững chắc cho hoạt động của Ban và cho cả môn khoa học Lịch sử Đảng, nhiều tác phẩm nghiên cứu lịch sử Đảng đã ra đời, góp phần quan trọng vào công tác tư tưởng, lý luận của Đảng. Giữa lúc nhân dân ta đang đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội III của Đảng, ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, đồng chí Trường Chinh cùng Ban Chấp hành Trung ương lãnh đạo nhân dân miền Bắc chuyển từ thời bình sang thời chiến, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, nỗ lực chi viện sức người, sức của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Ngay trong thời điểm quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngày 24 và 25-9-1965, Bộ Chính trị họp bàn thành lập Ban Nghiên cứu lý luận Trung ương do đồng chí Trường Chinh

làm Trưởng ban. Trong bản trình bày, đồng chí yêu cầu Ban phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, đúc rút lý luận, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ cách mạng cả trước mắt và lâu dài. Hoạt động tuyên truyền đối ngoại cũng được đồng chí chú ý mở rộng, nêu cao lập trường chính nghĩa của dân tộc ta, cô lập đế quốc Mỹ hiếu chiến, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và đẩy mạnh cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà cũng như suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trên cương đại biểu Quốc hội các khóa: II (1960-1964), III (1964-1971), IV (1971-1975), V (1975-1976), là Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ khóa II đến khóa V, đồng chí Trường Chinh đã cùng Quốc hội xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức bộ máy nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, bảo đảm sự vững vàng trên mặt trận chính trị, tư tưởng và văn hóa, tăng cường các hoạt động quốc tế, phù hợp với hoàn cảnh nước ta trong giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, thích hợp với hoàn cảnh thời chiến, góp phần quan trọng huy động và tổ chức quân dân cả nước phấn đấu xây dựng cơ sở vật chất của miền Bắc, đánh thắng các kiểu chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, dốc sức chi viện cho cách mạng miền Nam đến ngày toàn thắng.

Có thể nói, những năm 1960-1975, thông qua lãnh đạo tập thể Bộ Chính trị, Chính phủ và Quốc hội, đồng chí Trường Chinh tham gia vào việc hoạch định đường lối chiến lược, sách lược cách mạng của hai miền Nam - Bắc, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất đất nước. Trên cương vị lãnh đạo Quốc hội, đồng chí đã lãnh đạo soạn thảo hệ thống pháp luật, xây dựng và hoàn thiện thể chế và bộ máy nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với hoàn cảnh đất nước trong giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, thích hợp với hoàn cảnh cả nước có chiến tranh. Đồng chí còn trực tiếp phụ trách và góp phần bảo đảm sự vững vàng của mặt trận chính

trị, tư tưởng, động viên toàn dân đoàn kết xây dựng và bảo vệ miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đánh giá về những cống hiến to lớn của Tổng Bí thư Trường Chinh, Đảng ta khẳng định: "Dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, từ năm 1941, cùng với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, đồng chí đã có nhiều quyết sách đúng đắn, sáng tạo, nhất là trong những bước ngoặt của cách mạng, vai trò của đồng chí nổi bật là một trong những người lãnh đạo kiệt xuất đã đưa cuộc Cách mạng Tháng Tám đến thành công và đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng. Nhiều năm là thành viên trong Bộ Chính trị, đồng chí đã có nhiều đóng góp lớn vào sự lãnh đạo của tập thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong những năm kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước"[(1)].

3. Một trí tuệ sáng tạo, một nhân cách lớn

Chiến thắng mùa Xuân năm 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giang sơn thu về một mối. Bước vào giai đoạn mới với bao công việc bộn bề sau chiến tranh cần giải quyết, đồng chí Trường Chinh đã gần 70 tuổi, song với tài năng, trí tuệ và đức độ của người chiến sĩ cộng sản, đồng chí cùng với Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tại Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), đề ra chủ trương hoàn thành thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện chủ trương trên, Quốc hội và Chính phủ tích cực chuẩn bị cho việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Tháng 6-1975, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa V đã bầu đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tháng 10-1975, tại phiên họp đặc biệt của Quốc hội, đồng chí Trường Chinh trình bày những

---

(1) *Điếu văn* do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Trường Chinh, ngày 05-10-1988.

biện pháp cụ thể để thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước và quyết định thành lập đoàn đại biểu miền Bắc gồm 25 thành viên do đồng chí làm Trưởng đoàn vào Sài Gòn hiệp thương với đoàn miền Nam nhằm thực hiện tổng tuyển cử trong cả nước, bầu ra Quốc hội chung và các cơ quan lãnh đạo nhà nước của nước Việt Nam thống nhất.

Tại Sài Gòn, từ ngày 15 đến 21-11-1975 diễn ra Hội nghị hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Nam - Bắc. Ngày 21-11-1975, đồng chí Trường Chinh, Trưởng đoàn miền Bắc và đồng chí Phạm Hùng, Trưởng đoàn miền Nam ký *Thông cáo chung*, trong đó nêu rõ: "Cần hoàn thành thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là sự thống nhất trọn vẹn và vững chắc nhất"[(1)]. Hội nghị quyết định lấy ngày 25-4-1976 là ngày tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước và thành lập Hội đồng Bầu cử toàn quốc do đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch. Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước thành công tốt đẹp. Đánh giá kết quả Hội nghị, đồng chí Trường Chinh khẳng định: "Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc đã giải quyết một cách tốt đẹp tất cả các vấn đề nhằm thực hiện thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân ta"[(2)].

Ngày 25-4-1976, đồng bào cả nước nô nức đi bầu cử Quốc hội chung cả nước, thực sự trở thành ngày hội thống nhất non sông của dân tộc Việt Nam, ngày hội đoàn kết toàn dân tộc. Từ ngày 24-6 đến 03-7-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kỳ họp thứ nhất tại Hà Nội xác nhận kết quả cuộc tổng tuyển cử, quyết định thể chế nhà nước, thảo luận tình hình, nhiệm vụ, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước ta, quyết định tên nước, Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Thủ đô, thành phố Sài Gòn - Gia Định được vinh dự mang tên Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội công nhận Quốc hội chung cả nước là

[(1)] *Thông cáo* Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc, Báo *Nhân Dân*, ngày 21-11-1975.

[(2)] Trường Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.49.

Quốc hội khóa VI, quyết định thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước, đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến Pháp, đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ. Có thể nói, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong thời gian ngắn, Quốc hội khóa VI đã hoàn thành xuất sắc sự nghiệp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội. Góp phần vào thành công đó có sự đóng góp của đồng chí Trường Chinh.

Với tư cách là Chủ tịch Ủy ban dự thảo Hiến pháp, ngày 26-9-1976, đồng chí Trường Chinh chủ tọa phiên họp toàn thể lần thứ hai Ủy ban dự thảo Hiến pháp. Phát biểu tại phiên họp, đồng chí nêu rõ: "Hiến pháp mới của nước ta là *một văn kiện có tính chất cương lĩnh* nhằm phục vụ sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội mới… Nó thể hiện nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, những quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta và đường lối chung của Đảng ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nó phản ánh những đặc điểm của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện tại"[(1)]. Đến ngày 18-12-1980, sau gần bốn năm Ủy ban dự thảo Hiến pháp làm việc thận trọng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Trường Chinh, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* được kỳ họp thứ bảy Quốc hội khóa VI chính thức thông qua. Hiến pháp năm 1980 là thành quả tổng hợp trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, thể hiện ý chí, nguyện vọng và tình cảm của nhân dân ta trước vận mệnh dân tộc, trong đó có phần đóng góp của đồng chí Trường Chinh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976), đồng chí Trường Chinh được bầu là Ủy viên Bộ Chính trị, phụ trách Trưởng ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương và Trưởng ban Lý luận của Trung ương. Trong những năm 1976-1980,

[(1)] Trường Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Viêt Nam*, Sđd, tr.130-131.

xuất phát từ nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu và còn chưa kịp hàn gắn vết thương sau 20 năm chiến tranh, hòa bình chưa được bao lâu, đất nước ta lại phải đương đầu với chiến sự ở hai đầu biên giới và sự bao vây cấm vận của các thế lực thù địch. Trên cương vị Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Trường Chinh cùng Trung ương Đảng, Nhà nước và Chính phủ vừa lãnh đạo nhân dân ta khắc phục khó khăn, vừa tích cực đẩy lùi cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch. Ngày 23-2-1979, tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sau khi nghe Thủ tướng Phạm Văn Đồng báo cáo về chiến sự ở biên giới nước ta, thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Trường Chinh kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước đoàn kết triệu người như một dưới sự lãnh đạo của Đảng quyết chiến, quyết thắng bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Ngày 23 và 24-4-1979, nhằm kịp thời động viên quân đội cả nước, thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Trường Chinh biểu dương các lực lượng vũ trang và đồng báo chiến sĩ các tỉnh biên giới đã anh dũng chiến đấu, biểu dương quân dân cả nước đoàn kết một lòng, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Vào thời gian này, nhu cầu cho quốc phòng tăng đột biến, tích lũy trong nước giảm sút, các nước xã hội chủ nghĩa cũng lâm vào khủng hoảng, nguồn viện trợ từ bên ngoài ít dần, làm cho nước ta rơi vào tình trạng sa sút về kinh tế. Vấn đề đặt ra là làm thế nào thoát khỏi khó khăn về kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân? Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) quyết định triệu tập Hội nghị lần thứ sáu họp từ ngày 15 đến 23-8-1979. Tham gia thảo luận tại Hội nghị, đồng chí Trường Chinh cho rằng, cần vận dụng các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải thực hiện nhiều biện pháp, chính sách mang tính quá độ. Từ tư tưởng chỉ đạo đó, đồng chí ủng hộ những cách làm mới và kiến nghị Trung ương một số chủ trương như phải sử dụng nhiều thành phần kinh tế, trong đó có cả kinh tế cá thể và kinh tế tư

bản tư nhân (ở miền Nam), thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, đồng thời phải coi trọng vận dụng quy luật giá trị và phải coi lương thực là vật tư chiến lược, v.v.. Những ý kiến của đồng chí Trường Chinh phù hợp với đa số ý kiến của các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và được thể hiện vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6.

Ngày 13-01-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị 100-CT/TW về mở rộng khoán đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, ngày 21-01-1981, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định 25-CP về ba phần kế hoạch của Chính phủ. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Quyết định 25-CP của Chính phủ, đánh dấu bước đột phá đầu tiên về đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta. "Đồng chí Trường Chinh đã đóng góp tích cực vào bước đi đầu tiên này"[(1)]. Tư duy đổi mới của đồng chí Trường Chinh tiến xa hơn khi đồng chí đi thực tế ở nhiều địa phương trong những năm 1980-1981 như Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định, Bến Tre, Tiền Giang và được thể hiện trong bài phát biểu tại phiên bế mạc kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa VII ngày 30-12-1981: "Biện pháp có ý nghĩa quyết định để chuyển biến tình hình kinh tế hiện nay là kiên quyết *đổi mới công tác quản lý kinh tế*, xóa bỏ lối quản lý hành chính quan liêu bao cấp, thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, gắn kế hoạch với kinh doanh; tổ chức ba cấp kế hoạch (đặc biệt ở cấp huyện); thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động"[(2)].

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (1982), đồng chí Trường Chinh tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị, giữ chức Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Vào những năm thập kỷ 80, mặc dù với nhiều nỗ lực, nền kinh tế nước ta tuy có một số tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Trước những khó khăn chồng chất của đất nước, đồng chí Trường Chinh có nhiều trăn trở, suy nghĩ tìm cách đưa đất nước thoát khỏi tình

(1) Xem Phan Diễn: *Đồng chí Trường Chinh với công cuộc đổi mới đất nước,* Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh

(2) Báo *Nhân Dân,* ngày 31-12-1981, tr.1.

thế khó khăn. Cuối năm 1982, đồng chí đã thành lập một nhóm các nhà khoa học để nghiên cứu những thành tựu và hạn chế trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khó khăn, tìm ra cách xoay chuyển tình hình trong xây dựng và phát triển đất nước. Đồng thời, đồng chí tổ chức các đoàn đi thực tế ở các địa phương nhằm tìm ra những bài học thành công và không thành công ở cơ sở, trên cơ sở đó đổi mới cách nghĩ, cách làm trong xây dựng đất nước. Từ năm 1983 đến năm 1985, tuy tuổi đã cao, nhưng đồng chí Trường Chinh vẫn đi khảo sát thực tế ở nhiều tỉnh trong cả nước như: Đắk Lắk, Gia Lai - Kon Tum, Lâm Đồng, Đồng Nai, Vũng Tàu - Côn Đảo, Long An, Nghĩa Bình, Quảng Nam - Đà Nẵng, Thành Phố Hồ Chí Minh, An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hà Sơn Bình, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh…

Cuối năm 1985 đầu năm 1986, tình hình kinh tế - xã hội nước ta càng khó khăn, đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải đánh giá đúng và có biện pháp xử lý kiên quyết, đúng đắn nhằm xoay chuyển tình thế, đưa hoạt động kinh tế - xã hội tiến lên theo các Nghị quyết Trung ương 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương khóa V đã đề ra. Để cụ thể hóa các nghị quyết trên, từ ngày 18 đến ngày 23-3-1986, Bộ Chính trị đã họp để thảo luận dự thảo Nghị quyết *Về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở*. Tại Hội nghị này, đồng chí Trường Chinh nhắc lại tư tưởng chiến lược là phải dứt khoát chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, nhưng về sách lược phải làm từng bước thận trọng, qua làm thử, sơ kết, tổng kết, mở rộng dần và phải bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ ngay trong từng bước. Những ý kiến của đồng chí Trường Chinh phần lớn được đưa vào Nghị quyết Bộ Chính trị. Nghị quyết này như một luồng gió mới thổi vào các đơn vị kinh tế cơ sở, tiếp thêm sức mạnh, tạo niềm tin và triển vọng phát triển.

Trong các cuộc họp vào cuối tháng 3, đầu tháng 4-1986, khi thảo luận vẫn còn có ý kiến khác nhau về các quan điểm kinh tế. Phát biểu tại Hội nghị Bộ Chính trị, ngày 18-5-1986, đồng chí Trường Chinh nêu rõ quan điểm: Đoàn kết là sức mạnh và truyền thống

quý báu của Đảng ta như Bác Hồ đã dạy, nhưng không có nghĩa là không có ý kiến khác nhau. Những ý kiến khác nhau, thông qua thảo luận, trao đổi thẳng thắn, có tinh thần trách nhiệm, sẽ dẫn đến sự nhất trí… Điều tuyệt đối tránh là không vì ý kiến khác nhau mà quy chụp, quy kết, nhất là quy kết về chính trị mà dẫn đến chia rẽ, bè phái. Điều đó chỉ có hại chứ không giúp gì cho sự đoàn kết, nhất trí"[(1)]. Những ý kiến đúng đắn và kiên định của đồng chí Trường Chinh đã góp phần quan trọng giúp cho Đảng ta giữ vững được định hướng đổi mới kinh tế đúng đắn và tránh được bước quanh co, dao động quay trở lại con đường quan liêu bao cấp. Thực tế cho thấy, quá trình hình thành đường lối đổi mới của Đảng không dễ dàng, mà phải trải qua đấu tranh gay gắt giữa cái cũ và cái mới. Đây là thử thách lớn lao và tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh của Đảng và của dân tộc mà đồng chí Trường Chinh sẵn sàng chấp nhận và vượt qua.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được chuẩn bị từ năm 1984. Cuối tháng 5, đầu tháng 6-1986, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V thảo luận, góp ý và thông qua dự thảo *Báo cáo chính trị lần thứ nhất* và chủ trương đưa dự thảo ra thảo luận ở Đại hội vòng 1 các cấp. Ngày 10-6-1986, giữa lúc toàn Đảng, toàn dân đang ra sức tháo gỡ khó khăn, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội và khẩn trương chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ VI, đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư của Đảng từ trần. Ngày 14-7-1986, Ban Chấp hành Trung ương họp phiên đặc biệt nhất trí bầu đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam. Lần thứ ba là Tổng Bí thư, đồng chí Trường Chinh ở tuổi 79. Trước sự chờ đợi của toàn Đảng, toàn dân trong thời điểm khó khăn của đất nước và dân tộc, đồng chí đã làm hết sức mình cho thành công Đại hội lần thứ VI của Đảng. Tháng 7-1986, sau khi tổng hợp ý kiến đóng góp của Đại hội Đảng bộ vòng 1 các cấp, đồng chí thấy dự thảo *Báo cáo chính trị* chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên

[(1)] Xem *Bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị Bộ Chính trị*, ngày 18-5-1986.

và nhân dân; chưa rút ra được những bài học cơ bản từ thực tế xây dựng đất nước; chưa đề ra được nội dung đổi mới về kinh tế có thể làm chuyển biến tình hình. Sau khi nghiên cứu dự thảo, đồng đề nghị dự thảo tiếp lần thứ hai và trực tiếp chỉ đạo công việc quan trọng này.

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị mà trực tiếp là Tổng Bí thư Trường Chinh, Tiểu ban văn kiện đã đi sâu nghiên cứu các vấn đề lớn về kinh tế còn nhiều ý kiến khác nhau như: về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư, về xây dựng quan hệ sản xuất mới với nền kinh tế nhiều thành phần, về cơ chế quản lý, v.v.. Từ ngày 7 đến ngày 10-7-1986, Hội nghị cán bộ cao cấp được triệu tập để nghiên cứu dự thảo *Báo cáo chính trị*. Tại Hội nghị, đồng chí Trường Chinh có bài phát biểu quan trọng về một số điểm trong dự thảo báo cáo. Theo đồng chí, nhiệm vụ nặng nề đặt ra cho Đại hội lần thứ VI của Đảng là phải tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc, trên cơ sở đó cụ thể hóa thêm đường lối, chủ trương mà Đại hội IV và V của Đảng đã đề ra. Đồng chí cho rằng: "Quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi chúng ta phải đổi mới trên nhiều mặt: *đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ. Đại hội lần thứ VI của Đảng phải đáp ứng yêu cầu đó*"[(1)]. Cũng tại Hội nghị, đồng chí nêu ba bài học kinh nghiệm quan trọng: *Một là:* Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng trước đây quan trọng, bây giờ càng quan trọng, đó là bài học lịch sử vô giá của cách mạng nước ta. *Hai là*: Tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng đúng đắn, hành động theo quy luật chính là cách đi lên chủ nghĩa xã hội đúng nhất và nhanh nhất, không có con đường nào khác. *Ba là:* Nhất thiết phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

Sau Hội nghị tháng 7-1986, trước những vấn đề lớn về kinh tế còn có ý kiến khác nhau, đồng chí Trường Chinh triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị và Ban Bí thư để thảo luận kỹ về ba vấn đề kinh tế thời kỳ quá độ: về cơ cấu kinh tế, về cải tạo xã hội chủ nghĩa và về cơ

[(1)] Báo *Nhân Dân*, ngày 26-7-1986.

chế quản lý kinh tế. Tại Hội nghị, đồng chí có bài phát biểu quan trọng về những nội dung trên. Bộ Chính trị đã thông qua Kết luận về những quan điểm kinh tế trên cơ sở bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh, đã tạo ra sự thống nhất quan điểm của cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng về những vấn đề quan trọng nhất, cơ bản nhất trong lĩnh vực kinh tế. Đây là sự đổi mới cực kỳ quan trọng về tư duy kinh tế của Đảng, là cơ sở để hình thành cơ chế quản lý mới, cơ cấu kinh tế mới. Kết luận của Bộ Chính trị còn là cơ sở để đổi mới, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng các văn kiện của Đại hội lần thứ VI của Đảng, đồng thời là căn cứ giải quyết những vấn đề trước mắt, đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Nhằm thu thập thêm những đóng góp của nhân dân vào văn kiện Đại hội VI, ngày 24-9-1986, đồng chí Trường Chinh đến dự và phát biểu tại Hội nghị đặc biệt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ngày 13-10-1986, đồng chí tới dự Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn quân lần thứ IV. Phát biểu tại Đại hội, đồng chí yêu cầu phải có những đóng góp thích đáng vào việc bổ sung, hoàn chỉnh *Báo cáo chính trị* sẽ trình Đại hội VI. Tiếp đó, ngày 17-10-1986, đồng chí tới dự Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội. Phát biểu tại Đại hội, đồng chí khẳng định: "Đối với nước ta, đổi mới càng là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn. Yêu cầu đó vừa là đòi hỏi bên trong của nền kinh tế nước ta, vừa phù hợp với xu thế đổi mới của thời đại. Chỉ có đổi mới cách nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ, chúng ta mới có khả năng thoát khỏi tình hình khó khăn gay gắt hiện nay"[(1)].

Từ ngày 17 đến 25-11-1986, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương họp để hoàn thành công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ VI. Đồng chí Trường Chinh khai mạc Hội nghị và dành nhiều thời gian thảo luận và giải đáp về dự thảo *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội VI. Sau Hội nghị, đồng

[(1)] Trường Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.66.

chí tiếp tục chỉ đạo hoàn chỉnh *Báo cáo chính trị* theo những vấn đề mà Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ ra. Đồng chí còn "trực tiếp chỉ đạo soạn thảo và đích thân sửa chữa từng câu, từng chữ trong dự thảo văn kiện"[1]. Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ và cụ thể của Tổng Bí thư Trường Chinh, kết quả của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa V có ý nghĩa quyết định đối với thành công của Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Đại hội lần thứ VI của Đảng họp chính thức từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986. Tại Đại hội, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày *Báo cáo chính trị*, phân tích và làm sáng tỏ với các luận điểm khoa học có giá trị lịch sử và đặt ra trước những người cộng sản Việt Nam về thái độ đối với việc đánh giá tình hình và xem đó như tiền đề cho việc giải quyết khó khăn và xây dựng quyết sách của Đảng. Mở đầu Báo cáo, đồng chí chỉ rõ: "Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là *nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*. Cùng với việc đánh giá đúng những thành tích đã đạt được, ở Đại hội này, chúng ta chú trọng kiểm điểm những mặt yếu kém, phân tích sâu sắc những sai lầm, khuyết điểm, vạch rõ nguyên nhân, nêu ra biện pháp khắc phục, xác định nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ"[2].

Trong Báo cáo, đồng chí Trường Chinh nêu những thành tựu đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm trong hoạt động của Đảng, Nhà nước: về đánh giá tình hình, xác định mục tiêu và bước đi; về bố trí cơ cấu kinh tế; về cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới, sử dụng các thành phần kinh tế; về cơ chế quản lý kinh tế; về phân phối lưu thông; về công tác tư tưởng, tổ chức và cán bộ… Với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, với tinh thần tự phê bình nghiêm túc và với trí tuệ của một nhân cách lớn, trong *Báo cáo chính trị* đồng chí nêu rõ:

---

[1] *Trường Chinh - Một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.26.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.12.

"Những sai lầm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng trước hết thuộc về trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng. Cần nhấn mạnh rằng, việc chậm bố trí đúng sự chuyển tiếp hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong những năm gần đây không đáp ứng những đòi hỏi của tình hình mới. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội"[1]. Đồng chí còn chỉ ra: "Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế - xã hội, bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân"[2]. Từ thực tiễn cách mạng nước ta, đồng chí nêu bốn bài học kinh nghiệm quý báu: *Một là*: Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc; *Hai là*: Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan; *Ba là:* Phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới; *Bốn là*: Phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cũng trong Báo cáo, đồng chí Trường Chinh xác định: "*Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo*"[3]. Đồng thời, đồng chí cũng nêu những mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới; tạo ra sự chuyển biến tốt về mặt xã hội; bảo đảm nhu cầu về quốc phòng, an ninh. Về phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội, đồng chí nêu rõ: "*Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc*

[1],[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.27.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr.42.

tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa"[1]. Đồng chí phân tích và nêu cụ thể các biện pháp lớn: về bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư; về xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất mới, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; về phát huy mạnh mẽ động lực khoa học, kỹ thuật; về mở rộng và nâng cao kinh tế đối ngoại; về thực hiện chính sách xã hội. Trong Báo cáo, đồng chí còn nêu rõ: nhiệm vụ chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; về phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; về nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước; về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Tổng Bí thư Trường Chinh còn thẳng thắn chỉ ra: "Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối lưu thông, v.v.. Đó là một nguyên nhân chậm phát triển và cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn, thực hiện những mục tiêu do Đại hội lần thứ VI đề ra"[2]. Kết thúc *Báo cáo chính trị*, với niềm tin vững chắc, đồng chí khẳng định: "Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu sự đổi mới quan trọng của Đảng trong lãnh đạo chính trị, tư tưởng, tổ chức và có ý nghĩa to lớn tăng cường hơn nữa khối đoàn kết, thống nhất của toàng Đảng. Trước mắt chúng ta có nhiều khó khăn, nhưng Đảng và nhân dân ta có những điều kiện cần thiết để khắc phục những khó khăn ấy, đưa sự nghiệp cách mạng vẻ vang tiếp tục tiến lên"[3].

---

[1],[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr.47, 125.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr.144.

Chiều ngày 17-12-1986, các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ đề nghị với Đại hội không tham gia ứng cử vì điều kiện sức khỏe. Đại hội nhất trí trao trách nhiệm cho ba đồng chí làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương và Tuyên dương công trạng: "Đoàn Chủ tịch đề nghị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng long trọng tuyên dương công trạng to lớn vì Đảng, vì dân của đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Đại hội nhiệt liệt biểu dương ba đồng chí là tấm gương chí công vô tư, trung với nước, hiếu với dân, là những cán bộ lãnh đạo kiên cường, giàu kinh nghiệm, những chiến sĩ cộng sản trung thực và ưu tú được toàn dân ta yêu quý, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, bạn bè ta trên thế giới kính trọng"[(1)]. Với những đóng góp to lớn về lý luận và thực tiễn, với trách nhiệm trong chuẩn bị các văn kiện và tổ chức thành công Đại hội lần thứ VI của Đảng, đồng chí Trường Chinh chính là *nhà thiết kế chiến lược của công cuộc đổi mới*.

Trong những tháng ngày làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Trường Chinh nhiều lần đến thăm và làm việc ở nhiều địa phương với bao tình cảm thân thương, đặc biệt là những nơi đã đùm bọc, che chở cho đồng chí trong những năm tháng trước Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp như Đồng Kỵ, Từ Sơn (Bắc Ninh), Hiệp Hòa (Bắc Giang), Tiên Thù, Phổ Yên, Định Hóa (Thái Nguyên), Xuân Đỉnh, Từ Liêm, Vạn Phúc, (Hà Nội), v.v.. Sau Đại hội lần thứ VI, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ban soạn thảo *Cương lĩnh* và *Chiến lược* do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh làm Trưởng ban, đồng chí Trường Chinh làm Phó trưởng ban. Đồng chí đã tích cực góp sức mình trong việc xây dựng *Cương lĩnh* và *Chiến lược* kinh tế - xã hội theo tinh thần đổi mới, chuẩn bị nội dung cho Đại hội lần thứ VII của Đảng. Ngày 30-9-1988, đồng chí Trường Chinh đang làm việc thì đột ngột qua đời.

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Sđd, tr.208.

Đồng chí Trường Chinh là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một chiến sĩ cộng sản kiên trung, khiêm tốn, mẫu mực, một trí tuệ sáng tạo, một nhân cách lớn, nhà tổ chức tài năng, nhà lãnh đạo chính trị kiệt xuất, nhà lý luận, nhà văn hóa lớn của Đảng và cách mạng Việt Nam. Ba lần trên cương vị Tổng Bí thư ở những thời điểm bước ngoặt của cách mạng, đồng chí đã có nhiều đóng góp to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đặc biệt là trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và khởi xướng công cuộc đổi mới. 81 tuổi đời, 63 năm hoạt động cách mạng kiên cường, liên tục, đồng chí Trường Chinh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng và của dân tộc Việt Nam cùng với những sự kiện trọng đại của cách mạng nước ta trong thế kỷ XX.

Đánh giá công lao của đồng chí Trường Chinh, *Điếu văn* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta nêu rõ: "Đồng chí luôn luôn là tấm gương sáng về tính kiên cường cách mạng, tính nguyên tắc và tổ chức kỷ luật, tình cảm chân thành với đồng bào, đồng chí, tính khiêm tốn, giản dị trong cuộc sống hằng ngày, cách làm việc khoa học, cẩn thận, cụ thể nhằm hiệu quả thiết thực. Đồng chí mất đi là một tổn thất lớn đối với chúng ta, nhưng cuộc đời cao đẹp của đồng chí, tài năng nhiều mặt của đồng chí sẽ sống mãi trong lòng nhân dân ta. Đạo đức mẫu mực của đồng chí mãi mãi là tấm gương quý báu đối với chúng ta"[(1)]. Do những cống hiến to lớn của Tổng Bí thư Trường Chinh đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và đối với sự nghiệp tăng cường đoàn kết quốc tế, đồng chí đã được Đảng và Nhà nước ta tặng Huân chương Sao Vàng, huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta và nhiều huân chương cao quý khác.

[(1)] *Trường Chinh - Một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Sđd, tr.18-19.

Tổng Bí thư Lê Duẩn

TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN

Đồng chí Lê Duẩn là một trong những chiến sĩ cách mạng tiền bối của Đảng, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí được giao phó nhiều trọng trách quan trọng của Đảng: Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí gắn liền với những bước ngoặt lịch sử của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Gần sáu mươi năm hoạt động cách mạng, đồng chí Lê Duẩn có nhiều đóng góp to lớn cho Đảng, cho cách mạng Việt Nam và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, nêu tấm gương sáng về ý chí kiên cường, cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cho hạnh phúc của nhân dân.

1. Kiên trì con đường đã chọn, nhà lãnh đạo lỗi lạc

Đồng chí Lê Duẩn có tên khai sinh là Lê Văn Nhuận, sinh ngày 07-4-1907 tại làng Bích La, tổng Bích La, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, nay là thôn Bích La, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, một vùng quê giàu truyền thống cách mạng. Thân phụ của đồng chí là ông Lê Văn Hiệp, thi đỗ Khóa sinh, nhưng không theo con đường khoa cử mà làm nghề thợ mộc, lập nghiệp ở làng Hậu Kiên. Thân mẫu của đồng chí là bà Võ Thị Đạo, quê ở xã Đầu Kênh, tổng Bích La. Chịu ảnh hưởng của quê hương, gia đình, ngay từ nhỏ, Lê Văn Nhuận đã tỏ ra là một người thông minh, trung thực, giàu lòng nhân ái và hiếu thảo. Tuy cuộc sống gia đình khó khăn, nhưng Lê Văn Nhuận vẫn được bố mẹ cho đi học chữ Hán và chữ quốc ngữ ở trong làng. Năm lên bẩy tuổi, Lê Văn Nhuận được

vào học ở Trường phủ Triệu Phong (Quảng Trị), sau đó vào học Trường Tiểu học Pháp - Việt tỉnh Quảng Trị.

Sau khi tốt nghiệp Tiểu học, về quê một thời gian, đầu năm 1926, Lê Văn Nhuận vào Đà Nẵng làm "gia sư" cho gia đình ông thông Tuân, rồi vào làm nhân viên hỏa xa ở ga Đà Nẵng và tham gia hoạt động cách mạng. Trong những năm 1925-1926, phong trào yêu nước ở Quảng Nam - Đà Nẵng phát triển khá mạnh. Trung tâm tuyên truyền cách mạng là *Nhóm Ái quốc* ở Bưu điện Đà Nẵng, thường nhận được sách báo bí mật và công khai từ trong Nam, ngoài Bắc và từ Pháp gửi về và thường cùng nhau đọc. Đồng chí Phan Văn Định kể lại: "Lúc đầu nhóm chúng tôi toàn là anh em lái xe, gồm các anh Nguyễn Hữu Tri, Nguyễn Bình, Phan Hữu Mỹ, Ba Hồng và tôi. Chúng tôi họp thành nhóm và thường xuyên liên hệ với nhóm anh Hiến để mượn sách báo. Một thời gian sau có một thanh niên với đôi mắt sắc, nét mặt cương nghị, da bánh mật, trạc 19 tuổi tới. Anh tự giới thiệu là Lê Nhuận và bảo thầy Tuân cho biết ở đây có phong trào thanh niên ái quốc, anh tìm đến để làm quen… Từ đó, nhóm lái xe chúng tôi sinh hoạt sôi nổi hơn"[(1)].

Lê Văn Nhuận sớm giác ngộ và tích cực tham gia các phong trào cách mạng, là thành viên tích cực của Nhóm Ái quốc ở Đà Nẵng. Vào những năm này, cùng với việc đòi trả lại tự do cho cụ Phan Bội Châu, phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh diễn ra sôi nổi khắp cả nước. Hòa vào phong trào chung, Lê Văn Nhuận cùng Nhóm Ái quốc công khai tổ chức những hoạt động chống bọn chủ người Pháp, đòi cải thiện đời sống thợ thuyền. Về sự kiện này, đồng chí Võ Nghiêm kể lại: "Một lần đi trên bờ sông Hàn, anh Nhuận xúc động nắm tay tôi nói: Dân mình cực khổ quá. Bọn Tây cai trị làm trời, làm đất. Biết anh nói đúng, nhưng tôi vẫn hỏi: Dân mình yếu đuối làm gì nổi? Anh nhìn thẳng vào mắt tôi, giọng đanh thép: Chỉ có cách đánh đuổi nó đi. Cứ dần dà anh đã giác ngộ cách mạng cho tôi. Tôi hỏi: Bây giờ phải làm gì? Anh nói: Phải tuyên truyền, vận động anh chị em, một mình làm không được, đông người làm mới

[(1)] *Buổi đầu gieo hạt (Tập hồi ký)*, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

nổi. Những người lao động phải hiệp lực lại đấu tranh để có tự do, không đói khổ nữa. Từ đấy, chúng tôi cùng anh Nhuận đi vận động công nhân, móc nối kíp gác ghi, tuyên truyền cách mạng cho anh em"[1]. Vào một ngày của năm 1927, chủ ga Đà Nẵng gọi Lê Văn Nhuận và một nhân viên nhà ga lên nói: "Chúng tôi cần có người ra Hà Nội. Các anh phải đi vì các anh là thanh niên, còn số người ở đây cao tuổi rồi. Thu xếp để chuẩn bị đi"[2]. Đối với Lê Văn Nhuận, đây là dịp tốt để mở rộng tầm nhìn và tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng.

Ra Hà Nội, Lê Văn Nhuận làm nhân viên thư ký đêpô thuộc Sở Hỏa xa Đông Dương, lấy tên là Lê Duẩn. Do chịu ảnh hưởng trực tiếp của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tháng 7-1928, những thành viên của Hội Phục Việt đã thành lập Tân Việt Cách mạng Đảng và xây dựng được nhiều cơ sở ở các tỉnh Trung Kỳ và một phần Bắc Kỳ. Đồng chí Lê Duẩn chính thức gia nhập *Tân Việt Cách mạng Đảng*, được phân công tuyên truyền, vận động thanh niên ngành đường sắt. Sau này, đồng chí kể lại: "Đối với thanh niên không có gì làm họ say mê bằng cách mạng. Khi còn trẻ, mỗi lần được ngồi ba, bốn người nói chuyện về cách mạng, chúng tôi thấy lòng phấn khởi như muốn bay, muốn nhảy, tưởng muốn đem sức mình lay chuyển cả đất trời mới hả dạ"[3].

Trước ảnh hưởng ngày càng rộng lớn của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhiều hội viên của Tân Việt Cách mạng Đảng chuyển sang hoạt động trong tổ chức của Hội Thanh niên. Cuối năm 1928, đồng chí Lê Duẩn gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, được phân công vận động, tuyên truyền công nhân ngành đường sắt. Do tính chất công việc, đồng chí có dịp đi lại nhiều nơi, gây dựng được nhiều cơ sở cách mạng, phát động quần chúng đấu tranh. Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ, Bí thư Thành ủy Hà Nội tiếp nhận đồng

---

[1],[2] *Hồi ký* của đồng chí Võ Nghiêm, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

[3] Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1978, tr.17.

chí Lê Duẩn về sinh hoạt tại Đảng bộ Thành phố. Từ một thanh niên giàu lòng yêu nước, đồng chí trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, thành một chiến sĩ cộng sản.

Sau Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 10-1930, một số cơ quan chuyên môn của Trung ương và Xứ ủy được củng cố. Đồng chí Lê Duẩn được phân công làm Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ, do đồng chí Trịnh Đình Cửu phụ trách. Từ đó, đồng chí rời Sở Hỏa xa Đông Dương bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Cơ quan Tuyên huấn của Xứ ủy Bắc Kỳ đặt trụ sở hoạt động ở Hải Phòng, đồng chí được giao phổ biến *Luận cương chính trị* do Tổng Bí thư Trần Phú khởi thảo cho các địa phương, biên soạn tài liệu, phát hành báo chí, truyền đơn và vận động quần chúng đấu tranh và có nhiều dịp làm việc với các đồng chí lãnh đạo của Đảng như Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong Sắc, Trần Văn Lan… Được tôi luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng, đồng chí trở thành một chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, chuyên nghiệp, gan góc, dày dạn kinh nghiệm.

Hoảng sợ trước cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh, thực dân Pháp mở các cuộc lùng sục, bắt bớ các chiến sĩ cộng sản. Tháng 4-1931, giữa lúc đang chuẩn bị phát động quần chúng đấu tranh nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5, đồng chí Lê Duẩn cùng với các đồng chí trong Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ như Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Thị Lệ, Triệu Thị Đính bị địch bắt tại ngôi nhà số 8, ngõ Quảng Lạc (Hải Phòng). Sau khi bị bắt, đồng chí bị giam ở Sở Mật thám Đông Dương, rồi Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Tại Nhà tù Hỏa Lò, đồng chí được gặp lại nhiều bạn bè, đồng chí như Nguyễn Tạo, Nguyễn Tuân Thức, Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Lan, Khuất Duy Tiến, Đặng Xuân Khu, Trần Văn Cung, Nguyễn Lương Bằng, Trần Ngọc Hải, v.v.. Trong tù, bất chấp xiềng xích, đòn roi tra tấn dã man và sự dụ dỗ của kẻ thù, đồng chí giữ vững khí tiết của người cộng sản.

Ra báo trong tù là nét đặc sắc trong cuộc đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản. Trong Nhà tù Hỏa Lò, những tờ báo *Lao tù tạp*

chí, Đuốc đưa đường, Con đường chính… lần lượt ra đời. Đồng chí Lê Duẩn tham gia viết bài, cất giấu tài liệu và tổ chức tuyên truyền. Trong nhà tù, một cuộc bút chiến diễn ra giữa những người tù cộng sản và Quốc dân Đảng. Những người tù cộng sản có hai tờ báo tham gia cuộc bút chiến là tờ *Đuốc đưa đường* do đồng chí Lê Duẩn làm chủ bút và tờ *Con đường chính* do đồng chí Trường Chinh làm chủ bút. Bằng những bài viết của mình, đồng chí tích cực góp phần phê phán hệ tư tưởng tư sản của nhóm tù Quốc dân Đảng, khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa cộng sản, bảo vệ đường lối cách mạng triệt để của Đảng ta. Những cuộc bút chiến đó đã tạo ra sự phân hóa hàng ngũ tù nhân Quốc dân Đảng, nhiều người đã có cảm tình với những người cộng sản, một số sau đó đã gia nhập Đảng Cộng sản.

Ngày 15-11-1931, Hội đồng Đề hình của thực dân Pháp xét xử 102 tù nhân, trong đó có 86 chiến sĩ cộng sản, đồng chí Lê Duẩn bị kết án 20 năm tù cấm cố và lần lượt bị giam ở các nhà tù Hỏa Lò, Sơn La, rồi Côn Đảo. Từ năm 1931 đến năm 1936, trong các nhà tù, đồng chí tích cực tham gia các cuộc đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc và tổ chức việc học tập chính trị, vừa học tập, nghiên cứu vừa hướng dẫn các các đồng chí khác học tập. Ngoài các tác phẩm kinh điển, đồng chí còn tìm đọc các tác phẩm văn học Xô viết và của các nhà văn tiến bộ trên thế giới. Bằng nghị lực và tính kiên trì học tập, ngoài tri thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng chí còn trang bị cho mình một vốn tri thức văn hóa phong phú và thường xuyên liên hệ, đối chiếu với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Sau này, đồng chí kể lại: "Khi còn ở ngoài đi làm cách mạng là do tình cảm thôi thúc, do yêu nước và căm ghét địch. Vào tù, nhờ biết tổ chức, chúng tôi được học, được đọc, do đó mới hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin và càng tin chắc cách mạng Việt Nam nhất định thắng"[(1)].

Năm 1936, do cuộc đấu tranh của nhân dân ta và thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp, chính quyền thực dân ở Đông Dương buộc phải trả tự do cho nhiều chiến sĩ cách mạng Việt

[(1)] Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Sđd, tr.366.

Nam, trong đó có đồng chí Lê Duẩn. Vừa ra khỏi nhà tù, đồng chí bắt liên lạc với tổ chức đảng và tiếp tục hoạt động, tham gia xây dựng phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Trung. Đồng chí đã nhanh chóng tập hợp được cán bộ cốt cán, chắp nối được các cơ sở đảng, đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân trong Mặt trận Dân chủ, đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Cuối năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Trị được thành lập gồm các đồng chí Lê Duẩn, Hồ Xuân Lưu, Nguyễn Hữu Khiếu, Trần Mạnh Quỳ. Tháng 2-1937, được tin phái viên của Chính phủ Nhân dân Pháp là G. Gôđa được cử sang Đông Dương điều tra tình hình sẽ đến Quảng Trị, đồng chí Lê Duẩn cùng các cựu chính trị phạm đã tổ chức nhân dân biểu tình "đón" G. Gôđa, đưa yêu sách đòi dân sinh, dân chủ, đòi cơm áo và hòa bình. Ngày 20-3-1937, Hội nghị cán bộ một số tỉnh Trung Kỳ quyết định thành lập Xứ ủy lâm thời gồm các đồng chí: Nguyễn Chí Diểu, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, do đồng chí Nguyễn Chí Diểu làm Bí thư. Cuối tháng 8 đầu tháng 9-1937, đồng chí Nguyễn Chí Diểu bị bệnh nặng đã ủy quyền cho đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy lâm thời. Tháng 3-1938, Xứ ủy Trung Kỳ chính thức được lập lại, đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư.

Cuối năm 1938, ở Pháp phái hữu lũng đoạn Chính phủ Mặt trận Nhân dân, ở Đông Dương bọn phản động thuộc địa ra tay đàn áp phong trào cách mạng. Là một chiến sĩ cộng sản dày dạn kinh nghiệm, đồng chí Lê Duẩn cùng với tập thể Xứ ủy kịp thời chỉ đạo các cấp bộ đảng ở Trung Kỳ chuyển vào hoạt động bí mật, tránh được tổn thất, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh trong tình hình mới. Có thể nói, phong trào cách mạng ở Trung Kỳ thời kỳ Mặt trận Dân chủ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Lê Duẩn phát triển mạnh, đã đào tạo, rèn luyện được nhiều cán bộ ưu tú đóng góp cho phong trào cách mạng của toàn xứ và cả nước sau này.

Năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp phát xít hóa bộ máy cai trị, thẳng tay khủng bố, đàn áp cách mạng Đông Dương. Những cuộc khám xét, bắt bớ diễn ra hằng ngày ở khắp mọi nơi. Theo yêu cầu của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đồng

chí Lê Duẩn từ Trung Kỳ chuyển vào Sài Gòn công tác. Đồng chí đã sát cánh cùng với Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ trực tiếp chuẩn bị những văn kiện để sớm triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 11-1939, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu họp ở 18 thôn Vườn Trầu, ngoại thành Sài Gòn. Dự Hội nghị có đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần… Hội nghị đề ra *Chiến sách mới* của Đảng, quyết định thành lập Mặt trận Phản đế Đông Dương thay Mặt trận Dân chủ, chuyển hướng cuộc đấu tranh cách mạng sang thời kỳ mới, là thời kỳ giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết. Tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn được bổ sung vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Sài Gòn là nơi tập trung cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, thực dân Pháp huy động lực lượng cảnh sát và mật thám đông đảo nhằm lùng sục, bắt bớ cán bộ và đàn áp phong trào cách mạng. Tháng 01-1940, đồng chí Lê Duẩn bị địch bắt ở Sài Gòn cùng một số cán bộ cao cấp của Đảng. Ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, nhưng do chưa đủ các điều kiện chín muồi để giành thắng lợi, cuộc khởi nghĩa bị dìm trong biển máu. Hàng nghìn chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước bị xử bắn hoặc bị giết hại, trong đó có các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến… Đồng chí Lê Duẩn bị tòa án thực dân kết án 10 năm tù, đày ra Côn Đảo lần thứ hai.

Những năm 1940-1945, Nhà tù Côn Đảo với nghĩa đầy đủ nhất của "địa ngục trần gian" mà chỉ trong hai năm 1941-1942, thực dân Pháp đã đày ra đây gần 4.000 tù nhân, phần lớn là các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước. Chúng tra tấn tù nhân dã man chưa từng thấy. Nói về cảnh tù đày ở đây, đồng chí Lê Duẩn kể lại: "Hồi đó, mỗi buồng khoảng 60 mét vuông, địch nhốt đến trăm bốn mươi, trăm năm mươi đồng chí. Chật chội, ngột ngạt đến khủng khiếp, muốn thở phải thay phiên nhau nằm gần cửa ra vào.

Chất tươi thì thiếu thốn vô cùng, bởi ngày nào cũng cơm hẩm, cá mục, cho nên được ăn một quả ớt hay một cọng rau xanh là sung sướng lắm rồi. Khi tắm thì mỗi người chỉ vẻn vẹn một lon nước. Đó là không kể chuyện bị đánh đập hằng ngày. Bọn địch đối xử với người tù hà khắc không sao kể hết được. Từ năm 1940 đến năm 1945, trong số một trăm mấy chục anh em giam cùng phòng với tôi, phần lớn đã chết dần, chết mòn, cuối cùng chỉ còn 15 đồng chí"[(1)].

Trong những ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, cùng với nhân dân cả nước, đồng bào Nam Bộ đồng loạt nổi dậy lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, lập chính quyền cách mạng. Ngày 17-9-1945, đồng chí Lê Duẩn cùng nhiều chiến sĩ cộng sản khác ở Nhà tù Côn Đảo được Ủy ban nhân dân Nam Bộ đón về đất liền. Nước nhà vừa giành được độc lập, thì đêm ngày 23-9-1945, được sự giúp sức của quân Anh, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí vừa ở tù ra không một ngày nghỉ ngơi lại bước vào trận chiến đấu mới. Cũng vào ngày này, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, anh dũng chống thực dân Pháp xâm lược. Ngày 25-10-1945, Hội nghị cán bộ Xứ ủy Nam Bộ họp ở Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho). Dự Hội nghị có các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Thị Thập, Trần Văn Giàu, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Linh… Hội nghị quyết định xây dựng cả Nam Bộ thành một chiến trường chống Pháp và bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Bí thư Xứ ủy lâm thời, nhưng đồng chí từ chối và đề cử đồng chí Lê Duẩn[(2)].

Tháng 01-1946, đồng chí Lê Duẩn và một số cán bộ chủ chốt của Nam Bộ được Trung ương điều ra Hà Nội công tác, đồng chí Phạm Hùng ở lại được phân công phụ trách Xứ ủy Nam Bộ lâm thời. Chuyến đi từ bưng biền Đồng Tháp Mười của đoàn đồng chí Lê Duẩn phải băng rừng, vượt suối và cuộc hành trình dài ngày bằng đường bộ và tàu hỏa ra Hà Nội đã làm cho đồng chí thấy rõ

---

(1) Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.16.

(2) Xem *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930-1954)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, t.1, tr.222.

sự cần thiết phải thiết lập và duy trì bằng được hệ thống giao thông liên lạc dọc theo chiều dài đất nước. Ra đến Hà Nội, lần đầu tiên đồng chí Lê Duẩn được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Người giữ lại làm việc luôn trong Bắc Bộ Phủ và dành cho những tình cảm trìu mến và săn sóc ân cần. Đồng chí trình bày với Người và Trung ương nhận định của mình về âm mưu thâm độc của thực dân Pháp là thôn tính toàn bộ nước ta, tuy phải thương lượng với ta, nhưng sớm muộn cuộc kháng chiến sẽ bùng nổ trong cả nước, cuộc chiến đấu của nhân dân ta sẽ lâu dài, gian khổ.

Từ ngày 25 đến ngày 27-5-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị với cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nam Bộ để bàn công tác củng cố lại Đảng bộ Nam Bộ. Hội nghị quyết định: "Ba đồng chí Duẩn, Thập, Châu được hội nghị cử vào Ủy ban cải tổ Đảng bộ Nam Bộ. Các đồng chí này phải về Nam Bộ cùng các đồng chí hiện hoạt động trong Nam lập thành Ủy ban cải tổ Đảng bộ Nam Bộ"[(1)]. Trở lại Nam Bộ, trước tiên đồng chí Lê Duẩn lo xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức đảng trong toàn xứ. Sau khi có thư của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và các cán bộ của Nam Bộ từ Hà Nội trở về, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn và Xứ ủy, hệ thống tổ chức đảng ở Nam Bộ được xây dựng và củng cố thêm một bước. Sau một thời gian chuẩn bị, cuối năm 1947, Đại hội đại biểu Xứ ủy Nam Bộ họp ở xã Nhơn Ninh, huyện Mộc Hóa, tỉnh Kiến Phong thuộc Đồng Tháp Mười. Những ý kiến của đồng chí Lê Duẩn tại Đại hội là những định hướng quan trọng cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Cũng tại Đại hội, đồng chí được bầu làm Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Tháng 9-1949, tại căn cứ ở miền Tây Nam Bộ, Hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ được triệu tập, đồng chí Lê Duẩn trình bày bản báo cáo có ý nghĩa lớn trong việc xác định nhiệm vụ, phương châm chiến lược, chiến thuật của quân và dân ta ở Nam Bộ. Từ đó, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ có bước phát triển vững chắc, vùng giải phóng ngày càng được mở rộng, góp phần vào thắng lợi chung của các chiến trường trên cả nước.

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.67.

Có thể nói, từ sau Đại hội đại biểu Xứ ủy Nam Bộ, trên cương vị Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn đã thực hiện một loạt chủ trương quan trọng như: mở rộng chiến tranh nhân dân; tịch thu ruộng đất của bọn thực dân Pháp và địa chủ Việt gian phản động tạm cấp cho dân cày nghèo; chỉ đạo phong trào đấu tranh ở đô thị; tăng cường và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất; tăng cường công tác xây dựng Đảng; giải quyết thành công vấn đề tôn giáo, nhất là đạo Cao Đài và Hòa Hảo; làm tốt công tác vận động nhân sĩ, trí thức. Riêng về vận động nhân sĩ, trí thức, đồng chí Võ Văn Kiệt kể lại: "Tôi cũng nghe được nhiều đồng chí lãnh đạo trong Khu ủy, Ủy ban hành chính kháng chiến Nam Bộ nói về anh. Mọi người kể cả các nhà trí thức Nam Bộ tầm cỡ như Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Nguyễn Thành Vĩnh, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Hưởng, Ngô Tấn Nhơn… đều nói về anh Ba với một thái độ kính phục và quý mến, gọi anh bằng biệt danh "Ông deux cents bougies", (nghĩa là "Ông hai trăm bugi") để diễn tả sức làm việc, sự sáng suốt, uyên bác của anh Ba. Bất cứ vấn đề gì, ở tầm nào, anh Ba cũng đều có thể thuyết phục được bên đối thoại"[(1)].

Tháng 02-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng khai mạc tại chiến khu Việt Bắc. Vì không ra dự được, đồng chí Lê Duẩn đã viết một tập tài liệu quan trọng góp ý với Đại hội Đảng. Đây là một bản tổng kết những bài học kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh cách mạng của Đảng ta qua các thời kỳ, trong đó đồng chí đầu tư trí tuệ nhiều về đường lối kháng chiến và thực tiễn cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Những ý kiến của đồng chí là đóng góp quý báu vào kho tàng lý luận của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam. Đại hội bầu vắng mặt đồng chí Lê Duẩn vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Trung ương bầu vào Bộ Chính trị. Đại hội quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí được phân công làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam.

[(1)] *Lê Duẩn - Một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cánh mạng Việt Nam (Hồi ký),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.56.

Trước nhiệm vụ của cuộc kháng chiến chống Pháp, theo yêu cầu của Trung ương, đồng chí Lê Duẩn và một số cán bộ ở Nam Bộ ra Việt Bắc. Cùng đi với đồng chí Lê Duẩn có đồng chí Nguyễn Văn Linh, người bạn tù trẻ tuổi của đồng chí Lê Duẩn năm xưa đã trở thành người cộng sản gần gũi, am hiểu cuộc sống và con người Nam Bộ, dày dạn kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng. Tháng 6-1952, đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh và một số cán bộ ra Việt Bắc theo đường Trường Sơn. Ngày 20-11-1952, đồng chí cùng đoàn cán bộ Nam Bộ tới An toàn khu Việt Bắc, đồng chí báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương về phong trào kháng chiến ở Nam Bộ. Thời gian ở Việt Bắc, đồng chí đóng góp nhiều ý kiến với Trung ương về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, dân vận cho cán bộ, đảng viên; đồng thời còn giảng bài tại Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc và các lớp huấn luyện cho nhân sĩ, trí thức kháng chiến. Vào một ngày đầu năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập đồng chí Lê Duẩn sang nhà của Người ở Tân Trào làm việc với Bộ Chính trị từ sáng đến 22 giờ đêm, được Người dặn dò, chỉ bảo ân cần. Sáng hôm sau, đồng chí chia tay vị lãnh tụ kính yêu và các đồng chí trong Bộ Chính trị trở lại Nam Bộ. Khoảng đầu tháng 3-1954, đồng chí vào đến vùng tự do Liên khu V. Sau khi làm việc với Ban Thường vụ Liên khu ủy, đồng chí ở lại Quảng Ngãi để tham gia phụ trách lớp chỉnh huấn chính trị cho cán bộ trung cao cấp của Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Với chiến thắng lịch sử ở Điện Biên Phủ, tháng 7-1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đất nước tạm thời bị chia làm hai miền. Nhận được chỉ thị của Trung ương, đồng chí Lê Duẩn đi gấp vào Nam Bộ. Dọc đường vào Nam, nhân dân khắp các địa phương tưng bừng đón chào hòa bình lập lại, còn những người tập kết ra Bắc giơ hai ngón tay vẫy chào người ở lại như nhắn nhủ sau hai năm sẽ trở về. Xót xa và thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của đồng bào khi mà đồng chí biết chắc rằng, kẻ thù sẽ xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, thẳng tay đàn áp cách mạng miền Nam, rắp tâm chia cắt đất nước ta. Đồng chí nhắc nhở các cấp bộ đảng phải tích cực đối phó với tình

hình xấu nhất. Lúc chia tay các đồng chí Liên Khu ủy Khu V để về Nam Bộ, đồng chí nghẹn ngào dặn lại đồng chí Nguyễn Chánh và Nguyễn Duy Trinh: "Phải chôn giấu vũ khí, đưa người và vũ khí lên xây dựng một số căn cứ ở Tây Nguyên, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc chiến đấu mới"[(1)].

Có thể nói, thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1945-1954, đồng chí Lê Duẩn thay mặt Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Nam Bộ. Hình ảnh người chiến sĩ cách mạng cao gầy, trong bộ quần áo bà ba, đi chân đất, chèo thuyền đi khắp các vùng kênh rạch để chỉ đạo phong trào, cho đến nay vẫn còn in đậm trong tâm trí nhiều cán bộ và người dân Nam Bộ. Nhờ giải quyết tốt nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra như: thống nhất và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; chấn chỉnh các lực lượng vũ trang; củng cố vững chắc khối liên minh công - nông - trí và thực hiện triệt để chính sách đại đoàn kết dân tộc, nên cuộc kháng chiến ở Nam Bộ mang tính chất toàn dân, toàn diện. Chiến trường Nam Bộ trở thành cuộc chiến tranh nhân dân điển hình, từng bước giành thắng lợi về chính trị, quân sự, góp phần vào chiến thắng chung của cả nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 07-9-1954 về chuyển hướng công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới và giải thể cơ quan Trung ương Cục miền Nam thành lập lại Xứ ủy Nam Bộ, tháng 10-1954, tại căn cứ Chắc Băng trong rừng U Minh (Cà Mau) diễn ra Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ do đồng chí Lê Duẩn chủ trì. Hội nghị nghe báo cáo về hoạt động chuyển quân tập kết, bàn về nhiệm vụ cụ thể và công tác đảng ở miền Nam. Hội nghị bầu Xứ ủy Nam Bộ gồm các đồng chí: Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư; Phạm Hữu Lầu, Phó Bí thư; Hoàng Dư Khương, Thường trực. Các đồng chí trong Ban Thường vụ gồm Phan Văn Đáng, Lê Toàn Thư, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Văn Linh, Phạm Thái Bường, Nguyễn Minh Đường. Các đồng chí Ủy viên là Phạm Văn Xô, Phan Đức,

[(1)] *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương cục miền Nam (1954-1975),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.35.

Văn Viên. Các đồng chí Ủy viên dự khuyết là Võ Văn Kiệt, Võ Văn Khánh, Mai Chí Thọ. Hội nghị thành lập Xứ ủy Nam Bộ là hội nghị lần thứ nhất mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ và cũng là kết thúc nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam để chuẩn bị chuyển hướng hoạt động của Đảng bộ Nam Bộ bước vào giai đoạn mới.

Thời gian 300 ngày cho kế hoạch chuyển quân tập kết đã gần hết, chỉ còn khu tập kết cuối cùng ở thị trấn Sông Đốc. Vào một buổi tối tháng 01-1955, trước sự chứng kiến của Ủy ban Giám sát quốc tế, đồng chí Lê Duẩn cùng các đồng chí Lê Đức Thọ, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Hưởng, Phạm Văn Bạch… lên chiếc tàu biển của Ba Lan để tập kết ra Bắc, đó là chuyến tập kết áp chót. Một cuộc tiễn đưa cảm động được tổ chức trên cầu tàu. Đông đảo bà con đến tiễn đưa, người nào nét mặt cũng đượm buồn, nhiều người đã khóc. Tàu kéo còi rời bến, đồng chí Lê Duẩn ôm hôn, chia tay với các đồng chí tập kết ra Bắc và căn dặn đồng chí Lê Đức Thọ: "Anh ra thưa với Bác là tất cả đồng bào, đồng chí ở trong này đều mong Bác sống lâu, mạnh khỏe. Cho tôi gửi lời chào Bác, anh Trường Chinh và tất cả các anh ngoài đó. Tình thế này thì dễ đến mười tám, hai mươi năm nữa anh em ta mới lại gặp nhau"[(1)]. Khoảng 12 giờ đêm, khi tàu chuẩn bị nhổ neo, đồng chí Cao Đăng Chiếm và Văn Viên dùng đò bí mật đón đồng chí Lê Duẩn trở lại đất liền.

Ở lại miền Nam, đồng chí Lê Duẩn đã có nhiều suy nghĩ, trăn trở về cách mạng miền Nam. Đồng chí đã kiên định với nhận định Mỹ và tay sai không bao giờ chịu hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước; kẻ thù sẽ dùng bạo lực đàn áp, khủng bố nhân dân ta, hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Đúng như nhận định của đồng chí, sau khi củng cố được thế lực, chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm xé bỏ Hiệp định Giơnevơ. Tại miền Nam, chúng dồn dân vào các khu "dinh điền", mở hàng loạt chiến dịch "tố cộng ", "diệt cộng", lê máy chém trên khắp miền Nam, gây nên cảnh tang tóc, đau thương. Hàng vạn cán bộ, đảng viên, quần chúng cốt cán bị chúng chém giết, tra tấn rất dã man với âm mưu tiêu diệt những

---

(1) *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương cục miền Nam (1954-1975)*, Sđd, tr.57.

người cộng sản, xóa ảnh hưởng của cách mạng và kháng chiến. Trong thời gian này, đồng chí Lê Duẩn đã lặn lội nhiều vùng nông thôn từ miền Tây, miền Đông, miền Trung Nam Bộ đến các trung tâm thành phố lớn Sài Gòn, Đà Lạt... Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, quân và dân Nam Bộ đã bám trụ hoạt động kiên cường.

Tháng 11-1955, đồng chí Lê Duẩn rời căn cứ địa U Minh về Bến Tre. Đồng chí chọn Bến Tre, một tỉnh có truyền thống kiên cường trong kháng chiến chống Pháp, có vị trí thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở cách mạng. Thực hiện chủ trương của Xứ ủy và chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn, Đảng bộ Bến Tre đã xây dựng được một lực lượng chính trị đông đảo, trong đó chị em phụ nữ chiếm 80%. Cùng lực lượng chính trị, những đội vũ trang bí mật cũng được xây dựng, đã hỗ trợ tích cực các cuộc đấu tranh chống khủng bố, bảo vệ cơ sở cách mạng. Cũng từ thế đứng của phong trào cách mạng ở Bến Tre, tháng 12-1956, đồng chí Lê Duẩn đã cùng tập thể Xứ ủy Nam Bộ phác thảo phương hướng đi lên của cách mạng miền Nam. "Do nhu cầu của cách mạng miền Nam, trong chừng mực nào đó cần phải có lực lượng vũ trang tự vệ tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó làm cách mạng lật đổ Mỹ - Diệm, con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là phải dùng bạo lực khởi nghĩa giành chính quyền"[(1)].

Ngày 14-7-1956, đồng chí Lê Duẩn rời Bến Tre lên Sài Gòn. Đến tháng 8-1956, tại căn nhà số 29, Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, quận 1 (Sài Gòn), đồng chí Lê Duẩn đã hoàn thành *Đề cương cách mạng miền Nam*. Bản *Đề cương* xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là trực tiếp đánh đổ chế độ độc tài, phát xít Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ. Từ xác định mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, hình thức và khả năng phát triển của cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: "Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có một con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng

[(1)] *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975),* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr.33.

không có một con đường khác"[1]. Đây là một văn kiện quan trọng góp phần chuẩn bị cơ sở lý luận và tư tưởng chính trị để hình thành Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng theo tinh thần của *Đề cương*. Cuối tháng 4-1957, đồng chí Lê Duẩn được Trung ương điều ra Bắc nhận nhiệm vụ mới. Có thể nói, cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Duẩn gắn liền với những chuyến đi, những cuộc chia tay với bạn bè, đồng chí, người thân.

Sau khi ra Hà Nội, đồng chí Lê Duẩn báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị về tình hình cách mạng miền Nam, trình bày những đề xuất của đồng chí và của Đảng bộ miền Nam về con đường cách mạng miền Nam. Đồng chí được Bộ Chính trị phân công làm nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh giải quyết công việc chung của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Tại Hội nghị Bộ Chính trị họp ngày 25-7-1957, khi bàn về chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã nhất trí cử Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban chuẩn bị Báo cáo chính trị, đồng chí Lê Duẩn làm Phó Trưởng ban. Sau cuộc họp này, đồng chí trực tiếp gặp gỡ cán bộ các ngành, các cấp, đi khảo sát một số địa phương để tìm hiểu tình hình, thường xuyên làm việc với Ban soạn thảo Báo cáo chính trị. Tại phiên họp đặc biệt của Bộ Chính trị ngày 7-10-1957, đồng chí được Bộ Chính trị phân công làm người giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh điều hành công việc hằng ngày của Ban Bí thư. Nhằm tăng cường sức mạnh bộ máy lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn, trong các ngày 8, 10 và 14-10-1957, Bộ Chính trị họp bàn về công tác kiện toàn tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cơ quan của Đảng và Chính phủ. Sau khi kiện toàn một bước các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đồng chí Lê Duẩn đã chủ trì nhiều Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về công tác tư tưởng.

Với kinh nghiệm nhiều năm hoạt động tại chiến trường miền Nam, đồng chí Lê Duẩn được Trung ương Đảng phân công trực tiếp chỉ đạo soạn thảo *Đề án cách mạng miền Nam*. Trên cơ sở *Đề*

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.17, tr.785.

cương cách mạng miền Nam mà đồng chí đã khởi thảo khi còn ở miền Nam, đồng chí tập trung nhiều công sức, trí tuệ để tìm ra giải pháp cơ bản cho cách mạng miền Nam. Đồng chí đã cùng với những người cộng sự bước đầu tổng kết thực tiễn đấu tranh đầy khó khăn, gian khổ của đồng bào, chiến sĩ miền Nam, nghiên cứu những kiến nghị khẩn thiết của một số cán bộ và cấp ủy đảng, tham khảo kinh nghiệm, trao đổi ý kiến với các nhà lãnh đạo một số đảng anh em, đồng chí thấy rõ, trong Trung ương cũng như trong cán bộ chủ chốt còn có ý kiến khác nhau, nhất là quan điểm của Đảng ta và của một số đảng anh em có khoảng cách khá lớn. Để tạo ra sự nhất trí cao, đồng chí dành nhiều công sức và trí tuệ, thảo luận nhiều lần với các đồng chí tham gia dự thảo và trong các cuộc họp Bộ Chính trị. Sau hai năm soạn thảo, qua nhiều lần sửa chữa, bổ sung, *Đề án* đã hoàn thành để trình Ban Chấp hành Trung ương. Có thể nói, được Trung ương phân công phụ trách công việc chung của Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã hoàn thành một cách xuất sắc vai trò người chuẩn bị những quyết sách chiến lược về nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước cũng như nhiệm vụ cụ thể của cách mạng hai miền để báo cáo Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị trước khi đưa ra trình Hội nghị Trung ương 15 khoá II và Đại hội lần thứ III của Đảng.

Tháng 01-1959, Hội nghị lần thứ 15 (đợt 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II họp bàn về đường lối cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Duẩn trình bày bản *Đề án*. Sau hai tuần thảo luận, Hội nghị cơ bản nhất trí về chiến lược cách mạng và về con đường tiến lên của cách mạng miền Nam là phải đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Nhưng đấu tranh vũ trang ở mức độ nào vẫn còn ý kiến khác nhau, nhất là sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm tiếp tục đẩy mạnh chống phá phong trào cách mạng miền Nam, tàn sát dã man những người yêu nước. Từ ngày 10 đến 15-7-1959, Hội nghị Trung ương 15 tiếp tục họp (đợt 2) nhất trí thông qua Nghị quyết, trong đó xác định: "Cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Hai nhiệm vụ chiến lược đó tuy tính chất khác nhau, nhưng quan hệ hữu cơ với nhau, song song tiến hành, ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau, trợ lực mạnh mẽ cho nhau"[1]. Về cách mạng miền Nam, Nghị quyết ghi rõ: "Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"[2]. Quan điểm của đồng chí Lê Duẩn về con đường của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền, đó là "kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, ta có thể động viên 14 triệu nhân dân miền Nam đánh địch bằng mọi phương tiện, mọi hình thức, tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn"[3].

Nghị quyết 15 ra đời phản ánh đúng yêu cầu của lịch sử, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của cách mạng miền Nam, đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng thành cuộc *Đồng khởi* trên khắp miền Nam trong những năm 1959-1960. Thắng lợi của cao trào *Đồng khởi*, cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển lên thế tiến công, giáng những đòn đích đáng đối với cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Nghị quyết cũng đã giải quyết được nhiều vướng mắc trong tư tưởng chỉ đạo suốt mấy năm liền mà các Hội nghị Trung ương và Bộ Chính trị trước đó chưa tháo gỡ được. Để đi đến những kết luận quan trọng trong Nghị quyết 15, trong suốt quá trình chỉ đạo chuẩn bị Đề án cũng như trong quá trình thảo luận tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn đã phân tích tỉ mỉ, toàn diện nhiều vấn đề thực tiễn quan trọng để đưa vào Nghị quyết. Với cương vị là người trực tiếp phụ trách công tác miền Nam của Đảng và trực tiếp soạn thảo *Đề cương*, đồng chí Lê Duẩn đã có những đóng góp to lớn, trực tiếp cho sự ra đời của Nghị quyết 15, góp phần đưa cách mạng miền Nam chuyển lên một bước phát triển mới.

---

[1],[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.20, tr.62,81.

[3] Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Sđd, tr.179.

Đối với cách mạng ở miền Bắc, đồng chí Lê Duẩn thường xuyên quan tâm đến phát triển kinh tế. Bàn về kế hoạch ba năm 1958-1960, đồng chí chỉ rõ, mục tiêu chính là hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là cải tạo nông nghiệp, đồng thời bước đầu phát triển sản xuất nông, công nghiệp để cải thiện một bước đời sống nhân dân. Nông nghiệp có vai trò rất quan trọng, bởi nếu có chiến tranh trong cả nước, miền Bắc phải là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam thì nông nghiệp lại càng quan trọng. Vì vậy, phải phát triển các tổ đổi công, rồi đưa dần các tổ đổi công lên hợp tác xã theo nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Về công nghiệp, ngoài một số công trình về điện, về công nghiệp nhẹ, cần nghiên cứu kế hoạch để sớm triển khai công nghiệp đóng tàu và gang thép, đồng thời phải có kế hoạch phát triển tiểu thủ công ở thành thị và nông thôn. Đồng chí chú ý nhiều đến phát triển giao thông vận tải như làm đường sắt Thanh Hóa - Vinh, các đường 21, 41, v.v., đồng thời thường xuyên quan tâm xây dựng Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Việt Trì, Thái Nguyên thành những thành phố công nghiệp. Đối với nông thôn, đồng chí nhắc nhở, cần có kế hoạch xây dựng các cơ sở y tế, trường học, nhà văn hóa, đường xá. Đối với thương nghiệp, đồng chí lưu ý, phải gắn thương nghiệp với công nghiệp và nông nghiệp, dùng thương nghiệp thúc đẩy công, nông nghiệp phát triển. Trong lãnh đạo kinh tế, cần nắm vững phương châm tích cực, vững chắc, chống bảo thủ, chủ quan. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa phải làm tích cực, tránh gò ép, mệnh lệnh, máy móc. Để thực hiện kế hoạch ba năm cần phát động phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, v.v..

2. Trên cương vị Bí thư thứ nhất, một tư duy sáng tạo lớn

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng nước ta, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được triệu tập, họp từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960 tại Thủ đô Hà Nội. Tại Đại hội, đồng chí Lê Duẩn đọc *Báo cáo chính trị*, trong đó phân tích rõ nhiệm vụ cách mạng ở hai miền thuộc hai chiến lược khác nhau, đều nhằm một

mục tiêu chung là thống nhất đất nước. *Báo cáo chính trị* tại Đại hội lần thứ III của Đảng là trí tuệ của toàn Đảng, trong đó đồng chí Lê Duẩn đóng góp rất quan trọng, kể từ khi đồng chí được cử vào Ban chuẩn bị Đại hội. Các văn kiện của Đại hội phản ánh ý chí, nguyện vọng và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đại hội đã bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương.

Để cụ thể hóa đường lối Đại hội III của Đảng đối với cách mạng ở miền Bắc, Đồng chí Lê Duẩn tham gia các Hội nghị Trung ương 5 bàn về phát triển nông nghiệp (tháng 7-1961), Hội nghị Trung ương 7 mở rộng bàn về phát triển công nghiệp (tháng 6-1962) và Hội nghị phổ biến Nghị quyết Trung ương 8 (tháng 5-1963). Phát biểu tại Hội nghị Trung ương 8, đồng chí Lê Duẩn đánh giá toàn diện sự lãnh đạo xây dựng kinh tế, trong đó nhấn mạnh: "Khuếch trương những thắng lợi to lớn đã giành được, phát huy những thuận lợi rất cơ bản của chế độ ta và của nền kinh tế mới, chúng ta quyết đem hết tinh thần và lực lượng để khắc phục khó khăn, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất"[(1)]. Tháng 12-1964, Hội nghị Trung ương 10 khóa III đã bổ sung đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc. Đó là xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Đây là cơ sở lý luận để Đảng ta xác định đường lối xây dựng đất nước nhiều năm sau đó. Với cương vị Bí thư thứ nhất, đồng chí Lê Duẩn đã cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân miền Bắc giành những thắng lợi quan trọng trong xây dựng miền Bắc vững mạnh, chi viện đắc lực cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Về cách mạng miền Nam, từ năm 1961, đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Đồng chí Lê Duẩn cùng Trung

[(1)] Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, t.1, tr. 339-340.

ương Đảng hoạch định đường lối chiến lược, phương pháp cách mạng và chỉ đạo chặt chẽ cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam. Trong những năm 1961-1965, đồng chí đã viết nhiều bài, thư, điện gửi Đảng bộ và các đồng chí lãnh đạo ở miền Nam, giải thích, hướng dẫn thực hiện các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị nhằm đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Đồng chí khẳng định: "Cách mạng miền Nam không tiến hành bằng cách trường kỳ đấu tranh vũ trang, lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến lên dùng lực lượng quân sự giải phóng toàn bộ đất nước như Trung Quốc đã làm, mà đi *con đường của Việt Nam, nghĩa là có khởi nghĩa bộ phận, lập căn cứ địa, có chiến tranh du kích, rồi tiến lên tổng khởi nghĩa*, chủ yếu dùng lực lượng chính trị có phối hợp với lực lượng vũ trang để giành chính quyền về tay nhân dân"[(1)]. Với sự chỉ đạo sát sao của đồng chí, quân và dân miền Nam lần lượt đánh bại các chiến lược quân sự của Mỹ và tay sai, tiêu biểu là chiến thắng Ấp Bắc (tháng 1-1963), Bình Giã (cuối năm 1964 đầu năm 1965). Những đòn tiến công quân sự của bộ quân chủ lực đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị, phong trào nổi dậy của quần chúng phá tan từng mảng lớn "ấp chiến lược" của Mỹ - ngụy. Đến cuối năm 1964 đầu năm 1965, nội bộ ngụy quyền Sài Gòn mâu thuẫn gay gắt, lung lay, rệu rã, chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị phá sản.

Ngày 05-8-1964, Mỹ gây ra "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" và từ năm 1965, chúng tiến hành đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân, cả nước có chiến tranh. Ở miền Nam, trước sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ", đưa quân viễn chinh Mỹ và quân một số nước vào miền Nam, nhằm cứu nguy cho ngụy quyền Sài Gòn. Trong thời điểm quyết liệt này, đồng chí Lê Duẩn đã phân tích và đưa ra những nhận định sáng suốt: Ở miền Nam, "ba thứ quân đã được hình thành; ba vùng chiến lược đã được xây dựng và củng cố. Dân quân du kích, bộ đội địa phương tỉnh, huyện đã đứng chân vững ở khắp nơi; bộ đội chủ lực đang được xây dựng thành những

[(1)] Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.31-32.

quả đấm mạnh và đã chiếm lĩnh các vị trí chiến lược trọng yếu. Trên khắp chiến trường, chiến tranh du kích phát triển cao; ta đã giành được thế chủ động và đang tiến công địch"[1]. Ở miền Bắc, ta đánh thắng hiệp đầu chiến tranh phá hoại của Mỹ và đang hoàn thiện thế trận để đánh thắng những bước leo thang mới của chúng. Từ sự phân tích trên, đồng chí Lê Duẩn kết luận: Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta từ đây chuyển sang giai đoạn mới. Cả dân tộc ta đang bước vào một cuộc chiến đấu vô cùng gay go, gian khổ, quyết liệt. Cường độ chiến tranh sẽ tăng lên, gây cho ta những khó khăn lớn. *Song lực lượng so sánh địch ta trong cả nước cũng như ở miền Nam về cơ bản không thay đổi*. Vì thế ta *cần và có thể giữ vững và phát huy thế chiến lược tiến công* để đánh địch và thắng địch trên chiến trường chính miền Nam.

Sau Hội nghị Trung ương 11 (tháng 3-1965), để triển khai nhanh việc chuyển hướng xây dựng miền Bắc trong tình hình cả nước có chiến tranh, đồng chí Lê Duẩn cùng Bộ Chính trị, Ban Bí thư khẩn trương nghiên cứu và ra một số nghị quyết về các mặt công tác cụ thể như: Nghị quyết về tăng cường công tác giao thông vận tải thời chiến (tháng 5-1965), Chỉ thị về chuyển hướng công tác phụ nữ (tháng 6-1965), Chỉ thị về chuyển hướng công tác tài chính (tháng 6-1965). Tháng 7-1965, Ban Bí thư triệu tập Hội nghị cán bộ bàn về biện pháp chuyển mọi hoạt động của miền Bắc sang thời chiến.

Tháng 12-1965, Hội nghị Trung ương 12 họp đề ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam. Hội nghị có ý nghĩa lịch sử quan trọng, quyết định những vấn đề cơ bản của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là ánh sáng soi đường cho quân và dân ta tiến lên đánh bại đế quốc Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Ở miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục, được sự tăng viện của hậu phương miền Bắc, các lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị phát triển nhanh chóng, sẵn sàng bước vào vào cuộc đọ sức quyết liệt với quân Mỹ và tay sai. Sau chiến thắng ở Núi Thành

[1] Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.118.

(tháng 5-1965), ở Vạn Tường (tháng 8-1965), quân và dân miền Nam bước vào Thu Đông năm 1965 với những trận đánh phủ đầu giành thắng lợi giòn giã ở Plâyme, Tây Nguyên và ở Đất Cuốc, Bầu Bàng, Dầu Tiếng thuộc miền Đông Nam Bộ, tiêu diệt nhiều quân Mỹ.

Từ thắng lợi bước đầu đó, quân dân miền Nam chủ động tiến lên đánh thắng cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 của quân Mỹ, bẻ gãy hàng loạt cuộc phản công lớn, tiêu diệt lớn, trong đó có cuộc hành quân "Năm mũi tên" của địch đánh vào các tỉnh ven biển miền Trung và ba cuộc hành quân "Tìm diệt" đánh vào Củ Chi, Thủ Dầu Một, Tây Ninh. Ở thành thị, công nhân, học sinh, sinh viên, phật tử xuống đường chống chính sách xâm lược của Mỹ. Tại Đà Nẵng, đồng bào nổi dậy, tiến lên làm chủ thành phố trong 76 ngày đêm (từ ngày 10-3 đến hết tháng 5-1966). Tháng 6-1966, ta mở chiến dịch Đường 9 - Bắc Quảng Trị, phá vỡ ý định của Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ muốn đưa quân Mỹ vào vùng đồng bằng sông Cửu Long và kế hoạch đánh ra Nam Khu IV. Trên khắp các chiến trường, ta đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, kiên trì đấu tranh chính trị, đánh bại liên tiếp ba cuộc hành quân lớn của quân Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, nhất là đánh bại cuộc hành quân Gianxơn Xty, cuộc hành quân lớn nhất của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ta còn giành thắng lợi trên các chiến trường Bắc Tây Nguyên, Tây Khu V, Đường số 9; kết hợp tiến công cả về quân sự và chính trị ở các chiến trường đồng bằng Nam Bộ, Khu V, Trị Thiên. Lực lượng tinh nhuệ của ta đánh nhiều mục tiêu trọng yếu trong các thành phố lớn ở miền Nam.

Cũng từ sau khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả nước, ngay từ Hội nghị Trung ương 11 (tháng 3-1965), đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: "Ngoại giao trở thành một công tác quan trọng, nhưng ngoại giao chỉ thắng lợi khi cách mạng ta thắng lợi. Nói vậy để đề phòng sai lầm là không tin vào sức ta lại đi tìm ngoại giao cho cái gì thần bí về thương lượng"[(1)]. Tháng 4-1965, đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta sang thăm hữu nghị Liên Xô và

[(1)] *Biên bản Hội nghị Trung ương 11,* Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

Trung Quốc. Hoạt động tích cực của đồng chí đã đem lại kết quả quan trọng, Liên Xô, Trung Quốc tiếp tục ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược. Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ trong đường lối đối ngoại, đồng thời kiên trì thực hiện đoàn kết quốc tế với tinh thần trong sáng, có lý có tình, Đảng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, đã thực hiện được mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết, ủng hộ Việt Nam chống Mỹ, trong đó có vai trò đóng góp của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn.

Tháng 6-1967, Bộ Chính trị họp bàn nhất trí với nhận định của đồng chí Lê Duẩn: "Những thắng lợi toàn diện, to lớn mà quân dân ta giành được trên cả nước đã làm thất bại về quân sự của Mỹ, tác động mạnh mẽ tới tình hình nước Mỹ, đặc biệt khi nước Mỹ đang tiến tới bầu cử Tổng thống nhiệm kỳ mới vào năm 1968". Căn cứ vào tình hình trên, tháng 12-1967, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Duẩn và Bộ Chính trị họp ra Nghị quyết về Tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào dịp Tết Mậu Thân 1968 và được Hội nghị Trung ương 14 (18-01-1968) thông qua. Sau Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn có thư gửi Trung ương Cục và Quân ủy Cục miền Nam. Thực hiện Nghị quyết của Trung ương, đúng đêm giao thừa mùng 1 Tết Mậu Thân năm 1968, quân và dân ta đồng loạt tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, tiến công vào 4 thành phố, 37 thị xã, hàng trăm thị trấn, đánh vào hầu hết cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy, trong đó có những trận gây chấn động lớn như đánh vào Tòa đại sứ Mỹ, Dinh Độc Lập, Bộ Tổng Tham mưu ngụy ở Sài Gòn và làm chủ thành phố Huế trong 25 ngày đêm… Nắm vững thời cơ, quần chúng nhân dân ở hầu khắp các vùng nông thôn được sự giúp sức của lực lượng vũ trang đã nổi dậy, phá tan từng mảng lớn hệ thống kìm kẹp của ngụy quyền ở cơ sở. Sau cuộc tổng tiến công, ta còn tiếp tục tổ chức một số đợt tiến công nữa vào các thành thị, nhưng kết quả hạn chế.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 đã tạo ra bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khởi đầu quá trình đi xuống về chiến lược chiến tranh xâm lược của

đế quốc Mỹ. Ngày 01-11-1968, Mỹ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá miền Bắc nước ta, đánh dấu sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Đế quốc Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh và chuyển sang thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhằm từng bước rút quân Mỹ về nước. Tháng 4-1969, Bộ Chính trị họp ra nghị quyết khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta là phát triển chiến lược tiến công, làm thất bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta diễn ra quyết liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ kính yêu của Đảng và dân tộc ta từ trần. Bộ Chính trị đã triệu tập phiên họp toàn thể đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương ra *Thông cáo đặc biệt* và *Lời kêu gọi* cán bộ đảng viên, đồng bào chiến sĩ cả nước và thành lập Ban tang lễ do đồng chí Lê Duẩn làm Trưởng ban. Sáng 09-9-1969, tại Lễ truy điệu, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc *Điếu văn* nêu bật công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó khẳng định: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta, và non sông đất nước ta"[(1)], đồng thời kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân: "Hãy nén đau thương, anh dũng phấn đấu, hăng hái vươn lên, đạp bằng trở lực, chông gai, quyết tâm đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược"[(2)].

Tháng 02-1970, nhân kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng, đồng chí Lê Duẩn viết tác phẩm *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Đây là tác phẩm đặc sắc về lý luận cách mạng, là sự ghi nhận quá trình Đảng ta tổng kết kinh nghiệm cách mạng Việt Nam. Nội dung tác phẩm là kết tinh trí tuệ của Đảng và nhân dân ta qua nhiều thập kỷ đấu tranh. Tác phẩm trở thành tài liệu học tập cho các tổ chức đảng, cho cán bộ, đảng viên và toàn dân ta. Những tư tưởng của tác phẩm

[(1),(2)] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.627, 631.

được khẳng định trong nhiều văn kiện, nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, thể hiện tính đúng đắn, sáng tạo và hiệu quả trong chỉ đạo thực tiễn những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Tháng 5-1971, Hội nghị Bộ Chính trị do đồng chí Lê Duẩn chủ trì, xác định nhiệm vụ chiến lược 6 tháng cuối năm 1971 và cả năm 1972 là đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế tiến công chiến lược mới trên toàn chiến trường miền Nam và trên cả chiến trường Đông Dương, làm thất bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", bẻ gãy một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Campuchia và Lào, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972. Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, ngày 30-3-1972, quân dân miền Nam đồng loạt mở cuộc tiến công chiến lược trên khắp các chiến trường. Chỉ sau ba tháng, ta đã giành quyền làm chủ một vùng rộng lớn gồm Quảng Trị, phần lớn tỉnh Kon Tum và nhiều khu vực rộng lớn ở Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long được giải phóng. Trước tình trạng nguy khốn đó, Mỹ buộc phải "Mỹ hóa" trở lại một phần cuộc chiến, không quân và hải quân Mỹ được huy động với cường độ cao chi viện cho quân ngụy phản kích, cố vấn Mỹ trở lại nắm quyền điều khiển đến cấp trung đoàn. Đối với miền Bắc, từ ngày 16-4-1972, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai với quy mô lớn.

Tháng 6-1972, đồng chí Lê Duẩn chủ trì cuộc họp Hội nghị Bộ Chính trị nhận định, việc Mỹ đánh phá miền Bắc lần thứ hai và "Mỹ hóa" một phần cuộc chiến tranh nhằm cứu nguy cho Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" đang trên đường phá sản, chứng tỏ sự suy yếu của chúng. Hội nghị quyết định chuyển mọi hoạt động của miền Bắc vào thời chiến, quyết tâm giữ vững tuyến vận chuyển Bắc - Nam và tiếp tục tiến công chiến lược trên toàn miền Nam. Thực hiện nhiệm vụ trên, quân dân miền Bắc bắn rơi hơn 600 máy bay, bắt sống nhiều giặc lái. Ở miền Nam, cuộc tiến công chiến lược giành những thắng lợi ròn rã trên khắp các chiến trường. Quân dân Lào cũng thắng lớn ở Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Phối

hợp với cuộc chiến đấu trên cả hai miền, Trung ương Đảng và đồng chí Lê Duẩn chỉ đạo phái đoàn của ta đàm phán ở Hội nghị Pari mở cuộc tiến công mới trên mặt trận ngoại giao. Ngày 08-10-1972, phái đoàn ta đưa ra *Dự thảo Hiệp định đình chiến* chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Phải xuống thang trong thế yếu, ngày 20-10-1972, giới cầm quyền Mỹ tuyên bố chấp nhận bản *Dự thảo Hiệp định* của phái đoàn ta và thỏa thuận ký kết vào ngày 31-12-1972. Đây là mưu đồ xảo quyệt nhằm đánh lừa dư luận để Tổng thống Níchxơn thắng cử và bước vào Nhà trắng nhiệm kỳ thứ hai. Nắm được ý đồ đó, ngày 26-10-1972, ta công bố trước dư luận quốc tế nội dung chủ yếu của bản *Dự thảo Hiệp định* hai bên đã đồng ý, đang chờ ký kết. Sau khi tái cử Tổng thống nước Mỹ, Níchxơn trắng trợn xóa bỏ những thỏa thuận, tiến hành một cuộc tập kích bằng không quân chiến lược chưa từng có trong chiến tranh phá hoại miền Bắc, đặc biệt là ở Hà Nội, Hải Phòng. Riêng ở Hà Nội, trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, Mỹ tập trung tới 444 lần chiếc B52, hơn 1000 lần chiếc máy bay cường kích các loại đánh phá liên tục ngày đêm. Quân dân Hà Nội cùng quân dân miền Bắc ngoan cường giáng trả cuộc tập kích chiến lược này. Trong 12 ngày đêm trận "Điện Biên Phủ trên không", quân và dân miền Bắc bắn rơi 81 máy bay Mỹ, trong đó có 34 máy bay B52, bắt sống nhiều giặc lái. Cuộc tập kích chiến lược đường không của Mỹ bị đập tan, đế quốc Mỹ phải chấp nhận trở lại đàm phán. Ngày 27-01-1973, *Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam* được ký kết, trong đó ghi rõ: Mỹ phải rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu khỏi miền Nam Việt Nam, phá hủy các căn cứ quân sự. Mỹ cam kết không dính líu về quân sự, hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải công nhận ở miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội và hai vùng kiểm soát. Mỹ cam kết tham gia hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 29-3-1973, Bộ Chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam làm lễ cuốn cờ, rút khỏi miền Nam Việt Nam. Sau 18 năm chiến đấu, quân và dân ta đã hoàn thành nhiệm vụ "đánh cho

Mỹ cút", chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ đã bị phá sản, quân và dân cả nước ta có điều kiện và thời cơ mới để "đánh cho ngụy nhào", thống nhất đất nước.

Ngày 25-5-1973, tại Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, đồng chí Lê Duẩn đề nghị tất cả các đồng chí chỉ huy các chiến trường được triệu tập phát biểu trước, các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ươngg và Bộ Tổng Tham mưu phát biểu bổ sung. Sau một tuần nghe các ý kiến thảo luận, đồng chí kết luận Hội nghị và chỉ rõ nhiệm vụ cấp thiết trước mắt của cách mạng miền Nam là: "Đoàn kết toàn dân, đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao, tùy từng lúc, từng nơi mà kết hợp các mặt trận với nhau một cách hết sức chủ động, linh hoạt, nắm và giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập, hòa hợp dân tộc, kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và hành động của địch phá hoại Hiệp định Pari. Đồng thời giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước, chuẩn bị điều kiện đầy đủ nhất để chủ động đối phó với địch trong mọi tình huống, sẵn sàng đưa cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn"[(1)].

Từ ngày 30-9 đến ngày 08-10-1974, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đợt 1 với sự tham gia của các đồng chí trong Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu. Sau khi nghe báo cáo của Bộ Tổng Tham mưu về *Dự thảo kế hoạch tác chiến hai năm 1975-1976*, đồng chí Lê Duẩn kết luận: "Quyết tâm của ta là *động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tiến công và nổi dậy cuối cùng, đưa cuộc chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân ngụy, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ ngụy quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà*"[(2)]. Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Bộ Chính trị, cuối năm 1974 đầu năm

[(1)] Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr.77.

[(2)] Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Sđd, tr.368.

1975, miền Bắc đã huy động và gấp rút huấn luyện để tăng cường cho các mặt trận. Nhiều đoàn cán bộ, các quân binh chủng, hàng vạn tấn vũ khí, khí tài, lương thực, thuốc men được gấp rút chuyển vào các chiến trường.

Để chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đợt 2, từ đầu tháng 12-1974, đồng chí Lê Duẩn làm việc với các đồng chí Bí thư Trung ương Cục, Tư lệnh Bộ Chỉ huy quân sự Miền và Chỉ huy các chiến trường đã có mặt tại Hà Nội. Ngày 18-12-1974, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đợt 2 họp khi những trận đánh đợt 1 của cuộc tiến công năm 1975 bắt đầu. Giữa lúc đó, tin vui thắng lớn của chiến dịch đường số 14 Phước Long, tỉnh Phước Long được hoàn toàn giải phóng. Sau 20 ngày thảo luận, ngày 07-01-1975, đồng chí Lê Duẩn kết luận: "Chúng ta đều nhất trí phải chuẩn bị mọi mặt để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cứu nước trong năm 1975 hoặc năm 1976"[(1)]. Về hướng tiến công, đồng chí nói rõ: Ta phải giáng đòn chiến lược trong năm 1975. Chúng ta đồng ý năm nay mở đầu đánh Tây Nguyên, cần đánh ra Buôn Ma Thuột và Tuy Hòa. Ở khu V, ta phải giải phóng từ Bình Định trở ra, ở Trị Thiên, ta phải làm chủ từ Huế đến Đà Nẵng. Bộ Chính trị cũng dự kiến, nếu có thời cơ thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Sau Hội nghị, nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị, tướng lĩnh lên đường ra mặt trận.

Chiều 09-3-1975, bức diện của Tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên ghi: "Ngày 10-3 ta sẽ đánh Buôn Ma Thuột" được chuyển tới các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và Thường trực Quân ủy Trung ương, tất cả theo dõi trận đánh và sau đó nhận được tin quân ta hoàn toàn làm chủ Buôn Ma Thuột. Sau thất bại ở Buôn Ma Thuột, tình hình diễn biến hết sức mau lẹ, quân ngụy náo loạn, ngày 16-3, chúng rút chạy khỏi Gia Lai - Kon Tum, Tây Nguyên sạch bóng quân thù. Chiến trường Trị Thiên bước vào đợt 2 của chiến dịch và đang thắng lớn. Chiều 24-3, làm việc với các đồng chí trong Bộ Tổng Tham mưu và Quân ủy Trung ương, đồng chí Lê Duẩn nêu vấn đề phải tập trung vào mục tiêu chiến lược là Sài Gòn, dự kiến

[(1)] Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Sđd, tr.375.

khả năng giải phóng Trị Thiên, Đà Nẵng, Huế, Khu V. Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương nhất trí hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn và miền Nam trước mùa mưa năm 1975.

Ngày 25-3, Huế được giải phóng, ngày 29-3, thành phố Đà Nẵng được giải phóng, thế chiến lược của cuộc Tổng công kích giải phóng Sài Gòn hình thành. Ngày 31-3, dưới sự điều hành của đồng chí Lê Duẩn, Bộ Chính trị, Quân Ủy Trung ương họp bàn những vấn đề cấp bách. Hội nghị quyết định: "Nắm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với những tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng Tư năm nay, không thể chậm trễ. Chậm trễ, bỏ lỡ thời cơ lúc này là có tội"[(1)]. Hội nghị quyết định thành lập Bộ Chỉ huy và Đảng ủy mặt trận Sài Gòn để tập trung chỉ đạo thống nhất cho chiến trường trọng điểm. Ngày 9-4-1975, khi trao đổi với các đồng chí Thường trực Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh: "Cần bảo đảm một khi đã phát động tiến công thì phải công kích thật mạnh và liên tục, dồn dập cho đến toàn thắng"[(2)]. Ngày 14-4-1975, đồng chí Lê Duẩn chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị thông qua Kế hoạch chiến dịch Tổng công kích giải phóng Sài Gòn. Đến 17 giờ 30 cùng ngày, đồng chí Lê Duẩn gửi điện tới Tư lệnh và Bí thư Đảng ủy chiến dịch, thông báo Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là *Chiến dịch Hồ Chí Minh*.

Đến giữa tháng 4-1975, gần như toàn bộ lực lượng quân đội cả nước ra trận, trừ một sư đoàn chủ lực được giao nhiệm vụ bảo vệ hậu phương miền Bắc, còn cả 4 quân đoàn và các binh chủng hợp thành xung trận với khí thế thần tốc, táo bạo, chắc thắng. Ngày 16-4, tuyến phòng thủ từ xa của địch ở Phan Rang bị đập tan, các tỉnh cực Nam Trung Bộ được giải phóng. Ngày 20-4, Xuân Lộc được giải phóng, cánh cửa phía đông Sài Gòn đã mở. Sau khi trao đổi ý

---

(1) *Lê Duẩn - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.425-426.
(2) Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Sđd, tr.389.

kiến với các đồng chí trong Bộ Chính trị, ngày 22-4-1975, đồng chí Lê Duẩn điện chỉ thị cho các đồng chí chỉ huy ở các mặt trận: "Thời cơ để mở cuộc tấn công về quân sự và chính trị vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để kịp thời phát động tiến công. Hành động trong lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn. Nếu để chậm sẽ không có lợi cả về quân sự và chính trị"[(1)]. Ngày 25-4, các cánh quân tiến về Sài Gòn đã vào vị trí tập kết. 17 giờ cùng ngày, các hướng tiến công Sài Gòn của ta nổ súng. Đến hết ngày 28-4, các cơ quan chỉ huy chiến lược, Bộ Tổng Tham mưu của địch tan rã. Ngày 29-4, các cánh quân của ta tổng công kích trên toàn mặt trận. Khoảng 11 giờ 30, quân ta đã cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập, chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ toàn thắng. Phối hợp với mặt trận Sài Gòn, từ ngày 27-4-1975, dưới sự lãnh đạo và chỉ huy của Khu ủy Khu VIII, IX và Bộ Tư lệnh Hải quân, các lực lượng vũ trang cách mạng, đồng bào các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các đảo lớn nhỏ đã đồng loạt tiến công và nổi dậy mạnh mẽ. Tính đến ngày 01-5-1975, toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long được giải phóng. Cuộc Tổng tiến công và nổi dây mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ít ngày sau chiến thắng, đồng chí Lê Duẩn cùng lãnh đạo Đảng, Nhà nước từ Hà Nội và Sài Gòn trong sự hân hoan chào đón của các đoàn quân chiến thắng và cả miền Nam ruột thịt. Lời đầu tiên khi bước xuống cầu thang máy bay, đồng chí nói: *Thắng lợi này là thắng lợi của cả dân tộc Việt Nam chứ không của riêng ai*.

Có thể nói, tư duy sáng tạo của đồng chí Lê Duẩn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, được thể hiện trong những tư tưởng chiến lược lớn: *Một là*, tư tưởng dám đánh và quyết thắng Mỹ. Quyết tâm chiến lược này thể hiện ý chí kiên cường, bất khuất của toàn dân tộc, đồng thời là kết quả của tư duy cách mạng, khoa học, sáng tạo trong đánh giá đúng tương quan lực lượng, năng lực lãnh đạo và khả năng biết khởi đầu, điều khiển và kết thúc chiến

[(1)] Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Sđd, tr.393.

tranh đúng lúc, có lợi nhất cho cách mạng. *Hai là*, tư tưởng chiến lược tiến công và nghệ thuật biết thắng từng bước, đánh bại từng âm mưu, đánh đổ từng bộ phận, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Tư tưởng chiến lược này là sản phẩm của sự kết hợp bản chất cách mạng, khoa học của học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh cách mạng với kế thừa và nâng lên đỉnh cao nghệ thuật quân sự truyền thống dân tộc luôn phải đương đầu và đánh thắng những thế lực xâm lược hung bạo nhất. *Ba là*, tư tưởng chiến lược sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, với hai hình thức đấu tranh chính trị và quân sự. *Bốn là*, tư tưởng chiến lược đánh địch, thắng địch bằng sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, sức mạnh của cả nước đánh giặc trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao; trên ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; bằng ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận. Những tư tưởng chiến lược nói trên, là nhân tố quan trọng hàng đầu để dân tộc ta lập nên những chiến công lịch sử có ý nghĩa thời đại trong thế kỷ XX.

Suốt 15 năm trên cương vị Bí thư thứ nhất, trong hoàn cảnh đất nước trải qua thử thách cực kỳ nghiêm trọng và tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, đồng chí Lê Duẩn đã cùng Bộ Chính trị và Trung ương Đảng ta kiên định đường lối độc lập, tự chủ, tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ và đoàn kết quốc tế, sáng suốt lãnh đạo quân và dân ta đánh thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đúng như Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đánh giá về đồng chí Lê Duẩn: "Đồng chí đã cùng Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, xác định đường lối, chính sách của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng khoa học quân sự Việt Nam, đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế khác, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân giành độc lập, tự do"[(1)].

[(1)] *Điếu văn* do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, Báo *Nhân Dân*, ngày 16-7-1986.

3. Trên cương vị Tổng Bí thư, một nhãn quan văn hóa đặc sắc

Tháng 9-1975, đồng chí Lê Duẩn chủ trì Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương khóa III, đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất Tổ quốc. Nghị quyết Hội nghị nêu rõ: "Thống nhất đất nước càng tăng cường ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế. Vì vậy, *thống nhất càng sớm thì càng phát huy nhanh sức mạnh toàn diện của Tổ quốc*"[1]. Ngày 03-01-1976, Bộ Chính trị ra Chỉ thị *Về việc lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung* của cả nước và giao cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử. Ngày 25-4-1976, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung cả nước được tổ chức, cử tri nô nức đi bầu cử. Thắng lợi của Tổng tuyển cử có ý nghĩa quyết định trên con đường hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Từ ngày 24-6 đến ngày 03-7-1976 kỳ họp thứ nhất Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (được gọi là Quốc hội khóa VI) tiến hành tại Hà Nội. Tại kỳ họp, đồng chí Lê Duẩn đọc *Báo cáo về đường lối và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam*, định hướng cho hoạt động của Quốc hội trong nhiệm kỳ tới. Quốc hội quyết định tên nước, Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy, Thủ đô, thành phố Sài Gòn mang tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội quyết định thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Việt Nam thống nhất. Đồng chí Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch nước, đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Ủy viên Hội đồng Quốc phòng. Đây là một trọng trách quan trọng nữa về mặt nhà nước mà đồng chí phải gánh vác. Với kết quả kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước hoàn thành.

Sau chiến thắng 30-4-1975, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta được triển khai ngày càng rộng mở và được phản ánh trong nhiều bài nói, bài viết của đồng chí Lê Duẩn. Bản thân đồng chí cũng nhiều lần dẫn đầu các đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta đi

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.36, tr.395.

thăm các nước. Ví như tháng 9-1975, đồng chí dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta thăm hữu nghị Trung Quốc. Từ ngày 03-10 đến ngày 18-11-1975, đồng chí dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta thăm hữu nghị một số nước xã hội chủ nghĩa: Hungary (từ ngày 3 đến 8-10), Bungari (từ ngày 8 đến 15-10), Tiệp Khắc (từ ngày 19 đến 27-10), Liên Xô (từ ngày 27 đến 31-10), Ba Lan (từ ngày 8 đến 13-11), Rumany (từ ngày 13 đến 18-11). Những chuyến thăm do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đã thắt chặt tình hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân ta với các nước trên thế giới, đáp ứng đòi hỏi của nhân dân ta mong muốn được sống trong hòa bình, xây dựng đất nước. Cùng với việc lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện các chính sách thúc đẩy quá trình thống nhất đất nước về nhiều mặt, tạo nên cuộc sống hòa hợp dân tộc, bước đầu cải tạo các thành phần kinh tế ở miền Nam, đưa miền Nam cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng chí Lê Duẩn còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Để lãnh đạo đất nước trong giai đoạn mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 14 đến ngày 20-13-1976. Tại Đại hội, đồng chí Lê Duẩn trình bày bản *Báo cáo chính trị*, trong đó đánh giá: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"[(1)]. Về nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, đồng chí cho rằng, đặc điểm lớn nhất của cách mạng ở nước ta vẫn đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam*: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.5-6.

phát triển tư bản chủ nghĩa, vì vậy, đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là: "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"[1]. Đại hội IV quyết định đặt chức danh Tổng Bí thư thay cho Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Lê Duẩn được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương bầu đồng chí là Ủy viên Bộ Chính trị và Tổng Bí thư của Đảng.

Sau Đại hội IV, đồng chí Lê Duẩn và Trung ương tập trung suy nghĩ phát triển nông nghiệp. Đồng chí đi khảo sát tình hình một số địa phương, tham khảo ý kiến của các chuyên gia nông nghiệp và trình bày trước Hội nghị Trung ương 2 khóa IV ngày 24-8-1977 về mục tiêu phát triển nông nghiệp nước ta trong điều kiện công nghiệp chưa phát triển. Đồng chí coi phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu trong những năm trước mắt, tập trung giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội và có lương thực dự trữ. Biện pháp phát triển nông nghiệp là hoàn thành công tác quy hoạch vùng nông, lâm nghiệp, đẩy mạnh thâm canh, mở rộng thêm diện tích canh tác, phân bố lại lao động và tăng năng suất lao động xã hội; đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật; củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam; xây dựng huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo của Chính phủ đối với nông nghiệp. Sau khi có Nghị quyết Trung ương 2 khóa IV, tình hình kinh tế nông nghiệp có nhích lên một bước, nhưng vấn đề lương thực, thực phẩm vẫn còn nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị bàn về vấn đề lương thực và cho rằng, sản xuất nông

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam*: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.67.

nghiệp phát triển chậm là do chính sách lương thực chưa phù hợp. Vì thế, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 19-9-1978 *Về chính sách lương thực trước mắt*. Nghị quyết nêu rõ: "Phải tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện, trong bất cứ tình hình nào cũng phải đạt cho được các mục tiêu về *sản xuất lương thực*"[(1)]. Cái mới trong Nghị quyết 12 là "sau khi đã nộp đủ thuế và bán đủ lương thực cho Nhà nước theo hợp đồng, các hợp tác xã và hộ nông dân được lưu thông tự do số lương thực còn lại"[(2)] và Nhà nước có biện pháp kiên quyết ngăn chặn tình trạng "ngăn sông, cấm chợ" và hoạt động đầu cơ, tích trữ của tư thương. Nghị quyết 12 được giai cấp nông dân đón nhận như một luồng gió mới ở nông thôn.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội IV, trên cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Lê Duẩn cùng Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, căn cứ vào sự phát triển của tình hình, từng bước bổ sung và cụ thể hóa đường lối, chủ trương, vạch ra những nhiệm vụ cụ thể về kế hoạch kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh, quốc phòng qua các kỳ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương. Đồng chí Lê Duẩn đã tham dự và chủ trì các Hội nghị Trung ương khóa IV như: Hội nghị Trung ương 2 (tháng 7-1977) bàn về phát triển nông nghiệp; Hội Nghị Trung ương 3 (tháng 01-1978), Hội Nghị Trung ương 4 (tháng 7-1978), Hội Nghị Trung ương 5 (tháng 12-1978) vạch ra phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện kế hoạch nhà nước hàng năm. Tại các Hội nghị trên, đồng chí Lê Duẩn đều có phân tích, đánh giá tình hình, biểu dương những cố gắng và thành tích đạt được về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh, quốc phòng…; đồng thời, phê phán những thiếu sót, khuyết điểm trong chỉ đạo tổ chức quản lý kinh tế - xã hội, phân tích nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan làm cho kinh tế - xã hội nước ta gặp khó khăn.

Sau chiến thắng tháng 4-1975 của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Campuchia, tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xari mở những cuộc hành quân khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ nước ta. Giữa

[(1), (2)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, toàn tập*, Sđd, t.39, tr.398, 400.

tháng 5-1975, chúng cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc và Thổ Chu, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ của ta dọc biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Tháng 4-1977, chúng mở rộng thành cuộc chiến tranh lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam nước ta. Giữa năm 1977, chúng huy động lực lượng cỡ sư đoàn bất ngờ tiến công vào 13 trong số 15 xã biên giới thuộc tỉnh An Giang. Trong những tháng cuối năm 1977, chúng huy động lực lượng lớn tấn công biên giới từ nhiều hướng. Ngày 22-12-1978, chúng huy động 19 trong tổng số 23 sư đoàn bộ binh cùng nhiều pháo binh, xe tăng mở cuộc tiến công quy mô lớn với ý đồ đánh chiếm thị xã Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ nước ta. Đồng chí Lê Duẩn đã cùng Bộ Chính trị lãnh đạo toàn dân, toàn quân ta thực hiện quyền tự vệ chính đảng, tổ chức các cuộc phản công, tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược. Tiếp đó, quân ta thừa thắng tiến công tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực của địch từ nơi xuất phát. Toàn bộ quân xâm lược bị quét khỏi bờ cõi nước ta, hòa bình lập lại trên biên giới Tây Nam của Tổ quốc.

Sau cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam không được bao lâu, nhân dân ta lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc. Ngày 17-2-1979, Trung Quốc đem 60 vạn quân và phương tiện chiến tranh đồng loạt mở cuộc tiến công dọc biên giới phía Bắc từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Móng Cái (Quảng Ninh). Đồng chí Lê Duẩn và Đảng ta vững vàng lãnh đạo quân và dân ta kiên quyết chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc vì sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Trước tinh thần chiến đấu ngoan cường của quân và dân ta và sự phản đối mạnh mẽ của dư luận trong nước và quốc tế, từ ngày 5-3-1979 phía Trung Quốc buộc phải rút quân khỏi lãnh thổ nước ta. Cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc và Tây Nam nước ta chấm dứt, hòa bình và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc được giữ vững. Trên cơ sở đó, với sự cố gắng của các bên, tình cảm láng giềng, tình đoàn kết hữu nghị vốn có giữa Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Campuchia dần dần được khôi phục. Trong thắng lợi

chung đó của dân tộc, sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, vững vàng, kịp thời của đồng chí Lê Duẩn có vai trò quan trọng.

Vào những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX, nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương 6 khóa IV họp vào tháng 8-1979. Sự nhạy bén chính trị và tầm chỉ đạo chiến lược của đồng chí Lê Duẩn thể hiện rất rõ trong quá trình thảo luận cũng như trong kết luận của Hội nghị Trung ương lần này. Tại Hội nghị, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đọc báo cáo về *Cần xem xét sửa đổi chính sách kinh tế.* Hội nghị thảo luận sôi nổi với nhiều ý kiến khác nhau. Đồng chí Lê Duẩn ủng hộ việc cần sửa đổi chính sách kinh tế và được Hội nghị đánh giá cao ý kiến của đồng chí. Hội nghị thông qua hai văn kiện: Nghị quyết số 20-NQ/TW *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách* và Nghị quyết số 21-NQ/TW *Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương.* Hội nghị chỉ rõ: "Nhiệm vụ quan trọng nhất hiện nay là động viên cao độ toàn dân, toàn quân trong cả nước đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nhằm thực hiện ba nhiệm vụ: bảo đảm lương thực, thực phẩm; cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp, tạo nguồn cho xuất khẩu"[(1)]. Với chủ trương đổi mới chính sách lương thực và nhiều chủ trương khuyến khích sản xuất, mở rộng lưu thông, tạo điều kiện cho sản xuất "bung ra", chấp nhận thị trường, đặc biệt là thị trường tự do về lương thực mà cho đến lúc này trên thực tế vẫn còn bị cấm. Nghị quyết Trung ương 6 khóa IV đánh dấu về đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta, trong đó có đóng góp của Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Những năm 1976-1981, Tổng Bí thư Lê Duẩn rất quan tâm đến vấn đề nông nghiệp và đề xuất nhiều quan điểm nhằm giải quyết vấn đề nông nghiệp phù hợp với điều kiện nước ta. Đồng chí coi phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu trong những năm trước mắt, chủ yếu giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm. Đồng chí triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị bàn về biện pháp khắc phục khó khăn về lương thực và ra Nghị quyết số 25-NQ/TW

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.40, tr.348.

ngày 01-4-1980 về đẩy mạnh sản xuất lương thực, phấn đấu đạt 15 triệu tấn lương thực trong năm 1980. Để lương thực lưu thông thuận tiện, các tỉnh, thành phố không để các huyện, nhất là các xã tự động đặt các trạm kiểm soát dọc các đường giao thông gây phiền phức cho lưu thông. Nghị quyết 25 ra đời, đất nước khắc phục được cảnh "ngăn sông cấm chợ". Chính sách tự do lưu thông sản phẩm nông nghiệp tạo niềm phấn khởi cho nông dân và những người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp. Sau khi có Nghị quyết 12 và Nghị quyết 25 của Bộ Chính trị, tình hình nông nghiệp cả nước có bước phát triển mới, không khí sản xuất ở nông thôn phấn chấn hẳn lên.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sức sản xuất ở nông thôn vẫn chưa thực sự được giải phóng. Qua nhiều cuộc trao đổi giữa đồng chí Lê Duẩn với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và thành viên Hội đồng Bộ trưởng, đã bật lên vấn đề khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Vì thế, Ban Bí thư ra Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13-01-1981 *Về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp.* Đồng chí Lê Duẩn dành nhiều thời gian đi một số địa phương vùng đồng bằng sông Hồng để kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị 100. Đồng chí nhắc nhở các địa phương cần ra sức cải tiến các hình thức khoán và góp ý kiến với trung ương hoàn chỉnh hơn nữa chế độ khoán, đồng thời nhắc nhở các cấp tỉnh, huyện chú trọng phát huy quyền làm chủ tập thể của hợp tác xã và xã viên. Trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100 và qua những chuyến đi công tác một số tỉnh Nam Bộ, Tổng Bí thư Lê Duẩn nhận ra vấn đề phân phối ruộng đất ở các tỉnh Nam Bộ chưa hợp lý. Vì vậy, trong một số cuộc họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí nêu vấn đề cần phải hoàn thành điều chỉnh ruộng đất ở các tỉnh Nam Bộ. Ý kiến của đồng chí là cơ sở quan trọng để sau đó Ban Bí thư ra Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 03-5-1983 *Về hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ.*

Cùng với hoạt động đối nội, Tổng Bí thư Lê Duẩn chỉ đạo hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Nhờ chính sách đối ngoại

hòa bình, hữu nghị, hợp tác đúng đắn, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Ngày 20-9-1977, nước ta trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc và thành viên của 20 tổ chức quốc tế. Đến cuối năm 1980, đã có 106 nước đặt quan hệ ngoại giao với nước ta. Tháng 11-1978, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Liên Xô được ký kết tại Mátxcơva (Liên Xô). Tháng 4-1980, một vinh dự lớn đối với đồng chí Lê Duẩn là Ủy ban Giải thưởng quốc tế Lênin trao giải thưởng *Vì củng cố hòa bình giữa các dân tộc,* vì những cống hiến xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ và củng cố hòa bình.

Ngày 10-02-1980, đồng chí Lê Duẩn ký văn bản Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa IV *Về việc triệu tập Đại hội lần thứ V của Đảng*. Đại hội V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 tại Hà Nội. Đại hội thảo luận và thông qua *Báo cáo chính trị* do Tổng Bí thư Lê Duẩn trình bày. Báo cáo gồm các nội dung: tình hình chung và nhiệm vụ chung; những nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội trong 5 năm (1981-1985) và những năm 80; những nhiệm vụ văn hóa, xã hội; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát động phong trào cách mạng của quần chúng; tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Ngày 31-3-1982, Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương. Một lần nữa, đồng chí Lê Duẩn được Đại hội bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trung ương bầu đồng chí làm Ủy viên Bộ Chính trị và Tổng Bí thư của Đảng.

Trong những năm 1980-1985, đồng chí Lê Duẩn dành nhiều thời gian suy nghĩ nhằm tập trung giải quyết nhiều vấn đề khó khăn về kinh tế của đất nước. Đồng chí đã cùng với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chỉ đạo thực hiện nhiều bước điều chỉnh các chính sách về giá, lương, tiền theo hướng bỏ dần quan liêu, bao cấp, giảm bớt số mặt hàng mà Nhà nước cung cấp hiện vật, mở rộng việc vận dụng quan hệ tiền tệ và quy luật giá trị trong nền kinh tế. Cùng với việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, đồng chí Lê Duẩn rất chú trọng chỉ đạo giải quyết vấn đề xây dựng

Đảng, tổ chức bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh. Những năm 1980-1985, tại các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, đồng chí Lê Duẩn phát biểu nhiều ý kiến xoay quanh hiện tượng tiêu cực và chống tiêu cực trong Đảng và trong bộ máy chính quyền các cấp. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, Ban Bí thư ra một loạt chỉ thị: Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 14-5-1981 *Về tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực*; Chỉ thị số 111-CT/TW, ngày 29-6-1981 *Về lãnh đạo bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ*; Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 13-9-1982 *Về việc lãnh đạo thi hành Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép*; Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 28-10-1983 *Về một số chính sách xử lý đối với cán bộ, đảng viên phạm sai lầm;* Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 25-10-1984 *Về việc tăng cường lãnh đạo cuộc vận động thực hiện nếp sống mới, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, xóa bỏ tệ nạn xã hội, quét sạch văn hóa phản động, đồi trụy,* v.v.. Các chỉ thị của Ban Bí thư đều mang tính chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và của Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, đồng chí Lê Duẩn đã có những suy nghĩ, trăn trở tìm tòi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện của Việt Nam, với lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội và con người Việt Nam. Những quan điểm, tư tưởng chiến lược đó là: *Một là*, tư tưởng giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hôi. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, còn chủ nghĩa xã hội là con đường bảo đảm chắc chắn cho độc lập dân tộc. *Hai là*, tư tưởng về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng - văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, nhằm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. *Ba là*, quan điểm về thực chất của chuyên chính vô sản là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động mà nòng cốt là khối

liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân, thông qua nhà nước do chính nhân dân lập ra và tự mình nắm quyền điều khiển. *Bốn là*, quan điểm về thời kỳ quá độ, về bước đi ban đầu, về chặng đường đầu tiên và nhiệm vụ lịch sử của chặng đường này. *Năm là*, quan điểm về công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ và nhiệm vụ chủ yếu của công nghiệp hóa trong chặng đường đầu tiên là đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn. *Sáu là*, tư tưởng chiến lược về tranh thủ thời gian xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trọng yếu, nhằm từng bước hình thành nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Có thể nói, với tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tiến công, tình cảm cách mạng sâu sắc và mong muốn cháy bỏng sớm đưa nước ta phát triển giàu mạnh ngang tầm với các nước tiên tiến trên thế giới, đồng chí Lê Duẩn rất tâm huyết tìm tòi con đường đi riêng của Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tư duy sáng tạo của đồng chí luôn bắt rễ từ thực tiễn Việt Nam, từ truyền thống văn hóa Việt Nam, từ thực tiễn đi tới lý luận, dùng lý luận để soi sáng thực tiễn. Tư duy lý luận của đồng chí không chấp nhận mọi biểu hiện xơ cứng, máy móc, giáo điều, rập khuôn. Điều dễ nhận thấy từ tấm gương của Tổng Bí thư Lê Duẩn, một nhà lãnh đạo suốt đời say mê tìm tòi, sáng tạo, luôn nêu cao phong cách tư duy độc lập, tự chủ, luôn lật xới vấn đề, khuyến khích tranh luận để tiếp cận chân lý. Đồng chí đặc biệt nhấn mạnh việc phát hiện quy luật, vận dụng cho được quy luật vào thực tiễn cuộc sống, lấy thực tiễn để kiểm nghiệm chân lý. Chính vì lẽ đó, Tổng Bí thư Lê Duẩn có đóng góp quan trọng, làm phong phú kho tàng lý luận của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX.

Đánh giá những đóng góp quan trọng của đồng chí giai đoạn này, Đảng ta đã khẳng định: "Từ khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng chí đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm xác định, hoàn chỉnh đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trong một nước nông nghiệp lạc hậu, tiến thẳng lên chủ

nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng chí đã kiên trì nguyên tắc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[(1)].

Tổng Bí thư Lê Duẩn không chỉ là nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư tưởng sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam, mà còn có nhãn quan văn hóa đặc sắc. Thời trẻ, Lê Văn Nhuận đã nổi tiếng là người ham học, ham hiểu biết và thông thái, dân trong vùng thường gọi bằng cái tên trìu mến: cậu Thông Nhuận. Lớn lên, chứng kiến cảnh "nước mất, nhà tan", đồng chí "đã nuôi hy vọng một ngày kia phải đánh Tây"[(2)] để cứu nước, cứu nhà. Đồng chí tâm sự: "Hồi 15 tuổi, đọc lịch sử, tôi buồn lắm, nghĩ nhất định phải đi cứu nước"[(3)]. Từ mảnh đất quê hương giàu truyền thống, đồng chí ra đi làm cách mạng từ năm 20 tuổi. Trên chặng đường 60 năm hoạt động ở nhiều vùng, miền, khắp Bắc - Trung - Nam, đồng chí nắm rất vững đặc điểm văn hóa các vùng, miền, truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Về đặc điểm truyền thống văn hóa dân tộc, đồng chí cũng nêu nhận xét: Ở Việt Nam, dân tộc hình thành từ khi lập nước, chứ không phải khi chủ nghĩa tư bản nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam. Do đó, người Việt Nam có tình cảm dân tộc rất sâu sắc, có tinh thần dân tộc rất mạnh mẽ. Đồng chí còn giải thích: Tất cả những người Việt Nam là một dân tộc, đều đã cùng nhau sinh sống trên một dải đất, dưới một bầu trời, đều ôm ấp trong tâm hồn một di sản hàng ngàn năm của cha ông để lại, tình cảm dân tộc là nguồn sống hằng ngày của mỗi người Việt Nam, nguyện vọng chung của dân tộc cũng là nguyện vọng riêng của mỗi người Việt Nam. Đó là sự thật. Đây là những nhận xét tinh tế và sâu sắc, cho thấy sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam, là cơ sở cho việc kế thừa, phát huy những giá trị tốt đẹp của truyền thống, hạn chế những cái

---

(1) *Điếu văn* do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đọc tại lễ truy điệu đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, ngày 15-7-1986, Báo *Nhân Dân*, ngày 16-7-1986.

(2),(3) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Sđd, t.IV, tr.185.

lỗi thời, lạc hậu trong việc xây dựng chế độ mới, con người mới, văn hóa mới mà đồng chí Lê Duẩn chủ trương.

Là một nhà lãnh đạo lỗi lạc, đồng chí Lê Duẩn hiểu biết rất rõ về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của ông cha ta. Đồng chí khái quát một đặc điểm nổi bật nét văn hóa của dân tộc ta, đó là lòng yêu nước. Đồng chí nói: "Lòng yêu nước hình thành từ lúc con người Việt Nam, xã hội Việt Nam hình thành, chúng ta không bao giờ được quên điều đó. Lòng yêu nước làm cho người Việt Nam đoàn kết, gắn bó với nhau. Khi có khó khăn thì càng dân chủ hơn, thương yêu nhau hơn, đoàn kết hơn". Đó là cơ sở đầu tiên tạo nên sức mạnh dân tộc ta chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược và là bệ đỡ vững chắc cho nhận thức và khẳng định của đồng chí Lê Duẩn về sức mạnh của lòng yêu nước, về sự đoàn kết toàn dân tộc. Đồng chí còn rút ra những bài học kinh nghiệm từ lịch sử dân tộc: "Chuẩn bị đánh quân Nguyên, nhà Trần mở Hội nghị Diên Hồng, đánh giặc Minh, Lê Lợi chia ruộng đất cho dân… Vì sao vậy? Vì trong lịch sử, dân tộc ta thường phải chống lại những kẻ thù lớn mạnh, muốn đánh bại chúng phải dựa vào sức mạnh toàn dân, giữ nước phải khoan sức cho dân". Tuy nhiên, đồng chí cũng nhắc nhở: "Chúng ta là người Việt Nam nhưng ta hiểu ta cũng không dễ. Muốn hiểu người Việt Nam thì phải hiểu lịch sử Việt Nam. Muốn hiểu ta là ai, ta là thế nào thì phải biết lúc trước ta là ai, ta như thế nào"[(1)].

Nói về truyền thống văn hóa, con người Việt Nam, trong đợt về thăm Vĩnh Linh năm 1973, đồng chí Lê Duẩn tâm sự: "Các đồng chí có hay đọc lịch sử Việt Nam không ? Tôi bây giờ đây đã học lịch sử nhiều lần nhưng vẫn thường giở lịch sử Việt Nam ra đọc. Tôi đọc để biết nước Việt Nam ta như thế nào, cho ông ta là ai. Các đồng chí đọc lịch sử có hiểu chúng mình đây này, không phải tự nhiên mà có đâu. Lúc chúng ta sống những năm tháng chiến đấu đây, lúc giữa hai miền của nước nhà cọ xát với cái sống, cái chết thì những tinh thần kết tinh của hàng nghìn năm còn ở trong chúng ta đây, sống lại, bùng lên... Chúng ta không có xương đồng, da sắt, vì

[(1)] Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Sđd, tr.323-324.

da sắt, xương đồng cũng tan nát dưới bom đạn Mỹ. Mà vì chúng ta là con người, con người thật sự. Con người đó thật sự là con người Việt Nam nữa mới làm được. Con người đó, cả thế giới bây giờ nói là con người của thời đại, là con người tiêu biểu cho lương tâm của cả loài người... Hai chữ Việt Nam, cả thế giới nói đồng nghĩa với hai chữ anh hùng"[1]. Trên đây là những quan điểm mấu chốt về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, nó chi phối nhãn quan và phương pháp tiến hành cách mạng của đồng chí Lê Duẩn không chỉ trên lĩnh vực văn hóa mà trên tất cả các lĩnh vực liên quan đến sự nghiệp cách mạng. Sự hiểu biết về văn hóa dân tộc và con người Việt Nam đã củng cố niềm tin sắt đá của đồng chí Lê Duẩn vào sức mạnh đoàn kết của dân tộc và đồng chí đã truyền niềm tin ấy đến mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân ta.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng chí Lê Duẩn là người chịu trách nhiệm chủ yếu trước Trung ương Đảng về cách mạng miền Nam. Đồng chí có nhiều suy nghĩ, trăn trở, tìm tòi, đã cùng Trung ương Đảng hoạch định, hoàn chỉnh đường lối chiến lược và phương pháp cách mạng để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đồng chí còn dự báo, đánh giá chính xác tình hình và đề xuất chủ trương mang tính quyết sách chiến lược đối với cách mạng miền Nam. Xuyên suốt những chủ trương đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang; giữa hậu phương lớn với tiền tuyến lớn; phối hợp chặt chẽ ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược, liên tục tiến công bằng ba thứ quân. Đồng chí đã cùng bộ thống soái của Đảng ta tìm ra những giải pháp tối ưu đưa cách mạng miền Nam tiến lên vững chắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, tiến lên giành quyền điều khiển chiến tranh trên thế chủ động, lần lượt đánh bại các bước leo thang, các chiến lược chiến tranh, làm chuyển biến cục diện chiến trường, làm lung lay và đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, cuối cùng, kịp nắm thời cơ, mở trận quyết chiến chiến lược, giành thắng lợi hoàn toàn.

[1] *Lê Duẩn với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.438-439.

Những quan điểm phát huy sức mạnh văn hóa của dân tộc, nhân sức mạnh truyền thống văn hóa dân tộc thành sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ và thắng Mỹ được đồng chí Lê Duẩn khẳng định trong nhiều văn kiện quan trong của Đảng, có tác dụng định hướng và động viên to lớn đối với quân và dân ta trong 21 năm chống Mỹ. Đồng chí tổng kết: "Chiến tranh nhân dân Việt Nam ngày nay đã kế thừa truyền thống chống ngoại xâm và tài thao lược của cha ông ta thuở trước. Có thời phải chiến đấu kiên trì ròng rã 10 năm trời mới giành được toàn vẹn đất nước, có thời chỉ tiến công thần tốc trong 10 ngày đã quét sạch giặc xâm lăng ra ngoài bờ cõi. Song, thời nào cũng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, dựa vào sức mạnh làm chủ để giữ yên đất nước. Truyền thống đó đang được phát triển và nâng lên một trình độ mới, gắn liền với những tư tưởng quân sự Mác - Lênin"[(1)].

Từ rất sớm, đồng chí đã nhận thức rõ, văn hóa là cái hồn, cái diện mạo, cái đặc trưng của dân tộc. Thành bại của cuộc chiến tranh cách mạng dù diễn ra trong hoàn cảnh nào, dưới hình thức nào đều có yếu tố của văn hóa, trong đó con người giữ vai trò chủ thể. Đồng chí cho rằng, con người ta không chỉ sống với miếng cơm, manh áo, mà còn có đời sống tình cảm, đời sống văn hóa. Đồng chí dành nhiều thời gian nghiên cứu về con người Việt Nam, rút ra một nhận định khái quát: "Một trong những truyền thống và phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam là thương nước, thương nhà, thương người, thương mình". Theo đồng chí, lòng nhân ái sâu rộng này là cái gốc của đạo đức, của đạo làm người của dân tộc Việt Nam. Xuất phát từ lòng nhân ái, khoan dung, đại nghĩa của dân tộc và đạo đức cộng sản, ngay từ năm 1972, trong thư *Gửi Trung ương Cục miền Nam và những nhiệm vụ cấp bách ở miền Nam trong thời gian tới*, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: "Theo tinh thần hòa hợp dân tộc, cách mạng chủ trương "đại xá" đối với những người đã tham gia các tổ chức chính trị hoặc vũ trang của địch. Tất cả những ai thấy được tội lỗi, đoạn tuyệt với quá khứ quay về đường ngay lẽ phải đều có chỗ đứng trong lòng dân tộc". Đối với đội ngũ trí thức làm việc trong

[(1)] Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Sđd, tr.367.

bộ máy chính quyền ngụy, đồng chí cũng chỉ rõ: "Cuộc chiến tranh thực dân mới của đế quốc Mỹ làm cho mọi gia đình đều bị chia đôi. Cách mạng phải mang lại sự hòa nhập cho cả dân tộc và sự đoàn tụ cho từng gia đình, nhất định không có sự trả thù, những cuộc tắm máu". Những chỉ dẫn trên của đồng chí hoàn toàn phù hợp với truyền thống hòa hiếu, "lấy đại nghĩa thắng hung tàn" của cha ông ta, thấm đượm tư tưởng nhân văn, thể hiện nhãn quan văn hóa sâu sắc của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc xây dựng đất nước, đồng chí Lê Duẩn luôn coi việc xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam là nhiệm vụ trọng yếu. Đồng chí chú ý phát huy yếu tố năng động chủ quan của con người, đồng thời cho rằng, sự phát triển của lịch sử là kết quả của sự thống nhất biện chứng giữa nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan, rằng "con người là sản phẩm của lịch sử, của một xã hội nhất định, khi chuyển qua một xã hội khác thì phải căn cứ vào con người của xã hội cũ mà nói cho đúng, đưa cái cũ lên cái mới cho sát, nếu không như thế sẽ hỏng việc"[(1)].

Sinh thời, đồng chí Lê Duẩn thường nói: "Con người sống phải lao động, sáng tạo, tình thương và lẽ phải", đó là đạo lý của cuộc sống. Hoài bão cháy bỏng của đồng chí là xây dựng đất nước giàu mạnh, nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, trong đó con người sống với nhau giàu "tình thương và lẽ phải". Đồng chí thường kể về nỗi đau mất nước, đồng bào sống cơ cực, lầm than, đồng thời cũng kể về tình cảm đẹp đẽ của quê hương. Đồng chí tâm tình: "Đối với tôi, quê hương biết bao tình sâu, nghĩa nặng". Đồng chí đặc biệt xúc động khi nói về các bà mẹ Việt Nam. Năm 1972, nói chuyện với anh em làm công tác văn nghệ, đồng chí nói: "Bà mẹ Việt Nam ta gắn với tiến trình đi lên của lịch sử dân tộc rất chặt chẽ. Chúng ta tự hào trước kia có Bà Trưng, Bà Triệu và ngày nay có biết bao phụ nữ anh hùng… Chúng ta phải biết ơn những bà mẹ Việt Nam sinh ra những người con anh hùng, những lớp người đã có công giữ cho nước ta tồn tại và phát triển đến ngày nay".

[(1)] Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Sđd, tr.167.

Là một nhà lãnh đạo có tư duy sáng tạo lớn, đồng chí Lê Duẩn bao giờ cũng xuất phát từ những tư tưởng kết tinh được truyền thống văn hóa dân tộc và tinh thần nhân văn cộng sản để xem xét, giải quyết các vấn đề. Sau ngày thống nhất đất nước, dù bận trăm công ngàn việc của một người đứng đầu Đảng ta, đồng chí vẫn dành thời gian đi thăm nhiều trung tâm văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa của đất nước. Đồng chí cho rằng, cần bảo tồn, khôi phục các di sản văn hóa bị chiến tranh tàn phá; phải hiểu rõ yêu cầu đối với con người Việt Nam trong xã hội mới để biết xây dựng như thế nào, cái gì đích thực là văn hóa thì phải giữ gìn và phát huy, cái gì không thích hợp thì phải sửa đổi, bổ sung, nâng cao. Đồng chí chỉ rõ: "Phải kế thừa những giá trị tinh thần, những cái hay, cái đẹp trong di sản văn hóa dân tộc cũng như trong tâm hồn và cốt cách của con người Việt Nam ta. Điều này hết sức cần thiết để làm cho chúng ta hiểu rõ dân tộc mình, nhân dân mình hơn nữa. Nhưng mặt khác, cần chú ý không nên nói một chiều, nhấn mạnh việc khôi phục, bảo tồn cái cũ theo tinh thần nệ cổ, phục cổ"[(1)]. Đồng chí đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục. Mỗi lần đi công tác, đồng chí đều ghé thăm các trường học và thường nhắc nhở thầy trò dạy tốt, học tốt. Nhiều người còn nhớ lời huấn thị sâu sắc của đồng chí với các em học sinh: "Các cháu phải học, học để có tri thức, để biết và tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam - một dân tộc rất anh hùng. Đặc biệt dân tộc ta mới có những phụ nữ anh hùng, chỉ có dân tộc ta mới có Bà Trưng, Bà Triệu".

Cuộc đời của đồng chí Lê Duẩn là cuộc sống trung thực và giản dị, luôn gần gũi với đồng bào, đồng chí với tình thương yêu tha thiết và chân thành đối với mọi người, quan tâm đến ý kiến và nguyện vọng của nhân dân. Đồng chí đặc biệt coi trọng tổng kết kinh nghiệm của quần chúng và xuất phát từ những kinh nghiệm quý báu đó mà đề ra chủ trương, chính sách. Là một nhà lãnh đạo lỗi lạc, trưởng thành trong hoạt động thực tiễn, dày dạn kinh nghiệm đấu tranh cách mạng, đồng chí Lê Duẩn rất coi trọng nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, văn hóa dân tộc, lịch sử các nền văn hóa

---

[(1)] Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Sđd, tr.367.

thế giới, nhằm tìm ra những điều bổ ích cho cách mạng Việt Nam, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng.

Có thể khái quát nhãn quan văn hóa của đồng chí Lê Duẩn ở mấy nét chính sau: 1. *Quan niệm về văn hóa*, đồng chí cho rằng, văn hóa là biểu hiện gắn bó giữa người và người, làm cho con người hiểu kỹ con người, làm nảy nở những tình cảm tốt đẹp của con người trong lao động, cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội. 2. *Về mục đích xây dựng văn hóa*, theo đồng chí, đó là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc; văn hóa phải góp phần xây dựng con người của chế độ mới, yêu lao động, giàu tình thương, trọng lẽ phải, nhận thức được chân lý; phải biến văn hóa thành tài sản của nhân dân, làm cho họ trở thành người sáng tạo ra mọi giá trị văn hóa và hưởng thụ mọi giá trị văn hóa. 3. *Quan hệ giữa kinh tế và văn hóa*, đồng chí cho rằng, sức mạnh kinh tế không tách rời sức mạnh văn hóa, sức mạnh con người; sức mạnh văn hóa, sức mạnh con người phải được hiện thực hóa trong sức mạnh kinh tế. 4. *Về kế thừa, phát huy tinh hoa văn hóa dân tộc*, đồng chí thường nói: "Thương nước, thương nhà, thương người, thương mình" là truyền thống đậm đà của dân tộc ta, là tình cảm lớn làm nên vẻ đẹp của con người, lối sống và văn hóa Việt Nam; tinh hoa ấy, tình thương ấy phải được bồi dưỡng và nâng cao. 5. *Về văn học, nghệ thuật*, theo đồng chí, tình cảm phải thông qua nghệ thuật để xây dựng, nghệ thuật sáng tạo trên cơ sở vận dụng quy luật riêng của tình cảm; với sự sáng tạo văn học, nghệ thuật phải bảo đảm phạm vi rộng lớn hơn cho sáng kiến cá nhân, cho tư tưởng và sức tưởng tượng, cho nội dung và hình thức. 6. *Về một nền văn hóa tương lai*, đồng chí cho rằng, trong hiện tại, văn hóa phải bồi dưỡng những phẩm chất cơ bản của con người Việt Nam: yêu lao động, giàu tình thương, trọng lẽ phải, từng bước làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, làm chủ tập thể. Theo đồng chí, làm chủ tập thể chính là cái đúng, cái tốt, cái đẹp cao nhất mà con người vươn tới trong thời đại mới.

Tuy chưa khái quát đầy đủ, nhưng sáu luận điểm nói trên cấu thành một hệ thống một nhãn quan phong phú và sâu sắc về

văn hóa ở đồng chí Lê Duẩn. Đáng tiếc những luận điểm, những ý tưởng còn ở dạng khai mở về văn hóa của đồng chí chưa được nghiên cứu, phát triển, cụ thể hóa thành một hệ thống hoàn chỉnh. Do những khó khăn, thiếu thốn của thời bao cấp và do cả những hạn chế về nhận thức, về tầm nhìn của giới nghiên cứu, quản lý, một số luận điểm khoa học của đồng chí không được thực hiện đến nơi, đến chốn, thậm chí có những ý tưởng, dự cảm về văn hóa tương lai, đã bị hiểu và thực hành không đúng. Dù vậy, qua sự trải nghiệm của thực tiễn, những luận điểm về văn hóa của đồng chí Lê Duẩn đã chứng tỏ tính đúng đắn và giá trị hiện thực, góp phần khẳng định sức thuyết phục về nhãn quan văn hóa của đồng chí Lê Duẩn.

Cho đến những ngày cuối đời, Tổng Bí thư Lê Duẩn vẫn nung nấu, tâm huyết suy nghĩ để hoàn thiện quan điểm của mình về chủ nghĩa xã hội, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, vấn đề mà đồng chí coi là "cốt tử", điều kiện quyết định bảo đảm thành công sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là xây dựng đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, có phương thức thích hợp để lãnh đạo chính quyền nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo động lực vĩ đại cho sự phồn vinh của dân tộc. Rất tiếc, do tuổi cao, sức khỏe giảm sút nhanh chóng, đồng chí chưa kịp đưa ra lời giải đáp cho hàng loạt vấn đề mà đồng chí đặt ra và dày công suy nghĩ. Vào hồi 3 giờ 3 phút, ngày 10-7-1986, đồng chí đã từ trần, hưởng thọ 79 tuổi. Sự ra đi của đồng chí để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và bè bạn quốc tế.

Là học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Lê Duẩn là một nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng và một nhà lý luận sáng tạo, với những đức tính quý báu, giàu lòng nhân ái, giản dị và khiêm tốn. Trong hoạt động quốc tế, đồng chí đã góp phần rất quan trọng vào việc xây dựng, củng cố và phát triển tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia, củng cố và phát triển tình hữu nghị anh em giữa Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa, trong việc

bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tăng cường tình đoàn kết trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào độc lập dân tộc. Đồng chí là đại biểu Quốc hội từ khoá II đến khóa VII. Do những cống hiến to lớn của đồng chí, Đảng và Nhà nước ta đã trao tặng Huân chương Sao Vàng và các nước anh em, bầu bạn tặng nhiều huân chương cao quý khác. Đánh giá công lao to lớn của Tổng Bí thư Lê Duẩn đối với cách mạng Việt Nam, Đảng ta khẳng định: "Là chiến sĩ thuộc lớp *cận vệ đầu tiên của Đảng*, một người học trò lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, đồng chí Lê Duẩn đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân và cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Cuộc đời hoạt động gần 60 năm của đồng chí gắn liền với quá trình cách mạng nước ta từ những năm 1920 đến những năm 1980. Đồng chí đã tham gia hoạt động ở tất cả các miền: miền Bắc, miền Trung, miền Nam, từng trải mọi thử thách, gian nan, luôn gần gũi cán bộ, chiến sĩ và nhân dân lao động. Từ cuối những năm 30 cho đến khi qua đời, đồng chí là một nhà lãnh đạo quan trọng của Đảng, và từ năm 1960, với cương vị Bí thư thứ nhất, rồi Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào sự lãnh đạo của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Lý tưởng và hoài bão suốt đời của đồng chí là Tổ quốc độc lập và thống nhất, nhân dân có quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và làm chủ cuộc sống của mình. Là một người mácxít - lêninnít chân chính, đồng chí luôn luôn suy nghĩ, tìm tòi, xuất phát từ tình hình thực tế, phân tích, giải quyết những vấn đề mới do cuộc sống đặt ra. Sự sáng suốt của đồng chí thể hiện nổi bật trước những bước ngoặt của lịch sử và những tình huống phức tạp… Cống hiến của đồng chí Lê Duẩn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta thật là to lớn. Qua cuộc đời hoạt động lâu dài và phong phú của mình, đồng chí nêu cho những người Việt Nam chúng ta, nhất là những người cộng sản, một tấm gương quý báu"[(1)].

[(1)] *Điếu văn* do đồng chí Trường Chinh đọc tai Lễ truy điệu Tổng Bí thư Lê Duẩn, Báo *Nhân Dân* ngày 16-7-1986.

Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh

TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN LINH

Đồng chí Nguyễn Văn Linh là nhà lãnh đạo kiên định, có uy tín lớn của Đảng, của nhân dân và quân đội ta, là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cộng sản rất mực kiên trung, suốt đời phấn đấu vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân, một tấm gương người cộng sản kiên định. Đồng chí dấn thân vào con đường cách mạng đầy gian khổ, hy sinh, từng bước trưởng thành trong đấu tranh cách mạng, đã được Đảng giao nhiều trọng trách. Ở bất cứ cương vị nào, đồng chí cũng đều tận tụy, thể hiện rõ tài năng và bản lĩnh vững vàng trước mọi thử thách. Là Tổng Bí thư của Đảng thời kỳ đầu đổi mới, đồng chí đã cùng tập thể lãnh đạo nhạy bén, chủ động, sáng tạo, vững vàng chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua khó khăn, vững bước trên con đường xây dựng đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

1. Rèn luyện, trưởng thành trong đấu tranh cách mạng

Đồng chí Nguyễn Văn Linh có tên khai sinh là Nguyễn Đức Cúc, quen gọi là Nguyễn Văn Cúc, sinh ngày 1-7-1915 tại Hà Nội, quê gốc là xã Gia Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Cha của đồng chí là ông Nguyễn Đức Lan ra Hà Nội dạy học ở Trường Yên Phụ (Hà Nội). Tại Hà Nội, ông Lan thuê một căn nhà ở phố Hàng Thâm, gần Trường Tiểu học Yên Phụ (nay là Trường Mạc Đĩnh Chi). Đến tuổi đi học, cậu bé Cúc học ở trường này. Mẹ của đồng chí là bà Nguyễn Thị Khiêm, một người phụ nữ tần tảo với gánh hàng tấm, gánh ra ngoại thành bán kiếm thêm để phụ vào đồng lương ít ỏi của chồng. Ông bà giáo Lan có ba người con: hai gái (chị gái và em gái), một trai là Nguyễn Đức Cúc. Năm cậu bé Cúc lên bốn tuổi, người cha thân yêu đột ngột qua đời. "Gánh nặng nuôi nấng dạy

dỗ ba chị em đè trĩu lên đôi vai gầy của mẹ. Rồi người chị của anh bị bệnh không có tiền lo thuốc thang nên đã qua đời. Thêm một sự đau buồn khiến cho mắt mẹ lúc nào cũng đăm chiêu nghĩ ngợi kế sinh nhai. Nhiều khi nhà hết gạo mà trong nhà chẳng còn một vật gì đáng giá để cầm, để bán bà phải vay mượn hàng xóm, và nợ cứ chất chồng… Thương mẹ lắm nhưng tuổi thơ có biết làm gì? Mẹ con ôm nhau khóc tủi cho số phận nghiệt ngã"[(1)].

Thương đứa cháu nghèo sớm mồ côi cha, ông chú ruột Nguyễn Đức Thụ đón cậu bé Cúc về phố Hàng Bột (Hà Nội) nuôi cho ăn học. Sớm hiểu thân phận của mình, cậu bé Cúc rất chăm học, không chịu thua kém bạn bè. Một hôm, trên đường tới trường, được tin mẹ bị ốm nặng, cậu bé Cúc vội chạy về thăm mẹ ở phố Hàng Thâm. Mẹ cậu bị bệnh lao phổi, thân thể tàn tạ, cậu chỉ biết ôm lấy mẹ mà khóc. Vì ốm đau kéo dài, không đi làm được, không có tiền trả tiền thuê nhà, mẹ cậu phải dẫn cô em gái của cậu vào tá túc tại chùa Thái Bình, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh (Hà Nôi). Khi mẹ mất, cậu bé Cúc không được gặp mặt, chỉ nghe nói bà được an táng trong đất chùa này. Tuổi thơ của Nguyễn Đức Cúc trôi qua trong những năm tháng nghiệt ngã như bao gia đình nghèo dưới chế độ thực dân, phong kiến.

Năm 1925, ông chú Nguyễn Đức Thụ đổi về Hải Phòng. Bà nội, cậu Cúc và cô em gái theo chú Thụ ra ở phố Cát Dài (Hải Phòng). Tuy kinh tế gia đình chẳng mấy sung túc, nhưng biết người cháu có tư chất thông minh, ham học, chú Thụ gửi Nguyễn Đức Cúc vào học Trường Bonnan (nay là Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền, quận Lê Chân), năm học 1925-1926. Từ nhà đến trường, anh phải đi qua các xóm thợ nghèo, cảnh sống lam lũ. Những cảnh đắng cay, cơ cực của đời sống người thợ đã sớm in đậm trong tâm trí của Nguyễn Đức Cúc. Năm 14 tuổi, khi anh đang học lớp Nhì thì bà nội qua đời. Trong vòng 10 năm, anh liên tiếp chịu tang cha, tang chị, tang mẹ rồi tang bà nội, nỗi buồn đau chồng chất. Lấy lý

[(1)] Ngô Thị Huệ: *Anh còn sống mãi*, In trong cuốn *Đồng chí Nguyễn Văn Linh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.295.

do tiện đường đi học, anh xin phép chú Thụ sang ở với người chú họ là Nguyễn Đức Hùng để vợi nhớ nỗi đau buồn. Nhà chú Hùng ở gần xóm thợ Lạc Viên của công nhân Nhà máy Tơ. Chú Hùng rất thương anh, luôn quan tâm động viên anh học tập. Chính nơi đây, Nguyễn Đức Cúc sớm giác ngộ cách mạng, lại càng ham học. Với tư chất thông minh, cần cù, hiếu học, anh cùng một số bạn học tìm đọc tiểu thuyết của các tác giả có tư tưởng tiến bộ như *Những người khốn khổ* của V. Huygô, *Không gia đình* của H. Malô, v.v..

Năm 1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và những tư tưởng cách mạng của Người về nước, chuẩn bị những tiền đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Thành phố cảng Hải Phòng là địa bàn sớm được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chọn làm nơi xây dựng cơ sở cách mạng đầu tiên và là cầu nối với các địa bàn trọng yếu của Bắc Bộ. Sau khi Hội Thanh niên được thành lập, theo chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Hồ Tùng Mậu về Hải Phòng lập ra *Huệ Quần thư điếm* làm trạm giao thông liên lạc, đưa đón những thanh niên yêu nước sang Quảng Châu huấn luyện rồi đưa về nước hoạt động, xây dựng phong trào cách mạng. Năm 1926, tuyến giao thông liên lạc thứ hai bằng đường biển Hải Phòng - Hồng Kông - Thượng Hải cũng được thiết lập do đồng chí Nguyễn Lương Bằng phụ trách.

Trong những năm 1926-1929, hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên dần dần thâm nhập vào các tổ chức yêu nước ở Hải Phòng. Từ Hải Phòng, nhiều số báo *Thanh niên* và tác phẩm *Đường kách mệnh* của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc được chuyển đi khắp cả nước. Đầu năm 1927, Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Phòng được thành lập, do đồng chí Nguyễn Tường Loan làm Bí thư, phong trào yêu nước và cách mạng ở Hải Phòng trở nên sôi nổi, nhất là những năm 1926-1927, khi nổ ra phong trào học sinh, sinh viên bãi khóa để tang cụ Phan Châu Trinh, đòi ân xá cụ Phan Bội Châu. Đồng chí kể lại: "Lúc đó tôi mới độ 9-10 tuổi,

nhưng do chịu ảnh hưởng của phong trào để tang cụ Phan Chu Trinh và bãi khóa phản đối việc thực dân Pháp bắt và đưa cụ Phan Bội Châu ra tòa xử chỉ vì tội yêu nước, nên số đông học sinh chúng tôi nhất quyết không chịu chăm chỉ học hành để lớn lên làm thầy thông, thầy ký, làm những tên nô lệ, tay sai của thực dân, phong kiến. Chúng tôi bàn với nhau để tìm cho ra một tương lai cao sáng, một cuộc sống cho xứng đáng với thanh niên Việt Nam, với con Lạc cháu Hồng"[(1)].

Cũng vào thời gian này, tổ chức *Học sinh đoàn* do Chi hội Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hải Phòng lãnh đạo được thành lập trong Trường Bonnan và một số trường khác. Nguyễn Văn Cúc được kết nạp vào *Học sinh đoàn*, từ đó anh bước dần vào con đường hoạt động yêu nước. Nhớ lại sự kiện này, đồng chí kể lại: "Tôi còn nhớ mãi một chuyện rất đậm về anh Thế Lữ ở một lớp học thêm tại nhà anh. Mẹ của anh là cụ lang Thụ lúc đó chuyên trị bệnh cho trẻ em. Lớp học thêm tại nhà anh có 5-6 anh em trong đó có tôi. Hôm khai giảng, tôi thấy trên bàn cao có để hình cụ Phan Bội Châu và cụ Phan Chu Trinh… Các anh lôi trong chuồng ra một con gà trống đem chặt cổ. Hành động đó ngầm như một lời răn, nếu ai trong số chúng tôi không giữ bí mật thì sẽ bị chặt cổ như con gà. Kể lại bây giờ việc làm như vậy nghe có vẻ tức cười, nhưng đối với chúng tôi lúc đó thiêng liêng lắm. Sau đó tôi được biết, đó là tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội"[(2)]. Tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Hải Phòng rất quan tâm bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho hội viên, nhiều lớp lý luận cách mạng được tổ chức. Nội dung gồm: lịch sử tiến hóa nhân loại, những kiến thức sơ giản về chủ nghĩa cộng sản, về chủ nghĩa tư bản, về tư cách người cách mạng, về phương pháp vận động và tổ chức quần chúng, v.v.. Nguyễn Văn Cúc cùng các bạn đã tham gia các lớp huấn luyện, rồi trở thành hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nguyện hiến dâng tuổi trẻ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

[(1)] *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr.43.

[(2)] *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.35-36.

Nhờ hoạt động tích cực của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, từ cuối năm 1928 phong trào cách mạng ở Hải Phòng có chuyển biến lớn. Tháng 3-1929, Hội nghị Kỳ bộ Bắc Kỳ của Thanh niên họp tại số nhà 5D, phố Hàm Long (Hà Nội), thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên để chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản và cử đại biểu đi dự Đại hội của Hội Thanh niên. Nắm được tình hình và yêu cầu trên, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh đã cùng các đồng chí Hoàng Văn Đoài (tức Ninh), Nguyễn Hữu Căn (tức Phi Vân) đứng ra thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Hải Phòng. Đó là kết quả của quá trình vận động, phát triển của phong trào công nhân và phong trào cách mạng ở thành phố, là kết quả hoạt động không mệt mỏi của các chiến sĩ cách mạng nơi đây. Hải Phòng là một trong những địa phương có chi bộ cộng sản sớm nhất ở trong nước. Từ chi bộ đầu tiên, khi Đông Dương Cộng sản Đảng tuyên bố thành lập (tháng 6-1928), ở thành phố Hải Phòng và Kiến An đã có 14 chi bộ cộng sản với hơn 100 đảng viên.

Đầu tháng 8-1929, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng đã chỉ định các đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Hữu Căn, Hoàng Văn Đoài tham gia Ban Tỉnh ủy lâm thời Hải Phòng do đồng chí Nguyễn Đức Cảnh làm Bí thư. Năm 1930, sau khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thống nhất ba tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thì tháng 4-1930 Tỉnh ủy Hải Phòng quyết định chuyển tất cả đảng viên và các chi bộ của Đông Dương Cộng sản Đảng thành đảng viên và chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời của Đảng bộ Hải Phòng đã đẩy phong trào cách mạng nơi đây sang thời kỳ phát triển mới. Đảng bộ Hải Phòng ra tuyên ngôn giải thích ý nghĩa việc thành lập Đảng và đẩy mạnh tuyên truyền đấu tranh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5. Về sự kiện này, Báo *Courrier d'Hai Phong*, ngày 24-4-1930 ghi: "Nhằm mục đích tổ chức cuộc rối loạn 1-5, nhiều người đi xe đạp, rải truyền đơn trong những phố người Nam ở Hạ Lý, Tám Gian, phố lò Sát Sinh… Trong đêm 21, 22, lúc 1 giờ sáng, những người cộng sản đã ráo riết rải truyền đơn".

Vào thời gian này, Nguyễn Văn Cúc lên lớp Nhất và chuyển về học ở Trường Giăng Đuypuy, gần Bến Bính. Anh và các bạn ở Trường Giăng Đuypuy, Trường Bonnan tham gia rất tích cực vào việc rải truyền đơn. Sáng sớm ngày 01-5-1930, Nguyễn Văn Cúc, Nguyễn Văn Thiêm và Lê Viên được tổ chức giao nhiệm vụ rải truyền đơn dọc phố Cát Dài. Về sự kiện này, đồng chí kể lại: "Buổi sáng sớm hôm đó, vào giờ tập thể dục, chúng tôi đi đầu trần, chân đất, mặc quần cụt cùng với bó truyền đơn trong tay với nhiệm vụ là rải truyền đơn dọc phố Cát Dài (Hải Phòng). Chúng tôi không hay biết là ở ngã tư của phố thường có cảnh binh đứng đó. Bởi vậy khi rải tới ngã tư, cảnh binh phát hiện thấy và bắt cả ba chúng tôi"[(1)]. Các anh bị chúng đưa về giam ở Sở Mật thám Hải Phòng. Tiếp đó, ngày 14-5-1930, đồng chí Hoàng Quốc Việt, đồng chí Nguyễn Thị Thuận cũng bị địch bắt tại cơ quan giao thông (số 6, phố Tuaran). Có đồng chí về Hải Phòng chuẩn bị dự Hội nghị Trung ương cũng bị bắt như đồng chí Phạm Hữu Lầu…

Đấu tranh của quần chúng yêu nước càng sôi nổi, mạnh mẽ, kẻ thù càng tăng cường khủng bố, bắt bớ, giam cầm. Đến cuối năm 1930, các nhà giam ở Sở Mật thám Hải Phòng chật ních tù nhân. Đồng chí Hoàng Quốc Việt nhớ lại: "Chúng tôi bị giam ở Sở Mật thám Hải Phòng. Sang đầu tháng 5, nhiều anh em cũng bị bắt và giam cùng với chúng tôi… Mới đầu xà lim còn rộng, nhiều xà lim khác cũng bỏ không. Sau ngày 01-5, xà lim nào xà lim ấy chật ních… Đến giữa hè thì anh em bị bắt về Sở Mật thám Hải Phòng lại càng đông. Trong xà lim nóng không chịu được"[(2)]. Bị giam ở Sở Mật thám Hải Phòng, được chứng kiến những vụ tra tấn dã man của kẻ thù, Nguyễn Văn Cúc càng căm thù giặc. Anh bị tòa án thực dân kết án 18 tháng tù và đưa về giam tại Khám lớn Hải Phòng. Lúc này, các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Lê Thanh Nghị và nhiều cán bộ cách mạng hoạt động ở Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên bị địch bắt, có người chưa thành án cũng bị chúng đưa về giam tại

---

(1) *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.36.

(2) Hoàng Quốc Việt: *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, Hà Nội,1976, tr.134.

đây. Ngày 26-01-1931, thực dân Pháp đưa 191 tù chính trị ra xử tại phiên tòa đặc biệt ở thị xã Kiến An, trong số đó có Nguyễn Văn Cúc. Anh bị kết án phát lưu chung thân cùng với mức án 18 tháng tù mà chúng xử anh ở Hải Phòng trước đó. Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* ngày 19-2-1931, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tường thuật khá chi tiết về vụ án này, trong đó có chi tiết: "414 tù chính trị bị đem đi đày, trong số đó có các cụ già 67 tuổi, các trẻ em trai và gái mới 15 tuổi, 44 tù chính trị bao gồm học sinh từ 15-16 tuổi, bị án tổng số bằng 219 năm khổ sai và 1 án khổ sai chung thân"(1). Điều này cho thấy Người nắm rất vững tình hình trong nước, đặc biệt chi tiết về những học sinh bị án khổ sai, trong đó Nguyễn Văn Cúc và các bạn của anh.

Mùa đông năm 1931, Nguyễn Văn Cúc và nhiều chiến sĩ cách mạng bị đày ra Côn Đảo, trong đó có cả những chiến sĩ cộng sản ở Nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) đưa xuống. Đồng chí Nguyễn Văn Túc (Nguyễn Công Hòa) nhớ lại: "Lần ấy bọn mật thám đưa chúng tôi từ Hà Nội về Hải Phòng vào ban đêm để dân chúng không biết. Đoàn tù có cả trăm người, cả đồng chí Ngô Gia Tự, Tô Chấn… Khi tàu đến Sáu Kho đã 11 giờ đêm, chúng đưa tù xuống hầm tàu, còng chân hai người một. Tôi và anh Cúc bị còng chung. Không khí đêm đông lãnh lẽo và yên tĩnh đến rợn người. Chỉ nghe tiếng nước vỗ ì oạp dưới mạn tàu, tiếng còi khô lạnh và tiếng quát tháo của bọn lính áp tải"(2). Mặc dù kẻ thù bưng bít, nhưng hàng trăm đồng bào được tin, bất chấp đêm khuya giá lạnh đã kéo ra bến Sáu Kho hô vang khẩu hiệu: *Đả đảo thực dân Pháp*! Nằm trong hầm tàu, anh Cúc nghe thấy tiếng gọi của cô em gái mình mới 11 tuổi lẫn trong tiếng ồn ào của đám đông: *Anh Cúc ơi! Em nhớ anh lắm! Anh giữ sức khỏe để về với em*. Tiếng gọi hai, ba lần run run, yếu ớt giữa đêm đông. Biết người bạn tù ngồi cạnh cũng nghe thấy tiếng gọi của em gái mình, anh bấm tay người bạn tù nói: *Em gái tôi đấy*. Anh đâu ngờ, vài năm sau thì cô em gái nhỏ của anh đã qua đời vì thương nhớ anh trai của mình và trong cảnh sống côi cút cả cha lẫn mẹ. Ba ngày đêm lênh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.75.

(2) *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.50-51.

đênh trên biển, tàu cập bến Ô Cấp (Vũng Tàu). Nhiều chiến sĩ cách mạng ở Nam Kỳ bị đẩy lên tàu cùng chuyến lưu đày ra địa ngục trần gian Côn Đảo.

Tại Nhà tù Côn Đảo, Nguyễn Văn Cúc bị giam ở banh 1 cùng với các đồng chí bị đày ra từ trước như Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Bùi Công Trừng, Ngô Gia Tự, Nguyễn Hới (người tổ chức anh vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên hồi ở Trường Bonnan), v.v., nên anh càng vững tin, vượt qua mọi thử thách. Cuối năm 1931, đầu năm 1932, sau chiến dịch khủng bố ác liệt của kẻ thù, số tù nhân bị đày ra Côn Đảo đông hơn, trong đó có những chiến sĩ ưu tú của Đảng như: Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh… Đầu năm 1932, chi bộ đặc biệt của Đảng ra đời ở banh 1 để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống khủng bố, giữ vững khí tiết và duy trì nền nếp học tập trong tù. Nguyễn Văn Cúc và các chiến sĩ cộng sản thường xuyên tổ chức học văn hóa và lý luận Mác - Lênin. Đồng chí nhớ lại: "Ở trong tù tôi còn tiếp tục học thêm tiếng Pháp. Trong số người dạy có anh Nguyễn Đức Chính. Hồi đó anh Phạm Văn Đồng được một số thủy thủ tiến bộ người Pháp cho nhiều sách báo tiếng Pháp nói về chủ nghĩa Mác - Lênin. Anh đem cất giấu và dịch ra tiếng Việt. Tôi cũng được anh Đồng cho tham gia dịch và còn được dự một khóa huấn luyện về chủ nghĩa Mác - Lênin. Tham gia dạy lý luận Mác - Lênin có nhiều đồng chí, trong đó có đồng chí Bùi Công Trừng… Do đó, tuy chưa có điều kiện đi học ở nước ngoài, nhưng tôi đã bắt đầu tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin tại khóa học trong nhà tù"[(1)]. Là một trong những người trẻ nhất bị giam giữ, Nguyễn Văn Cúc rất ham học và có ý chí vươn lên, dần dần đồng chí không chỉ đọc và nghiên cứu được các tác phẩm kinh điển bằng tiếng Pháp như: *A.B,C về chủ nghĩa cộng sản, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, v.v., mà còn đọc được những cuốn tiểu thuyết như *Mười ngày rung chuyển thế giới* của J. Rít và nhiều cuốn sách khác.

[(1)] *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.37.

Vào giữa những năm 30 của thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến động, nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đến gần. Quốc tế Cộng sản chủ trương thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình. Tháng 5-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp thắng cử, Chính phủ Nhân dân Pháp được thành lập, đã chỉ thị cho chính quyền thuộc địa Đông Dương đại xá chính trị phạm. Trong mấy tháng cuối năm 1936, khoảng hơn 500 tù chính trị được trả lại tự do trở về đất liền, trong số đó có các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Lương Khánh Thiện, Nguyễn Văn Cúc, v.v.. Trên đường đi, tàu ghé Ô Cấp (Vũng Tàu) để các đồng chí Nam Bộ trở về đất liền, qua Đà Nẵng để các đồng chí Trung Bộ lên bờ, rồi tàu chạy tiếp ra Hải Phòng. Các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Quốc Việt, Lương Khánh Thiện, Nguyễn Văn Cúc, v.v. lên bến Hải Phòng, sau đó trở về Hà Nội. Các đồng chí bắt tay ngay vào việc bắt liên lạc, tổ chức và bước vào trận chiến đấu mới.

Tháng 9-1936, đồng chí Nguyễn Văn Minh - một cán bộ tốt nghiệp Trường Đại học Phương Đông về tới Hà Nội đã cùng một số đồng chí khác tổ chức một cuộc họp bí mật tại một cơ sở cách mạng thuộc huyện Gia Lâm (Hà Nội) lập ra *Ủy ban sáng kiến* - cơ quan lâm thời của Xứ ủy Bắc Kỳ, với nhiệm vụ chỉ đạo việc khôi phục Thành ủy Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác. Cuối năm 1936, nhiều cán bộ, đảng viên vừa thoát khỏi nhà tù đế quốc lần lượt về hoạt động ở Hà Nội, bắt liên lạc được với Ủy ban sáng kiến để nhận công tác. Tháng 3-1937, tại Hà Nội, Xứ uỷ Bắc Kỳ chính thức được tái lập gồm các đồng chí Hoàng Văn Nọn, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Văn Minh, Lương Khánh Thiện, Đặng Xuân Khu, Hoàng Quốc Việt, Đinh Xuân Nhạ… do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư. Sau đó, Thành ủy Hải Phòng và nhiều tỉnh ủy ở miền Bắc cùng được khôi phục lại. Trở lại Hà Nội cuối năm 1936, thời gian đầu đồng chí Nguyễn Văn Cúc được phân công giúp việc Ủy ban sáng kiến, sau đó là Xứ ủy Bắc Kỳ. Đầu năm 1937, đồng chí được Xứ ủy cử trở lại Hải Phòng tham gia chỉ đạo khôi phục cơ quan Thành ủy

Hải Phòng. Tại Hải Phòng, đồng chí bắt liên lạc ngay với các đồng chí Nguyễn Văn Túc, Lương Khánh Thiện, Bùi Lâm và các đồng chí khác đang hoạt động ở đây. Tháng 3-1937, sau khi tái lập Xứ ủy Bắc Kỳ, các đồng chí Xứ ủy viên Hoàng Quốc Việt, Đinh Xuân Nhạ cũng được Xứ ủy cử xuống tăng cường cho việc khôi phục tổ chức đảng ở Hải Phòng.

Tháng 4-1937, tại một sơ sở cách mạng ở Ngõ Đá, phố Cát Dài, Hội nghị lập lại Thành ủy Hải Phòng được tổ chức gồm các đồng chí Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Văn Cúc, Đinh Xuân Nhạ, Nguyễn Văn Vượng, Hoàng Văn Trình, Tư Thành… Các đồng chí nhất trí cử đồng chí Nguyễn Văn Cúc làm Bí thư, nhưng đồng chí nhất mực từ chối và đồng chí đề nghị đồng chí Nguyễn Văn Túc làm Bí thư. Về sự kiện này, đồng chí kể lại: "Trong cuộc họp này có một chuyện làm tôi khó xử: Các đồng chí đều nhất trí bầu tôi làm Bí thư Thành ủy. Việc đó thật bất ngờ đối với tôi. Vì tôi tuy được Trung ương và Xứ ủy phái về lập lại Thành ủy, nhưng bản thân mình lại chưa phải là đảng viên. Cái khó cho tôi là nếu nói thật với các đồng chí rằng mình chưa phải đảng viên thì các đồng chí sẽ thất vọng, mà nhận chức vụ Bí thư Thành ủy thì tôi không dám. Tôi đã xử lý tình huống này bằng cách nhất định không nhận làm Bí thư với lý do rằng mình không phải là thành phần công nhân. Tôi nói với các đồng chí, làm Bí thư ở thành phố đông đảo thợ thuyền lao động này nhất thiết phải là thành phần công nhân. Kết quả cuộc họp đã phải cử một đồng chí khác làm Bí thư Thành ủy đó là anh Nguyễn Văn Túc. Tuy nhiên, trong thực tế thì mọi việc tôi vẫn phải làm gần như một Bí thư Thành ủy nhất là việc liên lạc, đi họp ở trên Xứ ủy, chỉ đạo các đầu mối và phong trào đấu tranh. Anh Túc làm Bí thư nhưng hằng ngày vẫn phải đi làm thợ để có tiền lương nuôi anh và nuôi cả tôi… Tôi báo cáo với Trung ương về chuyện này. Anh Trường Chinh đã quyết định công nhận trở lại cho tôi là vào Đảng năm 1936. Thì ra ở Côn Đảo về, các đồng chí ở Trung ương và Xứ ủy cứ nghĩ tôi đã là đảng viên từ năm 1930 rồi"[1]. Thành ủy Hải

[1] *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.40.

Phòng được tái lập mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng nơi đây.

Trở lại Hải Phòng, đồng chí Nguyễn Văn Cúc lấy tên cụ thân sinh là Nguyễn Đức Lan làm bí danh, trong vai một thầy giáo tiểu học, vừa dạy học vừa hoạt động trong các nhà máy, cơ sở để chắp nối phong trào. Những năm tháng hoạt động ở Hải Phòng, đồng chí nhận được sự yêu thương, đùm bọc che chở của đồng bào, đồng chí đất cảng. Đồng chí kể lại: "Tôi xin vào làm ở Nhà máy Xi măng vì nghĩ rằng phải là công nhân thì việc vận động mới thuận lợi hơn. Hồi ấy có một công nhân làm ở Nhà máy Xi măng đã hơn 20 năm nhưng vẫn bị trả lương thấp nên anh xin nghỉ việc. Tôi viết đơn xin việc làm thay chỗ anh. Bọn nhận đơn là người Pháp thấy đơn viết bằng tiếng Pháp hỏi ai viết, tôi nói là tôi viết. Chúng bèn nhận tôi vào làm với công việc là mỗi sáng tới coi ai làm ai nghỉ thì ghi vào sổ, rồi họ cho đi học thêm về nghiệp vụ. Làm được mấy tháng, tôi đành nghỉ vì công việc của tổ chức rất bận rộn"[(1)]. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, các tổ chức đảng ở Hải Phòng đã hướng dẫn quần chúng lập ra các hội ái hữu như: thủy thủ đường biển, lái xe, công nhân cơ khí, thợ cắt tóc, thợ mộc, tiểu thương, v.v., phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển mạnh mẽ. Cùng với những hoạt động trên, Đảng bộ Hải Phòng đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền báo chí. Đại lý báo đảng ở Hải Phòng làm tốt công việc phát hành, vận động quần chúng mua và đọc báo Đảng như tờ *Notre Voix*, *Le Travail*, *Tiến lên*, *Tin tức*…, không chỉ ở Hải Phòng mà lan rộng cả Bắc Kỳ và vùng mỏ.

Tháng 3-1938, đồng chí Nguyễn Văn Túc - Bí thư Thành ủy được Xứ ủy Bắc Kỳ điều đi nhận công tác khác, đồng chí Nguyễn Văn Cúc đảm nhiệm thay, chỉ đạo phong trào cách mạng Hải Phòng và các vùng phù cận. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí và Thành ủy Hải Phòng phong trào phát triển đều khắp. Điển hình là hoạt động Kỷ niệm ngày 1-5-1938, đoàn đại biểu công nhân và các giới lao động Hải Phòng được cử lên Hà Nội tham gia mít tinh biểu dương lực

(1) *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.38.

lượng tại khu Đấu Xảo do Đảng tổ chức; Đại biểu Đoàn Thanh niên Dân chủ Hải Phòng tham gia Đại hội Đoàn Thanh niên Dân chủ toàn quốc; đại biểu tiểu thương Hải Phòng lên tham gia Hội chợ, v.v.. Tháng 9-1939, đồng chí Nguyễn Văn Cúc được Trung ương điều động vào tăng cường cho Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, đồng chí bàn giao công việc cho đồng chí Tô Hiệu. Rời Hải Phòng với biết bao lưu luyến, sau này đồng chí tâm sự: "Tuy tôi quê ở Hưng Yên, sinh ra ở Hà Nội nhưng đối với tôi, tôi coi mình như người của thành phố cảng Hải Phòng. Coi như sinh đẻ ở Hải Phòng một lần nữa. Và, tôi nhận Hải Phòng là quê hương, bởi vì tôi trưởng thành bắt đầu từ nơi thân thương ấy"[(1)]. Đến Sài Gòn, đồng chí được cử phụ trách Phó Bí thư Thành ủy nhằm tăng cường chỉ đạo cuộc đấu tranh chống các thủ đoạn lừa bịp của Đảng Lập hiến và bọn tờrốtkít. Đồng chí đã về thành phố Mỹ Tho ở tòa soạn *Đông Dương tạp chí* tại đường Galliêni (nay là đường Trưng Nhị) để tham gia việc chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương 6 bàn về chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt Nam phù hợp với tình hình mới. Từ đây, đồng bào, đồng chí Nam Bộ gọi đồng chí với cái tên trừu mến: anh Mười Cúc[(2)].

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương ra lệnh tổng động viên, bắt nhân dân ta đi làm bia đỡ đạn cho chúng. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương là Catơru ban hành hàng loạt nghị định cấm các hoạt động tuyên truyền cộng sản, cấm các tờ báo tiến bộ, giải tán các hội ái hữu, các nghiệp đoàn, v.v.. Không khí khủng bố bao trùm cả nước, các tờ báo của Đảng bị đóng cửa, tài sản bị tịch thu, người làm báo bị bắt, cuộc đấu tranh của nhân dân ta đứng trước thử thách mới. Ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng đã ra *Thông cáo cho các đồng chí các cấp bộ*, trong đó nêu rõ: "Hiện nay tình hình đã thay đổi nhiều. Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng, hoàn toàn vấn đề ấy mau hay chậm là tùy theo tình hình thế giới và năng lực của

---

(1) *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.41.

(2) Từ đây chúng tôi gọi là Mười Cúc thay cho Nguyễn Văn Cúc.

các đồng chí"[1], đồng thời, chỉ thị cho các bộ phận hoạt động công khai của Đảng nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng.

Theo chỉ thị của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu từ Trung Kỳ cùng đồng chí Tổng Bí thư rút vào hoạt động tại Nam Kỳ. Tại căn nhà số 312, đường Nguyễn Tấn Nghiệp (Sài Gòn), các đồng chí thường xuyên có những cuộc gặp gỡ, trao đổi, gấp rút chuẩn bị Hội nghị Trung ương 6. Các đồng chí Võ Văn Tần, Tạ Uyên, Mười Cúc, Nguyễn Thị Minh Khai cũng được điều lên Sài Gòn để cùng các đồng chí Trung ương và Tổng Bí thư chuẩn bị tham dự Hội nghị. Khoảng đầu tháng 10-1939, nhận chỉ thị của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Mười Cúc ra công tác ở miền Trung với nhiệm vụ truyền đạt tình hình và chỉ thị của Trung ương cho các đồng chí Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập đang bị an trí tại quê hương Nghệ Tĩnh và triệu tập các đồng chí vào Sài Gòn họp chuẩn bị họp Hội nghị Trung ương. Đồng chí Mười Cúc có gặp đồng chí Hà Huy Tập, nhưng trong bối cảnh bọn AB (bọn chống cộng) chui vào phá hoại, ly gián Đảng bộ Trung Kỳ, lại chưa biết mặt đồng chí Mười Cúc, sợ rơi vào bẫy bọn AB, nên đồng chí Hà Huy Tập không đi ngay, sau đó bị địch bắt lại.

Trong các ngày 6, 7, 8-11-1939, tại Mười tám thôn Vườn Trầu, Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định), Hội nghị Trung ương 6 họp dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Hội nghị đã thảo luận tình hình quốc tế, trong nước. Đối với cách mạng Đông Dương, Hội nghị xác định mục tiêu chiến lược trước mắt là đánh đổ đế quốc và phong kiến tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Những quyết định của Hội nghị thể hiện bước chuyển hướng chiến lược quan trọng của Đảng ta, mở ra cao trào cách mạng giải phóng dân tộc. Sau hội nghị, các cán bộ dự họp được phân công về các địa phương truyền đạt Nghị quyết và thực hiện chủ trương chuyển hướng hoạt động. Là người

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.756.

trẻ nhất trong cơ quan Xứ ủy, đồng chí Mười Cúc được Trung ương cử ra miền Trung công tác nhằm lập lại Xứ ủy Trung Kỳ.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Anh, Pháp nhảy vào vòng chiến, nhưng đều bị thất bại trước quân Đức. Ngày 22-6-1940, Chính phủ Pháp đầu hàng liên quân Đức - Ý. Để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, ngày 22-9-1940, quân Nhật đổ bộ vào Hải Phòng, Lạng Sơn. Tại Hà Nội, chính quyền thuộc địa đầu hàng, ký hiệp ước cho Nhật sử dụng lãnh thổ Bắc Kỳ vào mục đích quân sự. Khước từ đề nghị của những người cộng sản về phòng thủ chung Đông Dương, chính quyền thực dân Pháp vừa đầu hàng quân Nhật vừa tăng cường đàn áp phong trào cách mạng. Không khí khủng bố tràn lan, nhiều cơ sở cách mạng bị địch phá vỡ, nhiều cán bộ, đảng viên bị chúng bắt, giết hại, tù đày. Trong năm 1940, lần lượt các đồng chí trọng yếu của Đảng bị địch bắt như: Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Vũ Văn Hiếu, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến… Đầu năm 1941, đồng chí Mười Cúc cũng bị địch bắt.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940), chính quyền thuộc địa tăng cường khủng bố khốc liệt. Trong cuộc đại khủng bố ấy, Đảng ta bị tổn thất nặng nề. Hầu hết các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, hàng nghìn cán bộ, đảng viên bị địch bắt, giết hại. Các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến… bị kẻ thù xử bắn. Các đồng chí Lê Hồng Phong, Lê Duẩn, Vũ Văn Hiếu, Mười Cúc cùng hàng trăm đồng chí khác bị chúng đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Nhà tù Côn Đảo trong những năm 1941 - 1942 có tới hơn 4.000 tù nhân. Đồng chí Nguyễn Thanh Hà, người cùng bị đày ra Côn Đảo kể lại: "Một hôm sau bữa ăn, chúng tôi xếp hàng đi vào Khám. Tôi đi gần anh Mười Cúc. Không hiểu sao tên gác đăng Tây quất anh mấy roi gân bò làm anh té quỵ. Không một chút sợ hãi, anh Mười quay ngoắt lại nhìn trừng trừng tên này. Trong ánh mắt anh như có tia máu. Tôi không bao giờ quên được nét mặt đầy căm hờn và đôi

mắt rực lửa của anh. Anh Mười là một trong những tấm gương bất khuất đầy bản lĩnh khi đối mặt với quân thù"[1]. Biến nhà tù thành trường học cách mạng, các đồng chí trong tù rất tích cực học tập. Đồng chí Nguyễn Thanh Hà kể: "Khi cánh cửa phòng giam đóng sầm lại, bên trong là thế giới riêng của chúng tôi. Ở góc này là một lớp học văn hay học toán, góc kia là lớp triết học hay kinh tế chính trị học. Tôi thì đang truyền đạt lại cho mấy anh em trẻ mới ra đảo bài học *Cách mạng Đông Dương* nhờ thụ giáo với đồng chí Trần Văn Giàu ở Khám Lớn Sài Gòn. Anh Mười Cúc thì đang nhẩm lại truyện thơ *Kim Vân Kiều* của thi hào Nguyễn Du do một anh mới ra đảo giấu đem vào Khám. Ở chính giữa phòng, anh em bu quanh anh Ba Duẩn nghe anh phân tích"[2]. Từ giữa năm 1943, việc tiếp tế cho Nhà tù Côn Đảo không thường xuyên, lương thực, thực phẩm thiếu thốn, lợi dụng chủ trương của viên Quản đốc nhà tù cho tù nhân ra ngoài lao động để giải quyết nạn thiếu đói, các đồng chí ta tranh thủ củng cố chi bộ. Qua các đồng chí mới bị đưa ra đảo, các đồng chí bị tù ở Côn Đảo nắm vững tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (tháng 5-1941), Mười chính sách của Việt Minh và chủ trương của Đảng về khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Sau khởi nghĩa 19-8-1945 ở Hà Nội thắng lợi, ngày 25-8-1945, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn khởi nghĩa giành chính quyền. Các đồng chí ở Côn Đảo nắm được tình hình ở các địa phương trong cả nước, Đảng ủy Côn Đảo quyết định giành chính quyền trên đảo bằng phương pháp hòa bình. Sau một số cuộc thảo luận gây sức ép với chủ đảo, chính quyền cách mạng ở Côn Đảo được thành lập với sự tham gia của đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Văn Sĩ. Chiều ngày 17-9-1945, một cuộc mít tinh được tổ chức ở Côn Đảo mừng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và đón chào phái đoàn Xứ ủy và nhân dân Nam Bộ ra đón những người con ưu tú của Đảng trở về đất liền, chuẩn bị bước vào trận chiến đấu mới.

---

[1],[2] *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.60-61.

2. Trong bộ chỉ huy cách mạng miền Nam, người cộng sản kiên định, sáng tạo

Các đồng chí ở Nhà tù Côn Đảo trở về đất liền đúng vào lúc nổ ra cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ (23-9-1945). Đồng chí Mười Cúc cùng với các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Văn Sĩ, v.v. tham gia Ban Tổ chức, phân công các đồng chí vừa ra tù về tăng cường cho các địa phương xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng. Đồng chí Mười Cúc được phân công vào đội ngũ lãnh đạo phong trào cách mạng ở nội thành Sài Gòn - Gia Định, đồng chí liền bắt tay ngay vào việc tổ chức quần chúng tiến hành tổng bãi công, bất hợp tác với địch, kêu gọi đồng bào xây dựng chướng ngại vật cản bước tiến của quân Pháp. Thực dân Pháp tăng cường viện binh, mở rộng đánh chiếm ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ ngày càng ác liệt.

Ngày 15-10-1945, tại Cầu Vĩ (Mỹ Tho), diễn ra Hội nghị cán bộ Nam Bộ. Tham dự Hội nghị có các cán bộ chủ chốt của hai xứ ủy (Tiền phong và Giải phóng) cùng những đồng chí mới từ Côn Đảo trở về như các đồng chí Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Mười Cúc… Hội nghị bàn thống nhất tổ chức đảng, thống nhất Việt Minh và các đoàn thể quần chúng, quyết định giải thể hai xứ ủy cũ, bầu Xứ ủy thống nhất lâm thời gồm 11 đồng chí do đồng chí Tôn Đức Thắng làm Bí thư. Ngày 25-10-1945, Xứ ủy lâm thời triệu tập Hội nghị mở rộng tại Thiên Hộ (Mỹ Tho) có đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng tham dự. Hội nghị biểu dương thành tích chiến đấu của quân và dân Nam Bộ. Theo đề nghị của đồng chí Tôn Đức Thắng, Hội nghị bầu đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy lâm thời, cử đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam Bộ thay đồng chí Trần Văn Giàu ra nhận công tác ở Trung ương. Cùng thời gian này, đồng chí Nguyễn Bình được Chủ tịch Hồ Chí Minh phái vào Nam. Ngày 20-11-1945, đồng chí Nguyễn Bình triệu tập 40 đại biểu các lực lượng quân sự miền Đông. Hội Nghị nhất trí cử đồng chí Nguyễn Bình làm Tư lệnh Giải phóng quân Nam Bộ, đồng chí Vũ Đức làm Chính ủy. Để tăng

cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, ngày 10-12-1945, Xứ ủy lâm thời triệu tập Hội nghị mở rộng tại Bình Hòa Nam, Đức Huệ (Long An), đồng chí Mười Cúc tham dự Hội nghị. Hội nghị quyết định giải thể Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam do đồng chí Cao Hồng Lĩnh làm Chủ tịch. Theo quyết định của Trung ương, Nam Bộ được chia làm ba khu: Khu VII, Khu VIII và Khu IX. Việc củng cố hệ thống lãnh đạo Đảng và chỉ huy quân sự có tác dụng lớn đối với cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, từ đó cuộc kháng chiến nơi đây có bước phát triển vững chắc hơn.

Thời gian này, ở Sài Gòn - Chợ Lớn có hai tổ chức đảng, một là Ủy ban Việt Minh Chợ Lớn, một là Thành bộ Việt Minh Sài Gòn. Sau khi tìm hiểu kỹ hoạt động của hai tổ chức, đồng chí Mười Cúc đề xuất ý kiến với Xứ ủy việc thống nhất hai tổ chức trên và ý kiến của đồng chí được Xứ ủy đồng ý. Tháng 5-1946, tại một địa điểm cạnh hồ bơi An Đông, hai tổ chức đảng đã họp, thống nhất lập ra Thành ủy lâm thời do đồng chí Trịnh Đình Trọng làm Bí thư, các Ủy viên là Nguyễn Thọ Chân, Nguyễn Văn Chí… Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy lâm thời Sài Gòn - Chợ Lớn, nhân dân thành phố đã tiến hành đấu tranh tẩy chay Chính phủ "Nam Kỳ tự trị", đấu tranh đòi hòa bình, dân chủ… Kết quả sau 5 tháng tồn tại, Chính phủ "Nam Kỳ tự trị" đã bị tan rã, Nguyễn Văn Thinh phải treo cổ tự tử, Xêđin bị bãi chức phải về nước… Tháng 11-1946, tại chiến khu Đồng Tháp Mười, đồng chí Mười Cúc dự Hội nghị cán bộ do Xứ ủy tổ chức. Dự Hội nghị có các đồng chí Nguyễn Văn Kỉnh, Hoàng Dư Khương, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Đức Thuận, Trần Văn Trà và đại biểu của miền Trung và miền Tây Nam Bộ. Tại Hội nghị, đồng chí Mười Cúc được bầu bổ sung vào Xứ ủy.

Những tháng cuối năm 1946, thực dân Pháp mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn cõi Việt Nam. Không thể nhân nhượng thêm nữa, ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Trung ương Đảng ra chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*. Tháng 4-1947, tại căn cứ Bà Vụ (Vườn Thơm) diễn ra Hội nghị cán

bộ đảng Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí Lê Duẩn thay mặt Xứ ủy dự Hội nghị. Hội nghị đã cử ra Ban Chấp hành chính thức gồm 15 đồng chí, do đồng chí Mười Cúc làm Bí thư. Từ đây, đồng chí giữ trọng trách người lãnh đạo cao nhất phong trào cách mạng ở Sài Gòn - Chợ Lớn, trực tiếp chỉ đạo củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng và lãnh đạo phong trào cách mạng thành phố trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Nhằm tăng cường công tác phát triển cơ sở đảng, đồng chí Mười Cúc cùng Thành ủy tiến hành xây dựng lại các cơ sở đảng, hình thành các chi bộ liên hiệp xí nghiệp như Basto, Ba Son, Liên chi bộ Tân Định, Đa Kao…, đồng thời, mở lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối cách mạng của Đảng cho cán bộ, đảng viên. Đồng chí Mười Cúc rất chú trọng đến xây dựng các tổ chức quần chúng, các đoàn thể bí mật, công khai và bán công khai, cử một số cán bộ về tăng cường cho các đoàn thể cứu quốc như Liên hiệp Công đoàn, Thanh niên Cứu quốc, Liên đoàn viên chức và công thương, Đảng Dân chủ, v.v.. Ở thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn có hai tờ báo Đảng là tờ *Cảm tử* do đồng chí Lý Chính Thắng phụ trách, tờ *Chống xâm lăng* do đồng chí Mười Cúc phụ trách. Dù bận nhiều công việc, đồng chí viết bài đều cho cả hai tờ báo. Thông qua các bài viết, đồng chí phổ biến chủ trương của Đảng, hướng dẫn các tổ chức cứu quốc về phương pháp hoạt động, đưa tin chiến thắng của quân dân ta trên các chiến trường, làm cho quần chúng tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tháng 5-1947, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Mười Cúc, Thành ủy cùng Ủy ban kháng chiến thành phố quyết định thành lập Trung đoàn Phạm Hồng Thái, do đồng chí Huỳnh Văn Vàng, Thành ủy viên làm Trung đoàn trưởng. Trung đoàn gồm ba tiểu đoàn với các phiên hiệu là Hoàng Văn Thụ, Ngô Gia Tự và Ký Con. Đến cuối năm 1947, đã có 10 đại đội du kích trực thuộc Thành đội dân quân Sài Gòn - Chợ Lớn. Tháng 7-1947, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Mười Cúc và Thành ủy, Mặt trận Việt Minh thành phố mở Hội nghị tại

An Phú Đông, có đại biểu các đoàn thể tham dự với chủ trương mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất chống Pháp xâm lược, vận động các tầng lớp tham gia kháng chiến, chống âm mưu chia rẽ dân tộc, tôn giáo của địch. Cùng với việc xây dựng, củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất và lực lượng vũ trang, đồng chí Mười Cúc còn chú trọng đến xây dựng và củng cố căn cứ địa cách mạng. Việc chăm lo xây dựng hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang và căn cứ địa của Thành ủy và đồng chí Bí thư Thành ủy Mười Cúc đặt cơ sở cho phương hướng phát triển đúng đắn của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Cùng công tác với đồng chí Mười Cúc trong Thành ủy có chị Ngô Thị Huệ, người con gái Bạc Liêu. Lần đầu tiên, chị gặp anh Mười Cúc vào tháng 9-1945 khi chị thay mặt Tỉnh ủy Bạc Liêu đi đón các đồng chí ở Côn Đảo trở về, chị không biết rằng anh Mười Cúc đã để ý đến chị từ ngày ấy. Lần thứ hai khi chị đi dự khóa họp đầu tiên của Quốc hội từ Hà Nội về, anh ra ga đón chị về cơ sở của Thành ủy. Hai người chỉ trao đổi nhanh, rồi chị về ngay căn cứ Đồng Tháp Mười, ít lâu sau, anh viết thư cho chị. Đầu năm 1947, chị được điều về nhận công tác phụ vận và được bầu vào Thành ủy. Từ đó anh chị có điều kiện gần nhau. Ngày 23-5-1948, lễ cưới của anh chị được tổ chức đơn giản tại nhà một đồng chí ở Gò Xoài (thuộc huyện Bình Chánh), chủ hôn là đồng chí Lê Văn Sĩ, đại diện Xứ ủy và là bạn tù thân thiết với đồng chí Mười Cúc ở Côn Đảo.

Giữa năm 1948, đồng chí Mười Cúc được điều động về Xứ ủy công tác, đồng chí Lê Văn Sĩ được cử thay làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Cuối tháng 7-1948, trên bờ kinh Năm Ngàn giữa chiến khu Đồng Tháp Mười, Đại hội đại biểu Đảng bộ Nam Bộ được triệu tập, có đại biểu đảng từ cấp tỉnh, cấp trung đoàn trở lên, nhiều nhân sĩ, trí thức, đại diện Ủy ban kháng chiến hành chính, Mặt trận Liên Việt tham dự. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy chủ trì Đại hội. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ (15 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết) do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Văn Kỉnh, Nguyễn Đức Thuận làm Phó Bí thư,

đồng chí Mười Cúc là Ủy viên Thường vụ Xứ ủy. Để đẩy mạnh kháng chiến, phá kế hoạch bình định của địch, ngày 03-01-1949, Hội nghị quân sự Nam Bộ họp mở rộng, đồng chí Mười Cúc - Thường vụ Xứ ủy tham dự. Hội nghị đề ra nhiệm vụ quân sự cho năm 1949 là: "Ra sức phát triển phong trào dân quân, ra sức phát triển du kích chiến tranh ở vùng đô thị và tạm chiếm, nhất là Sài Gòn - Chợ Lớn, tiến tới đánh phá chính sách mở rộng ngụy quân, ngụy quyền, đánh phục kích giao thông, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, chấn chỉnh lực lượng quân đội, cấp bách xây dựng chủ lực để đáp ứng yêu cầu"[(1)]. Thực hiện chủ trương trên, ngày 27 và 28-2-1949, tại Thiên Hộ (Mỹ Tho), Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn họp Hội nghị, các đồng chí Lê Duẩn, Hoàng Dư Khương, Mười Cúc thay mặt Xứ ủy dự Hội nghị. Hội nghị bầu ra Thành ủy mới gồm 15 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Hộ làm Bí thư. Tháng 8-1949, đồng chí Mười Cúc tham dự cuộc họp của Xứ ủy, nhằm triển khai nhiệm vụ *Tích cực cầm cự chuẩn bị tổng phản công*. Tháng 9-1949, đồng chí dự Hội nghị quân sự Nam Bộ. Hội nghị nhận định: Sài Gòn là chiến trường trọng điểm, nên cần chỉnh đốn về mọi mặt, đẩy mạnh phong trào thi đua giết giặc lập công. Tuy công việc bộn bề, đồng chí Mười Cúc còn tham gia giảng bài cho các lớp huấn luyện dành cho cán bộ trung, cao cấp do Xử ủy mở tại Trường Chính trị Trường Chinh.

Sau thất bại ở Chiến dịch Biên giới năm 1950, đế quốc Mỹ giúp Pháp tăng cường can thiệp vào Đông Dương, chúng coi Sài Gòn - Chợ Lớn là một trọng điểm trong kế hoạch phòng thủ. Tại đây, chúng tăng cường bộ máy cảnh sát, lính kín, tiến hành khủng bố gắt gao, tăng cường hành quân bình định các vùng xung quanh Sài Gòn, gây cho phong trào cách mạng nội thành rất nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Xứ ủy Nam Bộ đã điều đồng chí Mười Cúc, Thường vụ Xứ ủy về tăng cường cho Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Đầu tháng 8-1950, đồng chí triệu tập Hội nghị Thành ủy thông báo quyết định của Xứ ủy về thành lập Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn

---

[(1)] Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (1930-1954) - Sơ thảo*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, t.1, tr.285.

(gồm Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và một phần các huyện thuộc tỉnh Gia Định như Thủ Đức, Gò Vấp, Trung Huyện, Nhà Bè…) và Ban Chỉ huy quân sự Đặc khu do đồng chí làm Chính ủy. Hội nghị bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 đồng chí, do đồng chí Mười Cúc làm Bí thư. Với cương vị Bí thư Đặc khu ủy, đồng chí chỉ đạo rà soát lại các cơ sở nội thành, phát triển lực lượng vũ trang, lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Đồng chí đã cùng lãnh đạo Đặc khu lập ra *Ban Thông tin đặc biệt*, ra tờ báo *Cứu quốc* và đài *Tiếng nói Sài Gòn - Chợ Lớn.* Hoạt động trong nội thành, đồng chí thường xuyên đi xuống cơ sở để nắm tình hình, luôn nhắc nhở cán bộ ở cơ sở rằng, mỗi khi đưa phong trào lên, nhất thiết bảo đảm phát triển lực lượng đi đôi với bảo toàn lực lượng.

Năm 1950, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Mười Cúc và sự lãnh đạo của Đặc Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, phong trào đấu tranh nơi đây diễn ra sôi động với các cuộc đình công của công nhân, điển hình là cuộc bãi khóa của 2.000 học sinh chống việc thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Thực dân Pháp đàn áp dã man, nhiều học sinh bị chết, bị thương, trong đó có Trần Văn Ơn. Hơn 10 vạn người xuống đường đưa tang, hơn 10 vạn người nữa đứng dọc hai bên đường phố tiễn đám tang đi qua. Ngày 09-01-1950 trở thành *Ngày học sinh, sinh viên toàn quốc*. Tiếp đó, ngày 19-3, hàng vạn đồng bào Sài Gòn tham gia cuộc mít tinh tại Trường Tôn Thọ Tường nghe Luật sư Nguyễn Hữu Thọ diễn thuyết, sau đó là cuộc tuần hành thị uy, giương cờ đỏ sao vàng, xé cờ Mỹ, cờ Pháp, hô vang các khẩu hiệu *Phản đối viện trợ Mỹ! Đả đảo Bảo Đại!*…và ngày 19-3-1950 trở thành *Ngày toàn quốc chống Mỹ*. Những chủ trương, biện pháp của Đặc Khu ủy và sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Mười Cúc góp phần quan trọng trong củng cố và phát triển tổ chức đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang trên địa bàn thành phố, hạn chế được sự tổn thất trước sự đánh phá ác liệt của kẻ thù.

Sau Đại hội toàn quốc của Đảng (02-1951), để tổ chức phù hợp với tình hình mới, tháng 6-1951, Trung ương Đảng quyết định giải thể Xứ ủy Nam Bộ, thành lập Trung ương Cục miền Nam để chỉ

đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam. Đặc Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương Cục. Cuối năm 1952, đồng chí Mười Cúc được Trung ương điều động ra Bắc học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, học xong, đồng chí được giữ chức Phó Ban Tuyên huấn Trung ương. Năm 1953, đồng chí tham gia cải cách ruộng đất, phát hiện thấy cách làm theo các cố vấn không phù hợp, đồng chí đã báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh, nêu rõ cách làm ấy không phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Từ năm 1945 đến năm 1954, đồng chí Mười Cúc đã cùng đồng bào miền Nam đi suốt cuộc kháng chiến chống Pháp với những trọng trách Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, Bí thư Đặc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau chiến thắng ở Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ (tháng 7-1954) được ký kết, tháng 9-1954, đồng chí Mười Cúc, Phạm Ngọc Thạch và Cao Đăng Chiếm được Trung ương bố trí trở lại miền Nam công tác. Trước khi lên đường, các đồng chí được Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp và căn dặn những điều cần thiết. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về chuyển hướng công tác trong tình hình mới ở miền Nam, tháng 10-1954, tại căn cứ Chắc Băng (Cà Mau), Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ được tiến hành dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn. Tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn truyền đạt Nghị quyết Trung ương 6 (tháng 7-1954), Chỉ thị của Bộ Chính trị (tháng 9-1954) về nhiệm vụ cách mạng miền Nam. Hội nghị thành lập Xứ ủy gồm 12 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết, do đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư, đồng chí Phạm Hữu Lầu làm Phó Bí thư, đồng chí Hoàng Dư Khương là Thường vụ Xứ ủy. Ban Thường vụ Xứ ủy gồm các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hữu Lầu, Hoàng Dư Khương, Mười Cúc, Phan Văn Đáng, Lê Toàn Thư, Nguyễn Đức Thuận, Phạm Thái Bường, Nguyễn Minh Đường. Hội nghị quyết định chia Nam Bộ thành ba liên khu và Khu Sài Gòn - Chợ Lớn: Liên Khu ủy miền Tây do đồng chí Phạm Thái Bường làm Bí thư, Liên Khu ủy miền Đông do đồng chí Phan Đức làm Bí thư,

Liên Khu ủy miền Trung do đồng chí Nguyễn Minh Đường làm Bí thư, Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn do đồng chí Mười Cúc làm Bí thư.

Ở miền Nam, Ngô Đình Diệm công khai xóa bỏ Hiệp định Giơnevơ, tuyên bố không có tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Ngày 26-10-1955, y thành lập cái gọi là "Nhà nước Việt Nam Cộng hòa", lấy Sài Gòn làm "thủ đô", đồng thời mở những chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" đẫm máu, như chiến dịch Thoại Ngọc Hầu kéo dài 9 tháng ở các tỉnh miền Tây và chiến dịch Trương Tấn Bửu kéo dài 7 tháng ở 8 tỉnh miền Đông. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, chính quyền tay sai đã chi tới 42% ngân sách đô thành cho các cuộc vây ráp, lùng sục, bắt bớ hàng ngàn người mà chúng tình nghi là cộng sản, nhiều đảng viên, quần chúng yêu nước bị chúng giết hại. Để lãnh đạo đấu tranh, đồng chí Mười Cúc tổ chức cho các đảng bộ nghiên cứu Chỉ thị của Ban Bí thư về chống khủng bố, giữ gìn, củng cố cơ sở đảng. Đồng chí nhắc nhở cán bộ, đảng viên nêu cao khí tiết người cộng sản, tinh thần cảnh giác, chủ động đối phó, tiến công địch, bảo vệ tổ chức, xử trí những phần tử phản bội, đồng thời giữ đúng nguyên tắc bí mật trong làm việc và liên lạc của Đảng.

Tháng 6-1956, Bộ Chính trị họp để nhận định tình hình và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam, trong đó vạch rõ: "Hình thức đấu tranh trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang nhưng cần củng cố các lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có; xây dựng các căn cứ làm chỗ dựa; xây dựng cơ sở quần chúng vững mạnh làm điều kiện căn bản để duy trì và phát triển lực lượng vũ trang; tổ chức tự vệ trong quần chúng nhằm bảo vệ các cuộc đấu tranh của quần chúng và giải thoát cán bộ khi cần thiết"[(1)]. Đồng chí Mười Cúc luôn nhắc nhở cán bộ hoạt động vùng đô thị phải triệt để tuân thủ nguyên tắc và phương châm hoạt động của Đảng: tinh giản, bí mật, trọng chất hơn lượng, lấy giáo dục cán bộ, đảng viên làm chính. Những tư tưởng chỉ đạo đó có sự gặp gỡ và nhất trí cao với tư tưởng chỉ đạo

[(1)] *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Sđd, tr.112-113.

của đồng chí Lê Duẩn. Hai đồng chí sát cánh bên nhau, hình thành những chủ trương có tác dụng lớn đối với sự chuyển hướng đấu tranh cách mạng miền Nam, khởi đầu cho sự hình thành *Đề cương đường lối cách mạng miền Nam.*

Khoảng cuối năm 1956, đồng chí Mười Cúc được Trung ương và Xứ ủy điều về công tác ở Xứ ủy Nam Bộ. Để tránh chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" tàn bạo của Mỹ - Diệm, cơ quan Xứ ủy rời thành phố, chuyển lên đóng tại địa điểm bí mật gần biên giới Campuchia. Tháng 01-1957, Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ hai được tiến hành để đánh giá tình hình và bàn chủ trương đấu tranh. Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ Nam Bộ là: "Phải chặn bàn tay phát xít của Mỹ - Diệm, đòi các quyền tự do dân chủ, cơm áo cho nhân dân ta, xây dựng thực lực cách mạng, củng cố Đảng, tăng cường uy thế và vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố khối liên minh công nông và Mặt trận Dân tộc thống nhất"[(1)]. Tại Hội nghị, đồng chí Lê Duẩn trình bày dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng miền Nam,* lấy ý kiến đóng góp, để chuẩn bị ra báo cáo với Trung ương. Cuối tháng 4-1957, đồng chí Lê Duẩn được Bộ Chính trị điều ra Bắc công tác, đồng chí Phạm Hữu Lầu được cử làm Quyền Bí thư Xứ ủy, nhưng hai tháng sau đồng chí lâm bệnh rồi mất, đồng chí Mười Cúc được Trung ương cử làm Quyền Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Trên cương vị mới, đồng chí Mười Cúc cùng với các đồng chí lãnh đạo trong Xứ ủy dũng cảm vượt qua sự khủng bố khốc liệt của kẻ thù, bám trụ kiên cường, giữ vững niềm tin, chèo lái con thuyền cách mạng ở Nam Bộ vượt qua thời kỳ đầy khó khăn, thử thách ác liệt.

Những năm 1957-1958, sau khi thiết lập được bộ máy chính quyền và thắng thế trước các lực lượng giáo phái, theo sự chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cường kìm kẹp nhân dân miền Nam bằng bộ máy cực kỳ tàn bạo. Chúng dồn dân vào các "khu trù mật", "ấp chiến lược", tăng cường bắt bớ, tra tấn, mổ bụng, moi gan nhiều cán bộ, đảng viên, phá vỡ nhiều cơ sở và căn

[(1)] *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975),* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, t.1, tr.24.

cứ cách mạng. Đến cuối năm 1958, chúng đã giết hại khoảng 68.000 cán bộ, đảng viên và những người yêu nước, bắt giam 466.000 người, tra tấn thành thương tật 680.000 người. Nhu cầu đấu tranh vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị trở thành nguyện vọng bức thiết. Những tháng cuối năm 1957, đã có ba trận tiến công lớn của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ vào thị xã Minh Thạnh (Thủ Dầu Một), trại Bé và khu vực Lò Than (Biên Hòa) gây tiếng vang lớn. Trên cơ sở đó, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Mười Cúc, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập Ban Quân sự và Đảng ủy lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ. Cuối tháng 11-1958, đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ ba. Hội nghị nhận định: Những nhiệm vụ mà Hội nghị lần thứ hai (tháng 01-1957) đề ra về cơ bản vẫn còn phù hợp. Tuy nhiên, mức độ đấu tranh cần được gia tăng, mạnh mẽ hơn mới đủ uy lực ngăn chặn chính sách khủng bố của địch.

Sau Hội nghị, Xứ ủy quyết định củng cố căn cứ địa miền Đông Nam Bộ là Chiến khu Đ và Chiến khu Dương Minh Châu cũ, đồng thời mở rộng lên giáp với Tây Ninh, sát biên giới Campuchia. Xứ ủy cũng chỉ thị cho các tỉnh Vĩnh Long, Long An, Rạch Giá, Cà Mau… mở rộng và củng cố căn cứ Đồng Tháp Mười - U Minh. Tại các vùng căn cứ, nhiều "làng rừng" với hàng chục nghìn dân đã được xây dựng, tạo thành căn cứ an toàn để tích lũy vật chất, phát triển lực lượng, tiêu hao sinh lực địch. Tháng 4-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm thông qua Luật 10/59, lập ra tòa án quân sự đặc biệt ở khắp các xã, ấp trên toàn miền Nam, tiến hành các cuộc thảm sát đẫm máu. Tội ác của chúng gây nên làn sóng căm phẫn tột cùng trong nhân dân ta. Nhiều nơi nhân dân đã kiến nghị với các cấp ủy địa phương và Xứ ủy xin trung ương cho vũ trang đánh địch. Trước tình hình đó, đồng chí Mười Cúc cùng các đồng chí trong Xứ ủy nhiều lần bàn bạc, phân tích, đánh giá tình hình. Bản thân đồng chí cũng trực tiếp xuống các cơ sở để khảo sát thực tế, lắng nghe ý kiến của đồng bào, đồng chí, thống nhất nhận định rằng: Ở miền Nam lúc này nhân dân đã thực sự muốn vũ trang để đánh địch, dù ta cứ

cố dùng hình thức đấu tranh hòa bình, nhưng sự tàn bạo của kẻ thù sẽ đẩy quần chúng tự vùng lên đấu tranh. Tháng 01-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp (đợt 1), khi bàn về phương pháp tiến hành cách mạng ở miền Nam còn có ý kiến khác nhau, nên Trung ương tiếp tục nghiên cứu và sẽ kết luận vào đợt 2.

Trên cơ sở thống nhất ý kiến, tháng 7-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (đợt 2) họp thông qua Nghị quyết, xác định: "Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*"[(1)]. Nghị quyết 15 của Đảng đã đáp ứng đúng đòi hỏi của thực tiễn miền Nam, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên, làm xoay chuyển tình thế. Vì trong thời gian 1954-1959, "ta có sai lầm trong chỉ đạo chiến lược, chậm chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, chỉ nhấn mạnh đấu tranh chính trị khi địch đã dùng bạo lực phản cách mạng thẳng tay giết hại cán bộ, nhân dân"[(2)]. Để trung ương nắm được thực tế tình hình cách mạng miền Nam, trong các ngày 11 và 24-10-1959, đồng chí Mười Cúc thay mặt Xứ ủy Nam Bộ đã gửi hai bức điện đề đạt với trung ương cho phép đấu tranh vũ trang. Bức điện ngày 24 ghi rõ: "Chậm nổi dậy đấu tranh vũ trang ngày nào, cách mạng sẽ bị thiệt hại thêm ngày đó. Yêu cầu nổi dậy đấu tranh vũ trang của quần chúng vô cùng bức xúc"[(3)], đồng thời, đồng chí đề nghị Trung ương bổ sung gấp cán bộ quân sự, vũ khí và phương tiện thông tin liên lạc cho Nam Bộ để đẩy mạnh hoạt động quân sự và còn đề nghị xin được gặp Liên khu ủy Khu V để trao đổi, phối hợp hoạt động đấu tranh.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.20, tr.82.

(2) *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.II, tr.104.

(3) *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Sđd, tr.187.

Để trực tiếp chỉ đạo phong trào, cơ quan Xứ ủy từ biên giới Campuchia chuyển về khu căn cứ Trảng Chiên (Tây Ninh). Giữa tháng 11-1959, đồng chí Mười Cúc chủ trì Hội nghị Xứ ủy lần thứ tư mở rộng để bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết 15. Về phương hướng chỉ đạo khởi nghĩa, đồng chí nhận định: "Khởi nghĩa nhất thiết phải nổ ra đồng loạt trên phạm vi rộng, ta phải đập tan thật nhanh gọn bộ máy kìm kẹp của địch ở xã ấp. Hội nghị thảo luận rất kỹ vấn đề thời điểm phát động khởi nghĩa. Theo đồng chí Mười Cúc, thời điểm thích hợp nhất để phát động khởi nghĩa là Tết âm lịch năm 1960, khi ta đã gặt hái xong, lúc đó địch có kéo về phá ta vẫn có gạo ăn"[1]. Đồng chí đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị rằng: "Phong trào cách mạng muốn tồn tại phải nâng cao hoạt động vũ trang lên, phải biết mở rộng và phát huy hoạt động vũ trang, biết tập trung và phân tán linh hoạt trong các vùng nông thôn căn cứ cũ. Cần phát động phong trào đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận để giành quyền làm chủ. Nếu thế và lực ở vùng này được giữ vững thì chẳng những có lợi cho ở đấy mà còn có lợi cho nơi khác, đến các thành thị"[2]. Nghị quyết Trung ương 15 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Xứ ủy Nam Bộ đã thổi bùng ngọn lửa *Đồng khởi* trên toàn miền Nam. Tháng 12-1959, đồng chí Mười Cúc tham dự và chỉ đạo Hội nghị Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định họp tại xã An Thành, Bến Cát (Sông Bé) để sắp xếp lại tổ chức, sáp nhập Đảng bộ Sài Gòn - Chợ Lớn và Đảng bộ tỉnh Gia Định và bàn việc chỉ đạo hoạt động vũ trang của thành phố. Cuối năm 1959, đồng chí lên biên giới tiễn người vợ và các con ra Bắc học tập, công tác. Con trai út của đồng chí là Nguyễn Hùng Linh mới 18 tháng tuổi, đồng chí lấy tên con làm bí danh hoạt động, từ đây đồng chí có tên là Nguyễn Văn Linh.

Theo Nghị quyết của Hội nghị Xứ ủy lần thứ tư và được sự chỉ đạo của Xứ ủy, tháng 11 và 12-1959, tại các tỉnh Kiến Phong, Kiến

---

[1] *Phát biểu* của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2 từ ngày 17-3 đến ngày 30-4-1980, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

[2] Xem Báo *Nhân Dân*, ngày 5-5-1985.

Tường, Tây Ninh, Bến Tre và nhiều địa phương khác, các đảng bộ đã chỉ đạo một số đơn vị vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị tấn công một số đồn bốt và trụ sở ngụy quyền ở địa phương. Tại Bến Tre, đồng chí Nguyễn Thị Định, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre, bàn với các đồng chí Tỉnh ủy viên quyết định phát động *Đồng khởi*. Được sự hỗ trợ của các đội vũ trang tự vệ, quần chúng các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh đã nổi dậy giành quyền làm chủ. Từ huyện Mỏ Cày, cuộc *Đồng khởi* của Bến Tre đã lan sang các huyện Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, giải phóng 22 xã, còn ở 25 xã khác, nhân dân nổi dậy diệt ác trừ gian, phá đồn bốt và khu dồn dân bỏ về làng cũ. Từ thực tế đấu tranh, đồng chí Nguyễn Văn Linh đi đến nhận định: "Như vậy đã có một hình thức đấu tranh mới có thể chặn được xe tăng, đại bác của địch". Đồng chí yêu cầu viết tổng kết, gửi các địa phương để phổ biến kinh nghiệm kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đồng thời gửi báo cáo trung ương và đề nghị trung ương tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam.

Giữa lúc cuộc *Đồng khởi* ở Bến Tre đang sôi động, thì đêm 26-1-1960, các lực lượng vũ trang miền Đông nổ súng tấn công căn cứ Tua Hai giành thắng lợi nhanh gọn. Đây là trận thắng lớn đầu tiên của lực lượng vũ trang Nam Bộ với đòn tiến công quân sự phối hợp với nổi dậy của quần chúng. Cuộc đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị cuối năm 1959 đầu năm 1960 mà điển hình là *Đồng khởi ở* Bến Tre thúc đẩy phong trào *Đồng khởi* phát triển và lan rộng ra toàn miền Nam. Quyết định phát động *Đồng khởi* là quyết định sáng tạo, phản ánh bản lĩnh vững vàng của Xứ ủy Nam Bộ. Sau này, đồng chí Nguyễn Văn Linh kể lại: "Từ đòi hỏi của thực tiễn, với những cơ sở khoa học dẫn tới chủ trương phát động *Đồng khởi*, đề nghị Trung ương cho thực hiện. Đề nghị đó chưa được Trung ương đồng ý… Nhưng làn sóng đấu tranh của quần chúng cách mạng đang rất sôi sục, đang trên đà phát triển có thể bùng nổ vũ trang bất kỳ lúc nào, không thể ngừng được nữa nên Xứ ủy Nam Bộ vẫn quyết định *Đồng khởi*, vì xét thấy phù hợp với tinh thần chỉ

đạo của Bác Hồ, của đồng chí Lê Duẩn. Khi *Đồng khởi* bùng nổ và phong trào phát triển mạnh, Xứ ủy Nam Bộ lại điện báo cáo Trung ương xin chi viện cán bộ, vũ khí, tài chính, lúc đó Trung ương đã tăng cường chi viện cho Nam Bộ"[1]. Ngày 03-8-1960, Hội nghị lần thứ năm mở rộng của Xứ ủy do đồng chí Nguyễn Văn Linh chủ trì. Hội nghị đánh giá kết quả đợt 1 của *Đồng khởi*, đề ra nhiệm vụ tiếp tục phát động đợt 2, bắt đầu từ tháng 9-1960. *Đồng khởi* đợt 2 diễn ra trên địa bàn rộng, hình thức phong phú, đạt hiệu quả cao và lan đến sát Sài Gòn. Tại Củ Chi, ta giải phóng 5 xã, các xã khác giải phóng được nhiều ấp; tại Gia Định, có 30 xã được giải phóng, 2/3 đồn bốt và bộ máy kìm kẹp của địch bị tan vỡ, v.v.. Thắng lợi của phong trào *Đồng khởi* đã tạo ra một vùng căn cứ an toàn cho Xứ ủy, Khu ủy và các tỉnh ủy. Bộ Quốc phòng Mỹ thú nhận: "Đến cuối năm 1960, toàn bộ nông thôn Nam và Tây Nam Sài Gòn và một số vùng phía Bắc, cộng sản đã kiểm soát và bao vây Sài Gòn"[2].

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tổ chức ở Thủ đô Hà Nội. Đại hội khẳng định tính chất trường kỳ, gian khổ của cách mạng miền Nam và những quan điểm về cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam với phương châm hai chân (chính trị và quân sự), ba mũi giáp công (quân sự, chính trị và binh vận), ba vùng (rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị), trong đó đấu tranh vũ trang được khẳng định là yếu tố quyết định trực tiếp. Đây là những yếu tố tạo nên sự nhất trí cao trong các cơ quan tham mưu và lãnh đạo tối cao của Đảng ta trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 48 Ủy viên chính thức, 31 Ủy viên dự khuyết. Lúc đó do giữ bí mật nên các Ủy viên Trung ương được bầu đang công tác ở miền Nam chưa được công bố công khai, đó là các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng, Phạm Văn Xô, Võ Chí Công, Trần Lương, các

---

[1] *Phát biểu* của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh ở chiến trường B2, tháng 4-1982, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

[2] *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975),* Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.326.

đồng chí Ủy viên Trung ương dự khuyết là Võ Văn Kiệt, Phạm Thái Bường, Lê Toàn Thư.

Trên đà thắng lợi của *Đồng khởi*, chấp hành sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị, đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng Xứ ủy Nam Bộ trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị cho sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đồng chí cùng Xứ ủy thảo luận kỹ từ cương lĩnh, nhân sự, thời gian, địa điểm đến màu sắc, hình thức lá cờ của Mặt trận. Ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành (Tây Ninh), Đại hội đại biểu quốc dân miền Nam được triệu tập. Đại hội quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân yêu nước ở miền Nam, với mục tiêu là đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc và tay sai, thực hiện miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới thống nhất Tổ quốc. Sau Đại hội, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy, đứng đầu là đồng chí Bí thư Xứ ủy Nguyễn Văn Linh, khắp các huyện, tỉnh đã thành lập Mặt trận ở các địa phương. Thắng lợi của phong trào *Đồng khởi* và sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tạo nên bước ngoặt của cách mạng miền Nam, từ thế giữ gìn lực lượng cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công. Trong những năm thử thách ác liệt, trên cương vị Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí Nguyễn Văn Linh có những đóng góp quan trọng vào sự chuyển biến đó. Đồng chí là người đứng mũi chịu sào, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công lao và cống hiến của Xứ ủy Nam Bộ, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Văn Linh, của cán bộ, đảng viên trung kiên các cấp, của đồng bào và chiến sĩ miền Nam trong thời kỳ này mãi mãi không phai mờ trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Sau *Đồng khởi*, cách mạng miền Nam phát triển mạnh, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Để đối phó với chiến lược mới của địch, ngày 23-01-1961, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị bàn về *Tình hình và nhiệm vụ mới*, đã quyết định giải thể Xứ ủy Nam Bộ, lập lại Trung ương cục miền Nam, chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, ngày 15-02-1961 (mùng 1 Tết Tân Sửu), tại Bắc Tây Ninh, diễn ra lễ ra mắt Quân đội cách mạng miền Nam. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục đọc Nhật lệnh thống nhất các lực lượng vũ trang thành Quân giải phóng miền Nam Việt Nam và trao cờ cho các đơn vị. Tháng 5-1961, Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam được thành lập, hệ thống quân sự được lập ra từ Miền đến các quân khu và xã. Tháng 10-1961, Hội nghị lần thứ nhất mở rộng do Bí thư Trung Cục Nguyễn Văn Linh chủ trì. Tại Hội nghị, đồng chí nêu hai vấn đề, đó là thực hiện phương châm "hai chân, ba mũi" và củng cố các chi bộ. Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh cho thấy đồng chí nắm rất chắc tình hình thực tế, lãnh đạo nhạy bén trong chủ trương và thực hiện các bước đi của cách mạng miền Nam. Cũng từ Hội nghị này, "hai chân ba mũi" được vận dụng cho đến Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Sau khi Trung ương Cục chuyển về Chiến khu Đ một thời gian, do điều kiện thời tiết khắc nghiệt và giao thông liên lạc khó khăn, đồng chí Nguyễn Văn Linh và Trung ương Cục quyết định dời cơ quan Trung ương Cục về lại Bắc Tây Ninh. Để nâng cao trình độ lý luận và từng bước giải quyết việc thiếu cán bộ, đồng chí và Trung ương Cục quyết định thành lập Trường Lý luận trung cao cấp Nguyễn Ái Quốc miền Nam do đồng chí làm Giám đốc. Cuối năm 1961, khóa khai giảng đầu tiên gồm 300 học viên là cán bộ từ các chiến trường về học như các tỉnh: miền Tây Trung Nam Bộ (T3), miền Trung Nam Bộ (T2), miền Đông Nam Bộ (T1). Đồng chí dự lễ khai giảng và thường xuyên giảng bài cho các lớp học. Đồng chí và Trung ương Cục còn quyết định ra Tạp chí *Tiền phong*, cơ quan chính trị - lý luận của Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam (tức Trung ương Cục miền Nam).

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Văn Linh, phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ. Riêng ở Sài Gòn, năm 1962 đã có 324 cuộc đấu tranh, đặc biệt là cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên, nhiều trận

đánh của các chiến sĩ biệt động thành diệt hàng trăm tên Mỹ. Ở các vùng nông thôn, phong trào phá "ấp chiến lược" diễn ra quyết liệt với lực lượng gồm ba thứ quân, ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược đã làm phá sản quốc sách "ấp chiến lược" của Mỹ - Ngụy. Phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở cả ba vùng chiến lược, tạo ra nhiều căn cứ du kích, vùng quần chúng cách mạng làm chủ. Với chiến thắng Ấp Bắc (tháng 01-1963) bước đầu làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Trên từng khu vực, quyền chủ động chiến trường đã thuộc về lực lượng cách mạng. Trước cao trào cách mạng miền Nam, chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm ngày càng lung lay, mâu thuẫn trong nội bộ ngày càng gay gắt. Tháng 11-1963, Mỹ giật dây làm cuộc đảo chính lật đổ Diệm, đưa Dương Văn Minh lên thay. Sự kiện Diệm đổ báo hiệu sự chấm dứt thời kỳ ổn định, mở đầu thời kỳ mất ổn định triền miên của chính quyền tay sai. Năm 1963, đồng chí Nguyễn Văn Linh ra Hà Nội báo cáo với Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình hình cách mạng miền Nam. Vừa đến Hà Nội, đồng chí được Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp, Người ân cần hỏi thăm tình hình và đời sống của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Sự quan tâm của Người làm đồng chí vô cùng xúc động.

Tháng 12-1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ chín. Hội nghị đề ra nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam là: "Làm thay đổi mau chóng lực lượng so sánh giữa ta và địch theo chiều hướng có lợi cho ta; tích cực xây dựng và mở rộng căn cứ địa, đặc biệt là ở những địa bàn chiến lược và cơ động của quân chủ lực; tiến lên đánh tiêu diệt và làm tan vỡ từng bộ phận quân đội địch; phá phần lớn các ấp chiến lược, làm chủ vùng rừng núi và phần lớn xã thôn vùng đồng bằng"[(1)]. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 9, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Trung ương Cục đã họp và đề ra nhiệm vụ trước mắt của quân dân miền Nam là: "Chủ động đẩy mạnh cuộc tấn công chính trị, quân sự, binh vận đều khắp trên cả ba vùng, chống lập ấp chiến lược, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, giành thêm những thắng lợi lớn về

[(1)] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.24, tr.839.

quân sự, chính trị, làm thất bại hoàn toàn âm mưu mới của địch"[1]. Cuối năm 1964, làm việc với lãnh đạo Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, với kinh nghiệm hoạt động lâu năm, đồng chí Nguyễn Văn Linh lưu ý, trong chỉ đạo đấu tranh phải biết giữ gìn, bảo tồn và phát triển lực lượng cách mạng, nếu không có khi xây dựng cơ sở mất ba năm, nhưng phơi lưng lộ liễu sẽ bị địch đánh tan trong một giờ. Vì vậy, phải luôn giữ gìn nguyên tắc "bí mật, ngăn cắt". Để giúp cho phong trào đô thị phát triển, đồng chí đã điều động thêm cán bộ tăng cường cho Khu ủy và các tổ chức chính trị ở Sài Gòn - Gia Định. Để kịp thời biểu dương, tuyên truyền thành tích của đồng bào, chiến sĩ, đồng chí chỉ đạo Khu ủy mở lớp đào tạo cán bộ làm công tác báo chí, tuyên truyền. Đến thăm và nói chuyện với học viên, đồng chí nhắc nhở: "Khi viết về chuyện anh hùng, về người anh hùng thì bản thân người viết cũng phải có chất anh hùng"[2].

Bị sa lầy ở miền Nam, Mỹ dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" mở rộng chiến tranh ra miền Bắc và chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân vào miền Nam, mở rộng đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Để tăng cường cho chiến trường miền Nam, cuối năm 1964, Trung ương cử Đại tướng Nguyễn Chí Thanh vào trực tiếp phụ trách Trung ương Cục, đồng chí Nguyễn Văn Linh vẫn làm Bí thư. Nhằm tăng cường lãnh đạo các khu ủy, Trung ương Cục điều đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục về phụ trách Khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Ngày 25-01-1966, đồng chí triệu tập Hội nghị Khu ủy bàn về tình hình và nhiệm vụ khi Mỹ tiến hành "Chiến tranh cục bộ". Hội nghị nhận định, việc quân Mỹ vào là thời cơ để phát động tinh thần dân tộc, phát động phong trào toàn dân diệt Mỹ ngay trong nội đô và ngoại thành. Hội nghị cũng ra 10 kết luận về khả năng đánh thắng Mỹ. Mười kết luận trở thành nội dung cụ thể của công tác tư tưởng, tổ chức và chỉ đạo chiến đấu của Đảng bộ, góp phần vào phong trào thi đua diệt Mỹ trên chiến trường miền Nam. Ngày 07-02-1966, tại

---

[1] *Chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam*, ngày 18-3-1964, Tư liệu của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Văn hóa - Tư tưởng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.357.

Củ Chi, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định tổ chức Đại hội "Dũng sĩ diệt Mỹ", tuyên dương và tặng danh hiệu cho 209 đồng chí. Ngay sau Đại hội, Khu ủy ra chỉ thị thiết lập "Vành đai diệt Mỹ", lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân tham gia giết giặc lập công.

Cao trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang ở Sài Gòn - Gia Định góp phần quan trọng vào khí thế tiến công chung của toàn miền. Trong cao trào thể hiện nổi bật vai trò lãnh đạo của Đảng bộ thành phố. Với vai trò là người phụ trách Khu ủy, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có những đóng góp rất lớn cho cuộc chiến đấu của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, thể hiện qua các nghị quyết, chỉ thị của Khu ủy. Tháng 4-1966, đồng chí Nguyễn Văn Linh được điều trở lại Trung ương Cục, đồng chí Võ Văn Kiệt được cử làm Bí thư Khu ủy. Với ý đồ tiêu diệt cơ quan đầu não là Trung ương Cục miền Nam, trong Đông Xuân 1966-1967, Mỹ - ngụy mở hàng nghìn cuộc hành quân lớn nhỏ vào Bắc Tây Ninh, điển hình là các cuộc hành quân Átlenbơrơ, Xêđa Phôn, Gianxơn Xity, v.v.. Quân dân miền Nam chiến đấu kiên cường, đã loại khỏi vòng chiến đấu 8.300 tên địch, hầu hết là quân Mỹ, phá 692 xe quân sự, bắn rơi 119 máy bay, phá hỏng 64 đại bác. Với chiến thắng Đông Xuân 1966-1967, quân dân miền Nam đập tan âm mưu tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, đẩy giới cầm quyền Mỹ và tay sai vào tình trạng bế tắc, nguy cơ phá sản của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ đã lộ rõ.

Tháng 5-1967, Trung ương Cục tiến hành Hội nghị lần thứ năm đề ra nhiệm vụ cho toàn miền trong năm 1967 là: "Đẩy mạnh chủ động tấn công và phản công liên tục, tiếp tục đánh bại hai gọng kìm "tìm diệt và bình định", tiếp tục đẩy địch vào thế bị động phòng ngự, xây dựng ba thứ quân của ta vững mạnh, tạo điều kiện giành thắng lợi ngày càng lớn, tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa"[(1)]. Nhằm củng cố bộ máy chỉ đạo trực tiếp cách mạng miền Nam, ngày 19-5-1967, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Bộ Chỉ huy Miền do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Chính ủy và Quân ủy

[(1)] *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945-1975)*, Sđd, tr.455.

Miền cũng do đồng chí làm Bí thư. Tháng 7-1967, đồng chí Nguyễn Chí Thanh, phụ trách Trung ương Cục qua đời, Trung ương Đảng cử đồng chí Phạm Hùng vào giữ chức Bí thư Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Phó Bí thư.

Chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng, để chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ngày 25-10-1967, tại Chiến khu Dương Minh Châu, Thường vụ Trung ương Cục và Quân ủy Miền gồm đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Hoàng Văn Thái, Phan Văn Đáng đã họp với Thường vụ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định. Hội nghị thảo luận nhiều công tác quan trọng và ra "Nghị quyết Quang Trung" chuẩn bị tiến hành Tổng tiến công. Thực hiện Nghị quyết, Trung ương Cục tiến hành tổ chức lại chiến trường miền Đông theo nhiệm vụ mới. Cụ thể là giải thể Quân khu VII và Quân khu Sài Gòn - Gia Định, thành lập "Khu trọng điểm" gồm Sài Gòn - Gia Định và một phần các tỉnh tiếp giáp với Sài Gòn do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục làm Bí thư, Ủy viên là các đồng chí Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Đảng ủy "Khu trọng điểm" tổ chức thành hai phân ban, lãnh đạo Bộ Tư lệnh tiền phương Bắc (I) và Bộ Tư lệnh tiền phương Nam (II) với nhiệm vụ quan trọng là đánh chiếm các mục tiêu đầu não của Mỹ - ngụy, phát động quần chúng Tổng tiến công và nổi dậy.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng ban lãnh đạo "Khu trọng điểm" tiến hành công tác chuẩn bị ráo riết và chu đáo, tổ chức các ban lãnh đạo các mặt công tác như: Ban Phụ vận, Ban Hoa vận, Ban Binh vận, Ban Trí vận, Ban Tuyên huấn, Ban An ninh. Các mục tiêu của cuộc Tổng công kích, tổng khởi nghĩa được đồng chí giao cho các đơn vị đặc công biệt động với phương án tác chiến cụ thể. Công tác chính trị, tư tưởng cũng được đồng chí quan tâm bằng việc triệu tập các cấp ủy đảng, quân đội, Mặt trận, đặc biệt là các đồng chí trung cao cấp ở nội thành học tập Nghị quyết 5 của Trung ương Cục về Tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Đồng chí còn xuống Phân khu II trực tiếp chỉ đạo bộ phận tấn công

nội thành. Có thể nói kế hoạch chuẩn bị trong "Khu trọng điểm" được đồng chí Nguyễn Văn Linh chỉ đạo triển khai thực hiện tích cực, khẩn trương, chu đáo.

Dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục, trong thời gian chuẩn bị, quân dân ta đã đánh một số trận mở màn ở Lộc Ninh, Đắc Tô, Tuy Phước, Hậu Nghĩa, Khe Sanh, làm cho địch không phán đoán được hướng tiến công chính. Đêm 30 rạng 31-01-1968, tức đêm giao thừa Tết Mậu Thân, quân và dân miền Nam đồng loạt tiến công vào hầu hết các sào huyệt, cơ quan đầu não, căn cứ quân sự, hệ thống giao thông, kho tàng của địch ở khắp các thành phố, thị xã, thị trấn và những vùng nông thôn còn bị địch kiểm soát. Tại Sài Gòn - Gia Định, quân ta tiến công mãnh liệt vào Đại sứ quán Mỹ, Dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu ngụy, Bộ Tư lệnh Hải quân, Đài Phát thanh Sài Gòn, Tổng nha Cảnh sát, Bộ Tư lệnh Biệt khu thủ đô, nã pháo và tấn công vào Tây sân bay Tân Sơn Nhất. Biệt động thành đánh vào Đài Truyền hình, cầu Phan Thanh Giản, khu vực Thị Nghè, đường Minh Mạng, đường 46… Các đội vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy làm chủ nhiều khu vực. Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, đêm 4 rạng ngày 05-5-1968, ta mở đợt 2 tiến công và nổi dậy đánh vào 30 thành phố, thị xã, 70 thị trấn, quận ly, chi khu quân sự, 27 bộ tư lệnh quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn ngụy, hơn 10 sân bay, kho tàng các tuyến giao thông quan trọng. Hàng vạn quần chúng ở nội, ngoại thành xuống đường phối hợp với Quân giải phóng trừng trị bọn ác ôn, nhiều tên đầu sỏ đã bị đền nợ máu.

Ngày 30-6-1968, Trung ương Cục ra chỉ thị tiếp tục tiến công địch. Từ đêm 17-8 đến 30-9, quân và dân ta mở cuộc tiến công đợt 3, nhưng hiệu quả không cao, vì thời cơ không còn, thậm chí ta đang rút khỏi các đô thị lớn để tránh đòn phản kích của địch. Sau đợt 3, khi thấy quân ta bị thiệt hại nhiều, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã điện về trung ương xin cho rút quân sớm để giảm bớt tổn thất. Đồng chí phân tích: "Bây giờ thằng địch tự thấy tương quan nó hơn mình chớ không phải nó hoang mang vì thấy nguy cơ tới nơi như

hồi đợt 1 Mậu Thân đâu. Nếu bây giờ mình để nó tỉnh lại nó đánh vào nông thôn thì mình gặp nhiều khó khăn hơn, cho nên mình phải chủ động vừa đứng vững ở nông thôn, vừa khôi phục lại các lực lượng của Đảng, kể cả quân sự địa phương, quân du kích ở các vùng đô thị"[1].

Cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một đòn tiến công bất ngờ lớn đánh vào các trung tâm sào huyệt của Mỹ - Ngụy, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ và "giữ một vị trí rất to lớn và oanh liệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng"[2]. Sau Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, chiến trường miền Nam gặp nhiều khó khăn, địch phản công quyết liệt. Trung ương Cục gấp rút chỉ thị cho các quân khu, các chiến trường củng cố sức chiến đấu, phải bám dân, dựa vào dân để tồn tại và phát triển. Tháng 10-1968, Hội nghị Bộ Chính trị bàn về đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao. Trung ương Cục cử đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục và đồng chí Trần Độ, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự Miền ra báo cáo. Được tin đoàn cán bộ miền Nam ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho gọi vào báo cáo tình hình và giữ lại cùng ăn cơm. Hôm đó, Người rất vui, tuy sức khỏe đã yếu nhưng vẫn cố gắng ăn hết hai lưng cơm như để qua các đồng chí nói với đồng bào miền Nam an tâm. Sau khi ra về, được đồng chí Vũ Kỳ cho biết thật tình sức khỏe của Người, đồng chí Nguyễn Văn Linh không cầm được nước mắt.

Trên mặt trận ngoại giao, việc ta đàm phán với Mỹ có bạn bè quốc tế chưa đồng ý. Theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một đoàn đại biểu Đảng ta do Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu, có đồng chí Nguyễn Văn Linh từ chiến trường miền Nam ra sang thăm Trung Quốc. Ngày 15-11-1968, đoàn được Thủ tướng Chu Ân Lai và sau đó là Chủ tịch Mao Trạch Đông tiếp. Qua chuyến đi này, phía Trung Quốc hiểu rõ quan điểm và ủng hộ chủ trương của ta

[1] *Nguyễn Văn Linh - Nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.378.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Sđd, t.34, tr.216.

"vừa đánh, vừa đàm". Chủ tịch Mao Trạch Đông nói với đồng chí Nguyễn Văn Linh: "Việt Nam đánh cũng giỏi mà đàm cũng giỏi"[1].

Giữa tháng 8-1969, đồng chí Nguyễn Văn Linh lại được cử ra Bắc báo cáo tình hình với Bộ Chính trị. Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất mệt, nhưng Người vẫn cho gọi đồng chí vào gặp và hỏi về chiến dịch "bình định cấp tốc" của Mỹ - ngụy đang tiến hành ở miền Nam. Người dặn: "Bất cứ tình huống nào cũng phải bám chắc lấy dân, dựa vào dân để mà tồn tại… Đó là cái chìa khóa của mọi thắng lợi"[2]. Trước lúc Người "đi xa", đồng chí là đại diện duy nhất của Trung ương Cục miền Nam cùng với Bộ Chính trị có mặt, Người nhìn đồng chí không nói gì mà chỉ nắm chặt tay. Cảm tưởng của đồng chí là: "Qua cái nắm tay, tôi hiểu rằng đây không phải là Bác bắt tay cá nhân tôi, mà qua tôi Bác muốn tỏ rằng, miền Nam luôn trong trái tim Bác. Bác tin tưởng vào nhân dân miền Nam nhất định thắng lợi". Sau Lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh trở lại chiến trường miền Nam.

Nhằm đánh bại kế hoạch bình định và âm mưu "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ - ngụy, tháng 11-1970, Trung ương Cục họp Hội nghị lần thứ 10 có đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục dự. Hội nghị đánh giá tình hình địch ta từ khi Mỹ xuống thang chiến tranh, kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục, xác dịnh nhiệm vụ chiến lược, phương châm, bước đi của phong trào trong thời gian tới. Đầu năm 1971, Trung ương điều đồng chí Võ Văn Kiệt, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định làm Bí thư Khu ủy miền Tây Nam Bộ (Khu IX), đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định. Tháng 12-1971, đồng chí Nguyễn Văn Linh và Thành ủy tổ chức Hội nghị cán bộ nội thành lần thứ tư. Hội nghị kiểm điểm công tác chỉ đạo, nghe báo cáo thực hiện Nghị quyết lần thứ tư của Thành ủy về công vận, hoạt động vũ trang, xây dựng lực lượng cách mạng và nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị 11 của Trung ương Cục…

---

[1] *Nguyễn Văn Linh - Nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo (Hồi ký)*, Sđd, tr.161.

[2] Vũ Kỳ: *Bác Hồ viết Di chúc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989, tr.94.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chuẩn bị mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972, trong tháng 01 và 02-1972, đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng Thành ủy mở Hội nghị lần thứ năm (Bình Giã V). Về phương hướng, Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ: "Mục tiêu chủ yếu của cách mạng ở Sài Gòn năm 1972 là thực hiện cho kỳ được một cao trào chính trị, tiến tới một cuộc bùng nổ cách mạng, kết hợp chặt chẽ giữa việc khẩn trương đưa phong trào lên một cách căn cơ với việc khai thác thật nhạy bén, triệt để khi thời cơ xuất hiện"(1). Với tinh thần nắm vững tình hình và tự phê bình nghiêm túc, phát biểu tại Hội nghị, đồng chí chỉ rõ: "Từ năm 1954-1957, phong trào công nhân khá cao vì ta còn có các đảng viên là công nhân lao động lãnh đạo, sau đó phong trào bị mất các nòng cốt cho nên suy giảm. Thành ủy chưa coi trọng phong trào công nhân, đã khoán trắng cho Ban Công vận. Anh em Ban Công vận đã ít người lại không hiểu rõ những chuyển biến của người công nhân và phong trào công nhân cho nên phong trào ngày càng suy yếu thêm. Trách nhiệm này không chỉ riêng Thành ủy mà cả Trung ương Cục nữa, trong đó có cả bản thân tôi"(2). Hội nghị đề ra chín công tác chủ yếu cho năm 1972, bổ sung thêm một số Thành ủy viên và hai Phó Bí thư Thành ủy là đồng chí Trần Bạch Đằng và Mai Chí Thọ.

Bị thất bại nặng nề trong chiến dịch Xuân Hè 1972, đặc biệt là thất bại trong cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc, trở lại đàm phán tại Hội nghị Pari. Ngày 27-01-1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Đây là thắng lợi to lớn của nhân dân ta, tạo nên bước phát triển mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ở miền Nam, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu vẫn xua quân chủ lực đi lấn chiếm vùng giải phóng, nhằm xóa thế "da báo" trên chiến trường, đẩy mạnh chiến tranh tình báo và tâm lý, quyết tâm "tiêu diệt cộng sản đến cùng".

(1),(2) Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (1954-1975) - Sơ thảo*, Sđd, 2000, t.2, tr.306, 305-306.

Trong khi đó, một số cán bộ ta ở thành phố có tư tưởng "xả hơi" và còn cho rằng địch không còn khả năng đánh lớn… Với cương vị Phó Bí thư Trung ương Cục, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã phân tích rõ sự thay đổi so sánh lực lượng đang có lợi cho ta. Song, địch vẫn bất chấp, vẫn vi phạm Hiệp định, nên cuộc chiến của ta vẫn phải kiên trì. Đồng chí nghiêm khắc phê phán các quan điểm sai lầm, kịp thời chỉ đạo Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định kiên quyết đánh trả khi chúng lấn chiếm vùng giải phóng. Đây là chủ trương sáng suốt, đúng đắn của đồng chí Nguyễn Văn Linh đã làm cho hình thái chiến trường trở lại như trước khi có Hiệp định Pari.

Đầu năm 1973, đồng chí Nguyễn Văn Linh giao trọng trách Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Gia Định cho đồng chí Mai Chí Thọ để dẫn đầu đoàn đại biểu B2 ra Hà Nội gồm các đồng chí Hoàng Văn Thái, Phó Bí thư Trung ương Cục, Tư lệnh B2, Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu ủy Khu IX, Trần Nam Trung phụ trách các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Nguyễn Minh Đường, Bí thư Khu ủy Khu VIII. Đến Hà Nội, đoàn làm việc với đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất và các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Đồng chí Nguyễn Văn Linh báo cáo về lực lượng chính trị và phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị và nông thôn Nam Bộ, nhất là nội thành và vùng ven Sài Gòn, các đồng chí phụ trách từng khu vực báo cáo tình hình địa bàn mình phụ trách. Tháng 5-1973, Bộ Chính trị họp Hội nghị mở rộng kiểm điểm tình hình cách mạng miền Nam trong 18 năm qua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ đấu tranh trong thời gian tới. Tham gia Hội nghị có đại biểu các chiến trường như: Đoàn B2 do đồng chí Nguyễn Văn Linh, đoàn Trị Thiên do đồng chí Trần Hữu Dực, đoàn Khu V do đồng chí Võ Chí Công. Tháng 7-1973, Trung ương họp Hội nghị lần thứ 21 đánh giá thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đề ra nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Hội nghị chỉ rõ phương châm đấu tranh quân sự là: "Kiên quyết phản công và tiến công, giữ vững và phát huy thế chủ động về mọi mặt của ta, đánh bại các cuộc hành quân của địch lấn chiếm vùng giải phóng hoặc bình định các vùng giáp ranh.

Việc vận dụng phương châm trên phải gắn liền với yêu cầu giành dân và quyền làm chủ, nhằm giành lấy thế mạnh để thắng địch"[1].

Chấp hành Nghị quyết Hội nghị 21 của Trung ương, dưới sự lãnh đạo sát sao của đồng chí Nguyễn Văn Linh và Thành ủy Sài Gòn - Gia Định, phong trào đấu tranh đòi dân chủ và hòa bình lan rộng khắp nơi trong thành phố với nhiều hình thức phong phú, nổi bật là phong trào công nhân và nhân dân lao động. Tuy vậy, phong trào của học sinh, sinh viên và các tầng lớp trung gian chưa được coi trọng đúng mức, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã kịp thời chỉ đạo Thành ủy chú trọng khắc phục. Phong trào du kích phát triển mạnh tại địa bàn thành phố, đã đánh 50 trận, diệt nhiều địch. Để xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đồng chí đã chỉ đạo Thành ủy mở nhiều lớp đào tạo chính trị, chuyên môn cho gần 1.400 cán bộ và quần chúng cách mạng.

Cũng trong năm 1973, chính quyền cách mạng và chính quyền Nguyễn Văn Thiệu thực hiện việc trao trả tù binh ở Lộc Ninh và Thạch Hãn. Nhiều cán bộ, đảng viên thoát khỏi nhà tù trở về với đội ngũ chiến đấu, trước khi đi nhận công tác, Thường vụ Thành ủy mở lớp bồi dưỡng cấp tốc cho các đồng chí đó. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đến giảng bài cho lớp học. Về phương pháp vận động nhân sĩ, trí thức, đồng chí nói: "Trí thức, nhân sĩ tinh lắm. Nếu mình vận động mà lừa bịp thì các vị đó biết ngay và như thế là có hại cho cách mạng. Phải nói rõ mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh cách mạng của chúng ta là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước mắt vận động các vị đó cùng ta đạt mục tiêu đấu tranh chống Mỹ, giành độc lập cho dân tộc… Người cách mạng phải kiên định vững tin con đường mình đi thì mới đủ sức thuyết phục được các tầng lớp trên cùng đi vì ích nước, lợi nhà"[2].

Tháng 2-1974, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định họp Hội nghị lần thứ sáu, kiểm điểm

---

[1] *Những sự kiện Lịch sử Đảng*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985, t.3, tr. 698-699.
[2] *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Sđd, tr.276.

sự chỉ đạo của Thành ủy từ sau Mậu Thân 1968 đến đầu năm 1974, rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ trong năm 1974. Tháng 9-1974, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Thành ủy họp Hội nghị quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác đô thị ở miền Nam. Thành ủy nhận định: "Tình hình hiện nay đang có những chuyển biến mới, nhanh và đang tạo ra tình thế cách mạng ở đô thị. Đô thị Sài Gòn - Gia Định là chiến trường quyết định chiến lược cuối cùng ở miền Nam Việt Nam"(1). Thành ủy cũng đề ra nhiệm vụ cụ thể cho vùng nội đô và ven đô với tinh thần và quyết tâm cao nhất, chống tư tưởng ngại khó, chần chừ, cố thủ, đồng thời Thành ủy chỉ đạo một bộ phận phụ trách đô thị, một bộ phận phụ trách nông thôn.

Để kịp thời chỉ đạo ở nội đô và phối hợp với cuộc tiến công của quân chủ lực từ ngoài vào, đồng chí Nguyễn Văn Linh quyết định chuyển cơ quan Thành ủy về Long Định (Long An) cho gần thành phố. Dưới sự lãnh đạo sâu sát và toàn diện của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Đảng bộ Sài Gòn - Gia Định sẵn sàng bước vào chiến dịch với tinh thần quyết tâm cao.

Ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975 với phương châm chiến lược tập trung lực lượng cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ngày 29-3-1975, Trung ương Cục ra Nghị quyết 15, trong đó ghi rõ: "Động viên toàn Đảng, toàn dân tập trung cao nhất mọi tinh thần và lực lượng của mình. Phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp, ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng, đứng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sập toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, với khí thế tiến công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và quyết tâm giành toàn thắng, giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam"(2). Ngày

(1) *Tư liệu* của Ban Văn hóa - Tư tưởng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Bản sao lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

(2) Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (1954-1975) - Sơ thảo,* Sđd, 2000, t.2, tr.350.

07-4-1975, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền họp, có các đồng chí Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Lê Đức Thọ, Văn Tiến Dũng vừa vào chiến trường tham dự. Ngay chiều hôm đó, tại Lộc Ninh, đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Bộ Chính trị công bố quyết định của Trung ương thành lập Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn và thông qua phương án tác chiến của chiến dịch. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục được giao nhiệm vụ phụ trách chỉ đạo công tác nổi dậy của quần chúng, đồng chí tiến hành ngay cho kế hoạch nổi dậy của công nhân, thanh niên, học sinh, sinh viên nội và ngoại thành; thành lập ra các ban để lãnh đạo từng bộ phận như: Công vận, Phụ vận, Thanh vận, Binh vận, Hoa vận, Trí vận...

Ngoài ra, đồng chí Nguyễn Văn Linh còn chỉ đạo xây dựng được 40 "lõm chính trị" với hơn 7.000 quần chúng, 400 tổ chức công khai, biến tướng với gần 25.000 quần chúng. Toàn thành phố tổ chức hàng chục cơ sở in với hàng vạn tài tiệu, truyền đơn phổ biến chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, cụ thể của đồng chí Nguyễn Văn Linh và Thành ủy, quân dân Sài Gòn - Gia Định đi vào chiến dịch với quyết tâm cao. Đây là một nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của chiến dịch. Ngày 26-4-1975, cuộc tổng tiến công của đại quân ta vào tuyến phòng thủ ngoại vi Sài Gòn - Gia Định bắt đầu. Ngày 30-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Linh gắn bó với miền Nam. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đồng chí giữ các trọng trách: Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, Bí thư Đặc Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, Ủy viên Thường vụ rồi Quyền Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, Ủy viên Trung ương Đảng (khóa III), Bí thư Trung ương Cục miền Nam… Ở cương vị nào, đồng chí

cũng đem hết trí tuệ, sức lực cống hiến cho Đảng và cho nhân dân, đặt lợi ích của cách mạng lên trên lợi ích cá nhân, luôn trau dồi kiến thức và lắng nghe ý kiến của đồng bào, đồng chí, quan tâm tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ lý luận, góp phần xây dựng đường lối, quan điểm của Đảng. Đảng ta đã đánh giá công lao của đồng chí: "Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, với trách nhiệm là Bí thư Trung ương Cục, đồng chí đã chủ trì và cùng với các đồng chí khác lãnh đạo phong trào cách mạng miền Nam vào thời điểm gay go nhất và cũng oanh liệt nhất, ghi lại những dấu ấn không bao giờ phai mờ về cuộc *Đồng khởi* và cuộc kháng chiến chống xâm lược. Khi ở bưng biền cũng như khi ở căn cứ nội thành, đồng chí luôn kiên cường "bám trụ", sát cánh cùng đồng bào, chiến sĩ, tin tưởng tuyệt đối vào dân, vừa lãnh đạo chiến đấu, vừa bền bỉ xây dựng, phát triển phong trào yêu nước và lực lượng cách mạng. Hình ảnh anh Mười Cúc trong bộ quần áo bà ba, khuôn mặt hiền từ, dáng đi nhanh nhẹn, giọng nói ấm áp, mộc mạc nhưng giàu tình cảm còn in đậm mãi trong ký ức của đồng bào, đồng chí. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc thuộc về toàn Đảng, toàn dân ta, trong đó có công lao to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh"[1].

3. Tổng Bí thư đầu tiên của đổi mới, nhà lãnh đạo có uy tín lớn

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thành phố Sài Gòn được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Là một thành phố giàu tiềm năng cả về cơ sở vật chất và truyền thống cách mạng, tuy nhiên quá khứ cũng để lại cho thành phố những hậu quả nặng nề về kinh tế - xã hội. Cải tạo và xây dựng thành phố từ một nơi ăn chơi xa xỉ, chuyên phục vụ cho giai cấp thống trị, bóc lột thành một thành phố sản xuất, phục vụ nhân dân lao động là một quá trình gian nan, vất vả và đầy khó khăn. Cũng từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Bộ Chính

[1] *Điếu văn* do đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng ban lễ tang, đọc tại buổi Lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

trị cử làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận nhiệm vụ, đồng chí và Thành ủy đặc biệt chú trọng ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Trước hết, đồng chí và tập thể lãnh đạo thành phố thi hành chính sách hòa hợp dân tộc, làm cho mọi người bớt mặc cảm, nâng cao lòng tự hào dân tộc, đóng góp vào sự nghiệp chung.

Từ tháng 8-1975, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Văn Linh, các đại hội báo công được tổ chức, tạo nên không khí phấn khởi, nâng cao niềm tự hào về chiến thắng chung của dân tộc. Thực hiện chính sách nhân đạo, sau ba ngày học tập hơn 40 vạn lính ngụy được trở về đời sống công dân, hơn ba vạn sĩ quan từ cấp tá đến cấp tướng ngụy sau thời gian đi học tập được trở về đoàn tụ với gia đình. Tiếp đó, Thành ủy thông qua các sinh hoạt dân chủ được tổ chức sâu rộng trong nhân dân để phát hiện, lựa chọn những người cốt cán, tích cực hình thành đội ngũ cán bộ cơ sở, dựa vào đó xây dựng và củng cố chính quyền mới. Đồng chí còn dành thời gian thâm nhập các cơ sở sản xuất công, nông nghiệp, thường xuyên xuống tận phường, xã để nắm tình hình mọi mặt đời sống nhân dân. Đồng chí làm việc với Sở Giáo dục về việc mở thêm trường học, tuyển thêm giáo viên. Ngay năm học 1975-1976, gần 800 nghìn học sinh đến trường, các thầy, cô giáo làm việc dưới chế độ cũ được bồi dưỡng về kiến thức chính trị, đa số được tuyển dụng làm việc dưới chế độ mới. Phong trào văn hóa, văn nghệ được đẩy mạnh, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, đẩy lùi tàn dư văn hóa thực dân đồi trụy, phong trào xây dựng nếp sống mới phát triển rộng rãi. Nhận định về thành quả bước đầu này, đồng chí Nguyễn Văn Linh viết: "Nhiệm vụ ổn định tình hình chính trị - xã hội ở thành phố mới giải phóng thật vô vàn khó khăn, nhưng Đảng bộ đã xác định đúng tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định mọi mặt công tác này đối với toàn bộ tiến trình cách mạng những năm sau"[(1)]. Cụ thể là đã vượt qua thắng lợi khi xảy ra vụ "nạn kiều", rồi chiến tranh biên giới Tây Nam, v.v. diễn ra ba năm sau đó.

Tháng 4-1977, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Trung ương điều sang làm Trưởng ban Cải tạo xã hội chủ nghĩa Trung ương.

[(1)] Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.86.

Đây cũng là công việc đồng chí đang trăn trở suy nghĩ đối với Thành phố Hồ Chí Minh, bởi những cơ sở kinh tế lớn chủ yếu ở Thành phố và cả khu vực miền Nam. Đồng chí cho rằng, không nên nóng vội, áp dụng ngay phương thức cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh như ở miền Bắc trước đây. Nhờ đi sát cơ sở, nắm bắt được thực tế, đồng chí đã mạnh dạn đề xuất với trung ương nên để chậm lại một thời gian. Bởi trong cải tạo và xây dựng kinh tế, do đặc điểm mỗi miền khác nhau, nên hình thức, bước đi và cách làm có sự khác nhau, không nên nóng vội và rập khuôn máy móc. Tiếc rằng, trong cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh đã tiến hành ồ ạt, đồng loạt, nên thành phần, đối tượng lớn nhỏ đều bị cải tạo, làm cho sản xuất và đời sống bị đảo lộn, không chỉ cuộc sống những người thuộc diện cải tạo trở nên khó khăn, mà một bộ phận không nhỏ những người lao động cũng bị ảnh hưởng. Cuối năm 1977, đồng chí được phân công phụ trách Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Trung ương. Trên cương vị này, đồng chí đã có những đóng góp quan trọng vào việc phát triển tư duy lý luận của Đảng về công tác dân vận, thể hiện trong một số chủ trương và nghị quyết mà đồng chí trực tiếp tham gia chuẩn bị, khởi thảo, ví như Nghị quyết 24 về vấn đề tôn giáo, v.v..

Năm 1978, tại Đại hội lần thứ VI Tổng Công đoàn Việt Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam. Trên cương vị mới, đồng chí là người khởi xướng công cuộc đổi mới Công đoàn. Về tên gọi, theo đồng chí, cần được thay đổi cho phù hợp với nội dung mới, nên là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Về đối tượng, tổ chức và vận động của Công đoàn, theo đồng chí: "Phải được mở rộng hơn trước đây, nghĩa là hoạt động của Công đoàn không chỉ giới hạn trong đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước mà phải bao quát cả khu vực xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các hợp tác xã sản xuất công nghiệp, xây dựng, vận tải"[(1)]. Theo đồng chí: "Công đoàn phải thể

[(1)] *Văn kiện Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1978, tr.26.

hiện đầy đủ tính độc lập về tổ chức, nghĩa là đòi hỏi tổ chức Công đoàn phát huy hơn nữa vai trò và hiệu lực công tác của mình trong hệ thống chính trị"[1]. Trong thời gian làm Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đồng chí đã phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thư ký xuống công tác dài ngày ở Đồng bằng sông Cửu Long, biên giới Tây Nam, Tây Nguyên, biên giới phía Bắc. Đồng chí cho rằng: "Việc đi công tác dài ngày ở cơ sở có thể ảnh hưởng đến công việc ở cơ quan, dù sao điều đó cũng không thể sánh được với kết quả do thực tế đem lại"[2]. Đây là tư tưởng chỉ đạo lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Cuối năm 1980, đồng chí thôi giữ chức Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để phụ trách theo dõi thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Chính phủ tại các tỉnh miền Nam. Vốn là người cộng sản kiên định, dù trước bất cứ khó khăn, sóng gió nào, đồng chí vẫn giữ được phẩm chất của một người cộng sản, không bi quan, không phàn nàn, trách móc, luôn chấp hành sự phân công của Đảng. Được giao nhiệm vụ gì, đồng chí cũng đem hết tinh thần, nghị lực và tâm huyết để hoàn thành, luôn đặt lợi ích của nhân dân, của Đảng lên trên hết.

Tháng 12-1981, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Bộ Chính trị phân công trở lại làm Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng có chiều hướng xấu đi, lại thêm thiên tai liên tiếp trong ba năm liền, rồi chiến tranh biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm cho khó khăn ngày càng gay gắt. Với kinh nghiệm trong quản lý, điều hành và qua nghiên cứu, khảo sát thực tế, đồng chí thấy rằng, một số chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế của ta đã lỗi thời, nhưng chậm sửa đổi, nên làm giảm nhiệt tình lao động của quần chúng, tạo kẽ hở phát sinh nhiều tiêu cực, làm cho sản xuất của thành phố bị đình trệ. Trong phân phối lưu thông, do buông lỏng quản lý, gây ra tình trạng rối loạn

---

[1],[2] *Văn kiện Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1978, tr.27.

thị trường. Trong cải tạo nông nghiệp, do chủ quan, nóng vội, cách quản lý theo kiểu hành chính, quan liêu, không khuyến khích được người lao động hăng hái sản xuất, không nâng cao được đời sống nhân dân. Nhận định về tình hình mọi mặt của thành phố, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ II (1980) ghi: "Ở những năm đầu này của thời kỳ quá độ, tình hình thành phố chưa thật ổn định, cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đang có nhiều khó khăn rất gay gắt và có mặt phức tạp. Nền kinh tế bị đảo lộn, lại quản lý theo một cơ chế có nhiều mặt không phù hợp, cho nên ngày càng mất cân đối nghiêm trọng… Một bộ phận dân cư túng thiếu đang xao xuyến trước tình hình căng thẳng về nhiều mặt và mức sống ngày càng sa sút"(1).

Trước tình hình trên, đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng Thành ủy lãnh đạo các ngành, các cấp thành phố tập trung nghiên cứu, tìm tòi phương thức tháo gỡ. Đồng chí đi sát cơ sở, thâm nhập các khu dân cư, dự họp với các phường xã, tổ dân phố để trao đổi ý kiến và cách tháo gỡ khó khăn. Đồng chí luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên, điều quan trọng là phải làm cho nhân dân giác ngộ, thấy được những thuận lợi và khó khăn, làm cho người lao động thấy được ý nghĩa to lớn của việc chuyển từ vị trí người làm thuê sang địa vị người làm chủ thành phố, làm chủ đất nước. Đồng chí nói: "Biết kế thừa có chọn lọc cái vốn cũ tốt đẹp và biết tiếp thu có chọn lọc cái mới, đó là năng lực của người Việt Nam mà người dân thành phố là bộ phận"(2).

Nhìn thẳng vào sự thật để tìm ra lối thoát, đưa thành phố tiếp tục tiến lên, đó là phương châm hành động của đồng chí Nguyễn Văn Linh. Đồng chí đã chỉ đạo chính quyền thành phố tiến hành một đợt công tác củng cố hệ thống chính quyền, phát huy dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào dân để xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp. Đồng chí rất chú trọng khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công

(1) *Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II*,1980, Tài liệu lưu tại Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, tr.49-50.

(2) Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Sđd, tr.78.

nghiệp, lưu thông phân phối, phát triển thương nghiệp, chống đầu cơ, tích trữ, ổn định giá cả, thị trường để mở ra sự ổn định đời sống nhân dân. Đồng chí sớm phát hiện thấy tâm lý mặc cảm trong một bộ phận nhân dân, nhất là những người trước đây đã làm việc cho chế độ cũ, nên đã trực tiếp giải thích cặn kẽ cho họ rằng, chế độ mới hoàn toàn không có sự ghét bỏ, hận thù, mong sao mọi người đều đồng tâm đóng góp cho công cuộc xây dựng thành phố, đất nước. Qua tuyên truyền giáo dục, nhiều viên chức trong chế độ cũ được tuyển vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị sản xuất của thành phố. Sự lãnh đạo, chỉ đạo các vấn đề kinh tế - xã hội với phương thức và bước đi phù hợp của đồng chí Nguyễn Văn Linh và Thành ủy bước đầu có hiệu quả, được báo cáo lên Trung ương, Bộ Chính trị, được sự đồng tình của các ban, ngành Trung ương. Mỗi lần ra Hà Nội họp hội nghị Trung ương, đồng chí đều nhận được những lời chúc mừng của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, của bạn bè, đồng chí.

Bước ngoặt thực sự của nông nghiệp được bắt đầu từ Nghị quyết Trung ương 6 (tháng 9-1979) và Chỉ thị 100-CT/TW (tháng 1-1981). Đồng chí Nguyễn Văn Linh xác định, ngoại thành phải hết sức chú ý việc phát triển nông nghiệp, phải bảo đảm lương thực và thực phẩm cho nhân khẩu nông nghiệp, bảo đảm một phần nhu cầu thực phẩm, rau quả cho nội thành, bảo đảm một phần nguyên liệu cho công nghiệp và tham gia xuất khẩu; việc cải tạo nông nghiệp phải gắn với xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, phù hợp với cơ cấu kinh tế - xã hội của thành phố và cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Cũng từ sau Nghị quyết Trung ương 6, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã xuất hiện một số mô hình đổi mới sản xuất, kinh doanh như các xí nghiệp dệt Thành Công, Phong Phú, Phước Long, Thắng Lợi, Dệt đay 13, Xí nghiệp cơ khí Caric, Sinco, Công ty bột giặt miền Nam, Nhà máy bia Sài Gòn, v.v.. Những mô hình mới này đã áp dụng "lương khoán sản phẩm", tự tháo gỡ khó khăn về vật tư, nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm và làm ăn có lãi. Đồng chí Nguyễn Văn Linh

ủng hộ những mô hình này. Đồng chí nói: "Thực tế đã chứng minh rằng, trong cuộc đấu tranh giằng co giữa cái mới và cái cũ, giữa tiến bộ và lạc hậu, những cái phù hợp quy luật, có sức sống thường xuất hiện ở cơ sở, ở những nơi khó khăn, phức tạp nhất"[(1)]. Đồng chí đề nghị Thành ủy cho nhân rộng những điển hình trên bằng việc liên kết với các xí nghiệp của các tỉnh và các xí nghiệp trung ương, bước đầu tính đến việc mở rộng quan hệ kinh tế, buôn bán với nước ngoài.

Ngoài ra, đồng chí Nguyễn Văn Linh còn cho lập diễn đàn "Câu lạc bộ giám đốc" mà đồng chí tham dự nhiều buổi sinh hoạt. Ngay buổi đầu tiên, có hơn 80 giám đốc các cơ sở sản xuất dự nghe Giám đốc Xí nghiệp dệt Thành Công báo cáo kinh nghiệm. Cho đến trước khi đồng chí về công tác ở Trung ương (tháng 6-1986), "Câu lạc bộ giám đốc" đã có hơn 20 buổi sinh hoạt bổ ích, có giá trị thực tiễn, những khái niện về "kế hoạch ba phần", "xí nghiệp cơ sở vệ tinh", "loại hình công tư hợp doanh", v.v. đã hình thành. Ủy ban Nhân dân Thành phố đã ra Quyết định số 34-QĐ/UB về các xí nghiệp công nhiệp nhỏ. Nhờ sự chỉ đạo năng động, sáng tạo của Thành ủy, đứng đầu là đồng chí Nguyễn Văn Linh, chỉ sau một thời gian ngắn nền kinh tế thành phố có những bước chuyển lớn, mang tính đột phá, hàng chục nghìn cơ sở sản xuất lớn nhỏ đã được khôi phục, hoạt động trở lại, một số mô hình về công tư hợp doanh mới được áp dụng. "Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cùng cả nước", đó là điều Đảng bộ, chính quyền và Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh nhận thức và thực hiện. Đồng chí đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng bộ thành phố vững mạnh như: đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ phù hợp với tình hình mới là lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội một cách toàn diện; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, v.v..

Có thể nói, trên cương vị Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ hai, đặc biệt là vào thời kỳ đất nước lâm vào khủng

---

[(1)] Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Sđd, tr.104.

hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, là một cán bộ cách mạng được tôi luyện và trưởng thành qua các giai đoạn đấu tranh gian khổ, lại là một nhà lãnh đạo luôn nhạy bén trước đổi mới của thực tiễn và có năng lực tổng kết thực tiễn, đứng mũi chịu sào ở một địa bàn quan trọng của đất nước là Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã sớm phát hiện ra những nguyên nhân ách tắc, trì trệ trong sản xuất kinh doanh, đã sớm nhận thức được nhu cầu đổi mới, dẫn đầu cuộc thử nghiệm đổi mới ở thành phố này đi tới thành công, góp phần rút ra cho Đảng ta những bài học kinh nghiệm để phát triển công cuộc đổi mới ra cả nước. Kỷ niệm 10 năm Thành phố Hồ Chí Minh được giải phóng (1985), Bộ Chính trị đã giao cho đồng chí tổng kết kinh nghiệm tháo gỡ khó khăn, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung bao cấp, kiên quyết chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, giải phóng sức sản xuất, tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế và sản xuất phát triển. Trên ý nghĩa đó, đồng chí Nguyễn Văn Linh được coi là một trong những người có công đầu trong việc tìm tòi, khai phá con đường đổi mới ở nước ta. Với công lao và sự sáng tạo, năng động đó đồng chí được Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khóa V) bầu vào Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã trao cho đồng chí Nguyễn Văn Linh trọng trách Tổng Bí thư đầu tiên của thời kỳ đổi mới, giữa lúc tình hình quốc tế và trong nước diễn biến hết sức phức tạp. Đại hội VI của Đảng hạ quyết tâm phải có những quyết sách xoay chuyển tình hình, trước mắt nhằm vào hai mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế - xã hội, cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân. Trọng trách lịch sử đó được đặt lên vai Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Nhận rõ vinh dự, trách nhiệm và khó khăn, với đức tính khiêm tốn, đồng chí phát biểu trước Đại hội VI: "Trình độ của Tổng Bí thư so với nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị, trong Ban Chấp hành Trung ương không xa cách bao nhiêu, ly lai như sợi tóc, điều cốt yếu là phải phát huy được trí tuệ của tập thể, bổ sung cho nhau mặt mạnh,

khắc phục mặt yếu, giữ vững nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách"[1]. Trong suốt nhiệm kỳ, đồng chí nghiêm túc tuân thủ thực hiện nguyên tắc đó.

Để lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, sau khi suy nghĩ kỹ và được sự nhất trí của Bộ Chính trị, đồng chí Nguyễn Văn Linh lựa chọn *vấn đề phân phối, lưu thông* làm chủ đề của Hội nghị Trung ương 2, lấy đó làm khâu đột phá để tháo gỡ khó khăn, nhằm ổn định tình hình, kinh tế - xã hội. Phát biểu khai mạc Hội nghị, đồng chí khẳng định: "Làm được việc đó, chắc chắn sẽ là bước khởi đầu tốt đẹp, tạo đà chuyển biến mạnh mẽ cho những bước sau"[2]. Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VI) có tác động mạnh mẽ đến quá trình sản xuất và lưu thông, tháo gỡ những ách tắc cả "đầu vào" và "đầu ra" cho sản xuất, tạo động lực cho sản xuất phát triển. Riêng biện pháp mở rộng giao lưu hàng hóa, xóa bỏ "ngăn sông, cấm chợ" đã có tác dụng lớn, tình trạng khan hiếm hàng hóa được khắc phục. Vấn đề tiền lương, giá cả, ngân sách, ngân hàng… dần được giải quyết tốt, lạm phát giảm dần, lưu thông tiền tệ được ổn định. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đặc biệt chú ý đến giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp. Theo đồng chí, phải lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Năm 1981, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị 100 về "Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động"; năm 1988, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị ra đời dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Nghị quyết đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất trong nông nghiệp và chỉ năm sau (1989), từ một nước thiếu đói, hàng năm phải nhập thêm lương thực, đã không chỉ tự giải quyết được lương thực mà còn xuất khẩu hơn một triệu tấn gạo. Đây là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, góp phần vào sự ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước.

Từ cuối năm 1989, cuộc khủng hoảng chính trị ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trở nên trầm trọng, đứng trước nguy cơ sụp đổ, tan rã. Lợi dụng tình hình, các thế lực thù địch

[1] *Nguyễn Văn Linh - Nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo (Hồi ký)*, Sđd, tr.97.
[2] Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988, t.1, tr.50.

tuyên truyền, xuyên tạc về chính trị, bao vây cấm vận về kinh tế đối với nước ta. Tình hình trên có ảnh hưởng tiêu cực nhất định vào trong Đảng và trong một bộ phận nhân dân ta, đã xuất hiện một số quan điểm lệch lạc trong số ít cán bộ, đảng viên, thể hiện sự dao động về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhạy bén trước tình hình, trong các bài nói, bài viết, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đề cập đến nhận thức tư tưởng, phê phán những biểu hiện hoài nghi, dao động, bác bỏ mạnh mẽ chủ nghĩa đa nguyên, đa đảng về chính trị. Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí có giá trị kịp thời, giữ được sự thống nhất về tư tưởng và định hướng tư duy và hành động của toàn xã hội ta. Tại các Hội nghị Trung ương 6 (tháng 3-1989), 7 (tháng 8-1989) và 8 (tháng 3-1990), đồng chí Nguyễn Văn Linh cùng Bộ Chính trị và Trung ương Đảng nhận định tình hình và đề ra các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo công cuộc đổi mới. Những nguyên tắc đó là: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội; cách mạng Việt Nam phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; đổi mới toàn diện, song đặt trọng tâm vào đổi mới kinh tế; đổi mới phải phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực; tiếp tục giương cao ngọn cờ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Việc sớm khẳng định những nguyên tắc trên thể hiện sự vững vàng, sáng suốt nhạy bén của Đảng ta, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh chú trọng chỉ đạo điều chỉnh chính sách đối ngoại, phá thế bao vây, cấm vận, cô lập, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới. Ngày 20-5-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 13 về *điều chỉnh chính sách đối ngoại*, giữ vững môi trường quốc tế hòa bình, hữu nghị để tập trung phát triển kinh tế. Ba ưu tiên hàng đầu về đối ngoại được Bộ Chính trị và Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh lựa chọn là: rút quân khỏi Campuchia, bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, cải thiện đi tới bình thường hoá quan hệ với Mỹ. Đồng chí tiến hành một loạt tiếp xúc ngoại giao với Campuchia, Lào, Trung Quốc, Liên Xô, Cuba, Ấn Độ, Đức, Nicaragoa, Ănggôla, En Xanvađo…, nhằm mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng vị thế của Việt Nam trên trường

quốc tế. Về quan hệ Việt - Mỹ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tuyên bố: "Việt Nam luôn luôn muốn có quan hệ tốt đối với nhân dân Mỹ, Chính phủ Mỹ. Chiến tranh đã kết thúc 15 năm mà chưa có quan hệ bình thường là chậm. Việt Nam sẵn sàng giải quyết mọi trở ngại trên con đường bình thường hóa; trở ngại còn lại là ở phía Mỹ"(1). Về quan hệ với Nhật Bản, đồng chí nói: "Nhật Bản là cường quốc kinh tế, có khả năng phát triển hợp tác không chỉ với Việt Nam mà còn với nhiều nước khác, ít nhất là về kinh tế, khoa học - kỹ thuật. Nếu Nhật Bản đã làm tốt với nhiều nước châu Á thì quan hệ tốt với Việt Nam chẳng những giúp kinh tế Việt Nam tốt lên mà còn tạo cơ sở xây dựng khu vực này thành khu vực hòa bình, hợp tác, hữu nghị"(2).

Đặc biệt, trong năm 1987, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã hai lần đi thăm Liên Xô, một lần với tư cách người đứng đầu Đảng và Nhà nước ta thăm hữu nghị chính thức Liên Xô (tháng 5-1987), một lần dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự Lễ kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng Mười vĩ đại (tháng 11-1987) và dự cuộc gặp gỡ với đại biểu của 178 đảng cộng sản, công nhân và các tổ chức quốc tế. Trong một lần gặp gỡ với Goócbachốp sau khi Đại hội đại biểu Xô viết tối cao Liên Xô lần thứ III quyết định sửa đổi Điều 6 và 7 Hiến pháp Liên Xô, thực chất là gạt bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã chất vấn Goócbachốp về điều đó và thẳng thắn nói: "Với tư cách một người cộng sản, tôi có thể chân thành nói với đồng chí đây là một sai lầm nghiêm trọng sẽ dẫn đến những hậu quả khôn lường không chỉ đối với Liên Xô"(3). Những hoạt động đối ngoại chủ động, nhạy bén với cường độ cao của đồng chí Nguyễn Văn Linh đạt hiệu quả thiết thực, góp phần từng bước phá vỡ thế bao vây, cô lập của kẻ thù trong những năm mà hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng, có nguy cơ tan rã, đồng thời mở ra bước chuyển mới, thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở.

---

(1),(2) Nguyễn Văn Linh: *Trả lời các nhà báo nước ngoài*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.134,136.

(3) *Nguyễn Văn Linh - Nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo (Hồi ký)*, Sđd, tr.99.

Nhận trọng trách Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Linh cố gắng cùng toàn Đảng thực hiện nhiệm vụ then chốt là *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng*. Đồng chí nói: "Để xứng đáng là người lãnh đạo chính trị đối với xã hội, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân, Đảng ta phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện sự lãnh đạo của mình. Điều này trước hết liên quan đến việc soạn thảo chiến lược và sách lược đáp ứng đúng yêu cầu cách mạng trong từng thời kỳ để định hướng cho xã hội tiến lên". Muốn vậy, theo đồng chí, Đảng phải đổi mới nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Trong nhiệm kỳ Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã dành nhiều thời gian đi thực tế ở các địa phương và cơ sở nên đồng chí nắm bắt nhiều vấn đề nhức nhối trong dư luận và luôn tìm cách xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Với chuyên mục *Những việc cần làm ngay*, ký tên N.V.L, đồng chí viết nhiều bài đề cập đến nhiều lĩnh vực xã hội ở tầm vĩ mô. Ở lĩnh vực nào đồng chí cũng có những phát hiện mới và nêu cách giải quyết cụ thể. *Những việc cần làm ngay* phê phán các hành vi quan liêu, vô trách nhiệm, lãng phí, hách dịch, tham nhũng, ức hiếp quần chúng của một số cán bộ có chức, có quyền, tạo đà cho báo chí tham gia ngày càng tích cực và mạnh mẽ trên mặt trận chống tiêu cực, nên đã tranh thủ được sự đồng tình và hưởng ứng rộng rãi của công luận, tạo ra hiệu quả xã hội to lớn, góp phần đẩy lùi tiêu cực, đem lại phấn khởi và niềm tin cho nhân dân vào thắng lợi của công cuộc đổi mới.

Ngay sau Đại hội VI, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh được Ban Chấp hành Trung ương giao nhiệm vụ là Trưởng ban soạn thảo *Cương lĩnh* và *Chiến lược*, tức là bắt tay ngay vào chuẩn bị các văn kiện quan trọng cho Đại hội VII. Một mặt, đồng chí từng bước chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, mặt khác đồng chí huy động trí tuệ của toàn Đảng để cùng nghiên cứu, thảo luận, dự thảo *Cương lĩnh* mới của Đảng trong thời kỳ quá độ cùng với *Chiến lược* ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2000. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, Tiểu ban Cương lĩnh đã qua 9 lần

dự thảo, tổ chức nhiều cuộc thảo luận góp ý, trên cơ sở đó viết lại lần thứ 10 để trình Hội nghị Trung ương 9 vào ngày 20-8-1990.

Qua thảo luận, Hội nghị Trung ương 9 nhất trí với cách trình bày của đồng chí Nguyễn Văn Linh rằng, chúng ta không thể chờ mọi vấn đề đã sáng tỏ rồi mới xác định *Cương lĩnh*. Trong tình hình quốc tế và trong nước hiện nay, việc đề ra *Cương lĩnh* của thời kỳ quá độ là rất cần thiết và cấp bách để định hướng cho toàn Đảng và toàn dân phấn đấu tiến lên. *Cương lĩnh* có tiêu đề *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Từ dự thảo ban đầu gồm 6 chương với 20 trang được rút xuống còn 4 đề mục với 12 luận điểm, được trình bày súc tích, ngắn gọn, bao quát đầy đủ những vấn đề cốt lõi nhất về mục tiêu tổng quát, 6 đặc trưng chủ yếu của chủ nghĩa xã hội và 7 phương hướng cơ bản về các mặt chính trị, kinh tế - xã hội, tư tưởng - văn hóa, an ninh - quốc phòng và xây dưng Đảng. Đặt trong bối cảnh khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới lúc bấy giờ, việc Đảng ta hoạch định *Cương lĩnh*, trong đó khẳng định những nguyên tắc cơ bản có tính định hướng cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đã có tác dụng củng cố sự nhất trí về chính trị, tư tưởng và sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đem lại niềm tin cho nhân dân vào triển vọng của công cuộc đổi mới. Trong đóng góp chung đó, có cống hiến to lớn của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong việc chỉ đạo soạn thảo và thông qua ngay từ trong nhiệm kỳ Đại hội VI. Cùng với hoạch định *Cương lĩnh*, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã có những đóng góp quan trọng vào dự thảo và thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* và dự thảo các văn kiện trình Đại hôi VII như *Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dưng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng*, v.v.. Trong dự thảo *Báo cáo chính trị*, đồng chí thường nhắc nhở Tiểu ban dự thảo bảo đảm đánh giá đúng tình hình, trình bày khách quan, khoa học, không thổi phồng thành tích, không hạ thấp thiếu sót, đồng thời phải rút ra những bài học kinh nghiệm cơ bản nhất.

Sau khi cơ bản chuẩn bị xong những vấn đề lớn của Đại hội VII, về phần cá nhân với đức khiêm tốn, đồng chí Nguyễn Văn Linh nói: "Được Ban Chấp hành Trung ương khóa VI bầu lên, qua hơn

bốn năm ở cương vị Tổng Bí thư của Đảng, tôi đã cùng với tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương làm hết sức mình để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI... Dù biết mình có nhiều cố gắng, song tôi vẫn cảm thấy chưa làm được nhiều hơn nữa, có hiệu quả lớn hơn nữa cho dân tộc, cho đất nước. Đó là điều tôi vẫn thường băn khoăn"[(1)]. Vì vậy, đồng chí xin rút, không ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa VII và hứa "dù không còn ở trong Trung ương nữa, nhưng với trách nhiệm của người đảng viên, tôi sẽ xin cố gắng cống hiến sự hiểu biết và kinh nghiệm nhỏ bé của mình cho cách mạng, cho Đảng cho đến hơi thở cuối cùng. Đó là điều mà các đồng chí có thể hoàn toàn tin tưởng ở tôi"[(2)]. Đó là cử chỉ cao đẹp, gây xúc động cho toàn Đảng, toàn dân, một tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng của chiến sĩ cộng sản, suốt đời tận tụy phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, xứng đáng là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội VII của Đảng (tháng 6-1991), cùng với các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đại hội cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tiếp theo, tại Đại hội VIII (tháng 6-1996), đồng chí lại tiếp tục được tín nhiệm cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đến tháng 12-1997, trong Hội nghị Trung ương 4 (khóa VIII), đồng chí đã viết thư xin thôi giữ chức Cố vấn vì lý do sức khỏe. Trong hơn 6 năm (01-1991 - 12-1997) làm Cố vấn, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã tham dự nhiều Hội nghị Trung ương khóa VII, Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, tham dự Đại hội VIII và các Hội nghị Trung ương 1, 2, 3 khóa VIII. Mỗi lần tham dự, đồng chí đều phát biểu ý kiến súc tích, ngắn gọn và thường hay gợi ra, lật lại vấn đề, để thấy một cách toàn diện. Có khi vì lý do sức khỏe hay đi công tác xa, đồng chí vẫn góp ý bằng văn bản. Sáu năm là khoảng thời gian rất ngắn so với quá trình cách mạng sôi nổi, vẻ vang của đồng chí, nhưng đây cũng là một giai đoạn đáng nhớ trong cuộc đời cách mạng của đồng chí, thể hiện sự thuần thục về bản lĩnh và nhân cách

[(1),(2)] Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, Sđd, t.4, tr.193,194.

của nhà cách mạng, người đảng viên cộng sản Nguyễn Văn Linh. Những phẩm chất hiếm có đó tạo thành mặt căn bản của văn hóa Đảng, văn hóa lãnh đạo, giúp cho nhân dân ta hiểu được nhân cách trọn vẹn, nhất quán, cao quý của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh.

Sau Đại hội lần thứ VII, đồng chí Nguyễn Văn Linh bàn giao công việc về sống với gia đình tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là thời gian dài nhất mà đồng chí được hưởng niềm vui trong không khí gia đình và cũng thông qua tình cảm gia đình càng làm phát sáng hơn ở đồng chí những tình cảm cao quý của người cộng sản. Sáng ngày 27-4-1998, trái tim đồng chí Nguyễn Văn Linh ngừng đập sau một cuộc đời làm việc không mệt mỏi. Từ cuộc đời và nhân cách của đồng chí tỏa sáng hình ảnh người cộng sản trung hậu, cao quý. Cuộc đời hoạt động cách mạng lâu dài và phong phú của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh là một tấm gương sáng, cao đẹp, mãi mãi được nhân dân tôn vinh và lịch sử ghi nhận. Có thể khái quát ở mấy điểm chính về cuộc đời và sự nghiệp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh: *Một là,* tấm gương của một người cộng sản đã phấn đấu kiên cường và hoàn thành xuất sắc nhiều trọng trách được Đảng và nhân dân trao cho ở những thời điểm khó khăn của cách mạng. *Hai là,* tấm gương của một nhà cách mạng hội tụ đươc những phẩm chất cao quý của một nhà lãnh đạo sáng tạo, có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước ta. *Ba là*, tấm gương của một nhà lãnh đạo khiêm tốn, giản dị, luôn nêu cao đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, suốt đời phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Đánh giá công lao và cống hiến của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Đảng ta đã nêu rõ: "Đại hội VI của Đảng mở đầu công cuộc đổi mới, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam. Từ tổng kết thực tiễn trên nhiều lĩnh vực, đồng chí đã có những đóng góp tích cực và có hiệu quả vào việc thiết kế đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Suốt nhiệm kỳ Đại hội VI với cương vị là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã cùng tập thể lãnh đạo nhạy bén, chủ động,

sáng tạo, khôn khéo chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những bước hiểm nghèo của thời kỳ xảy ra những biến động to lớn trên thế giới, đẩy mạnh công cuộc đổi mới và thu được những thành tựu rất quan trọng, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đồng chí đã nêu ra và kiên trì thực hiện đổi mới có nguyên tắc - đổi mới nhưng luôn luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Đồng bào, đồng chí còn nhớ *Những việc cần làm ngay* trên báo *Nhân Dân* vào năm đầu thời kỳ đổi mới, tạo ra luồng sinh khí mới trong xã hội: dân chủ, công khai, nói thẳng, nói thật, lời nói đi đôi với việc làm góp phần đấu tranh chống tiêu cực, làm trong sạch bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước. Trên Cương vị Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, mặc dù tuổi cao sức yếu, đồng chí đã đem hết sức lực và trí tuệ của mình để tham gia nhiều ý kiến quan trọng với lãnh đạo Đảng, Nhà nước ta về những vấn đề lớn của đất nước"[(1)].

Do công lao và thành tích đối với cách mạng Việt Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh được Đảng và Nhà nước ta tặng thưởng Huân chương Sao Vàng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều Huân, Huy chương cao quý khác. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã về cõi vĩnh hằng, song trong lịch sử Đảng ta và cách mạng Việt Nam, đồng chí vẫn giữ một vị trí đặc biệt, bởi đồng chí là một tấm gương sáng ngời, người cộng sản kiên định, sáng tạo, Tổng Bí thư đầu tiên của đổi mới, nhà lãnh đạo có uy tín lớn. Suốt đời mình, đồng chí lặng lẽ, kiên trì rèn luyện mình trở thành người cộng sản kiên trung. Biết rằng, đồng chí rất mục khiêm tốn, nhưng chúng ta vẫn có thể nói không chút dè dặt rằng, đồng chí Nguyễn Văn Linh thực sự là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

[(1)] *Điếu văn* do đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng ban lễ tang, đọc tại lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

GIỚI THIỆU
MỘT SỐ TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

LUẬN CƯƠNG CHÁNH TRỊ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG[1]

(Dự án để thảo luận trong Đảng)

I. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG

1. Từ sau lúc đế quốc chiến tranh (1914-1918), tình hình thế giới có thể chia ra làm ba thời kỳ

a) Trong thời kỳ thứ nhứt (1918-1923), kinh tế tư bổn vì chiến tranh mà tiêu điều, khủng hoảng, vô sản Âu châu nhiều chỗ nổi lên tranh đấu cướp chánh quyền. Rút cuộc, một mặt thì vô sản Nga dẹp được bọn đế quốc vây đánh ở ngoài và bọn phản cách mạng phá phách ở trong mà đặt vững nền vô sản chuyên chánh; nhưng một mặt thì vô sản Tây Âu bị thất bại (như vô sản Đức năm 1923).

b) Trong thời kỳ thứ hai (1923-1928), các đế quốc chủ nghĩa nhơn vô sản Âu châu vừa thất bại, hết sức tiến công mà bóc lột vô sản giai cấp và dân thuộc địa, làm cho kinh tế đế quốc được tạm thời ổn định. Vô sản giai cấp ở các nước đế quốc vì thất bại trong thời kỳ trước cho nên chỉ lo tranh đấu mà giữ thế thủ. Ở các nước thuộc địa thì cách mạng nổi lên. Ở Liên bang Xô viết thì kinh tế trở nên vững vàng, làm cho ảnh hưởng cộng sản lan khắp thế giới.

c) Thời kỳ thứ ba là thời kỳ hiện nay có những đặc điểm sau này:

Sự tạm thời ổn định của tư bổn đã không thể giữ lại được nữa, mà lại đã trở vào khủng hoảng, thành thử đế quốc chủ nghĩa lại càng phải giành nhau thị trường rất kịch liệt, làm cho trận đế quốc chiến tranh sắp tới không sao tránh khỏi được.

Kinh tế Liên bang Xô viết đã phát triển lên quá trình độ trước thời kỳ đế quốc chiến tranh, đã gây dựng xã hội chủ nghĩa một cách

---

[1] Do đồng chí Trần Phú khởi thảo tháng 10 năm 1930.

rất thắng lợi, cho nên các đế quốc chủ nghĩa càng căm tức, muốn đánh đổ Liên bang Xô viết là thành trì cách mạng thế giới.

Ở các nước đế quốc thì vô sản giai cấp tranh đấu kịch liệt (bãi công lớn ở Đức, ở Pháp, ở Ba Lan, v.v.); ở các thuộc địa thì phong trào cách mạng rất là bồng bột (nhứt là Tàu và Ấn Độ). Có phong trào cách mạng như thế là vì tư bổn bị khủng hoảng và càng thẳng tay bóc lột quần chúng, làm cho số công nhân thất nghiệp trong thế giới có hằng mấy mươi triệu và tình cảnh quần chúng công nông rất khổ cực.

Trong thời kỳ thứ ba này, cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa đã lên đến trình độ rất cao, có nơi đã sắp sửa cướp chánh quyền.

Hiện nay, Đông Dương đã đem lực lượng cách mạng tham gia vào phong trào tranh đấu rầm rộ trong thế giới, mở rộng hàng trận công nông chống với đế quốc chủ nghĩa. Vả lại phong trào cách mạng bồng bột trong thế giới (nhứt là ở Tàu và Ấn Độ) lại ảnh hưởng mạnh đến phong trào tranh đấu ở Đông Dương, làm cho cách mạng Đông Dương càng mau *bành trướng*. Vậy nên cách mạng thế giới và cách mạng Đông Dương rất có quan hệ với nhau.

II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VỀ TÌNH HÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

2. *Xứ Đông Dương* (Việt Nam, Cao Miên và Lào) là một xứ thuộc địa để khai khẩn của đế quốc chủ nghĩa Pháp. Bởi vậy kinh tế của Đông Dương bị phụ thuộc vào kinh tế của đế quốc chủ nghĩa Pháp. Hai đều đặc điểm hơn hết ở trong sự phát triển Đông Dương là:

a) Xứ Đông Dương cần phải phát triển một cách độc lập, nhưng vì là thuộc địa cho nên không phát triển độc lập được.

b) Sự mâu thuẫn giai cấp càng ngày càng kịch liệt; một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bổn và đế quốc chủ nghĩa.

3. *Mâu thuẫn về kinh tế*

a) Nông nghiệp thì phần nhiều là phải làm ra cho đế quốc chủ nghĩa đem bán ở nước ngoài, tuy vậy mà cách kinh doanh vẫn không thoát khỏi lốt phong kiến. Các thứ đồn điền (cao su, bông, cà phê, v.v.) thì phần nhiều là của bọn tư bổn Pháp. Ruộng đất phần rất nhiều là của bọn địa chủ bổn xứ. Kinh doanh theo lối phong kiến, nghĩa là cho dân cày nghèo thuê từng miếng mà lấy địa tô rất cao. Hoa lợi về nghề làm ruộng ở Đông Dương lại kém hơn ở các xứ khác (một hécta ở Mã Lai thì được 2.150 kilô lúa, ở Xiêm 1.870 kilô, ở Âu châu 4.570 kilô, ở Đông Dương chỉ 1.210 kilô). Lúa gạo xuất cảng hàng năm càng nhiều, nhưng không phải vì nghề nông phát triển mà chánh là vì bọn tư bổn cướp gạo của dân mà bán.

b) Chế độ áp bức của đế quốc chủ nghĩa Pháp làm ngăn trở không cho sức sanh sản Đông Dương phát triển. Đế quốc chủ nghĩa không khoách trương các công nghệ nặng (như nấu sắt, đúc máy, v.v.), vì những công nghệ ấy phát triển thì hại cho độc quyền của công nghệ Pháp. Nó chỉ phát triển những công nghệ gì rất cần dùng cho sự thống trị và buôn bán của nó mà thôi, như (đường xe lửa, xưởng đóng tàu nhỏ, v.v.). Mục đích của đế quốc Pháp là cốt làm cho Đông Dương thành ra một xứ phụ thuộc về nền kinh tế của nó, vì vậy nên nó chỉ cho phát triển công nghiệp gì làm ở Đông Dương có lợi cho nó hơn làm ở Pháp mà thôi. Sự khai khẩn nguyên liệu không phải cốt làm cho xứ Đông Dương phát triển kinh tế một cách độc lập, mà cốt làm cho công nghệ Pháp khỏi phải phụ thuộc vào đế quốc khác.

c) Việc buôn bán xuất cảng thì nằm trong một bọn tư bổn Pháp. Bởi vậy cho nên việc buôn bán và việc sanh sản trong xứ đều tùy theo sự cần dùng xuất cảng của đế quốc Pháp. Thành thử xuất cảng càng tăng tiến bao nhiêu thì các sản vật tự nhiên trong xứ lại bị đế quốc chủ nghĩa rút hết bấy nhiêu. Lại có một điều đặc biệt nữa là các nhà ngân hàng Pháp (như Đông Pháp ngân hàng, Địa ốc ngân hàng, v.v.) góp tiền vốn của dân bổn xứ để dùm cho bọn buôn bán xuất cảng Pháp.

Nói tóm lại: Kinh tế Đông Dương cũng vẫn là kinh tế nông nghiệp, mà trong kinh tế ấy thì những lối phong kiến lại chiếm địa vị trọng yếu. Tất cả những điều kiện ấy làm cho kinh tế Đông Dương không có thể phát triển độc lập được.

4. *Mẫu thuẫn giai cấp*

Đế quốc chủ nghĩa Pháp liên hiệp với bọn địa chủ, bọn lái buôn và bọn cho vay bổn xứ mà bóc lột dân cày một cách rất độc ác. Đế quốc chủ nghĩa rút các sản vật nông nghiệp đem bán cho các nước ngoài, đem hàng hóa của nó vào bán trong xứ, bắt dân đóng sưu cao, thuế nặng, làm cho dân cày đói khổ và thủ công thất nghiệp rất nhiều.

Ruộng đất thì lần lần rút vào tay đế quốc và địa chủ cả, lại có một bọn bao đất về cho thuê lại (quá điền), ruộng đất thuê đi mướn lại mấy lần mới đến dân cày nghèo, bởi vậy mà địa tô rất cao.

Dân cày thiếu thốn phải đi vay, thì phải bị bọn cho vay bóc lột, đến nỗi nhiều khi phải đem ruộng đất hoặc con cái mà gán nợ.

Đê giữ nước lụt thì đế quốc không chú ý sửa sang. Dẫn thủy nhập điền thì về tay một bọn tư bổn nó cho thuê rất cao, dân cày nghèo không có tiền thì không có nước. Thành thử nạn mất mùa vì nước lụt và đại hạn càng ngày càng nhiều. Vì vậy dân cày chẳng những là không có thể phát triển kinh tế của họ, mà lại càng ngày càng phải phụ thuộc vào bọn tư bổn và càng phải suy đồi số người thất nghiệp và chết đói càng ngày càng đông.

Nền kinh tế cũ thì phá hoại rất mau mà công nghệ mới thì phát triển rất chậm; những người đói khó và thất nghiệp không thể hóa ra công nhơn hết mà phải đọng lại trong nhà quê. Tình cảnh ở nhà quê rất là thê thảm.

Ở các sản nghiệp và các đồn điền, mỏ, hầm, bọn tư bổn bóc lột đè nén thợ thuyền một cách rất dã man. Tiền lương thì không đủ ăn lại bị cúp ngược, cúp xuôi. Ngày làm thì trung bình cũng 11, 12 giờ. Thường thường lại bị chưởi bị đánh. Lúc ốm đau đã không

được thuốc thang mà lại còn bị đuổi. Công nhơn không có chút xã hội bảo hiểm nào cả. Ở trong các đồn điền và hầm mỏ, bọn chủ nhốt thợ thuyền trong trại và không cho đi ra khỏi chỗ làm. Chúng nó dùng giấy giao kèo mà mộ người chở đi chỗ khác rồi tự do cai quản lấy thợ thuyền, thậm chí có quyền xử phạt thợ thuyền. Vì tình cảnh làm ăn cực khổ như thế, cho nên số công nhơn Đông Dương bị bịnh nguy hiểm (như ho lao, đau mắt, sốt rét, v.v.) rất đông; số người chết non rất đông và càng ngày càng thêm.

Vô sản giai cấp Đông Dương tuy chưa đông đúc, nhưng số thợ thuyền càng ngày càng thêm, nhứt là thợ đồn điền. Sự tranh đấu của thợ thuyền càng ngày càng hăng hái. Dân cày cũng đã tỉnh dậy chống đế quốc và địa chủ rất kịch liệt. Những cuộc bãi công trong năm 1928-1929, những cuộc đấu tranh rất dữ dội của thợ thuyền và dân cày trong năm nay (1930) đã chứng tỏ ra rằng sự tranh đấu giai cấp ở Đông Dương ngày càng bành trướng. Đều đặc biệt và quan trọng nhứt trong phong trào cách mạng ở Đông Dương là sự tranh đấu của quần chúng công nông có tánh chất độc lập rất rõ rệt, chớ không phải là chịu ảnh hưởng quốc gia chủ nghĩa như lúc trước nữa.

III. TÁNH CHẤT VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG ĐÔNG ĐƯƠNG

5. Hết thảy những đều mâu thuẫn đã kể trên làm cho phong trào cách mạng ở Đông Dương càng ngày càng phát triển. Trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông Dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, bởi vì cách mạng chưa có thể trực tiếp giải quyết được những vấn đề tổ chức xã hội chủ nghĩa; sức kinh tế trong xứ còn rất yếu, các di tích phong kiến còn nhiều, sức mạnh giai cấp tương đương chưa mạnh về phía vô sản, và lại còn bị đế quốc chủ nghĩa áp bức. Vì những điều kiện ấy cho nên thời kỳ bây giờ cách mạng chỉ có tánh chất thổ địa và phản đế.

Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Tư sản dân quyền cách mạng được thắng lợi, chánh phủ công nông đã dựng lên rồi, thì công nghiệp trong nước được

phát triển, các tổ chức vô sản được thêm mạnh, quyền lãnh đạo của vô sản sẽ thêm kiên cố, sức mạnh giai cấp tương đương sẽ nặng về phía vô sản. Lúc đó sự tranh đấu sẽ thêm sâu, thêm rộng, làm cho cách mạng tư sản dân quyền tiến lên con đường cách mạng vô sản. Thời kỳ này là thời kỳ cách mạng vô sản toàn thế giới và thời kỳ kiến trúc xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết; xứ Đông Dương sẽ nhờ vô sản giai cấp chuyên chánh các nước giúp sức cho mà phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bổn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chánh, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được.

6. Sự cốt yếu của tư sản dân quyền cách mạng thì một mặt là phải tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bổn và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai mặt tranh đấu có liên lạc mật thiết với nhau, vì có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa. Muốn thực hành được những đều cốt yếu ấy thì phải dựng lên chánh quyền Xô viết công nông. Chỉ có chánh quyền Xô viết công nông mới là cái khí cụ rất mạnh mà đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, phong kiến, địa chủ, làm cho dân cày có đất mà cày, làm cho vô sản có pháp luật bảo hộ quyền lợi cho mình.

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là:

a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, phong kiến và địa chủ,

b) Lập chánh phủ công nông,

c) Tịch ký hết thảy ruộng đất của bọn địa chủ ngoại quốc, bổn xứ và các giáo hội; giao ruộng đất ấy cho trung và bần nông, quyền sở hữu ruộng đất về chánh phủ công nông,

d) Sung công hết thảy các sản nghiệp lớn của bọn tư bổn ngoại quốc,

đ) Bỏ các sưu thuế hiện thời, lập ra thuế lũy tiến,

e) Ngày làm công tám giờ, sửa đổi sự sanh hoạt cho thợ thuyền và quần chúng lao khổ,

g) Xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, thừa nhận dân tộc tự quyết,

h) Lập quân đội công nông,

i) Nam nữ bình quyền,

k) Ủng hộ Liên bang Xô viết; liên kết với vô sản giai cấp toàn thế giới và phong trào cách mạng thuộc địa và bán thuộc địa.

7. *Trong cuộc cách mạng ở Đông Dương, địa vị các giai cấp không đều nhau:*

a) *Bọn tư bổn* đối với đế quốc chủ nghĩa có vị trí không đều nhau: bọn tư bổn thương mại vì có lợi quyền dính dáng với đế quốc cho nên đứng về một phe với đế quốc chủ nghĩa và địa chủ mà chống cách mạng. Bọn tư bổn công nghệ vẫn có lợi quyền trái với đế quốc chủ nghĩa; nhưng vì:

- Là sức lực của chúng nó rất kém,

- Là chúng nó có dính dáng với địa chủ (có nhiều anh kiêm địa chủ),

- Là chúng nó sợ phong trào vô sản và chịu ảnh hưởng phản cách mạng của bọn tư bổn Tàu và Ấn Độ, cho nên chúng nó không thể đứng về quốc gia cách mạng mà chỉ đứng về mặt quốc gia cải lương.

Nhưng khi phong trào quần chúng nổi lên cao, cách mạng V.S.[1] đến trước mắt thì bọn này sẽ theo phe đế quốc chủ nghĩa.

b) *Tiểu tư sản* có nhiều hạng, địa vị mỗi hạng lại mỗi khác và trong mỗi thời kỳ cách mạng thì địa vị ấy lại đổi khác nữa:

[1] V.S.: Vô sản (BT.)

- Bọn thủ công nghiệp, vì bị hàng hóa của đế quốc chở tới rất nhiều cạnh tranh không nổi, cho nên có ác cảm với đế quốc. Đối với phong trào cách mạng vô sản, bọn này cũng có ác cảm, vì chúng nó muốn giữ lấy cách bóc lột những thợ học nghề với chúng nó. Vì sự mâu thuẫn ấy mà thái độ chúng nó đối với cách mạng rất do dự.

- Bọn tiểu thương gia có quan hệ với cách bóc lột như là buôn bán và cho vay nặng lời, bởi vậy chúng nó muốn giữ lấy chế độ ấy, vì thế mà chúng nó không tán thành cách mạng.

- Bọn trí thức, tiểu tư sản, học sanh, v.v. là bọn xu hướng quốc gia chủ nghĩa, chúng nó đại biểu quyền lợi cho tất cả giai cấp tư bổn bổn xứ, chớ không phải chỉ bênh vực quyền lợi riêng cho bọn tiểu tư sản mà thôi. Trong thời kỳ chống đế quốc chủ nghĩa thì bọn ấy cũng hăng hái tham gia, nhưng chỉ lúc đầu mà thôi; chúng nó không thể binh vực quyền lợi cho dân cày được, vì chúng nó phần nhiều có dây dướng với bọn địa chủ.

- Các phần tử lao khổ ở thành phố như là bọn bán rao ngoài đường, bọn thủ công nghiệp nhỏ không mướn thợ, bọn trí thức thất nghiệp, v.v. vì sanh hoạt cực khổ cho nên đều theo cách mạng cả.

8. *Sức mạnh của cách mạng.*

a) Vô sản giai cấp ở Đông Dương phần nhiều do dân cày hoặc là thủ công thất nghiệp mà hóa ra, còn đương mới mẻ chưa thoát khỏi những tư tưởng hẹp hòi, những hủ tục phong kiến và ít biết chữ, cho nên sự giai cấp giác ngộ có bị trở ngại. Tuy vậy, giai cấp ấy rất là tập trung và mỗi ngày lại thêm đông; và cách bóc lột áp bức theo lối thuộc địa rất tàn nhẫn, thành thử vô sản giai cấp mau phá sự trở ngại ấy mà nổi lên tranh đấu càng ngày càng hăng hái để chống lại tư bổn đế quốc. Vì vậy cho nên vô sản giai cấp thành một động lực chánh và rất mạnh của cách mạng ở Đông Dương, và lại là giai cấp lãnh đạo cho dân cày và quần chúng lao khổ làm cách mạng.

b) Dân cày là hạng người chiếm đại đa số ở Đông Dương (hơn 90 phần 100 (90%)), họ là một động lực mạnh cho cách mạng tư

sản dân quyền. Nhưng dân cày ở Đông Dương không phải là nhứt luật như nhau cả. Trong lúc tranh đấu chống địa chủ và đế quốc chủ nghĩa thì vô sản có thể kéo hết thảy dân cày về phe cách mạng, nhưng lúc sự phân hóa giai cấp ở thôn quê càng rộng càng sâu, cuộc thổ địa cách mạng càng bành trướng, thì bọn phú nông càng mau bước sang phe phản cách mạng.

Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp có đứng đầu và cùng với quần chúng dân cày mà tranh đấu để binh vực quyền lợi hàng ngày cho dân cày và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, thì mới có thể giành quyền lãnh đạo cho dân cày được. Đồng minh của giai cấp vô sản là bọn trung và bần nông.

9. *Đối với các giai cấp.*

a) Tư bổn bổn xứ chia làm hai bộ phận; một bộ phận thì đã hiệp tác với đế quốc chủ nghĩa (dự vào các cơ quan chánh trị và kinh tế), một bộ phận nữa (bọn Huỳnh Thúc Kháng, bọn Phạm Quỳnh, bọn Ngọ báo, v.v.) hiện còn tìm cách thỏa hiệp với đế quốc; chúng nó lợi dụng phong trào cách mạng để yêu cầu đế quốc những quyền lợi riêng của chúng nó, đồng thời để lừa gạt quần chúng (ngoài mặt thì chúng nó làm bộ đòi những sự cải cách, nhưng kỳ thiệt chúng nó kiếm cách phá hoại phong trào cách mạng của công nông. Chiến lược của Đảng là phải chỉ rõ cái tánh chất quốc gia cải lương của bọn này. Mục đích của bọn này là cốt làm cho quần chúng sanh mộng tưởng mà quên con đường cách mạng. Nếu từ đây mà Đảng không tranh đấu kịch liệt để kéo quần chúng ra khỏi ảnh hưởng quốc gia cải lương, thì ảnh hưởng ấy sẽ thành một sự nguy hiểm cho sự phát triển của cách mạng. Đảng phải làm cho quần chúng hiểu rõ ràng các bọn quốc gia cải lương chỉ muốn điều đình với đế quốc chủ nghĩa, đã nhiều lần phản cách mạng, hết sức chống những đều yêu cầu của quần chúng.

b) Đảng phải nhận rõ cái tánh chất và địa vị các đảng phái tiểu tư sản trong cuộc cách mạng (như bọn Quốc dân Đảng, Ng. An

Ninh, v.v.). Bây giờ các đảng phái ấy tuy còn ở trong địa vị quốc gia cách mạng nhưng rồi đây cũng hóa ra quốc gia cải lương. Các đảng phái ấy đều dính dáng với giai cấp địa chủ và tư bổn bổn xứ. Đối với đế quốc chủ nghĩa thì bọn trí thức tiểu tư sản lãnh tụ các đảng phái ấy và chủ trương quốc gia cách mạng. Nhưng mục đích của họ chỉ chủ trương sự phát triển tư bổn cho xứ Đông Dương mà thôi. Khi phong trào cách mạng phản đế mới nổi lên thì họ chống đế quốc chủ nghĩa và binh vực quyền lợi cho giai cấp tư bổn bổn xứ. Nhưng đến lúc cách mạng phát triển đã cao; lúc phải giải quyết các vấn đề căn bổn nhứt là vấn đề thổ địa cách mạng và vấn đề công nông chuyên chánh, thì các đảng phái ấy sẽ bỏ cách mạng mà chạy về cải lương và hiệp tác với đế quốc chủ nghĩa.

Bởi vậy cho nên về mặt chánh trị và tổ chức ngay từ lúc đầu, chúng ta phải phân tách giới hạn của Đảng Cộng sản và các đảng phái tiểu tư sản cho thiệt rõ, nhứt là phải đánh đổ những xu hướng tiểu tư sản (ám sát, không tín nhiệm quần chúng, v.v.) ở trong Đảng mình.

Muốn lợi dụng cho hết mọi cơ hội để mở rộng phong trào cách mạng, Đảng có thể tạm thời hợp tác với các đảng phái ấy, nhưng nếu các đảng phái ấy có thiệt ra tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa và không ngăn trở sự cổ động tuyên truyền cộng sản trong quần chúng công nông thì mới có thể tạm thời hợp tác được. Nếu không có những điều kiện ấy thì không nên hợp tác. Khi hợp tác, thì lúc nào Đảng cũng phải giữ cho phong trào công nông có tánh chất giai cấp, nghĩa là phải giữ lấy quyền tự do cổ động, tuyên truyền, tổ chức và đem quần chúng tranh đấu theo khẩu hiệu phản đế và thổ địa cách mạng của Đảng. Đồng thời lại phải chỉ trích những sự hành động không triệt để và không quả quyết của các đảng phái ấy, và chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi của họ. Phải dè trước những sự do dự của họ để dự bị cách đối phó. Phải hết sức đánh đổ ảnh hưởng của bọn ấy trong quần chúng và phải kéo quần chúng thoát khỏi ảnh hưởng ấy, để giành lấy quyền lãnh đạo cho vô sản.

10. Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiền phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lê nin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chánh và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản.

Muốn làm cho trọn nhiệm vụ của Đảng trong cuộc cách mạng, trước hết Đảng cần phải: tổ chức ra những đoàn thể độc lập (công hội, nông hội, v.v.).

a) Đảng phải thâu phục đại đa số của giai cấp mình, cho nên trách nhiệm trung tâm của Đảng là tổ chức và khoách trương Công hội đỏ trong những sản nghiệp trọng yếu và trong các thành phố lớn. Công hội phải thống nhứt và tập trung theo sản nghiệp và theo địa phương. Phải tổ chức *công xưởng ủy viên hội*, và chú ý tổ chức công nhân các đồn điền và mỏ. Đảng không những chỉ công tác trong các công hội đó mà thôi, mà lại cần phải chú ý công tác trong đoàn thể thợ thuyền còn chịu ảnh hưởng bọn phản động hoặc cải lương, để thâu phục quần chúng. Đảng phải hết sức liên lạc những sự hoạt động công khai và bí mật để khoách trương cuộc công nhân vận động.

b) Muốn lập công nông chuyên chánh thì vô sản giai cấp phải lãnh đạo cho đại đa số quần chúng lao khổ, nhứt là dân cày. Vậy nên Đảng phải chú ý về việc tập trung ruộng đất phát triển ra thế nào, và sự mâu thuẫn giai cấp ở thôn quê. Ngay từ lúc đầu, Đảng phải lãnh đạo dân cày chống đế quốc và địa chủ. Bần và trung nông là phần tử hăng hái làm cách mạng thổ địa, cho nên phải hết sức tổ chức họ khắp trong xứ. Điều cần nhứt của Đảng là phải tổ chức công hội công nhân nông nghiệp cho kiên cố và làm cho họ thành người lãnh đạo quần chúng nông dân trong cuộc cách mạng.

Còn bọn phú nông thì ngay từ lúc bây giờ phải chú ý đừng cho bọn ấy xen vào nông hội, và ảnh hưởng đến trung và bần nông.

11. *Cách tranh đấu.*

Trong lúc định chiến lược, Đảng phải xét kỹ tình hình trong nước và ngoài thế giới, sức mạnh của địch nhân, sức tranh đấu của quần chúng, thái độ các hạng người đối với cách mạng, v.v.. Đảng căn cứ ở những điều kiện ấy mà định ra chiến lược để lãnh đạo cho quần chúng tranh đấu. Lúc thường thì phải tùy theo tình hình mà đặt khẩu hiệu "phần ít" để binh vực lợi quyền cho quần chúng như: tăng tiền lương, bớt giờ làm, giảm thuế, chống thuế, chống sự sanh hoạt mắc mớ, v.v. để khoách trương sự tranh đấu cách mạng ra. Phải đem khẩu hiệu "phần ít" ấy phụ thuộc vào khẩu hiệu chánh của Đảng như: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, địa chủ và phong kiến, xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, lập chánh phủ công nông, v.v..

Không chú ý đến những sự nhu yếu và sự tranh đấu hằng ngày của quần chúng là rất sai lầm. Mà nếu chỉ chú ý đến những sự nhu yếu hằng ngày mà không chú ý đến những mục đích lớn của Đảng cũng là rất sai lầm.

Nhiệm vụ của Đảng là phải lấy những sự nhu yếu hằng ngày làm bước đầu mà dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng. Đến lúc sức cách mạng lên rất mạnh, giai cấp thống trị đã rung động, các giai cấp đứng giữa đã muốn bỏ về phe cách mạng, quần chúng công nông thì sôi nổi cách mạng, quyết hy sanh phấn đấu, thì Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông.

Lúc đó Đảng phải ra khẩu hiệu "giao tiếp" và nâng cao những khẩu hiệu ấy lên như: lập Xô viết, lập hội đồng tịch ký ruộng đất, sản nghiệp do công nhân kiểm soát, võ trang cho công nông, v.v.. Đồng thời Đảng phải tổ chức và khuếch trương hết cả các cách tranh đấu của quần chúng như bãi công, bãi công vừa thị oai, bãi công vừa võ trang thị oai, tổng bãi công bạo động.

Võ trang bạo động không phải là một việc thường, chẳng những là theo hình thế trực tiếp cách mạng, mà lại phải theo khuôn phép nhà binh, cho nên cần phải chú ý. Trong khi không có tình thế trực tiếp cách mạng cũng cứ kịch liệt tranh đấu; nhưng kịch liệt tranh đấu ấy không phải là để tổ chức những cuộc manh động, hoặc là võ trang bạo động quá sớm, mà cốt là để suy động đại quần chúng ra thị oai, biểu tình bãi công, v.v., để dự bị họ về cuộc võ trang bạo động sau này.

12. *Phản đối đế quốc chiến tranh.*

Thời kỳ này là thời kỳ khủng hoảng khắp cả các nước đế quốc, phong trào công nhân ở các nước và ở Đông Dương nổi lên rất mạnh. Cái nguy cơ chiến tranh của các đế quốc càng ngày càng gần. Bởi vậy Đảng phải hết sức khoách trương công tác "phản đối binh bị", và một mặt tổ chức trong quân đội, một mặt tổ chức đội tự vệ của công nông, phải làm cho các khẩu hiệu chống đế quốc chủ nghĩa chiến tranh lan khắp và sâu vào trong quần chúng, như: đổi chiến tranh đế quốc ra chiến tranh cách mạng, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và giai cấp bóc lột. Binh vực Liên bang Xô viết và phong trào cách mạng trong thế giới, v.v..

13. *Liên lạc với vô sản và dân thuộc địa thế giới.*

Vô sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, nhứt là vô sản Pháp để làm mặt trận vô sản "mẫu quốc" và thuộc địa cho sức mạnh tranh đấu cách mạng được mạnh lên.

Trong cuộc tranh đấu chống đế quốc, quần chúng cách mạng Đông Dương lại phải liên lạc với quần chúng cách mạng ở các thuộc địa và bán thuộc địa, nhứt là ở Tàu và Ấn Độ, v.v..

Trong công tác, Đảng phải liên lạc mật thiết với Đảng Cộng sản Pháp, Tàu và Ấn Độ.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.88-103.

VỀ CÔNG TÁC TRONG BA NĂM QUA VÀ TÌNH HÌNH ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG[1]

Sau cao trào cách mạng 1930-1931, chủ nghĩa đế quốc Pháp tăng cường khủng bố quần chúng cách mạng và cơ quan lãnh đạo là Đảng Cộng sản Đông Dương. Vì vậy vào tháng 11-1931 tôi và Pêznhép[2] nhận nhiệm vụ phải trở về nước tham gia công tác của Ban Chấp ủy Trung ương Đảng và đã mang về 400 đôla cho Đảng. Chúng tôi đến Balê[3], được biết tình hình trong Đảng đã thay đổi, Ban Chấp ủy Trung ương không còn và thậm chí không có quan hệ gì giữa các đồng chí Đông Dương với Đảng Cộng sản Pháp.

Lúc đó tôi và đại diện của các đồng chí ở Pháp quyết định: "Đưa một số sinh viên về nước và vào công tác trong các xí nghiệp, mới có thể bắt được liên lạc với các tổ chức đảng".

Trước tiên, tôi lấy hộ chiếu Tàu, mong muốn:

1. Đến Xiêm, vì trước kia tôi đã quen biết các nhóm cộng sản Đông Dương ở đây, có thể biết được tin tức của Đảng.

2. Hy vọng rằng sau khởi nghĩa ở Nghệ An và Hà Tĩnh, những người cộng sản Đông Dương có thể chạy sang Xiêm, qua đó tôi có thể bắt liên lạc với trong nước.

3. Nếu không móc nối được liên lạc ở Xiêm, tôi sẽ trở về nước qua biên giới Xiêm. Vào tháng 2-1931 tôi đã tới Xiêm (Băng Cốc) qua Xingapo, bằng con đường công khai.

Nhưng khi đến Băng Cốc thì hoàn toàn khác. Trước đây, những người đến Xiêm thường không cần hộ chiếu và không cần một điều kiện gì khác. Họ chỉ cần một cửa hiệu có tiếng bảo đảm và

---

[1] Báo cáo của đồng chí Hải An (Lê Hồng Phong) gửi Quốc tế Cộng sản ngày 5-1-1935 (BT).

[2] Pêznhép: Trần Đình Long (BT).

[3] Balê: Pari (BT).

chỉ nộp một số tiền là 40 đồng vào năm 1930, tức 120 đồng hiện nay là họ có thể đến được Xiêm.

Khi tàu sắp cập bến, thuyền trưởng người Tàu hỏi tôi địa chỉ sẽ đến ở Băng Cốc. Tôi nói với ông ta là tôi không có người quen ở đấy. Ông ta nói rằng, nếu có tiền ông cũng không tìm được người có thể bảo đảm cho tôi vào thành phố. Vì vậy, tôi phải đến ở trong một khách sạn gần Băng Cốc 10 ngày để đợi tàu quay về Tàu. Trong 10 ngày này, người chủ khách sạn không cho phép tôi vào thành phố nếu không có ông ta. Thời gian ở đây, cảnh sát Xiêm không ngừng theo dõi tôi cho đến khi tàu rời khỏi Băng Cốc.

Như vậy là ở Xiêm tôi không thể làm gì được. Tôi quyết định lập tức trở về Hồng Công, nơi mà tôi có thể tìm đường trở về nước bằng tàu thủy hoặc qua biên giới Quảng Đông.

Nhưng không may cho tôi, khi đến cảng Hồng Công, toàn bộ số tiền mang theo (400 đôla và 200 đồng) đã bị mất cắp (về vấn đề này tôi đã có thư cho các đồng chí vào tháng 5 hoặc tháng 4-1932). Trước đó tôi cất giấu số tiền ở nhiều chỗ khác nhau trong vali, trong túi áo, sau đó, trong cùng ngày tôi đã dồn hết số tiền đó vào trong một cái ví. Vì vậy số tiền ấy đã bị mất hết, không còn một xu. Tôi buộc phải bán cái áo khoác lấy năm đô la Hồng Công để mua vé đi Quảng Châu. Tại Quảng Châu, tôi đã làm đơn gửi Trường Đại học Quảng Châu, xin vào học chủ nghĩa Tôn Dật Tiên… với tư cách là một đảng viên Quốc dân Đảng Việt Nam chạy sang Tàu sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Tôi đã được nhận vào trường (vấn đề này tôi cũng đã thư cho các đồng chí).

Ngày 20-3-1932, tôi được Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Châu tiếp nhận và khuyên tôi nên tiếp xúc với nhóm Quốc dân Đảng Việt Nam tại Quảng Châu. Nhóm người này đã cử bốn người đến gặp tôi (tại khách sạn) để tìm hiểu tình cảnh của tôi. Sau đó, ba người trong bọn họ trở về, còn lại một người. Người này đã kể với tôi tình hình nhóm Quốc dân Đảng Việt Nam ở Quảng Châu và ở Vân Nam, tình hình nhóm Thanh niên ở Quảng Tây. Anh ta còn cho tôi biết những người Quốc dân Đảng Việt Nam rất cần cán bộ,

song họ rất thù địch với những người cộng sản, kể cả nhóm "Thanh niên". Vì vậy nhiều hội viên Thanh niên đã bị bắt giam vào nhà tù ở Quảng Châu do bọn Quốc dân Đảng Việt Nam tố cáo với chính quyền Quảng Châu. Cũng qua người này tôi nắm được tình hình ở Quảng Châu và được biết ở Quảng Châu có người đã quen tôi trước đây. Tôi nghĩ rằng nếu ở lại Quảng Châu thì nguy hiểm, vì vậy ngay đêm hôm đó tôi đã bán vali áo quần được 30 đồng tiền Quảng Châu và lập tức chuyển đến một khách sạn khác. Ngay ngày hôm sau tôi chạy đến Nam Ninh (Quảng Tây). (Sau một thời gian, một người bạn của tôi đã kể lại rằng, ngay rạng sáng ngày hôm đó cảnh sát cùng với bọn Quốc dân Đảng Việt Nam đã đến khách sạn để bắt tôi).

Tháng 4-1932 sau khi đến Quảng Tây tôi đã tìm được nhóm Thanh niên và được biết họ đã bắt liên lạc được với trong nước, nhưng vì không có tiền nên tôi phải ở lại đây và làm thợ nguội trong một xưởng thợ. Tại đây tôi đã tổ chức một số nhóm, tổ. Mặt khác tôi cũng đã viết thư sang Xiêm. Sau một thời gian tôi nhận được thư trả lời của một số đồng chí ở Xiêm và được biết họ cũng đã có liên hệ với trong nước. Trong thời gian ở Nam Ninh, thành phố Quảng Tây, tôi đề nghị một số đồng chí ở Long Châu đến gặp tôi ở Nam Ninh bàn công việc. Sau cuộc họp này một người được cử về Long Châu để chuẩn bị địa điểm làm việc, một người về Ma Cao tổ chức cơ quan liên lạc, nhưng người này không tìm được việc làm nên đã trở về Quảng Châu.

Tháng 7-1932 vào dịp nghỉ hè, tôi cùng một nhóm năm học sinh Việt Nam học Trường quân sự Nam Ninh đã bị cảnh sát bắt, nhưng vì không có tài liệu, nên chúng tôi được thả. Vào tháng 12-1932 tôi đến Long Châu và thành lập ở đây một tổ công tác. Tôi đã sống nhờ tiền của một số đồng chí làm thợ nguội trong xưởng thợ quân sự cung cấp.

Từ tháng 10-1932 đến tháng 3-1933 tôi đã mở một lớp hai tuần lễ bồi dưỡng cho hơn 20 người từ trong nước sang. Trong một thời gian ngắn tôi đã cung cấp cho họ những kiến thức sơ đẳng: tình

hình thế giới, tình hình Đông Dương, đường lối chung của Đảng Cộng sản Đông Dương, nguyên tắc tổ chức của Đảng, làm thế nào để tổ chức quần chúng và làm thế nào để công tác đối với họ, v.v..

Thời gian này tôi cũng đã dịch có kết quả một vài quyển sách về Xô viết Tàu, về Hiến pháp Xô viết Tàu, các nghị quyết Hội nghị lần thứ 11, Hội nghị toàn thể Ban Chấp ủy Quốc tế Cộng sản, v.v., đã viết một quyển sách nhỏ về tình hình quốc tế và cách mạng Đông Dương. Tất cả những tài liệu và sách ấy đã được đưa về nước và nhiều đồng chí đã chép lại để chuyền tay.

Do công tác ở Long Châu, tôi đã tổ chức lại có kết quả một nhóm cộng sản ở tỉnh Cao Bằng (Bắc Kỳ), thành lập một vài chi bộ mới ở tỉnh Lạng Sơn (Bắc Kỳ) và cử một số đồng chí đến công tác ở các tỉnh khác. Thời gian gần đây Xứ ủy Bắc Kỳ lâm thời đã được thành lập, chúng tôi đã cung cấp cho họ tiền để cử hai đồng chí đến Hà Nội, Hải Phòng và hai đồng chí đến Hồng Gai thời gian từ ba đến bốn tháng. Những đồng chí này phải tổ chức các chi bộ đảng trong những địa phương ấy.

Cũng cần nhận xét rằng, đến năm 1928, một nhóm 200 người ở tỉnh Cao Bằng đã bắt được liên lạc với "Thanh niên". Vào năm 1929 sau khi cơ quan lãnh đạo Thanh niên ở Quảng Châu tan rã, họ đã mất liên lạc và đã công tác một cách độc lập; tự cho mình là một nhóm cộng sản, họ đã tổ chức ra Chấp ủy tỉnh. Họ đã biết tổ chức và lãnh đạo một số cuộc đấu tranh của nông dân trong tỉnh.

Vào thời gian ở Long Châu (tháng 6-1932) đồng chí Svan[1] đến Long Châu đã bị bắt, cùng thời gian ấy Xinhítxkin[2] đến Nam Ninh cũng bị bắt, vì hai người đều không biết tiếng Tàu. Sau hai tuần lễ cả hai đồng chí đều đã bị trục xuất khỏi tỉnh Quảng Tây. Họ đã chạy đến Quảng Châu.

Vào lúc đó tôi đã nhận được thư của một đồng chí ở Nam Ninh. Đồng chí ấy báo với tôi rằng "có một người An Nam vừa tới Nam Ninh, theo giọng nói thì người đó hình như sinh ra ở Vinh, dáng người bé nhỏ, v.v.. Tôi đoán "có thể đó là Xinhítxkin". Tôi lập

[1] Svan: Nguyễn Văn Dựt, học Trường Đại học Phương Đông từ năm 1931 đến 1933 (BT).
[2] Xinhítxkin: Hà Huy Tập.

tức viết thư cho đồng chí ấy là phải giúp đỡ Xinhítxkin. Nhưng chính quyền Nam Ninh đã đuổi Xinhítxkin ra khỏi tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian bị đuổi, trên tàu thủy, đồng chí này đã kịp đưa cho Xinhítxkin địa chỉ ở Quảng Châu. Như vậy, Xinhítxkin có thể gặp được đồng chí ấy ở Quảng Châu. Sau đó chính đồng chí này đã chuyển thư của Xinhítxkin cho tôi.

Còn Svan đã tới Long Châu, đã có thư cho tôi và tôi chỉ nhận được thư ấy sau khi đồng chí đã bị bắt. Svan cũng bị đuổi ra khỏi Quảng Châu, nơi đồng chí đã viết thư cho tôi.

Sau khi nhận được thư của Svan và Xinhítxkin, tôi liền tới Quảng Châu để gặp họ.

Ngày 1-8-1933, chúng tôi gồm ba người đã họp tại Quảng Châu và bàn những vấn đề sau:

1. Tôi thông báo tình hình ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Ai Lao và Xiêm;

2. Xinhítxkin thông báo tình hình quốc tế và nghị quyết của Đông Phương bộ;

3. Cuối cùng là tài chính (còn gần 850 đôla).

Chúng tôi quyết định:

1. Nhất trí với nghị quyết của Đông Phương bộ là phải thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài ở Ma Cao trong thời gian sớm nhất.

2. Triệu tập hội nghị Đảng vào khoảng tháng 3-1934.

3. Giao việc cho một đồng chí (đó là Nam Sơn – là một công nhân lành nghề, đã đến Tàu năm 1928. Tôi gặp anh ấy ở Nam Ninh năm 1932. Tháng 8-1932, tôi khuyên anh đến Ma Cao, Hồng Công và Quảng Châu tìm việc làm và để đặt cơ sở liên lạc cho công tác sau này).

Cử Xinhítxkin đến một nơi để học tiếng Tàu ba tháng.

4. Giao cho Nam Sơn và Svan tìm một cửa hàng nhỏ ở Ma Cao, trong thời gian gần nhất, để buôn bán hoặc làm nghề thủ công, cửa hàng cũng sẽ là nơi làm việc của Ban Chỉ huy ở ngoài.

5. Còn tôi phải trở về công tác ở Long Châu.

Sau đây là những nguyên nhân vì sao không thành lập ngay Ban Chỉ huy vào tháng 8-1933:

1. Vì tôi không biết rõ tình hình ở An Nam, ở Ai Lao. Còn một đồng chí ở Xiêm gửi thư hứa sẽ đến gặp tôi ở Tàu nhưng vẫn chưa đến.

2. Chưa tìm được một chỗ để làm việc ở Ma Cao.

Và thế là sau cuộc họp này, tôi trở về Long Châu, đến Nam Ninh, ở đó tôi gặp một đồng chí từ Xiêm đến (chúng tôi đã biết nhau từ năm 1926 ở Quảng Châu). Đồng chí kể cho tôi biết: vào tháng 2-1932 ở Xiêm đã thành lập Ban Chấp ủy Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương gồm năm người (ba trong số này vừa chạy từ trong nước sang, là cựu tỉnh ủy viên Nghệ An và Hà Tĩnh, còn hai người đã đến Xiêm từ trước). Đồng chí lại đề nghị tôi cho biết, một số tình hình. Tôi trả lời như sau: "Sau khi Ban T.W. Chấp ủy bị tan rã vào tháng 4 và tháng 8-1931, rất có thể bây giờ trong nước đã có Ban T.W. Chấp ủy mới. Tôi nghĩ rằng nên thành lập tại chỗ các chi bộ đảng, tỉnh ủy và xứ ủy. Trong quá trình công tác, chúng ta sẽ lập Ban T.W. Chấp ủy, nếu công tác của chúng ta phát triển ở một số xứ. Thậm chí, nếu không có Ban T.W. Chấp ủy, chúng ta cũng dễ dàng thành lập được. Còn Ban T.W. Chấp ủy lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương ở Xiêm được thành lập, được sáng kiến của một số đảng viên, là tốt. Nhưng theo nguyên tắc thì không đúng vì Ban T.W. Chấp ủy không thể tồn tại ở ngoài nước. Điều thứ hai nữa là tổ chức này không thể liên lạc kịp thời với các xứ khác như Bắc Kỳ, Nam Kỳ và Cao Miên…".

Đồng chí này nói với tôi rằng trong thời kỳ này ở Nghệ An có hàng chục đảng viên của Đảng, ở Hà Tĩnh cũng có hàng chục đảng viên, ở Ai Lao có năm, sáu đảng viên và hai người từ Xiêm được cử đến Nam Kỳ.

Đồng chí này kể tiếp tình hình ở Xiêm, rằng ở đó có những đảng viên người Tàu và An Nam, nhưng họ đã tập hợp lại trong một đảng. Họ muốn đặt quan hệ với Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Tàu. Tôi hỏi đồng chí về Đảng Cộng sản Xiêm, về số lượng đảng viên. Đồng chí trả lời: "Công tác trong quần chúng ở Xiêm rất yếu, các đồng chí Tàu có ảnh hưởng trong công nhân Tàu ở Xiêm. Gần đây các đồng chí Tàu đã chia rẽ làm hai nhóm, nhưng hiện nay một nhóm đã giải tán. Số lượng đảng viên của Đảng hơn 60 người An Nam và khoảng 200 người Tàu, chưa có người Xiêm, mặc dù họ là những người bản xứ…".

Tôi nói với đồng chí này là tôi không có nhiệm vụ gì ở Xiêm, nhưng tôi có thể chuyển tình hình này tới Quốc tế Cộng sản. Và theo ý kiến cá nhân tôi: "Nếu các đồng chí cộng sản Xiêm muốn trở thành những đảng viên thực thụ và trở thành phân bộ của Quốc tế Cộng sản, thì họ phải tiến hành công tác trong quần chúng lao động, mà chính là trong người Xiêm. Nhiệm vụ cấp bách là đưa những người bản xứ vào cơ quan lãnh đạo, để mở rộng công tác với những người bản xứ".

Như vậy là tôi và đồng chí này đã ở lại Nam Ninh được vài ngày. Sau đó tôi đến Long Châu, còn đồng chí trở về Xiêm. Tôi đã thông báo với đồng chí ấy là vào tháng 3-1934 sẽ đưa một số đại biểu từ trong nước sang Tàu để thảo luận những vấn đề về Đảng và chúng tôi cũng sẽ đưa một số đồng chí từ trong nước và từ Xiêm sang để học tập. Nhưng thực ra đến tháng 6-1934 chỉ có hai người tới.

Tháng 9-1933, Svan và Nam Sơn đã tìm được một chỗ để làm việc ở Ma Cao. Tháng 12-1933, Xinhítxkin tới đây. Tháng 3-1934 tôi cũng tới Ma Cao để dự hội nghị. Tại đây, chúng tôi đợi các đại biểu từ trong nước sang mất vài tháng. Trong thời gian này chúng tôi sống ở Ma Cao làm thợ thủ công, sản xuất một vài đồ vật bằng đồng và thiếc, đương nhiên những thứ này rất khó bán, nhưng những người xung quanh đều cho rằng chúng tôi là những người thợ thủ công thật sự.

Ngày 14-6-1934 có hai đại biểu đi qua Xiêm đến Ma Cao. Từ ngày 16-6 đến 21-6-1934 chúng tôi tiến hành Hội nghị Đảng ở Ma Cao. Dự hội nghị có năm đồng chí[(1)].

Chương trình nghị sự:

1. Báo cáo tình hình quốc tế và tình hình Đông Dương.

2. Báo cáo tình hình Bắc Kỳ.

3. Báo cáo tình hình Trung Kỳ và Ai Lao.

4. Thông báo tình hình Đảng Cộng sản Xiêm.

5. Thông qua những nghị quyết của Hội nghị của đại diện ở trong nước và Ban Chỉ huy ở ngoài.

6. Sửa đổi lại tất cả các điều lệ: Đảng, Thanh niên Cộng sản Đoàn, Công hội, Hội nông dân, Hội phản đế, Hội cứu tế đỏ.

Sau đây là những nghị quyết của Hội nghị:

1. Thi hành các nghị quyết của Hội nghị các đại biểu ở trong nước và Ban Chỉ huy ở ngoài.

2. Từ Hội nghị Đảng cho tới tháng 1-1935 phải thành lập xong tất cả các xứ ủy và xứ ủy sẽ cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng vào mùa xuân năm 1935.

3. Phải giải tán "Cơ quan Đông Dương viện trợ bộ" ở Xiêm, sau khi thành lập các xứ ủy ở Trung Kỳ và Ai Lao (cần chú ý là: Vào tháng 02-1932 Ban T.W. Chấp ủy lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập ở Xiêm, nhưng sau một thời gian, tất cả các đồng chí đều cho rằng điều đó là không đúng, nên đã tổ chức lại thành "Cơ quan Đông Dương viện trợ bộ" đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Xiêm - một đại biểu đã báo cáo như vậy). Hội nghị quyết định sau khi giải tán "Cơ quan Đông Dương viện trợ bộ" ở Xiêm, với sự đồng ý của Đảng Cộng sản Xiêm, cần thành lập một cơ quan liên lạc giữa hai đảng. Cơ quan này chỉ là cơ quan liên lạc chứ không lãnh đạo về đường chính trị ở trong nước.

(1) Năm đồng chí đó là: Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Dựt, Nguyễn Văn Tham và Trần Văn Chấn (BT).

4. Tổ chức lại Xứ ủy lâm thời ở Bắc Kỳ. Năm 1932, khi ở Long Châu tôi đã tìm thấy một nhóm người cộng sản Cao Bằng. Trước năm 1928, nhóm này có liên lạc với "Thanh niên" nhưng sau năm 1928, họ không có liên lạc với "Thanh niên" và cả với Đảng Cộng sản Đông Dương. Họ đã mắc một loạt sai lầm. Ví dụ: chuẩn bị bom đạn, cơ cấu tổ chức không đúng, không hiểu những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở Đông Dương. Tuy vậy, họ rất tích cực sửa chữa những sai lầm, họ đã tổ chức thắng lợi một vài cuộc biểu tình của nông dân và kỷ niệm ngày mất của Lênin năm 1933. Tôi đã giải thích cho họ về đường lối cơ bản của Đảng Cộng sản Đông Dương và Điều lệ của Đảng, xóa bỏ điều lệ của họ, tổ chức lại đặc biệt Chấp ủy Bắc Bắc Kỳ (Cao Bằng, Lạng Sơn,…). Hội nghị các đại diện trong nước và Ban Chỉ huy ở ngoài đã công nhận tổ chức này như một bộ phận của Đảng Cộng sản Đông Dương. Ban Chỉ huy ở ngoài đã cấp tiền cho tổ chức này để hoạt động và cho biết địa chỉ ở Hải Phòng. Ban Chỉ huy cũng chỉ ra rằng, sau khi thành lập các chi bộ ở Hà Nội, Hải Phòng, hoặc Hồng Gai, Ban[1] sẽ cử đại diện để tổ chức Xứ ủy Bắc Kỳ.

5. Hội nghị đã gửi thư cho các Đảng Cộng sản Tàu, Pháp và Xiêm.

6. Về tình hình Đảng Cộng sản Xiêm, Hội nghị không thể làm gì được, chỉ có thể viết thư cho họ và đề nghị họ gửi một số sinh viên đi học. Hội nghị đã hứa sẽ chuyển lời đề nghị của họ tới Quốc tế Cộng sản.

7. Hội nghị cho rằng chính sách của "Cơ quan Đông Dương viện trợ bộ" (ở Xiêm) đối với Đảng "Vừng Hồng" là bình thường ("Vừng Hồng" - là một bộ phận của "Thanh niên"). Trong thời gian "Thanh niên" bị chia rẽ, thì "Vừng Hồng" không nhập vào Đảng Cộng sản. Họ tự cho mình là Đảng Vừng Hồng, có khoảng 200 đảng viên. Trong thời kỳ khởi nghĩa ở Nghệ An - Hà Tĩnh, họ đã tổ chức quần chúng biểu tình một vài lần. Sau đó, do khủng bố của đế quốc Pháp, người lãnh đạo của họ đã từ bỏ sự nghiệp cách mạng; một bộ phận nhỏ mong được gia nhập Đảng Cộng sản.

[1] Ban: Ban Chỉ huy ở ngoài (BT).

Chiến sách của "Cơ quan Đông Dương viện trợ bộ" là:

Gửi sang Xiêm những thành viên tích cực để học tập và đưa họ trở về nước trở thành lãnh tụ của đảng ấy và đưa những phần tử ưu tú vào Đảng Cộng sản.

Sau Hội nghị (23-6-1934), Ban Chỉ huy ở ngoài đã cử Svan về Nam Kỳ với tư cách là thanh tra và đại diện của Ban Chỉ huy ở ngoài để tổ chức Xứ ủy Nam Kỳ, vì chúng tôi không biết ở đó có tồn tại Xứ ủy hay không. Sau hai tháng, chúng tôi nhận được thư của đồng chí ấy, cho biết là ở Nam Kỳ đã thành lập Ban Chấp ủy Trung ương lâm thời, số đảng viên ở Nam Kỳ và Cao Miên có gần 100 người và Xứ ủy sẽ cử ba đại diện đi dự Đại hội Đảng.

"Ban Chỉ huy ở ngoài" của chúng tôi đã được thành lập chỉ trong tháng 3-1934, gồm ba người: Lítvinốp là thư ký, Xinhítxkin - tuyên truyền cổ động (Tổng biên tập tạp chí Bônsovích), Svan - thanh tra. Sau Hội nghị Đảng, Tạp chí Bônsovích xuất bản mỗi tháng một lần, thỉnh thoảng hai lần trong một tháng.

Trước Đại hội Đảng, Ban Chỉ huy ở ngoài giữ vai trò là người lãnh đạo, người tổ chức, sẽ tổ chức lại cơ quan lãnh đạo Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ngoài những nhiệm vụ đặc biệt như đã ghi trong nghị quyết, Ban Chỉ huy ở ngoài còn chú ý tới việc thành lập một vài cơ quan liên lạc ở biên giới Tàu và Xiêm để giữ mối liên hệ chặt chẽ với Ban Chấp ủy Trung ương và các xứ ủy. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tổ chức các nhóm đảng để giáo dục các đảng viên của Đảng.

Tình hình của Đảng: sau Hội nghị Đảng có 525 đảng viên.

- *Ở Trung Kỳ*: ở Nghệ An – 112 đảng viên (13 nữ, 10 người trong tổ chức công hội); ở Hà Tĩnh – 83 người (năm chi bộ); còn ở các tỉnh khác thì chỉ bắt đầu cử người tới công tác (ví dụ: Huế, Quảng Trị, Quãng Ngãi…).

- *Ở Ai Lao*: 16 đảng viên (7 thợ mỏ, 6 ở Viêng Chăn, 3 ở Xavanakhét), 3 đoàn viên Thanh niên Cộng sản Đoàn.

- *Ở Bắc Kỳ*: 221 người (201 ở Cao Bằng, 20 ở Lạng Sơn). Ở Hà Nội, Hải Phòng, Hồng Gai và các tỉnh khác chỉ mới cử người đến công tác. Trong số 221 người, chúng tôi cho rằng, chỉ có khoảng 60-70 người là đảng viên của Đảng vì hầu hết họ là những nông dân nghèo Thổ và An Nam.

- *Ở Nam Kỳ và ở Cao Miên*: tháng 9-1934 chúng tôi nhận được thư của Svan, trong thư cho biết là ở Nam Kỳ và ở Cao Miên có khoảng 100 đảng viên, và có Ban Chấp ủy Trung ương lâm thời ở Nam Kỳ.

Các tổ chức quần chúng: ở Lào có một chi bộ Thanh niên Cộng sản Đoàn, các hội nông dân; ở Nghệ An có 500 người, ở Hà Tĩnh có 100 người.

Các công hội: ở Nghệ An có vài chục người, ở Ai Lao có 109 đoàn viên công hội, có các công hội như: thợ mỏ, thợ mộc, phu xe. Ở Nam Kỳ và Cao Miên hiện chưa được tin. Ở Bắc Kỳ chỉ vào tháng 8-1934 chúng tôi mới cử hai người tới mỏ Hồng Gai, nhưng hiện chưa có tổ chức công hội ở đó.

Ở Bắc Kỳ (Cao Bằng) đã có một số tổ chức quần chúng: tổ chức tương trợ mai táng và xây dựng nhà cửa, các hội thể thao, lớp học buổi chiều.

Min và Kan[1] đã đến Thượng Hải vào tháng 5-1934. Họ bảo rằng: trước khi đến Thượng Hải, một đồng chí của chúng tôi đã hứa là sẽ bố trí họ ở trong một khách sạn đã định sẵn, sau đó sẽ có một đồng chí đến gặp. Họ đã ở trong khách sạn 15 ngày nhưng chẳng có ai đến. Sau một thời gian, họ gặp một đồng chí người Phi Luật Tân đã học ở Trường Đại học Phương Đông, đã đưa cho họ 50 đôla Thượng Hải và hứa sẽ tới gặp họ. Họ chờ đợi rất lâu và cũng không thấy đồng chí ấy tới. Như vậy là Min ở lại Thượng Hải, còn Kan thì tới Long Châu (Quảng Tây), vì nghĩ rằng tôi đang ở đó, vì vậy khi đến Long Châu, đồng chí tìm địa chỉ của tôi. Lúc này cơ quan tạp chí đã đóng cửa (vì địa chỉ này tôi đã báo từ tháng 9-1933 nên

[1] Kan: Phùng Chí Kiên (BT).

không sử dụng được nữa, do một đồng chí của tôi (một người cộng sản Tàu làm phóng viên cho tờ báo này) đã bảo với tôi rằng, người biên tập báo biết là có một bức thư được gửi từ Pháp đến và bức thư ấy đã được người biên tập chuyển tới Tổng lãnh sự Pháp ở Long Châu, sau đó bức thư bị chuyển ngược về Pháp…).

Đồng chí Kan ở lại Long Châu hơn một tháng. Đồng chí ấy làm quen với những kiều dân An Nam ở Long Châu và tình cờ gặp một đồng chí của chúng tôi. Đồng chí này đã chuyển cho tôi thư của Kan. Sau khi nhận được thư của Kan, tôi đã cho người đi Long Châu để đưa Kan về Ma Cao. Cũng trong thời gian này Min cũng tới đó.

Lúc này Min còn 330 đôla, chúng tôi dành tiền này cho việc chuẩn bị điện đài. Kan còn 370 đôla chuyển cho Ban Chỉ huy ở ngoài. Ngoài số tiền này chúng tôi còn gần 1.000 đôla Thượng Hải dành cho việc gửi đại biểu và sinh viên tới Trường Đại học Phương Đông.

Cuối cùng, tôi muốn nói vài điều về công tác tổ chức cơ quan liên lạc ở Vlađivôxtốc. Các đồng chí của chúng tôi nói với tôi rằng, khi họ đến Vlađivôxtốc đã bị giữ lại ở trong phòng khách lâu, có thể một hoặc hai tháng, không cho họ ra khỏi phòng kể cả ban ngày lẫn ban đêm. Họ nói rằng cần phải giữ bí mật. Tôi nghĩ rằng, nếu ban ngày không cho ra ngoài, thì buổi chiều cũng để họ ra phố, dù chỉ 15 phút, để hít thở khí trời.

Ngày 15-1-1935

HẢI AN

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.391-401.

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG[1]

Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ chính thức tồn tại từ hai năm nay. Trong thời gian ấy, Đảng đã đứng đầu quần chúng lao động trong những cuộc đấu tranh hàng ngày của quần chúng chống đế quốc Pháp, bọn địa chủ, quan lại và cường hào bản xứ. Đảng đã trở thành một đảng có tính chiến đấu cao của quần chúng.

Tổ chức các công hội đỏ và những hội nông dân cách mạng của Thanh niên Cộng sản, tổ chức Liên đoàn chống đế quốc, các Hội Cứu tế đỏ, các Hội giải phóng phụ nữ, các Hội học sinh cách mạng, các đội tự vệ công nhân và nông dân, v.v., đó là tất cả công tác tổ chức mà Đảng Cộng sản Đông Dương đã có thể thực hiện giữa vô số khó khăn. Hoạt động cách mạng của Đảng không chỉ giới hạn trong việc mở rộng và tổ chức các tổ chức cách mạng. Ở mọi nơi và mọi lúc, Đảng đã tỏ rõ với quần chúng rằng mình là người lãnh đạo thực sự, người chỉ huy thực sự, người duy nhất bảo vệ kiên quyết, hết lòng và thường xuyên của tất cả những người bị bóc lột ở Đông Dương. Trong hai năm vừa qua, Đảng đã lãnh đạo – và thường thu được kết quả to lớn – hơn một trăm cuộc bãi công, có hàng chục ngàn công nhân tham gia. Ở nông thôn, Đảng đã tổ chức hơn 500 cuộc biểu tình và biểu dương, có 500 ngàn nông dân tham dự. Đảng Cộng sản Đông Dương không chỉ là người lãnh đạo quần chúng bị áp bức, mà cũng là nhà tư tưởng cách mạng của quần chúng. Trong lĩnh vực lý luận, Đảng đã tiến hành một việc rất lớn là mở thêm nhiều trường học cộng sản và các cơ quan tuyên truyền. Do đó, báo chí bất hợp pháp không những phổ cập lý luận cộng sản gắn chặt với thực tiễn, mà còn phê phán rất nghiêm khắc mọi hệ lý luận tư sản đối địch với giai cấp vô sản và mọi khuynh hướng chống lêninnít và cơ hội chủ nghĩa.

---

[1] Bài viết của đồng chí Hà Huy Tập ở Sài Gòn, tháng 11 năm 1931.

Đảng Cộng sản Đông Dương hoạt động trong những điều kiện cực kỳ khó khăn. Dù cho đế quốc Pháp bắn giết hàng trăm chiến sĩ ưu tú của chúng tôi hoặc bắt giam hàng ngàn chiến sĩ, Đảng chúng tôi vẫn luôn luôn tiếp tục cuộc tranh đấu anh dũng của mình không sợ máy chém và nhà tù. Hội nghị toàn thể lần thứ 11 của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản tháng 4-1931 đã chính thức thừa nhận sức chiến đấu của Đảng chúng tôi và đã nhận Đảng vào hàng ngũ của mình như một chi bộ độc lập.

Đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương nói chung là đúng. Những lệch lạc cơ hội chủ nghĩa của đường lối chung của Đảng xuất xứ từ chỗ Đảng chúng tôi còn rất trẻ và có quá ít kinh nghiệm, nó còn duy trì một số tập quán và phương pháp hoạt động của những đảng cách mạng cũ và những nhóm cộng sản bè phái; vì những phần tử tiểu tư sản (đặc biệt là nông dân và trí thức) hiện nay là số đông đảng viên, vì giai cấp vô sản trẻ tuổi của Đông Dương còn chưa biết rõ trường học đấu tranh giai cấp lâu dài và khó khăn mà những anh em ở châu Âu đã trải qua. Như vậy, chủ nghĩa cơ hội là sự phản ánh của hệ tư tưởng tiểu tư sản của những phần tử cách mạng dao động và không kiên định.

Tất nhiên, chủ nghĩa cơ hội là một bệnh rất nguy hiểm cần phải đấu tranh chống lại thật kiên quyết để bóp nghẹt và tiêu diệt ngay từ đầu, nhằm ngăn chặn nó lan tới những bộ phận lành mạnh của cơ thể. Song đây không phải là hiện tượng chung trong Đảng, mà chỉ là bệnh của một số người cộng sản riêng rẽ, đối với họ, ban lãnh đạo của Đảng đã kịp thời có những biện pháp kỷ luật cần thiết. Bây giờ, chúng ta hãy xét xem, những phần tử cơ hội chủ nghĩa đã làm biến dạng những nguyên lý và những sách lược lêninnít của Đảng chúng tôi và của Quốc tế Cộng sản như thế nào.

Trước hết, những kẻ cơ hội chủ nghĩa hoàn toàn không biết sự kiện là chỉ duy nhất giai cấp vô sản mới có thể là giai cấp cách mạng nhất quán, và Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp vô sản, cần phải là chính đảng của chỉ riêng giai cấp công nhân. Đây là một nguyên lý sơ đẳng mà những kẻ cơ hội chủ nghĩa không

hiểu, vì thế trong hoạt động lý luận và thực tiễn họ đánh giá thấp vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản bằng cách phổ biến luận điểm nguy hiểm của họ: "*Đảng Cộng sản là đảng chung của mọi người lao động bị áp bức*". Đây là một sai lầm chính trị to lớn. Lịch sử của cuộc tranh đấu giai cấp trên thế giới nói chung và kinh nghiệm của Đảng công nhân và nông dân ở Ấn Độ nói riêng, chứng tỏ rằng một đảng của nhiều giai cấp không bao giờ có thể là một tổ chức cách mạng nhất quán. Một đảng, như Đảng Cộng sản – có sứ mệnh lịch sử lật đổ chủ nghĩa tư bản để thiết lập nền chuyên chính vô sản và sau đó tiến tới chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn, phải luôn luôn có một hệ tư tưởng duy nhất và một kỷ luật chặt chẽ để chiến thắng mọi kẻ thù của giai cấp vô sản qua các giai đoạn đấu tranh. Một đảng của nhiều giai cấp sẽ biến từ một đảng cách mạng thành một tổ chức đấu tranh tư tưởng và tổ chức bè phái trong nội bộ, và sẽ chỉ làm lợi cho những giai cấp áp bức. Đương nhiên, Đảng Cộng sản có thể kết nạp những phần tử cách mạng ưu tú thuộc các giai cấp bị áp bức khác, những người tự nguyện dứt khoát từ bỏ hệ tư tưởng và những lợi ích riêng và chung của chính giai cấp họ và hy sinh đến cùng cho sự nghiệp của giai cấp vô sản, song nền tảng xã hội của Đảng Cộng sản, tức là cấu tạo của nó, phần lớn phải từ giai cấp vô sản họp thành. Trong cuộc đấu tranh chống mọi giai cấp thống trị và bóc lột, giai cấp vô sản ở đâu và lúc nào cũng phải giữ vai trò lãnh đạo, và để tăng cường lực lượng cách mạng của nó, thì dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, với tư cách là đội tiên phong của nó, nó phải dẫn dắt theo mình tất cả những người lao động bị áp bức và bóc lột, mà nó kiên quyết bảo vệ những lợi ích hằng ngày của họ.

Những kẻ cơ hội chủ nghĩa phân biệt giữa thợ giỏi và thợ kém khi nói rằng chỉ những thợ kém mới bị bóc lột và do đó mới có tính cách mạng. Một quan niệm như vậy là một chiến thuật phản cách mạng nhằm tạo ra sự chia rẽ và sự thù hằn trong hàng ngũ giai cấp vô sản. Những kẻ cơ hội chủ nghĩa ấy hoàn toàn quên rằng tất cả thợ thuyền, dù giỏi hay không, đều là những nô lệ làm thuê của bọn tư bản là những kẻ luôn luôn bóc lột giai cấp vô sản, bất kỳ đó là tư

bản nhỏ hay lớn. Tất nhiên, ở đâu cũng có một lớp nhỏ công nhân giỏi, do thiếu lập trường giai cấp, đi theo giai cấp tư sản chống lại chính những anh em cùng giai cấp, nhưng nếu từ đó mà khái quát để dựng lên một khối thợ kém chống lại thợ giỏi, thì đó là phá tan sự thống nhất giai cấp vô sản ngay trong hàng ngũ của nó, tức là tiến hành một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn có lợi cho giai cấp tư sản. Cũng vì một sự hiểu biết lẫn lộn như thế về ý nghĩa giai cấp của Đảng Cộng sản mà một vài đồng chí ở Bắc Kỳ thậm chí đã có một nghị quyết mơ hồ như sau: "*Chỉ những công nhân kém và những nông dân nghèo từ 23 đến 28 tuổi là có thể được nhận vào các lớp huấn luyện chính trị của Đảng*". Nghị quyết này là nực cười. Đối với Đảng Cộng sản và sự nghiệp của cách mạng Đông Dương, mọi đảng viên cộng sản có những nghĩa vụ như nhau và những trách nhiệm như nhau, do đó ai cũng được xem như có mọi *quyền* và mọi sự đối xử như nhau của Đảng, và nhất là trong lĩnh vực huấn luyện, Đảng cần có mọi cố gắng để thanh toán sự kém cỏi về chính trị cho *tất cả đảng viên* không trừ đảng viên nào, để nâng cao trình độ lý luận và tinh thần chiến đấu.

Bây giờ nói sang vấn đề lý thuyết về các giai đoạn: Bắt chước Tôn Dật Tiên, những kẻ cơ hội chủ nghĩa phân chia một cách máy móc hoạt động cách mạng thành những giai đoạn nối tiếp nhau và tách nhau: giai đoạn tuyên truyền, giai đoạn tổ chức, giai đoạn tranh đấu. Thế có nghĩa là sẽ không nên tổ chức quần chúng nếu còn chưa làm xong công việc tuyên truyền trong quần chúng, và sẽ không được đưa quần chúng ra tranh đấu khi chưa tiến hành xong giai đoạn tổ chức. Thực ra, những kẻ cơ hội chủ nghĩa không hiểu rằng những vấn đề tuyên truyền, tổ chức và tranh đấu đều gắn chặt với nhau, phụ thuộc lẫn nhau và tạo thành những khâu của cùng một dây chuyền. Lý thuyết về các giai đoạn ở đây là một cản trợ nghiêm trọng đối với sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng, vì nó giam giữ hoàn toàn những người cộng sản vào một sự biệt phái chật hẹp nhất; đối với những người cách mạng Đông Dương, qua kinh nghiệm, nó là một bài học cay đắng. Chính xuất phát từ quan niệm sai lầm này, mà những kẻ cơ hội chủ nghĩa

ở Bắc Kỳ khăng khăng nói rằng chúng tôi còn chưa tiến tới giai đoạn tranh đấu và phản đối việc áp dụng vào thực tiễn những quyết định của Hội nghị toàn thể lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và các chỉ thị của Quốc tế Cộng sản. Họ thấy ở đâu trong các nghị quyết của Đảng Cộng sản Đông Dương và của Quốc tế Cộng sản cũng là những chiến lược "tả", đảo chính, dẫn tới sự thất bại không thể tránh khỏi của cách mạng Đông Dương; nhưng trên thực tế họ chỉ là những kẻ hữu khuynh, phủ nhận những nguyên lý và những sách lược sơ đẳng nhất của chủ nghĩa bônsơvích mà họ tự tuyên bố mình là những người bảo vệ. Những kẻ cơ hội chủ nghĩa không chỉ chủ trương trước hết phải làm tuyên truyền mà còn vô lý đến mức nói rằng: "*Ngay cả với bọn phản cách mạng cũng không nên dùng bạo lực với chúng, mà trước hết là làm công tác tuyên truyền*".

Tất cả những gì chúng ta có thể hiểu về quan niệm kỳ quặc ấy, đó là những kẻ cơ hội chủ nghĩa kêu gọi quần chúng đừng đấu tranh chống những bọn phản cách mạng nữa. Đó có phải là một sách lược cộng sản để giáo dục và lãnh đạo quần chúng không, hay chỉ để phục vụ lợi ích của đế quốc và phong kiến? Không, sách lược ấy không có gì là cách mạng, mà nó còn tước vũ khí của công nhân và nông dân trước sự đàn áp ngày càng mạnh của đế quốc và chỉ làm lợi cho kẻ thù của giai cấp công nhân và nông dân Đông Dương. Những kẻ cơ hội chủ nghĩa khuyên Đảng không dùng bạo lực với bọn phản cách mạng, nhưng đây là thứ bạo lực gì? Tất nhiên, Đảng Cộng sản không thừa nhận bạo lực cá nhân hay khủng bố cá nhân với tính cách là sách lược đấu tranh giai cấp, nhưng Đảng truyền bá sự cần thiết của bạo lực quần chúng chống lại những kẻ thù của giai cấp vô sản và nông dân, bạo lực của các giai cấp bị áp bức chống lại các giai cấp đi áp bức.

Những kẻ cơ hội chủ nghĩa còn la lối khắp nơi: "Quần chúng khi đấu tranh không nhìn thấy kết quả, mà chỉ nhìn thấy những thất bại, và hiện tại họ không còn tinh thần chiến đấu, không thể huy động họ được nữa…", "Nếu quần chúng không có súng ống, họ sẽ không đấu tranh nữa…", "Nếu Đảng không có cách gì khác nữa,

cuộc đấu tranh sẽ ngừng lại". Có thể dẫn ra nhiều câu nói tương tự, song chúng ta chỉ dừng lại ở những quan niệm sai lầm ấy thôi.

Tất nhiên, những người công nhân và nông dân Đông Dương đã trải qua nhiều thất bại và còn chịu nhiều thất bại nữa do đế quốc Pháp gây ra, song từ đó mà nói rằng quần chúng không bao giờ nhìn thấy kết quả, đó là phủ nhận sự thật, vì ở nhiều tỉnh, các thuế phụ thu đã bị bãi bỏ, địa tô đã giảm; ở nhiều đồn điền và nhà máy, bọn tư bản đã phải hoàn toàn đầu hàng trước những cuộc đấu tranh mạnh mẽ và kiên quyết của giai cấp vô sản; những yêu sách của họ đã thắng. Lịch sử của phong trào cách mạng trên toàn thế giới chứng minh rõ ràng rằng không có những thắng lợi quyết định nào mà trước đó không trải qua thất bại, rằng không bao giờ có chiến thắng mà không phải trải qua đấu tranh. Không phải bằng những con đường hòa bình mà giai cấp tư sản châu Âu và châu Mỹ đã lật đổ được chế độ phong kiến; cũng không phải chỉ một phen mà là phải sau nhiều thất bại lâu dài đẫm máu thì giai cấp vô sản Nga mới có thể tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Mười năm 1917.

Những kẻ cơ hội chủ nghĩa nói rằng quần chúng không còn tinh thần chiến đấu, song những sự kiện cụ thể hằng ngày đã chứng tỏ hoàn toàn ngược lại; những kẻ cơ hội chủ nghĩa co mình lại trước sự đàn áp của đế quốc và kêu gọi một cách đáng xấu hổ quần chúng theo gương đầu hàng của chúng. Liên thanh, máy bay đã bắn phá nhiều làng mạc, giết và làm bị thương hàng trăm và hàng trăm người cách mạng, tòa án tư sản đã tuyên bố những bản án tử hình vô nhân đạo, những án tù đày, sau những sự kiện ở Bắc Trung Kỳ tháng 9-1930, song cho tới nay, không như bọn cơ hội chủ nghĩa dự đoán, quần chúng không ngừng cuộc đấu tranh, tinh thần chiến đấu của họ không hề giảm sút. Trái lại, chúng ta lại chứng kiến, năm 1931, những cuộc biểu dương quần chúng mới tại các tỉnh ở Bắc Trung Kỳ là nơi đã từng có phong trào Xô viết, những cuộc vũ trang nổi dậy ở Quảng Ngãi, những cuộc biểu tình lớn ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ, những cuộc bãi công chính trị tiến công gần như ở khắp nơi, và đặc biệt là ở Nam Kỳ. Những cuộc biểu dương quần chúng ngày 1-5 mà ở đây hơn 170 người đã bị giết chết, đã bác bỏ đặc biệt

một cách sắc bén cái lý thuyết cơ hội chủ nghĩa về vấn đề quần chúng không còn tinh thần chiến đấu.

Ban Chấp hành Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương đã giao cho các tổ chức của Đảng "lãnh đạo các phong trào quần chúng, mở rộng các cuộc đình công, những cuộc biểu dương và biểu tình, bảo vệ các lợi ích hằng ngày của quần chúng, đấu tranh chống khủng bố trắng, xúc tiến hoạt động cách mạng".

Đó là cả một chương trình hoạt động cách mạng hằng ngày để duy trì và phát triển các cuộc đấu tranh. Những kẻ cơ hội chủ nghĩa, đặc biệt là những người ở Bắc Kỳ, biết ca thán rằng: "Nếu quần chúng không có súng, họ sẽ không đấu tranh nữa", rằng "Nếu Đảng không có cách nào khác, cuộc đấu tranh sẽ ngừng", nhưng khi Đảng mời các thành viên của họ huy động quần chúng đấu tranh cho những yêu sách hằng ngày, phát động những cuộc bãi công và những cuộc biểu dương quần chúng, thì những kẻ cơ hội chủ nghĩa trả lời rằng: "Tổ chức trong nội bộ đã, nhưng chưa dẫn dắt và mở rộng cuộc đấu tranh hằng ngày của quần chúng". Đó là một cách hoàn toàn kỳ quặc để hiểu từ tổ chức. Tổ chức không chỉ có mỗi một nghĩa là lập ra những ủy ban của Đảng và tuyển chọn đảng viên, như những kẻ cơ hội chủ nghĩa hiểu. Tổ chức trong ngôn ngữ cách mạng, có nghĩa rộng hơn và phức tạp hơn. Tổ chức có nghĩa không chỉ là kiện toàn bộ máy của Đảng, mà chuẩn bị bằng mọi cách, những cuộc đấu tranh của quảng đại quần chúng. Chính công tác tổ chức chuẩn bị cho các cuộc đấu tranh hằng ngày, và chính trong những cuộc đấu tranh mà các tổ chức càng mạnh mẽ hơn và mở rộng thêm. Một tổ chức cách mạng cần có sự ủng hộ của quần chúng để tăng thêm sức mạnh và phát triển và mở rộng tổ chức và nếu Đảng không huy động đông đảo quần chúng đấu tranh để bảo vệ những nhu cầu hằng ngày của họ, làm sao họ có thể tin tưởng vào Đảng, và vì thế bằng cách nào họ có thể ủng hộ và giúp đỡ một tổ chức cách mạng như thế, một tổ chức không lãnh đạo phong trào đấu tranh của họ, không đi đầu quần chúng, không đi ngược lại những yêu sách trước mắt của quần chúng? (*câu này viết ngược ý; đúng ra là: đi trái, chứ không phải là không đi trái - ND*). Tất cả những

điều ấy nói rõ cho những kẻ cơ hội chủ nghĩa ở Bắc Kỳ hiểu rằng công tác tổ chức và cuộc đấu tranh không thể tách rời nhau, rằng cái này không thể đứng vững nếu thiếu cái kia, rằng công tác tổ chức được tiến hành và phát triển song song với sự phát triển của những cuộc đấu tranh hằng ngày.

Một việc làm khác của chủ nghĩa cơ hội của các đồng chí Bắc Kỳ là họ đã la lối bằng đủ giọng điệu rằng: "Chúng ta hãy tổ chức đã rồi chúng ta đấu tranh sau". Nhưng khi Đảng bảo họ tổ chức những đội tự vệ công nhân và nông dân, họ đã trả lời đơn giản là: "Nhưng tất cả các anh đều là những kẻ manh động! Các anh muốn bằng cách tổ chức các đội tự vệ đưa quần chúng tới một cuộc khởi nghĩa vũ trang quá sớm, nó nhất định kéo theo việc tăng cường khủng bố trắng". Tất cả mánh khóe ấy là lời lẽ ba hoa về cách mạng và là chủ nghĩa cơ hội trong thực tiễn. Chúng ta không nhấn mạnh về việc những kẻ cơ hội chủ nghĩa sợ những cuộc đàn áp của đế quốc. Chúng ta chỉ nêu cho những nhà tư tưởng tiểu tư sản rõ rằng họ đã hoàn toàn lẫn lộn giữa những đội tự vệ với những đơn vị đảng viên hoặc đội cận vệ đỏ. Các đội tự vệ có thể được vũ trang hoặc không, song nhiệm vụ trước mắt của họ không phải là tiến hành một cuộc chiến tranh thật sự chống lại chính phủ đế quốc, để giành chính quyền, mà chỉ là bảo vệ những người bãi công, những người biểu tình trong những lúc đấu tranh hằng ngày khi bị cảnh sát tiến công; thường xảy ra trường hợp các đội tự vệ phải dùng vũ khí đấu tranh trong các cuộc xung đột với bọn cảnh sát khiêu khích, song tất cả những hành vi bạo lực đều chỉ là những biện pháp cần thiết, trong hoàn cảnh nhất định, chứ không bao giờ mang tính chất của những cuộc nổi dậy cô độc và quá sớm, do đó đều không phải là những hành vi manh động như những kẻ cơ hội chủ nghĩa nói. Chúng ta nói thêm rằng, các đội tự vệ bao gồm công nhân và nông dân kiên định nhất, hăng hái chiến đấu nhất và sẵn sàng hy sinh nhất là những tổ chức thường trực, không phải tạm thời như nhiều đồng chí tưởng. Từ chối tổ chức các đội tự vệ là phủ nhận sự chuẩn bị quần chúng cho những cuộc đấu tranh quyết định sau này, là không nhìn thấy gì xa hơn cái mũi của mình, là không hiểu rằng

những người tự vệ tình nguyện hiện nay, tương lai sẽ có thể trở thành những người chiến sĩ có kinh nghiệm và giác ngộ nhất của những đội quân cách mạng. Vậy một quan niệm sai lầm như thế cần được vạch trần trước đông đảo quần chúng lao động Đông Dương.

Một vài đồng chí không muốn áp dụng chặt chẽ Điều lệ của Đảng trong việc tổ chức lại nội bộ các cơ quan sở tại của Đảng ở Bắc Kỳ, đặc biệt là Xứ ủy. Một đồng chí còn viết trong lời tựa quyển *Nhiệm vụ trước mắt của những người cộng sản Đông Dương* rằng Quốc tế Cộng sản không biết những điều kiện cụ thể của tình hình Đông Dương, vì thế mà không thể ra những chỉ thị đúng đắn cho Đảng Cộng sản Đông Dương. Một cách trình bày các quyết định cho quảng đại quần chúng lao động Đông Dương như vậy, thực sự cũng giống như một cuộc đấu tranh công khai chống lại Quốc tế Cộng sản, do đó cũng là chống lại Ủy ban Trung ương Đảng. Ủy ban Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương luôn theo đúng đường lối lêninnít của Quốc tế Cộng sản đã tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những kẻ cơ hội chủ nghĩa tệ hại kia, chống lại những kẻ phiêu lưu của hệ tư tưởng tiểu tư sản cải lương. Những kẻ cơ hội chủ nghĩa đã hoàn toàn quên rằng Quốc tế Cộng sản là bộ tham mưu của cuộc đấu tranh cách mạng trên toàn thế giới, là nhà tư tưởng, nhà tổ chức, nhà chiến thuật, nhà chiến lược của phong trào cộng sản thế giới. Tất cả mọi chỉ thị và quyết định của Quốc tế Cộng sản có uy lực đối với tất cả mọi người cộng sản không trừ một ai, và chúng ta chỉ có việc thực hiện, trung thành, chứ không phải xuyên tạc chúng thành những giáo lý cơ hội chủ nghĩa. Đây là một kỷ luật sắt, song là một kỷ luật và chúng ta tự nguyện cam kết phục tùng, xuất phát từ lương tâm của mình, khi chúng ta vào Đảng Cộng sản để bảo vệ quyền lợi của giai cấp vô sản bằng những biện pháp cách mạng. Đây là một kỷ luật nghiêm, nhưng cần thiết, vì nếu không thế thì không thể có cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản.

Đảng Cộng sản Đông Dương đã tiến hành trong những tháng vừa qua một cuộc đấu tranh tư tưởng kiên quyết chống những khuynh hướng manh động, khủng bố cá nhân, biệt phái, chủ nghĩa

kinh tế công đoàn. Đảng cũng đã chiến đấu chống những tư tưởng sai lầm như thiếu tin tưởng ở sức mạnh quần chúng, đánh giá thấp vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong phong trào cách mạng, việc sao lãng mở rộng cơ sở vô sản của Đảng, đánh giá thấp cuộc đấu tranh cho những yêu sách từng phần của quần chúng lao động, v.v.. Tất cả cuộc đấu tranh tư tưởng ấy chống chủ nghĩa cơ hội là một cuộc đấu tranh không khoan nhượng của đường lối chính trị vô sản của Quốc tế Cộng sản chống lại lập trường cải lương của những kẻ phiêu lưu tiểu tư sản, những người quốc gia cách mạng sợ làm sâu sắc thêm những cuộc đấu tranh của quần chúng và sợ mất tài sản của họ. Mặc dù còn trẻ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tỏ rõ một sự vững vàng về hệ tư tưởng vô sản, một tính chiến đấu mẫu mực, một nghị lực hành động, một chủ nghĩa anh hùng đáng khen giữa những cuộc đàn áp đẫm máu của đế quốc Pháp. Chúng tôi lạc quan dự kiến rằng trong hoạt động để truyền bá chủ nghĩa Bônsovích, Đảng Cộng sản Đông Dương sẽ có thể chiến thắng không khó khăn gì mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa đã xuất hiện và sẽ còn xuất hiện nữa. Chúng tôi hy vọng rằng Đảng sẽ nhanh chóng đứng lên trở lại, sau những đòn khủng bố ác liệt mà đế quốc Pháp đã giáng xuống các đảng viên của Đảng, rằng Đảng sẽ củng cố tốt các tổ chức của mình và tiếp tục, theo truyền thống chiến đấu của mình, lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng trên mọi mặt trận để đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến, bọn địa chủ, và để lập nên ở Đông Dương nền chuyên chính của giai cấp vô sản và của dân cày, dưới hình thức những Xô viết.

Sài Gòn, tháng 11 năm 1931

HỒNG THẾ CÔNG

"Cuộc vận động tuyển cử cũng phải được tiến hành, không phải với ý nghĩa để giành được tối đa số ghế nghị viện, mà với ý nghĩa để động viên quần chúng dưới những khẩu hiệu của cách mạng vô sản. Cuộc tranh đấu tuyển cử không nên chỉ do những người đứng đầu của Đảng tiến hành, mà do toàn thể những người gắn bó với Đảng; mọi phong trào quần chúng cần được sử dụng

(bãi công, biểu dương, khuấy động trong binh lính và thủy thủ, v.v.), tất cả những tổ chức vô sản của quần chúng cần được không ngừng thúc đẩy đi tới một hoạt động tích cực" (Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản).

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập,*
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.3, tr.415-427.

TỰ CHỈ TRÍCH[1]

Thêm vài bài học quan trọng của cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt. Thử thảo luận về ý kiến "đánh đổ Đảng Lập hiến" của anh Nguyễn Văn Tạo và chủ trương "không đánh đổ một giai cấp nào, một đảng phái nào của người bản xứ" của anh T.B.

Sau cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt, các lớp nhân dân có quan tâm tới thời cuộc trong xứ đều đương bàn luận về kết quả cuộc tuyển cử, về những nguyên nhân đã làm cho số Mặt trận dân chủ của nhóm Dân chúng đưa ra bị thất bại, còn số tờrốtkít: Thâu, Hùm, Thạch, được đắc cử ở quận nhì; thì bài chỉ trích của anh Nguyễn Văn Tạo đăng ở *Đông Phương tạp chí* số 6 và những bài của anh T.B. đăng ở *Dân chúng* số 67, 68, 69 đã đem thêm một mớ tài liệu cho cuộc thảo luận kia, đồng thời đặt ra một vài vấn đề mà dư luận độc giả, quốc dân, nhất là các đồng chí cộng sản vẫn đang xôn xao bàn luận.

Những vấn đề ấy là chủ trương "đánh đổ Đảng Lập hiến" của anh Tạo và chủ trương "không đánh đổ một đảng phái nào, một giai cấp nào của người bản xứ" của anh T.B.

Người viết bài này, không thể giữ thái độ lãnh đạm hay mù mờ với những việc xảy ra trên kia. Cũng như tất cả các đồng chí cộng sản khác tôi thấy có bổn phận phải phân tích xác thực hoàn cảnh, không bi quan hoảng hốt mà cũng không đắc chí tự mãn, để tìm ra những nguyên nhân thất bại và nghiên cứu phương pháp sửa lỗi và tiến thủ. Cũng như tất cả các đồng chí khác, tôi thấy có trách nhiệm phải tham gia vào cuộc thảo luận của anh T.B. với anh Tạo, phải định rõ thái độ đối với những ý kiến mà các anh ấy đã đưa ra.

Thấy rằng những bài phân tích kinh nghiệm của tuyển cử còn bỏ sót nhiều bài học quan trọng, nên tôi vội viết bài bổ khuyết.

---

[1] Tác phẩm của đồng chí Nguyễn Văn Cừ viết năm 1939.

Không đồng ý với bài phê bình của anh Tạo mà tôi cho là đầy lòng tự ái và có xu hướng tả khuynh, cô độc; và cũng không thể thừa nhận chủ trương của anh T.B. mà tôi cho là có nhiều xu hướng thỏa hiệp, hữu khuynh, mặc dầu anh T.B. đã đưa ra nhiều nguyên tắc rất đúng, đã trích nhiều câu nói rất hay của Lênin – Xtalin, nhưng anh đã đem ứng dụng một cách sai lầm. Vì thế, sau khi đọc hết bài của anh Tạo ở *Đông phương tạp chí* số 6 và bài anh T.B. ở *Dân chúng* số 67, 68, 69, tôi lại viết một bài thảo luận về những ý kiến của các anh ấy đưa ra. Cả hai bài, bài trước viết cách đây đã gần hai tháng, bài sau cách đây hơn một tháng, tôi đều gửi cho tòa soạn báo *Dân chúng* nhờ đăng, vì tôi nghĩ đăng ở *Dân chúng* thì có thể dễ thảo luận với anh TB và anh Tạo, với độc giả và các đồng chí đương phân vân bàn luận. Nhưng không hiểu bài vở thất lạc hay vì lẽ gì, điều mong mỏi của tôi không thực hiện được. Bất đắc dĩ tôi phải gửi in cuốn này vào *Tập sách Dân chúng*. Sự quyết định của tôi, tuy có miễn cưỡng, nhưng cần thiết, vì: a) Vấn đề còn trong phạm vi thảo luận, ý kiến phê bình của anh Tạo và chủ trương "không đánh đổ giai cấp nào, đảng phái nào của người bản xứ" của anh TB chỉ có thể coi như ý kiến của cá nhân phát biểu ra chứ chưa phải ý kiến thống nhất của toàn Đảng, vì chủ trương của Đảng không phải thế, vậy mỗi Đảng viên có quyền tự do thảo luận, tự do chỉ trích, miễn là sự thảo luận luôn luôn giữ theo tinh thần Bônsêvích, không làm giảm uy tín của Đảng; b) Không thể chờ lâu hơn nữa được vì các độc giả, các đồng chí trong xứ đương xôn xao thảo luận, nhiều người phân vân lộn xộn, vậy phải góp thêm ý kiến cho rộng đường thảo luận; c) Những cuộc thảo luận điều khiển một cách đúng đắn là cần thiết để thống nhất tư tưởng, một sự thống nhất thật sự, mạnh mẽ, dựa trên sự giác ngộ và trung thành của mọi người; d) Nhân dịp cuộc thảo luận này, tôi thử giãi bày cái cốt yếu của chính sách mặt trận dân chủ mà Đảng Cộng sản đề xướng và đương thực hiện.

Chính vì những lý do đó nên tôi quyết định đem in cuốn sách *Tự chỉ trích* này; một phần lớn vẫn giữ nguyên vài bài đã gửi cho báo *Dân chúng*, chỉ có sửa đổi vài chỗ và thêm một vài đoạn cho thích hợp hơn.

Cũng chính vì những lý do đó nên những kẻ nghịch chí vội hí hởn tìm ở đây một sự chia rẽ hay mầm bè phái gì giữa những người cộng sản mà uổng công. Vì sau khi thảo luận rõ ràng rồi, bao giờ trong hàng ngũ chúng tôi, thiểu số cũng phải phục tùng đa số và chừng ấy chỉ có một ý chí duy nhất là ý chí của Đảng, ngàn người sẽ như một để thực hành ý chí ấy.

Tôi chắc bạn TB và bạn Tạo là những chiến sĩ có trách nhiệm và hiểu rõ trách nhiệm cũng đồng ý như thế.

Sau hết, một điều cần chú ý là, tôi chỉ có thể nói được ở đây mấy chỗ cốt yếu của chính sách Mặt trận dân chủ mà phạm vi bài này cho phép. Còn muốn phô bày một cách rõ ràng, có hệ thống về chính sách Mặt trận dân chủ thì phải cả một cuốn sách. Đó là vấn đề chính trị trung tâm ở xứ ta trong lúc này. Tôi hứa với các bạn sẽ thử bàn cái vấn đề đặc biệt quan trọng ấy trong một cuốn sách sẽ xuất bản nay mai.

Viết ngày 20 Juillet 1939

TRƯỚC HẾT, PHẢI NHẬN THẾ NÀO LÀ TỰ CHỈ TRÍCH BÔNSÊVÍCH

Tự chỉ trích Bônsêvích không phải là công kích Đảng, mạt sát Đảng, đặt danh dự cá nhân lên trên tất cả quyền lợi của Đảng, của cách mệnh, như lối anh Tạo đã viết trong *Đông phương tạp chí*. Anh Tạo lấy ý kiến không rõ ràng trong một bài báo của một bạn nào viết mà sau đó không thấy cải chính, cho đó là ý kiến chính thức của Đảng rồi công kích Đảng đối chọi với Đảng. Cứ chỉ như thế không có gì giống với một người Bônsovích chân chính biết trọng uy tín của Đảng, coi nó là cốt yếu, luôn luôn làm cho nó được tăng gia. Đối với uy tín của Đảng thì danh dự cá nhân mình không có nghĩa lý gì, hay nói đúng ra không có nữa, vì một người đảng viên cộng sản chỉ biết lấy uy tín lấy danh dự chung của toàn Đảng làm danh dự của mình thôi.

Đây chưa bàn gì đến ý kiến của anh Tạo đúng hay không đúng, chỉ mới nói về cái lối chỉ trích không Bônsovích của anh.

Đảng Cộng sản Đông Dương có con đường chính trị xác đáng, đã cương quyết tận tụy bênh vực quyền lợi cho dân chúng, điều ấy đã hẳn và được chứng tỏ. Nhưng cũng chắc rằng Đảng vì còn trẻ tuổi nên còn phạm nhiều điều khuyết điểm, nhiều sự sai lầm; điều ấy Đảng luôn luôn tự chỉ trích thành thật và mạnh dạn công nhận để sửa đổi. Mỗi đảng viên có quyền tự do thảo luận và chỉ trích, nhưng phải có nguyên tắc như trên đã nói.

Hơn nữa, theo những điều kiện đặc biệt về hoạt động ở xứ ta, Đảng Cộng sản chưa được công khai tổ chức; chính sách phản động thuộc địa đàn áp; do đó sự thống nhất ý chí và hành động gặp nhiều sự khó khăn, vì vậy, căn cứ theo tinh thần những báo cáo và Nghị quyết của Đại hội thứ VII của Quốc tế Cộng sản, một sự "bớt tập trung" (décentralisation) là có thể và cần thiết. Phải cần để cho sáng kiến và sự hoạt động, do theo sáng kiến (activité autonome) của các đảng viên, được phát triển. Phải cần làm cho các đảng viên giác ngộ, rõ ràng và đầy đủ trách nhiệm của mình, biết xoay phương hướng trong những hoàn cảnh khó khăn, nghiêm trọng, biết tự chỉ trích đúng và kịp thời những khuyết điểm, sai lầm; đồng thời Đảng phải tìm cách củ soát một cách thiệt sự hơn những hành động của mỗi đảng viên. Vậy nếu anh Tạo thấy ý kiến của một đồng chí nào có chỗ mù mờ lộn xộn hay sai lầm, anh có quyền và cần chỉ trích, và *nói cho cùng ra* nếu Đảng ta có chỗ sai mà anh Tạo sáng suốt hơn thấy trước được, anh cũng có thể đem ra chỉ trích và nếu anh chỉ trích đúng thì Đảng rất hoan nghênh. Nhưng bao giờ sự chỉ trích cũng là tự chỉ trích Bônsêvích, nghĩa là để huấn luyện quần chúng và giúp đảng viên tự huấn luyện, để làm tăng uy tín và ảnh hưởng của Đảng, để cho Đảng được càng thống nhất và củng cố, để đưa phong trào phát triển lên, đưa cách mạng tới thắng lợi; chớ không phải đặt cá nhân mình lên trên Đảng, đem ý kiến riêng – dù cho đúng – đối chọi với Đảng, vin vào một vài khuyết điểm mà mạt sát Đảng, phá hoại ảnh hưởng của Đảng, gieo mối hoài nghi, lộn xộn trong quần chúng, gây mầm bè phái chia rẽ trong hàng ngũ Đảng. Anh Tạo và mấy anh chủ trương bộ biên tập *Đông Phương tạp chí*,

có lẽ đã dư biết điều nay, tôi rất mong các anh thành thật nhận cái sai lầm về chỗ chỉ trích sai nguyên tắc ấy.

Còn anh T.B. trong khi chỉ trích hành động của anh Tạo, và bênh vực công cuộc của Đảng đã tỏ ra một chiến sĩ biết đặt quyền lợi của Đảng, của cách mạng lên trên hết, điều đó đáng hoan nghênh. Nhưng anh nói anh Tạo đã "nối giáo cho giặc", chúng tôi sợ có thể làm cho độc giả hiểu lầm; hơn nữa, dùng câu ấy hình như chính anh T.B. cũng chưa nhận rõ vấn đề chỉ trích. Công khai, mạnh dạn, thành thực vạch những nhầm lỗi của mình và tìm phương châm sửa đổi, chống những xu hướng hoạt đầu thỏa hiệp, như thế không phải làm yếu Đảng, mà là làm cho Đảng được thống nhất, mạnh mẽ. Làm như thế không sợ địch nhân lợi dụng, chửi rủa vu cáo cho Đảng, không sợ "nối giáo cho giặc". Trái lại, nếu "đóng kín cửa bảo nhau", giữa cái vỏ thống nhất mà bề trong thì hổ lốn một cục, đầy rẫy bọn hoạt đầu, đó mới chính là để cho quân thù chửi rủa; hơn nữa, đó tỏ ra không phải một đảng tiền phong cách mạng, mà là một đảng hoạt đầu cải lương.

MỘT BÀI HỌC NỮA VỀ CUỘC TUYỂN CỬ CẦN VẠCH RÕ

Tôi rất đồng ý với bài phân tích của T.B. đã vạch những kinh nghiệm của cuộc bầu cử; nhưng tôi muốn nhấn mạnh vào chính sách đàn áp những người ứng cử cộng sản và Mặt trận dân chủ, vì đó không phải là một nguyên nhân không quan trọng. Đồng thời tôi thấy cần chỉ rõ một vài kinh nghiệm nữa. Chúng ta không bao giờ có thể đổ hết những nguyên nhân thất bại cho việc quân thù đàn áp và cử tri chưa giác ngộ. Chúng ta phải biết nhìn nhận những khuyết điểm về chủ quan mà chính ta gây ra, chính ta phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Về phương diện này, không phải chỉ có một nguyên nhân chính là sự rắc rối căng thẳng do anh Tạo gây ra mà còn những sai lầm khác.

1. Mặt trận dân chủ chưa hẳn hoi thành lập được là vì ta chưa được mạnh

Chúng ta vận động để thành lập Mặt trận dân chủ từ hơn hai năm nay. Đặc biệt trong cuộc tuyển cử, ta lại tăng sức hô hào

các đảng phái, các phần tử dân chủ liên hiệp lại, và cuộc tuyển cử là một cơ hội thuận tiện cho các đảng phái liên hiệp. Tuy nhiên M.T.D.C[1]. với các đảng phái vẫn chưa thành lập hẳn, mặc dầu có một ít nhà ứng cử cấp tiến ít nhiều. Điều đó vẫn biết một phần tại chính sách đàn áp, tại các phần tử tư bản tự do còn do dự, yếu ớt nhưng phải nhận phần chính là tại ta chưa đủ sức lãnh đạo quảng đại quần chúng thúc giục các đảng phái, nhân vật cấp tiến liên hiệp hành động, tại phong trào quần chúng chưa đủ mạnh để làm cho họ tin và mạnh dạn tham gia vào M.T.D.C. Vậy ta chớ vì thấy ảnh hưởng Đảng và chính sách M.T.D.C. đang phát triển, đừng thấy Đảng đã lãnh đạo được nhiều cuộc tranh đấu, tờ báo *Dân chúng* in ra mỗi kỳ 7, 8 ngàn số chẳng hạn mà mộng tưởng tự mãn cho rằng Đảng "đã có cơ sở vững chãi trong quảng đại quần chúng" như anh T.B. đã viết trong *Dân chúng*. Anh T.B. ạ! Ta còn phải làm việc nhiều nữa, làm việc không ngớt để lan rộng ảnh hưởng Đảng trong những tầng lớp dân chúng rất đông đúc chưa giác ngộ, để lôi kéo những đám quần chúng lớn lao xưa nay vẫn nằm yên hay lãnh đạm, rụt rè, tham gia vào sinh hoạt chính trị, để kéo họ ra trường tranh đấu, để cho lực lượng tổ chức của ta theo kịp ảnh hưởng lan rộng ấy, để gây cơ sở vững chãi trong quảng đại quần chúng, làm cho Đảng thành một đảng chân chính của quần chúng tiến lên thực hiện M.T.D.C. thống nhất.

2. Những khuyết điểm về cách tuyên truyền và ứng dụng chính sách Đảng

Chính sách lập M.T.D.C. thống nhất của Đảng ta chủ trương là rất thích hợp và đã được khá nhiều thành tích tỏ rằng được các lớp nhân dân hoan nghênh. Tuy nhiên trong sự thực hành còn rất nhiều lầm lỗi. Mỗi cuộc thất bại là một dịp cho ta kinh nghiệm, coi những khẩu hiệu ta đề ra có được quảng đại quần chúng hiểu, công nhận và thực hành không. Nói chung, sự tuyên truyền vận động của ta từ trước đến giờ vẫn còn nhiều tính chất trừu tượng, nhiều di tích cô độc. Ví dụ như ta hô hào chống phát xít, và chiến tranh

[1] Mặt trận dân chủ (B.T).

mà ít chú ý đến những thủ đoạn tàn bạo của phát xít, những cảnh thảm khốc của chiến tranh phô bày trước mắt quần chúng; hay như ta kêu gọi quần chúng chống sinh hoạt đắt đỏ, chống tăng thuế, tăng tiền mướn phố, mà không chú ý mở những cuộc điều tra xác thực để gần gũi quần chúng để hiểu rõ nguyện vọng thiết tha của họ hơn. Nói riêng về cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt, chúng tôi thấy rằng ta quá thiên về cái nguy cơ phát xít Nhật mà ít nói tình cảnh các từng lớp dân chúng bị đế quốc, bị thế lực phản động thuộc địa áp bức, bóc lột; ta hô hào dân chúng chống xâm lược phát xít Nhật, điều đó đã đành là cần thiết nhưng ta lại cần chỉ rõ và kêu gọi quần chúng chống phản động thuộc địa để đòi các điều cải cách cần kíp. Cuộc thất bại tuyển cử vừa qua bắt buộc ta phải suy xét, phải củ soát lại mà nhìn nhận những khuyết điểm về phương sách vận động của ta.

Sự tuyên truyền chống phát xít Nhật lại sai lầm đến nỗi trong một vài bài cổ động chỉ thấy nêu lên chống Nhật mà không hề đả động đến cuộc tranh đấu chống phản động thuộc địa, đòi tự do và cải thiện sinh hoạt cho dân chúng. Ấy chính sự ứng dụng và giải thích sai lầm về chính sách của Đảng, ấy chính những ý kiến và xu hướng hữu khuynh ấy nó đã làm cho một số cử tri có tinh thần phản đế hiểu lầm, bị câu cực tả của bọn tờrốtkít lừa gạt. Nhiều bạn lại lộn xộn không hiểu rõ chính sách lập Mặt trận dân chủ của Đảng là *sự liên hiệp các lớp nhân dân các đảng phái tấn bộ để chống phát xít và chế độ thuộc địa phản động, là một hình thức đặc biệt của Mặt trận phản đế rộng rãi*. Vì không hiểu như thế nên anh Mai Thọ Châu đã viết trong Dân chúng số 66 rằng:

"Chỉ trong ba năm trời M.T.D.C chưa được phổ cập trong nhân dân, chưa ấn được tinh thần phản đế đã có hơn 70 năm nay".

Những sự giải thích chính sách Đảng như kiểu trên đây chỉ có thể phá hoại ảnh hưởng Đảng làm tai hại cho Đảng. Xin các đồng chí từ nay về sau trước khi muốn tuyên truyền chính sách của Đảng trên các báo sách phải có thảo luận với nhiều anh em đã.

3. Đừng khinh thường nạn tờrốtkít

Về cuộc thất bại tuyển cử vừa qua, ta còn cần vạch ra một nguyên nhân rất quan trọng, ấy chính là sự khinh thường nạn tờrốtkít, sự khinh thường này đã thành một cái bệnh ăn sâu trong đầu óc nhiều đồng chí ta. Chúng ta chẳng phải những kẻ thấy thất bại sơ sơ là đâm hoảng hốt bi quan, song ta phải có can đảm mở to mắt ra nhìn sự thật.

Bọn tờrốtkít, xét đến cốt tủy của chúng thì chúng chỉ gồm những cặn bã của phong trào nhóm họp nhau để chống cộng sản, chống cách mệnh, chia rẽ và phá hoại phong trào quần chúng. Nhưng vì chế độ áp bức bóc lột tàn nhẫn của bọn tư bản phản động, nhờ những câu "cách mệnh cực tả", nhờ che đậy bằng trăm nghìn mặt nạ nên bọn tờrốtkít có thể phỉnh phờ lừa gạt được một số trí thức tiểu tư sản, mà ngay cả một số thợ thuyền quá nóng nảy. Ở Nam Kỳ, đặc biệt ở Sài Gòn, Chợ Lớn chúng lại nhờ núp dưới bóng cờ cộng sản mấy năm trước mà kiếm được ít nhiều ảnh hưởng. Hiện giờ chúng đương hết sức luồn lỏi trong quần chúng, nhiều khi mạo nhận là cộng sản để chia rẽ. Đối với một kẻ thù hết sức nguy hiểm như thế, một vài bài báo vạch mặt nạ nó không đủ làm cho quần chúng nhận rõ. Cần phải thâm nhập vào các lớp dân chúng chú ý từng lời nói, từng hành động của bọn tờrốtkít để vạch những mưu mô khiêu khích của chúng ra, đặc biệt chú ý giao thiệp với anh em trí thức và thợ thuyền nghe lầm theo chúng. Nhận định rằng phần đông cử tri đã bỏ thăm cho chúng là vì cảm tình cá nhân, một số ít vì thái độ phản đối suông, nhận định như thế là tỏ ra khinh thường tờrốtkít. Sự thật vẫn có một số người vì cảm tình cá nhân mà bỏ thăm cho bọn Thâu, nhưng có một số đông vì bất bình chính sách phản động thuộc địa và vì lầm tờrốtkít là cách mệnh nên bầu cho chúng. Ý kiến của anh bạn nào (có lẽ là anh T.B.) trong bài *Kết quả lần tuyển cử thứ nhất* (*Dân chúng* số 59) nói: "Đa số cử tri đã phun nước miếng vào mặt chúng" (tờrốtkít ở quận nhì) đã biểu lộ rõ một sự tự mãn (suffisance), một xu hướng khinh thường nạn tờrốtkít.

Phạm vi bài này chỉ có thể nói được bấy nhiêu. Có dịp khác chúng tôi sẽ bàn tới cách tranh đấu để tẩy trừ con sâu độc tờrốtkít. Bây giờ ta bàn sang vấn đề: "*Không chủ trương đánh đổ một giai cấp nào, một đảng phái nào của người bản xứ*".

Không thể liên hiệp với các đảng phản động

Trước hết phải nói ngay rằng: chủ trương "không đánh đổ một giai cấp nào một đảng phái nào của người bản xứ" là ý kiến riêng của anh T.B., chứ không phải chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương như anh T.B. đã viết trong *Dân chúng* số 68. Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trong lúc này là: "*Liên hiệp hết các lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ tiến bộ, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, vào một Mặt trận dân chủ thống nhất, để chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hòa bình*". Hai ý kiến trên đây mới nghe thấy nói: một đằng "không đánh đổ giai cấp, đảng phái nào của người bản xứ", một đằng "không phân biệt giai cấp đảng phái" thì như tuồng giống nhau, nhưng sự thực khác nhau nhiều. Vì chủ trương của Đảng Cộng sản tuy "không phân biệt giai cấp, đảng phái" nhưng vẫn có giới hạn, có nguyên tắc rõ ràng, nó chỉ liên hiệp không phân biệt giữa những đảng phái cách mệnh hay cải lương, đứng trên lập trường một bản chương trình hành động tối thiểu tranh đấu chống phản động, chống phát xít. Không bao giờ Đảng chủ trương "liên hiệp hết các đảng phái người bản xứ, không phân biệt cải lương với phản động, mà chỉ kịch liệt công kích và đánh đổ những phần tử phản động thôi, vô luận thuộc về đảng phái nào, giai cấp nào", như bài của anh T.B. trong *Dân chúng* số 68 đã nói.

Chắc anh T.B. sẽ dựa vào câu trả lời anh T. hỏi: "Đảng Cộng sản Đông Dương có đi chung với Đảng Bảo hoàng của Phạm Lê Bổng không" mà cãi lại rằng anh đã tuyên bố: "trong lúc này chúng tôi thành thực liên hiệp với các đảng phái chính trị vô luận cách mạng hay cải lương, miễn là cách mạng phải thành thực cách mạng, cải lương phải thực lòng muốn cải cách". Phải, câu này thì đúng, nó hợp với chủ trương của Đảng Cộng sản. Nhưng khốn nỗi ở dưới

đó một chút anh T.B. lại viết luôn: "Chúng tôi không liên hiệp với những phần tử địa chủ, tư bản phản động, cũng như không liên hiệp với bọn giả danh cách mạng tờrốtkít". Ở chỗ khác anh T.B. lại viết: "Theo chủ trương của Đảng – không phải anh T.B. ạ, của anh đấy! – thì chỉ đánh đổ những phần tử phản động trong các đảng phái, trong các giai cấp, như vậy thì còn có một bộ phận lớn giai cấp đi với mình".

Rõ ràng là anh T.B. lộn xộn, không nhận rõ mối tương quan giữa *phần tử và đảng phái*, không nhận rõ *đảng phái* là một danh từ rộng hơn phần tử nên mới có chỗ anh viết: "Liên hiệp với đảng phái cách mạng hay cải lương", mà những chỗ khác anh lại viết: "Liên hiệp với các đảng phái của người bản xứ, chỉ trừ những phần tử phản động". Cái sai lầm của anh T.B. là không phân biệt *một đảng phái cải lương với một đảng phái phản động*, không biết nhận rõ rằng: *trong chính sách liên minh, chúng ta, những người cộng sản, chỉ có thể tùy theo hoàn cảnh mỗi lúc mà liên hiệp với những đảng phái cách mạng hay những đảng phái cải lương, tấn bộ ít nhiều, chớ còn với những đảng phản động thì không bao giờ có thể liên minh được*. Ở Pháp người cộng sản không thể liên minh với Đảng Hỏa thập tự, Đảng Doriot, Đảng Cagula (phát xít). Ở Đông Dương, người cộng sản cũng không có thể liên minh với những tổ chức phát xít, những tổ chức làm tay sai cho phát xít, cho phản động thuộc địa, dù của người Pháp hay người bản xứ!

CÁC ĐẢNG PHẢN ĐỘNG NGƯỜI BẢN XỨ LÀM TAY SAI CHO PHÁT XÍT VÀ ĐẾ QUỐC

Ở thuộc địa, vì hoàn cảnh đặc biệt nên phong trào phát xít, cách tổ chức phát xít phát triển theo những đường lối và hình thức khác, song ta chớ nên coi thường.

Căn cứ vào cái quan niệm: chế độ phát xít là một chế độ độc tài khủng bố của những phần tử phản động nhất, sô vanh nhất, đế quốc nhất của tư bản tài chính; chế độ phát xít phát triển trên cái nền tư sản dân chủ đã phá sản; chính bọn xã hội dân chủ đã dọn

đường cho phát xít lên cầm quyền… - thì cố nhiên ở xứ thuộc địa và bảo hộ không thể có một thứ phát xít như thế.

"Tuy vậy, ta không chối rằng trong nhiều xứ thuộc địa và bảo hộ, trong mấy năm gần đây, nhất là từ khi bọn phát xít lên cầm quyền ở Đức, cái phong trào gọi là phát xít đã phát triển lên" (Vương Minh trong bài *Báo cáo về Mặt trận thống nhất ở các xứ thuộc địa* đọc tại Hội nghị thứ bảy của Quốc tế Cộng sản).

Riêng ở Đông Dương, chúng ta đã thấy Đảng "trật tự xã hội" của bọn quan năm Sée và tên sát nhân Darles. Sở dĩ tổ chức của chúng còn sơ sài, hoạt động của chúng không kịch liệt, là vì hiện giờ chính sách thuộc địa và bộ máy cai trị đã phản động lắm rồi. Chúng ta lại đương thấy bọn phong kiến mục nát và những phần tử địa chủ, tư sản phản động nhất lăm le lập Đảng Bảo hoàng (hay có thể là một đảng gì đó) để làm tay sai cho đế quốc, xin tăng quyền cho bọn vua quan đàn áp phong trào dân chúng và cách mệnh.

Chính vì cái phong trào phát xít hay có thể gọi là phát xít không phải là không có ở xứ thuộc địa, cho nên đồng chí Vương Minh, cũng trong bài báo cáo đã nói trên, lại có nói:

"Chúng ta tuyệt nhiên không nên coi thường cái vai trò và sự quan trọng của phong trào phát xít tổ chức ở thuộc địa, vì đúng theo ý nghĩa các phần tử phản động nhất trong bọn địa chủ và tư bản ở các xứ thuộc địa và bảo hộ đang dùng cây cờ phát xít "thành mốt" để chống lại cách mệnh dân chúng và làm cho cái ách đế quốc lại càng nặng nề hơn đối với dân chúng và xứ sở".

MẶT TRẬN THỐNG NHẤT Ở BÊN TRÊN VÀ MẶT TRẬN THỐNG NHẤT Ở BÊN DƯỚI

Đối với những đảng phái có tính chất và chương trình ít nhiều cải cách, Đảng C.S.Đ.D.[(1)] chủ trương thống nhất hành động, nếu trong các đảng ấy có bọn lãnh tụ phản động thì công kích và đánh đổ bọn lãnh tụ ấy, nhưng vẫn tán thành liên minh với đảng ấy. Còn

[(1)] C.S.Đ.D.: Đảng Cộng sản Đông Dương (BT).

đối với bọn phản động làm tay sai cho đế quốc, cho phản động thuộc địa, *thì dù cho người ngoại quốc hay người bản xứ tổ chức*, Đảng C.S cũng chủ trương đánh đổ tất cả những đảng phản động ấy. Cố nhiên là Đảng Cộng sản Đ.D sẽ luôn luôn vạch rõ mặt nạ của những tổ chức phản động ấy để kéo những lớp nhân dân nào còn theo lầm ảnh hưởng chúng về phe M.T.D.C., cũng như Đảng Cộng sản Pháp chống Đảng Hỏa thập tự, đồng thời cố kéo lấy đám quần chúng lầm theo bọn De la Rocque. Đó là chính sách mặt trận thống nhất ở bên dưới, chớ không phải thống nhất dưới lẫn trên như đối với các đảng cải lương hay cách mệnh.

TRONG MỘT GIAI CẤP CÓ THỂ CÓ NHIỀU ĐẢNG

Anh T.B. lúng túng trong những chữ *phần tử* và *giai cấp*, lộn xộn giữa đảng phái cải lương và phản động, là vì anh không nhận rõ trong một giai cấp có nhiều tầng lớp và có thể có nhiều đảng phái chớ không nhất thiết chỉ có một đảng, nên anh mới chủ trương "không đánh đổ một đảng phái nào của người bản xứ" mà chỉ "đánh đổ những phần tử phản động", cho rằng như thế mới "còn một bộ phận lớn của giai cấp tư sản bản xứ đi với mình". Nhưng một đảng không nhất thiết đại biểu cho cả một giai cấp, mà nhiều khi nó chỉ đại diện cho một tầng lớp (*couche*) của giai cấp ấy. Vì thế ta có thể đồng thời đánh đổ đảng phái phản động của những phần tử đại địa chủ tư sản và liên minh với tất cả các đảng phái cải lương; và như vậy vẫn có thể kéo được một bộ phận lớn của tư sản bản xứ đi về phe M.T.D.C.

NGƯỜI CỘNG SẢN LÀ CHIẾN SĨ THỰC TẾ, NHƯNG KHÔNG PHẢI BỌN CHÍNH TRỊ CẬN THỊ

Có người bào chữa cho anh T.B. nói rằng: chủ trương của anh T.B. là chỉ căn cứ vào hiện tình các đảng phái ở Đông Dương trong lúc này, anh chưa có ý kiến đánh đổ đảng phái phản động của người bản xứ, vì hiện thời những đảng phái ấy chưa có. Nhưng sự bào chữa ấy không đứng vững, vì: 1) Hiện thời Đảng Bảo hoàng

do bọn phong kiến và những phần tử địa chủ tư bản bản xứ phản động nhất như Phạm Quỳnh, Phạm Lê Bổng vận động tuy chưa thành tổ chức đàng hoàng, song nó đương thành hình và bọn thủ mưu đương chạy sang Pháp luồn lọt cho các giới tư bản phản động để xin thêm ân huệ cho chúng để chúng làm tay sai cho đế quốc; 2) Người cộng sản chẳng bao giờ hô hào những chuyện cao xa viển vông cho sướng miệng, nhưng căn cứ vào sự thực, đồng thời nắm lấy sự đi tới (*le devenir*) của sự vật, hiểu thấu luật tiến hóa của xã hội. Chính sách lập M.T.D.C. không phải chỉ thực hành từ mấy năm vừa qua cho đến ngày hôm nay thôi, nó sẽ còn thực hành mấy năm nữa…, không ai có thể nhất định trước chờ đến khi tình thế thay đổi thì chiến sách sẽ thay đổi. Nhưng từ nay cho đến lúc ấy, những đảng phái phản động do người bản xứ tổ chức sẽ thành lập hẳn, vậy người cộng sản vận động M.T.D.C. phải có một thái độ chung đối với những đảng phái phản động ấy, mà cái thái độ ấy không thể là liên hiệp với hết thảy các đảng phái không phân biệt cải lương hay phản động như chủ trương của anh T.B.

CĂN CỨ VÀO HÀNH ĐỘNG ĐỂ XÉT ĐOÁN NGƯỜI CÁCH MỆNH

Còn có người muốn bào chữa cho anh T.B. lại nói: có lẽ anh viết không rõ ràng, chớ anh không hề nhận định có thể liên hiệp với đảng phản động đâu. Phải, tôi cũng có thể tin như thế, nhưng vì: 1) Xét một người cách mệnh cũng như một đảng chính trị, người ta chỉ căn cứ vào chương trình và hành động của họ, chớ ai có thể căn cứ vào những ý nghĩ không hề nói ra của họ; 2) Chủ trương sai lầm của anh T.B. không phải chỉ thấy trong đoạn này, nó đã biểu lộ trong suốt bài này và trong nhiều bài khác, ở nhiều dịp khác nó không phải là một sự sơ suất tình cờ, nó đã gần thành một xu hướng mà ta có thể gọi tên là *xu hướng thỏa hiệp, xu hướng hữu khuynh*. Vì vậy, lý lẽ bào chữa trên kia cũng không đứng vững được.

KHÔNG ĐÁNH ĐỔ CÁC GIAI CẤP BẢN XỨ TRONG GIAI ĐOẠN LẬP MẶT TRẬN DÂN CHỦ

Bây giờ bàn đến chủ trương "không đánh đổ giai cấp nào của người bản xứ". Anh T.B. đã viết trong *Dân chúng* số 68: "Nếu người C.S. Pháp mà ra khẩu hiệu: không chủ trương đánh đổ giai cấp nào của người bản xứ, thì đó là sai. Song người cộng sản xứ thuộc địa có thể đề ra câu ấy; trong hoàn cảnh này lại càng đúng". Ý kiến này của anh T.B. cũng lại có chỗ mù mờ. Đã hay rằng trong hoàn cảnh này (phát xít tấn công), ta phải chủ trương lập M.T.D.C. để dự bị điều kiện cho cách mệnh phản đế và thổ địa (tư sản dân chủ). Chủ trương không đánh đổ một giai cấp nào của người bản xứ là đúng *trong lúc này* và chỉ trong lúc này thôi. Còn nói theo luận điệu của anh T.B. như trên thì độc giả có thể hiểu lầm rằng trong hoàn cảnh này, chủ trương "không đánh đổ giai cấp bản xứ nào…" đã đúng, thì trong những hoàn cảnh khác (ví dụ như hoàn cảnh trực tiếp làm cách mệnh tư sản dân chủ chẳng hạn) cũng có thể đề ra câu ấy. Mà như thế là sai, vì trong thời kỳ làm tư sản dân chủ cách mệnh, tuy chưa đánh đổ giai cấp tư sản bản xứ, nhưng giai cấp địa chủ thì cần phải đánh đổ chứ? Có lẽ anh T.B. cũng nhận như chúng tôi, song những ý kiến và luận điệu của anh rất lờ mờ lộn xộn và vì vậy có thể là sai lầm nguy hại. Theo chúng tôi, đối với câu hỏi: "Có đánh đổ một giai cấp bản xứ nào không?", phải trả lời rõ như vầy: Chúng tôi là người cộng sản Đ.D., chúng tôi không giấu giếm mục đích cách mệnh mà chúng tôi theo đuổi, nghĩa là chúng tôi chủ trương làm cách mệnh tư sản dân chủ (phản đế và thổ địa) giải phóng dân tộc, thủ tiêu những di tích phong kiến và để tiến lên cách mệnh xã hội, thủ tiêu sự bóc lột tư bản và xây dựng xã hội chủ nghĩa, thực hiện cộng sản chủ nghĩa. Như thế nghĩa là trong bước quá trình cách mệnh ấy chúng tôi không những chủ trương đánh đổ một giai cấp, mà chúng tôi đánh đổ tất cả những giai cấp nào muốn duy trì chế độ người bóc lột người. Trong cuộc cách mệnh tư sản dân chủ chúng tôi đánh đổ đế quốc và phong kiến địa chủ; khi tiến lên chúng tôi đánh đổ giai cấp tư bản bóc lột.

Nhưng đứng trước hoàn cảnh hiện tại: phát xít tấn công, nguy cơ Nhật Bản hăm dọa, chính sách phản động nặng nề, chúng tôi chưa đánh đổ một giai cấp nào của người bản xứ, chỉ đánh đổ những phần tử và những đảng phái phản động; chúng tôi chủ trương thống nhất hành động của hết thảy các lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ để đòi tự do tấn bộ.

ĐỊA VỊ VÀ NĂNG LỰC CỦA CÁC ĐẢNG PHÁI VÀ LÃNH TỤ CẢI LƯƠNG

Muốn ứng dụng đúng và thắng lợi chính sách M.T.D.C., không phải chỉ đề lên mấy nguyên tắc chung như thế là đủ; cần phải lấy con mắt của người cách mệnh thực tế mà xét rõ địa vị và năng lực của các đảng phái và lãnh tụ cải lương ở Đông Dương.

Ta không thể đem những khái niệm "đảng phái", "lãnh tụ", "quần chúng" ở các xứ tư bản Âu - Mỹ mà đặt một cách máy móc vào hoàn cảnh Đông Dương. Ta phải biết phân tích tình hình theo mácxít, phải biết những điều kiện đặc biệt của Đông Dương. Ở các xứ tư bản, các đảng cải lương đã phát triển hàng mấy chục năm, có tập truyền và cội rễ sâu xa trong quần chúng, có hệ thống tổ chức và quy tắc đàng hoàng; còn ở Đông Dương, vì điều kiện phát triển của lịch sử, giai cấp tư sản bản xứ rất hèn yếu; các đảng phái của nó phần nhiều chỉ có tên, chớ còn sự hoạt động gần như không có gì, lại thường không có quy tắc rõ ràng; nếu như có một vài tay lãnh tụ cải lương được một số người hoan nghênh thì nhiều khi cũng chỉ vì cái tài ba cá nhân hoặc thái độ cứng cỏi ít nhiều của họ, chớ ít khi vì tập họp chung quanh một chương trình. Sự quan hệ giữa "lãnh tụ" cải lương và "quần chúng" theo họ đã mong manh như thế, cái vai tuồng của các đảng phái cải lương trong sinh hoạt chính trị trong xứ đã yếu ớt như thế, nên đứng về người chiến sĩ thực tế (réaliste), xét mối tương quan lực lượng các giai cấp để định chiến thuật cách mạng, tuy không khinh thường và xua đuổi mấy tay lãnh tụ cải lương, tuy vẫn tìm cách liên hiệp hành động với họ, song ta cũng đừng quá tôn trọng họ, quá tâng bốc họ một cách không đáng.

Cái cốt yếu của Mặt trận dân chủ là sự liên minh giữa các từng lớp nhân dân, chống phát xít, chống phản động. Câu nói này lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và càng hết sức đúng cho xứ Đông Dương là xứ mà các đảng phái cải lương đã vừa rất ít lại rất hèn yếu, M.T.D.C.Đ.D. thực hiện được hay không chỉ cốt yếu là do lực lượng tranh đấu của quần chúng. Đồng thời ta vẫn thành thực vận động khiến cho các đảng phái và các phần tử tư sản tự do vì quyền lợi của giai cấp họ và quyền lợi của dân tộc, mạnh dạn cùng đi với dân chúng đòi các điều cải cách cần kíp.

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐẢNG LẬP HIẾN

Nhiều người đã biết Đảng Lập hiến không có quy tắc, và tổ chức gì rõ rệt cả, mà chỉ đại biểu cho một xu hướng cải cách của tư sản và địa chủ. Lúc đầu nó được một bộ phận giai cấp tư sản và địa chủ ủng hộ mà cũng có một số quần chúng công, nông tiểu tư sản thành thị hoan nghênh, nhưng sau vì chủ trương quỵ lụy, đầu hàng đế quốc, vì thái độ hèn nhát và ích kỷ của bọn lãnh tụ nên dân chúng đã hết sức chán ghét, cả những từng lớp tư sản và địa chủ càng ngày càng mất tín nhiệm, vì đó bọn Chiêu, Liêm và Nhường, Liêng, Chín bị tẩy ra khỏi Hội đồng quản hạt trong kỳ mới rồi. Cái xu hướng cải cách của Đảng Lập hiến còn có thể có đôi chút trong những từng lớp tư sản địa chủ, song cái tên Đảng Lập hiến đã bị thiên hạ khinh khi, thậm chí những lãnh tụ lập hiến trước kia cũng đã từng theo con đường thỏa hiệp đầu hàng mà nay không theo hẳn hoặc ly khai bọn lãnh tụ phản động Chiêu, Liêm (như các ông Long, Khá, Sâm) cũng đều phủi tay, không nhận mình là lập hiến nữa. Đó là sự thực, chứ không phải chuyện trong đầu óc. Cho nên đối với Đảng Lập hiến cần phải nói rõ như thế cho quần chúng hiểu và cần phân biệt rõ như vậy.

1. Đánh đổ bọn lãnh tụ phản động Chiêu, Liêm và tất cả cái chủ trương, cái xu hướng lập hiến (theo kiểu Chiêu, Liêm) nghĩa là quỵ lụy đầu hàng đế quốc.

2. Đối với các tay lãnh tụ gần đây có đôi chút xu hướng đứng về phe cải lương tấn bộ (như Long), hoặc còn rất lừng chừng hèn nhát (như Khá) thì phải chỉ trích những sai lầm về trước và thái độ do dự, cô độc hiện thời của họ, thúc giục họ hãy hành động theo như những lời tuyên bố, để cho việc làm đi đôi với lời nói kéo họ về phe M.T.D.C.

3. Còn đối với các từng lớp địa chủ và tư sản bản xứ có xu hướng lập hiến hay nói chung, có xu hướng cải cách thì phải chỉ cho họ rõ thái độ phản động hoặc hèn nhát của bọn lãnh tụ, khuyến khích họ thống nhất hành động với các lớp nhân dân để đòi cải cách, vì chỉ có con đường ấy mới đòi được tự do bình đẳng. Con đường đầu hàng chỉ đưa đến phá sản và bị khinh khi.

CẦN PHÂN BIỆT BỌN PHẢN ĐỘNG VỚI BỌN CÔ ĐỘC HÈN NHÁT ĐỂ KÉO KẺ CÓ THỂ ĐỒNG MINH

Anh Tạo chủ trương không phân biệt bọn phản động với bọn hèn nhát, bọn đã làm tay sai cho đế quốc với bọn đang dụ dự, lừng chừng, tức là không biết lợi dụng những mâu thuẫn giữa phe địch, để kéo kẻ có thể đồng minh để thúc giục họ hành động chống kẻ thù nguy hiểm hơn hết, kẻ thù chung. Người cách mệnh mà không biết đi quanh co, không biết đi tìm kiếm đồng minh, lại xua đuổi trước những kẻ có thể đồng minh thì thật không phải kẻ lãnh đạo phong trào. Và đó chỉ là một xu hướng "tả khuynh" cô độc, không biết xông pha trong những đường núi gập ghềnh hiểm trở, không biết chèo chống trong những cơn phong ba bão táp. Chắc hẳn bạn Tạo cũng nhớ câu nói sau này của Lênin trong cuốn *Bệnh ấu trĩ của chủ nghĩa cộng sản*: "Lãnh đạo cuộc chiến tranh chống giai cấp tư bản quốc tế là cuộc chiến tranh trăm lần khó khăn hơn, lâu dài hơn, phức tạp hơn vô luận cuộc chiến tranh nào giữa các nước tư bản, mà từ chối trước không chịu đi quanh co, không biết lợi dụng (dù chỉ trong chốc lát) những mâu thuẫn về quyền lợi giữa quân thù mình, không chịu ký hiệp ước (dù chỉ tạm thời, không chắc chắn) với kẻ có thể đồng minh, như thế có phải là ngu xuẩn đến cực điểm không?"

NHƯNG CŨNG CẦN PHÂN BIỆT THÁI ĐỘ BỌN CẢI LƯƠNG LỪNG KHỪNG HÈN NHÁT VỚI CHỦ TRƯƠNG THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG ĐỂ KÉO QUẦN CHÚNG TRANH ĐẤU

Còn chủ trương như anh T.B. viết trong bài *Kết quả kỳ tuyển cử lần thứ nhất* (*D.C.* số 58)[1] chỉ vạch mặt nạ bọn lãnh tụ phản động Chiêu, Liêm và nói suông một câu rằng: "Cử tri đã bầu cho Khá, Thuận là tỏ ra giác ngộ đôi chút", mà sau đó không chỉ rõ cho quần chúng thấy thái độ cô độc, khiếp nhược của mấy người ấy, đem đối chiếu với chủ trương thống nhất hành động chống phát xít, chống phản động của người cộng sản để kêu gọi quần chúng công nông tiểu tư sản và các tầng lớp hữu sản bản xứ liên hiệp tranh đấu đòi tự do, cải cách chung cho cả dân tộc xứ sở, chủ trương như anh T.B. đó có tính chất và xu hướng thỏa hiệp hữu khuynh.

Chúng ta vận động thực hiện M.T.D.C. song không vì đó mà chúng hóa ra cải lương.

Chúng ta vẫn giữ độc lập về chính trị và tổ chức. Và như vậy chúng ta không thể để cho quần chúng lờ mờ lộn xộn, chúng ta phải giữ quyền lãnh đạo cho vô sản, kéo quần chúng ra tranh đấu, "khôn khéo liên lạc sự tuyên truyền chiến sách M.T.D.C., với chủ nghĩa Mác – Lê nin" như Đimitơrốp đã dặn.

Chỉ có như thế ta mới tranh đấu thực hiện được Mặt trận dân chủ, đòi được các quyền tự do dân chủ. Và cũng chỉ có như thế ta mới có thể đẩy cuộc vận động dân chúng tới xa hơn nữa, dự bị *một cách thực sự* lực lượng cho cách mệnh phát triển.

Đồng chí Đimitơrốp cũng đã dặn ta: trong khi liên minh với Đảng Xã hội, phải luôn luôn chỉ trích chủ nghĩa xã hội dân chủ hoạt đầu.

---

[1] Báo *Dân chúng* số 58 ra ngày 19-4-1939 không có bài trên. Tại báo *Dân chúng* số 59, ra ngày 21-4-1939 đăng bài *Kết quả tuyển cử thứ nhất tiêu biểu cho ý chí và trình độ giác ngộ của nhân dân,* không ghi bút danh, tại điểm 3 về "Trốtkít và lập hiến" có đoạn viết:… "Đấy các cử tri đã tỏ ra giác ngộ đôi chút". Tư liệu gốc lưu trữ tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (B.T).

Thật vậy, chỉ trích cũng có nhiều thứ: có thứ chỉ trích theo kiểu tờrốtkít, nghĩa là chửi rủa, vu cáo để phá hoại phong trào; nhưng cũng có thứ chỉ trích của người cách mạng tìm tòi những lầm lỗi của mình, nghiên cứu phương pháp để sửa đổi, để tiến lên; có thứ chỉ trích của người cách mạng vạch mặt nạ bọn phản động; có thứ chỉ trích thân mật những chỗ nhu nhược của bạn đồng minh; có thứ chỉ trích nghiêm khắc kẻ long lay, dụ dự để mong kéo họ về mình. Chúng ta không vu cáo như bọn tờrốtkít. Chúng ta không cãi vã những chuyện nhỏ nhen. Chúng ta là người cách mạng, chúng ta đứng về lợi ích về công cuộc của dân chúng mà chỉ trích những khuyết điểm, những chỗ lừng chừng hoặc hèn nhát để đẩy phong trào phát triển mạnh mẽ rộng rãi hơn.

Nhận như thế, ta không thể đồng ý với anh T.B. khen suông một câu rằng cử tri đã bầu cho Khá, Thuận là có phần cấp tiến. Ta cũng không thể hoàn toàn đồng ý với anh T.B. nói suông rằng Đông Dương Đại hội bị thất bại là vì bọn tờrốtkít chửi rủa chia rẽ. Vì đó mới chỉ là một nguyên nhân còn những nguyên nhân quan trọng nữa như chính sách đàn áp của đế quốc, thái độ hèn nhát của các phần tử cải lương cũng cần chỉ rõ ra. Và nhất là cần phải chỉ ra cái nguyên nhân hết sức quan trọng là: cuộc vận động dân chúng tuy bồng bột, nhưng chưa được sâu sắc, mạnh mẽ, cuộc thống nhất hành động của các lớp nhân dân chưa được gắn bó chặt chẽ, vì vậy, bọn phản động bóp nghẹt dễ dàng.

MUỐN THỰC HIỆN MẶT TRẬN DÂN CHỦ, PHẢI KHUẾCH TRƯƠNG CUỘC VẬN ĐỘNG CỦA DÂN CHÚNG

Phải, anh T.B. đã viết, chúng ta "không cố chấp những sai lầm hiềm thù đã qua, cũng không trông về tương lai lâu dài, mà chỉ xét hành động gần đây của các đảng phái, các cá nhân để quyết định sự trung lập hay hợp tác".

Nhưng cũng cần nói rõ: Mặt trận dân chủ thực hiện được hay không, điều cốt yếu không phải ở sự mưu mô ký kết o bế các đảng phái, các lãnh tụ của họ. Kinh nghiệm đã chỉ cho ta thấy rằng những sự ký kết trong phòng giấy đã dẫn tới nhiều sự phản bội nhơ nhuốc.

Chúng ta vẫn thiết tha kêu gọi các đảng phái thống nhất hành động. Nhưng chúng ta không bao giờ chỉ nhìn thấy có một vài đảng phái cải lương yếu ớt, không có quần chúng và có khi lại bị quần chúng chán chê nữa, chúng ta không bao giờ chỉ nhìn thấy mấy lãnh tụ phản động hay lung lay, mà phải nhìn đến cả đám quần chúng trong giai cấp hữu sản bản xứ nhìn đến tất cả các tầng lớp dân chúng. Mặt trận dân chủ cho được thực hiện, điều cốt yếu là phải thâu phục quảng đại quần chúng nhân dân, phải kéo các tầng lớp hữu sản bản xứ dù các "lãnh tụ" của họ theo hay không theo.

Mặt trận dân chủ phải thực hiện trong quá trình cuộc tranh đấu. Mỗi cuộc mít tinh, biểu tình, bãi công đòi tự do dân chủ và cải thiện sinh hoạt là một yếu tố xây đắp Mặt trận dân chủ. Những tổ chức quần chúng như ái hữu tương tế của thợ thuyền, nông dân, các hợp tác xã của tiểu thủ công, tiểu thương, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ đều là bộ phận khăng khít M.T.D.C là nền tảng để thực hiện M.T.D.C thống nhất.

Cho được thực hiện M.T.D.C rộng rãi, người cộng sản phải khuếch trương các tổ chức quần chúng, những tổ chức ấy phải rộng rãi để bao quát những đám quần chúng mênh mông hiện còn rời rạc, vô tổ chức. Cho được thực hiện M.T.D.C rộng rãi, người cộng sản phải lãnh đạo quần chúng tranh đấu mạnh mẽ để đòi cải cách, đồng thời để thúc giục mấy đảng phái nhân vật cải lương thống nhất hành động. Chủ trương o bế bọn lãnh tụ lừng chừng, kìm hãm bớt phong trào quần chúng, sợ phong trào mạnh mẽ làm cho bọn cải lương bỏ chạy, chủ trương ấy là theo đuôi bọn tư sản cải lương ấy là xu hướng hữu khuynh.

PHÂN BIỆT KẺ NGUY HIỂM NHIỀU VỚI KẺ NGUY HIỂM ÍT

Người cộng sản, khi đặt chiến thuật tranh đấu có thể và cần phải biết phân biệt kẻ nguy hiểm nhiều với kẻ nguy hiểm ít. Nhưng phân biệt như thế không phải để tâng bốc hay theo đuôi kẻ nguy hiểm ít để ôm ấp mãi mãi cái nguy hiểm ít (moindere mal) như bọn cải lương. Người cộng sản phân biệt nguy hiểm nhiều với nguy

hiểm ít là cốt lợi dụng với mâu thuẫn trong dinh lũy quân thù tập trung hết mũi nhọn chống kẻ nguy hiểm hơn hết để dự bị lực lượng cho cách mệnh. Vì phân biệt như thế, nên người cộng sản trong lúc này bênh vực tự do tư sản, chống phát xít, nhưng không phải để duy trì mãi chế độ tự do tư sản mà cốt *để mở rộng cuộc tranh đấu đặng thực hiện một chế độ hoàn toàn tự do*. Vì phân biệt như thế nên người cộng sản, trong lúc này tán thành liên minh với các đảng phái cải lương, nhưng không phải người cộng sản hóa theo cải lương mà *để kéo phe cải lương qua lập trường tranh đấu đòi tự do, tấn bộ để gây dựng điều kiện thuận tiện cho cách mạng phát triển.*

Ý kiến phân biệt bọn lập hiến nguy hiểm ít với bọn tờrốtkít nguy hiểm nhiều cần phải phát biểu cho rõ ràng và dè dặt; chớ còn nói như anh T.B. có thể làm cho độc giả hiểu lầm và lộn xộn. Tôi thiết tưởng nên phân biệt rõ như vầy: a) Xét về ảnh hưởng chung trong quần chúng, bọn lãnh tụ lập hiến rõ mặt phản động Khá, Chiêu, Liêm làm tay sai cho phản động thuộc địa có thể ít nguy hiểm hơn bọn tờrốtkít giả danh cách mệnh làm tay sai cho phát xít, vì bọn trước đã bị hoàn toàn lột mặt nạ còn bọn sau còn che đậy lừa gạt quần chúng được. Nhưng cả hai bọn phản động ấy ta đều phải đánh đổ, không thể ủng hộ bọn nào cả. b) Bọn lập hiến (hay nói chung bọn cải lương) cô độc, hèn nhát, ít nguy hiểm hơn bọn tờrốtkít tay sai cho phát xít, vì bọn trước tuy lung lay, hèn nhát, nhưng còn có ý muốn đòi hỏi cải cách, còn có đôi chút tính chất tấn bộ. Nhưng cũng phải kịch liệt chỉ trích thái độ khiếp nhược của họ và chỉ cho quần chúng (kể cả những đám hữu sản) thấy rõ chỉ có con đường tranh đấu dưới Mặt trận dân chủ thống nhất mới đòi được quyền lợi.

Sau nữa khi anh T.B. đem ứng dụng ý kiến của anh, anh lấy sự giác ngộ của mình làm sự giác ngộ của cử tri, cho rằng cử tri biết phân biệt lập hiến nguy hiểm ít với tờrốtkít nguy hiểm nhiều. Sự xét đoán ấy rất sai. Thật vậy, đứng về phương diện khách quan mà xét, thì bầu cho lập hiến hèn nhát có phần ít nguy hiểm hơn bầu cho tờrốtkít phản cách mệnh. Nhưng đứng về phương diện chủ quan

của cử tri thì một số đông những người đã bầu cho Thâu, Hùm có tinh thần phản đế nhiều hơn những người đã bầu cho Khá, Thuận, vì những cử tri đó quả thật đã lầm tưởng bọn tờrốtkít là cách mệnh, phản đế. Người cộng sản có bổn phận *nói sự thật với quần chúng, dẫn đường cho quần chúng chớ không phải theo đuôi họ hay phỉnh họ. Những chủ trương chính trị mà lấy ý kiến của mình làm ý muốn của quần chúng* như anh T.B. là rất sai lầm và nguy hiểm; nó làm cho Đảng xa quần chúng và có thể dẫn tới những thất bại nặng nề đau đớn.

KẾT LUẬN

Chính sách Mặt trận dân chủ của Đảng ta thi hành mấy năm nay đã có được ít nhiều thành tích: nó đã thực hiện từng phần ở Viện dân biểu Trung Kỳ, trong Ủy ban liên lạc giữa những người cộng sản với chi Đảng Xã hội Bắc Kỳ cùng các đoàn thể quần chúng; nó đã thực hiện trong các cuộc liên hiệp hành động để tổ chức ngày kỷ niệm lao động 1er Mai(1), kỷ niệm phản đối chiến tranh 1er Aout(2); quyên tiền giúp dân bị lụt, tổ chức chợ phiên giúp dân Tàu, kỷ niệm đại cách mệnh Pháp, v.v.; nó đã vang dội ảnh hưởng trong nhiều ban hội đồng; giữa Đại hội đồng kinh tế đến các Viện dân biểu Bắc Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng thành phố Hà Nội đã thấy có những tiếng nói nổi lên đòi cải cách.

Hẳn rằng, nó còn nhiều khuyết điểm, phong trào quần chúng chưa được thật rộng rãi, mạnh mẽ để thực hiện một Mặt trận dân chủ thống nhất bao gồm hết các lớp nhân dân, hết các đảng phái chống phản động, chống chiến tranh, đòi tự do, no ấm, an toàn, để thực hiện Mặt trận thống nhất liên hiệp cả các đảng phái ở bên trên lẫn các ủy ban quần chúng ở bên dưới theo như hình ảnh cuộc vận động Đông Dương Đại hội, nhưng sẽ rộng rãi mạnh mẽ, sâu sắc hơn.

Trong khi thực hành chiến sách mới, chúng ta đã gặp biết bao trở lực khó khăn, sức đàn áp của quân thù, những điều vu khống của bọn tờrốtkít khiêu khích, nhưng rốt cuộc chúng ta vẫn cứ tiến.

(1) Ngày 1-5 (B.T).
(2) Ngày 1-8 (B.T).

Chúng ta đã phải chiến thắng những xu hướng sai lầm trong hàng ngũ: xu hướng "tả khuynh", cô độc nó muốn làm cho Đảng co bé, rút hẹp bởi biệt phái, cách xa quần chúng, và xu hướng thỏa hiệp hữu khuynh, lung lay trước những tình hình nghiêm trọng nhãng quên hoặc che lấp sự tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, lăm le rời bỏ những nguyên tắc cách mệnh.

Cho được đảm bảo sự thực hiện Mặt trận dân chủ thống nhất, chúng ta cần tranh đấu tẩy trừ những xu hướng tả khuynh lẫn xu hướng hữu khuynh trong hàng ngũ.

- Thống nhất tư tưởng, thống nhất hành động!

- Củng cố hàng ngũ để chóng thực hiện sự thống nhất các lớp nhân dân!

TRÍ THÀNH

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng*, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.619-645..

ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM[1]

(Năm 1943 của T.Ư.)

CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Phạm vi vấn đề: Văn hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật.

2. Quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hóa của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc).

3. Thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hóa:

a) Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động.

b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa.

c) Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

LỊCH SỬ VÀ TÍNH CHẤT VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Các giai đoạn trong lịch sử văn hóa Việt Nam

a) Thời kỳ Quang Trung trở về trước: văn hóa Việt Nam có tính chất nửa phong kiến, nửa nô lệ, phụ thuộc vào văn hóa Trung Quốc.

b) Thời kỳ từ Quang Trung đến khi đế quốc Pháp xâm chiếm, văn hóa phong kiến có xu hướng tiểu tư sản.

c) Thời kỳ từ Pháp sang xâm chiếm đến nay: văn hóa nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa (chú ý phân biệt mấy giai đoạn trong thời kỳ này).

---

[1] Do đồng chí Trường Chinh khởi thảo.

2. Tính chất văn hóa Việt Nam hiện tại: văn hóa Việt Nam hiện nay về hình thức là thuộc địa, về nội dung là tiền tư bản.

Chiến tranh và xu trào văn hóa hiện nay: ảnh hưởng của văn hóa phát xít làm cho tính chất phong kiến, nô dịch trong văn hóa Việt Nam mạnh lên, nhưng đồng thời chịu ảnh hưởng của văn hóa tân dân chủ, xu trào văn hóa mới của Việt Nam đang cố vượt hết mọi trở lực để nảy nở (văn nghệ bất hợp pháp).

NGUY CƠ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM DƯỚI ÁCH PHÁT XÍT NHẬT - PHÁP

1. Những thủ đoạn phát xít trói buộc văn hóa và giết chết văn hóa Việt Nam:

a) Chính sách văn hóa của Pháp:

- Đàn áp các nhà văn hóa cách mạng dân chủ chống phát xít.

- Ra tài liệu tổ chức các cơ quan và các đoàn thể văn hóa để nhồi sọ.

- Kiểm duyệt rất ngặt những tài liệu văn hóa.

- Mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hóa.

- Mật thiết liên lạc với tôn giáo để truyền bá văn hóa trung cổ, văn hóa ngu dân, v.v..

- Tuyên truyền chủ nghĩa đầu hàng và chủ nghĩa ái quốc mù quáng và hẹp hòi (chauvinisme).

- Làm ra vẻ săn sóc đến trí dục, thể dục và đức dục cho dân.

b) Chính sách văn hóa của Nhật:

- Tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á.

- Gây ra một quan niệm cho người Nhật là cứu tinh của giống da vàng và văn hóa Nhật Bản chiếu rọi những tia sáng văn minh tiến bộ cho các giống nòi Đại Đông Á, v.v..

- Tìm hết cách phô trương và giới thiệu văn hóa Nhật Bản (triển lãm, diễn thuyết, đặt phòng du lịch, viện văn hóa, trao đổi du

học sinh, mời nghệ sĩ Đông Dương sang thăm nước Nhật, mở báo chí tuyên truyền, tổ chức ca kịch, chiếu bóng…).

- Đàn áp các nhà văn chống Nhật và mua chuộc các nhà văn có tài.

2. Tiền đồ văn hóa Việt Nam: hai ức thuyết:

- Nền văn hóa phát xít (văn hóa trung cổ và nô dịch hóa) thắng thì văn hóa dân tộc Việt Nam nghèo nàn thấp kém.

- Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa dân chủ thế giới. Hai ức thuyết, cái nào sẽ trở nên sự thực? Căn cứ vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay, cách mạng dân tộc Việt Nam nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên sự thực.

VẤN ĐỀ CÁCH MẠNG VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Quan niệm của người cộng sản về vấn đề cách mạng văn hóa:

a) Phải hoàn thành cách mạng văn hóa mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội.

b) Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

c) Cách mạng văn hóa có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hóa phải đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hóa đề ra bấy giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau).

2. Nền văn hóa mà cuộc cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa.

3. Cách mạng văn hóa Việt Nam và cách mạng dân tộc giải phóng:

a) Cách mạng văn hóa ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện phát triển.

b) Cách mạng dân tộc giải phóng Việt Nam chỉ có thể trong trường hợp may mắn nhất đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập dựng nên một nền văn hóa mới.

c) Phải tiến lên thực hiện cách mạng xã hội ở Đông Dương, gây dựng một nền văn hóa xã hội ở khắp Đông Dương.

4. Ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hóa nước Việt Nam trong giai đoạn này:

a) Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

b) Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c) Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá trớn của bọn tờrốtkít.

5. Tính chất của nền văn hóa mới Việt Nam: văn hóa mới Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chủ trương chưa phải là văn hóa xã hội chủ nghĩa hay văn hóa Xô viết (như văn hóa Liên Xô chẳng hạn).

Văn hóa mới Việt Nam là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Chính vì thế nó cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông Dương trong giai đoạn này.

NHIỆM VỤ CẦN KÍP CỦA NHỮNG NHÀ VĂN HÓA MÁCXÍT ĐÔNG DƯƠNG VÀ NHẤT LÀ NHỮNG NHÀ VĂN HÓA MÁCXÍT VIỆT NAM

I- Mục đích trước mắt

- Chống lại văn hóa phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hóa ngu dân và phỉnh dân.

- Phát huy văn hóa tân dân chủ Đông Dương.

II- Công việc phải làm

a) Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á, có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta: triết học Khổng, Mạnh, Đềcác (Descartes), Bécsông (Bergson), Căng (Kant), Nítsơ (Niesche), v.v. ; làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng.

b) Tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng, v.v.) làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng.

c) Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết:

1- Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói;

2- Ấn định mẹo văn ta;

3- Cải cách chữ quốc ngữ, v.v..

III- Cách vận động

a) Lợi dụng tất cả khả năng công khai và bán công khai để :

1- Tuyên truyền và xuất bản.

2- Tổ chức các nhà văn.

3- Tranh đấu giành quyền lợi thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, v.v.

4- Chống nạn mù chữ, v.v..

b) Phối hợp mật thiết phương pháp bí mật và công khai thống nhất mọi hoạt động văn hóa tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mácxít.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng*, *Toàn tập*,
Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.316-321.

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG MIỀN NAM[1]

Tháng 8 năm 1956

(Trích)

Trong hai năm đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập dân chủ, nhân dân miền Nam đã biểu lộ rõ ràng lòng thiết tha yêu nước và ý chí kiên cường của người Việt Nam. Đồng thời hai năm qua cũng làm cho nhân dân miền Nam thấy rõ âm mưu thâm độc của đế quốc xâm lược Mỹ và tội ác phản bội bán nước của bọn Ngô Đình Diệm.

Ngày 20-7-1956, ngày mà theo Hiệp định đình chiến ký kết tại Hội nghị Giơnevơ phải có tổng tuyển cử tự do toàn quốc để thống nhất đất nước Việt Nam, đã không thực hiện được.

Lý do là bọn đế quốc xâm lược Mỹ và phong kiến độc tài Ngô Đình Diệm đã tìm mọi cách để phá hoại, không chịu thi hành hiệp định, để mong chia sẻ lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ để gây lại chiến tranh, mong cướp đoạt giang sơn, Tổ quốc của chúng ta.

Nhân dân Việt Nam đã chiến thắng bọn đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ sau chín năm kháng chiến anh dũng, đã bắt buộc các đế quốc trong Hội nghị Giơnevơ thừa nhận quyền độc lập dân tộc và lãnh thổ toàn vẹn của đất nước ta, nhất định không để cho bọn đế quốc phong kiến gây lại chiến tranh, nhất định không để cho chúng kéo dài sự chia xẻ đất nước ta, kéo dài chế độ đế quốc phong kiến tàn ác của chúng trên đất miền Nam yêu quý của chúng ta.

A- BA NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA TOÀN QUỐC HIỆN NAY

Để đối phó với tình hình do Mỹ - Diệm gây nên, để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, để giải phóng nhân dân miền Nam ra

[1] Do đồng chí Lê Duẩn khởi thảo.

khỏi ách đế quốc phong kiến, Trung ương Đảng đã nêu ra ba nhiệm vụ chính làm đường lối chung cho toàn bộ công tác cách mạng hiện nay của toàn quốc.

Ba nhiệm vụ ấy là:

1. Củng cố thật vững chắc miền Bắc,

2. Đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam,

3. Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, dân chủ, độc lập dân tộc trên thế giới.

Vì sao phải củng cố thật vững chắc miền Bắc?

Vì miền Bắc là một nửa nước đã hoàn toàn giải phóng khỏi ách đế quốc phong kiến, đã có chính quyền độc lập và dân chủ của nhân dân, miền bắc độc lập dân chủ là sự nghiệp thắng lợi của cách mạng, do toàn dân từ Bắc chí Nam đã chiến đấu anh dũng trong chín năm với đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ; miền Bắc hiện nay phải là cơ sở thật vững mạnh của toàn quốc để làm hậu thuẫn cho phong trào cách mạng giải phóng miền Nam.

Vì vậy phải củng cố thật vững chắc miền Bắc.

Tại sao phải đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam?

Vì miền Nam hiện nay còn ở dưới ách thống trị của đế quốc phong kiến. Bọn đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm đương dùng chính sách độc tài phát xít của đế quốc thống trị, giai cấp thống trị để chiếm cứ miền Nam, đương phá hoại hòa bình, thống nhất đất nước ta, đương áp bức bóc lột nhân dân ta, đương âm mưu gây lại chiến tranh, mong xâm chiếm cả Tổ quốc ta. Để chống lại Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác.

Vì vậy phải đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam.

Tại sao phải tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình dân chủ độc lập dân tộc trên thế giới?

Vì sự nghiệp giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ của chúng ta hiện nay là một bộ phận của phong trào nhân dân tiến bộ trên thế giới, đương tranh đấu thực hiện hòa bình dân chủ, độc lập dân tộc chung cho cả nhân loại; vì sự nghiệp hòa bình thống nhất đất nước ta là hợp pháp lý mà Hội nghị quốc tế Giơnevơ đã thừa nhận, cho nên mọi hành động chống lại hòa bình, thống nhất đất nước ta, đều là phi pháp, đều bị nhân dân thế giới lên án. Cho nên ta nắm lấy chính nghĩa, ta nắm lấy pháp lý để chống lại Mỹ - Diệm, tức nhiên được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới. Do đó mà ta được thêm sức mạnh, địch sẽ bị cô lập và yếu thế, ta có thêm điều kiện thuận lợi để thắng dịch, để hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn dân tộc ta.

Đó là ba nhiệm vụ của toàn bộ đường lối cách mạng của toàn thể nhân dân toàn quốc ta hiện nay. Ba nhiệm vụ ấy không thể tách rời nhau được, ba nhiệm vụ ấy liên quan mật thiết với nhau. Có làm tròn ba nhiệm vụ ấy, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân ta mới đi đến thành công.

Toàn thể Đảng bộ Nam Bộ cũng như toàn thể nhân dân Nam Bộ cần phải nhận rõ đường lối cách mạng chung ấy của toàn quốc.

Để làm tròn nhiệm vụ của mình, Đảng bộ Nam Bộ phải nắm vững đường lối cách mạng miền Nam để giữ gìn và đẩy mạnh phong trào cách mạng tiến lên.

B- MỤC ĐÍCH, VỊ TRÍ VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Phong trào cách mạng miền Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng chung của toàn quốc. Công tác đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam là để thực hiện một nhiệm vụ trong ba nhiệm vụ chiến lược chung của toàn quốc để nhằm thực hiện mục đích chung của toàn quốc là: giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ chung cho cả toàn quốc.

Vị trí của phong trào cách mạng miền Nam là cùng với toàn quốc tranh đấu thực hiện mục đích chung ấy của toàn quốc.

Nhưng nhân dân miền Nam hiện nay không những chỉ nằm trong cái cảnh đất nước bị chia xẻ, chiến tranh hăm dọa mà hằng ngày đương bị chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm áp bức bóc lột, tù tội chém giết ghê gớm, thợ thuyền đương ở trong cảnh chết đói, công ăn việc làm không có, nạn thất nghiệp nguy ngập không có lối ra, dân cày đương bị cướp đất tăng tô tăng thuế, bị ruồng bố, bị bắt lính, công thương nghiệp bị phá sản, v.v., nhân dân không có một chút quyền tự do dân chủ nào, chính sách khủng bố trả thù, tù tội, chém giết lan tràn khắp thôn quê đến thành thị.

Tình hình ấy nhất định thúc đẩy nhân dân miền Nam phải đứng lên đập tan chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm để tự cứu mình.

Vì vậy, mục đích cách mạng của miền Nam còn phải đánh đổ chính quyền độc tài, phát xít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc phong kiến độc tài phát xít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc.

Vì vậy, vị trí của phong trào cách mạng miền Nam không những là cùng với toàn quốc tranh đấu thực hiện mục đích chung của toàn quốc mà còn phải tranh đấu để thực hiện mục đích riêng của mình, tức là tranh đấu tự giải phóng ra khỏi chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm.

Hai mục đích ấy dính chặt với nhau làm một.

Vì chỉ trong quá trình tranh đấu của phong trào cách mạng chung của toàn quốc chống Mỹ - Diệm để thực hiện hòa bình thống nhất mới tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân miền Nam tranh đấu chống lại những chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm; và đồng thời cũng trong quá trình tranh đấu của phong trào cách mạng miền Nam chống lại chính sách đế quốc phong kiến của Mỹ - Diệm để tự giải phóng cho mình, mới tạo những điều kiện thuận lợi cho công cuộc tranh đấu hòa bình thống nhất đất nước.

Chúng ta phải nhận rằng: chính quyền miền Nam hiện nay không phải chỉ là một chính quyền của đế quốc phong kiến bại trận để lại, nó là một chính quyền thực dân kiểu mới của một đế quốc xâm lược đương muốn gây chiến tranh, là đế quốc Mỹ. Bọn đế quốc Mỹ mặc dù bị hết thất bại này qua thất bại khác, đương bị dần dần cô lập trên thế giới, mộng xâm lăng thế giới của chúng đã bị tan vỡ trước sức mạnh của phe xã hội dân chủ hòa bình trên thế giới, trước sự phát minh tiến triển của Liên Xô về nguyên tử và khinh khí để bảo vệ hòa bình, nhưng bọn tài phiệt của chúng vẫn đeo đuổi chính sách chiến tranh để mong giải quyết nguy cơ khủng hoảng của chúng.

Chính bọn đế quốc xâm lược muốn gây chiến tranh này đương cầm đầu bọn phong kiến Ngô Đình Diệm hiếu chiến, trả thù, sự cấu kết ấy đã phát sinh ra một chế độ độc tài phát xít tàn ác thâm độc.

Phong trào cách mạng miền Nam phải nhận rõ đối tượng của mình là đế quốc xâm lược phát xít Mỹ và phong kiến độc tài trả thù hiếu chiến Diệm. Chính quyền đế quốc phong kiến ấy đương hung hăng trả thù và muốn gây chiến, đương áp bức bóc lột tàn sát nhân dân ta. Nhân dân ta quyết không tha thứ chúng, nhất định sẽ đập tan âm mưu thâm độc của chúng, vì chính nghĩa là về ta, sức mạnh sẽ về phía ta, ở trong nước cũng như trên thế giới.

C- YÊU CẦU CỦA NHÂN DÂN VÀ MÂU THUẪN GIỮA NHÂN DÂN VÀ CHÍNH QUYỀN MỸ - DIỆM

1. Nguyện vọng hòa bình thống nhất và độc lập dân tộc

Nhân dân miền Nam cũng như nhân dân toàn quốc, sau 90 năm đấu tranh chống ách nô lệ và nhất là sau chín năm kháng chiến gian khổ anh dũng đã cùng với toàn quốc đem lại thắng lợi vĩ đại. Trong Hội nghị quốc tế Giơnevơ, các cường quốc và các nước liên can đã long trọng tuyên bố thừa nhận quyền độc lập dân tộc và lãnh thổ toàn vẹn của dân tộc Việt Nam, và đã quy định miền Bắc và miền Nam, sau khi tập kết quân đội để đình chiến, hai miền phải hiệp thương để thực hiện tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc, thống nhất đất nước.

Như vậy, nhân dân Việt Nam đã có điều kiện thực hiện hòa bình thống nhất để xây dựng nền độc lập dân chủ chung cho toàn quốc với tổng tuyển cử tự do trong cả nước.

Nhưng chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm ra sức phá hoại, đi ngược lại với yêu cầu, với nguyện vọng thiết tha ấy của nhân dân miền Nam, của cả dân tộc Việt Nam.

Sự mâu thuẫn ấy giữa nhân dân Việt Nam với chính quyền Mỹ - Diệm nhất định không thể tồn tại lâu dài được.

Nhất định nhân dân miền Nam phải đứng lên tranh đấu đập tan chính sách chia xẻ, gây chiến của đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm để thực hiện nguyện vọng của mình vì hòa bình, độc lập, thống nhất là yêu cầu bức thiết của nhân dân, nó là kết quả của biết bao gian nan, biết bao xương máu trong chín năm chiến đấu anh dũng của nhân dân, vì đó là cái lẽ sinh tồn tất nhiên của một dân tộc, không thể khác được.

2. Quyền tự do dân chủ và nguyện vọng bức thiết của nhân dân để đảm bảo tính mạng và tài sản, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Nhân dân miền Nam hiện nay đang ở dưới quyền thống trị độc tài phát xít đàn áp của Mỹ - Diệm. Chúng trơ tráo lừa bịp, ức hiếp nhân dân với những trò hề trưng cầu dân ý, bầu quốc hội, lập hiến pháp với khẩu hiệu trống rỗng: "trọng nhân phẩm con người – ban hành các quyền tự do dân chủ - cải cách điền địa – cải thiện đời sống cho nhân dân".

Nhưng sự thực, trong sự sinh sống hằng ngày cũng như trong pháp luật của chúng, nhân dân miền Nam đang nằm dưới những bàn tay rất đẫm máu của chúng.

Với chính sách quân phiệt, đồn lính đóng khắp nơi, mật thám giăng bủa tứ tung, luôn luôn ruồng bố đột kích, bắn giết nhân dân, coi tính mạng con người như cỏ rác, với chính sách ức hiếp, mua chuộc, lừa bịp, gian dối, hành hung, chúng đã biến bộ máy chính quyền từ trên xuống dưới là độc quyền của gia đình họ Ngô và đế quốc Mỹ.

Quân đội, công an, hành chính, quốc hội, ngôn luận đều do người của họ Ngô, thân thuộc và tay sai nắm giữ.

Chúng nắm cả độc quyền chính trị, quân sự và kinh tế.

Chúng muốn toàn thể nhân dân phải cúi đầu dưới ý muốn của gia đình họ Ngô và đế quốc Mỹ.

Nhân dân miền Nam phần lớn đã cầm súng đứng dậy, đã hy sinh tất cả trong chín năm kháng chiến gian khổ, anh dũng để cởi xiềng xích đế quốc phong kiến, nhân dân miền Nam có thể nào chịu cúi đầu dưới chính sách độc tài phát xít ghê tởm ấy của Mỹ - Diệm.

Nhất định không thể như vậy được.

Nhất định nhân dân miền Nam phải đứng dậy đòi quyền sống của mình.

Cuộc tranh đấu của nhân dân miền Nam chống lại chính quyền Mỹ - Diệm để đòi các quyền tự do dân chủ để đảm bảo tính mạng tài sản, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của mình, là việc tất nhiên phải có, không thể khác được.

Hơn nữa, hiện nay khắp thế giới, trong các nước thuộc địa và bán thuộc đia cũ đã giải phóng hay chưa, ý thức dân tộc và dân chủ đang được phát triển mạnh mẽ, đó là một sự kiện lịch sử khách quan đương tiến triển, do sự thắng lợi của phe xã hội và dân chủ, độc lập dân tộc trên thế giới.

Tình hình ấy càng xúi đẩy các từng lớp dân chủ miền Nam quyết tâm đứng dậy chống lại chính sách độc tài phát xít Mỹ - Diệm.

Sự mâu thuẫn ấy giữa nhân dân và chính quyền Mỹ - Diệm, nhất định không thể tồn tại được, nhân dân miền Nam nhất định tìm đủ mọi cách để giải quyết nó, để bảo vệ đời sống của mình.

3. Phải có công ăn việc làm, tiền lương đủ sống cho thợ thuyền; không được cướp giựt lại ruộng đất của dân cày, giảm tô, hạ thuế, hạ giá sinh hoạt, bảo vệ mở mang các ngành công thương nghiệp dân tộc là nguyện vọng thiết tha chung của nhân dân miền Nam để cải thiện đời sống cho nhân dân

Do chính sách kinh tế tài chính, tăng binh bị gây chiến tranh, do kế hoạch viện trợ Mỹ, do chế độ độc quyền phụ thuộc Mỹ, hàng ngoại hóa của phe Mỹ tràn ngập vào, hàng hóa trong nước cạnh tranh không lại, sản phẩm của nông dân bị ứ đọng mất giá không xuất cảng được; do chính sách thuế má nặng nề đập mạnh vào các thực phẩm cần thiết của đa số nhân dân như gạo, cá, thịt, mắm, vải, v.v., do chính sách lạm phát đồng bạc ngày càng mất giá, do chế độ đầu cơ tranh giành quyền lợi của các bọn có quyền thế, kết quả là công thương nghiệp trong nước bị phá sản không phát triển lên được, thợ thuyền thất nghiệp, đồng lương chết đói, dân cày phá sản mua mắc bán rẻ, thuế má nợ nần ngập đầu, nạn mắc mỏ nhảy lên vùn vụt, cảnh bần cùng đói khổ diễn ra khắp nơi.

Ở thôn quê, bọn địa chủ ngoan cố dựa vào chính quyền, tìm đủ mọi cách giành giựt, lấy lại đất đai của dân cày, đòi lại nợ nần cũ, ức hiếp dân cày đủ mặt.

Ở thành thị những tiếng kêu cứu về nạn thất nghiệp, vì nạn mắc mỏ đã vang lên, nỗi uất hận của các từng lớp nhân dân đương ngấm ngầm nổi dậy.

Tình hình điêu đứng của nhân dân do chính quyền đế quốc phong kiến của Mỹ - Diệm gây ra, nhất định không thể kéo dài được.

Hơn nữa, đời sống của nhân dân lao động miền Bắc ngày càng được cải thiện, thợ thuyền đã được đảm bảo cơm no áo ấm; dân cày đã có ruộng, công thương nghiệp dân tộc đương trên đà phát triển. Tình hình ấy càng thêm kích thích mạnh lòng uất hận và yêu nước của nhân dân miền Nam.

Nền kinh tế của các nước láng giềng trung lập như Cao Miên, Ai Lao, vị trí trung lập cũng đang tiến triển khả quan, càng làm cho các từng lớp nhân dân thấy rõ cái tai hại của chính sách gây chiến, vị trí lệ thuộc của chính quyền Mỹ - Diệm, làm cho nhân dân miền Nam càng quyết tâm chống Mỹ - Diệm.

Nguyện vọng tha thiết của nhân dân lao động thành thị là: có công ăn việc làm cho thợ thuyền, tiền lương đủ sống.

Nguyện vọng tha thiết của dân cày là: không được lấy ruộng đất đã tạm chia cho dân cày, phải để nguyên canh, không được tăng tô.

Nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân lao động là: hạ giá sinh hoạt bằng cách bỏ các thứ thuế đảm phụ quốc phòng, an ninh 4% và các thứ thuế chồng chất khác, giảm các thứ thuế và các món hàng cần thiết của nhân dân, chống nạn đầu cơ lạm phát.

Nguyện vọng của các nhà công thương nghiệp là: bảo vệ giúp đỡ các ngành công thương nghiệp dân tộc, xuất nhập cảng phải dựa trên quyền lợi của dân tộc, dựa trên sự bảo vệ công thương nghiệp trong xứ, trên ý thức xây dựng nền kinh tế thống nhất của dân tộc, trên sự bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước khác.

Chính sách kinh tế tài chính của chính quyền Mỹ - Diệm không những đi ngược lại với quyền lợi nguyện vọng của *nhân dân*, mà còn chống chọi gay gắt với nguyện vọng quyền lợi của mọi từng lớp nhân dân. Sự mâu thuẫn ấy nhất định không tồn tại được.

Nhân dân lao động nhất định không thể ngồi yên mà chịu cảnh chết đói chết khát.

Dân cày đã chín năm đổ máu để giành lại một ít quyền lợi sinh sống, nay nhất định cũng không thể để cho bọn Mỹ - Diệm cướp lại quyền lợi của họ. Các nhà tư sản cũng nhất định phải tranh thủ quyền sống của họ.

Một cuộc xung đột, đấu tranh gay gắt giữa các từng lớp nhân dân với chính quyền Mỹ - Diệm không thể tránh được.

Đường lối cách mạng của phong trào cách mạng miền Nam là phải giải quyết ba yêu cầu bức thiết ấy của nhân dân Việt Nam, giải quyết ba mâu thuẫn căn bản ấy giữa nhân dân Việt Nam với chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm.

Hòa bình thống nhất dân tộc, ban hành các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân, nhất là nhân dân lao động, là ba khẩu hiệu tranh đấu của toàn thể nhân dân miền Nam.

Giáo dục, tuyên truyền phổ biến rộng rãi ba khẩu hiệu ấy sâu rộng trong toàn thể nhân dân, là công tác hằng ngày của mọi người cách mạng.

Kịp thời, tùy hoàn cảnh cụ thể từng lúc từng địa phương, quyết tâm lãnh đạo quần chúng tranh đấu bảo vệ quyền lợi cho quần chúng, bảo vệ sinh mạng, tài sản, đòi tự do, đòi hòa bình, thống nhất đất nước là công tác thường xuyên của phong trào cách mạng, để giữ vững và phát triển phong trào đi đến thắng lợi.

Ba khẩu hiệu ấy là ba yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân. Nhưng không phải tất cả mọi người đều giác ngộ rõ ràng, đầy đủ sâu sắc nguyện vọng của mình. Cũng không phải mọi người đều quyết tâm đứng lên tranh đấu để thực hiện nguyện vọng của mình, nếu không có một sự giáo dục tuyên truyền sâu rộng, bền bỉ trong quần chúng nhân dân, nếu không biết phương pháp phát động tư tưởng quần chúng làm cho quần chúng tự bản thân thiết tha, quyết tâm tranh đấu để thực hiện những yêu cầu nguyện vọng của họ thì những khẩu hiệu ấy không thể biến thành những sức mạnh để đập tan chính quyền độc tài phát xít Mỹ - Diệm được.

D- HÌNH THỨC TRANH ĐẤU VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Đã nhận rõ mục đích và yêu cầu của phong trào cách mạng miền Nam, đã nhận rõ vị trí và đối tượng của phong trào, cần phải có đường lối phương pháp đấu tranh đúng mới phát triển được khả năng của cách mạng, mới đưa phong trào cách mạng đến thành công.

Để có đường lối, phương pháp tranh đấu đúng, chúng ta cần phải nhận rõ tình hình cụ thể trên thế giới và trong nước, chúng ta phải nhận rõ tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng hiện nay, với những khả năng phát triển của nó.

Tình hình thế giới hiện nay như thế nào?

Hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện nay đã lớn mạnh, bao gồm hàng ngàn triệu người từ Âu sang Á, với những nước rộng

lớn nhất và đông người nhất trên thế giới như Liên Xô và Trung Hoa. Thế giới không còn ở dưới độc quyền duy nhất của tư bản chủ nghĩa nữa, mà đã chia hẳn làm hai hệ thống song song tồn tại.

Phương thức sinh sản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đã hơn hẳn phương thức sinh sản của tư bản chủ nghĩa. Bằng chứng là Liên Xô trước kia là một nước kinh tế còn lạc hậu đã đứng bực nhất trong các nước Âu châu.

Với mục đích phát triển của kinh tế xã hội chủ nghĩa là phụng sự nhu cầu vật chất và tinh thần cho nhân dân, cho nên nó có tính chất hòa bình, dân chủ, tiến bộ, tương trợ lẫn nhau, cùng chung sống có lợi.

Tính chất hòa bình, dân chủ và tiến bộ của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phù hợp với sự yêu cầu và tiến hóa chung của nhân loại. Do đó phạm vi liên hệ của nó với các nước khác nhất là các nước mà nền kinh tế còn thấp kém, ngày càng mở rộng, và kết quả tạo ra một vùng hòa bình rộng lớn, bao gồm đại đa số trong nhân loại, như sự liên hệ của phe xã hội chủ nghĩa với Ấn Độ, Nam Dương, Diến Điện, Ai Cập, v.v..

Trái lại nền kinh tế của tư bản chủ nghĩa, với mục đích bóc lột nhân dân lao động trong nước chúng, chiếm đoạt lợi quyền của các nước nhỏ yếu, làm cho các nước nhỏ yếu đi vào con đường nghèo khổ, để lệ thuộc các nước nhỏ yếu vào tư bản chủ nghĩa để thu đoạt thật nhiều lợi tức kếch sù cho nhóm tư bản tài phiệt quốc tế, nhất là tư bản tài phiệt Mỹ. Với bản chất cướp được nhiều lợi tức và tranh giành quyền lợi lẫn nhau, các nước tư bản Anh, Pháp và Mỹ, nhất là đế quốc Mỹ đương tìm đủ cách để thôn tính các nước nhỏ yếu, gây chiến tranh và tranh giành lẫn nhau.

Tình hình ấy làm cho bọn đế quốc càng ngày càng bị cô lập trên thế giới, phạm vi ảnh hưởng của chúng ngày càng bị thu hẹp lại.

Một mặt khác, lực lượng chính trị của phong trào hòa bình dân chủ, độc lập dân tộc ngày càng phát triển rộng lớn, bao gồm hàng

ngàn triệu nhân dân khắp thế giới. Sự phát triển khí giới nguyên tử và khinh khí có thể giết người hàng loạt một cách ghê gớm, thì hiện nay không còn là độc quyền của đế quốc gây chiến nữa, mà Liên Xô, người đại biểu cho phong trào hòa bình trên thế giới lại có những phát minh về nguyên tử và khinh khí tiên tiến hơn đế quốc Mỹ.

Tình hình ấy làm cho bọn hiếu chiến như Mỹ, Anh phải thấy rằng nếu chúng mạo hiểm gây ra một cuộc chiến tranh thế giới thì chính chúng sẽ bị tiêu diệt trước nhất, do đó mà phong trào đòi hòa bình trong các nước đế quốc ấy cũng đương phát triển mạnh.

Gần đây trong cuộc tranh cử Tổng thống Mỹ, bọn Cộng hòa cầm quyền ở Mỹ hiện nay đã mua chuộc lòng dân đã nêu khẩu hiệu "hòa bình và thịnh vượng". Điều đó chứng minh rằng chính nhân dân của một nước hiếu chiến nhất là đế quốc Mỹ cũng đương mong muốn hòa bình.

Tình hình chung ấy cho ta thấy rằng: lực lượng hòa bình và dân chủ độc lập dân tộc trên thế giới đã nghiêng hẳn về hòa bình dân chủ. Do đó chúng ta có thể nhận định rằng thế giới hiện nay có thể duy trì hòa bình lâu dài được.

Nhưng một mặt khác, chúng ta cũng phải nhận rằng nền kinh tế đế quốc chủ nghĩa còn thì luôn luôn âm mưu gây chiến tranh vẫn còn, nguy cơ chiến tranh vẫn còn.

Căn cứ tình hình chung trên thế giới, Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Liên Xô đã đưa ra hai nhận định rất quan trọng là:

1. Tất cả các cuộc xung đột hiện nay trên thế giới đều có thể giải quyết bằng cách thương lượng hòa bình.

2. Phong trào cách mạng trong nhiều nước hiện nay có thể tiến triển hòa bình được (cố nhiên trong những nước mà giai cấp thống trị có một bộ máy quân sự cảnh sát mạnh đương dùng chính sách phát xít để đàn áp phong trào thì đảng cách mạng trong các nước ấy cần phải thấy rõ tình hình cụ thể của nước mình để có phương pháp đấu tranh thích hợp).

Căn cứ vào tình hình chung và sự nhận định ấy, chúng ta kết luận rằng, nếu trên thế giới hiện nay tất cả các cuộc xung đột đều có thể giải quyết bằng phương pháp thương lượng hòa bình được, thì việc thống nhất nước Việt Nam ta bằng phương pháp hòa bình có thể thực hiện được.

Vì quyền lợi và nguyện vọng hòa bình thống nhất đất nước ta là vì quyền lợi và nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân hai miền Bắc và Nam, nhân dân hai miền không có lý do gì mà gây chiến tranh, không có lý do gì mà kéo dài việc chia sẻ đất nước. Ngược lại, nhân dân cả hai miền đương càng ngày càng quyết tâm hành động chống lại âm mưu chia xẻ và gây chiến của Mỹ - Diệm để tạo những điều kiện thuận lợi đi đến hiệp thương, thương lượng giữa hai miền để hòa bình thống nhất đất nước.

Tình hình chia xẻ hiện nay chỉ là do Mỹ - Diệm độc đoán gây nên. Cho nên vấn đề căn bản là làm thế nào đập tan âm mưu chia xẻ và gây chiến ấy của Mỹ - Diệm.

Như trên kia đã nhận định, muốn chống Mỹ - Diệm, ngoài con đường cách mạng nhân dân miền Nam không có con đường nào khác.

Thế thì đường lối phương pháp đấu tranh của phong trào cách mạng miền Nam là đường lối phương pháp đấu tranh nào?

Nếu tình hình thế giới có thể duy trì hòa bình được, do tương quan lực lượng trên thế giới đã thay đổi có lợi cho phe hòa bình và dân chủ, nếu trong nhiều nước phong trào cách mạng có thể phát triển hòa bình được, thì phong trào cách mạng miền Nam cũng có thể phát triển theo đường lối hòa bình được.

Trước hết chúng ta cần nhận định: thế nào là phong trào cách mạng tranh đấu theo đường lối hòa bình?

Phong trào cách mạng tranh đấu theo đường lối hòa bình, nghĩa là phong trào ấy lấy lực lượng chính trị của nhân dân làm căn bản, không phải lực lượng vũ trang của nhân dân để tranh đấu với chính quyền hiện hữu, để đạt mục đích cách mạng của mình. Phong trào cách mạng tranh đấu theo đường lối hòa bình cũng khác với

phong trào cải lương ở chỗ phong trào cải lương thì căn bản dựa vào pháp luật, hiến pháp để tranh đấu, còn phong trào cách mạng thì dựa vào lực lượng cách mạng chính trị của quần chúng làm căn bản[1]. Một mặt khác nữa phong trào cách mạng tranh đấu để thực hiện mục đích cách mạng, còn phong trào cải lương tranh đấu với mục đích cải lương.

Thế thì với một chính quyền đế quốc phong kiến độc tài phát xít Mỹ - Diệm, đường lối tranh đấu chính trị hòa bình có khả năng đạt được mục đích không?

Chúng ta phải nhận rằng, tất cả sự nghiệp trong mỗi nước đều do nhân dân làm nên, đó là một quy luật nhất định, không thể khác được. Cho nên đường lối phong trào cách mạng phải đi đúng theo khuynh hướng nguyện vọng nhân dân thì mới phát động được phong trào cách mạng, thì cách mạng mới thành công được.

Nguyện vọng thiết tha của nhân dân miền Nam là giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước. Chúng ta phải thấy rõ nguyện vọng hòa bình ấy của nhân dân. Chính phong trào cách mạng miền Nam có thể phát động lên và đi đến thành công được căn bản là do ta nắm chặt ngọn cờ hòa bình hợp với lòng dân. Ngược lại, bọn Mỹ - Diệm đương dùng bạo lực, phát xít gây chiến tranh trái với lòng dân, nên nhất định chúng sẽ thất bại.

Với chính sách bạo lực, độc tài phát xít, Mỹ - Diệm có thể gây được một lực lượng mạnh để chống lại phong trào cách mạng, dập tắt phong trào cách mạng không?

Nhất định không thể được.

Căn bản là vì chế độ Mỹ - Diệm không dựa vào một lực lượng chính trị nào đáng kể trong nước, trái lại, hầu hết các từng lớp nhân dân đều chống lại chúng. Vì vậy, chính quyền Diệm không phải là một chính quyền mạnh. Nó chỉ là một chính quyền hèn yếu và

[1] Dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng làm căn bản không có nghĩa là không dựa vào pháp luật, hiến pháp. Trái lại phải biết triệt để lợi dụng pháp luật, hiến pháp có lợi cho nhân dân để đẩy mạnh phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân.

hung bạo. Tính chất hèn yếu và hung bạo của chính quyền Mỹ - Diệm không những không có một cơ sở quần chúng nào trong nước mà còn đương bị cô lập trên quốc tế. Sự tàn bạo của nó nhất định không thể làm lay chuyển được phong trào cách mạng, không thể tồn tại lâu dài được.

Bằng chứng là trong hai năm nay, khắp thôn quê không lúc nào ngớt tiếng súng đàn áp của Mỹ - Diệm, không ngày nào mà chúng không tàn sát những người yêu nước. Nhưng tinh thần cách mạng vững vàng, cơ sở cách mạng của nhân dân vẫn không bị lay chuyển.

Một khi mà toàn thể nhân dân đã quyết tâm bảo vệ cách mạng thì không có một sức tàn bạo nào có thể làm lay chuyển được.

Nhưng tại sao phong trào cách mạng hiện nay chưa phát triển mạnh lên?

Đây cũng là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nhất định.

Về khách quan của phong trào chúng ta thấy, sau chín năm tranh đấu vũ trang mạnh mẽ, phong trào nhân dân hiện nay nói chung, có tính chất tạm yên, là một trạng thái biến chuyển của phong trào từ hình thức bạo lực qua hình thức hòa bình. Nó có tính chất đứng dừng lại để rồi tiến lên. Với sự đàn áp bóc lột tàn nhẫn của Mỹ - Diệm, phong trào cách mạng của nhân dân nhất định sẽ nổi lên. Nhân dân miền Nam đã quen với máu lửa chín năm kháng chiến, những tàn bạo của Mỹ - Diệm không thể dẹp được tinh thần tranh đấu của nhân dân.

Một mặt khác, về chủ quan chúng ta phải nhận rằng: một số đông cán bộ, những người có trách nhiệm hướng dẫn phong trào cách mạng, vì sự biến chuyển của phương thức tranh đấu, vì tình hình công tác từ công khai qua bí mật, các đồng chí ta chưa nắm vững đường lối chính trị của Đảng, chưa nắm vững phương pháp tranh đấu chính trị, chưa đi đúng đường lối quần chúng nên đã hạn chế nhiều khả năng phát triển của phong trào.

Hiện nay, sở dĩ phong trào tranh đấu chính trị chưa phát triển đồng đều trong nhân dân một nguyên nhân chính khác là vì một số cán bộ và quần chúng chưa giác ngộ được rằng sức mạnh của lực lượng chính trị của nhân dân nhất định có thể đánh lui được sự tàn bạo áp bức bóc lột của Mỹ - Diệm, do đó mà còn có thái độ lừng chừng, không tin tưởng vào sức mạnh của lực lượng chính trị của mình.

Chúng ta cần phải nhận rằng, bất cứ phong trào cách mạng nào cũng có khi xuống, khi lên, bất cứ phong trào cách mạng nào cũng có lúc tuần tự tiến triển, có lúc bột khởi tiến triển. Căn bản là cán bộ phải thấy rõ tính chất phát triển của phong trào để lãnh đạo đúng mức quần chúng đấu tranh, làm thế nào cho quảng đại quần chúng quyết tâm tham gia phong trào, quyết tâm tranh đấu từ thấp đến cao, thì nhất định không thể có một lực lượng nào chống lại được với lòng quyết tâm của quảng đại quần chúng.

Phong trào tranh đấu chính trị trong hai năm qua ở thôn quê và thành thị, hoặc bằng hình thức này hoặc bằng hình thức khác, chứng minh rằng quần chúng có rất nhiều khả năng để tranh đấu chính trị với Mỹ - Diệm. Trong những cuộc tranh đấu ấy, nếu chúng ta nắm vững đường lối và phương pháp đấu tranh hơn, thì phong trào còn có thể tiến triển thuận lợi hơn cho cách mạng. Chính sách tàn bạo của Mỹ - Diệm rõ ràng không dập tắt được phong trào, không làm nhụt được ý chí đấu tranh của nhân dân.

Có người cho rằng: bọn Mỹ - Diệm dùng bạo lực hiện nay căn bản là để tàn sát những người lãnh đạo phong trào cách mạng, để tiêu diệt Đảng Cộng sản, Đảng Cộng sản bị bào mòn dần đi đến không còn khả năng lãnh đạo cách mạng; phong trào tranh đấu chính trị của quần chúng do đó không thể phát triển lên được.

Nhận định như vậy không đúng.

Những người cộng sản lãnh đạo phong trào cách mạng, quyết tâm hòa mình trong quần chúng, quyết tâm bảo vệ phụng sự quyền lợi quần chúng, quyết tâm đi đúng đường lối quần chúng, giữa

quần chúng và người cộng sản không còn có phân biệt gì nữa, thì làm thế nào bọn Mỹ - Diệm có thể tiêu diệt được những người lãnh đạo cách mạng? Vì bọn Mỹ - Diệm không thể nào tiêu diệt được quần chúng, cho nên chúng cũng không thể nào tiêu diệt được những cán bộ lãnh đạo phong trào quần chúng.

Sự thực, hơn 30 năm nay, đế quốc Pháp quyết tâm tiêu diệt cộng sản để tiêu diệt phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng phong trào cách mạng đã chiến thắng. Không phải những người cộng sản bị tiêu diệt, mà chính là bọn đế quốc Pháp đã bị tiêu diệt ở trên đất này.

Sự thực, hai năm nay Mỹ - Diệm quyết tâm tiêu diệt cộng sản ở miền Nam, nhưng phong trào cách mạng vẫn vững vàng, người cộng sản vẫn quyết tâm làm tròn nhiệm vụ của mình và nhất định phong trào cách mạng sẽ tiến lên tiêu diệt chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm, và cũng không phải những người cộng sản sẽ bị tiêu diệt mà chính là đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm sẽ bị tiêu diệt, cũng như đế quốc Pháp và phong kiến tay sai đã bị tiêu diệt.

Chúng ta tin tưởng rằng ý chí hòa bình và lực lượng hòa bình dân chủ độc lập dân tộc của nhân dân miền Nam sẽ đánh lui chính sách tàn bạo độc tài phát xít Mỹ - Diệm, sẽ tiến lên đập tan chính quyền đế quốc phong kiến Mỹ - Diệm.

Lấy nhân nghĩa để chiến thắng cường bạo là một truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Nguyện vọng hòa bình đã là nguyện vọng chung của nhân dân trên thế giới và trong nước, kể cả nhân dân miền Nam, thì đường lối tranh đấu của chúng ta cũng không thể ra ngoài đường lối hòa bình được.

Chính đường lối tranh đấu hòa bình ấy mới tạo được lực lượng chính trị mạnh mẽ để chiến thắng âm mưu gây chiến và chính sách tàn bạo của Mỹ - Diệm.

Đường lối cách mạng phải tuyệt đối tin tưởng vào khả năng của nhân dân, tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân.

Năng lực của nhân dân, sức mạnh của nhân dân và ý nguyện sinh tồn của nhân dân kết tinh trong yêu cầu bức thiết nhất của nhân dân là hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc, là có các quyền tự do dân chủ, là cải thiện đời sống của nhân dân.

Quá trình đấu tranh của nhân dân để thực hiện những nguyện vọng của nhân dân, là quá trình tập hợp lực lượng của nhân dân, là quá trình xây dựng phương tiện tranh đấu của nhân dân, là quá trình tự giải phóng của nhân dân về chính trị, kinh tế, văn hóa từ thấp đến cao, từ ít đến nhiều, từ những bước tuần tự đến bước nhảy vọt và cũng là quá trình lay chuyển của chính quyền phát xít đen tối của Mỹ - Diệm. Chính quyền ấy lay chuyển từng phần hay toàn thể là song song với lực lượng tương quan của phong trào, song song với tình hình phát triển cụ thể trong nước và ngoài nước, và nhất định nó phải lay chuyển đến tận gốc trong cái thế giằng co lâu dài phức tạp do phong trào cách mạng của nhân dân đòi hòa bình và dân chủ, chống lại chính sách gây chiến và phát xít của Mỹ - Diệm.

Chúng ta tin tưởng và sự thực cũng có thể cho phép chúng ta tin tưởng là hòa bình có thể thắng âm mưu gây chiến, thì chúng ta cũng có thể tin tưởng là dân chủ phải thắng phát xít. Nhận định rằng dưới chính quyền phát xít của Mỹ - Diệm không thể dùng lực lượng chính trị của nhân dân tranh đấu đòi thực hiện dân chủ được, cũng như cho rằng trước âm mưu gây chiến của Mỹ - Diệm không thể tranh đấu giữ gìn và thực hiện hòa bình được là những nhận định hoàn toàn sai lạc không có bằng cớ.

Đành rằng các quyền tự do dân chủ không thể tranh đấu dễ dàng mà có được. Trên lịch sử tranh đấu đòi các quyền tự do dân chủ của nhân dân trong các nước tư bản cũng không có một quyền tự do nào mà nhân dân tranh thủ được một cách dễ dàng. Tỷ như để giành quyền tranh đấu ngày 1-5 giai cấp thợ thuyền đã đổ biết bao nhiêu máu, đã phải giành đi giành lại biết bao lần mới thu được.

Thế thì việc khó khăn gian khổ để tranh thủ các quyền tự do dân chủ là một việc tất nhiên phải có, nhưng không phải khó khăn gian khổ mà không làm được.

Bọn Mỹ - Diệm đã từng hô hào phải Bắc tiến, phải gây chiến tranh, nhưng nay chúng phải nói đến hòa bình (mặc dù là chúng gian trá) nhưng đó cũng là một bước thụt lùi của chúng.

Tranh đấu đòi thực hiện ba yêu cầu của quần chúng là quá trình tất nhiên để tạo những phương tiện cần thiết để đánh đổ Mỹ - Diệm.

Có thể có nhiều hình thức để đánh đổ một chính quyền phản động mà sự sụp đổ của nó cũng phải trải qua nhiều giai đoạn, tùy theo tình hình cụ thể của quá trình tranh đấu giữa nhân dân và chính quyền phản động ấy, và tình hình cụ thể trong nước ấy(1).

Nhưng có một quy luật cho mọi chính quyền phải đổ là khi đa số nhân dân không thể sống với chính quyền ấy được nữa, khi mà đa số nhân dân quyết tâm, đánh đổ nó và tất nhiên, trong lúc đó chính quyền ấy cũng không tránh khỏi sự khủng hoảng nội bộ của nó về mọi mặt và nhất là về chính trị, do sự xung đột giữa nhân dân với nó, giữa nội bộ của nó với nó và tình hình thế giới không thuận tiện cho nó.

Chúng ta quyết tâm làm đúng đường lối của chúng ta, rồi sự phát triển của tình hình sẽ cho phép chúng ta làm.

Đế quốc chủ nghĩa và phong kiến đương đi vào con đường chết.

---

(1) Tỷ như do sự tranh đấu của nhân dân mà chính quyền ấy buộc phải thay đổi từng phần, như phải kêu gọi các phần tử tiến bộ dân chủ tham gia vào rồi do đó mà biến chuyển chính quyền của nó.

Cũng có thể quần chúng tranh đấu buộc phải bầu cử lại quốc hội, tổ chức lại chính phủ.

Cũng có thể những cuộc nổi dậy của một bộ phận chính quyền với nhân dân để đánh đổ chính quyền ấy.

Cũng có thể có cơ hội thuận tiện như cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 của ta, v.v..

Thắng lợi thuộc về sự nghiệp vinh quang thống nhất, độc lập của dân tộc ta, thuộc về cộng sản chủ nghĩa vĩ đại của chúng ta.

Chúng ta tin tưởng rằng chúng ta nhất định chiến thắng.

…

E- KẾT LUẬN

Để giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam phát triển, chúng ta cần phải đi đúng đường lối chính trị của Đảng, cần phải học tập kinh nghiệm lịch sử cách mạng của Đảng.

Căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử và sự cần thiết của phong trào cách mạng miền Nam hiện nay, chúng ta có thể nhận định rằng: muốn giữ vững và phát triển phong trào cách mạng miền Nam đến thành công, chúng ta phải làm tròn mấy nhiệm vụ sau đây:

1. Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và phát huy uy thế chính trị của Đảng sâu rộng trong quảng đại quần chúng.

2. Xây dựng khối công nông liên minh sâu rộng, vững chắc.

3. Xây dựng, phát triển một mặt trận dân tộc thật mạnh mẽ, rộng rãi. Tích cực phổ biến Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc trong các từng lớp nhân dân, ngay trong hàng ngũ địch.

4. Tích cực khai thác mâu thuẫn nội bộ địch, làm yếu địch, gây thêm lực lượng ta, cô lập địch.

Muốn cho phong trào cách mạng phát triển, tất cả đảng viên chúng ta cần thiết phải có một nhận thức tối thiểu về cơ sở lý luận cách mạng để hướng dẫn công tác hằng ngày của chúng ta.

Căn bản lý luận và kinh nghiệm trên đây là dựa vào thực tế cách mạng Việt Nam và cũng dựa trên phương thức cách mạng đúng đắn là "đẩy mạnh các lực lượng tích cực, tranh thủ các lực lượng trung gian, cô lập quân thù".

Phương thức ấy đối với phong trào cách mạng Việt Nam vẫn là phương châm chỉ đạo cho công tác cách mạng hiện tại của chúng ta. Với tình hình cụ thể miền Nam, chúng ta đặt vấn đề cô lập quân

thù một cách cụ thể hơn tức là: «đẩy mạnh các lực lượng tích cực, tranh thủ các lực lượng trung gian, phân hóa, tranh thủ và cô lập quân thù".

Có như vậy, chúng ta mới có điều kiện thuận lợi để thực hiện hòa bình thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong cả nước ta trong giai đoạn hiện tại.

Kinh nghiệm 15 năm vận động chính trị của Đảng từ năm 1930 đến 1945 cho chúng ta thấy rằng với lực lượng chính trị chúng ta có thể thực hiện mục đích cách mạng của ta.

Chúng ta nhận rằng: trong khi giải phóng quân của ta còn ít, còn ở trên Việt Bắc thì cả nước, từ Bắc chí Nam, quần chúng đã đứng dậy cướp chính quyền. Quần chúng ấy tức là lực lượng chính trị của Đảng ta đã động viên, tập hợp trong quá trình tranh đấu, từ những cuộc tranh đấu đòi từng cắc bạc, đồng lương cho thợ, cướp lại từng hột thóc cho nhân dân, đến những cuộc tranh đấu đòi những quyền dân chủ, giành giựt từng quyền lợi nhỏ nhất để ra báo chí, để đưa người vào viện dân biểu, hội đồng thành phố, v.v.. Với những thắng lợi từng bước ấy, chúng ta đã biết động viên giáo dục tổ chức quần chúng mà thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là kết quả tất nhiên của những phong trào ấy.

Chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa, đường lối công tác đấu tranh chính trị hiện nay nhất định có thể đem lại kết quả, có thể đạt được mục đích cách mạng của chúng ta. Lý luận cách mạng hiện tại trên thế giới đã chứng minh điều đó, kinh nghiệm cách mạng Việt Nam cũng đã chứng minh điều đó.

Ngày nay, chúng ta tiến hành phong trào đấu tranh chính trị với những điều kiện mới, tất nhiên có khó khăn mới. Nhưng chúng ta có thuận lợi mới là: lực lượng của chúng ta vững chắc ở miền Bắc; đồng bào miền Nam đã từng đấu tranh gian khổ, anh dũng, lòng yêu nước tràn ngập trong mọi từng lớp nhân dân, tình hình thế giới đang phát triển thuận lợi cho ta, kẻ thù của dân tộc ta ngày càng

suy yếu và cô lập, ta dựa trên một pháp lý vững chắc là Hiệp định Giơnevơ.

Chúng ta nhất định thắng vì chúng ta đi đúng với sự tiến hóa tất nhiên của dân tộc ta, của nhân loại.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương và Hồ Chủ tịch, với lòng quyết tâm chiến đấu của toàn thể đảng viên chúng ta, nhất định chúng ta sẽ làm tròn nhiệm vụ vinh quang của người cộng sản, đem lại hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ cho Tổ quốc yêu quý của chúng ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.17, tr.783-825.

ĐẠI HỘI LẦN THỨ VI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - BƯỚC ĐỔI MỚI QUAN TRỌNG[1]

Sau khi đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, hoàn thành sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, thực hiện thống nhất nước nhà, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam trong cả nước tiến vào giai đoạn cách mạng mới: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Trong sự nghiệp vĩ đại đó, Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam là cột mốc quan trọng.

Đón chào Đại hội lần thứ VI của Đảng, khắp đất nước đã dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi. Trong toàn Đảng và trong nhân dân đã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn thảo luận bản dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đã có trên một triệu ý kiến xây dựng. Nhiều kiến nghị xác đáng đã được tiếp nhận, góp phần làm cho Báo cáo Chính trị phong phú hơn và được bổ sung những quyết định đúng đắn, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay.

Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận định: năm năm qua là một giai đoạn đầy thử thách đối với Đảng và nhân dân Việt Nam. Cách mạng Việt Nam đã diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những thuận lợi cơ bản, những cũng có nhiều khó khăn phức tạp. Thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra, nhân dân Việt Nam đã anh dũng phấn đấu, khắc phục khó khăn, vượt qua trở ngại, đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, giành những thắng lợi to lớn trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

---

[1] Bài viết của đồng chí Nguyễn Văn Linh cho tạp chí *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội*, số ra tháng 5 năm 1987.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, cùng với sự tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Cộng hòa nhân dân Campuchia, với các nước anh em khác, việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước độc lập dân tộc, các lực lượng tiến bộ và hòa bình trên thế giới, tất cả những điều ấy đã tạo cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên.

Để đánh giá tình hình năm năm qua và thực trạng hiện nay, Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã vạch rõ cần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật". Khẳng định những thắng lợi đã đạt được, Đại hội đồng thời đã vạch rõ rằng tình hình kinh tế - xã hội đang có những khó khăn gay gắt: sản xuất tăng chậm; hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp; phân phối lưu thông có nhiều rối ren, những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được thu hẹp, có mặt gay gắt hơn; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố, đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn; những hiện tượng tiêu cực xảy ra ở nhiều nơi và có nơi nghiêm trọng.

Đại hội đã thẳng thắn phân tích những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng, kéo dài trong sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Đó là những sai lầm về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện. Khuynh hướng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩa và hành động giản đơn, nóng vội, là khuynh hướng buông lỏng trong quản lý kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng, không nắm vững và hành động theo đúng quy luật khách quan. Đó là những biểu hiện của tư tưởng tiểu tư sản vừa "tả khuynh", vừa "hữu khuynh". Những sai lầm và khuyết điểm trong lĩnh vực kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân.

Từ thực tiễn những năm qua, Đại hội đã rút ra những bài học kinh nghiệm quan trọng: Một, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng «lấy dân làm gốc», xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Hai, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Ba, phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới. Bốn, phải chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Từ sự phân tích tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế, Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Cách mạng Việt Nam tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt lên hàng đầu. Phải phấn đấu thực hiện mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Điều đó có nghĩa là: sản xuất phải đủ tiêu dùng và có tích lũy, bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Để thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu đó, Đại hội nhấn mạnh, điều quan trọng hàng đầu là phải đổi mới chính sách kinh tế, chính sách xã hội, nhằm phát huy vai trò làm chủ và nhiệt tình của người lao động, tạo nên phong trào quần chúng hăng hái thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để

phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đi đôi với xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra những nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội cho thời kỳ 1986-1990:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình lớn về lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Ba chương trình đó là sự cụ thể hóa bước đi và nội dung của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Trong các chương trình đó, nông nghiệp chiếm vị trí hàng đầu, là cơ sở thực hiện các chương trình khác. Công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng được xây dựng và phát triển trước hết nhằm phục vụ ba chương trình nói trên.

Dự kiến, khi kết thúc chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc thực hiện ba chương trình sẽ đem lại kết quả:

- Bảo đảm nhu cầu lương thực của xã hội và có dự trữ, đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm. Mức tiêu thụ lương thực, thực phẩm đủ để tái sản xuất sức lao động.

- Đáp ứng được những nhu cầu của nhân dân về những hàng tiêu dùng thiết yếu.

- Tạo được một số hàng xuất khẩu chủ lực, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu để đáp ứng phần lớn nhu cầu nhập khẩu vật tư, máy móc, phụ tùng và những hàng hóa cần thiết.

Ba chương trình mục tiêu là nội dung chủ yếu của kế hoạch năm năm 1986-1990. Dự kiến, khoảng 60% vốn đầu tư của Nhà nước được tập trung cho ba chương trình này. Cố gắng đến năm 1990 sản xuất 22-23 triệu tấn lương thực, bình quân mỗi năm trong năm năm đạt 20-20,5 triệu tấn, tăng 3-3,5 triệu tấn so với mức bình quân hằng năm trong năm năm trước. Cũng trong thời gian đó, nhịp độ tăng bình quân hằng năm của sản xuất hàng tiêu dùng lên 13-15%. Mức

xuất khẩu dự kiến tăng 70% so với năm năm trước, dựa vào các mặt hàng chính là nông sản và nông sản chế biến, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

Ba chương trình đó phải được cân đối giữa mục tiêu, phương tiện và biện pháp, phải được giải quyết đồng bộ cả về tổ chức sản xuất, khoa học – kỹ thuật và chính sách kinh tế.

Ba chương trình này định hướng cho việc sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lý, trước hết là bố trí lại cơ cấu sản xuất và điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư nhằm khai thác có hiệu quả khả năng lao động, đất đai và cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện có.

2. Thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách thường xuyên với những hình thức và bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa trên cả ba mặt chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối, làm cho kinh tế quốc doanh phát huy được vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể giữ vị trí quyết định trong nền kinh tế quốc dân. Đối với kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa và kinh tế tư bản tư nhân (tư bản nhỏ) trong một số ngành nghề thuộc khu vực sản xuất và dịch vụ thì thực hiện phương châm «sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn». Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, tổ chức những người lao động cá thể vào các hình thức làm ăn tập thể. Mở rộng nhiều hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế theo nguyên tắc cùng có lợi, bình đẳng trước pháp luật.

3. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Cơ chế mới lấy kế hoạch hóa làm trung tâm, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa – tiền tệ, quản lý bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu, kết hợp với biện pháp hành chính và giáo dục, thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thiết lập trật tự, kỷ cương trong mọi

lĩnh vực hoạt động kinh tế. Kiện toàn bộ máy quản lý, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, bảo đảm cho bộ máy tinh giản, vững mạnh và có hiệu lực, đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế mới.

Sử dụng đầy đủ và đúng đắn các đòn bẩy kinh tế trong kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, trên cơ sở kết hợp hài hòa lợi ích của xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động. Bảo đảm tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở, quyền làm chủ của các tập thể lao động. Bảo đảm hiệu lực quản lý tập trung thống nhất của Trung ương trong những vấn đề có tầm quan trọng đối với cả nước, đồng thời bảo đảm quyền chủ động của các cấp địa phương trong việc quản lý kinh tế, xã hội trên địa bàn lãnh thổ.

4. Phát huy mạnh mẽ vai trò động lực của khoa học – kỹ thuật. Kết hợp chặt chẽ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật; hướng mọi hoạt động của khoa học – kỹ thuật vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh, gắn chặt khoa học – kỹ thuật với sản xuất và đời sống. Phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, đồng thời đẩy mạnh phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học và kỹ thuật.

5. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, đưa nền kinh tế tham gia sâu rộng vào phân công lao động quốc tế, trước hết và chủ yếu là mở rộng quan hệ phân công, hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào và Campuchia, với các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu quả liên kết kinh tế với các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế. Tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

Trong toàn bộ công tác kinh tế đối ngoại, xuất khẩu được coi là mắt xích quan trọng nhất, nhờ đó có thể đẩy mạnh nhập khẩu đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của nền kinh tế quốc dân.

Đại hội lần thứ VI đã vạch rõ, các chính sách kinh tế phải thống nhất với chính sách xã hội. Chính sách xã hội nhằm phát huy mọi khả năng của con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất, phát huy mạnh mẽ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm tới, việc bảo đảm việc làm cho người lao động là một trong những nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng đầu. Đồng thời kiên quyết thực hiện kế hoạch hóa dân số, đưa tỷ lệ phát triển dân số từ 2,3% một năm hiện nay giảm xuống còn 1,7% vào năm 1990. Thực hiện công bằng xã hội, trước hết là áp dụng ngày càng rộng rãi nguyên tắc phân phối theo lao động. Xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật; bảo đảm an toàn xã hội, nhanh chóng khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Đảng vẫn không ngừng chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân, thực hiện từng bước chính sách bảo trợ xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng gia đình văn hóa mới, thực hiện tốt chính sách giai cấp và chính sách dân tộc được chú ý đúng với tầm quan trọng của chúng trong chính sách xã hội của Đảng.

Để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội của chặng đường đầu tiên, Đảng Cộng sản Việt Nam coi việc phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là một trong những động lực quan trọng nhất.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam chứng minh rằng: ở đâu và lúc nào nhân dân lao động có ý thức làm chủ và làm chủ thực sự, thì ở đó và lúc đó xuất hiện phong trào cách mạng. Việc phát huy vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội được đặt ra và thực hiện đúng ngay từ khi chuẩn bị và quyết định chủ trương, chính sách. Quyền làm chủ của nhân dân phải được thể chế hóa bằng pháp luật và tổ chức. Yêu cầu đặt ra là dân chủ đi đôi

với kỷ luật, quyền hạn và lợi ích đi đôi với trách nhiệm và nghĩa vụ. Từ thực tiễn phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chúng tôi rút ra kết luận: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra phải là nền nếp hằng ngày của xã hội mới, thể hiện chế độ mới do nhân dân lao động thực sự làm chủ.

Nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ xã hội thông qua Nhà nước của mình. Đó là Nhà nước do dân và vì dân, công cụ để thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước bằng pháp luật là một thể thống nhất. Phải xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp. Các cơ quan dân cử từ Quốc hội, Hội đồng Nhà nước đến Hội đồng nhân dân các cấp phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được Hiến pháp quy định, đặc biệt là tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Chấn chỉnh bộ máy nhà nước theo hướng tinh, gọn, có đủ năng lực thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể, giảm bớt các đầu mối trung gian, không can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ xã hội bằng Nhà nước là chủ yếu, đồng thời thông qua các đoàn thể của mình. Đại hội lần thứ VI đã đề ra nhiệm vụ củng cố và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, nhất là Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể,… Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng, hướng mạnh vào cơ sở; động viên, tổ chức các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và quản lý kinh tế, quản lý xã hội, bảo vệ quyền hợp pháp của công dân và thực hiện các nguyên tắc công bằng xã hội.

Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã đặc biệt chú ý đến việc xây dựng Đảng thực hiện ngang tầm một đảng cầm quyền

có trọng trách lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược. Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách lãnh đạo công tác.

Đại hội nhấn mạnh, Đảng phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng, tiếp thu những thành tựu lý luận, những kinh nghiệm mới phong phú của các đảng anh em, những kiến thức khoa học của thời đại. Phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết có hệ thống sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, rút ra những kết luận đúng đắn, khắc phục những quan niệm sai lầm hoặc lỗi thời.

Đại hội đề ra nhiệm vụ dân chủ hóa công tác cán bộ, tiến hành thường xuyên việc đánh giá, lựa chọn, bố trí, đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng qua học tập và hoạt động thực tiễn để có một đội ngũ cán bộ có đủ điều kiện chuẩn về phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý, chú ý trẻ hóa đội ngũ cán bộ và chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế tục. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, phát huy đầy đủ dân chủ, giữa vững kỷ cương, củng cố kỷ luật trong Đảng và bộ máy nhà nước, đi sâu, đi sát thực tiễn, gần gũi quần chúng.

Đại hội nhấn mạnh rằng, trong tư tưởng cũng như trong hành động phải triệt để chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức, chống chủ nghĩa cá nhân, địa vị và tư lợi, chủ nghĩa cục bộ địa phương, chống tham nhũng, chống đặc quyền, đặc lợi, phải nghiêm túc phê phán và xử lý nghiêm khắc tư tưởng và hành động chạy theo đồng tiền, tính ích kỷ, hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, xâm phạm lợi ích của nhân dân.

Đại hội cũng nhấn mạnh, Đảng phải chăm lo giữ gìn sự đoàn kết trong các cơ quan lãnh đạo của Đảng, tăng cường đoàn kết trong toàn Đảng. Sự đoàn kết, thống nhất phải thông qua nguyên tắc phê

bình và tự phê bình Bônsêvích. Trên cơ sở đó giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Đại hội đã giao cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng xúc tiến việc xây dựng Cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội và sẽ trình Đại hội lần thứ VII của Đảng.

Trong lĩnh vực đối ngoại, Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, vì sự nghiệp dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Đấu tranh giữ vững hòa bình ở Đông Dương, góp phần giữ gìn hòa bình ở Đông Nam Á, ở châu Á – Thái Bình Dương và trên thế giới, chống chính sách của các giới đế quốc chạy đua vũ trang và gây nguy cơ chiến tranh hạt nhân, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trước sau như một, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam coi việc tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của mình. Chúng tôi bày tỏ sự ủng hộ hoàn toàn chính sách đối ngoại và đối ngoại được thông qua tại Đại hội lần thứ XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô; phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, góp phần tăng cường sức mạnh và phát huy ảnh hưởng của cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Cuộc gặp gỡ giữa các Tổng Bí thư và Bí thư Thứ nhất các đảng thuộc các nước thành viên Hội đồng Tương trợ Kinh tế năm 1986 ở Mátxcơva đánh dấu một bước phát triển mới trong việc nâng cao trình độ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, phục vụ sự nghiệp đẩy nhanh tiến bộ của các nước anh em. Chúng tôi đặc biệt vui mừng về việc các đồng chí lãnh đạo các nước anh em đã khẳng định sự cần thiết đề ra một chương trình nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác và giúp đỡ của Hội đồng Tương trợ kinh tế đối với Việt Nam, Cuba và Mông Cổ phù hợp với đặc điểm của mỗi nước.

Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam nhận thức sâu sắc rằng: Phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, đoàn kết và tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, hợp tác toàn diện và giúp đỡ lẫn nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là quy luật sống còn và phát triển của cả ba dân tộc anh em.

Đảng chúng tôi tích cực góp phần tăng cường đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tăng cường sự hợp tác giữa các đảng anh em trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chúng tôi ủng hộ một cách nhất quán và triệt để phong trào đấu tranh giải phóng dân tôc của các dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, hoàn toàn tán thành những mục tiêu cao cả của Phong trào Không liên kết và làm hết sức mình để góp phần xứng đáng vào bước phát triển mới của phong trào.

Chúng tôi ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh anh dũng của giai cấp công nhân và nhân dân các nước tư bản phát triển, chống ách áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản độc quyền, vì hòa bình, dân chủ, việc làm và cải thiện mức sống.

Chúng tôi chủ trương chính sách cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau, ủng hộ những cố gắng không mệt mỏi của Liên Xô nhằm loại trừ vũ khí hạt nhân, thiết lập hệ thống an ninh quốc tế toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế và xã hội.

Chúng tôi đánh giá cao và hoàn toàn ủng hộ kế hoạch hòa bình toàn diện về châu Á – Thái Bình Dương của Liên Xô đưa ra tại Vlađivôxtốc, cũng như kế hoạch biến Ấn Độ Dương thành vùng biển hòa bình nêu trong Tuyên bố chung Liên Xô - Ấn Độ tháng 11 năm 1986.

Nhân dân Việt Nam không ngừng phấn đấu nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước Đông Nam Á; thiết lập quan hệ cùng tồn tại hòa bình, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác.

Trên tinh thần bình đẳng, bảo đảm độc lập, chủ quyền và tôn trọng lẫn nhau, Chính phủ và nhân dân Việt Nam sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu để giải quyết những vấn đề thuộc quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, bình thường hóa quan hệ và khôi phục tình hữu nghị giữa hai nước vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, thấm nhuần những tình cảm cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Đảng Cộng sản Việt Nam và toàn thể nhân dân Việt Nam tiếp tục giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, ra sức làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân thế giới. Những người cộng sản Việt Nam quyết xứng đáng ở vị trí hàng đầu của sự nghiệp cách mạng vẻ vang này.

Nguyễn Văn Linh: *Tuyển tập (1986 - 1998)*,
Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.112-125.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị Bộ Chính trị*, ngày 18 đến 21-3-1986, Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

2. *Bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị Bộ Chính trị*, ngày 18-5-1986, Tài liệu lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (1930-1954) - Sơ thảo*, 1995, tập 1.

4. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (1954-1975) - Sơ thảo*, 2000, tập 2.

5. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Vũng Tàu - Côn Đảo: *Nhà tù Côn Đảo 1862-1945*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN,1987.

6. *Báo cáo của Sở Cảnh sát Nam Kỳ (9-1938)*, dịch từ tiếng Pháp, phông lưu trữ Bộ Nội vụ.

7. Báo *Courrier d' Hai Phong*, ngày 24-4-1930.

8. Báo *Dân chúng*, số 67, ngày 23-5-1939.

9. Báo *Đông Pháp*, số 1385, ngày 17-5-1931.

10. Báo *Nhân Dân*, ngày 21-11-1975

11. Báo *Nhân Dân*, ngày 31-12-1981.

12. Báo *Nhân Dân*, ngày 5-5-1985.

13. Báo *Nhân Dân*, ngày 16-7-1986.

14. Báo *Nhân Dân*, ngày 26-7-1986.

15. Bảo tàng Cách mạng Việt Nam: *Báo Dân Chúng 1938-1939*, Nxb. Lao động, HN, 2000, tập 1.

16. Trần Bảo: *Hạt máu (Hồi ký)*, Nxb. Lao động, HN, 1973.

17. *Biên bản Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương,* Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

18. *Biên bản Hội nghị Trung ương 11,* Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

19. *Biên bản số 18 cuộc họp Ban Bí thư Phương Đông*, ngày 25-8-1930, Tài liệu tiếng Nga, lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

20. *Buổi đầu gieo hạt (Tập hồi ký)*, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

21. *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977.

22. *Chỉ thị* của Trung ương Cục miền Nam, ngày 18-3-1964, Tư liệu của Tiểu ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Ban Văn hóa - Tư tưởng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Trường Chinh: *Tâm Tâm xã là gì?* Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 134, 1970.

24. Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*, Nxb. Sự thật, HN, 1975, tập I.

25. Trường Chinh: *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*, Nxb. Sự thật, HN, 1972, tập II.

26. Trường Chinh: *Mấy vấn đề về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Sự thật, HN, 1985.

27. Trường Chinh: *Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại*, Nxb. Sự thật, HN, 1987.

28. *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975),* Nxb. Quân đội nhân dân, HN,1980.

29. Phan Diễn: *Đồng chí Trường Chinh với công cuộc đổi mới đất nước*, Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

30. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, HN, 1976, tập 1.

31. Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, HN, 1976, tập 4.

32. Lê Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa,* Nxb. Thanh niên, HN, 1980.

33. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, HN,1985.

34. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN,1993.

35. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV,* Nxb. Sự thật, HN,1977.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI,* Nxb. Sự thật, HN,1987.

37. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 1998, tập 1.

38. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 1998, tập 2.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 1999, tập 3.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 1999, tập 4.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002, tập 5.

42. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2000, tập 6.

43. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2000, tập 7.

44. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2000, tập 8.

45. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002, tập 15.

46. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002 tập 17.

47. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002, tập 18.

48. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002, tập 19.

49. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002, tập 20.

50. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2005, tập 24.

51. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2005, tập 34.

52. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2005, tập 36.

53. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2005, tập 39.

54. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2005, tập 40.

55. *Đi vô sản hóa*, Nxb, Thanh niên, HN, 1972.

56. *Điếu văn* do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Trường Chinh, ngày 5-10-1988, Báo *Nhân Dân*, ngày 6-10-1988.

57. *Điếu văn* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại Lễ truy điệu và di dời hài cốt đồng chí Trần Phú, Báo *Nhân Dân*, ngày 13-1-1999.

58. *Điếu văn* do đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng ban lễ tang, đọc tại lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Văn Linh, ngày 29-4-1998.

59. *Đồng chí Nguyễn Văn Linh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2001.

60. *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Tiểu sử tóm tắt)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Hà Bắc, 1973.

61. *Gia phả họ Nguyễn Phù Khê*.

62. Trần văn Giàu: *Giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958.

63. *Hà Huy Tập - Một số tác phẩm*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2006.

64. *Hà Huy Tập - Người cộng sản kiên cường, nhà lý luận xuất sắc (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2006.

65. *Hà Huy Tập - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2007.

66. Nguyễn Công Hòa: *Con đường sống duy nhất*, Nxb. Lao động, HN, 1978.

67. Nguyễn Văn Hoan*: Hồi ký*, Tài liệu viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

68. Phạm Văn Hảo: *Nguyễn Văn Cừ đã sống như thế đấy*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2007.

69. *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2006, tập 2.

70. *Hồ sơ cá nhân Đặng Xuân Khu* ở Nhà tù Sơn La, lưu tại Bảo tàng Sơn La.

71. *Hồ sơ mật*, số 193 của Công sứ Vinh do Marty gửi Khâm sứ Trung Kỳ, ngày 17-12-1926.

72. *Hồi ký* của Đào Xuân Mai và Trần Hữu Chương, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

73. *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Nxb. Khoa học xã hội, HN, 1991.

74. *Hồi ký* của đồng chí Võ Nghiêm, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

75. *Hồi tưởng của đồng chí Trường Chinh*, bản đánh máy, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

76. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ: *Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ*, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

77. *Kiến nghị của Nhóm Đông Dương*, ngày 24-11-1930, trong *Hồ sơ gia nhập Đảng Cộng sản toàn Nga (Bônsơvích) của Lítvinốp*, dịch từ tiếng Nga, lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng.

78. Đào Duy Kỳ: *Đồng chí Nguyễn Văn Cừ (Hồi ký)*, Tài liệu đánh máy, lưu tại Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh.

79. Vũ Kỳ: *Bác Hồ viết Di chúc*, Nxb. Sự thật, HN, 1989.

80. T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 1999.

81. *Lê Duẩn - Một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002.

82. *Lê Duẩn - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2007.

83. *Lê Duẩn với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002.

84. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1976, tập 41.

85. *Lê Hồng Phong - Người cộng sản kiên cường (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002.

86. *Lê Hồng Phong - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2007.

87. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, tập II.

88. *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1954-1975)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.

89. *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002.

90. *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930-1954)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.

91. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975),* Nxb. Quân đội nhân dân, HN, 1997, tập 1.

92. Nguyễn Văn Linh: *Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm*, Nxb. Sự thật, HN, 1985.

93. Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới để tiến lên*, Nxb. Sự thật, HN,1988.

94. Nguyễn Văn Linh: *Trả lời các nhà báo nước ngoài*, Nxb. Sự thật, HN, 1991.

95. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 1.

96. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 2.

97. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 3.

98. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 7.

99. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 10.

100. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 11.

101. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 12.

102. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2011, tập 15.

103. *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

104. *Nhân dân ta rất anh hùng (Hồi ký cách mạng)*, Nxb. Văn học, HN, 1960.

105. *Những sự kiện Lịch sử Đảng*, Nxb. Thông tin lý luận, HN, 1985, tập 3.

106. *Những người cộng sản trên quê hương Nghệ Tĩnh*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh xuất bản, 1978, tập 1.

107. *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002.

108. *Nguyễn Văn Cừ - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2007.

109. *Nguyễn Văn Linh - Hành trình cùng lịch sử*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

110. *Nguyễn Văn Linh - Nhà lãnh đạo kiên định và sáng tạo (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2003.

111. *Phát biểu* của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2 từ ngày 17-3 đến ngày 30-4-1980, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

112. *Phát biểu* của đồng chí Nguyễn Văn Linh tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh ở chiến trường B2, tháng 4-1982, Tài liêu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

113. Trần Phú: *Lý lịch tự thuật* ở Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô), Bản dịch tiếng Nga, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

114. *Tài liệu* lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

115. *Tài liệu* lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

116. Tạp chí *Quốc tế Cộng sản*, số 5-1932.

117. Tạp chí *Học tập*, năm 1960.

118. Tạp chí *Nghiên cứu Hán Nôm*, số 1-1985.

119. Tập san *Tuyên truyền* của Đảng, nhân kỷ niệm Đảng Cộng sản Đông Dương 20 tuổi (1930-1950).

120. Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb. Quân đội nhân dân, 1985.

121. *Theo đường cách mệnh (Hồi ký)*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Chi hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1970.

122. *Thư của đồng chí Trần Phú gửi Quốc tế Cộng sản*, ngày 17-4-1931, Bản chụp, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

123. *Tọa đàm lịch sử về các tổ chức tiền thân của Đảng*, Bản đánh máy lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

124. *Trần Phú - Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, một tấm gương bất diệt (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002.

125. *Trần Phú - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2007.

126. A.I. Trêrêmacốp: *Ghi chép của một số cố vấn quân sự ở Trung Quốc*, Mátxcơva, 1976.

127. Đặng Châu Tuệ: *Hồi ký*, Tài liệu viết tay, lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

128. *Trường Chinh người con của quê hương*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 1993.

129. *Trường Chinh - Một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2002.

130. *Trường Chinh - Tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 2007.

131. *Tư liệu* của Ban Văn hóa - Tư tưởng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Bản sao lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

132. *Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II*, 1980, Tài liệu lưu tại Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

133. *Văn kiện Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam*, Nxb. Lao động, HN, 1978.

134. Hoàng Quốc Việt: *Nhân dân ta rất anh hùng*, Nxb. Văn học, HN, 1976.

135. Đức Vượng: *Đồng chí Hà Huy Tập - Tổng Bí thư của Đảng (1936-1938)*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh xuất bản, 2000.

136. A.A. Xôcôlốp: *Quốc tế Cộng sản và Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, HN, 1999.

CÁC TỔNG BÍ THƯ
THẾ HỆ TIỀN BỐI CỦA ĐẢNG TA
(1930 - 1990)

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung
Giám đốc - Tổng biên tập:
TRẦN CHÍ ĐẠT

Chịu trách nhiệm bản thảo
Phó Giám đốc - Phó Tổng biên tập:
NGÔ THỊ MỸ HẠNH

Biên tập nội dung
NGUYỄN THỊ LÊ – NGUYỄN THỊ HẢO

Trình bày:
NGUYỄN TUẤN ĐẠT

Biên tập sách điện tử
NGUYỄN TIẾN PHÁT – BÙI HỮU LỘ

Thiết kế bìa
TRẦN HỒNG MINH

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 3662-2020/CXBIPH/4-129/TTTT
Số quyết định xuất bản: 168/QĐ-NXB TTTT ngày 17 tháng 10 năm 2021
Nộp lưu chiểu Quý I năm 2021
Mã ISBN: 978-604-80-4900-3

CÁC TỔNG BÍ THƯ
THẾ HỆ TIỀN BỐI CỦA ĐẢNG TA
(1930 - 1990)

ISBN: 978-604-80-4945-4

Giá: 180.000đ